**TUẦN 1**

Tiết 1: Văn bản**: CỔNG TRƯỜNG MỞ RA**

(Theo Lý Lan)

**A - MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :**

*1. Kiến thức :* Giúp HS :

- Cảm nhận và hiểu được những tình cảm thiêng liêng , đẹp đẽ của cha mẹ đối với con cái.

- Thấy được ý nghĩa lớn lao của nhà trường đối với cuộc đời mỗi con người .

- Tích hợp : Văn bản biểu cảm , văn bản nhật dụng , Câu ghép

*2. Kĩ năng :* đọc sáng tạo , tìm hiểu nghệ thuật biểu cảm .

*3. Thái độ :* HS hiểu được tình cảm của cha mẹ đối với con cái , có ý thức giữ gìn , nâng niu những tình cảm cao quý đó .

B - CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên : Soạn GA, nghiên cứu SGK và những tư liệu có liên quan, giới thiệu tập truyện “ Những tấm lòng cao cả ” của nhà văn Ý Ét - môn - đơ A - mi - xi.

- Đồ dùng : Tranh ảnh về ngày khai trường

2. Học sinh : Soạn bài

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1.Ổn định tổ chức :***

***2. Kiểm tra bài cũ :***

? Ở lớp 6 các em đã được học những văn bản nhật dụng nào?

(Động Phong Nha, Cầu Long Biên- Chứng nhân lịch sử ...)

***3. Bài mới :***

Ngày khai trường hàng năm đã trở thành ngày hội của toàn dân. Bởi ngày đó bắt đầu một năm học mới với bao mơ ước, bao điều mong đợi trước mắt các em. Không khí ngày khai trường thật náo nức với tuổi thơ của chúng ta. Còn các bậc làm cha làm mẹ thì sao ? Họ có những tâm trạng gì trong ngày ấy ? Bài Cổng trường mở ra mà chúng ta học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu được điều đó.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| ? Em hãy nêu xuất xứ của văn bản Cổng trường mở ra ?  GV : Hướng dẫn đọc : Giọng nhỏ nhẹ, thiết tha, chậm rãi.  GV đọc văn bản - HS đọc- GV nhận xét.  - Trong 10 chú thích, có từ nào là từ HV? Từ đó được giải nghĩa như thế nào? ( can đảm: có tinh thần mạnh mẽ, không sợ gian khổ, nguy hiểm, khó khăn )  ? Văn bản này thuộc kiểu văn bản gì ? Phương thức biểu đạt chính ?  GV: Hướng dẫn tóm tắt văn bản : Em hãy tóm tắt nội dung của văn bản Cổng trường mở ra bằng 1 vài câu ngắn gọn? (văn bản viết về cái gì ? việc gì ? )  - Truyện có những nhân vật nào ? Ai là nhân vật chính? ( người mẹ và đứa con- người mẹ là nhân vật chính ) - Vì sao?  ? Em có thể chia văn bản này thành mấy phần? ý của từng phần?  - HS đọc đoạn 1. Đoạn văn em vừa đọc diễn tả điều gì ?  ? Theo dõi phần đầu văn bản, em thấy người mẹ nghĩ đến con trong thời điểm nào ?  ? Đêm trước ngày khai trường tâm trạng của người mẹ và đứa con có gì khác nhau ? Điều đó được biểu hiện bằng những chi tiết nào trong bài ? (Con thanh thản, nhẹ nhàng, vô tư : Đêm nay con cũng có niềm vui háo hức. Giấc ngủ đến với con dễ dàng như uống 1 li sữa, ăn 1 cái kẹo.- Mẹ thao thức, hồi hộp, suy nghĩ triền miên : ... )  ?Em có nhận xét gì về tâm trạng của 2 mẹ con ?  (Đây là tâm trạng khác thường không giống nhau)  ? Để diễn tả được tâm trạng của 2 mẹ con, tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt nào ?  ? Theo em vì sao người mẹ lại trằn trọc không ngủ được ? ( Vừa trăn trở suy nghĩ về con , vừa bâng khuâng nhớ về ngày khai trường năm xưa của mình .  ? Chi tiết nào chứng tỏ ngày khai trường năm xưa đã để lại ấn tượng sâu đậm trong tâm hồn người mẹ ? ( Dấu ấn sâu đậm : Cứ nhắm mắt lại là dường như vang bên tai tiếng đọc bài trầm bổng : ‘‘Hằng năm cứ vào cuối thu ... Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp ” )  ? Trong đêm không ngủ, người mẹ đã làm gì cho con ?  ? Qua những việc làm đó em cảm nhận được điều gì về người mẹ ?  GV: Người mẹ nào mà chẳng yêu con, quên mình vì con, chỉ mong con khôn lớn thành đạt. Đó là đức hi sinh, là vẻ đẹp giản dị mà lớn lao của tình mẫu tử trong cách sống của người mẹ Việt Nam.  ? Trong đêm không ngủ người mẹ đã sống lại những kỉ niệm quá khứ nào ?  (ngày đầu tiên bà ngoại đưa mẹ đến trường)  ?Tìm những chi tiết nói về kỉ niệm quá khứ đó ?  ? Em có nhận xét gì về cách dùng từ của tác giả ? Tác dụng của cách dùng từ đó ? Những tình cảm quá khứ ấy đã nói lên được tình cảm sâu nặng nào của lòng mẹ ?  ( Nhớ thương bà ngoại và nhớ mái trường xưa )  ? Trong đêm không ngủ, người mẹ đã chăm sóc giấc ngủ của con, nhớ tới những kỷ niệm thân thương về bà ngoại và mái trường xưa. Tất cả những điều đó đã cho em hình dung về một người mẹ như thế nào ?  **Thảo luận :**  ? Có phải người mẹ đang nói trực tiếp với con không? hay người mẹ đang tâm sự với ai? ( Đang nói với chính mình ) – Cách viết này có tác dụng gì?  Gv : Qua tâm trạng của người mẹ trong bài văn chúng ta hiểu rằng người mẹ ấy nhớ những kỷ niệm xưa, không chỉ để sống lại tuổi thơ đẹp đẽ của mình mà còn muốn ghi vào lòng con những kỷ niệm đẹp ấy. Để rồi bất cứ 1 ngày nào đó trong đời, khi nhớ lại, lòng con lại rạo rực những cảm giác bâng khuâng, xao xuyến của ngày đầu tiên cắp sách tới trường .  ? Ngoài những cảm xúc tâm trạng ấy, trong đêm không ngủ người mẹ còn nghĩ đến điều gì ?  ? Câu văn nào trong bài nói lên tầm quan trọng của nhà trường đối với thế hệ trẻ ? ( ‘‘Ai cũng biết rằng mỗi sai lầm trong giáo dục sẽ ảnh hưởng đến cả 1 thế hệ mai sau và sai lầm 1 li có thể đưa thế hệ ấy đi chệch cả hàng dặm sau này.” )  ? Câu văn này có ý nghĩa gì ? Vì sao ? ( Không được phép sai lầm trong giáo dục. Vì giáo dục quyết định tương lai của đất nước )  **Thảo luận:**  ? Trong đoạn kết người mẹ đã nói với con : ‘‘Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là 1 thế giới kì diệu sẽ mở ra.’’ Em hiểu thế giới kì diệu đó là gì ? ( Tri thức, tình cảm, tư tưởng, đạo lí, tình bạn, tình thầy trò )  ? Câu nói này có ý nghĩa gì ?  GV: Một thế giới kì diệu mà nhà trường đã mở ra cho chúng ta là bao điều mới mẻ rộng lớn về tri thức văn hoá, tri thức cuộc sống, dạy dỗ bồi đắp cho chúng ta những tư tưởng, Tình cảm đẹp về đạo lí làm người, về tình bạn, tình thầy trò, về tấm lòng yêu thương con người để không ngừng vươn lên, để phát triển thể lực, phẩm chất toàn diện của con người, chuẩn bị cho ngày mai lập nghiệp.  ? Văn bản Cổng trường mở ra được biểu đạt bằng những phương thức nào? ? Phương thức nào là chính ? – Sự kết hợp này có tác dụng gì ?  ? Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật có gì đáng chú ý ?  ? Bài văn cho em hiểu thêm gì về người mẹ và nhà trường ? ( ghi nhớ- sgk-9 )  ? Văn bản này đã cho em bài học gì ?  - Quan sát tranh ( SGK) - Bức tranh minh họa cảnh gì ? Em hãy miêu tả lại cảnh đó? | **I . Đọc và tìm hiểu chung văn bản :**  1. Xuất xứ:  - Là văn bản nhật dụng viết về nhà trường.  - Đây là bài kí của tác giả Lý Lan trích từ báo “Yêu trẻ số 166 Thành phố Hồ Chí Minh 1.9.2000”  2. Đọc    3. Chú thích :(sgk)  4.Thể loại:Bút kí  - Kiểu văn bản :Nhật dụng  - Phương thức biểu đạt chính : biểu cảm  ( VB bộc lộ trực tiếp cảm xúc , suy nghĩ của người mẹ ...)  -Tóm tắt : Bài văn viết về tâm trạng của người mẹ trong đêm không ngủ trước ngày khai trường lần đầu tiên của con.  - Bố cục: 2 phần  + Từ đầu -> “...bước vào” : Nỗi lòng của mẹ  +Còn lại : Cảm nghĩ của mẹ về Giáo dục.  **II. Đọc -hiểu văn bản :**  ***1. Hình ảnh người mẹ trước ngày khai trường của con:***  - Đêm trước ngày con vào lớp 1.  \* Tâm trạng của mẹ :  - Mẹ không ngủ được  - Hôm nay mẹ không tập trung được vào việc gì cả.  - Mẹ lên giường trằn trọc.  - Mẹ tin đứa con của mẹ lớn rồi.  ->Tự sự kết hợp với miêu tả để biểu cảm - làm nổi rõ tâm trạng thao thức, hồi hộp, suy nghĩ triền miên của người mẹ.  \* Những việc làm của mẹ :  - Đắp mền, buông mùng, ém chăn cẩn thận, Lượm đồ chơi, nhìn con ngủ,xem lại những thứ đã chuẩn bị cho con.  ->Yêu thương con, hết lòng vì con  .  \* Kỉ niệm quá khứ :  - Nhớ sự nôn nao, hồi hộp khi cùng bà ngoại đi tới trường và nỗi chơi vơi hốt hoảng, khi cổng trường đóng lại.  -> Sử dụng một loạt từ láy gợi cảm xúc vừa phức tạp, vừa vui sướng, vừa lo sợ .  => Là người mẹ biết yêu thương người thân, biết ơn trường học, tin tưởng ở tương lai của con .  -> Dùng ngôn ngữ độc thoại.  Làm nổi bật tâm trạng, tình cảm và những điều sâu thẳm khó nói bằng những lời trực tiếp.  ***2 . Tầm quan trọng của giáo dục đối với thế hệ trẻ:***  ***-“ Bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra.”***  =>Khẳng định vai trò to lớn của giáo dục và tin tưởng ở sự nghiệp giáo dục của nước nhà.  **III.Tổng kết:**  1.Nghệ thuật:  - Kết hợp hài hoà giữa tự sự, miêu tả và biểu cảm làm nổi bật vẻ đẹp trong sáng, đôn hậu trong tâm hồn người mẹ .  - Miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật với nhiều hình thức khác nhau : miêu tả trực tiếp, miêu tả qua so sánh, miêu tả hồi ức, sử dụng ngôn ngữ độc thoại bộc lộ chất trữ tình.  2.Nội dung:  - Tấm lòng yêu thương sâu nặng của người mẹ đối với con  - Vai trò to lớn của nhà trường đối với con người.  - Chúng ta phải có trách nhiệm với gia đình và nhà trường .  **\* Luyện tập:**  - Hãy nhớ và viết thành đoạn văn về kỉ niệm đáng nhớ nhất trong ngày khai trường đầu tiên của mình ? |

***4.* *Củng cố, dặn dò* :** Học bài cũ và chuẩn bị bài : VB “ Mẹ tôi” .

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2: Văn bản **:** **MẸ TÔI**

***( Ét- môn-đô-đơ A-mi-xi)***

**A- MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS :

1. Kiến thức: Cảm nhận và hiểu được những tình cảm thiêng, đẹp đẽ của cha, mẹ đối với con cái.

- Khai thác nghệ thuật biểu cảm qua hình thức viết thư mang tính văn học .

- Tích hợp : VB “ Cổng trường mở ra” + Từ ghép + Liên kết trong văn bản

2. Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng cảm nhận tác phẩm

*3. Thái độ:* Giáo dục tình cảm kính yêu của con cái đối với cha mẹ.

**B- CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên : Soạn GA, giới thiệu tập truyện “ Những tấm lòng cao cả ”

2. Học sinh : Soạn bài

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra bài cũ****:*

? Bài học sâu sắc nhất mà em rút ra từ văn bản Cổng trường mở ra là gì ?

***3 Bài mới:***

Trong cuộc đời mỗi chúng ta, người mẹ có một vị trí và ý nghĩa hết sức lớn lao, thiêng liêng và cao cả . Nhưng không phải khi nào ta cũng ý thức hết được điều đó. Chỉ đến khi mắc những lỗi lầm, ta mới nhận ra tất cả. Văn bản “ Mẹ tôi”sẽ cho ta một bài học như thế.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| ? Em hãy giới thiệu 1 vài nét về tác giả?  ? Em hãy nêu xuất xuất xứ của văn bản Mẹ tôi ?  GV: Hướng dẫn đọc : Nhẹ nhàng, tha thiết, thể hiện được những tâm tư tình cảm buồn khổ của người cha trước lỗi lầm của con và sự trân trọng của ông với vợ mình. Khi đọc lời khuyên: Dứt khoát, mạnh mẽ thể hiện thái độ nghiêm khắc .  GV đọc - HS đọc - Nhận xét .  GV gọi hs đọc chú thích.  - Trong 10 điều chú thích, từ nào là từ láy, từ nào là từ Hán Việt ? ( Từ láy:3,4-Từ HV: những từ còn lại ) .  ?Ta có thể chia văn bản làm mấy phần ? Mỗi phần từ đâu đến đâu ? ý nghĩa của từng phần ?  Thảo luận :  ? Văn bản là 1 bức thư của người bố gửi cho con nhưng tại sao tác giả lại lấy nhan đề “Mẹ tôi” ? ( Nhan đề là của tác giả đặt cho đoạn trích . Tuy người mẹ không xuất hiện trực tiếp trong câu chuyện, nhưng lại là tiêu điểm mà các nhân vật và chi tiết đều hướng tới để làm sáng tỏ )  ? Theo dõi phần đầu văn bản , em thấy En ri cô đã mắc lỗi gì ?  ? Em có suy nghĩ gì về lỗi lầm của En ri cô  ? Tìm những chi tiết nói về thái độ của người bố đối với En ri cô ?  ? Để diễn tả được tâm trạng của người bố, tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt nào? Phương thức biểu cảm được diễn đạt thông qua những kiểu câu nào? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó?  ? Những chi tiết trên đã thể hiện được thái độ gì của người bố ?    ? Em có đồng tình với người bố không ?( hs tự bộc lộ )  ? Trong thư người bố đã gợi lại những việc làm, những tình cảm của mẹ dành cho En ri cô. Em hãy tìm những chi tiết, hình ảnh nói về người mẹ ?  ? Khi nói về hình ảnh người mẹ tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt nào? Phương thức đó có tác dụng gì ?  ? Qua lời kể của người cha, em cảm nhận được điều gì về người mẹ ?  GV : Người mẹ của En ri cô cũng như bao người mẹ khác trên thế gian này đã yêu thương, chăm sóc nuôi dạy con cái bằng tất cả tấm lòng, sức lực, sẵn sàng hi sinh tất cả hạnh phúc và cuộc sống của mình cho con cái. Tình mẫu tử của con người thật thiêng liêng, cao cả.  - Tiếp sau những lời ngợi ca về người mẹ, tác giả đã phân tích mối quan hệ ruột thịt, gắn bó sâu nặng giữa 2 mẹ con En ri cô (hs đọc đoạn văn 3,4-sgk-10 ).  ? Người bố đã khuyên En ri cô những gì ?  ? Em có nhận xét gì về cách sử dụng câu văn ở đoạn này ? Tác dụng của cách dùng đó ?  ? Qua bức thư, em thấy bố của En ri cô là người như thế nào ?  ? Tại sao người cha không nói trực tiếp với con mà lại viết thư ? ( tình cảm sâu sắc thường tế nhị và kín đáo, nhiều khi không nói trực tiếp được. Viết thư tức là chỉ nói riêng cho người mắc lỗi biết, vừa giữ được kín đáo, vừa không làm người mắc lỗi mất lòng tự trọng. Đây chính là bài học về cách ứng xử trong gia đình, ở trường và ngoài xã hội )  - Thảo luận :  ?Theo em, điều gì đã khiến En ri cô “ xúc động vô cùng ” khi đọc thư bố ?  Hãy tìm hiểu và lựa chọn những lí do mà em cho là đúng trong các lí do sau:(9sgk-12.)  Văn bản này được biểu đạt bằng những phương thức nào ?  Phương thức nào là chính ?  ? Em có nhận xét gì về cách diễn đạt câu văn của tác giả ?  ? Sau khi học xong văn bản này, em rút ra được bài học gì ? Liên hệ với bản thân xem em đã có lần nào lỡ gây chuyện gì đó khiến bố mẹ buồn phiền. Nếu có thì bài văn này gợi cho em điều gì ? | **I . Giới thiệu chung :**  ***1 . Tác giả: Et- môn-đô-đơ A-mi-xi***  *( 1846- 1908 )*  - Là nhà văn lỗilạc của nước *Ý*.  - Thường viết về đề tài thiếu nhi và nhà trường về những tấm lòng nhân hậu.  ***2 . Tác phẩm:***  a. Xuất xứ Là văn bản nhật dụng viết về người mẹ  - In trong tập truyện : Những tấm lòng cao cả  b. Đọc :  c. Chú thích  d. Kiểu văn bản: nhật dụng  e Bố cục : 2 phần  + Đoạn đầu : Lí do bố viết thư  +Còn lại : Nội dung bức thư  **II - Đọc – Hiểu văn bản:**  ***1 . Lỗi lầm của En ri cô :***  - Vô lễ với mẹ trước mặt cô giáo  => Đây là việc làm sai trái, xúc phạm tới mẹ.  ***2 . Thái độ của bố:***  - Sự hỗn láo của con như một nhát dao đâm vào tim bố vậy !.  -... Bố không nén được cơn tức giận đối với con .  - Con mà xúc phạm đến mẹ con ư ?  -> Phương thức biểu cảm được diễn đạt bằng các kiểu câu cảm thán, nghi vấn làm cho lời văn trở nên linh hoạt, sinh động, dễ đi vào lòng người .  =>Thể hiện thái độ nghiêm khắc,kiên quyết,đầy giận dữ và rất đau đớn trước lỗi lầm của con  - Ngưòi bố bày tỏ tâm trạng đau đớn xót xa của mình cho con thấy qua một tình huống giả định khốc liệt “nhát dao đâm vào tim bố vậy”  -Người bố vô cùng thất vọng  ***3. Hình ảnh người mẹ:***  - Mẹ đã phải thức suốt đêm ... , quằn quại vì nỗi lo sợ, khóc nức nở khi nghĩ rằng có thể mất con.  - Người mẹ sẵn sàng bỏ một năm hạnh phúc để tránh cho con 1 giờ đau đớn, người mẹ có thể đi xin ăn để nuôi con, có thể hi sinh tính mạng để cứu sống con  -> Phương thức tự sự kết hợp với miêu tả làm nổi bật tình cảm của người mẹ.  .=> Là người mẹ hết lòng yêu thương con, sẵn sàng quên mình vì con.  ***4 . Lời khuyên của bố:***  - Không bao giờ được thốt ra những lời nói nặng với mẹ. Con phải xin lỗi mẹ,...  - Con hãy cầu xin mẹ hôn con, để cho chiếc hôn ấy xoá đi cái dấu vết vong ân bội nghĩa trên trán con .  -> Sử dụng câu cầu khiến làm cho lời văn trở nên rõ ràng, dứt khoát .  => Là người bố nghiêm khắc nhưng đầy tình thương yêu sâu sắc .  - Viết thư để biểu cảm ( tự sự- miêu tả- biểu cảm )  - Diễn đạt bằng nhiều kiểu câu linh hoạt: câu trần thuật, câu nghi vấn, câu cảm thán, câu cầu khiến làm cho lời văn trở nên trở nên linh hoạt, dễ đi vào lòng người .  **III. Tổng kết :**  1.Nghệ thuật:   * Chọn hình thức viết thư   - Lời lẽ giản dị mà không khô khan,vô cùng xúc động thấm thía, sâu xa  - Dùng những câu văn biểu cảm trực tiếp để biểu hiện rõ cảm xúc của người viết  2.Nội dung:  Người bố đề cao tình cảm gia đình, gia đình là nền tảng để phát triển nhân cách con người  - Tình yêu thương kính trọng cha mẹ là thước đo nhân cách con người “ Con hãy nhớ rằng, tình yêu thương kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả.Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình yêu thương đó(A-mi-xi) |

***4.- Củng cố, hướng dẫn***

-Luyện tập : tr 13 (sgk)

- Chuẩn bị bài : Câu ghép .

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 19/08/2015

Ngày dạy: 20/08/2015

Tiết 3: **TỪ GHÉP**

**A - MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

1. Kiến thức : Nắm được cấu tạo của hai loại từ ghép : Từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập. Hiểu được nghĩa của các loại từ ghép.

- Tích hợp : Từ đơn; Văn bản Cổng trường mở ra , Mẹ tôi ; Liên kết trong văn bản; Khái niệm từ ghép ( lớp 6)

*2. Kĩ năng:* Phát hiện và sử dụng linh hoạt hai loại từ ghép trong khi nói và viết

*3. Thái độ:* Có ý thức sử dụng từ ghép khi nói và viết

**B - CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên : Soạn GA- Đồ dùng : Bảng phụ .

2. Học sinh : Soạn bài, xem lại bài từ ghép ở lớp 6.

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức:***

***2.- Kiểm tra bài cũ:***

Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng, sách vở của HS

***3. Bài mới :***

? Tìm 3 từ đơn và 3 từ phức? Từ phức được phân loại như thế nào ?

( Hoa, lá, quả; hoa hồng, hoa quả, xanh xanh. Từ phức được phân thành hai loại : Từ ghép và từ láy ) Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về từ ghép .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| Đọc VD1  - Chú ý các từ : Bà ngoại, thơm phức .  ? Trong 2 từ đó, tiếng nào là tiếng chính, tiếng nào là tiếng phụ bổ sung ý nghĩa cho tiếng chính ?  ? 2 từ này có quan hệ với nhau như thế nào ?  ? Em có nhận xét gì về trật tự của những tiếng chính trong những từ ấy ?  ? Theo em từ ghép chính phụ có cấu tạo như thế nào ?  ? Tìm từ ghép chính phụ có tiếng chính Bà, thơm ? ( Bà cô, bà bác, bà dì; thơm lừng, thơm ngát )  HS đọc Ví dụ 2 - Chú ý các từ trầm bổng, quần áo .  ? Các tiếng trong 2 từ ghép trên có phân ra thành tiếng chính, tiếng phụ không ? Vậy 2 tiếng này có quan hệ với nhau như thế nào ?  ( quan hệ bình đẳng về mặt ngữ pháp )  ? Khi đảo vị trí của các tiếng thì nghĩa của từ có thay đổi không ?  ? Từ ghép đẳng lập có cấu tạo như thế nào?  ? Tìm một vài từ ghép đẳng lập chỉ các sự vật xung quanh chúng ta ? ( Bàn ghế, sách vở, mũ nón ... )  ? So sánh từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập, chúng giống và khác nhau ở điểm nào ?  ? Từ ghép được phân loại như thế nào ? - Thế nào là từ ghép chính phụ, thế nào là từ ghép đẳng lập ?  ?So sánh nghĩa của từ bà ngoại với nghĩa của từ bà?  ? Nghĩa của từ thơm phức với nghĩa của tiếng thơm ?  ? Từ ghép chính phụ có nghĩa như thế nào ?  ? So sánh nghĩa của từ quần áo với nghĩa của mỗi tiếng quần và áo ?  ?Trầm bổng với trầm và bổng ?  ? Từ ghép đẳng lập có nghĩa như thế nào ?  - Hs đọc ghi nhớ 2 .  GV : Gọi 2 hs lên bảng làm bt  - Phân loại từ ghép đẳng lập, chính phụ ?  - Vì sao em lại xếp như vậy ?  GV treo bảng phụ - hs lên điền từ  - Điền thêm tiếng để tạo từ ghép chính phụ ?  GV treo bảng phụ - hs lên điền từ  - Điền thêm tiếng để tạo từ ghép đẳng lập ?  Gọi hs trả lời  - Trả lời tại sao ? | **I- Các loại từ ghép:**  \* Ví dụ1:  Bà ngoại  Thơm phức Nhóm 1  T.chính  - Tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính  => quan hệ chính phụ => Từ ghép chính phụ  -Tiếng chính đứng trước  - Có tiếng chính và tiếng phụ, tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính .  \*Ví dụ2 : Trầm bổng Nhóm 2  Quần áo  - 2 tiếng ngang bằng nhau-> quan hệ bình đẳng => Từ ghép đẳng lập  - Có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp ( không phân ra tiếng chính, tiếng phụ )  \* So sánh từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập:  - Giống : Đều có quan hệ với nhau về nghĩa  - Khác : +Từ ghép chính phụ: có quan hệ chính phụ  +Từ ghép đẳng lập: có quan hệ bình đẳng  \* *Ghi nhớ 1: SGK (tr 14 )*  ***II -* Nghĩa của từ ghép *:***  ***1. Nghĩa của từ ghép*** *chính phụ* :  - Ví dụ :  + Bà : chỉ người phụ nữ cao tuổi ->nghĩa rộng .  Bà ngoại : chỉ người phụ nữ cao tuổi đẻ ra mẹ -> nghĩa hẹp  + Thơm : có mùi như hương của hoa, dễ chịu -> nghĩa rộng .  Thơm phức : có mùi bốc lên mạnh, hấp dẫn -> nghĩa hẹp  - Hẹp hơn nghĩa của tiếng chính và có tính chất phân nghĩa .  ***2 - Nghĩa của từ ghép*** đẳng lập :  - Ví dụ:  + Quần áo : chỉ quần áo nói chung -> hợp nghĩa, có nghĩa khái quát hơn.  Quần, áo : chỉ riêng từng loại .  + Trầm bổng : Miêu tả âm thanh lúc thấp, lúc cao nghe rất êm tai => nghĩa chung, khái quát.  Trầm, bổng : chỉ âm thanh riêng từng loại .  - Có tính chất hợp nghĩa và có nghĩa khái quát hơn nghĩa của tiếng tạo nên nó .  \* *Ghi nhớ 2* : SGK (tr14 )  ***III - Luyện tập :***  ***\* Bài 1***(tr 15 ) :  - Từ ghép đẳng lập : Suy nghĩ, chài lưới, cây cỏ, ẩm ướt, đầu đuôi .  - Từ ghép chính phụ: Xanh ngắt,nhà máy, nhà ăn, nụ cười .  ***\* Bài 2*** *(tr* 15 ):  - Bút mực ( bi, máy, chì )  - Thước kẻ (vẽ, may, đo độ )  ***\* Bài 3:*** *(tr 15 )*  - Núi rừng ( sông, đồi )  - Mặt mũi ( mày,… )  \*Bài 5 : ( tr15 )  - Không phải vì :  Hoa hồng là một loài hoa như : Hoa huệ, hoa cúc…  -> Có nhiều loại hoa mầu hồng nhưng không phải là hoa hồng như : Hoa giấy, hoa chuối… |

***4. Củng cố, hướng dẫn :***

1.-Khắc sâu ghi nhớ về từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập

2. Hãy tìm từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập trong 15 dòng đầu của văn bản Cổng trường mở ra ?

3. Chuẩn bị bài ***:*** Liên kết trong văn bản

Ngày soạn : 15/08/2015

Ngày dạy : 23/08/2015

Tiết 4: **LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN**

**A - MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :**

*1. Kiến thức:* HS nắm được kháí niệm tính liên kết, phân biệt được liên kết hình thức và liên kết nội dung.

*2. Kỹ năng:* Bước đầu xây dựng được những văn bản có tính liên kết.

*3. Thái độ:* Có ý thức sử dụng tính liên kết trong văn bản.

4. Tích hợp : các văn bản vừa học ; Bố cục trong văn bản ; Mạch lạc trong văn bản

**B - CHUẨN BỊ :**

GV: Soạn giáo án,sách tham khảo, một số ví dụ

HS: Đọc lại các văn bản đã học,soạn bài theo câu hỏi SGK

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định tổ chức***

***2- Kiểm tra bài cũ:*** Kiểm tra việc chuẩn bị bài của HS :

*3. Bài mới :*

- Văn bản là gì ? ( Là chuỗi những lời nói miệng hay bài viết có chủ đề thống nhất, có liên kết mạch lạc, v/dụng phương thức biểu đạt phù hợp để thực hiện mục đích g/tiếp )

- Tính chất của văn bản là gì ? ( thống nhất, mạch lạc )

Chúng ta sẽ không hiểu được một cách cụ thể về văn bản, cũng như khó có thể tạo lập được những văn bản tốt, nếu chúng ta không tìm hiểu kĩ 1 trong những tính chất quan trọng nhất của nó là liên kết.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| GV : gọi hs đọc 2 đoạn văn ( đoạn văn trong Văn bản : Mẹ tôi-sgk-10 và đoạn văn sgk-17 )  ? So sánh 2 đoạn văn, đoạn nào có thể hiểu rõ hơn người bố muốn nói gì ?  - Nếu En Ri Cô chưa hiểu ý bố thì hãy cho biết vì sao ? ( vì giữa các câu còn chưa có sự liên kết )  - GV: liên : liền; kết : nối, buộc; liên kết: nối liền nhau gắn bó với nhau  - Muốn cho đoạn văn có thể hiểu được thì nó phải có tính chất gì ? ( liên kết ) -Thế nào là liên kết ?  - GV : liên kết là 1 trong những tính chất quan trọng nhất của văn bản  \* BT1 : Tôi đến trường. Em Thu bị ngã .  ? Ở đây nêu mấy thông tin ? Những thông tin này như thế nào với nhau ? ( 2 thông tin - không liên quan với nhau )  ? Em hãy sửa lại câu văn để 2 thông tin này gắn kết với nhau ? ( Trên đường tới trường, tôi thấy em Thu bị ngã . )  HS đọc VD ( sgk - 18 )  Sự sắp xếp ý giữa câu 1 và câu 2 có gì bất hợp lí ? Vì sao ?  ( chưa có sự nối kết với nhau - vì chưa có tính liên kết )  ? Làm thế nào để xoá bỏ được sự bất hợp lí đó ?  ? Giữa câu 1,2,3 có sự liên kết với nhau chưa ? Vì sao ?  - GV : Những từ : còn bây giờ, con là những từ, tổ hợp từ được sử dụng làm phương tiện liên kết trong đoạn văn  ? So sánh đoạn văn khi chưa dùng phương tiện liên kết và khi dùng phương tiện liên kết ?  chưa dùng : câu văn rời rạc, khó hiểu. Khi dùng: câu văn rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu  ? Một văn bản muốn có tính liên kết trước hết phải có điều kiện gì ? Cùng với điều kiện ấy, các câu trong văn bản phải sử dụng các phương tiện gì ?  - HS đọc ghi nhớ .  ? Đọc đoạn văn và sắp xếp câu văn theo thứ tự hợp lí để tạo thành 1 đoạn văn có tính liên kết chặt chẽ?  ? Vì sao lại sắp xếp như vậy?  (sắp xếp như vậy thì đoạn văn mới rõ ràng, dễ hiểu.)  ? Các câu văn dưới đây đã có tính liên kết chưa ? Vì sao ?  - Điền các từ ngữ thích hợp vào chỗ trống?  “ Đêm nay mẹ không ngủ được. Ngày mai là ngày khai trường lớp 1 của con.” Có ý kiến cho rằng: Sự liên kết giữa 2 câu trên hình như không chặt chẽ, vậy mà chúng vẫn được đặt cạnh nhau trong Văn bản : Cổng trường mở ra. Em hãy giải thích tại sao ? | **I . Liên kết và phương tiện liên kết trong văn bản :**  ***1 . Tính liên kết của văn bản :***  - Ví dụ :  - Đoạn văn khó hiểu vì giữa các câu văn không có mối quan hệ gì với nhau  - Liên kết: là sự nối kết các câu, các đoạn trong văn bản 1 cách tự nhiên, hợp lí, làm cho văn bản trở nên có nghĩa, dễ hiểu  ***2 - Phương tiện liên kết trong văn bản :***  - Ví dụ :  - Thêm cụm từ : còn bây giờ  - Từ : Đứa trẻ phải thay băng từ : con  - Muốn tạo được tính liên kết trong văn bản cần phải sử dụng những phương tiện liên kết về hình thức và nội dung.  \* *Ghi nhớ* : SGK (tr 18 )  **II - Luyện tập :**  ***\* Bài 1*** ( SGK-tr18 ) :  Sơ đồ câu hợp lí : 1 - 4 - 2 - 5 - 3  ***\* Bài 2***( tr19 ) :  - Đoạn văn chưa có tính liên kết.  - Vì chỉ đúng về hình thức ngôn ngữ song không cùng nói về một nội dung.  ***\* Bài 3***( tr19 ) :  Điền từ : bà, bà , cháu, bà, bà, cháu, thế là.  ***\* Bài 4***( tr19 ) :  Nếu tách riêng 2 câu văn thì có vẻ rời rạc nhưng nếu đọc tiếp câu 3 thì ta thấy câu 3 kết nối 2 câu trên thành 1 thể thống nhất làm đoạn văn có tính liên kết chặt chẽ . |

***4. Củng cố,hướng dẫn***

Học và làm bài tập số 5.

Soạn bài :Cuộc chia tay của những con búp bê.

***\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\****

**TUẦN 2:** Ngày soạn: 22/08/2015

Ngày dạy: 26/08/2015

Tiết 5: Văn bản **: CUỘC CHIA TAY CỦA NHỮNG CON BÚP BÊ**

**( Khánh Hoài )**

**A - MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

*1. Kiến thức:* Thấy được những tình cảm anh em sâu nặng, cảm nhận được nỗi đau đớn xót xa`của những người bạn nhỏ chẳng may rơi vào hoàn cảnh gia đình bất hạnh.

*2. Kỹ năng:* Rèn kỹ năng kể truyện ở ngôi thứ nhất, kỹ năng miêu tả và phân tích nhân vật.

*3. Thái độ:*Biết cảm thông và chia sẻ với những người bạn bất hạnh.

**B - CHUẨN BỊ :**

1. GV : Soạn GA, tài liệu tham khảo, Đồ dùng : Tranh ảnh về gia đình

2. HS : Soạn bài.

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ*** *:*

1 Qua bức thư gửi En-ri-cô,em hãy cho biết người bố muốn nói gì với En-ri-cô ?

2 Em hãy cho biết người mẹ trong 2 văn bản “Mẹ tôi” và “Cổng trường mở ra” có gì giống và khác nhau? Em hãy nhận xét về người mẹ ?

***3. Bài mới :***

Gia đình hạnh phúc, êm ấm là mơ ước của tất cả chúng ta . Thế nhưng điều mơ ước tưởng chừng đơn giản đó đôi khi ở đâu đó vẫn không thể thực hiện được. Một khi hạnh phúc mất đi người ta càng thấm thía nỗi đau đớn khi phải chia li, cách xa với những người thân yêu ruột thịt, luôn gần gũi với chúng ta hàng ngày. Văn bản “ Cuộc chia tay của những con búp bê ” sẽ cho chúng ta biết rõ hơn về tình anh em .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| ? Dựa vào chú thích \*, em hãy nêu 1 vài nét về tác phẩm ?  GV: Hướng dẫn đọc: Giọng nhẹ nhàng, xúc động, chú ý ngôn ngữ đối thoại .  GV đọc- HS đọc bài  Đọc chú thích .  GV : Hướng dẫn tóm tắt  - Đây là truyện ngắn khá hoàn chỉnh : có cốt truyện và nhân vật, có sự việc và chi tiết, có mở đầu và kết thúc. Vậy theo em câu chuyện này có những tình tiết chính nào ?  - Văn bản có thể chia làm mấy phần ? Mỗi phần từ đâu đến đâu ? ý của từng phần ?  - Em hãy cho biết, truyện viết về ai, về việc gì ? Ai là nhân vật chính ? Vì sao ?  ? Truyện được kể theo ngôi thứ mấy? Việc lựa chọn ngôi kể này có tác dụng gì?    HS theo dõi phần đầu Văn bản  ? Vì sao anh em Thành, Thuỷ phải chia đồ chơi và chia búp bê? ( vì bố mẹ li hôn: Thuỷ phải theo mẹ về quê ngoại- Thành ở lại với bố )  ?Tìm những chi tiết miêu tả tâm trạng của Thành và Thuỷ khi mẹ bảo : Thôi, 2 đứa liệu mà chia đồ chơi ra đi ?  ?Đó là tâm trạng gì ?  Em có nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả tâm trạng của tác giả ở đoạn văn này ?  ? Chi tiết nào nói về tình cảm của 2 anh em Thành- Thuỷ ?  ? Những chi tiết trên cho em thấy được tình cảm của 2 anh em như thế nào ?  ?Việc chia búp bê diễn ra như thế nào?  - Lời nói và hành động của Thuỷ có gì mâu thuẫn ? ( Thuỷ rất giận dữ không muốn chia rẽ búp bê nhưng em lại rất thương Thành, sợ không có con Vệ Sĩ canh giấc ngủ cho anh nên em rất bối rối sau khi đã chu tréo lên giận dữ )  ? Theo em có cách nào giải quyết được mâu thuẫn đó không ? ( gđ Thành - Thuỷ phải đoàn tụ, hai anh em không phải chia tay nhau )  \*GV bình kết ý 1 :Cảnh chia đồ chơi đã nói lên một cách tuyệt đẹp tình anh em thắm thiết của Thành và Thủy . Hình ảnh hai con búp bê gắn với gia đình sum họp , búp bê là kỉ niệm êm đềm của tuổi thơ , búp bê là hình ảnh hai anh em ruột thịt | **I. Đọc-tìm hiểu chung:**  1.Xuất xứ  - Truyện ngắn được trao giải nhì trong cuộc thi thơ văn viết về quyền trẻ em tổ chức tại Thuỵ Điển 1992 của tác giả Khánh Hoài.  2.Đọc:  3.Chú thích:(SGK)  4: Thể loại:  -Truyện ngắn  -Kiểu văn bản: Nhật dụng  - Phương thức biểu đạt: Tự sự chính+miêu tả+biểu cảm  \* Tóm tắt :  - Hai anh em Thành, Thuỷ chia đồ chơi theo yêu cầu của mẹ. Chúng nhường nhau đồ chơi và chúng không chịu nổi đau đớn khi phải chia rẽ 2 con búp bê.  - Hai anh em đến trường chào cô giáo, chia tay cô và các bạn. Tình cảm thầy trò, bạn bè lưu luyến xúc động.  - Hai anh em chia tay nhau, em theo mẹ về quê còn anh ở lại với bố .  - Bố cục : 3 phần .  + Từ đầu -> như vậy : chia búp bê  + Tiếp -> cảnh vật : chia tay lớp học  + Còn lại : anh em chia tay  \* Chủ đề :Truyện viết về cuộc chia tay đau đớn, cảm động của 2 anh em Thành và Thuỷ, khi cha mẹ li hôn .  Nhân vật chính: Thành và Thuỷ  \* Ngôi kể: ngôi thứ nhất( người kể chuyện vừa là người chứng kiến trong cuộc,hứng chịu nỗi đau.)  \* Tác dụng: Thể hiện sâu sắc suy nghĩ tình cảm, trạng thái của nhân vật.Tăng tính chân thực của câu chuyện,sự thuyết phục đồng cảm với nhân vật.  **II. Đọc- hiểu văn bản :**  ***1 – Cảnh chia đồ chơi của Thành và Thủy :***  Nguyên nhân:Bố mẹ li hôn-> Thành, Thuỷ chia li->Búp bê chia tay  Mẹ giục chia đồ chơi  Thuỷ: -Run lên bần bật,kinh hoàng,tuyệt vọng . Hai bờ mi sưng mọng vì khóc nhiều  Đêm qua khóc nức nở,tức tưởi  Thành: cắn chặt môi , nước mắt tuôn ra như suối .  => Tâm trạng đau đớn tuyệt vọng,hai anh em đã trải qua những giây phút buồn khổ đến mức sợ hãi trước những hiện thực phũ phàng  -> Sử dụng 1 loạt các động từ - tính từ kết hợp với phép so sánh làm nổi rõ tâm trạng của nhân vật.  -Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật:  + Miêu tả tâm lí tinh tế,phù hợp  - Em còn nhỏ dại nên nỗi đau chia cắt đã dẫn đên sự sợ hãi, kinh hoàng  - Anh lớn hơn ,khôn hơn nên kìm nén nỗi đau vì thương em, không muốn em thêm hoang mang lo lắng  -> Cùng một nỗi đau nhưng cách biểu hiện tâm lí khác nhau.  \* Tình cảm của 2 anh em :  - Thuỷ : vá áo cho anh, bắt con vệ sĩ gác cho anh .  - Thành : chiều nào cũng đi đón em, nhường đồ chơi cho em.  => Tình cảm yêu thương gắn bó và luôn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau .  \* Chia búp bê :  - Thành : lấy 2 con búp bê đặt sang 2 phía.  - Thuỷ tru tréo lên giận dữ ...  => không muốn chia rẽ búp bê, không muốn chia rẽ anh em .  => Ca ngợi tình cảm trong sáng cao đẹp của tuổi thơ    **III. Luyện tập :** Viết một đoạn văn ngắn nói lên suy nghĩ của em về tình cảm anh em của Thành và Thủy .  . |

***4.Củng cố, hướng dẫn:***Kể lại truyện cuộc chia tay của những con búp bê.

Chuẩn bị tốt phần còn lại cho tiết 2

Ngày soạn: 22/08/2015

Ngày dạy: 26/09/2015

Tiết 6:Văn bản **:**

**CUỘC CHIA TAY CỦA NHỮNG CON BÚP BÊ (Tiếp theo )**

**( Khánh Hoài )**

**A - MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

*1. Kiến thức:* Cảm nhận được nỗi đau đớn xót xa của những bạn nhỏ chẳng may rơi vào hoàn cảnh gia đình bất hạnh. Thấy được cái hay của truyện là cách kể truyện chân thật và cảm động.

*2. Kĩ năng:* Rèn luyện kĩ năng cảm nhận tác phẩm

*3. Thái độ:* Giáo dục lòng cảm thông, chia sẻ

**B - CHUẨN BỊ :**

**GV:** Soạn giáo án, sách tham khảo

**HS**: Đọc và soạn bài ở nhà.

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ :***

.Em hãy kể tóm tắt Văn bản “ Cuộc chia tay của những con búp bê ”?

***3. Bài mới*** *:* GV chuyển tiếp ý từ bài cũ sang bài mới : “... và cuộc chia tay đã diễn ra như thế nào ?...”

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GVvà HS** | **Nội dung kiến thức** |
| -HS đọc văn bản : Từ “ Gần trưa , chúng tôi đi đến trường học ..”--> “...trùm lên cảnh vật ”  ? Hãy tìm những chi tiết diễn tả cuộc chia tay của Thủy với các bạn và cô giáo trong lớp học ?  ? Chi tiết nào trong cuộc chia tay của Thuỷ với lớp học làm cô giáo bàng hoàng ?  ? Chi tiết nào khiến em cảm động nhất? vì sao ?  ? Em hãy gt vì sao khi dắt Thuỷ ra khỏi trường, tâm trạng Thành lại “ kinh ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm trùm lên cảnh vật ” ? ( Thành thấy kinh ngạc là vì trong khi mọi việc đều diễn ra bình thường thì anh em Thành - Thuỷ lại phải chịu đựng sự mất mát đổ vỡ quá lớn )  ?Em có nhận xét gì về cách miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật của tác giả ? Cách miêu tả đó có tác dụng gì ?  GV Mặc dù, sự việc vẫn diẽn ra như tất yếu, nhưng với 2 anh em thì giờ phút chia tay vẫn diễn ra rất đột ngột. Và nhà văn đã ghi lại 1 cách thật đầy đủ và cảm động những giờ phút cuối cùng bên nhau của họ.  ? Hình ảnh Thành và Thuỷ đã được khắc hoạ như thế nào ở những giờ phút cuối cùng này?  ? Em nghĩ gì ở chi tiết cuối cùng khi Thuỷ bỗng tụt xuống, để lại con búp bê và dặn dò anh…?  - GV : Xây dựng chi tiết kết thúc chuyện như thế, nhà văn muốn nhắn gửi với mọi người rằng : Cuộc chia tay của các em nhỏ là rất vô lí, là không nên có, không nên để nó xảy ra. Ý tưởng ấy nhắc nhở những người làm cha làm mẹ hãy sống vì con cái, cố gắng giữ gìn tổ ấm gia đình đừng để nó tan vỡ .  -Trong truyện, búp bê có chia tay không ? Tại sao tác giả lại đặt tên truyện là “ Cuộc chia tay của những con búp bê ” ? ( Tên truyện gợi tình huống: những con búp bê cũng như anh em Thành Thuỷ rất ngây thơ, trong sáng và không có tội tình gì, thế mà đành phải chia tay )  ? Qua câu chuyện, tác giả Khánh Hoài muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì ?  Hs ghi nhớ sgk .  - Văn bản này đã cho em hiểu thêm gì về tác giả ?  - Sau khi học xong văn bản, em rút ra được bài học gì ?  HS quan sát 2 bức tranh trong sgk :  Hai bức tranh trong SGK minh hoạ cho sự việc gì trong truyện ? Em hãy miêu tả lại sự việc đó ? | ***II.Đọc- hiểu văn bản : (Tiếp theo)***  ***2. Cuộc chia với tay lớp học :***  - Em không được đi học nữa  - Cô Tâm sửng sốt . “ Trời ơi ! ”, cô Tâm tái mặt và nước mắt giàn giụa  - Lũ bạn khóc một lúc một to  => Gợi sự cảm thông, xót thương cho hoàn cảnh bất hạnh của Thuỷ .  ->Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế,linh hoạt.  -> Lựa chọn tình huống hợp lí.Qua lời nói,hành động và những nét tâm trạng  ->Miêu tả đối lập giữa ngoại cảnh và tâm cảnh.  \* Tác dụng: Khắc sâu cảnh ngộ éo le,trớ trêu, bất thường của Thành và Thuỷ  - Tô đậm nỗi đau đớn buồn khổ,tuyệt vọng cô đơn của nhân vật.  ***3 Cuộc chia tay của 2 anh em :***  + Thuỷ: - Như người mất hồn, mặt tái xanh như tàu lá   * Ôm ghì con vệ sĩ, hôn gấp gáp lên mặt nó * Khóc nấc lên, nắm chặt tay anh dặn dò   + Thành: Khóc nấc lên, mếu máo, đứng như chôn chân xuống đất, nhìn theo cái bóng bé nhỏ, liêu xiêu của em  => Tình anh em không thể chia lìa .  => Cảnh giã biệt thật đau lòng, đã thể hiện tất cả nỗi đau và tình anh em trong bi kịch gia đình => Tiếng khóc đớn đau của NV cũng là tiếng khóc đớn đau, đồng cảm của nhà văn. tất cả đã lay động trái tim người đọc  =>Nhà văn đã kết thúc bằng sự đối lập hoàn cảnh giữa những con búp bê và người: 2 con búp bê không phải chia tay nhờ chính tấm lòng nhân hậu của bé Thuỷ. Còn anh em họ lại phải chia tay trong nỗi đau đớn đến tái tê. Nhà văn như muốn xoáy sâu nỗi đau đó vào lòng người đọc và nhắc nhở mỗi người: Hãy vì hạnh phúc tuổi thơ mà giữ gìn bảo vệ hạnh phúc gia đình.  **III.Tổng kết:**  1.Nghệ thuật:  - Kể theo ngôi thứ nhất,trật tự kể linh hoạt, giúp tác giả thể hiện được 1 cách sâu sắc những suy nghĩ, tình cảm và tâm trạng của nhân vật .  - Tự sự kết hợp với miêu tả để biểu cảm - miêu tả qua so sánh và sử dụng 1 loạt ĐT - TT làm nổi rõ tâm trạng của nhân vật.  - Miêu tả tâm lí nhân vật.Chọn tình huống hợp lí,miêu tả tâm lí phù hợp  2.Nội dung:  \* *Ghi nhớ*: (sgk- 27)  -Tác giả là người yêu mến trẻ em, luôn mong muốn trẻ em được hạnh phúc .  - Chúng ta cần phải biết trân trọng giữ gìn hạnh phúc gia đình .  ***IV. Luyện tập : Viết một đoạn văn ngắn nói lên suy nghĩ của em về tình cảm anh em của Thành và Thủy .*** |

***4. Củng cố hướng dẫn****:*Kể lại truyện cuộc chia tay của những con búp bê.

+ Chuẩn bị bài : Bố cục trong văn bản **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Ngày soạn : 22/08/2015

Ngày dạy : 27/08/2015

Tiết 7**: BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN**

**A - MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :**

*1. Kiến thức :* Tầm quan trọng của bố cục trong văn bản (VB), có ý thức xây dựng bố cục khi tạo lập VB. Thế nào là bố cục rành mạch, hợp lí. Tính phổ biến và sự hợp lí của dạng bố cục ba phần, nhiệm vụ mỗi phần trong bố cục.

*2/ Kĩ năng:* Rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản có 3 phần Mở bài, Thân bài, Kết bài đúng hướng hơn, đạt kết quả tốt hơn.

*3/ Thái độ:* Có ý thức xây dựng bố cục khi tạo lập văn bản.

**B – CHUẨN BỊ :**

GV: Soạn giáo án,bảng phụ

HS: Soạn bài theo câu hỏi SGK

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ* :**

? Liên kết là gì ? Làm thế nào để văn bản có tính liên kết ?

Yêu cầu :

- Liên kết là sự nối liền các câu, các đoạn trong văn bản 1 cách tự nhiên, hợp lí, làm cho văn bản trở nên có nghĩa, dễ hiểu .

- Muốn tạo được tính liên kết trong văn bản cần phải sử dụng được những phương tiện Lk về hình thức và nội dung .

***3 Bài mới :*** Từ những năm học trước, các em đã được làm quen với công việc xây dựng dàn bài. Mà dàn bài chính là kết quả, hình thức thể hiện của bố cục. Vậy bố cục trong văn bản là gì và cần có những yêu cầu như thế nào ?

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| - Có 1 bạn viết giấy xin phép nghỉ học, bạn sắp xếp các ý như sau :  GV : Treo bảng phụ - hs đọc  - Lí do nghỉ học, Quốc hiệu, Tên đơn, Họ và tên - địạ chỉ, Cám ơn, Lời hứa, Nơi viết, ngày ..., Kí tên .  - Em có nhận xét gì về cách sắp xếp trên?  GV : Treo bảng phụ - hs đọc  - Em có nhận xét gì về nội dung và trình tự lá đơn ? ( trình tự hợp lí )  GV : Sự sắp đặt nội dung các phần trong văn bản theo 1 trình tự hợp lí được gọi là bố cục .  - Em hiểu bố cục là gì ?  - HS đọc đoạn văn 1- SGK ( 29 )  - So sánh văn bản ếch ngồi đáy giếng ở SGK Ngữ văn 6 với văn bản vừa đọc có gì giống và khác nhau ?  HS đọc đoạn văn 2 – SGK ( 29 )  ? So sánh văn bản Lợn cưới áo mới ở sgk Ngữ văn 6 với văn bản vừa đọc có gì giống và khác nhau ?  ? Theo em nên sắp xếp bố cục 2 câu chuyện trên như thế nào ?  ( sắp xếp bố cục 3 phần như trong sách Ngữ văn 6 )  - Mục đích giao tiếp của 2 câu chuyện trên là gì ? ( Phê phán những thói hư, tật xấu của con người : thói kiêu căng, tự phụ và thói khoe của 1 cách lố bịch. )  - Theo em đoạn văn nào dễ tiếp nhận hơn?  H : VB trong sgk  - Để bố cục của văn bản rành mạch, hợp lí thì cần phải có những điều kiện gì ?  - Hãy nêu nhiệm vụ của 3 phần MB, TB, KB trong văn bản miêu tả và tự sự ?  ? Có cần phân biệt nhiệm vụ của mỗi phần không ? vì sao ? ( Mỗi phần đều có những nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng )  ? Bố cục văn bản thường có mấy phần ? Đó là những phần nào ?  HS đọc ghi nhớ  Hs đọc yêu cầu BT1-sgk-30  - Hãy ghi lại bố cục của truyện “ Cuộc chia tay của những con búp bê ”  ? Bố cục ấy đã rành mạch và hợp lí chưa?  ? Có thể kể lại câu chuyện ấy theo 1 bố cục khác được không? ( câu chuyện này có thể kể theo 1 bố cục khác - Ôn tập ngữ văn 7 - 15 )  Hs đọc yêu cầu bài tập 3 - (sgk 30,31).  - Bố cục trên đây đã rành mạch và hợp lí chưa ? Vì sao ?  ? Theo em có thể bổ sung thêm điều gì | **I - Bố cục và những yêu cầu về bố cục trong văn bản :**  ***1 - Bố cục của văn bản :***  \* Tìm hiểu:  Đơn xin nghỉ học:-Lời hứa  - Lí do  - Họ tên  -> Trình tự các phần không đạt vì: Sắp xếp các ý,nội dung,chưa hợp lí,không chuyển tải được nội dung cần trình bày,khó hiểu, không đạt được mục đích giao tiếp  - Trình tự hợp lí :  - Quốc hiệu, tên đơn,họ và tên, địa chỉ,lí do viết đơn,lời hứa, cám ơn, nơiviết, ngày viết đơn, kí tên  \* Bố cục : Là sự bố trí , sắp xếp các phần, các đoạn theo 1 trình tự, 1 hệ thống rành mạch và hợp lí .  ***2 - Những yêu cầu về bố cục trong văn bản :***  - Ví dụ : + Đoạn văn1 sgk ( 29 )  So sánh văn bản( a) và truyện “ếch ngồi đáy giếng”(NV6)  \* Giống: Cơ bản các câu văn giống nhau,cùng nội dung  \*Khác:  + Truyện :- Bố cục hợp lí  - Các ý có sự phân định rõ ràng,mạch lạc,dễ hiểu  + Văn bản a: - Các ý trình bày lộn xộn, không thống nhất  -Không có ý chung  + Đoạn văn 2 sgk  - Các điều kiện để có một bố cục rành mạch, hợp lí :  + Nội dung các phần, các đọan phải thống nhất chặt chẽ với nhau và phải có sự phân biệt rạch ròi .  + Trình tự sắp đặt phải đạt được mục đích giao tiếp .  ***3 - Các phần của bố cục :***  - Văn bản miêu tả :  + MB : Tả khái quát – giới thiệu cảnh .  + TB : Tả chi tiết  + KB : Nêu cảm nghĩ  - Văn bản tự sự :  + MB : Giới thiệu chung về nhân vật và sự việc  +TB : Kể diễn biến sự việc  + KB : Kết cục của sự việc  - Bố cục của văn bản: 3 phần : MB, TB, KB.  \* *Ghi nhớ* : SGK ( 30 )  ***III -* Luyện tập *:***  ***\* Bài 1: HS nêu VD :***  - Biết sắp xếp các ý cho rành mạch =>hiệu quả cao.  - Không biết sắp xếp cho hợp lí =>không hiểu .  ***\* Bài 2:***  ***Bố cục*** văn bản“ Cuộc chia tay của những con búp bê ” :  - MB: Giới thiệu nhân vật Tôi, em tôi và việc chia tay.  - TB : + Hoàn cảnh gia đình,tình cảm2 anh em  + Chia đồ chơi và chia búp bê .  + Hai anh em chia tay  - KB : + Búp bê không chia tay  ***3 - Bài 3 :***  Bố cục ... chưa rành mạch, hợp lí vì :  - Các điểm 1,2,3 ở TB mới chỉ kể lại việc học tốt chứ chưa phải là trình bày khái niệm học tốt . Và điểm 4 không phải nói về học tập .  =>TB : 1. Kinh nghiệm học tập trên lớp  2. Kinh nghiệm học tập ở nhà  3. Kinh nghiệm học tập trong cuộc sống và tham khảo tài liệu  4. Kết quả học tập đã đạt được nhờ những kinh nghiệm trên .  5. Mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các bạn . |

***4. Củng cố, hướng dẫn:***

Học bài và làm bài tập SGK. Soạn bài :Mạch lạc trong văn bản

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

Ngày soạn: 22/08/2015

Ngày dạy : 18/08/2015

Tiết 8**: MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN**

**A - MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :**

*1. Kiến thức :* Có những hiểu biết bước đầu về mạch lạc trong VB và sự cần thiết phải làm cho VB có mạch lạc, không đứt đoạn.

*2. Kĩ năng :* Rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bnả mạch lạc

*3. Thái độ :* Có ý thức chú ý đến mạch lạc trong tạo lập văn bản

**B - CHUẨN BỊ :**

GV: soạn giáo án

HS : Trả lời câu hỏi trong SGK

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ :***

? Bố cục là gì ? Bố cục gồm có những phần nào ? Nội dung từng phần ?

? Để bố cục của văn bản rành mạch, hợp lí thì cần phải có những điều kiện gì ?

***3.Bài mới***

Nói đến bố cục là nói đến sự sắp đặt, sự phân chia, nhưng văn bản cần phải đảm bảo tính liên kết . Vậy làm thế nào để văn bản vẫn được phân chia rành mạch mà lại không mất đi sự liên kết chặt chẽ với nhau ? Để giải thích vấn đề này chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài : Mạch lạc ...

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| GV: Mạch lạc trong đông y vốn có nghĩa là mạch máu trong cơ thể người.  ? Em hiểu mạch lạc trong văn bản có nghĩa như thế nào ?  H : Trôi chảy thành dòng, thành mạch, làm cho các phần của văn bản thống nhất lại  ?Vậy mạch lạc trong văn bản là gì ?  ? Chủ đề của truyện là gì ?  ? Chủ đề ấy có xuyên suốt các chi tiết, sự việc để trôi chảy thành dòng, thành mạch qua các phần, các đoạn của truyện không?  ? Các từ ngữ trong truyện có góp phần tạo ra cái dòng mạch xuyên suốt ấy không ?  ? Các cảnh trong những thời gian, không gian khác nhau có góp phần làm cho dòng mạch ấy trôi chảy liên tục và thống nhất trong 1 chủ đề không ?  GV : Từ ngữ, sự việc đó là các yếu tố làm cho chủ đề nổi bật. Nói cách khác là chủ đề đã xuyên suốt, thấm sâu vào các yếu tố đó  ? Một văn bản có tính mạch lạc là văn bản như thế nào ?  Hs đọc ghi nhớ  Đọc kĩ văn bản Mẹ tôi .  ? Xác định chủ đề của văn bản ?  ? Các từ ngữ, sự việc trong văn bản có phục vụ cho chủ đề ấy không ?  ? Văn bản này đã có tính mạch lạc chưa ?  HS đọc văn bản Lão nông và các con .  ? Em hãy xác định chủ đề của văn bản ?  ? Chủ đề này có xuyên suốt bài thơ không? Hãy chỉ ra sự xuyên suốt đó ?  ? Văn bản này có tính mạch lạc chưa ? | **I - Mạch lạc và những yêu cầu về mạch lạc trong văn bản:**  ***1 - Mạch lạc trong văn bản :***  - Là sự tiếp nối các câu, các ý theo 1 trình tự hợp lí trên 1 ý chủ đạo thống nhất .=> văn bản cần phải mạch lạc .  ***2 - Các điều kiện để văn bản có tính mạch lạc :***  - VD : Tìm hiểu tính mạch lạc trong Văn bản “ Cuộc chia tay của những con búp bê ” ?  + Chủ đề : Cuộc chia tay của 2 anh em Thành –Thuỷ khi cha mẹ li hôn .  => xuyên suốt  + Từ ngữ : Chia tay, chia đồ chơi, chia rẽ, xa cách, khóc ...  + Các sự việc : Trong hiện tại - qúa khứ, ở nhà - ở trường .  => Thống nhất  - Văn bản có tính mạch lạc là :  + Các phần, các đoạn , các câu trong văn bản đều nói về một đề tài, biểu hiện 1 chủ đề chung xuyên suốt.  + Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản được tiếp nối theo một trình tự rõ ràng, hợp lí làm cho chủ đề liền mạch .  \* *Ghi nhớ* : SGK ( 32 )  **II - Luyện tập :**  ***\* Bài 1a :*** Tính mạch lạc trong văn bản “ Mẹ tôi ”  - Chủ đề: ca ngợi hình ảnh người mẹ  - Các từ ngữ: mẹ, con, ngày khai trường, vở, bút, thước...  - Sự việc : En-ri-cô thiếu lễ độ với mẹ  Bố viết thư cảnh báo En-ri-cô  Hình ảnh người mẹ hi sinh vì con  -> Các từ ngữ, sự việc đều phục vụ cho chủ đề .  => Văn bản có tính mạch lạc  ***2- Bài 1b :***  Lão nông và các con  - Chủ đề : Lao động là vàng  - Chủ đề này xuyên suốt bài thơ làm cho các phần liền mạch với nhau :  + 2 câu đầu - MB : nêu chủ đề  + Đoạn giữa ( Kho vàng chôn dưới đất . Kho vàng do sức lđ của con người làm nên : lúa tốt ) - TB: phát triển ý ở chủ đề  + 4 câu cuối - Kết bài : Nhấn mạnh chủ đề để khắc sâu .  => văn bản có tính mạch lạc |

***4 Củng cố, hướng dẫn***- GV hệ thống lại kiến thức : Mạch lạc trong văn bản và các điều kiện để văn bản có tính mạch lạc

Làm bài tập và soạn bài “Những câu hát về tình cảm gia đình ”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TUẦN 3**

Ngày soạn: 31/08/2012

Ngày dạy: 3/09/2012

Tiết 9: Văn bản :CA DAO- DÂN CA

**NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH**

**A- MỤC TIÊU CẦN ĐẠT: Giúp HS :**

*1. Kiến thức*: - Hiểu khái niệm CD, DC

- Nắm được ND, YN và một số hình thức NT tiêu biểu của CD, DC qua những bài ca thuộc chủ đề tình cảm gia đình và chủ đề tình yêu quê hương, đất nước, con người.

*2. Kĩ năng:* Rèn luyện kĩ năng đọc cảm nhận ca dao

*3. Thái độ:* Giáo dục tình cảm gia đình

- Thuộc những bài ca, trong hai văn bản và biết thêm một số bài ca thuôc hệ thống của chúng.

**B-CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên : Soạn GA, cuốn “ Tục ngữ, ca dao VN ” (Mã Giang Lân)

2. Học sinh : Soạn bài, học thuộc các bài ca dao.

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

? Văn bản “Cuộc chia tay của những con búp bê” muốn gửi tới chúng ta điều gì? ? Nghệ thuật kể chuyện của tác giả Khánh Hoài có gì đáng chú ý? (Dùng ngôi kể thứ nhất chân thật, cảm động. Các sự việc kể theo trình tự thời gian kết hợp với không gian và rất phù hợp với trẻ em. )

***3.- Bài mới****:*

Ca dao - dân ca “là tiếng hát từ trái tim ” là thơ ca trữ tình dân gian. Ca dao-dân ca VN là cây đàn muôn điệu của tâm hồn nhân dân, nhất là những người LĐ. Tâm hồn tình cảm con người bao giờ cũng bắt nguồn từ tình cảm ân nghĩa đối với những người ruột thịt trong gia đình. Bài ca tình nghĩa trong kho tàng ca dao- dân ca VN vô cùng phong phú. Trong đó 4 bài ca dao của văn bản “ Những câu hát về tình cảm gia đình” là tiêu biểu, vừa sâu sắc về nội dung, vừa sinh động, tinh tế về ngôn ngữ nghệ thuật nhưng chúng ta chỉ học 2 bài ca dao 1 và 4.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| HS đọc khái niệm trong SGK.  G :Hướng dẫn đọc: Giọng tha thiết, trìu mến, thể hiện được niềm yêu thương quí mến đối với người thân.  GV đọc- HS đọc - nhận xét.  GV giải nghĩa từ khó. .  HS đọc bài 1  ? Bài ca dao là lời của ai? Nói với ai? Hình thức?  ?Bài ca dao đã diễn tả tình cảm gì?  ? Công lao to lớn ấy được diễn tả bằng hình ảnh nào? Hãy PT ý nghĩa của hình ảnh ấy ?  G : Đây là hình ảnh của thiên nhiên, to lớn, mênh mông vĩnh hằng được chọn làm biểu tượng cho công cha, nghĩa mẹ. Nhưng không phải là giáo huấn khô khan mà rất cụ thể, sinh động.  ? Cù lao chín chữ có ý nghĩa khái quát điều gì ?  ? Ngôn ngữ âm điệu của bài ca dao có gì hay?  H : Dùng ngôn ngữ : Người đọc như thấy được lời ru như dòng sữa của mẹ truyền vào máu thịt, cơ thể người con.  Đọc bài 4  - Đây là lời của ai, nói với ai?  H : Lời của ông bà, cô bác nói với con cháu -lời của cha mẹ nói với con - lời của anh em ruột thịt tâm sự với nhau  - Tình cảm anh em thân thương trong bài 4 được diễn tả như thế nào trong hai câu thơ đầu ?  GV: 2 câu đầu như 1 định nghĩa về anh em, phân biệt anh em với người xa. Từ phân định “nào phải” làm rõ nghĩa câu 1. Từ khẳng định “cùng” trong “cùng chung bác mẹ” nêu rõ tình cảm ruột thịt: cùng huyết thống, sống chung dưới 1 mái nhà, cùng vui buồn có nhau. Từ khẳng định “cùng” trong “cùng thân” là kết quả của cụm từ “cùng chung bác mẹ”.Là hình ảnh so sánh  ? Để khẳng định tình cảm ấy, bài ca dao đã dùng cách diễn tả ntn? Tại sao lại so sánh tình cảm anh em như “Tay chân”?  ? Bài ca dao nhắn nhủ chúng ta điều gì?  - Những biện pháp nghệ thuật nào được cả bài ca dao sử dụng?  - 2 bài ca dao trên cùng hướng về chủ đề gì?  - Nội dung của 2 bài ca dao đó đề cập đến những tình cảm của ai, đối với ai?  HS đọc ghi nhớ.  - Sưu tầm những bài ca dao có nội dung nói về tình cảm gđ ? | **I. Đọc – tìm hiểu chung :**  1. Giới thiệu chung:  - Ca dao - dân ca: SGK (35 )  **+** Ca dao:-Tên gọi chung cho các thể loại trữ tình dân gian   * Kết hợp lời và nhạc .Mang lời thơ của dân ca * Diễn tả đời sống nội tâm của con người   + Dân ca:Những sáng tác kết hợp lời và nhạc  => Ca dao,dân ca là tiếng tơ đàn đơn điệu của người lao động  2. Đọc  3 . Chú thích : sgk  **II.Đọc-hiểu văn bản:**  ***1/ Bài 1:*** Tình cảm giữa cha mẹ và con cái  Công cha như núi ngất trời  Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông  Núi cao biển rộng mênh mông  Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi.  - Lời của người mẹ nói với con qua điệu hát ru  -> Ca ngợi công lao to lớn của cha mẹ và nhắc nhở kẻ làm con phải có bổn phận chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ.  Công cha - Núi ngấtt trời  Nghĩa mẹ - Nước biển đông  -> Dùng hình ảnh so sánh, ví von quen thuộc của ca dao vừa cụ thể, vừa s/động.  - Cù lao chín chữ : Cụ thể hóa công cha nghĩa mẹvà tình cảm biết ơn của con cái  - Dùng ngôn ngữ có âm điệu lời ru trở nên ngọt ngào thấm thía.  ***2.-Bài 4 :Tình cảm anh em ruột thịt,***  ***thân thương***  Anh em nào phải người xa  Cùng chung bác mẹ, 1 nhà cùng thân  Yêu nhau như thể tay chân  Anh em hoà thuận, 2 thân vui vầy.  - Hai câu đầu :Định nghĩa về tình anh em  Cách nói:giản dị như một lời nói thường  + Từ ngữ:Cùng chung,cùng thân,một nhà  ->Điệp từ trong một câu ca dao gợi sự gắn bó gia đình.  - Tình cảm anh em là sự gắn bó thiêng liêng như chân, tay  Hai câu sau: Sự gắn bó,gắn kết của tình anh em  -> Hình ảnh so sánh: Như tay chân  ->hình ảnh so sánh gần gũi quen thuộc,mang tính truyền thống  => Bài ca là tiếng hát tình cảm về tình anh em yêu thương gắn bó đem lại hạnh phúc cho nhau  **III.Tổng kết:**  ***1.Nghệ thuật:***  - Thể thơ lục bát, ngôn ngữ mộc mạc giản dị, hình ảnh so sánh quen thuộc, gần gũi.  -Từ ngữ giàu sức gợi  2.Nội dung:  - Những câu hát về tình cảm gia đình là một trong những chủ đề tiêu biểu của ca dao  - Ca ngợi công lao to lớn của cha mẹ  - Tình cảm thiêng liêng cao quí của tình anh em  -Tình cảm gia đình là mạch nguồn xuyên suốt trong ca dao là cội nguồn của những tình cảm khác: Tình yêu quê hương đất nước  \* *Ghi nhớ*: sgk (36 )  ***\* Luyện tập:***  1 - Công cha như nui Thái Sơn  Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra  Một lòng thờ mẹ kính cha  Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con. |

***4.Củng cố, hướng dẫn:*** Đọc thuộc những câu hát về tình cảm gia đình và soạn bài những câu hát về tình yêu quê hương đất nước.

Ngày soạn: 31/08/2015

Ngày dạy : 3/09/2015

Tiết 10:Văn bản:

**NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG**

**ĐẤT NƯỚC - CON NGƯỜI**

**A- MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp HS:

1/ Kiến thức: Nắm được nội dung, ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật tiêu biểu của những bài ca dao có chủ đề: tình yêu quê hương, đất nước, con người; Thuộc những bài ca dao trong văn bản và biết thêm một số bài thuộc hệ thống của chúng.

2/ Kĩ năng: Rèn luyện kĩ năng đọc, cảm nhận ca dao.

3/ Thái độ: Giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, con người.

**B- CHUẨN BỊ:**

GV: Soạn giáo án

HS : Soạn trước bài

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn đinh tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

? Thế nào là ca dao - dân ca? Phân tích bài 1,4?

-Yêu cầu:

+ Bài 1: Có sử dụng hình ảnh so sánh ví von quen thuộc để nói lên công cha, nghĩa mẹ thật vô cùng to lớn. Qua đó để nhắc nhở con cái phải có nghĩa vụ chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ.

+ Bài 4: Sử dụng hình ảnh so sánh để diễn tả sự gắn bó gần gũi của tình anh em. Qua đó nhắc nhở anh em phải biết đoàn kết, nương tựa vào nhau để cha mẹ vui lòng.

***3. Bài mới:***

Cùng với tình cảm gia đình thì tình yêu quê hương, đất nước, con người cũng là chủ đề lớn của ca dao - dân ca, xuyên thấm trong nhiều câu hát. Những bài ca thuộc chủ đề này rất đa dạng, có những cách diễn đạt riêng, nhiều bài thể hiện rất rõ màu sắc địa phương. Tiết học này sẽ giới thiệu với chúng ta 2 bài ca dao về tình yêu quê hương, đất nước, con người

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| GV : Hướng dẫn đọc : giọng ấm áp, tươi vui, biểu hiện tình cảm thiết tha, gắn bó.  GV đọc- HS đọc - nhận xét.  HS đọc chú thích.  Gọi 1hs nam, 1hs nữ đọc bài ca dao 1  ? Nhận xét về bài 1, em đồng ý với ý kiến nào : a,b,c,d – sgk-39 ?  a- Bài ca là lời của một người và chỉ có một phần.  b- Bài ca có 2 phần: phần đầu là câu hỏi của chàng trai, phần sau là lời đáp của cô gái.  c- Hình thức đối đáp này có rất nhiều trong ca dao- dân ca.  ? Những địa danh nào được nhắc tới trong lời đối đáp ?  ? Vì sao, chàng trai, cô gái lại dùng những địa danh với những đặc điểm từng địa danh như vậy để hỏi - đáp?  G : Hỏi - đáp về... là hình thức để đôi bên thử sức, thử tài nhau về kiến thức địa lí, lịch sử của đất nước. Những địa danh mà câu đố đặt ra ở vùng Bắc Bộ. Những địa danh đó vừa mang đặc điểm địa lí tự nhiên vừa có dấu vết lịch sử, văn hoá tiêu biểu.  HS đọc 2 câu thơ đầu bài 4.  ? Hai dòng thơ đầu có cấu trúc đặc biệt về từ ngữ :  + Phần đầu của 2 câu đầu, các điệp từ, đảo ngữ ở đây như muốn thể hiện, đứng ở phía nào nhìn, ngắm cũng thấy cánh đồng rộng lớn mênh mông.  + Phần cuối của 2 câu đầu, tác giả đảo lại nhóm từ “mênh mông... – bát ngát...” để thể hiện cảm xúc dạt dào trước không gian bao la.)  HS đọc 2 câu cuối.  - Phân tích hình ảnh cô gái trong 2 câu cuối bài ?  G : Hình ảnh so sánh cô gái dưới ánh nắng ban mai được miêu tả như “chẽn lúa đòng đòng”là lúa mới trổ bông, hạt còn ngậm sữa, gợi sự....  - Bài 4 là lời của ai? Người ấy muốn biểu hiện tình cảm gì?  H : Lời của cô gái đi thăm đồng bày tỏ tình yêu ruộng đồng. Cũng có thể là lời của chàng trai muốn bày tỏ tình cảm với cô gái | **I. Đọc –tìm hiểu chung**  1. Đọc :  2. Chú thích :  3. Tìm hiểu chung :  + Nội dung: Tình yêu quê hương, đất nước: yêu mến, ngợi ca,tự hào  + NT: Sử dụng thể thơ lục bát biến thể  - Hình thức hát đối đáp  **II.Đọc –hiểu văn bản**  ***1- Bài 1***:  + Phần đầu : Lời người hỏi (Phần đối)  - Ở đâu năm cửa nàng ơi  Sông nào sáu khúc..................  + Phần sau : Lời người đáp ( Phần đáp)  - Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi  Sông Lục đầu sáu khúc...........  => Hình thức hát đối đáp,trai gái giao duyên,tỏ tình,đo trí ,đua tài  \* Câu hỏi của chàng trai:  Hỏi về địa danh: Thành năm cửa,sông Lục Đầu, sông Thương, núi Tản Viên…  Nhận xét: Cách hỏi chọn,gợi ra những đặc điểm riêng, tiêu biểu của từng địa danh để hỏi   * Đặc điểm về địa lí tự nhiên * Đặc điểm có dấu vết của lịch sử, văn hoá nổi bật.   Là những nơi nổi tiếng nhiều thời, cảnh sắc đa dạng  => Gợi truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc  => Chàng trai là một người am hiểu về quê hương,xứ sở( lịch sử văn hoá)  \* Lời đáp của cô gái:  - Hà thành năm cửa  - Sông Lục Đầu -sáu khúc  - Núi tản…….  + Nhận xét về lời đáp: Câu trả lời sắc sảo thông minh,thể hiện sự hiểu biết đầy đủ, sâu sắc về địa lí, lịch sử, văn hoá của những địa danh trên quê hương  đất nước  - Yêu mến tự hào vẻ đẹp quê hương ,đất nước  -Biết chia sẻ yêu mến tự hào về quê hương đất nước  =>Hỏi - đáp để bày tỏ sự hiểu biết về về kiến thức địa lí, lịch sử . Thể hiện niềm tự hào, tình yêu đối với quê hương đất, nước giàu đẹp.  ***4 - Bài 4:***  ***Hai câu đầu:***  Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng...  Đứng bên tê đòng, ngó bên ni đồng...  +Cách diễn đạt đặc biệt : ( 2 câu đầu)  - Thơ lục bát phá thể thành câu dài, điệp ngữ, đảo ngữ và phép đối xứng.  ->Gợi sự rộng lớn mênh mông trù phú, xanh tươi tràn đầy sức sống của cánh đồng và tình yêu mến tự hào về vẻ đẹp của làng quê  *Hai câu sau:*  Thân em như chẽn lúa....  Phất phơ dưới ngọn nắng hồng....  - Hình so sánh miêu tả vẻ đẹp của cô gái  ->Gợi sự trẻ trung, hồn nhiên và sức sống đang xuân của cô thôn nữ đi thăm đồng.  =>Tình yêu ruộng đồng và tình yêu con người.  **GV**: Vẻ đẹp cánh đồng quê, vẻ đẹp của sắc trời hương đất như đã kết tinh trong vẻ đẹp của người con gái- là 1 trong những người đã làm nên vẻ đẹp của cánh đồng lúa quê hương. Đó cũng là tiếng hát tự hào, chan chứa niềm yêu đất nước, quê hương của con người.  **III.Tổng kết:**  **1.Nghệ thuật:**  -Hình thức hát đối đáp  - Lục bát biến thể  - Biện pháp nghệ thuật quen thuộc: so sánh  **2. Nội dung**: Tình yêu mến tự hào,,sự gắn bó đối với quê hương xứ sở  - Quê hương mình rất tươi đẹp,tự hào với truyền thống văn hoá,lịch sử.  -Yêu mến về vẻ đẹp của làng quê và vẻ đẹp của cô thôn nữ.  ***\* Luyện tập:Em có nhận xét gì về thể thơ trong 2 bài ca dao 1 và 4*** |

***4. Củng cố, hướng dẫn :***Học thuộc những bài ca dao về tình yêu quê hương đất nước

---------------------------------------------------------

Ngày soạn: 31/08/2015

Ngày dạy: 4/09/2015

Tiết 11**: TỪ LÁY**

**A-MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:** Giúp HS :

*1. Kiến thức :* Nắm được cấu tạo của hai loại từ láy : Từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận. Hiểu được cơ chế tạo nghĩa của từ láy tiếng việt.

*2. Kĩ năng :* Biết vận dụng những hiểu biết về cấu tạo và cơ chế tạo nghĩa của từ láy để sử dụng tốt từ láy.

*3. Thái độ* : Giáo dục lòng yêu mến và yêu thích Tiếng Việt

**B- CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên : Soạn GA, từ loại tiếng việt.

2. Học sinh : Đọc và trả lời những câu hỏi trong SGK

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định tổ chức* :**

***2. Kiểm tra:***

? Từ phức gồm những loại nào? Cho VD? Có mấy loại từ ghép?

(Từ phức gồm 2 loại : Từ ghép và từ láy. Từ ghép có 2 loại là từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.

***3. Bài mới*:**

***Bài hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về các loại từ láy và nghĩa của chúng.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| HS đọc VD 1 - SGK (41) - Chú ý những từ in đậm.  ? Những từ láy: đăm đăm, mếu máo, liêu xiêu có đặc điểm âm thanh gì giống nhau, khác nhau?  - Dựa vào kết quả phân tích trên, hãy phân loại các từ láy ở mục 1? Cho VD?  HS đọc ví dụ – sgk (42 ).  ? Vì sao các từ láy im đậm không nói được là: bật bật, thăm thẳm ?  GV : Thực chất đây là những từ láy toàn bộ nhưng có sự biến đổi thanh điệu và phụ âm cuối là do sự hoà phối âm thanh cho nên chỉ có thể nói : bần bật, thăm thẳm  - Từ láy được phân loại như thế nào?  ? Nghĩa của từ láy: Ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu được tạo thành do đặc điểm gì về âm thanh ?  ? Các từ láy trong mỗi nhóm sau đây có đặc điểm gì chung về âm thanh và về nghĩa ?  a. Lí nhí, li ti, ti hí. (là những từ láy có khuôn vần i )  b. Nhấp nhô, phập phồng, bập bềnh.  (Đây là nhóm từ láy bộ phận, có tiếng gốc đứng sau, tiếng đứng trước lặp lại phụ âm đầu của tiếng đứng sau)  - SS nghiã của các từ láy : mềm mại, đo đỏ, đỏ đỏ với nghĩa của các tiếng gốc: mềm, đỏ làm cơ sở cho chúng?  H : mềm mại: từ láy mang sắc thái biểu cảm. Mềm gợi cảm giác dễ chịu, nhẹ nhàng, uyển chuyển.  H : Đo đỏ : từ láy có nghĩa giảm nhẹ mức độ của màu đỏ  Từ láy có nghĩa như thế nào?  - Gọi hs đọc ghi nhớ 1,2  - Đọc đoạn văn: “Mẹ tôi, giọng khản đặc...nặng nề thế này”(Cuộc chia tay của những con búp bê):  + Tìm các từ láy trong đoạn văn?  + Xếp các từ láy theo 2 loại: từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận?  - Điền các tiếng láy vào trước hoặc sau các tiếng gốc để tạo từ láy?  - Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống? | **I- Các loại từ láy:**  \* *VD:*  - Đăm đăm: giống nhau cả âm lẫn tiếng.  - Mếu máo: giống nhau ở phụ âm đầu.  - Liêu xiêu : giống nhau ở phần vần.  \*Từ láy: có 2 loại  - Láy toàn bộ: Đăm đăm, xinh xinh, đo đỏ  - Láy bộ phận:  + Láy bộ phận phụ âm đầu: mếu máo, ngơ ngác  + Láy bộ phận vần : liêu xiêu, lôi thôi  VD : Bật bật  Thăm thẳm => Không tạo ra sự hòa phối về âm thanh  \* *Ghi nhớ 1*: SGK (42)  **II- Nghĩa của từ láy:**  \* Nghĩa của từ láy:  - Ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu:    => mô phỏng âm thanh.  - Lí nhí, li ti, ti hí: gợi tả những hình dáng âm thanh nhỏ bé.  - Nhấp nhô, phập phồng, bập bềnh: Biểu thị một trạng thái vận động khi nhô lên, khi hạ xuống, khi phồng, khi xẹp, khi nổi, khi chìm.  .- Mềm mại, đo đỏ: Mang sắc thái biểu cảm, sắc thái giảm nhẹ.  - Đỏ đỏ: sắc thái mạnh hơn.  \* *Ghi nhớ 2*: SGK (42)  **III-Luyện tập:**  ***1- Bài 1:***  - Từ láy toàn bộ: thăm thẳm, bần bật, chiêm chiếp  - Từ láy bộ phận: Nức nở, tức tưởi, lặng lẽ, rực rỡ, ríu ran, nhảy nhót, nặng nề.  ***2- Bài 2:***  - Lấp ló, nho nhỏ, nhức nhối, khang khác, thâm thấp, chênh chếch, anh ách.  ***3- Bài 3:***  a, Bà mẹ nhẹ nhàng khuyên con.  b, Làm xong công việc nó thở phào nhẹ nhõm như trút đựơc gánh nặng. |

***4 - Củng cố, hướng dẫn:***

***-*** Làm lại các bài tập và xem trước bài :

- Quá trình tạo lập văn bản

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn: 31/08/2015

Ngày dạy : 6/09/2015

Tiết 12: **QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN**

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1**(ở nhà)

**A- MỤC TIÊU CẦN ĐAT:**: Giúp HS

*1. Kiến thức :* Nắm được các bước của quá trình tạo lập VB, để có thể tập làm văn một cách có phương pháp, có hiệu quả.

*2. Kĩ năng :* Củng cố lại những kiến thức và kỹ năng đã được học về liên kết, bố cục và mạch lạc.

*3. Thái độ:* ý thức tạo lập văn bản một cách tự giác

**B- CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên : Soạn GA, sách “ Nâng cao ngữ văn 7 ”

2. Học sinh : Chuẩn bị đọc bài và trả lời trước câu hỏi.

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

*1.- Ổn định tổ chức:*

*2. Kiểm tra bài cũ:*

? Thế nào là một văn bản có tính mạch lạc? Cho VD?

*3.* Bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| \* Tình huống 1: Em được nhà trường khen thưởng về thành tích học tập. Tan học, em muốn về nhà thật nhanh để báo tin vui cho cha mẹ. Em sẽ kể cho mẹ nghe em đã cố gắng như thế nào để có kết quả học tập tốt như hôm nay. Em tin rằng mẹ sẽ vui và tự hào về đứa con yêu quí của mẹ lắm  - Trong tình huống trên em sẽ báo tin cho mẹ bằng cách nào? ( Kể )  ? Em sẽ xây dựng văn bản nói hay văn bản viết?  ? Văn bản nói ấy có nội dung gì ? Nói cho ai nghe ? Để làm gì ?  \* Tình huống 2: Vừa qua em được nhà trường khen thưởng vì có nhiều thành tích trong học tập. Em hãy viết thư cho bạn để bạn cùng chia sẻ niềm vui với em.  - Để tạo lập 1 văn bản (bức thư), em cần xác định rõ những vấn đề gì?  \* GV: Khi có nhu cầu giao tiếp, ta phải xây dựng văn bản nói hoặc viết. Muốn giao tiếp có hiệu quả, trước hết phải định hướng văn bản về nội dung, đối tượng, mục đích.  - Để giúp mẹ hiểu được những điều em muốn nói thì em cần phải làm gì?  Gv : Treo bảng phụ ghi yêu cầu sgk  - Khi viết văn bản cần đạt những yêu cầu gì?  H : Tất cả các yêu cầu trên  \* GV: Xây dựng bố cục văn bản sẽ giúp em nói, viết chặt chẽ, mạch lạc và giúp người nghe (người đọc) dễ hiểu hơn.  ? Chỉ có ý và dàn bài mà chưa viết thành văn thì đã tạo được 1 văn bản chưa? Hãy cho biết việc viết thành văn bản ấy cần đạt đựơc những yêu cầu gì?  ? Trong sản xuất, bao giờ cũng có những bước kiểm tra sản phẩm? Có thể coi văn bản cũng là 1 loại sản phẩm cần được kiểm tra sau khi hoàn thành không?  Nếu có thì sự kiểm tra ấy cần dựa theo những tiêu chuẩn cụ thể nào?  ? Để có 1 văn bản, người tạo lập văn bản cần phải thực hiện những bước nào?  HS đọc ghi nhớ.  HS làm nhanh theo 4 câu hỏi trong SGK  HS đọc yêu cầu trong sgk.  - Theo em, bạn ấy làm như thế đã phù hợp chưa ? cần phải điều chỉnh lại như thế  nào ?  H : Bạn A mới chỉ nêu thành tích học tập của mình mà chưa chú ý tới việc rút ra kinh nghiệm từ thực tế để giúp các bạn học tập tốt hơn  GV : Bạn xác định không đúng đối tượng giao tiếp. Báo cáo này được trình bày với hs chứ không phải với thầy cô giáo | **I- Các bước tạo lập văn bản :**  ***1/ Định hướng văn bản :***  \* Xây dựng văn bản nói:  - Nội dung : Giải thích lí do đạt kquả tốt trong học tập  - Đối tượng : Nói cho mẹ nghe  - Mục đích : Để mẹ vui và tự hào về đứa con ngoan ngoãn, học giỏi của mình.  \* Văn bản viết :  a , Đối tượng : - Viết thư cho ai ? Viết cho bạn  b, Mục đích : - Viết để làm gì ? Để bạn vui vì sự tiến bộ của mình  c, Nội dung : - Viết về cái gì ? Nói về niềm vui được khen thưởng  d , Hình thức : - Viết như thế nào? Nói về quá trình phấn đấu.  ***2- Xây dựng bố cục văn bản: ( Tìm ý, sắp xếp ý )***  \* Bố cục: 3 phần  - MB : Giới thiệu buổi lễ khen thưởng của nhà trường.  - TB : Lí do em được khen thưởng.  - KB : Nêu cảm nghĩ.  ***3- Diễn đạt thành bài văn:***  - Câu văn, đoạn văn rõ ràng, chính xác, mạch lạc và liên kết chặt chẽ với nhau.  ***4- Kiểm tra văn bản:***  - Đã đạt yêu cầu chưa.  - Cần sửa chữa gì.  \* *Ghi nhớ:* SGK (46)  **II-Luyện tập:**  ***1- Bài 1***: Gọi một Hs lên bảng làm  ***2- Bài 2:***  - Bạn A xác định chưa đúng  - Báo cáo kinh nghiệm học tập để giúp các bạn khác học tập tốt hơn.  - Xưng tôi |

*4* ***– Củng cố, hướng dẫn*** *:*

Học bài và làm bài tập

**\* Phần II:** Làm bài viết số 1(ở nhà):Văn tự sự

Đề ra: Thay lời người mẹ kể về cuộc chia tay của Thành và Thuỷ trong văn bản: “Cuộc chia tay của những con búp bê”.

---------------------------------------------------------

**TUẦN 4** Ngày soạn: 7/09/2015 Ngày dạy : 11 /09/2015

Tiết 13:

Văn bản**:** NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN

**A- MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

*1. Kiến thức:* Nắm được nội dung, ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật tiêu biểu của những bài ca dao than thân.

*2. Kĩ năng:* Rèn luyện kĩ năng đọc, cảm nhận ca dao

*3. Thái độ:* Giáo dục tình yêu thương nhân đạo

**B-CHUẨN BỊ :**

1. Giáo viên : Soạn GA, cuốn “ Bình giảng văn học ”

2. Học sinh : Soạn bài

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

*1. Ổn định tổ chức:*

*2. Kiểm tra bài cũ:*

? Đọc thuộc lòng 2 bài ca dao về tình yêu quê hương, đất nước, con người? Tình cảm chung được thể hiện trong 2 bài ca dao là gì ? Em có nhận xét gì về thể thơ trong 2 bài ca dao này ?

*3.Bài mới:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| -GV hướng dẫn cách đọc thể lục  bát,giọng điệu tha thiết, phấn chấn  GVđọc mẫu, gọi hs đọc -> Nêu nhận xét  -Yêu cầu HS tìm hiểu chú thích (SGK).  - GV gọi HS đọc bài ca dao 2.  ?Bài ca dao 2 là lời của ai ? Em có nhận xét gì về cấu trúc bài ca dao ?  -Em hiểu cụm từ “thương thay” như thế nào?Hãy chỉ ra ý nghĩa của sự lặp lại cụm từ này ?    ? Theo em con tằm cái kiến là hình ảnh của ai mà dân gian tỏ lòng thương cảm?  Theo em trong bài ca dao này con hạc có ý nghĩa gì ?  H: +Lánh : Tìm nơi ẩn náu  + Đường mây : Từ ước lệ chỉ không gian phóng khoáng, nhàn tản  - Có thể hình dung ntn về nỗi khổ của con quốc trong bài ca dao ?  H:+ Quốc giữa trời : Gợi hình ảnh của sinh vật nhỏ nhoi ,cô độc giã không gian rộng lớn  + Kêu ra máu : đau thương , khắc khoải , tuyệt vọng  ? Bài ca dao có sử dụng biện pháp nghệ thuật gì ? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó ?  - Đọc bài 3 - Bài 3 nói về ai?  - Hình ảnh so sánh của bài này có gì đặc biệt?  GV : gt trái bần : tròn, dẹt, có vị chua chát => tầm thường  ? Từ hình ảnh so sánh “ Thân em như trái bần trôi ,, em hiểu gì về thân phận người phụ nữ trong xã hội xưa?  GV : Hình ảnh so sánh trái bần gợi sự liên tưởng đến thân phận người nghèo khó. “Gió dập sóng dồi” xô đẩy, quăng quật trên sông nước mênh mông không biết “tấp vào đâu”.  - Cụm “thân em,, gợi cho em suy nghĩ gì ?- Qua đây em thấy cuộc đời người phụ nữ trong xã hội phong kiến như thế nào?  GV : Cuộc đời người phụ nữ trong xã hội phong kiến cũ phải chịu nhiều đau khổ, đắng cay. Họ hoàn toàn lệ thuộc vào hoàn cảnh, họ không có quyền tự mình quyết định cuộc đời mình, xã hội phong kiến luôn nhấn chìm họ. | **II- Đọc và tìm hiểu chung:**  1. Đọc :  2. Chú thích :  **II.Đọc- hiểu văn bản :**  ***1. Bài 2:***  Thương thay thân phận con tằm...  .............. lũ kiến tí ti ..........  .............. hạc lánh đường mây...  ............. con cuốc giữa trời ....  \* Lời người lao động thương cho thân phận những người khốn khổ và cũng cho chính mình  \*Gồm 4 cặp câu lục bát (ẩn dụ )  \*Thương thay: tiếng than ( thương cảm,xót xa) cho cuộc đời cay đắng nhiều  bề của người nông dân  \*4 câu thơ đầu:  Thân phận của con tằm và cuộc đời lũ kiến nhỏ bé suốt đời ngược xuôi , làm lụng vất vả nhưng hưởng thụ ít  -> Tượng trưng cho con người nhỏ nhoi, yếu đuối, cuộc đời khó nhọc, vất vả nhưng chịu đựng và hy sinh  \* 4 câu thơ tiếp :  Thương thay ….  Thương thay ….  - Hạc : Cuộc đời phiêu bạt,lận đận  - Quốc : Nỗi oan trái, tuyệt vọng  => Mượn hình ảnh con có, con quốc để nói tới tiếng kêu thương về nỗi oan trái không được lẽ công bằng soi tỏ  -> Điệp từ được lặp lại 4 lần,gắn với 4 số phận khác nhau - Tô đậm mối thương cảm, xót xa cho cuộc đời cay đắng nhiều  bề của người lao động.  ***3- Bài 3:***  Thân em như trái bần trôi  Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu.  =>Hình ảnh so sánh . gợi số phận chìm nổi, lênh đênh, vô định của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  - Thân em gợi sự tội nghiêp ,cay đắng, thương cảm    Bài ca là lời của người phụ nữ than thân cho thân phận bé mọn, chìm nổi,trôi dạt,vô định  **III. Tổng kết: Ghi** nhớ (SGK)  1. Nghệ thuật: - Sử dụng thể thơ lục bát  - Sử dụng hình ảnh so sánh , ẩn dụ mang tính truyền thống  2. Nội dung: - Diễn tả cuộc đời, thân phận con người trong xã hội cũ.  - Ngoài ý nghĩa than thân còn có ý nghĩa phản kháng.  \* *Ghi nhớ:* SGK(49)  \**Luyện tập:* Tìm những bài ca dao có nội dung than thân tương tự .  Thân em như con hạc đầu đình  Muốn bay chẳng cất nổi mình mà bay.   * Thân em như con cá rô thia   Ra sông mắc lưới vào đìa mắc câu.   * Khổ như tui đây mới ra thậm khổ   Lên non đốn củi gặp chỗ đốn rồi  Xuống sông gánh nước gặp chỗ cát bồi  khe khô. |

***4. Củng cố, hướng dẫn:****Đọc lại 2 bài ca dao*

Soạn bài : Những câu hát châm biếm.

-----------------------------------------------------------------

Ngày soạn: 7/9/2015 Ngày dạy: 11/09/2015

Tiết 14:

Văn bản **:** NHỮNG CÂU HÁT CHÂM BIẾM

**A - MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

1. Kiến thức : Hiểu nội dung ý nghĩa và một số hình thức NT tiêu biểu của những bài ca dao châm biếm.

*2/ Kĩ năng:* -Rèn luyện kĩ năng đọc, cảm nhận ca dao.

*3/ Thái độ:* -Giáo dục HS tránh xa những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống.

**B- CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên : Soạn GA, tư liệu tham khảo : Bình giảng ngữ văn 7

2. Học sinh : Soạn bài

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định tổ chức:***

***2 Kiểm tra bài cũ****:*

? Đọc thuộc lòng những câu hát than thân? Những bài ca dao về chủ đề than thân có điểm gì chung về nội dung - nghệ thuật?

***3. Bài mới.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| GV hướng dẫn đọc, GV đọc mẫu, gọi HS đọc  Đọc chú ý nhịp 6/8  Giọng điệu châm biếm, phê phán  HS đọc chú thích SGK  Chú ý : Trống canh : Đêm 5 canh . Canh 1 từ 6h tối ; canh 5 đến 5h sáng  ? Bài ca dao là lời của ai?  ? Bức chân dung của chú tôi hiện lên ntn?  ? Theo em “ hay ,, được dùng với nghĩa nào sau đây Am hiểu. Ham thích .Thường xuyên  => Hiểu theo 3 nghĩa  ? Thực chất những điều ước của chú tôi là gì ?  H : Ngày mưa để không phải đi làm  đêm dài để được ngủ nhiều  ? Em có nhận xét gì về những thứ hay và những điều ước của chú tôi ?  ? Qua lời giới thiệu, ông chú hiện lên là người như thế nào ?  ? Theo em giữa cô yếm đào và ông chú có đặc điểm gì khác nhau?  ? Tác giả sử dụng nghệ thuật gì?  ? Dân gian đặt “ chú tôi,, cạnh “ cô yếm đào,, ngầm ý gì ?  H : Chú tôi đối lập với cô yếm đào -> Cái xấu đặt cạnh cái tốt nhằm nhấn mạnh sự mỉa mai, giễu cợt  ? Thông thường khi mai mối nhân duyên thì phải nói tốt về người đó.Vậy mà bà mối lại nói như thế nào?  ? Bài này châm biếm hạng người nào trong XH ?  ? Nếu cần khuyên bảo nhân vật chú tôi bằng thành ngữ thì em dùng câu nào ?  H : Tay làm hàm nhai tay quai, tay quai miệng trễ  - Bài 2 nhại lại lời của ai? Nói với ai?  H : Nhại lại lời của thầy bói nói với người đi xem bói  ? Thầy bói đã phán gì ?  ? Em có nhận xét gì về lời của thầy bói?  H : Thầy nói rõ ràng và khẳng định như đinh đóng cột nhưng đó lại là những sự hiển nhiên, do đó lời phán trở thành vô nghĩa, nực cười  ? Thầy bói trong bài ca dao là người như thế nào ?  ? Em có nhận xét gì về cô gái ?  Để lật tẩy bộ mặt thật của thầy, bài ca dao đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì ?  Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó ?  ? Bài ca này phê phán hiện tượng gì trong XH ?  ? Bài ca dao 1 và 2 có điểm chung gì về nội dung - nghệ thuật?  HS đọc ghi nhớ sgk | **I- Đọc- tìm hiểu chung:**  1. Đọc:    2. Chú thích:  **II- Đọc -hiểu văn bản:**  ***1.Bài 1:***  - Bài ca dao là lời của người cháu đi hỏi vợ cho chú  Chú tôi : hay tửu hay tăm  hay nước chè đặc  hay ngủ trưa  Ước : ngày mưa  đêm thừa trống canh  -> Một đêm chỉ có 5 canh vậy mà ông chú lại ước nhiều canh hơn,ước muốn đó rất kì quặc,phi lí.  => Những điều hay và ước đều bất bình thường  => Là người đàn ông vô tích sự, lười biếng, thích ăn chơi hưởng thụ.  -đẹp, xinh>< xấu,lười biếng  - Đối lập  - Ngược lại  -> Đây là cách nói ngược để giễu cợt châm biếm nhân vật chú tôi  -> Châm biếm, chế giễu những hạng người nghiện ngập và lười biếng  ***2. Bài 2***:    Số cô chẳng giàu thì nghèo ...  Số cô có mẹ có cha ...  Số cô có vợ có chồng ...  Sinh con đầu lòng chẳng gái thì trai  - Đây là kiểu nói dựa nước đôi, không có ý nghĩa tiên đoán  =>Thầy là kẻ lừa bịp, dối trá.  - Cô gái xem bói là người ít hiểu biết , mù quáng  -> Nghệ thuật phóng đại gây cười - để lật tẩy chân dung và bản chất lừa bịp của thầy.  -> Phê phán, châm biếm những kẻ hành nghề bói toán và những người mê tín  ***\* Ghi nhớ:***SGK( 53)  ***\* Luyện tập:***  - Nhận xét về sự giống nhau của bài ca dao1 và 2 trong văn bản ? |

***4****-****Củng cố , hướng dẫn:*** Học thuộc bài ca dao 1 và 2 .

Tìm những bài ca dao có nội dung tương tự .

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn: 7/9/2012

Ngày dạy: 14/9/2012

**Tiết 15**   **ĐẠI TỪ**

A.NỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức :* Nắm được khái niệm đại từ. Các loại đại từ tiếng việt

*2. Kĩ năng:* Rèn luyện kĩ năng nhận biết và sử dụng đại từ

*3. Thái độ:* Có ý tưởng sử dụng đại từ hợp với tình huống giao tiếp

B .CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: Soạn GA, cuốn “ Ngữ văn nâng cao7 ”.

2. Học sinh : Chuẩn bị bài trước khi lên lớp

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định lớp***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

***3. Bài mới****:* Giới thiệu bài

Hãy gọi tên cho sự vật cô đang cầm trên tay – Phấn; Gọi tên tính chất của bông hoa – Đỏ; Gọi tên cho hoạt động mà bạn vừa thực hiện – Phát biểu. Như vậy danh từ, động từ, tính từ đã làm tên gọi của sự vật, tính chất, hoạt động. Có một từ loại mà nó không làm tên gọi cho sự vật, tính chất, hoạt động … mà nó trở thành một công cụ để chỉ ra (trỏ) sự vật, tính chất, hoạt động. Tiết học này ta cùng tìm hiểu.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên – học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| \*Gọi HS đọc các VD a, b, c, đ (SGK, 54)  **?** Từ “ nó ” ở VD a, b trỏ ai, trỏ con vật gì?  ? Nhờ đâu em biết được nghĩa của 2 từ “ nó ” trong hai đoạn văn này?  \* GV giảng từ “ trỏ ” : không trực tiếp gọi tên sự vật, hoạt động, tính chất mà chỉ dùng như một công cụ để chỉ ra sự vật, hoạt động, tính chất nào đó được nói đến.  - Muốn hiểu được nghĩa của từ “ nó ” phải dựa vào SV, HĐ, TC… được nói đến trong câu.  **?** Từ “ thế ” trong đoạn văn thứ ba trỏ sư việc gì? Nhờ đâu em hiểu nghĩa của từ “ thế ” trong đoạn văn này?  **?** Từ “ ai ” trong bài CD dùng để làm gì?  - “ ai ” dùng để hỏi.  ? Theo em đại từ được dùng để làm gì?  **?** Các từ “ nó, thế, ai ” trong các đoạn văn trên giữ vai trò ND gì trong câu?  - Đại từ có thể giữ vai trò :  a.CN c. BN  b. ĐN d. CN  ? Các từ như vậy gọi là đại từ .Thế nào là đại từ ?  Đọc ghi nhớ (SGK, 55)  \* Gọi HS đọc II 1(SGK, 55)  **?** Các đại từ “ tôi, tao, tớ, chúng tôi,…” trỏ gì? Đặt câu?  -Trỏ người, SV, dùng để xưng hô.  ? Các đại từ “ bấy, bấy nhiêu ” trỏ gì? Đặt câu  -Trỏ số lượng  ? Các đại từ “ vậy, thế ” trỏ gì?  Đặt câu  **?** Các đại từ : ai, gì,… hỏi về gì? Đặt câu  ? Sao, thế nào,… hỏi về gì? Đặt câu  \*HS khái quát thành ghi nhớ (SGK, 56) | I.Thế nào là đại từ 1.VD (SGK, 54 – 55)  - a, nó : trỏ “ em tôi ”  - b, nó : trỏ “ con gà của anh Bốn Linh ”  =>Dựa vào các từ ngữ ,các ngữ cảnh của chúng  - “ Thế ” trỏ việc mẹ nói chia đồ chơi.  - Dựa vào sự việc trên trong câu.  =>Dùng để chỉ một đối tượng người nào đó  =>Dùng để trỏ ,sự vật ,hoạt động tính chất ….được nói đến trong một ngữ cảnh nhất định của lời nói hoặc dùng để hỏi  =>Từ **nó (a*)***và từ **ai** **(d)**giữ chức vụ chủ ngữ trong câu  Từ nó ở ví dụ (b) giữ chức vụ phụ ngữ của danh từ tiếng  Từ thế ở ví dụ (c) giữ chức vụ phụ ngữ cho động từ nghe  2. Ghi nhớ 1 (SGK, 55) II.Các loại đại từ 1.Đại từ dùng để trỏ  =>Chỉ người hoặc sự vật (nên còn gọi là đại từ xưng hô )  =>Trỏ số lượng :(số ít ;số nhiều )  - Trỏ hoạt động, tính chất của sự việc.  2. Đại từ để hỏi  - Hỏi về người sự vật  - Hỏi về số lượng  - Hỏi về hoạt động, tính chất cảu sự việc  Ai ở đây dùng để hỏi người ,sự vật không xác định được ,do đó ai ở đây là đại từ nói trống (phiếm chỉ )  \* Ghi nhớ 3 (SGK, 56) III. Bài tập BT1  a.  + Ta, tao, tôi : ngôi 1 số ít  + Mày : ngôi 2 số ít  + Nó, hắn : ngôi 3 số ít  + Chúng tôi – ta : ngôi 1 số nhiều  + Chúng mày : ngôi 2 số nhiều  + Chúng nó, họ : ngôi 3 số nhiều  b.  “ Mình ” 1 : ngôi 1, số ít  “ Mình ” 2 : ngôi 2, số ít  BT2 (57)  \* Chú ý : Khi xưng hô, một số danh từ như ông, bà, cha, mẹ, chú, bác, … cũng được SD như đại từ xưng hô  VD :  + Hỏi một em nhỏ :  Anh của em có nhà không?  + Đứa nhỏ nói :  Con mời ông vô ăn cơm.  BT3 (57)  - Ai đấy?  - Sao lại thế nào?  - Bao giờ anh đi?  - Trong lớp bạn thấy bao nhiêu người?  - Bao nhiêu tiền một quyển vở? |

4. Củng cố, hướng dẫn

* BTVN : 4, 5 (57) ; Chuẩn bị bài : Tạo lập văn bản.

Ngày soạn: 25/9/2012

Ngày dạy: 26/9/2012

Tiết 16 **LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN**

## A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Kiến thức :* Củng cố lại những kiến thức có liên quan đến việc quan đến việc tạo lập VB. Tạo lập một VB tương đối đơn giản, gần gũi với đời sống và công việc học tập của các em.

*2. Kĩ năng :* Kĩ năng tạo lập văn bản

*3. Thái độ :* ý thức tạo lập văn bản một cách tự giác

## B. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên : Soạn GA

2. Học sinh : Chuẩn bị trước bài ở nhà

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. ổn định lớp***

***2. Kiểm tra***

Thế nào là Đại từ? Cho VD

HS làm BT SGK

***3. Bài mới****:* Giới thiệu bài

Sau tiết học tạo lập văn bản, em có thể tạo lập một văn bản tương đối đơn giản, gần gũi với cuộc sống và công việc học tập của các em. Tiết học này sẽ giúp các em luyện tập thêm về việc tạo lập văn bản hoàn chỉnh.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên – học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| ? Các bước tạo lập văn bản ?  ? Đề bài trên thuộc kiểu văn bản gì?  ? Những định hướng cho bức thư sẽ viết: Viết về nội dung gỡ? Tập trung viết về mặt nào?  ? Em thử nêu bố cục của một bức thư?  ? Dựa vào đề bài em sẽ mở đầu bức thư ntn cho nó tự nhiên ?  ? Phần chính của bức thư em định viết những gì ?  ? Nếu định viết về cảnh đẹp em định giới thiệu những cảnh gì ?  ? Phần cuối bức thư có những nội dung nào ?  + Yêu cầu HS viết phần MB, TB, KB, trình bày bảng.  + GV nhận xét và sửa chữa cùng các bạn khác trong lớp. | I. Ôn tập - Định hướng chính xác.  - Xây dựng một bố cục rành mạch, hợp lí.  - Diễn đạt các ý ghi trong bố cục.  - Kiểm tra văn bản.  **II. Chuẩn bị ở nhà**  1. Cho tình huống : Em hãy viết một bức thư để tham gia cuộc thi viết thư cho liên minh Bưu chính quốc tế (UPU) tổ chức với đề tài : Thư cho một người bạn để bạn hiểu về dất nước mình.  - Viết thư.  2. Tìm hiểu đề và tìm ý  - Viết cái gì? Cảnh đẹp thiên nhiên hoặc văn hoá hoặc lịch sử.  - Viết cho ai? Người bạn nước ngoài  - Viết để làm gì? Giới thiệu về vẻ đẹp thiên nhiên ĐN, gây thiện cảm của bạn đối với ĐN mình và góp phần XD tình hữu nghị.  - Bố cục của bức thư:  - Phần đầu thư.  - Nội dung chớnh bức thư.  - Phần cuối thư.  ***a/ Phần đầu thư:***  -Địa điểm, ngày, thắng, năm.  -Lời xưng hô.  -Lí do viết thư.  ***b/ Nội dung chính bức thư:***  - Hỏi thăm.  - Ca ngợi tổ quốc bạn.  - Giới thiệu về đất nước mình.  - Em giới thiệu cảnh của 3 vùng:  +Miền Bắc:Vịnh Hạ Long;Hồ Tây; chùa Một Cột;…  +Miền Trung:sông Hương; núi Ngự;biển Nha Trang…  +Miền Nam: sông nước Cửu Long;bến cảng Nhà Rồng;…  ***c/ Phần cuối thư:***  - Lời chào  - Lời mời bạn đến thăm đất nước mình.  - Mong tình hữu nghị hai nước khắng khít  3. Dàn bài  MB : Lý do viết thư (xem gợi ý)  TB : Giới thiệu cảnh đẹp thiên nhiên :  + Vẻ đẹp của Sa pa  + Sông Hương, núi Ngự bên kinh thành Huế  + Bờ biển Nha Trang  KB: Lời chào, lời chúc và lời hứa hẹn.  **II. Thực hành trên lớp**  1.Viết phần MB  2.Viết phần TB : Chú ý trình tự :  -Thời gian các mùa : Xuân, hạ, thu, đông.  3.Kết bài |

## *4. Củng cố, hướng dẫn*

- Đọc bài đọc thêm (SGK, 60 – 61 )

- Soạn : Sông núi nước Nam

Phò giá về kinh

Ngày soạn : 14/09/2015 Ngày dạy : 16/09/2012

**TUẦN 5**

TIẾT 17: Văn bản: **SÔNG NÚI NƯỚC NAM**

( Lý Thường Kiệt)

**PHÒ GIÁ VỀ KINH**

( Trần Quang Khải)

**A- MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

*1. Kiến thức:*

- Qua 2 bài thơ trung đại, HS hiểu được khí phách và khát vọng của dân tộc ta thời xưa thể hiện ở tinh thần độc lập dân tộc, tự hào về chiến thắng chống ngoại xâm, khẳng định sức mạnh dân tộc trong việc bảo vệ và phát triển đất nước.

- Nhận biết thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn tứ tuyệt đường luật.

*2. Kỹ năng:*

- Rèn HS kỹ năng tìm hiểu , phân tích thơ trữ tình trung đại. Kỹ năng đọc - hiểu văn bản thơ trữ tình TĐ.

*3. Thái độ*: Giáo dục HSý thức dân tộc, niềm tự hào dân tộc. Biết ơn và gìn giữ những gì mà cha ông để lại.

**B- CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên : Soạn GA, giảng bình văn 7. Giáo trình văn thơ trung đại.

2. Học sinh : Soạn bài, giải thích các yếu tố Hán,…

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, phân tích, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

*1- Ổn định tổ chức:*

*2- Kiểm tra bài cũ*:

? Nhắc lại khái niệm ca dao là gì?Đọc một bài ca dao em thích? Nêu nội dung nghệ thuật của bài ca dao đó

3. *Bài mới*:

***Đất nước ta trải qua bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, bao triều đại đi qua là bấy nhiêu triều đại đứng lên đấu tranh chống ngoại xâm giữ nước. Truyền thống ấy đã được phản ánh trong các tác phẩm văn học, đặc biệt là văn học Lí -Trần. Hai văn bản mà chúng ta được học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về điều đó.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| HS :Đọc phần chú thích sgk  GV:Hướng dẫn học sinh tìm hiểu tác giả , tác phẩm.  GV:Hướng dẫn học sinh đọc bài và tìm hiểu thể thơ  - HS đọc chú thích SGK  - HS đọc bản phiên âm, bản dịch nghĩa, dịch thơ.  ? Trong câu thơ đầu tiên có những chữ nào, theo em là quan trọng nhất? Vì sao?  - HS phát hiện; tìm hiểu nghĩa của từng từ ( dựa vào chú thích)  ? Câu 1 khẳng định điều gì?  - GV: chân lí ấy tiếp tục được khẳng định ở câu 2; địa vị đế Nam Quốc được thiết lập một cách hiển nhiên trong kinh của Nguyễn Thủy Tiên Tôn( Thiên Thư)  HS đọc 2 câu cuối với giọng thách thức, quả quyết.  ? Hai câu nêu những ý cơ bản gì? Giọng điệu người viết như thế nào?  ? Vì sao có thể ví bài thơ như bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam?  - HS dựa vào nội dung, nghệ thuật, giọng điệu bài thơ để trả lời.  GV: Bài thơ của Lý Thường Kiệt là kết tinh ý chí độc lập đã ăn sâu trong máu thịt của DT VN từ nghìn đời nay, nó có 1 sức mạnh kì diệu mỗi khi Tổ Quốc bị xâm lăng giày xéo thì nó trỗi dậy chiến đấu với 1 niềm tin lớn không gì lay chuyển nổi. Bài thơ là lời kêu gọi, truyền hịch, truyền niềm tin, niềm phấn khởi cho quân ta; đồng thời cũng là lời cảnh báo gieo sự hoang mang, hoảng hốt tới quân thù.  Bài thơ đề cập đến vấn đề gì ?  -Bài thơ có bố cục như thế nào ?  - Nội dung của 2 câu đầu và 2 câu cuối khác nhau ở chỗ nào? (2 câu đầu nói về hào khí chiến thắng. 2 câu sau nói về khát vọng thái bình của dân tộc)  - Đọc 2 câu đầu.- Hai câu đầu nêu ý gì ? (2 câu đầu của bài thơ nói về 2 chiến thắng. Chiến thắng Chương Dương sau nhưng được nói trước chiến thắng Hàm Tử, để làm sống lại không khí của chiến trường. Hai câu thơ như 1 ghi chép cảnh chiến trường kinh thiên động địa)  - Em có nhận xét gì về lời thơ của tác giả ? Tác dụng của lời thơ đó? (Lời thơ rõ ràng, rành mạch và mạnh mẽ gân guốc làm sống dậy 1 không khí trận mạc như có tiếng va của đao kiếm, tiếng ngựa hí, quân reo!)  - Nhắc đến 2 trận đánh đó để nhằm mục đích gì?  - Qua đó tác giả muốn bộc lộ tình cảm gì  HS đọc 2 câu cuối.  - Ý 2 câu cuối nói gì? (2 câu cuối là lời động viên, phát triển đất nước trong hoà bình. Như vậy thái bình vừa là thành quả chiến đấu, vừa là cơ hội để gắng sức. Đó là chiến lược giữ nước lâu bền)  - Hai câu cuối đã bộc lộ được tình cảm gì ?  ? Nêu nội dung nghệ thuật ?  ? Em có nhận xét gì về cách biểu ý của bài thơ?  ? Cách biểu ý và biểu cảm của bài Phò giá về kinh và bài Sông núi nước Nam có gì giống nhau ? (Nhận xét 2 bài thơ Sông núi nước Nam và Phò giá về kinh:  Em có biết 2 Văn bản được coi là tuyên ngôn độc lập lần thứ 2 và 3 của dân tộc VN ta tên là gì ? Do ai viết và xuất hiện bao giờ ? | Văn bản 1:SÔNG NÚI NƯỚC NAM  ( Nam quốc sơn hà)  Lý Thường Kiệt  **I. Đọc và tìm hiểu chung :**  1, Tác giả, tác phẩm:  - Không rõ là ai.  - Trong một số tài liệu cho rằng tác giả là Lý Thường Kiệt. Danh tướng của nhà Lý có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Tống.  -Ông viết bài thơ để động viên tinh thần tướng sĩ trong cuộc kháng chiến chống Tống trên phòng tuyến nam sông Cầu (Như Nguyệt năm 1076- 1077)  - Là bài thơ thần xem như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc ta.  2. Thể loại:VH trung đại ra đời và phát triển trong lòng chế độ XHPK  - Thơ trung đại chiếm số lượng lớn  - Có nhiều thể loại phong phú:  +Thất ngôn tứ tuyệt  +Ngũ ngôn tứ tuyệt  +Thất ngôn bát cú  +Song thất lục bát  Bài thơ sử dụng thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt  Gieo vần: 1,2,4  2,4  Ngắt nhịp: 4/3: Chữ Hán  3/4 : Chữ Nôm  3. Đọc, chú thích:  **II.Đọc- hiểu văn bản:**  1. Hai câu đầu:  - Vang lên hùng hồn, chắc nịch trang trọng và đầy tự hào.  - Câu 1: Có 4 chữ mang nhiều ý nghĩa mới mẻ, sâu sắc:  + Nam quốc: Nước Nam. Vùng sông núi ở phía Nam là một nước chứ không phải là một quận huyện của Trung Hoa-> ý thức độc lập, chủ quyền đã được khẳng định ngay từ đầu.  + Cư: - ở  - xử lí mọi việc  + Nam đế cư: Vua nước Nam phải xử lí mọi công việc mà bậc hoàng đế nước Nam phải đảm nhiệm  =>Khẳng định chân lí thiêng liêng: Bắc có Bắc đế thì Nam cũng có Hoàng Đế của mình. Mỗi đế làm chủ một phương, ngang hàng nhau, chẳng kém gì nhau  2. Hai câu 3,4:  - Câu 3: + câu hỏi hướng về bọn giặc ngông cuồng-> lột trần bản chất trái nghĩa, vô đạo lí của PKPB đã bao đời ỷ mạnh, cậy lớn làm càn.  - Câu 4: + Lời cảnh báo đanh thép, kiên quyết về hậu quả thê thảm đối với bạn xâm lăng nếu chúng cố tình xâm phạm mảnh đất phương Nam.  => Lời tiên tri chắc nịch thể hiện ý chí quyết chiến quyết thắng để giữ vững nền độc lập, tự do,tự chủ của Tổ Quốc.  3. Tiểu kết: -Bài thơ khẳng định vững chắc quyền tồn tại độc lập và bình đẳng của non sông Nam Quốc, của Nam đế cùng Bắc quốc, Bắc đế.  - Thể hiện quyết tâm sắt đá của vua tôi Đại Việt, nhất định sẽ đập tan mọi âm mưu và hành động ngông cuồng của kẻ thù.  - Bài thơ mang màu sắc chính luận sâu sắc, giọng thơ hùng hồn, đanh chắc, gọn sắc.  ***Văn bản2: Phò giá về kinh (Tụng giá hoàn kinh sư)*** .  **I.Đọc – tìm hiểu chung:**  1. Đọc: Giọng phấn chấn, hào hùng, chậm chắc; ngắt nhịp 2/3.  2. Chú thích:  a.Tác giả- tác phẩm  Tác giả: Trần Quang Khải(1241-1294)  Là một võ tướng kiệt xuất, một nhà thơ có những vần thơ “ sâu xa lí thú”  Tác phẩm:Bài thơ viết năm 1285, khi ông đi đón Thái Thượng Hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông về Thăng Long ngay sau chiến thắng Chương Dương, Hàm Tử .  **II. Đọc –hiểu văn bản**  ***\* Đại ý***: Bài thơ nói về 2 chiến thắng giặc Mông và giặc Nguyên đời Trần và ý thức XD nước sau khi có thái bình.  ***\* Bố cục:*** 2 phần  ***a,Hai câu đầu***: Hào khí chiến thắng  Đoạt sáo Chương Dương độ,  Cầm Hồ Hàm Tử quan.  -> Nói về thắng lợi của 2 trận đánh ở Chương Dương và Hàm Tử.  -> Lời thơ rõ ràng, rành mạch - Làm sống dậy không khí trận mạc.  => Ca ngợi chiến thắng hào hùng của dân tộc trong cuộc chiến chống quân Mông-Nguyên xâm lược.  - Thể hiện niềm tự hào dân tộc.  ***b, Hai câu cuối :*** Khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc.  Thái bình tu trí lực,  Vạn cổ thử giang san.  -> Nói về việc xây dựng đất nước trong thời bình với 1 niềm tin sắt đá vào sự bền vững muôn đời của đất nước.  => Thể hiện niềm tin sắt đá vào sự bền vững muôn đời của đất nước.  ***III- Tổng kết:***  1,Nghệ thuật: Cảm xúc dồn nén,ngôn ngữ cô đúc  2, Nội dung:  - Hào khí chiến thắng.  - Khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc ta.  *Bài thơ được biểu ý 1 cách rõ ràng, diễn đạt ý tưởng trực tiếp, không hình ảnh hoa mĩ, cảm xúc trữ tình được nén kín trong ý tưởng. 2 câu đầu là niềm tự hào mãnh liệt trước chiến thắng, 2 câu sau là niềm tin sắt đá vào sự bền vững muôn đời của đất nước*  - Hai bài thơ đều thể hiện 1 chân lí lớn lao và thiêng liêng đó là : Nước VN là của người VN, không ai được xâm phạm, nếu xâm phạm sẽ bị thất bại (bài 1).  - bài 2 là ngợi ca khí thế hào hùng của dân tộc qua chiến đấu và khát vọng XD phát triển đất nước trong hoà bình. -Hai bài thơ đều là thể Đường luật. Một theo thể thất ngôn tứ tuyệt, 1 theo thể ngũ ngôn tứ tuyệt. Cả 2 bài thơ đều diễn đạt ngắn gọn, xúc tích, cảm xúc và ý tưởng hoà làm một  **\* Luyện tập:**  - Tuyên ngôn lần thứ 2: Cáo bình Ngô của Nguyễn Trãi (TK XV)  - Tuyên ngôn lần thứ 3: Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh (2.9.1945) |

**4. Củng cố, hướng dẫn**

- Học thuộc lòng 2 bài thơ (phiên âm, dịch thơ).

- Học thuộc 2 ghi nhớ.

-Chuẩn bị bài: Từ Hán Việt

---------------------------------------------------

Ngày soạn:14/09/2015  Ngày dạy : 16/09/2015

TIẾT 18**: TỪ HÁN VIỆT**

**A- MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

*1. Kiến thức:* - Khái niệm từ Hán Việt, yếu tố Hán Việt

- Các loại từ ghép Hán Việt

*2. Kỹ năng:*  Nhận biết từ Hán Việt, các loại từ ghép Hán Việt

*3. Thái độ:* Giáo dục ý thức sử dụng từ Hán Việt đúng đắn trong mọi ngữ cảnh.

**B- CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên : Soạn GA, mở rộng vốn từ HV

2. Học sinh : Giải nghĩa các yếu tố HV trong hai bài thơ “Phò giá về kinh ” và “ Sông núi nước Nam ”?

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

- Thế nào là đại từ? Đại từ thường giữ chức vụ ngữ pháp gì trong câu? VD?

- Đại từ được phân loại như thế nào? Cho VD?

***3. Bài mới:***

Từ: Nam quốc, sơn hà là từ thuần Việt hay là từ muợn? Mượn của nước nào?

Ở bài từ mượn Lớp 6, chúng ta đã biết: bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là từ mượn tiếng Hán gồm từ gốc Hán và từ Hán Việt. Ở bài này chúng ta sẽ tìm hiểu về đơn vị cấu tạo từ Hán Việt và từ ghép Hán Việt.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| Đọc bài thơ chữ Hán: Nam quốc sơn hà.  ? Các tiếng Nam, quốc, sơn, hà nghĩa là gì ?  ? Tiếng nào có thể dùng như một từ đơn đặt câu (dùng độc lập), tiếng nào không dùng đựơc ?  - VD: so sánh quốc với nước, sơn với núi, hà với sông?  - Có thể nói : Cụ là 1 nhà thơ yêu nước.  - Không thể nói: Cụ là 1 nhà thơ yêu quốc  - Có thể nói: trèo núi ,không thể nói: trèo sơn.  - Có thể nói: Lội xuống sông, không nói lội xuống hà.  GV kết luận: Đây là các yếu tố Hán Việt.  - Vậy em hiểu thế nào là yếu tố Hán Việt?  - Các yếu tố Hán Việt được dùng như thế nào ?  - Tiếng thiên trong thiên thư có nghĩa là trời. Tiếng thiên trong các từ Hán Việt bên có nghĩa là gì ?  GV Kết luận: đây là yếu tố Hán Việt đồng âm  - HS đọc ghi nhớ 1.  - Các từ sơn hà, xâm phạm (Nam quốc sơn hà), giang san (Tụng giá hoàn kinh sư) thuộc loại từ ghép chính phụ hay đẳng lập?  - Các từ: ái quốc, thủ môn, chiến thắng thuộc loại từ ghép gì ? em có nhận xét gì về trật tự của các tiếng ?  - Các từ: thiên thư (trong bài Nam quốc sơn hà), Thạch mã (trong bài Tức sự), tái phạm (trong bài Mẹ tôi) thuộc loại từ ghép gì ? Em có nhận xét gì về trật tự của các tiếng ?  - Từ ghép Hán Việt được phân loại như thế nào?  - Em có nhận xét gì về trật tự các yếu tố trong từ ghép chính phụ Hán Việt ?  HS : Đọc ghi nhớ 1,2.  - Phân biệt nghĩa của các yếu tố Hán Việt đồng âm trong các từ ngữ sau ?  - Tìm những từ ghép Hán Việt có chứa các yếu tố Hán Việt : quốc, sơn, cư, bại (đã được giải nghĩa ở bài Nam quốc sơn hà)  - Xếp các từ ghép: hữu ích, thi nhân , đại thắng, phát thanh, bảo mật, tân binh ,hậu đãi, phòng hoả vào nhóm thích hợp ? | **I- Đơn vị cấu tạo từ Hán Việt:**  1- Nam: phương Nam, quốc: nước, sơn: núi, hà: sông.  - Tiếng “ Nam” có thể dùng độc lập: phương Nam, người miền Nam.  - Các tiếng quốc, sơn, hà không dùng độc lập mà chỉ làm yếu tố tạo từ ghép: Nam quốc, quốc gia, quốc kì, sơn hà, giang sơn.  - Yếu tố Hán Việt: là tiếng để cấu tạo từ Hán Việt.  - Phần lớn các yếu tố Hán Việt không được dùng độc lập như từ mà chỉ dùng để tạo từ ghép.  2- Thiên thư : trời  - Thiên niên kỉ, thiên lí mã: nghìn  - Thiên : dời, di (Lí Công Uẩn thiên đô về Thăng Long)  - Có nhiều yếu tố Hán Việt đồng âm nhưng nghĩa khác xa nhau.  \* *Ghi nhớ 1: sgk (69)*  **II- Từ ghép Hán Việt:**  1. Sơn hà, xâm phạm, giang sơn: Từ ghép đẳng lập.  2. a ái quốc Từ ghép chính p . yt  thủ môn, chính đứng trước,  chiến thắng yt phụ đứng sau  -> Trật tự giống từ ghép thuần Việt.  b. thiên thư  thạch mã  tái phạm từ ghép chính phụ có yếu tố phụ đứng trước yếu tố chính đứng sau  -> Trật tự khác từ ghép thuần Việt.  \* Ghi nhớ 2: sgk (70)  **III- Luyện tập:**  ***1 - Bài 1:***  - Hoa 1: chỉ cơ quan sinh sản của cây  Hoa 2: phồn hoa, bóng bẩy  - Phi 1: bay  Phi 2: trái với lẽ phải, trái với pháp luật  Phi 3: vợ thứ của vua, xếp dưới hoàng hậu  - Tham 1: ham muốn  Tham 2: dự vào, tham dự vào  - Gia 1: nhà( có 4 yếu tố Hán Việt là nhà: thất, gia, trạch, ốc)  Gia 2: thêm vào  ***2 - Bài 2:***  - Quốc: quốc gia, ái quốc, quốc lộ, quốc huy, quốc ca.  - Sơn: sơn hà, giang sơn, sơn thuỷ, sơn trang, sơn dương.  - Cư: cư trú, an cư, định cư, du cư, du canh du cư  - Bại: thất bại, chiến bại, đại bại, bại vong  ***3 - Bài 3:***  - Từ có yếu tố chính đứng trước: Hữu ích, phát thanh, bảo mật, phòng hoả  - Từ có yếu tố phụ đứng trước: Thi nhân, đại thắng, tân binh, hậu đãi. |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

- Học thuộc ghi nhớ 1,2. Làm BT còn lại.

+Chuẩn bị bài **Tìm hiểu chung về văn biểu cảm**

**-----------------------------------------------------------**

Ngày soạn : 14/09/2015 Ngày dạy : 1/09/2015

TIẾT 19: **TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1**

**A- MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

*1. Kiến thức:*

- Đặc điểm của văn miêu tả và tự sự

- Vận dụng tính liên kết, mạch lạc, bố cục và các bước thực hiện văn bản để làm bài.

*2. Kỹ năng:*  Rèn kĩ năng tự sửa lỗi chính tả, từ ngữ, thanh điệu , dấu câu…

*3. Thái độ:* Giáo dục ý thức phê và tự phê cho HS.

**B- CHUẨN BỊ :**

- Giáo viên : Chấm bài, trả bài

- Học sinh : Chữa lỗi

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

***3. Bài mới:***

**I.GV ghi đề và chữa dàn bài lên bảng**

***Đề bài: Hãy viết thư gửi một người bạn đang ở xa kể lại kết quả học tập, rèn luyện của em trong học kì I***  
Đề bài yêu cầu em làm gì?  
Hướng dẫn học sinh viết thư: Nêu cấu tạo thông thường của một bức thư.  
 a.*Phần đầu thư:*  
Nơi viết thư, ngày..tháng..năm..  
Lời chào đầu thư.  
 *b.Phần chính bức thư:*  
- Lí do, mục đích viết thư: vì sao em viết thư này?  
Em viết thư này nhằm mục đích gì?  
Nội dung thăm hỏi: Em muốn biết những gì về người ba ở xa? (sức khỏe, công việc, sinh hoạt, tình hình nơi mình sinh sống,…)  
Nội dung thông báo  
Em báo tin cho bạn ở xa biết? (sức khỏe, tinh thần,…)  
Em báo tin gì về kết quả học tập, phấn đấu của mình? (điểm số các môn của em thế nào? Tình hình phấn đấu ra sao? Em đạt danh hiệu gì?...)  
 *c.Cuối thư:*  
Em chúc bạn điều gì? Em mong mỏi gì ở người bạn?  
Em hứa hẹn gì với người bạn?  
Dòng cuối em viết lời chào thế nào?  
Các em nhớ và ghi lại thành tích và kết quả học tập, rèn luyện, sự tiến bộ của em trong học kì I và quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ trong học kì II.  
 **Lưu ý:**   
Dựa vào dàn ý đã lập, em viết thư sao cho tình cảm, chân thành. Nội dung, mục đích chính của thư là kể kết quả học tập, rèn luyện nhưng em vẫn cần thể hiện sự quan tâm thăm hỏi, tình cảm đối với người nhận thư.

- **II*, Nhận xét bài làm* :**

- Ưu điểm :

+ Phần lớn các em đã biết xây dựng cốt truyện dựa trên một số sự việc có thật

+ Bài viết có bố cục rõ ràng ,có tính mạch lạc .

+ Nhiều bài chữ viết rõ ràng sạch đẹp

+Một số em biết sáng tạo trong khi kể ,biết kết hợp với miêu tả nên làm cho bài viết hay hơn

- Nhược điểm :

+ Một số em xây dựng chuỗi sự việc không hợp lý nên làm mất đi tính hấp dẫn của câu chuyện .

+ Một số em sử dụng lời dẫn ở đầu truyện thừa không cần thiết .

+ Nhiều bài làm trình bày cẩu thả , chữ viết sơ sài

+ Một số bài bố cục chưa rõ ràng , diễn đạt chưa trôi chảy ,sử dụng từ chưa chính xác

+ Các em cần chú ý không được viết tắt trong bài làm

**II, Đọc bài đạt điểm cao**

**III- Trả bài, đọc, trao đổi, rút kinh nghiệm :**

**IV- Công bố kết quả**

**4. Củng cố, hướng dẫn :**

- HS tự sửa những lỗi trong bài viết của mình.

- Soạn bài : Tìm hiểu chung về văn biểu cảm.

------------------------------------------------------

Ngày soạn: 14/9/2015 Ngày dạy: 19/9/2015

Tiết20:  **TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BIỂU CẢM**

**A-MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

*1. Kiến thức:* - Khái niệm về văn biểu cảm

- Vai trò, đặc điểm của văn biểu cảm.

- Hai cách biểu cảm trực tiếp và biểu cảm gián tiếp trong văn bản biểu cảm.

*2. Kỹ năng:*

- Nhận biết đặc điểm chung của văn bản biểu cảm và hai cách biểu cảm trực tiếp và gián tiếp trong các văn bản biểu cảm cụ thể.

- Tạo lập văn bản có sử dụng các yếu tố biểu cảm.

*3. Thái độ:* Giáo dục HS nhận thức và sử dụng được văn biểu cảm trong việc bộc lộ cảm xúc

**B- CHUẨN BỊ :**

- Giáo viên : Chấm bài, trả bài

- Học sinh : Chữa lỗi

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, phân tích, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :*** Bố cục thông thường của văn bản gồm có mấy phần ? Nội dung mỗi phần ?

***3- Bài mới:***

Đọc 1 bài ca dao mà em thích. Nêu cảm nhận của em về bài ca dao đó?

Tình cảm được gửi gắm trong bài ca dao đó chính là biểu cảm.Vậy thế nào là biểu cảm và biểu cảm có những đặc điểm gì -> bài mới .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy - trò** | **Nội dung kiến thức** |
| GV: Giải nghĩa của các yếu tố:  + nhu: cần phải có, cầu: mong muốn  -> nhu cầu: mong muốn có.  + Biểu: thể hiện ra bên ngoài, cảm: rung động và mến phục  -> biểu cảm: rung động được biểu hiện bằng lời văn, thơ.  GV nhấn mạnh: nhu cầu biểu cảm là mong muốn được bày tỏ những rung động của mình thành lời văn, lời thơ.  - Trong cuộc sống, có khi nào các em xúc động trước cảnh đẹp thiên nhiên hoặc 1 cử chỉ cao thượng của cha mẹ, thầy cô, bạn  bè ?  GV nhấn mạnh: là con người ai cũng có những phút xúc động như vậy. Nhờ nó mà các nhà văn, nhà thơ đã viết nên những tác phẩm hay, gợi ra được sự đồng cảm của người đọc.  ...  Hs đọc 2 câu ca dao trong sgk (71)  - Mỗi câu ca dao trên thổ lộ tình cảm, cảm xúc gì ?  - Người ta thổ lộ tình cảm để làm gì?  (Thổ lộ tình cảm để gợi sự cảm thông, chia sẻ , gợi sự đồng cảm)  - Khi nào con người cần thấy phải làm văn biểu cảm ? (Khi có những tình cảm tốt đẹp chất chứa, muốn biểu hiện cho người khác cảm nhận thì người ta có nhu cầu biểu cảm)  - Thế nào là văn biểu cảm ?  - Người ta thường biểu cảm bằng những phương tiện nào ?  GV : văn biểu cảm còn gọi là văn trữ tình. Bao gồm các thể loại văn học như: thơ trữ tình, ca dao trữ tình, tuỳ bút...  HS đọc 2 đoạn văn.  - 2 đoạn văn trên biểu đạt những nội dung gì ?  - GV: trong thư từ, nhật kí , người ta thường biểu cảm theo lối này.  - Nội dung ấy có đặc điểm gì khác so với nội dung của văn bản tự sự và miêu tả?  Cả 2 đoạn đều không kể 1 chuyện gì hoàn chỉnh, mặc dù có gợi lại những kỷ niệm. Đặc biệt là đoạn 2 tác giả sử dụng biện pháp miêu tả, từ miêu tả mà liên tưởng, gợi ra những cảm xúc sâu sắc.  -> Văn biểu cảm khác tự sự và miêu tả thông thường.  - Có ý kiến cho rằng: Tình cảm, cảm xúc trong văn biểu cảm phải là tình cảm, cảm xúc thấm nhuần tư tưởng nhân văn. Qua 2 đoạn văn trên em có tán thành ý kiến đó không?  - Em có nhận xét gì về phương thức biểu đạt tình cảm, cảm xúc ở 2 đoạn văn trên ?  GV: 2 đoạn văn có cách biểu cảm khác nhau.  Đoạn 1: biểu cảm trực tiếp.  Đoạn 2 bắt đầu bằng miêu tả tiếng hát đêm khuya trên đài, rồi im lặng, rồi tiếng hát trong tâm hồn, trong tư tưởng. Tiếng hát của cô gái biến thành tiếng hát của quê hương, đất nước, của ruộng vườn, của nơi chôn rau cắt rốn.  - Em hãy chỉ ra các từ ngữ và hình ảnh liên tưởng có giá trị biểu cảm ở 2 đoạn văn trên ?  - GV khẳng định: văn biểu cảm chỉ nhằm cho người đọc biết được, cảm được tình cảm của người viết. Tình cảm là nội dung thông tin chủ yếu của văn biểu cảm.  - Văn biểu cảm là gì ?  - Văn biểu cảm được thể hiện qua những thể loại nào ?  - Tình cảm trong văn biểu cảm thường có tính chất như thế nào ?  - Văn biểu cảm có những cách biểu hiện nào?  - So sánh 2 đoạn văn và cho biết đoạn nào là văn biểu cảm? vì sao?  - Hãy chỉ ra nội dung biểu cảm của đoạn văn ấy?  - Hãy chỉ ra nội dung biểu cảm trong bài thơ Sông núi nước Nam và Phò giá về kinh ? | **I- Nhu cầu biểu cảm và văn biểu cảm:**  ***1- Nhu cầu biểu cảm của con người***  \_Văn biểu cảm chỉ là 1 trong vô vàn những cách biểu cảm của con người, còn có những cách biểu cảm khác như ca hát, vẽ tranh, gẩy đàn...  \* VD 1: 2 câu ca dao sgk –71  - Câu 1: thổ lộ tình cảm thương cảm, xót xa cho những cảnh đời oan trái.  - Câu 2: thể hiện cảm xúc vui sướng, hạnh phúc như chẽn lúa đòng đòng phơi mình tự do dưới ánh nắng ban mai.  - Văn biểu cảm: là văn bản viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc...  - Các thể loại văn biểu cảm: thư, thơ, văn.  ***2- Đặc điểm chung của văn biểu cảm:***  \*VD 2: 2 đoạn văn sgk – 72  - Đoạn1 : biểu hiện nỗi nhớ bạn và nhắc lại những kỉ niệm xưa.  - Đoạn 2 : biểu hiện tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước.  => là những tình cảm đẹp thấm nhuần tư tưởng nhân văn  - Đoạn 1: là biểu cảm trực tiếp  -> người viết gọi tên đối tượng biểu cảm, nói thẳng tình cảm của mình (cách này thường gặp trong thư từ, nhật kí, văn chính luận)  - Đoạn 2 : là biểu cảm gián tiếp-> tác giả không nói trực tiếp mà gián tiếp thể hiện tình yêu quê hương đất nước (đây là cách biểu cảm thường gặp trong tác phẩm văn học).  -Đoạn 1: Thương nhớ ôi, xiết bao mong nhớ, các KN.  - Đoạn 2: là chuỗi hình ảnh và liên tưởng.  \* *Ghi nhớ*: sgk-73  **II- Luyện tập:**  ***1- Bài 1:***  - Đoạn b: là biểu cảm vì nhà văn đã biến hoa hải đường thành tình cảm.  - Nội dung biểu cảm của đoạn văn:  + Hải đường rộ lên hàng trăm đoá hoa ở đầu cành phơi phới như 1 lời chào hạnh phúc.  + Hải đường có màu đỏ thắm rất quí, hân hoan, say đắm.  + Hoa hải đường rực rỡ, nồng nàn nhưng không có vẻ gì là yểu điệu thục nữ, cánh hoa khum khum như muốn phong lại cái nụ cười má lúm đồng tiền.  ***2- Bài 2***:  Hai bài thơ đều là biểu cảm trực tiếp vì cả 2 bài đều trực tiếp nêu tư tưởng, tình cảm, không thông qua 1 phương tiện trung gian như miêu tả, kể chuyện nào cả. |

***4.Củng cố, hướng dẫn*** *: GV hệ thống lại kiến thức toàn bài*

Học thuộc ghi nhớ sgk-73 làm bt 3,4-74 soạn bài bài ca Côn Sơn

**TUẦN 6**

Ngày soạn: 20/9/2015 Ngày dạy: 23/9/2015

Tiết 21: Văn bản **: Hướng dẫn đọc thêm**

**BUỔI CHIỀU ĐỨNG Ở PHỦ THIÊN TRƯỜNG TRÔNG RA**

(Thiên Trường vãn vọng- Trần Nhân Tông)

**BÀI CA CÔN SƠN**

(Côn Sơn ca -Nguyễn Trãi**)**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY**

1. Kiến thức: Giúp HS cảm nhận hồn thơ thắm thiết tình quê của Trần Nhân Tông trong bài Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trong ra và sự hài hoà nên thơ , thanh cao của Nguyễn Trãi với cảnh trí Côn Sơn qua đoạn thơ.

2. Kỹ năng: - Giúp HS cảm nhận nội dung nghệ thuật cảu hai bài thơ.

3. Thái độ: - Tự hào về phong cảnh quê hương đất nước.

**B.CHUẨN BỊ:**

1. giáo viên: Đồ dùng: Bảng phụ chép bản phiên âm, giải thích nghĩa và bản dịch thơ.

2. Học sinh: Soạn bài

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, phân tích, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức***

***2- Kiểm tra bài cũ:***

- Đọc thuộc lòng bài thơ Sông núi nước Nam. Bài thơ biểu hiện những cảm xúc gì?

- Yêu cầu: Khẳng định chủ quyền đất nước và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền. Thể hiện niềm tự hào về chủ quyền dân tộc.

*3-* ***Bài mới:***

Phong cảnh non sông đất nước ta thời Trần- Lê cách chúng ta đời nay hàng 5-7 thế kỉ đã hiện ra trong cảm nhận của một ông vua anh hùng và một ông quan anh hùng thời ấy như thế nào? Bạn đã về thăm Thiên Trường, đã hành hương về Côn Sơn Kiếp Bạc chưa? Chắc phong cảnh những nơi ấy giờ đây phải khác xưa nhiều lắm. Bây giờ chúng ta cùng đi tìm hiểu hai bài thơ đó

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy - trò** | **Nội dung kiến thức** |
| Hướng dẫn tự học :  - HS đọc chú thích  - Em hãy nêu vài nét về tác giả Trần Nhân Tông ?  - Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?  - Yêu cầu đọc: Giọng chậm rãi, ung dung, thanh thản, nhịp 4/3, 2/2/3.  - GV giới thiệu từ khó theo chú thích SGK  - Đọc 2 câu thơ đầu – 2 câu đầu tả cảnh gì ?  - Cảnh chiều trong thôn xóm được dịch nghĩa như thế nào? (Sau thôn trước thôn đều mờ mờ như khói phủ.  Bên bóng chiều (cảnh vật) nửa như có nửa như không)  - Cụm từ: Bán vô bán hữu (nửa như có nửa như không) có nghĩa gì? (Phản ánh cái thời điểm nhìn cảnh vật vào lúc chiều sắp tối, nên nhà thơ có cảm nhận “nửa như có nửa như không”.  - Lời thơ cho ta thấy cảnh vật ở đây có gì đặc biệt?  - Em hãy hình dung tưởng tượng cảnh này? (Đó là cảnh chiều muộn mùa thu vùng thôn quê Bắc Bộ. Thôn xóm như có màu khói của sương bao phủ khiến cảnh vật nhạt nhoà trong sương)  - Cảnh tượng ấy gợi cho em vẻ đẹp như thế nào ?  - GV: Cảnh thoáng, nhẹ, khiến tâm hồn con người như cũng lâng lâng, mơ mộng nên nhìn thấy làng xóm, khói sương êm ả, thanh bình như thế.  - Đọc hai câu thơ sau, hai câu này nói về cảnh gì ?  - Cảnh chiều ở ngoài cánh đồng được dịch như thế nào ? (Trong tiếng sáo mục đồng dẫn trâu về hết. Từng đôi cò trắng hạ cánh xuống đồng).  - Em hãy hình dung tưởng tượng cảnh được gợi tả trong lời thơ trên ? (Chiều xuống từ cánh đồng, trâu theo tiếng sáo của trẻ trở về làng và khi đó trên nền trời xuất hiện những cánh cò bay liệng xuống đồng)  - Cảnh chiều được tả bằng những ấn tượng nào? (Thính giác: Tiếng sáo mục đồng và thị giác: cò trắng)  - Vì sao khi tả cảnh chiều nơi đồng quê, tác giả chỉ cần dùng hai chi tiết: tiếng sáo mục đồng và cò trắng từng đôi liệng xuống đồng ?  - Những ấn tượng ấy gợi cho em một không gian như thế nào ? và gợi cuộc sống đồng quê ra sao ?  - Bức tranh minh hoạ trong sách gợi cho em cảm giác gì? (Thân quen, gần gũi)  - Bài thơ đựơc viết theo thể thơ nào? Phương thức biểu đạt? (Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt. Miêu tả- biểu cảm).  - Miêu tả đã tạo thành bức tranh quê với những nét đẹp nào? (Bức tranh quê giản dị, nên thơ, yên ả, thanh bình, người và cảnh hoà hợp).  - Qua bài thơ tác giả đã bộc lộ tình cảm gì? (Tình cảm yêu mến ân tình với quê hương).  - Bài thơ cho em hiểu thêm gì về ông vua Trần Nhân Tông? (Là vị vua hiền có tâm hồn bình dị, gần gũi với làng quê).  - Từ đó em hiểu thêm gì về thời nhà Trần trong lịch sử? (Là thời đại sản sinh những ông vua hiền, những ông vua yêu nước, văn võ song toàn).  - HS đọc ghi nhớ.  - Dựa vào chú thích\*, em hãy nêu một vài nét về tác giả ?  - Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?  - Hướng dẫn đọc: giọng êm ái, ung dung, chậm rãi.  - Xác định nhân vật trữ tình? (ta ).  - Xác định đối tượng trữ tình? (cảnh vật Côn Sơn)  - Bài thơ miêu tả cảnh gì? (cảnh vật Côn Sơn và con người giữa cảnh vật Côn Sơn)  - Cảnh vật Côn Sơn được giới thiệu qua những câu thơ nào?  - Tác giả miêu tả những nét tiêu biểu nào của cảnh?  - Có gì độc đáo trong cách tả suối, tả đá? (Tả suối bằng âm thanh, tả đá bằng màu rêu)  - Cách tả đó gợi cảnh tượng thiên nhiên như thế nào ?  - Hình ảnh thông mọc như nêm và bóng trúc râm gợi tả nét đặc sắc nào của rừng Côn Sơn? (Rừng Côn Sơn nhiều thông, trúc nên thoáng mát)  - Trong quan niệm người xưa, thông và trúc là loại cây gợi sự thanh cao. Vậy thông và trúc Côn Sơn gợi cảm giác về một thiên nhiên như thế nào ?  - Những lời thơ giới thiệu cảnh vật Côn Sơn cho ta thấy những vẻ đẹp nào của thế giới tạo vật?  - Bài thơ có ý nghĩa gì ?  - Tác giả say sưa ca ngợi cảnh trí Côn Sơn. Điều đó cho em hiểu gì về tác giả Nguyễn Trãi? (Tác giả là người yêu và hiểu thiên nhiên Côn Sơn, là người quý trọng những giá trị của thiên nhiên)  - GV: Đối với Nguyễn Trãi, Côn Sơn là vùng đất gắn bó với nhiều kỉ niệm từ thuở ấu thơ đến lúc tuổi già. Nơi đây có núi non hùng vĩ, cây cối tốt tươi, sơn thuỷ hữu tình. Mỗi hòn đá, gốc cây, ngọn suối, đất nước và mây trời Côn Sơn đều gắn bó với Nguyễn Trãi. Vì thế bài Côn Sơn ca là tiếng nói cất lên từ trái tim sâu nặng, da diết của Nguyễn Trãi.  - Hoà vào cảnh vật Côn Sơn là một con người. Con người ấy nhân danh ta. Hãy tập hợp những lời thơ về ta trong tương quan với suối, đá, thông, trúc?  - Em có nhận xét gì về cách dùng từ của tác giả ?  Đại từ “ ta” lặp lại 5 lần có tác dụng gì ?  - GV: Ngoài điệp từ tác giả còn sử dụng...  - Bài thơ cho ta thấy con người nhân danh “ta” có những nhu cầu, sở thích gì? (Được sống hoà hợp với thiên nhiên. Tìm kiếm sự thanh cao, tươi mát cho tâm hồn)  - Bài thơ cho ta hiểu thêm gì về Nguyễn Trãi? (Tâm hồn thanh cao, giàu cảm xúc thi nhân)  - Qua đó bài thơ muốn ca ngợi điều gì ?  - GV bình: bình giảng – 41  - Bài thơ có giá trị gì về nội dung? (Bài ca về cảnh đẹp Côn Sơn. Bài ca về niềm vui sống thanh thản của con người giữa thiên nhiên tươi đẹp).  - Qua bài thơ em hiểu thêm gì về tác giả? (Yêu quí TN, tâm hồn thanh cao giàu cảm xúc – nhân cách trong sạch).  - Em xếp bài thơ này vào kiểu văn bản nào? Em hiểu gì về đặc điểm của văn biểu cảm? (Biểu cảm: là phương thức bộc lộ cảm xúc tâm hồn trước đời sống. Văn biểu cảm có thể viết bằng thơ)  - HS đọc ghi nhớ.  - Hai bài thơ đã bộc lộ đựơc những cảm xúc gì ?  - Em có nhận xét gì về bố cục của hai bài thơ ?  - Cách ví von tiếng suối của Nguyễn Trãi trong hai câu thơ:  Côn Sơn suối chảy rì rầm  Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai  và của Hồ Chí Minh trong câu thơ:  Tiếng suối trong như tiếng hát xa  (Cảnh khuya) có gì giống và khác nhau ? | ***A- Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra (Thiên Trường vãn vọng):***  ***I- Đọc, tìm hiểu chung:***  1- Tác giả: Trần Nhân Tông (1258-1308) là một ông vua yêu nước anh hùng.  - Là một nhà văn hoá, một nhà thơ tiêu biểu của thời Trần.  2- Tác phẩm: sáng tác trong dịp về thăm quê.  ***II- Đọc- Hiểu văn bản:***  ***1- Cảnh chiều trong thôn xóm:***  Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên  Bán vô bán hữu tịnh dương biên  -> Cảnh vật hiện lên không rõ nét, nửa hư, nửa thực, mờ ảo.  => Gợi vẻ đẹp mơ màng, yên tĩnh nơi thôn dã.  ***2- Cảnh chiều ngoài cánh đồng:***  Mục đồng nghịch lí ngưu quy tận  Bạch lộ song song phi hạ điền  -> Dấu hiệu đặc trưng của đồng quê buổi chiều  => Gợi không gian thoáng đãng, cao rộng, yên ả, trong sạch. Gợi cuộc sống bình yên hạnh phúc, con người hoà hợp với thiên nhiên.  ***\*Ghi nhớ: SGK –77.***  ***B- BÀI CA CÔN SƠN***  ***(Côn Sơn ca)***  ***I- Đọc tìm hiểu chung***  1- Tác giả: Nguyễn Trãi (1380-1442) là anh hùng dân tộc, là danh nhân văn hoá thế giới.  2- Tác phẩm: sáng tác trong thời kì Nguyễn Trãi về quê sống ẩn dật ở Côn Sơn (quê ngoại trang ấp của ông ngoại Trần Nguyên Đán)  ***II- Đọc - Hiểu văn bản:***  ***1- Cảnh vật Côn Sơn:***  Côn Sơn suối chảy rì rầm…  Côn Sơn có đá rêu phơi…  Trong rừng thông mọc như nêm…  Trong rừng có bóng trúc râm…  => Gợi một thiên nhiên lâu đời, nguyên thuỷ.  Gợi cảm giác thanh cao, mát mẻ, trong lành.  Gợi vẻ đẹp ngàn xưa, thanh cao, yên tĩnh.  => Ca ngợi vẻ đẹp Côn Sơn.  ***2- Con người giữa cảnh vật Côn Sơn:***  Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai  Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm  Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm  Trong màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn  -> Điệp từ “ ta” nhấn mạnh sự có mặt của “ta” ở mọi nơi đẹp của Côn Sơn.  Sử dụng một loạt động từ khẳng định tư thế làm chủ của con người trước thiên nhiên.  => Ca ngợi sức sống thanh cao, hoà hợp giữa con người với thiên nhiên đẹp trong lành.  ***\* Ghi nhớ :SGK –81***  ***C- Tổng kết:***  - Cảm xúc về cái đẹp, cái nên thơ của quê hương, lòng yêu quê hương, cảm xúc về cuộc sống thanh thản trong sự hoà hợp với thiên nhiên.  - Bố cục:  + Bài ca Côn Sơn: Theo mạch cảm xúc gắn với hoạt động của nhân vật.  + Thiên trường Văn vọng: từ cảm xúc chung với làng quê đến cảm xúc cụ thể  **Luyện tập:**  ***Bài 1(81):***  - Cả hai bài thơ đều là sản phẩm của tâm hồn thi sĩ, những tâm hồn có khả năng hoà nhập với thiên nhiên. Cả hai bài thơ cùng nghe tiếng suối mà như nghe nhạc trời. Mặc dù một bên nhạc trời là đàn cầm còn một bên là tiếng hát. Đàn cầm và tiếng hát khác nhau nhưng đều thể hiện âm thanh. |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

- Học thuộc lòng hai bài thơ, học thuộc ghi nhớ, đọc bài đọc thêm.

- Soạn bài: Sau phút chia li (Đọc kĩ văn bản và trả lời các câu hỏi trong phần Đọc-Hiểu văn bản).

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Ngày soạn:20/9/2015 Ngày dạy : 23/9/2015

**Tiết 22: TỪ HÁN VIỆT**

**(Tiếp theo )**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1.Kiến thức*: Giúp HS hiểu được các sắc thái ý nghĩa của từ Hán Việt.

*2.Kỹ năng*: HS biết cách sử dụng từ Hán Việt đúng ý nghia , sắc thái.

*3.Thái độ*: Biết cách sử dụng các yếu tố Hán Việt phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, tránh lạm dụng từ Hán Việt.

## B. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên : Soạn GA

2. Học sinh : Chuẩn bị bài

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định lớp***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

- Từ ghép HV được phân loại như thế nào? cho VD?

- Y/c: phân làm 2 loại:

+ Từ ghép ĐL. VD: sơn hà, xâm phạm

+ Từ ghép CP. VD: ái quốc, chiến thắng. Thiên thư, thạch mã.

***3.***Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy -trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc VD a.  - Giải nghĩa các từ in đậm ?  - Tại sao các câu văn dưới đây dùng các từ HV (in đậm) mà không dùng các từ thuần việt có nghĩa tương tự (ghi trong ngoặc đơn) ?  - Hs đọc vd b.  - Giải nghĩa các từ in đậm ?  - Các từ HV trên tạo được sắc thái gì cho đoạn văn ?  - Khi nói viết, trong nhiều trường hợp, người ta dùng từ HV mà không dùng các từ thuần Việt có nghĩa tương tự để làm gì ?  - Theo em, trong mỗi cặp câu dưới đây, câu nào có cách diễn đạt hay hơn ? vì sao ? (câu sau diễn đạt hay hơn- vì nó phù hợp với h.c giao tiếp)  - Em có nhận xét gì về cách dùng từ HV trong 2 cặp câu ở VD ab sgk ?( dùng không đúng, không cần thiết. Nó làm câu văn kém trong sáng và không phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp)  - Trong khi nói viết, khi gặp 1 cặp từ thuần Việt – Hán Việt đồng nghĩa thì chúng ta sẽ giải quyết như thế nào ? (khi cần tạo sắc thái biểu cảm thì dùng từ Hán Việt, nhưng không nên lạm dụng)  - Hs đọc Ghi nhớ .  - Phân nhóm để hs chuẩn bị bài.  - Chọn từ ngữ trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống:  - Tại sao người VN thích dùng từ Hán Việt để đặt tên người, tên địa lí ?  - Đọc đv, tìm những từ ngữ Hán Việt góp phần tạo sắc thái cổ xưa?  - Nhận xét về việc dùng từ Hán Việt ? | ***I- Sử dụng từ HV:***  ***1- Sử dụng từ HV để tạo sắc thái biểu cảm:***  *\* VD a:*  - Phụ nữ: đàn bà->trang trọng  - Từ trần: chết ; mai táng: chôn ->thể hiện thái độ tôn kính.  - Tử thi: xác chết ->tạo sắc thái tao nhã, tránh gây cảm giác ghê sợ.  *\*VD b****:*** sgk- 82  - Kinh đô: nơi đóng đô của nhà vua  - Yết kiến: gặp gỡ người bề trên với tư cách là khách.  - Trẫm, bệ hạ, thần: từ dùng để xưng hô trong XHPK  ->Tạo sắc thái cổ, phù hợp với bầu không khí XH xưa  \* Ghi nhớ : sgk –82  ***2- Không nên lạm dụng từ Hán Việt:***  \* VD a,b: sgk (82).  ***\* Ghi nhớ****: sgk –83.*  ***II- Luyện tập***  ***1- Bài 1: (83)***  ***2- Bài 2: (83)***  - Vì từ Hán Việt mang sắc thái trang trọng.  - VD: Hoàng Thanh Vân, Hoàng Long, Hải Dương, Trường Sơn, Cửu Long => mang sắc thái trang trọng.  ***3- Bài 3: (84)***  - Giảng hoà, cầu thân, hoà hiếu, nhan sắc tuyệt trần.  ***4- Bài 4: (84)***  - Dùng từ Hán Việt là không phù hợp, phải thay bằng từ thuần Việt: bảo vệ = giữ gìn, mĩ lệ = đẹp đẽ. |

***4.Củng cố, hướng dẫn:***

Gv hệ thống lại kiến thức toàn bài

- Học thuộc Ghi nhớ

- Làm những BT còn lại.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn : 20/9/2012 Ngày dạy : 26/9/2015

**Tiết 23: ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BIỂU CẢM**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* Hiểu các đặc điểm cụ thể của bài văn biểu cảm. Hiểu đặc điểm của phương thức biểu cảm là thường mượn cảnh vật , đồ vật, con người, để bày tỏ tình cảm, khác với văn miêu tả là nhằm mục đích tái hiện đối tượng được miêu tả.

*2. Kĩ năng:* Kĩ năng phân tích văn biểu cảm

*3. Thái độ:* Luôn bày tỏ tình cảm tôt đẹp trong sáng khi viết

### B.CHUẨN BỊ

1. Giáo viên : Soạn GA, tư liệu tham khảo trên báo “ Văn học tuổi trẻ ”

2. Học sinh : Đọc và chuẩn bị trả lời câu hỏi.

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định lớp***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

-Thế nào là văn biểu cảm ? Văn biểu cảm bao gồm những thể loại nào?

-Tình cảm được thể hiện trong văn biểu cảm là những tình cảm như thế nào? Người ta biểu cảm bằng những cách nào?

Y/c: trả lời dựa vào Ghi nhớ sgk –73

***3- Bài mới :***

Ở lớp 6, các em đã học về văn miêu tả. Vậy em hãy nhắc lại thế nào là văn miêu tả?

Văn miêu tả có nhiệm vụ tái hiện cảnh, người, vật, việc 1 cách đầy đủ, sinh động để người nghe, người đọc như thấy được nó đang ở trước mắt. Còn văn biểu cảm lại có nhiệm vụ truyền được cảm xúc, tình cảm và sự đánh giá, nhận xét của người nói, người viết tới người nghe, người đọc để họ đồng cảm với những suy nghĩ và tình cảm của người nói, người viết. Để làm đượcnhiệm vụ đó thì văn biểu cảm phải có những đặc điểm gì ?

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc bài văn: Tấm gương.  - Bài văn đã nêu lên được những p/chất gì của tấm gương ?  - Người viết nêu ra những phẩm chất của tấm gương để nhằm mục đích gì ?  -Gv: Mục đích của tác giả không phải là miêu tả tấm gương mà chỉ mượn tấm gương để biểu đạt tình cảm của mình....  - Để biểu đạt tình cảm đó, tác giả bài văn đã làm như thế nào ?  - Gv kết luận:  - Bố cục bài văn gồm mấy phần? Phần MB và KB có quan hệ với nhau như thế nào? Phần TB đã nêu lên những phẩm chất gì? những ý đó liên quan đến chủ đề bài văn như thế nào?  - Gv: Nội dung bài văn là biểu dương tính trung thực. Hai ví dụ về Mạc Đĩnh Chi và Trương Chi là ví dụ về 1 người đáng trọng và 1 người đáng thương, nhưng nếu soi gương thì gương cũng không vì tình cảm mà nói sai sự thật.  - Bài văn biểu cảm thường có bố cục mấy phần ?  - Tình cảm và sự đánh giá của tác giả trong bài văn có rõ ràng, chân thực không? Điều đó có ý nghĩa như thế nào đối với giá trị của bài văn ?  - Gv chốt lại:  - Hs đọc đoạn văn.  - Đoạn văn biểu hiện tình cảm gì? Tình cảm ở đây được biểu hiện trực tiếp hay gián tiếp? Em dựa vào dấu hiệu nào để đưa ra nhận xét đó?  -Văn biểu cảm có những đ.điểm gì ?  - Hs đọc bài văn.  - Bài văn thể hiện tình cảm gì?  - Việc miêu tả hoa phượng đóng vai trò gì trong bài văn biểu cảm này?  - Vì sao tác giả gọi hoa phượng là hoa học trò?  - Hãy tìm mạch ý của bài văn?  - Bài văn này biểu cảm trực tiếp hay gián tiếp? | **I- Tìm hiểu đặc điểm của văn biểu cảm:**  *1- Bài văn: Tấm gương*  a*. Nêu phẩm chất của tấm gương:*  - Trung thực, khách quan, ghét thói xu nịnh, dối trá.  - Giúp con người thấy được sự thật có thể đó là sự thật đau buồn, cay đắng.  \* Nhằm biểu đạt tình cảm:  - Biểu dương người trung thực.  - Phê phán kẻ dối trá.  => Mỗi bài văn biểu cảm tập trung biểu đạt 1 tình cảm chủ yếu.  b*. Để biểu đạt tình cảm đó,* tác giả bài văn đã mượn hình ảnh tấm gương làm điểm tựa. Vì tấm gương luôn phản chiếu trung thành mọi vật xung quanh. Nói với gương, ca ngợi gương là gián tiếp ca ngợi người trung thực.  => Để biểu đạt tình cảm ấy, người viết có thể chọn hình ảnh có ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng để gửi gắm tình cảm...  *c. Bố cục: 3 phần*  - MB (Đ1): Nêu phẩm chất của tấm gương  - TB: Nói về đức tính của tấm gương.  - KB (đoạn cuối): Khẳng định lại phẩm chất của tấm gương.  => Bài văn biểu cảm thường có bố cục 3 phần như mọi bài văn khác.  *d. Tình cảm và sự đánh giá của tác giả* rõ ràng chân thực, không thể bác bỏ. Hình ảnh tấm gương có sức khêu gợi, tạo nên giá trị của bài văn.  => Tình cảm trong bài phải rõ ràng, trong sáng, chân thực thì bài văn biểu cảm mới có giá trị.  *2-* Đoạn văn *của Nguyên Hồng:*  - Thể hiện tình cảm cô đơn, cầu mong sự giúp đỡ và cảm thông -> biểu hiện trực tiếp (tiếng kêu, lời than, câu hỏi biểu cảm)  \* Ghi nhớ: sgk (86)  ***II- Luyện tập:***  ***Bài văn: Hoa học trò.***  **a-** Thể hiện tình cảm buồn nhớ khi xa trường, xa bạn lúc nghỉ hè.  - Mượn hình ảnh hoa phượng để biểu đạt tình cảm. Hoa phượng là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng.  - Hoa phượng là hoa học trò vì hoa phượng gắn bó với sân trường, với học sinh, với những ngày hè chia tay nhớ nhung da diết.  **b-** Mạch ý của bài văn chính là sắc đỏ của hoa phượng cháy lên trong nỗi buồn nhớ của học trò lúc chia tay.  **c-** Dùng hoa phượng để nói lên lòng người là biểu cảm gián tiếp. |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

- Gv hệ thống lại k.thức toàn bài.

- Học thuộc ghi nhớ

- Làm bài luyện tập

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn :20/9/2015 Ngày dạy : 28/9/2015

**Tiết 24: ĐỀ VĂN BIỂU CẢM**

**VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY**

*1.Kiến thức*: Giúp HS nắm được kiểu đề văn biểu cảm và nắm được các bước làm bài văn biểu cảm.

*2.Kỹ năng*: - Rèn luyện cách nhận biết đề văn biểu cảm và cách làm bài văn biểu cảm.

*3.Thái độ*: Có ý thức nắm rõ và thực hiện đúng theo các bước làm một bài văn biểu cảm.

**B-CHUẨN BỊ**:

1.GV: Nghiên cứu, soạn kĩ bài

2.HS: học bài cũ + xem tr­ước bài mới

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

**1*- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ:***

- Văn biểu cảm có những đặc điểm gì? (Ghi nhớ sgk-86)

***3- Bài mới****:*

Muốn làm được bài văn biểu cảm thì chúng ta phải làm những gì? Bài hôm nay sẽ giúp chúng ta trả lời được câu hỏi này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy – trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - HS đọc kĩ 5 đề văn trong sgk – 88  - Em hãy chỉ ra đối tượng biểu cảm và tình cảm cần biểu hiện trong 5 đề đó?  - Em có nhận xét gì về đề văn biểu cảm?  - GV kết luận:  - Xác định đối tượng biểu cảm của đề văn bên?  - Em hình dung và hiểu như thế nào về đối tượng ấy?  - Sắp xếp các ý theo bố cục 3 phần?  - MB cần nêu gì ?  - TB nêu những ý gì ?  - Em hãy hình dung nụ cười của mẹ?  - Có phải lúc nào mẹ cũng nở nụ cười không? Đó là những lúc nào?  - KB cần nêu gì ?  - Em sẽ viết như thế nào để bày tỏ được lòng biết ơn, niềm yêu thương và kính trọng đối với mẹ?  - Để làm 1 bài văn biểu cảm cần tiến hành qua những bước nào? Thông thường em có làm như vậy không?  - Gọi hs đọc Ghi nhớ sgk -88  - Hs đọc bài văn.  - Bài văn biểu đạt tình cảm gì ?  - Hãy đặt cho bài văn 1 nhan đề và 1 đề văn thích hợp?  - Hãy nêu lên dàn ý của bài văn ?  - Chỉ ra phương thức biểu cảm của bài văn? | ***I- Đề văn biểu cảm và các bước làm bài văn biểu cảm :***  ***1- Đề văn biểu cảm :***  - Đối tượng biểu cảm: Dòng sông quê hương, đêm trăng trung thu, nụ cười của mẹ, tuổi thơ, loài cây.  - Tình cảm cần biểu hiện: Nêu những tình cảm chân thật của mình đối với dòng sông quê hương, đêm trăng trung thu...  => Đề văn biểu cảm bao giờ cũng nêu ra đối tượng biểu cảm và định hướng tình cảm cho bài văn.  ***2- Các bước làm bài văn biểu cảm :***  Đề bài : cảm nghĩ về nụ cười của mẹ  ***a, Tìm hiểu đề và tìm ý***  - Đối tượng biểu cảm : nụ cười của mẹ  ***b, Lập dàn ý:***  \* MB: Nêu cảm xúc đối với nụ cười của mẹ. Nụ cười ấm lòng.  \* TB : Nêu những biểu hiện, sắc thái nụ cười của mẹ.  - Nụ cười vui thương yêu  - Nụ cười khuyến khích  - Nụ cười an ủi.  - Những khi vắng nụ cười của mẹ  \* KB: Lòng yêu thương và kính trọng mẹ  ***c, Viết bài:***  ***d, Sửa bài:***  ***\* Ghi nhớ : sgk –88***  ***III-Luyện tập***  *a, Bài văn biểu đạt tình cảm tự hào và yêu tha thiết quê hương.*  - Nhan đề: quê hương An Giang  - Đề văn: cảm nghĩ về quê hương  b*, Dàn bài:*  \* MB: GT tình yêu quê hương An Giang  \* TB: Biểu hiện tình yêu mến quê hương  - Tình yêu quê từ thủa bé  - Tình yêu quê hương trong chiến đấu và những tấm gương yêu nước  \* KB: Tình yêu quê hương với nhận thức của người từng trải, trưởng thành.  c*, Phương thức biểu cảm* : Vừa biểu cảm trực tiếp nỗi lòng mình vừa biểu cảm gián tiếp khi nói đến thiên nhiên tươi đẹp và con người anh hùng của quê hương. |

***4.Củng cố, hướng dẫn***

- GV hệ thống lại kiến thức toàn bài.

- Em hãy nêu các bước làm 1 bài văn biểu cảm ?

- Học thuộc Ghi nhớ Làm tiếp bài Luyện tập.

- Soạn bài ''Bánh trôi nước''và ''Sau phút chia ly''

**TUẦN 7**

Ngày soạn : 26/9/2015 Ngày dạy : 30 /9/2015

**Tiết 25:** **BÁNH TRÔI NƯỚC**

- ***HỒ XUÂN HƯƠNG –***

A. **MỤC TIÊU BÀI DẠY**

*1.Kiến thức*: Giúp HS thấy được vẻ xinh đẹp, bản lĩnh sắt son, thân phận chìm nỗi của người phụ nữ trong bài Bánh trôi nước.

*2.Kỹ năng*: - Rèn luyện cách đọc, cảm thụ đoạn trích trên, nắm được thể thơ Song thất lục bát.

*3.Thái độ*: Có ý thức tố cáo chiến tranh phi nghĩa.

**B- CHUẨN BỊ :**

- Gv: Giáo án, Những điều cần lưu ý

- HS: đọc kĩ phần chú thích. Hiểu được tính đa nghĩa trong thơ nói chung và trong thơ Hồ Xuân Hương nói riêng.

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức*:**

***2- Kiểm tra bài cũ :***Nêu các bước làm bài vưn biểu cảm

***3- Bài mới :***

Trong đội ngũ những nhà thơ nữ của thời kì trung đại Việt Nam, Hồ Xuân Hương được coi là nhà thơ tài hoa và độc đáo nhất. Tuy cuộc đời gặp nhiều éo le ngang trái, nhưng những tác phẩm thơ ca của bà vẫn thấm đẫm tình thương con người, ngời sáng niềm tin yêu và trân trọng đối với con người, trước hết là đối với người phụ nữ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy – trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc chú thích về Tác giả - tác phẩm  - GV nêu 1 vài ý chính.  - Hướng dẫn đọc: giọng vừa dịu, vừa mạnh, vừa ngậm ngùi.  - GV đọc-hs đọc-nhận xét.  - GV giải thích từ khó  ? Về thể thơ, bài thơ này giống với những bài thơ nào vừa học? vì sao?  ? Bài thơ có nhan đề “Bánh trôi nước”. Vậy em hiểu thế nào là bánh trôi nước ?  ? Có ý kiến cho rằng bài thơ có tính đa nghĩa. Vậy thế nào là tính đa nghĩa trong thơ?  ? Bài thơ có mấy nghĩa, đó là những nghĩa gì?  ? Với nghĩa thứ nhất bánh trôi nước đã được miêu tả như thế nào? Chú ý các từ ngữ: trắng, tròn, chìm, nổi, rắn nát, lòng son.  (- Bánh có màu trắng của bột, bánh được nặn thành viên tròn.  - Nếu nhào bột mà nhiều nước quá thì nhão (nát), ít nước quá thì rắn (cứng).  - Khi đun sôi nước để luộc bánh chín thì nổi lên, bánh chưa chín thì chìm.  - Nhân bánh được làm bằng mật hoặc đường phên nên khi chín thường có màu đỏ như son)  ? Em có nhận xét gì về cách miêu tả bánh trôi của tác giả ?  ? Với nghĩa thứ 2, vẻ đẹp, phẩm chất cao quí và thân phận chìm nổi của người phụ nữ được gợi lên như thế nào? Chú ý các cụm từ: ba chìm, rắn nát mặc dầu, giữ tấm lòng son.  - Gv: Qua ngòi bút tài tình của Hồ Xuân Hương, cái bánh trôi nước không đơn thuần chỉ là cái bánh bình thường mà còn trở thành 1 ẩn dụ thể hiện cuộc đời và số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến  ? Trong 2 nghĩa đó, nghĩa nào quyết định giá trị bài thơ? vì sao?  - Gv: Bài thơ Bánh trôi nước đã cho ta thấy hình thể xinh đẹp, phẩm chất trong trắng son sắt, cùng thân phận chìm nổi của người phụ nữ VN xưa 1 cách sâu sắc. Với bài thơ này, nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã 2 lần hoá thân, vừa làm chiếc bánh trôi, vừa nhân danh người phụ nữ để tự sự với bạn đọc, truyền tới bạn đọc những tình cảm trong sáng, nhân đạo. Bánh trôi nước đúng là 1 áng văn chương đa nghĩa độc đáo.  - Hs đọc ghi nhớ.  - Hãy ghi lại những câu hát than thân đã học ở bài 4 (kể cả phần đọc thêm) bắt đầu bằng 2 từ “Thân em” ? | ***I- Đọc, tìm hiểu chung :***  ***1- Tác giả:*** Hồ Xuân Hương*.*  - Bà là người có học, có tài làm thơ, cuộc đời bà gặp nhiều bi kịch.  - Bà được mệnh danh là bà chúa thơ Nôm.  ***2- Tác phẩm:*** Bài thơ nằm trong chùm thơ vịnh vật, vịnh cảnh  - Là bài thơ trữ tình đặc sắc, nổi tiếng, tiêu biểu cho tư tưởng nghệ thuật của bà.  ***II- Đọc - Hiểu văn bản:***  - Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt.  - Bánh trôi nước: chú thích sgk –95  - Tính đa nghĩa trong thơ: là 1 thuộc tính của ngôn ngữ văn chương, thi ca nói chung  - Bài thơ có 2 nghĩa:  + Nói về bánh trôi nước khi đang được luộc chín.  + Phản ánh vẻ đẹp, phẩm chất và thân phận của người phụ nữ trong xã hội cũ.  ***1- Hình ảnh chiếc bánh trôi nước :***  =>Miêu tả rất giống bánh trôi ngoài đời.  ***2- Nét đẹp phẩm chất, thân phận người phụ nữqua chiếc bánh trôi:***  - Vừa trắng lại vừa tròn ->Về hình thức thì xinh đẹp.  - Bảy nổi ba chìm ->Về số phận thì chìm nổi, bấp bênh trước cuộc đời.  - Giữ tấm lòng son ->Về phẩm chất thì dù gặp cảnh ngộ như thế nào vẫn giữ sự chung thuỷ, sắt son.  => Nghĩa thứ 2 là chính, nghĩa thứ nhất chỉ là phương tiện để chuyển tải nghĩa sau. Và chính nghĩa sau đã làm nên giá trị của bài thơ.  *\* Ghi nhớ* : sgk –95  *\* Luyện tập:*  - Thân em như tấm lụa đào...  - Thân em như hạt mưa sa...  - Thân em như hạt mưa rào.  Hạt sa xuống giếng hạt ... vườn hoa.  - Thân em như giếng giữa đàng. Người khôn rửa mặt, người phàm ...  - Thân em như miếng cau khô.  Người thanh tham mỏng, người thô tham dày. |

***4. Củng cố, hướng dẫn :***

- Học thuộc lòng bài thơ, thuộc Ghi nhớ

- Làm bài tập

***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***

Ngày soạn : 26/9/2015 Ngày dạy : 30 /9/2015

**Tiết 26: Hướng dẫn đọc thêm: SAU PHÚT CHIA LY**

***(Trích Chinh phụ ngâm khúc)***

**A. MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1.Kiến thức*: Giúp HS cảm nhận được nỗi sầu chia ly sau phút chia tay. Tố cáo chiến tranh phi nghĩa, niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi và giá trị nghệ thuật ngôn từ trong đoạn trích Chinh phụ ngâm khúc.

*2.Kỹ năng*: - Rèn luyện cách đọc, cảm thụ đoạn trích trên, nắm được thể thơ Song thất lục bát.

*3.Thái độ*: Có ý thức tố cáo chiến tranh phi nghĩa.

**B- CHUẨN BỊ :**

- Gv: Giáo án, Những điều cần lưu ý

- HS: đọc kĩ phần chú thích

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ****:*

Nêu hiểu biết của em về thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật?

***3. Bài mới*** *:*

Trong cuộc đời con người khi phải chia tay tiễn biệt người thân, ai mà chẳng buồn rầu. Trong các cuộc chia tay đưa tiễn, có lẽ cuộc tiễn đưa người thân ra trận để lại trong lòng người nhiều nỗi buồn lo nhất. Tác phẩm Chinh phụ ngâm khúc đã ghi lại cuộc chia tay như thế .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** |
| - HS đọc sgk ( 91-92).  - GV: khái quát lại 1 vài nét chính về tác giả - tác phẩm: Thời đại Đặng Trần Côn sống và sáng tác Chinh phụ ngâm khúc là thời đại bắt đầu có các cuộc khởi nghĩa nông dân (1737, 1739, 1740). Cuộc chiến tranh được nói trong tác phẩm là chiến tranh đàn áp nông dân khởi nghĩa.  ? Chinh phụ ngâm khúc là gì ?  ? Em hiểu thế nào về thể thơ song thất lục bát? (về số câu, số chữ trong các câu và cách hiệp vần trong 1 khổ thơ)  - GV: Tác phẩm dài 408 câu đã thể hiện muôn vàn đợt sóng tình cảm của người chinh phụ - người vợ có chồng ra trận.  - Hướng dẫn đọc: chậm chậm, đều đều, buồn buồn, ngắt nhịp 3/4(3/2/2), 3/3, 4/4  - Hs đọc chú thích.  ? Văn bản này được biểu đạt bằng phương thức nào? Vì sao? (Văn bản biểu cảm - Vì nó đã diễn tả được nỗi nhớ nhung của lòng người)  ? Nỗi nhớ ấy là của ai? Nỗi nhớ ấy diễn ra trong hoàn cảnh nào? (Nỗi nhớ của người vợ có chồng đi chiến trận - Hoàn cảnh có chiến tranh)  ? Nỗi nhớ ấy được diễn tả qua mấy khúc ngâm? Em hãy chỉ ra giới hạn và nội dung từng đoạn?  - HS đọc khúc ngâm thứ nhất.  ? Cuộc chia tay được nói tới qua câu thơ nào ?  ? Cách xưng hô “chàng –thiếp” có ý nghĩa gì? (Cách xưng hô thắm thiết của vợ chồng thời phong kiến. Thể hiện tình cảm ở độ nồng nàn hạnh phúc)  ? Ở đây tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì? Em hãy chỉ ra các phép đối lập đó và nêu tác dụng của nó?  - Gv: Cách nói chàng thì đi, thiếp thì về muốn diễn tả nỗi sầu đôi ngả. Người chinh phụ thương chồng phải đi vào cõi xa mưa gió, còn nàng thì trở về với bổn phận của người vợ trong cảnh lẻ loi chăn gối.  ? Ấn tượng đầu tiên về sự cách ngăn được thể hiện bằng hình ảnh nào ?  ? Em hãy hình dung xem cảnh tượng này như thế nào ? (Không gian bao la vô tận. Gợi rõ thân phận nhỏ bé và cảm giác trống trải của lòng người)  ? Tác dụng của hình ảnh đó trong việc diễn tả nỗi lòng li biệt ?  ? Qua 4 câu thơ đầu, nỗi sầu chia li của người vợ đã được gợi tả như thế nào ? (Qua 4 câu đầu thực tế chia li và nỗi sầu chia li đã được gợi tả rất ấn tượng. Mây biếc, núi xanh là thiên nhiên trong đoạn thơ gợi cho người đọc 1 cảm giác bâng khuâng, man mác, thăm thẳm của cảnh li biệt. Hình ảnh tuôn màu mây biếc đã góp phần tạo nên cái mênh mông của nỗi sầu ngang tầm vũ trụ)  ? Ý nghĩa của 4 câu thơ đầu là gì ?  - Hs đọc khúc ngâm thứ 2  - Gv: Hàm Dương, Tiêu Tương là những địa danh của Trung Quốc cách xa nhau đến hàng ngàn dặm, nó mang ý nghĩa tượng trưng cho sự xa cách.  ? Qua 4 câu khổ thứ 2, nỗi sầu đó đựơc gợi tả thêm như thế nào ? (Tiếp tục diễn tả nỗi sầu chia li trong độ tăng trưởng: ở khổ trên mới nói đến sự cách ngăn, ở khổ này sự cách ngăn đã là mấy trùng. Có điều sự chia li ở đây là chia li về cuộc sống, về thể xác còn tình cảm, tâm hồn vẫn gắn bó thiết tha)  ? Các phép đối còn ngảnh lại-hãy trông sang trong 2 câu 7 chữ, cách điệp và đảo vị trí của 2 địa danh Hàm Dương-Tiêu Tương có ý nghĩa gì trong việc gợi tả nỗi sầu chia li?  - Gv: Nỗi sầu chia li được gợi tả rất đặc sắc trong các cụm từ đối nghĩa: ngảnh lại-trông sang và cách đảo ngữ của 2 địa danh: Hàm Dương-Tiêu Tương đã làm cho nỗi đau tăng thêm. Các câu thơ trở nên thống thiết, ai oán , não nùng.  - Hs đọc khúc ngâm thứ 3.  ? Nỗi sầu đó được tiếp tục nâng cao trong khổ cuối như thế nào? (Khổ cuối tiếp tục gợi tả nỗi sầu chia li oái oăm, nghịch chướng theo độ tăng trưởng đã đến cực độ. ở khổ trên, còn có địa danh Hàm Dương- Tiêu Tương để có ý niệm về sự xa cách. Nhưng ở khổ cuối thì xa cách đã tới độ hoàn toàn mất hút vào ngàn dâu)  ? Các điệp từ cùng, thấy trong 2 câu 7 chữ và cách nói về ngàn dâu, màu xanh của ngàn dâu có tác dụng gì trong việc gợi tả nỗi sầu chia li ?  - Khúc ngâm thứ 3 cho ta thấy được tâm trạng gì của người vợ trẻ ?  - Hs đọc Ghi nhớ  - Gv: Đoạn ngâm khúc về cuộc chia tay của đôi vợ chồng trẻ trong tác phẩm Chinh phụ ngâm cho ta thấy: nỗi sầu chia li của người chinh phụ lúc tiễn chồng ra trận đã như nhuốm cả vào mây, trời, núi non, cảnh vật, cây cối. Nỗi sầu này vừa có ý nghĩa tố cáo chiến tranh phi nghĩa, vừa thể hiện niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ. Đoạn thơ có giá trị nhân đạo, nhân văn thấm thía.  - Hãy phân tích màu xanh trong đoạn thơ bằng cách:  + Ghi đủ các từ chỉ màu xanh ?  + Phân biệt sự khác nhau trong các màu xanh ? | ***I- Đọc, tìm hiểu chung:***  **1.Tác giả:** Chinh phụ ngâm khúc do ông Đặng Trần Côn sáng tác (Khoảng 1741-1742) bằng chữ Hán, theo thể thơ tự do cổ điển.  - Đoàn Thị Điểm dịch sang tiếng Việt (viết bằng chữ nôm) theo thể song thất lục bát.  **2.Tác phẩm:**  - Chinh phụ ngâm khúc: Là khúc ngâm của người vợ có chồng ra trận.  - Thể thơ: Song thất lục bát: sgk –92  - Tác phẩm dài 408 câu.  Đoạn trích thể hiện tình cảm 2 vợ chồng trong ngày đầu chia li.  \* Đọc:  \* Chú thích  \* *Bố cục: 3 đoạn*  - Khúc ngâm 1: nói về nỗi trống trải của lòng người trước thực tế chia li phũ phàng.  - Khúc ngâm 2: nói về nỗi xót xa trong cách trở núi sông.  - Khúc ngâm 3: nói về nỗi sầu thương trước bao cảnh vật.  ***II- Đọc - hiểu văn bản:***  1***- Khúc ngâm thứ nhất:***  Chàng thì đi cõi xa mưa gió  Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn  -> Sử dụng hình ảnh tương phản đối lập gợi nỗi trống trải cô đơn.      Tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh  -> Hình ảnh chỉ sự xa cách về không gian vời vợi, thăm thẳm.  =>Phản ánh cuộc chia li phũ phàng, đồng thời biểu hiện nỗi xót xa cho hạnh phúc bị chia cắt.  ***2- Khúc ngâm thứ 2:***  Chốn Hàm Dương chàng còn ngảnh lại  Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang  Bến Tiêu Tương cách Hàm Dương  Cây Hàm Dương cách TT mấy trùng  -> Điệp ngữ, đảo ngữ và hình ảnh tương phản diễn tả nỗi sầu chia li và tình cảm buồn thương, nhung nhớ cứ tăng dần.  => Đó là nỗi ngậm ngùi xót xa của tình vợ nhớ chồng trong xa xôi cách trở.  ***3- Khúc ngâm thứ 3:***  Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy  Thấy xanh xanh những mấy ngàn... Ngàn dâu xanh ngắt một màu  Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai ?  -> Sử dụng điệp ngữ, đảo ngữ, câu hỏi tu từ diễn tả nỗi sầu nhân lên bất tận trở thành 1 khối sầu thương, trĩu nặng trong tâm hồn người chinh phụ  => Thể hiện tâm trạng vô vọng của người vợ trẻ.  ***\* Ghi nhớ : sgk –93***  - Tố cáo chiến tranh phi nghĩa và thể hiện khát khao hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ.  \****Luyện tập:***  *a- Xanh*: xanh xanh, xanh ngắt.  *b- Xanh*: màu xanh bình thường; xanh xanh: xanh nhạt; xanh ngắt: xanh đậm. |

***4.Củng cố, hướng dẫn***

- Học thuộc phần Ghi nhớ , thuộc bài thơ

----------------------------------------------

Ngày soạn : 26/9/2015 Ngày dạy : 2 /10/2015

**Tiết 27:** **QUAN HỆ TỪ**

**A. MỤC TIÊU BÀI DAY:**

*1.Kiến thức*: Giúp HS nắm được thế nào là quan hệ từ và nắm được đặc điểm của quan hệ từ..

*2.Kỹ năng*: HS nâng cao kỹ năng sử dụng quan hệ từ khi đặt câu.

*3.Thái độ*: Có ý thức sử dụng đúng quan hệ từ khi đặt câu..

B. Chuẩn bị

- Giáo viên: Giáo án, tra từ điển .

- Học sinh: Soạn bài.

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

*1- Ổn định tổ chức:*

*2- Kiểm tra bài cũ :*

- Đọc 2 câu thơ đầu bài thơ Côn Sơn Ca của Nguyễn Trãi?

Côn Sơn suối chảy rì rầm

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai

- Tìm đại từ có trong 2 câu thơ trên? Đại từ “ ta” là đại từ gì?

*3- Bài mới :*

- Từ “ như “ có phải là đại từ không? vì sao?

- Từ “như” không phải là đại từ mà là quan hệ từ ->Bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy – trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc VD.  - Xác định quan hệ từ có trong những câu trên?  - Các quan hệ từ đó liên kết những từ ngữ hay những câu nào với nhau ?  - Nêu ý nghĩa của mỗi quan hệ từ? (Của: quan hệ sở hữu,  như : quan hệ so sánh,  bởi - nên: quan hệ nhân quả,  nhưng: quan hệ tương phản,  và: quan hệ tương đồng)  - Thế nào là quan hệ từ?  - Hs đọc VD.  - Trong các câu đó, trường hợp nào bắt buộc phải có quan hệ từ? Trường hợp nào không bắt buộc phải có? Vì sao?  - Sử dụng quan hệ từ trong khi nói, viết như thế nào cho phù hợp ?  - Tìm các quan hệ từ có thể dùng thành cặp với các quan hệ từ sau đây? Đặt câu với mỗi cặp quan hệ từ đó?  - GV: Có những quan hệ từ độc lập: và, cũng…  - Hs đọc Ghi nhớ 1,2.  - Đọc đoạn đầu văn bản Cổng trường mở ra từ “Vào đêm trước ngày khai trường của con -> ngày mai thức dậy cho kịp giờ ”.  - Tìm các quan hệ từ có trong đoạn văn ?  - Điền các quan hệ từ thích hợp vào chỗ trống?  \_ Viết 1 đoạn văn ngắn có dùng quan hệ từ ? Gạch dưới các quan hệ từ trong đv đó ? | ***I- Thế nào là quan hệ từ :***  \* VD:  a, Đồ chơi ***của*** chúng tôi chẳng có nhiều.  b, Hùng Vương..., người đẹp ***như*** hoa...  c, ***Bở*i** tôi ăn uống điều độ **và** làm việc có chừng mực ***nên*** tôi chóng lớn lắm.  d, Mẹ thường nhân lúc con ngủ ***mà*** làm vài việc của riêng mình. ***Nhưng*** hôm nay mẹ không tập trung được vào việc gì cả.  \* Quan hệ từ : là những từ dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ như sở hữu, so sánh, nhân quả... giữa các bộ phận của câu hay giữa câu với câu trong đoạn văn  ***II- Sử dụng quan hệ từ :***  \*VD: sgk –97  - Bắt buộc phải có quan hệ từ: b, d, g, h.  - Không bắt buộc phải có quan hệ từ: a, c, e, i.  - Có trường hợp bắt buộc phải dùng quan hệ từ . Đó là những trường hợp nếu không có quan hệ từ thì câu văn sẽ đổi nghĩa hoặc không rõ nghĩa.  - Có trường hợp không bắt buộc dùng quan hệ từ .  \*VD: - Nếu trời mưa thì tôi nghỉ học.  - Vì trời mưa nên tôi không đi học.  - Tuy trời mưa nhưng tôi vẫn đi học.  - Hễ trời mưa thì tôi không đi học.  - Sở dĩ tôi không đi học là vì trời mưa.  => Có 1 số quan hệ từ được dùng thành cặp.  \* Ghi nhớ 1,2: sgk (97-98)  **III- Luyện tập**  1- Bài 1 (98 ):  - Của, còn, với, như, của, và, như  - Mà , nhưng, của, nhưng, như  2- Bài 2 (98 ):  Với, và , với, với, nếu, thì, và  4- Bài 5 ( 99 ):  Nguyễn Trãi là người có công lớn trong việc phụ tá vua Lê Lợi cầm quân đánh thắng giặc Minh xâm lược TK XV. ***Nhưng*** khi hoà bình trở lại, đất nước đi vào công cuộc xây dựng **và** phát triển ***thì*** ông bị ghen ghét, nghi ngờ ***bởi*** những kẻ xấu xa. |

***4. Củng cố, hướng dẫn :***

- Học thuộc ghi nhớ 1,2 sgk (97-98) -Làm BT 4, 5 ( 99 ).

- Chuẩn bị phần luyện tập

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn : 26/9/2015 Ngày dạy : 2 /10/2015

Tiết 28:

LUYỆN TẬP CÁCH LÀM VĂN BIỂU CẢM

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY**

*1.Kiến thức:* Giúp HS luyện tập các thao tác làm văn biểu cảm,tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý, viết bài.

*2.Kỹ năng*: Rèn luyện được các thao tác làm một bài vănbiểu cảm theo đúng các bước..

*3.Thái độ*: Có suy nghĩ, tưởng tượng, cảm xúc trước một đề văn biểu cảm.

### B. CHUẨN BỊ

1. GV : Soạn GA, các bài viết biểu cảm trên báo “ Văn học tuổi trẻ ”

2. HS : Chuẩn bị bài soạn

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ*** *:*

- Nêu các bước làm 1 bài văn biểu cảm?

- Khi làm văn em đã thực hiện 4 bước chưa ?

Y/c : 4 bước: tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý, viết bài, sửa lỗi.

***3- Bài mới*** :

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy – trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc đề bài.  - Đề yêu cầu viết về điều gì?  -Tình cảm cần biểu hiện là tình cảm gì ?  - Em yêu cây gì? Vì sao em yêu cây đó hơn các cây khác?  - MB cần phải làm gì?  - Em hãy hình dung xem cây phượng có đặc điểm gì?  - Cây phượng có tác dụng gì đối với đời sống con người?  - Đối với bản thân em, cây phượng có tác dụng gì?  - Em có những tình cảm gì đối với cây phượng?  - Đọc tham khảo về cây đa.  -Hs viết bài văn dựa vào dàn ý vừa lập | ***I- Chuẩn bị ở nhà:***  \* Đề bài: loài cây em yêu  ***1- Tìm hiểu đề và tìm ý:***  - Đối tượng biểu cảm : loài cây  - Định hướng tình cảm : em yêu  - Em yêu cây phượng vĩ.  Vì nó gắn bó với tuổi học trò.  ***2- Lập dàn ý:***  a, MB:  - Giới thiệu chung về cây phượng.  - Lí do yêu thích: cây phượng gắn bó với tuổi học trò.  b,TB:  - Tả đặc điểm của cây phượng qua 4 mùa xuân, hạ, thu, đông. ->Tả những đặc điểm gợi cảm.  - Tác dụng của cây phượng đối với đời sống con người: Tạo bóng mát, cung cấp ôxi, hút cácboníc làm sạch không khí.  - Tác dụng của cây phượng đối với em: là người bạn chia sẻ với em mọi nỗi buồn vui của tuổi học trò. Màu hoa đỏ rực rỡ gợi nhớ mùa hè, gợi những sự chia tay.  c, KB:  Tình cảm của em đối với cây phượng. Nhớ phượng, nhớ lũ bạn cùng lớp khi nghỉ hè.  ***II- Thực hành trên lớp:***  ***Viết bài văn:***  Trường tôi có trồng rất nhiều các loài cây, cây nào cũng đẹp, cây nào cũng mát. Nhưng cây tôi thích là cây phượng mọc sừng sững giữa sân trường. Tôi không biết bác được trồng từ lúc nào. Tôi chỉ biết rằng khi tôi cắp sách tới trường, bác đã già, già lắm.  Nhìn từ xa, cây phượng như một người khổng lồ với mái tóc màu xanh. Vỏ cây xù xì nổi lên những u cục. Nhưng có ai biết rằng trong lớp vỏ xù xì đó, dòng nhựa mát lành đang cuồn cuộn chảy đi nuôi cây. Mùa xuân về, cây đâm chồi, nảy lộc. Lá phượng giống lá me, mỏng, ngon lành như những hạt cốm non. Những cành cây mập mạp như hàng trăm cánh tay đưa ra, đón ánh sáng mặt trời để sưởi ấm cho mình.  Rồi những tiếng ve râm ran đầu tiên của mùa hạ cất lên, cây bắt đầu trổ hoa. Khi chưa muốn khoe vẻ đẹp của mình hoa e lệ ẩn mình trong lớp đài hoa xanh mỡ màng. Từng nụ, từng nụ uống sương đêm và tắm nắng mai rồi từ từ hé nở. Hoa phượng có năm cánh mượt như nhung, toàn một màu đỏ thắm.  Mỗi lần hoa phượng nở lòng chúng tôi rộn lên bao cảm xúc, vừa vui lại vừa buồn. Vui vì sắp được nghỉ hè, còn buồn vì phải xa ngôi trường, xa bạn bè thân yêu. |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

- GV hệ thống lài kiến thức toàn bài:

Cách làm bài văn biểu cảm qua 4 bước

- Tiếp tục hoàn thành bài văn trên

- Chuẩn bị tuần sau viết bài số 2

Chuẩn bị các đề: loài hoa tôi yêu, loài cây tôi yêu

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TUẦN 8**

Ngày soạn 5/10/2015 Ngày dạy :7/10/2015

Tiết 29: Văn bản : **QUA ĐÈO NGANG**

**( Bà Huyện Thanh Quan )**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1.Kiến thức*: Giúp HS hình dung được cảnh tượng Đèo Ngang, tâm trạng cô đơn của bà Huyện Thanh Quan lúc qua Đèo.

*2.Kỹ năng*: HS cảm nhận được bài thơ, hiểu được bài thơ thất ngôn bát cú đường luật.

*3.Thái độ*: Giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, con người.

### B. CHUẨN BỊ

1. GV : Soạn GA, SGK

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

**1*- Ổn định tổ chức***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

- Bài thơ bánh trôi nước có những nội dung gì?

- Trong hai nội dung đó, nội dung nào đóng vai trò quan trọng quyết định giá trị bài thơ?

***3- Bài mới*** *:*

Đèo Ngang là một địa danh nổi tiếng trên đất nước ta. Nhà thơ Phạm Tiến Duật đã từng viết 1 câu thơ rất dí dỏm và bất ngờ:

Bao nhiêu người làm thơ về Đèo Ngang

Mà không biết con đèo chạy dọc.

Đúng là có biết bao người làm thơ về Đèo Ngang như Cao Bá Quát có bài Lên núi Hoành Sơn, Nguyễn Khuyến có bài Qua núi Hoành Sơn, Nguyễn Thượng Hiền có bài Mùa xuân trông núi Hoành Sơn... Nhưng tựu trung, được nhiều người biết và yêu thích nhất vẫn là bài Qua đèo Ngang của Bà huyện Thanh Quan. Bài thơ như một bút kí thơ đậm chất trữ tình. Hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài thơ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy – trò** | **Nội dung kiến thức :** |
| - Dựa vào phần chú thích trong sgk , em hãy nêu 1 vài nét về tác giả bài thơ Qua Đèo Ngang?  - GV: Bà huyện Thanh Quan là người học rộng, tài cao; bà cùng Đoàn thị Điểm và Hồ Xuân Hương là 3 nhà thơ nữ có tiếng nhất ở TK 18-19. Thơ của bà còn lưu lại 6 bài như: Thăng Long thành hoài cổ, Chiều hôm nhớ nhà, Chùa Trấn Bắc. Đó là những bài thơ Nôm đặc sắc và nổi tiếng của bà sau bài Qua Đèo Ngang.  Thơ bà thường viết nhiều về thiên nhiên vào lúc trời chiều, gợi lên cảm giác vắng lặng, buồn buồn.  Đối với bà, cái đẹp là dĩ vãng. Hiện tại vắng vẻ hiu quạnh chỉ là cái bóng mờ mờ của dĩ vãng mà thôi.  - Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?  - GV: Như chúng ta đã biết Bà huyện Thanh Quan quê ở Thăng Long, bà là người Đàng ngoài thuộc chúa Trịnh. Nhưng mệnh trời đã chuyển về họ Nguyễn. Lúc đó bà được chúa Nguyễn mời vào cung Phú Xuân - Huế làm chức cung chung giáo tập để dạy công chúa và cung phi. Trên đường vào kinh đô phò vua mới, khi qua Đèo Ngang bà đã dừng chân ngắm cảnh và sáng tác bài thơ Qua đèo Ngang. Bài thơ in trong “Hợp tuyển thơ văn Việt Nam” tập III (1963 )  - Hướng dẫn đọc: Bài thơ thể hiện tâm trạng buồn, cô đơn. Khi đọc các em cần đọc chậm, buồn, ngắt đúng nhịp 4/3 và 2/2/3. Càng về cuối giọng đọc càng chậm, nhỏ hơn. Đến 3 tiếng: trời, non, nước, đọc tách ra từng tiếng. 3 tiếng ta với ta đọc như tiếng thầm thì mình nói với mình.  - GV đọc - 2 hs đọc - Gv nhận xét.  - Giải thích từ khó: Hs đọc chú thích: 1, 2 (102 ), 4, 5 (103 ).  - Em hãy cho biết bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?  - Thế nào là thơ thất ngôn bát cú Đường luật? Hs đọc sgk (102 ).  - GV: Giới thiệu bố cục bài thơ thất ngôn bát cú.  - Hs đọc 2 câu đề.  - Câu thơ đầu miêu tả cảnh ở đâu?  - Bước tới là từ loại gì? Nó chỉ hành động của ai? (Bước tới là ĐT chỉ hành động của nhân vật trữ tình tức nhà thơ khi thấy con đèo và tiếp cận con đèo).  -“ bóng xế tà” là thời điểm nào trong ngày? (Đây là lúc trời đã về chiều, là lúc chuyển giao giữa ngày và đêm. Đó là thời khắc của ngày tàn, lúc này chỉ còn những tia nắng yếu ớt và màn đêm đang dần buông xuống).  - Thời điểm đó đã gợi tả được tâm trạng gì của tác giả?  - Gv: ... Thời điểm ấy rất phù hợp với tâm trạng của người lữ khách xa nhà. Thời gian, không gian được miêu tả ở đây như là 1 yếu tố nghệ thuật bộc lộ tâm trạng. Điều này đã đựơc thể hiện rất rõ trong ca dao:  Chiều chiều ra đứng ngõ sau,  Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.  - Câu thơ nào miêu tả cảnh thiên nhiên của đèo Ngang?  - Thiên nhiên Đèo Ngang được gợi tả qua những từ ngữ nào? (Cỏ, cây, đá, lá, hoa) Đây là phép liệt kê gây ấn tượng về số lượng bề bộn, dày đặc của cảnh vật.  - Từ chen thuộc từ loại gì, nó được dùng ở đây với nghĩa như thế nào? (ĐT - Chen: chen chúc nhau, lẫn vào nhau, không có hàng lối, không có trật tự )  - Điệp từ chen được lặp lại 2 lần cùng với phép liệt kê có sức gợi tả 1 cảnh tượng thiên nhiên cằn cỗi, thưa thớt, thiếu sức sống hay cảnh tượng thiên nhiên xanh tươi, rậm rạp, đầy sức sống?  - Vậy cảm nhận đầu tiên của nhà thơ về cảnh đèo Ngang là cảm nhận về 1 khung cảnh ngút ngàn, hoang sơ, vắng vẻ hay là cảm nhận về 1 khung cảnh sơ xác tiêu điều?  - Thiên nhiên là vậy, còn sự sống của con người nơi đây thì sao ?  - HS đọc 2 câu thực.  - Người ta vẫn thường nói là trên núi nhưng ở đây tác giả lại viết là dưới núi, vì sao tác giả lại viết như vậy?  - Bức tranh Đèo Ngang ở 2 câu thực có thêm nét gì mới? (Đã xuất hiện hình ảnh con người và sự sống của con người)  - 2 từ: lom khom, lác đác là từ ghép hay từ láy? 2 từ láy này có sức gợi tả như thế nào?  (Từ láy- Lom khom gợi hình dáng vất vả của người tiều phu. Lác đác gợi sự thưa thớt, ít ỏi của những quán chợ ).  - Em có nhận xét gì về cấu trúc của 2 câu thơ này? (VN được đảo lên trước CN và phụ ngữ sau của cụm DT được đảo lên trước)  - Đảo ngữ được sử dụng ở 2 câu thơ này có tác dụng gì? (nhấn mạnh thêm cái ấn tượng về hình dáng vất vả của người tiều phu và sự thưa thớt, hiu quạnh của lều chợ )  - Ở câu 3, 4 có sử dụng phép đối, vậy em hãy chỉ ra những biểu hiện của phép đối và tác dụng của nó? (đối thanh, đối từ loại và đối cấu trúc câu-Tạo nhịp điệu cân đối cho câu thơ.)  - Hai câu thực đã tả về sự sống của con người ở đèo ngang, đó là sự sống như thế nào ?  - GV: Bốn câu thơ đầu là bức tranh phong cảnh thiên nhiên ở Đèo Ngang : núi đèo bát ngát xanh tươi và đâu đó thấp thoáng sự sống của con người nhưng còn thưa thớt hoang sơ. Cảnh được nhìn vào lúc chiều tà, tác giả đang trong cảnh ngộ phải xa nhà, mang tâm trạng cô đơn nên cảnh vật cũng buồn và hoang vắng. Đây là cảnh hiện thực khách quan hay là cảnh tâm trạng ? Lời giải đáp cho câu hỏi này nằm ở 2 câu luận.  - Đọc 2 câu luận:  - Trong buổi chiều tà hoang vắng đó nhà thơ đã nghe thấy âm thanh gì? (âm thanh của tiếng chim quốc và chim đa2)  - Gv: ở đây các em cần lưu ý 2 điển tích: Chim quốc được lưu truyền là hồn vua Thục đế mất nước nêu đau lòng kêu khóc đến nhỏ máu ra mà chết biến thành con chim quốc. Chim đa đa là nhắc tới tích: Bá Di, Thúc Tề - là 2 bề tôi của nhà Thương, thà chết đói chứ không chịu sống với nhà Chu, không ăn thóc nhà Chu nên đã chết hoá thành chim đa đa. Hai điển tích này không xa lạ đối với các nhà thơ trung đại. Tiếng chim ở đây cũng là yếu tố nghệ thuật có tác dụng gợi tả tâm trạng và nỗi lòng nhân vật trữ tình.  - Nhà thơ đã mượn tiếng chim để bày tỏ lòng mình, đây là hình thức biểu đạt trực tiếp hay gián tiếp?  - Cách biểu đạt gián tiếp thông qua âm thanh của tiếng chim, là sử dụng biện pháp tu từ gì? Tác dụng của biện pháp tu từ đó? (ẩn dụ tượng trưng - để bộc lộ chiều sâu tình cảm)  - Vậy theo em tiếng chim quốc và chim đa đa kêu trên đèo vắng, lúc chiều tà gợi cảm giác gi?  - Hai từ: quốc2, gia2 ngoài nghĩa chỉ chim quốc và chim đa đa, còn có nghĩa: quốc - nước, gia - nhà, đây là 2 từ Hán Việt đa nghĩa và đồng nghĩa. Cách dùng từ đa nghĩa và đồng nghĩa trong thơ văn chính là phép tu từ chơi chữ.  - Theo em chơi chữ có tác dụng gì? (Chơi chữ tạo cách hiểu bất ngờ và tạo sự hấp dẫn thú vị cho câu thơ )  - 2 câu luận còn sử dụng phép đối, em hãy chỉ ra phép đối và tác dụng của nó ? (Đối: thanh, từ loại, nghĩa - Làm cho câu thơ cân đối, nhịp nhàng).  - Những biện pháp nghệ thuật trên đã góp phần bộc lộ trạng thái cảm xúc gì của nhà thơ ?  - Vì sao Bà huyện Thanh Quan lại có tâm trạng buồn như vậy?  - Gv: Như đã giới thiệu ở phần đầu, Bà huyện Thanh Quan là người Đàng Ngoài thuộc Lê Trịnh, nhưng nay lại thuộc triều Nguyễn ở Đàng Trong. Vì vậy trong tâm tư của bà không khỏi không ngầm lắng sự thương nhớ và nối tiếc triều Lê, một triều đại vàng son đã qua và là sự phủ định chính quyền nhà Nguyễn bấy giờ. Từ cảnh trước mắt quay về cảnh đã qua, từ hiện thực trở về quá khứ. Đó là hiện thân tiếng lòng người lữ khách đi đường lẻ loi, nhiều tự sự. Đó chính là đặc điểm:  Nỗi nhớ thương này không chỉ riêng bà mà nó còn là nỗi nhớ thương của những người dân xứ Đàng Ngoài. Đó là:  -Từ cảm nhận nhà thơ trực tiếp bộc lộ nỗi niềm qua 2 câu kết. Bây giờ chúng ta đi tìm hiểu:  -Hs đọc 2 câu kết.  - Câu trên tả cảnh gì ? Cảnh trời, non, nước gợi cho ta ấn tượng về 1 không gian như thế nào?  - Câu dưới tả gì? Tình riêng là gì? (Tình riêng là chỉ tình cảm sâu kín, đó không phải là tình yêu đôi lứa mà là tình yêu quê hương, đất nước của tác giả)  - Tại sao tác giả lại dùng từ mảnh? (Mảnh: nhỏ bé, yếu ớt, mỏng manh)  - Ta với ta là chỉ ai với ai? nó thuộc từ loại gì? (Đại từ - chỉ mình với mình, chỉ có 1 mình ta biết, 1 mình ta hay)  - Câu trên tả cảnh rộng lớn, bao la còn câu dưới lại nói về con người nhỏ bé, yếu đuối, cô đơn. Hai hình ảnh này như thế nào với nhau? Nó có tác dụng gì? (Hình ảnh đối lập làm nổi rõ tâm trạng buồn, lẻ loi, cô đơn, không có người sẻ chia)  - Gv: Nếu ở 2 câu đề là “bước tới”, thì 2 câu kết là sự “dừng chân”. Đây là cách kết cấu đầu cuối tương ứng.  - Theo em, 2 câu kết đã diễn tả được tâm trạng gì của nhà thơ?  - Gv: Từ chỗ cảm nhận vẻ đẹp hoang vắng của thiên nhiên, nhà thơ quay trở về thực tại của cõi lòng. Đứng trước trời, nước mênh mông, trước cảnh bể dâu của cuộc đời, con người thấy nhỏ bé, cô đơn, quay lại chỉ có mình với mình, với mảnh tình riêng đơn lẻ, nhỏ nhoi, trống vắng mênh mông.  - Đây là bài thơ tả cảnh ngụ tình? Đó là cảnh gì, tình gì ? (Ghi nhớ )  - Bài thơ được biểu đạt bằng phương thức nào? thông qua những biện pháp tu từ gì? (Miêu tả để biểu cảm: tả cảnh ngụ tình, sử dụng phép đối, đảo ngữ, điệp ngữ, ẩn dụ, chơi chữ)  - Gv: Các biện pháp tu từ này chúng ta sẽ được học ở các bài sau.  - Em học tập được gì về cách viết văn của tác giả? Chúng ta hãy học tập và vận dụng cách viết này vào bài viết tập làm văn số 2.  - Bài thơ đã cho em hiểu gì về bà huyện Thanh Quan?  - Đọc diễn cảm bài thơ.  - Tìm hàm nghĩa của cụm từ ta với ta ? | ***I- Đọc, tìm hiểu chung :***  ***1- Tác giả***: Tên thật là Nguyễn Thị Hinh (TK 19).  - Bút danh là Bà huyện Thanh Quan.  - Đề tài thường viết về thiên nhiên vào lúc trời chiều.  - Bà là một nhà thơ hoài cổ - hoài thương rất điển hình .  ***2- Tác phẩm :***  ***-***Bài thơ được sáng tác trên đường vào kinh Huế nhận chức.  \* Giải thích từ khó  \* Thể thơ:Thất ngôn bát cú Đường luật: sgk (102 ).  \*Bố cục: 4 phần (Bảng phụ )  ***II- Đọc - Hiểu văn bản:***  ***1-Hai câu đề:***  Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,  Cỏ cây ***chen*** đá, lá ***chen*** hoa.  -> Thời gian gợi buồn, gợi nhớ, gợi sự cô đơn.  Cỏ cây ***chen*** đá, lá ***chen*** hoa.  -> Phép liệt kê,  Điệp từ gợi cảnh tượng thiên nhiên xanh tươi, rậm rạp, đầy sức sống.  => Khung cảnh ngút ngàn, hoang sơ, vắng vẻ.  ***2- Hai câu thực:***  Lom khom dưới núi, tiều vài chú  Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.  -> Từ láy (gợi hình),  +Đảo ngữ,    +Đối  => Sự sống của con người đã xuất hiện nhưng còn thưa thớt, vắng vẻ.  ***3- Hai câu luận***  Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc  Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia  -> Tiếng chim kêu-> yếu tố nghệ thuật  vừa là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng-  Gợi nỗi buồn khổ,  khắc khoải, triền miên không dứt.  +Chơi chữ ,  Đối (thanh, từ loại, nghĩa)  => Bộc lộ rõ trạng thái cảm xúc nhớ nước và thương nhà da diết.  - Hoài cổ, hoài thương (của bà)  - Nỗi nhớ thương có tính chất lịch sử.  ***4- Hai câu kết:***  Dừng chân đứng lại, trời, non, nước  Một mảnh tình riêng, ta với ta.  -> Gợi không gian bao la rộng lớn.  Con người nhỏ bé, yếu đuối, cô đơn.  -> Hình ảnh đối lập.  => Diễn tả sự cô đơn tuyệt đối của con người trước thiên nhiên hoang vắng, rộng lớn.  *\* Ghi nhớ*: sgk (104 ).  - Miêu tả để biểu cảm  Bà huyện Thanh Quan là người nặng lòng với gia đình và đất nước, yêu thiên nhiên, yêu đất nước.  *\* Luyện tập*:  1- Hàm nghĩa của cụm từ ta với ta: Đọc 2 câu cuối, ta thấy nhà thơ như muốn đối lập giữa trời, non ,nước và ta với ta. Một mình tác giả cô đơn, quạnh quẽ giữa trái đất bao la, núi non trùng điệp và sóng nước mênh mông, bát ngát. Ba chữ ấy đọc lên như 1 khối cô đơn lạnh lùng, như có thể cảm giác được sự cô đơn đến lạnh người. Đó là 1 mảnh tình riêng trong 1 không gian chiều tà. |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

- Học thuộc lòng bài thơ, học thuộc ghi nhớ.

- Soạn bài: Bạn đến chơi nhà

--------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn : 5/10/2015 Ngày dạy : 7/10/2015

Tiết 30: **BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ**

*Nguyễn Khuyến*

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY:** Giúp HS:

*1. Kiến thức:* Cảm nhận được tình cảm chân thành, đậm đà, hồn nhiên, dân dã mà sâu sắc, cảm động của Nguyễn Khuyến với bạn.

- Hình dung được bức tranh quê đậm đà hương sắc Việt Nam và nụ cười hóm hỉnh, thân mật nhưng ý tứ sâu xa.

*2. Kĩ năng:* Rèn kỹ năng đọc diễn cảm và phân tích thơ thất ngôn bát cú (đã được Việt hoá) theo bố cục.

*3. Thái độ:* Học sinh yêu thích môn học

**B- CHUẨN BỊ:**

1. giáo viên: Đồ dùng: Tranh ảnh ao làng, căn nhà Nguyễn Khuyến.

2. Học sinh: Chuẩn bị bài

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức***

***2- Kiểm tra bài cũ:***

- Đọc thuộc lòng bài thơ Qua đèo Ngang? Đây là bài thơ tả cảnh hay tả tình? Đó là cảnh gì, tình gì?

***3- Bài mới:***

Tình bạn là 1 trong những đề tài có truyền thống lâu đời của lịch sử văn học Việt Nam. Bạn đến chơi nhà của Nguyễn Khuyến là 1 bài thơ thuộc loại hay nhất trong đề tài tình bạn và cũng là thuộc loại hay nhất trong thơ Nguyễn Khuyến nói riêng và thơ Đường luật nói chung.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy- trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Dựa vào chú thích\*, em hãy giới thiệu 1 vài nét về tác giả?  - Tại sao người ta lại gọi ông là Tam Nguyên Yên Đổ?  - Em hãy nêu xuất xứ của bài thơ ?  - Gv: Đây là bài thơ hay nhất được truyền tụng về chủ đề tình bạn của Nguyễn Khuyến.  - Hd đọc: Giọng nhẹ nhàng, dí dỏm. Đọc chậm rãi, ung dung, hóm hỉnh như thấp thoáng 1 nụ cười.  - Giải nghĩa từ khó:  nước cả: nước đầy, nước lớn;  khôn: Không thể, khó, e rằng khó;  rốn: cuống, cánh hoa bao bọc.  - Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Vì sao?  - Gv: Theo bố cục của thể thơ thất ngôn bát cú thì 2 câu đề thường gồm phá đề và thực đề. Nhưng ở bài này tác giả chỉ dùng 1 câu đề, câu 2 đã chuyển sang phần thực. Phần thực và luận cũng không rạch ròi. Câu 7 là phần kết nhưng lại gắn với phần luận. Vì vậy phần kết chỉ có câu 8. Qua cấu trúc như vậy, ta thấy Nguyễn Khuyến đã sáng tạo sử dụng thơ thất ngôn bát cú 1 cách uyển chuyển, tạo cho bài thơ 1 vẻ đẹp riêng. Đó là bản lĩnh cao tay của nhà thơ.  Chúng ta tìm hiểu bài thơ theo bố cục: 1 - 6 - 1  - Hs đọc câu mở đầu.  - Cách mở đầu bài thơ của Nguyễn Khuyến có gì thú vị?  - Câu thơ đã thể hiện được tâm trạng gì của nhà thơ?  - Gv: câu thơ cho biết 2 người ít gặp nhau (đã bấy lâu), Nguyễn Khuyến gọi bạn là bác (cách xưng hô vừa có ý tôn trọng vừa có ý thân mật). Câu thơ không chỉ là 1 thông báo bạn đến chơi nhà mà còn là 1 tiếng reo vui, đầy hồ hởi, phấn khởi khi đã bao lâu mới được bạn đến thăm. Thời gian này Nguyễn Khuyến đã cáo quan về ở ẩn, chính vì vậy ông rất vui mừng khi có bạn tới thăm.  - Hs đọc câu 2.  - Câu 2 thể hiện mong muốn gì của tác giả?  - Tại sao vừa gặp bạn, tác giả đã nhắc ngay tới chợ ? (bởi chỉ có chợ mới có đầy đủ các thứ tiếp bạn nhưng trẻ thì đi vắng, chợ lại xa, mà mình thì già cả rồi không đi xa được)  - Hs đọc câu 3, 4, 5, 6.  - Chợ thì xa mà người đi chợ thì không có, vậy tác giả định tiếp khách bằng những thứ gì ? (cá, gà, cải, cà, bầu, mướp)  - Em có nhận xét gì về những thứ mà tác giả nêu ra? (đây là những thứ sản vật có trong ao, trong vườn nhưng lại chưa dùng được- có đấy mà lại như không )  - Hãy giải thích tính chất “có đấy mà lại như không” của những sản vật được kể và tả trong bài? (có cá, có gà, nghĩa là có thực phẩm nhưng cũng bằng không vì ao sâu nước cả, vườn rộng rào thưa, không đánh bắt được. Có cải, cà, bầu, mướp nghĩa là có rau quả, nhưng cũng bằng không vì đều là những thứ chửa ra cây, vừa mới nụ, vừa rụng rốn hoặc đương ra hoa, chưa thể thu hái được)  - Cách nói lấp lửng ở đây có thể tạo ra 2 cách hiểu: a. Đó là sự thật của hoàn cảnh. b. Đó là cách nói vui về cái sự không có gì. Em hiểu theo cách nào ?  - Nếu hiểu theo cách 1 thì chủ nhân là người như thế nào? Tình cảm của ông đối với bạn ra sao?  - Nếu hiểu theo cách 2 thì chủ nhân là người có hoàn cảnh sống như thế nào? Tính cách của ông ra sao? Tình cảm mà ông dành cho bạn là tình cảm như thế nào?  - Hs đọc câu 7.  - Em hiểu ý của câu thơ như thế nào ?  - Có ý kiến cho rằng: nên hiểu câu 7 riêng trầu không thì có, ý kiến của em thế nào? (không thể hiểu như vậy vì không đúng với mạch lạc của tứ thơ. Mặc dù trầu không là tên đầy đủ của thứ lá này nhưng xét trong mạch thơ thì chỉ có thể hiểu là trầu không cũng không có nốt. Có như vậy thì mới hiểu nổi cái thanh đạm, nghèo túng của ông quan thanh liêm về ở ẩn)  - Qua đây ta hiểu chủ nhân là người như thế nào? Tình bạn của họ ra sao?  - Hs đọc câu 8.  - Chi tiết ngôn từ nào trong câu 8 đáng chú ý?  - Ta với ta là chỉ ai với ai? Nó có ý nghĩa gì?  - Theo em có gì khác nhau trong cụm từ “Ta với ta” ở bài này so với bài Qua đèo Ngang? (Trong Bạn đến chơi nhà, từ ta ở vị trí trước và sau là 2 từ đồng âm. Trong bài Qua đèo Ngang, từ ta ở cả 2 vị trí chỉ là 1 từ. Một bên chỉ sự hoà hợp của 2 con người trong 1 tình bạn chan hoà vui vẻ. Một bên chỉ sự hoà hợp trong 1 nội tâm buồn)  ? Câu 8 đã thể hiện được tình cảm gì của tác giả?  ? Bài thơ cho em hiểu gì về Nguyễn Khuyến và tình bạn của ông?  ? Bài thơ đã diễn tả được tâm tư gì của tác giả về khi bạn đến chơi nhà?  ? Bài thơ được viết theo phương thức biểu đạt nào?  ? Ngôn từ ở bài Bạn đến chơi nhà có gì khác với ngôn từ ở đoạn thơ Sau phút chia li đã học? | ***I- Đọc, tìm hiểu chung:***  ***1- Tác giả:*** Nguyễn Khuyến (1835-1909 ), được gọi là Tam Nguyên Yên Đổ.  - Quê xã Yên Đổ, Bình Lục, Hà Nam.  - Là người thông minh, học giỏi, thi đỗ đầu cả 3 kì: Hương, Hội, Đình.  - Là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam.  - Thơ ông đằm thắm và trong trẻo tình người.  ***2- Tác phẩm***:  Bài thơ in trong Hợp tuyển thơ văn Việt Nam-Tập 4 (1963 ).  *a. Đọc*  *b.Giải nghĩa từ khó:*  *c.. Thể thơ :*  Thất ngôn bát cú Đường luật  *d. Bố cục:* 1-6-1  ***II-Đọc - Hiểu văn bản:***  ***1- Câu mở đầu:***  Đã bấy lâu nay, bác đến nhà,  -> Cách mở đầu tự nhiên như lời nói thường ngày.  => Thể hiện sự vui mừng khi có bạn đến thăm.  ***2- Sáu câu tiếp theo:***  Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.  -> Mong muốn tiếp bạn đàng hoàng, chu đáo.    Ao sâu nước cả, khôn chài ***cá,***  Vườn rộng rào thưa, khó đuổi ***gà.***  ***Cải*** chửa ra cây**, *cà*** mới nụ,  ***Bầu*** vừa rụng rốn, ***mướp*** đương hoa.  -> Mọi thứ sản vật của gia đình có đấy mà lại như không.  - Đó là sự thật của hoàn cảnh.  => Chủ nhân là người thật thà, chất phác. Tình cảm đối với bạn chân thật, không khách sáo.  - Đó là cách nói vui.  => Hoàn cảnh nghèo khó. Tính cách hóm hỉnh, yêu đời; yêu bạn bằng tình cảm dân dã, chất phác.    Đầu trò tiếp khách, trầu không có,  -> Lễ nghi tiếp khách tối thiểu cũng không có.  => Chủ nhân là người trọng tình nghĩa hơn vật chất và tin ở sự cao cả của tình bạn. Tình bạn sâu sắc, trong sáng. Vì nó được xây dựng trên những nhu cầu tinh thần.  ***3- Câu kết:***  Bác đến chơi đây, ta với ta !  -> Chỉ quan hệ gắn bó, hoà hợp, không tách rời.  => Niềm hân hoan, tin tưởng ở tình bạn trong sáng, thiêng liêng.  - Nguyễn Khuyến là người hồn nhiên, dân dã, trong sáng; đối với bạn thì chân thành, ấm áp, bền chặt dựa trên giá trị tinh thần.  *\* Ghi nhớ:* sgk (105 ).  - Bài thơ đã diễn tả được niềm hân hoan và tinh thần tự tin, phấn chấn của Nguyễn Khuyến khi bạn đến chơi nhà. Đó là những cảm xúc chân thành, hồn nhiên của tình cảm bạn bè.  - Miêu tả - tự sự - biểu cảm thông qua hệ thống ngôn từ thuần Việt trong sáng, tự nhiên, dễ hiểu.  *\* Luyện tập:*  - So sánh ngôn ngữ thơ ở bài Bạn đến chơi nhà với ngôn ngữ thơ dịch Chinh phụ ngâm ta thấy có sự khác nhau giữa 2 phong cách ngôn ngữ:  + Chinh phụ ngâm là ngôn ngữ bác học.  + Bạn đến chơi nhà là ngôn ngữ đời thường.  Nhưng cả 2 bên đều đạt đến độ kết tinh, rất hay, rất hấp dẫn. |

***4-Củng cố, hướng dẫn***

- Hoc thuộc lòng bài thơ, học thuộc ghi nhớ.

- Soạn bài: Xa ngắm thắc núi Lư.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn: 5/10/2015 Ngày dạy: 10/10/2015

Tiết 31+32**: VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2**

**VĂN BIỂU CẢM**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1.Kiến thức*: Giúp HS viết được một bài văn biểu cảm về thiên nhiên, thực vật, thể hiện tình cảm yêu thương cây cối theo truyền thống của nhân dân ta.

*2.Kỹ năng*: HS vận dụng kiến thức đã học vào viết bài.

*3.Thái độ*: Giáo dục tình yêu thiên nhiên, môi trường theo truyền thống của dân tộc ta.

**B- CHUẨN BỊ:**

- Gv: Đề, đáp án.Những điều cần lưu ý:

Gv gợi ý để HS chọn các loại cây gần gũi với đời sống thường ngày, cũng có thể viết về cây cảnh, cây hoa mà HS yêu thích.

- Hs: ôn bài ở nhà

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức***

***2- Kiểm tra bài cũ:***

***3- Bài mới:***

Để làm 1 bài văn biểu cảm, chúng ta cần phải tiến hành qua những bước nào?

Em đã thực hiện đầy đủ các bước đó chưa ?

Bây giờ chúng ta vận dụng 4 bước đó vào viết bài TLV số 2 về văn biểu cảm.

Hoạt động 1:GV ghi đề ra

***I. Đề bài***: Loài cây em yêu.

***1. Xác định yêu cầu của đề:***

Có thể chọn 1 trong các loài cây sau: Cây bàng, cây bằng lăng, cây hoa sữa, cây dừa, cây cau, cây bưởi, cây đa, cây tre... hoặc cây cảnh.

***2. Gợi ý:***

+ Xác định yếu tố miêu tả:

Tả cái gì để tỏ thái độ, tình cảm đối với cây.

+ Xác định yếu tố tự sự:

Kể cái gì để bộc lộ cảm xúc đối với cây.

+Chú ý:

Các yếu tố miêu tả, tự sự chỉ là phương tiện để biểu cảm đối với loài cây em yêu.

+ Tuân thủ theo 4 bước:

- Tìm hiểu đề và tìm ý.

- Lập dàn ý.

- Viết bài văn hoàn chỉnh: chú ý liên kết mạch lạc.

- Kiểm tra, sửa chữa.

***II. Đáp án, biểu điểm:***

1. Mở bài: 2 điểm.

Giới thiệu loài cây và lí do vì sao em thích loài cây đó.

1. Thân bài: 5 điểm.

- Miêu tả một vài đặc điểm có sức gợi cảm của cây: Thân, lá, hoa.

- Kể một vài kỉ niệm gắn bó với cây.

- Tác dụng của cây đối với đời sống con người.

- Tác dụng của cây đối với đời sống của em.

1. Kết bài: 2 điểm.

Tình cảm của em đối với loài cây đó.

**Yêu cầu**: Trình bày: 1 điểm.

Trình bày sạch đẹp, đúng chính tả, câu văn lưu loát.

***4- Củng cố, hướng dẫn***

Giáo viên thu bài, nhận xét giờ kiểm tra

**TUẦN 9**

Ngày soạn: 11/10/2015 Ngày dạy: 14/10/2015

Tiết 33: **CHỮA LỖI VỀ QUAN HỆ TỪ**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY:**Giúp hs:

*1.Kiến thức*: Giúp HS thấy rõ các lỗi thường gặp để chữa lỗi về quan hệ từ.

cảm nhận được nội dung nghệ thuật của hai văn bản Xa ngắm thác núi Lư và Đêm đỗ thuyền ở Phong Kiều

*2.Kỹ năng*: HS thông qua luyện tập, nâng cao kỹ năng sử dụng quan hệ từ.

Nắm được nội dung nghệ thuật của hai văn bản trên trên.

*3.Thái độ*: Có ý thức sử dụng đúng quan hệ từ trong khi nói,viết và có ý thức yêu phong cảnh thiên nhiên hơn.

**B- Chuẩn bị:**

- Gv: Giáo án, bảng phụ viết ví dụ.Những điều cần lưu ý:

Bồi dưỡng cho học sinh ý thức thận trọng trong việc sử dụng quan hệ từ. Để cho học sinh phát hiện được lỗi sai của bản thân.

- Hs:Bài soạn

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức***

***2- Kiểm tra bài cũ:***

- Thế nào là quan hệ từ? Đặt câu có dùng quan hệ từ và cho biết ý nghĩa của quan hệ từ đó ?

- Đặt câu có dùng quan hệ từ ? Em hãy thử bỏ quan hệ từ và nhận xét ý nghĩa của câu ? Khi nói viết phải dùng quan hệ từ như thế nào ?

Yêu cầu: trả lời dựa vào ghi nhớ- sgk ( 97, 98 ).

***3. Bài mới:***

***Khi nói viết, đặc biệt là khi viết, chúng ta vẫn phạm nhiều lỗi về sử dụng quan hệ từ. Lỗi về quan hệ từ rất đa dạng, các lỗi về quan hệ từ làm cho câu văn sai không rõ ý, rối rắm, khó hiểu. Bài hôm nay sẽ giúp chúng ta nhận biết những lỗi sai đó.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc vd.  - Hai câu em vừa đọc đã rõ nghĩa chưa? Vì sao? (chưa rõ nghĩa, vì thiếu quan hệ từ )  - Hai câu trên thiếu quan hệ từ ở chỗ nào?  Hãy chữa lại cho đúng?  - Hs đọc 2 câu vừa sửa.  - So với 2 câu trước, em thấy 2 câu này như thế nào? Vì sao? (2 câu sau rõ nghĩa hơn, vì 2 câu này đã có thêm quan hệ từ )  - Gv: Trong trường hợp này, chúng ta phải dùng quan hệ từ, có như vâỵ thì câu văn mới rõ ràng, mạch lạc và dễ hiểu.  - Hs đọc ví dụ.  - Em hãy chỉ ra các quan hệ từ được dùng ở 2 câu này?  - Các quan hệ từ và, để trong 2 VD trên, có diễn đạt đúng quan hệ ý nghĩa giữa các bộ phận trong câu không? Vì sao? Nên thay từ ***và***, ***để*** ở đây bằng quan hệ từ gì?  (Không - Vì:  + Quan hệ từ ***và***: chỉ ý ngang bằng, tương đồng. Còn quan hệ giữa 2 vế câu ở đây lại là quan hệ tương phản cho nên dùng quan hệ từ ***và*** ở đây là không phù hợp. vì vậy ta phải thay quan hệ từ ***nhưng*** mới diễn đạt đúng ý nghĩa.  + Quan hệ từ ***để***: có ý nghĩa chỉ mục đích của sự việc. Còn quan hệ giữa 2 vế câu ở đây lại là quan hệ nhân - quả. Cho nên dùng quan hệ từ ***để*** ở đây là không phù hợp. Trong trường hợp này ta phải thay quan hệ từ ***vì,*** có như vậy thì mới diễn đạt được đúng ý nghĩa của câu )  - Hs đọc ví dụ.  - Em hãy xác định CN-VN của 2 câu trên?  - Em có nhận xét gì về cấu trúc ngữ pháp của 2 câu trên? Vì sao 2 câu trên thiếu CN? (2 câu trên thiếu CN vì các quan hệ từ qua, về đã biến CN thành TN)  - Hãy chữa lại để cho câu văn được hoàn chỉnh?  - Hs đoc ví dụ.  - Các câu in đậm trên sai ở đâu? Vì sao? (sai ở chỗ: a- dùng quan hệ từ không những ở vế thứ 2 không có tác dụng LK. Vì quan hệ từ không những ở vế thứ nhất phải đi kèm với mà còn ở vế thứ 2 để tạo thành cặp sóng đôi mới có tác dụng LK. b- thiếu quan hệ từ nối 2 vế câu nên 2 vế câu chưa có sự LK)  - Hãy chữa lại cho đúng ?  - Qua việc sửa lỗi về quan hệ từ, em thấy cần phải tránh những lỗi nào ?  - Hs đọc 2 câu văn.  - Hai câu văn trên đã rõ nghĩa chưa? Vì sao? (chưa rõ – vì dùng thiếu quan hệ từ )  - Thêm quan hệ từ thích hợp (có thể thêm hoặc bớt 1 vài từ khác) để hoàn chỉnh các câu trên?  - Hs đọc 3 câu văn. Chú ý các quan hệ từ in đậm.  - Em có nhận xét gì về việc dùng các quan hệ từ (in đậm) trong các câu văn trên? (dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa)  - Thay các quan hệ từ dùng sai trong các câu trên bằng những quan hệ từ thích hợp?  - Hs đọc 3 câu văn.  - Em có nhận xét gì về 3 câu văn trên? (dùng thừa quan hệ từ)  - Chữa lại các câu văn sao cho hoàn chỉnh? | **I- Các lỗi về quan hệ từ:**  ***1- Thiếu quan hệ từ:***  - Đừng nên nhìn hình thức đánh giá kẻ khác. -> Đừng nên nhìn hình thức **mà** đánh giá kẻ khác.  - Câu tục ngữ này chỉ đúng xã hội xưa, còn ngày nay thì không đúng. -> Câu tục ngữ này chỉ đúng **với** xã hội xưa, còn **với** ngày nay thì không đúng.  ***2- Dùng quan hệ từ không thích hợp:***  - Nhà em ở xa trường **và** bao giờ em cũng đến trường đúng giờ. -> Nhà em ở xa trường ***nhưng*** bao giờ em cũng đến trường đúng giờ.  - Chim sâu rất có ích cho nông dân ***để*** nó diệt sâu phá hoại mùa màng.  -> Chim sâu rất có ích cho nông dân ***vì***  nó diệt sâu phá hoại mùa màng.  ***3- Thừa quan hệ từ :***  - Qua câu ca dao “Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra” cho ta thấy công lao to lớn của cha mẹ đối với con cái. -> Công cha như núi... chảy ra / cho ta thấy...  - Về hình thức có thể làm tăng giá trị nội dung đồng thời hình thức / có thể làm thấp giá trị nội dung. ->Hình thức / có thể làm tăng... đồng thời hình thức / có thể làm...  ***4- Dùng quan hệ từ mà không có tác dụng LK****:*  - Nam là học sinh giỏi toàn diện. ***Không những giỏi về môn toán, không những giỏi về môn văn. Thầy giáo rất khen Nam***.-> Không những... mà còn...  ***- Nó thích tự sự với mẹ,* *không thích tự sự với chị***.-> Nó thích... ,nhưng không...  *\* Ghi nhớ*: sgk (107 ).  ***II- Luyện tập:***  ***1- Bài 1 (107 ):***  - Nó chăm chú nghe kể chuyện đầu đến cuối. ->Nó... nghe kể chuyện từ đầu...  - Con xin báo một tin vui cha mẹ mừng.  -> Con xin báo... để cha mẹ mừng.  ***2- Bài 2 (107 ):***  - Ngày nay, chúng ta cũng có quan niệm **với** (**như)** cha ông ta ngày xưa, lấy đạo đức...  - **Tuy (Dù)** nước sơn có đẹp đến mấy mà chất...  - Không nên chỉ đánh giá con người **bằng (về)** hình thức bên ngoài mà nên đánh giá con người **bằng (về)** những hành động, cử chỉ...  ***3- Bài 3 (108 ):***  - Bản thân em còn nhiều thiếu sót, em hứa sẽ tích cực sửa chữa.  - Câu tục ngữ “Lá lành đùm lá rách” cho em hiểu đạo lí làm người...  - Bài thơ này đã nói lên tình cảm của BH... |

***III- Củng cố:***

- Khi nói viết nếu phải sd quan hệ từ thì chúng ta cần phải tránh những lỗi nào ?

***IV- Hướng dẫn học bài:***

- Học thuộc ghi nhớ, làm bài 4, 5.

- Soạn bài ''Xa ngắm thác núi Lư "và 'Phong kiều dạ bạc ''

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 11/10/2015 Ngày dạy: 14/10/2015

Tiết 34:  **XA NGẮM THÁC NÚI LƯ**

**Vọng Lư sơn bộc bố**

*(Lý Bạch)*

**ĐÊM ĐỖ THUYỀN Ở PHONG KIỀU**

**Phong kiều dạ bạc**

*(Trương Kế)*

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1.Kiến thức*: Giúp HS thấy rõ các lỗi thường gặp để chữa lỗi về quan hệ từ.

Giúp HS cảm nhận được nội dung nghệ thuật của hai văn bản Xa ngắm thác núi Lư và Đêm đỗ thuyền ở Phong Kiều

*2.Kỹ năng*: HS thông qua luyện tập, nâng cao kỹ năng sử dụng quan hệ từ.

Nắm được nội dung nghệ thuật của hai văn bản trên trên.

*3.Thái độ*: Có ý thức sử dụng đúng quan hệ từ trong khi nói,viết và có ý thức yêu phong cảnh thiên nhiên hơn

**B- CHUẨN BỊ:**

- Gv: Bảng phụ chép bản phiên âm.Những điều cần lưu ý:

Khi dạy gv cần phải giới thiệu cho hs cảnh thác nước ở sgk hoặc tranh vẽ.

- Hs: Bài soạn

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức***

***2- Kiểm tra bài cũ:***

Đọc thuộc lòng bài thơ Bạn đến chơi nhà và nêu những nét đặc sắc về ND và NTcủa bài thơ ? (dựa vào ghi nhớ ).

***3***- ***Bài mới***:

Nói đến thơ Đường TQ, người ta không thể không nghĩ đến Lí Bạch, ông là một trong số những nhà thơ nổi tiếng của TQ về thể thơ Đường luật. Người đời gọi ông là Tiên thơ, thơ của ông thể hiện tâm hồn lãng mạn, phóng khoáng. Bài thơ Xa ngắm thác núi Lư là 1 trong những bài tiêu biểu cho phong cách sáng tác của ông.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Dựa vào chú thích\*, em hãy nêu 1 vài nét về tác giả bài thơ Xa ngắm thác núi Lư?  - Vì sao người ta lại gọi ông là “Tiên thi” ?  - Bài thơ Xa ngắm thác núi Lư thuộc đề tài nào?  - Em hãy nêu xuất xứ của bài thơ?  - Hd đọc:  + Đọc nguyên bản phiên âm: yêu cầu chính xác từng chữ, giọng phấn chấn, hùng tráng, ngợi ca. Nhịp 4/3 - 2/2/3.  Nhấn mạnh các từ: vọng, sinh, quải, nghi, lạc.  + Đọc bản dịch nghĩa và bản dịch thơ: chậm rãi, rõ ràng, nhịp 4/3.  - Giải nghĩa từ : vọng, lư sơn, bộc bố.  - Bài thơ được viết theo thể thơ nào ?  - Căn cứ vào nhan đề bài thơ và câu thứ 2 (chú ý nghĩa của 2 chữ vọng và dao), xác định vị trí đứng ngắm thác nước của tác giả? Vị trí đó có lợi thế như thế nào trong việc phát hiện những đặc điểm của thác nước? (vọng: trông từ xa ; dao: xa ).  - Bài thơ miêu tả cảnh gì ?  - Khung cảnh làm nền cho sự xuất hiện của thác núi Lư được miêu tả trong lời thơ nào (ở cả 3 bản: phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ)?  - Vì sao dân gian gọi ngọn núi cao của dãy Lư Sơn là Hương Lô? (vì núi cao có mây mù che phủ, trông xa như chiếc lò hồng nên gọi là Hương Lô)  - Câu thơ thứ nhất miêu tả cái gì? (Câu thứ nhất phác ra cái phông nền của bức tranh toàn cảnh thác núi Lư.  - Ngọn núi Hương Lô được miêu tả như thế nào? (Nhà thơ miêu tả thác nước vào lúc mặt trời chiếu rọi ánh sáng. Thác nước đổ mạnh, tung bọt, toả hơi nước như sương khói phản quang dưới ánh nắng toả ra, hắt ra 1 màu tím rực rỡ, kì ảo)  - Trong thơ Lí Bạch, Hương Lô được khám phá ở sự tác động qua lại của các tác giả vũ trụ. Điều đó được thực hiện bằng các chi tiết miêu tả hđ tương tác của mặt trời và núi. Đó là chi tiết ngôn từ nào? Các chi tiết đó gợi tả 1 cảnh tượng như thế nào?  - Trên nền cảnh núi rực rỡ hùng vĩ đó, 1 thác nước hiện ra khác nào 1 dòng sông treo trước mặt. Lời thơ nào (ở trong 3 bản) đã tạo nên hình ảnh này?  - Bản dịch thơ không dịch được chữ nào của nguyên tác? (quải)  - Dựa vào nghĩa của các từ quải và tiền xuyên, hãy cho biết câu 2 tả cảnh thác nước từ vị trí nào? Cảnh thác từ trên đỉnh cao được miêu tả như thế nào? (Tả cảnh thác nước từ trên đỉnh cao tuôn trào, đổ ầm ầm xuống núi biến thành dải lụa trắng rủ xuống yên lặng và bất động được treo giữa khoảng vách núi và dòng sông)  - Nghĩa của câu thơ này là gì?  - Trong các bản phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ, lời nào diễn tả sức mãnh liệt của thác núi Lư?  - Chữ nào trong lời thơ này được viết với sự táo bạo của trí tưởng tượng? Câu thơ tả thác nứơc ở phương diện nào? Nó gợi cho ta điều gì?  - Con số ba nghìn thước có phải là con số chính xác không? Cách nói đó có tác dụng gì?  (chỉ là con số ước phỏng hàm ý rất cao-làm tăng thêm độ nhanh, sức mạnh, thế đổ của dòng thác).  - “Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước” là 1 cảnh tượng như thế nào? (cảnh tượng mãnh liệt kì ảo của thiên nhiên)  - Cảnh tượng mãnh liệt kì ảo kích thích trí tưởng tượng của nhà thơ, để ông viết tiếp lời thơ hết sức ấn tượng. Đó là lời thơ nào?  - Hai ĐT nghi, lạc gợi cho người đọc ảo giác gì ?  - Lời thơ gợi cảnh tượng như thế nào? (con thác treo đứng trước mặt khác nào như con sông Ngân Hà từ trên trời rơi xuống. Đây cũng là một... )  - Gv: NT so sánh, phóng đại ở đây cũng như phép cường điệu, phóng đại ở 2 câu trên có vẻ như vô lí. Song đặt trong văn cảnh, người đọc vẫn cảm thấy chân thật, tự nhiên. Vì ngọn núi HL có mây mù bao phủ nên nhìn từ xa có cảm giác dòng nước như 1 dải lụa treo lơ lửng vắt từ trong mây, từ trên đỉnh trời mà trải xuống, chảy xuống. Do đó thi sĩ LB mới ngỡ rằng sông Ngân Hà - một dòng sông đầy sao sáng trong huyền thoại cổ xưa đang tuột khỏi mây, chảy xuống trần gian. Nhiều người coi câu cuối bài thơ này là câu danh cú (câu thơ, câu văn nổi tiếng) bởi nó đã huyền thoại hoá 1 hình ảnh tạo vật ở trần gian và ngược lại nó trần gian hoá 1 hình ảnh của huyền thoại)  - Đây là bài thơ tả cảnh ngụ tình.  - Qua đặc điểm cảnh vật được miêu tả, ta có thể thấy những nét gì trong tâm hồn và tính cách nhà thơ?  - Bài thơ được viết theo phương thức biểu đạt nào?  - Bài thơ tả cảnh hay tả tình? Đó là cảnh gì, tình gì?  - Hs đọc ghi nhớ.  GV cho HS đọc phần phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ  - Bài thơ được viết theo thể thơ nào?  (thất ngôn tứ tuyệt Đường luật)  - Nêu những nét khái quát về thể thơ này?  (số câu, số tiếng, vần, đối,…)  - Nội dung chính của bài thơ?  (Bài thơ thể hiện một cách sinh động cảm nhận qua những điều nghe thấy, nhìn thấy của một khách xa quê đang thao thức không ngủ trong đêm đỗ thuyền ở bến Phong Kiều)  - Hai câu thơ đầu  (một người khách xa quê đang mang tâm trạng buồn nhớ quê hương thao thức không ngủ được trên một chiếc thuyền ở ngoài thành Cô Tô…)  - Tìm một câu thơ có kết cấu tương tự  trong văn thơ Việt Nam?  (Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền)  Hình ảnh con thuyền - bến nước là  hình ảnh khá quen thuộc trong thơ ca.  Học sinh đọc phần gợi ý trong sgk | **A. Xa ngắm thác núi Lư (Vọng Lư sơn bộc bố) - Lý Bạch**  **I- Đọc, tìm hiểu chung:**  ***1- Tác giả:*** Lí Bạch (701-762 ).  - Là nhà thơ nổi tiếng của TQ đời Đường.  - Được mệnh danh là “Tiên thi”(ông tiên làm thơ).  - Thơ ông biểu hiện 1 tâm hồn tự do, phóng khoáng.  - Ông thường viết về đề tài: chiến tranh, thiên nhiên, tình yêu, tình bạn.  ***2- Tác phẩm***: Xa ngắm thác núi Lư là bài thơ tiêu biểu viết về thiên nhiên.  - Bài thơ do Tương Như dịch, in trong Thơ Đường – Tập II (1987).  \* Đọc  \*Giải thích từ khó  \* Thể thơ  - Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt.  - Vị trí đứng ngắm thác của nhà thơ: Đây là cảnh vật được nhìn ngắm từ xa. Điểm nhìn đó không cho phép khắc hoạ cảnh vật 1 cách chi tiết, tỉ mỉ nhưng lại có lợi thế là dễ phát hiện được vẻ đẹp của toàn cảnh. Để làm nổi bật được sắc thái hùng vĩ của thác nước núi Lư, cách chọn điểm nhìn đó là tối ưu.  **II- Đọc - Hiểu văn bản:**  ***1- Cảnh thác núi Lư:***  - Nhật ***chiếu*** Hương Lô ***sinh*** tử yên,  - Mặt trời ***chiếu*** núi Hương Lô, ***sinh*** làn khói tía  - Nắng ***rọi*** Hương Lô khói tía bay,  -> Miêu tả khái quát hình ảnh ngọn núi Hương Lô.  -> ĐT chiếu (chiếu sáng, soi sáng), sinh (làm nảy sinh, sinh ra) - Gợi 1 cảnh tượng hùng vĩ, rực rỡ, lộng lẫy, huyền ảo như thần thoại.  - Dao khan bộc bố quải tiền xuyên.  - Xa nhìn dòng thác treo trên dòng sông phía trước.  - Xa trông dòng thác trước sông này.  -> Quải (treo): nói quá - biến động thành tĩnh, tiền xuyên (dòng sông phía trước) – Hình ảnh dùng để so sánh với dòng thác nhìn từ xa.  => Đứng xa trông dòng thác giống như 1 dòng sông treo trước mặt.  - ***phi*** lưu ***trực*** há tam thiên xích,  - Thác chảy như ***bay*** đổ ***thẳng***xuống ba nghìn thước  - Nước ***bay*** ***thẳng***xuống ba nghìn thước,  -> Phi (bay) - nói quá, trực (thẳng).  Miêu tả từ thế tĩnh chuyển sang thế động.  Gợi tả sức sống mãnh liệt của thác nước.  - Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.  - Ngỡ là sông Ngân rơi tự chín tầng mây.  - Tưởng dải Ngân Hà tuột khỏi mây.  -> Nghi (ngờ), lạc (rơi xuống) – so sánh, phóng đại, từ ngữ gợi hình, gợi cảm, gợi sự huyền ảo của vẻ đẹp thác nước.  -> Đây là 1 cảnh tượng mãnh liệt kì ảo của TN.  ***2- Tình cảm của nhà thơ trước thác núi Lư:***  - Tâm hồn và tính cách của nhà thơ biểu hiện 1 chất lãng mạn trí tuệ, tính cách phóng khoáng, trí tưởng tượng phong phú.  - Thể hiện tình yêu TN say đắm, nồng nàn.  - Đối tượng tác giả miêu tả là thắng cảnh của quê hương được tác giả trân trọng, tôn vinh.  \* ***Ghi nhớ***: sgk (112 ).  **B. Hướng dẫn đọc thêm: Đêm đỗ thuyền ở Phong Kiều (Phong Kiều dạ bạc).**  1. Đọc  2. Thể thơ  Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,  Giang phong ngư hoả đối sầu miên.  (Trăng xế, quạ kêu, sương đầy trời,  Khách nằm ngủ trước cảnh buồn của đèn chài và lùm cây phong bên sông.)  Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự  Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.  (Chùa Hàn Sơn ở ngoài thành Cô Tô  Nửa đêm tiếng chuông văng vẳng vọng đến thuyền khách.) |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

- Học thuộc lòng 2 bài thơ (3 bản )

Ngày soạn: 11/10/2015 Ngày dạy: 17/10/2015

**Tiết 35:** **TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

Giúp HS:

*1.Kiến thức*: Giúp HS hiểu được thế nào là từ đồng nghĩa.

*2.Kỹ năng*: HS hiểu được sự phân biệt giữa từ đồng nghĩa hoàn toàn và từ đồng nghĩa không hoàn toàn.

*3.Thái độ*: Có ý thức sử dụng từ đồng nghĩa đúng, hợp lý.

**B- CHUẨN BỊ :**

- Gv: Bảng phụ viết ví dụ và bài tập.Những điều cần lưu ý:

ở chương trình ngữ văn 7, từ đồng nghĩa được hiểu theo nghĩa rộng hơn so với thuật ngữ cũ.

- Hs:Bài soạn

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

Khi sử dụng quan hệ từ cần tránh những lỗi nào?

(Trả lời dựa vào ghi nhớ-sgk-107 ).

***3. Bài mới:***

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

(Qua đèo Ngang - Bà huyện Thanh Quan)

Từ nước với quốc, nhà với gia là từ gì? (Từ đồng nghĩa ). Em đã được học từ đồng nghĩa ở lớp nào? (Lớp 5 ). Bài hôn nay sẽ giúp chúng ta hiểu sâu hơn về lớp từ này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Em nào có thể nhắc lại thế nào là từ đồng nghĩa? (là những từ có nghĩa tương tự nhau).  - Đọc lại bản dịch thơ Xa ngắm thác núi Lư của Tương Như.  - Từ rọi, trông ở trong văn bản này có nghĩa là gì?  - Dựa vào kiến thức đã học ở bậc tiểu học, hãy tìm các từ đồng nghĩa với mỗi từ: rọi, trông?  - Em có nhận xét gì về nghĩa của các từ đã tìm được so với nghĩa của từ gốc?  - Gv: Những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau gọi là từ đồng nghĩa.  - Vậy em hiểu thế nào là từ đồng nghĩa?  - Từ trông trong bản dịch thơ Xa ngắm thác núi Lư có nghĩa là “nhìn để nhận biết”. Ngoài những nghĩa đó ra, từ trông còn có những nghĩa sau: (2), (3).  Tìm những từ đồng nghĩa với mỗi nghĩa trên của từ trông ?  - Em có nhận xét gì về hiện tượng đồng nghĩa của từ trông?  - Từ nhận xét trên, em có thể rút ra kết luận gì về từ nhiều nghĩa?  - Hs đọc ghi nhớ.  - Hs đọc ví dụ.  - Giải nghĩa từ quả, trái?  - Em có nhận xét gì về nghĩa của 2 từ này?  - Sắc thái ý nghĩa của 2 từ này giống nhau hay khác nhau?  - Gv: Những từ đồng nghĩa không phân biệt nhau về sắc thái gọi là:  - Hs đọc ví dụ.  - Nghĩa của 2 từ bỏ mạng và hi sinh trong 2 câu trên có chỗ nào giống nhau, chỗ nào khác nhau? (Giống nhau: cùng nói về cái chết của con người. Khác nhau: bỏ mạng mang sắc thái coi thường, khinh rẻ, còn hi sinh mang sắc thái kính trọng)  - Gv: Những từ đồng nghĩa có nghĩa giống nhau nhưng sắc thái nghĩa khác nhau thì gọi là:  - Từ đồng nghĩa được phân loại như thế nào ?  - Thử thay thế các từ đồng nghĩa quả và trái, bỏ mạng và hi sinh trong các ví dụ ở mục II cho nhau và rút ra nhận xét?  - Vì sao quả-trái lại thay thế được mà hi sinh - bỏ mạng lại không thay thế được? (Vì quả - trái là từ đồng nghĩa hoàn toàn, không phân biệt nhau về sắc thái nghĩa. Còn hi sinh - bỏ mạng là từ đồng nghĩa không hoàn toàn, có sắc thái nghĩa khác nhau)  - Ở bài 7, tại sao đoạn trích Chinh phụ ngâm khúc lấy tiêu đề là Sau phút chia li mà không phải là Sau phút chia tay?  - Khi sử dụng từ đồng nghĩa cần phải lưu ý gì?  - Hs đọc ghi nhớ 3.  - Tìm từ Hán Việt đồng nghĩa với các từ sau đây ?  - Vì sao em biết đó là những từ đồng nghĩa ?  - Tìm từ có gốc Ấn - Âu đồng nghĩa với các từ sau đây?  - Tìm một số từ địa phương đồng nghĩa với từ toàn dân?  - Tìm từ đồng nghĩa thay thế các từ in đậm trong các câu sau đây?  Phân biệt nghĩa của các từ trong các nhóm từ đồng nghĩa sau?  Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống? | ***I-Thế nào là từ đồng nghĩa:***  \* *Ví dụ 1:*  - Rọi: chiếu sáng, soi sáng.  - Trông: nhìn để nhận biết.  - Từ đồng nghĩa:  + Rọi đồng nghĩa với chiếu, soi, tỏ.  + Trông đồng nghĩa với nhìn ngó, dòm, nghé, liếc, lườm.  -> Nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.  => Từ đồng nghĩa: là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.  *\* Ví dụ 2:*  - Trông có các từ đồng nghĩa:  (2) Coi sóc giữ gìn cho yên ổn: Trông coi, chăm sóc, coi sóc.  (3) Mong: mong, hi vọng, trông mong.  -> Từ trông là từ nhiều nghĩa, nên từ trông có thể đồng nghĩa với nhiều dãy từ khác nhau.  => Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.  *\* Ghi nhớ 1*: sgk (114 ).  ***II- Các loại từ đồng nghĩa:***  *\* Ví dụ 1:*  - Quả:  - Trái:  -> Nghĩa hoàn toàn giống nhau, không phân biệt nhau về sắc thái nghĩa.  => Từ đồng nghĩa hoàn toàn.  \**Ví dụ 2:*  - Bỏ mạng: chỉ cái chết của con người. Đây là cái chết vô tích sự, mang sắc thái coi thường, khinh rẻ.  - Hi sinh: chỉ cái chết của con người. Đây là cái chết vì lí tưởng cao đep, vì nghĩa vụ cao cả nên mang sắc thái kính trọng  -> Giống nhau về nghĩa.  Khác nhau về sắc thái.  => Từ đồng nghĩa không hoàn toàn.  \* Ghi nhớ 2: sgk (114).  ***III- Sử dụng từ đồng nghĩa:***  \* Ví dụ 1:  - Quả - trái: thay thế được.  - Hi sinh - bỏ mạng: không thay thế được.  \* Ví dụ 2: chia tay - chia li.  - Giống nhau: Đều chỉ sự rời nhau, mỗi người đi 1 nơi.  - Khác nhau: Chia tay chỉ có tính chất tạm thời, thường là sẽ gặp lại nhau trong 1 tương lai gần. Còn chia li gợi 1 chia tay lâu dài, không có hi vọng gặp lại nhau.  \* *Ghi nhớ 3* : sgk (115).  ***IV- Luyện tập:***  *1- Bài 1* (115 ):  - Gan dạ - dũng cảm  - Chó biển - hải cẩu  - Nhà thơ - thi sĩ  - Đòi hỏi - yêu cầu  - Mổ xẻ - phẫu thuật  - Năm học - niên khoá  - Của cải - tài sản  - Loài người - nhân loại  - Nước ngoài - ngoại quốc  - Thay mặt - đại diện  *2- Bài 2* (115 ):  - Máy thu hình - Ra đi ô  - Sinh tố - vi ta min  - Xe hơi - ô tô  - Dương cầm - pi a nô  *3- Bài 3* (115 ):  - Ba, thầy - bố  - Má, bầm, bu - mẹ  - Hùm, beo - hổ  - Cầy - chó  *4- Bài 4* (115 ):  - Đưa tận tay - trao tận tay  - Đưa khách - tiễn khách  - Kêu - than thở, phàn nàn  - Nói - phê bình  - Đi - mất  5- Bài 5 (116)  - Ăn, xơi, chén  Ăn: sắc thái bình thường  Xơi: sắc thái lịch sự, xã giao  Chén: sắc thái thân mật, thông tục  - Cho, tặng, biếu  - Yếu đuối: sự thiếu hẳn sức mạnh về thể chất hoặc tinh thần  Yếu ớt: Sức lực hoặc tác dụng coi như là không đáng kể  - Xinh: trẻ, nhỏ nhắn, ưa nhìn  Đẹp: ý nghĩa chung hơn, cao hơn xinh  - Tu, nhấp, nốc: Khác nhau về cách thức hoạt động  6- Bài tập 6 (116)  a, thành quả - thành tích  b, ngoan cố - ngoan cường  c, nghĩa vụ - nhiệm vụ  d, giữ gìn - bảo vệ  7- Bài 7 (116)  a, - Đối xử/ đối đãi  - đối xử  b, - Trọng đại/ to lớn  - To lớn |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

- Thế nào là từ đồng nghĩa?

- Từ đồng nghĩa được phân loại như thế nào?

- Khi sử dụng từ đồng nghĩa cần lưu ý gì?

- Học thuộc 3 ghi nhớ, làm bài 5, 6, 7, 8, 9.

- Đọc bài: Cách lập ý của bài văn biểu cảm

Ngày soạn: 11/10/2015 Ngày dạy: 17/10/2015

**Tiết 36 CÁCH LẬP Ý BÀI VĂN BIỂU CẢM**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1.Kiến thức*: Giúp HS tìm hiểu những cáchlập ý đa dạng của bài văn biểu cảm để có thể mở rộng phạm vi, kỹ năng làm văn biểu cảm.

*2.Kỹ năng*: Giúp HS tiếp xúc với nhiều dạng văn biểu cảm và nhận ra cách viết của mỗi đoạn văn...

*3.Thái độ*: Biết cách lập ý của bài văn biểu cảm.

**B- CHUẨN BỊ:**

- Gv: Bảng phụ chép đoạn văn.Những điều cần lưu ý:

Cái khó là mỗi đoạn văn đều có 1 tư tưởng và tình cảm sâu sắc. Muốn làm văn hay, hs cần tập trung suy nghĩ theo hướng tốt đẹp, giàu tính nhân văn.

- Hs:Bài soạn

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức***

***2- Kiểm tra bài cũ:***

***3- Bài mới:***

Thế nào là văn biểu cảm? (là văn viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người đối với thế giới xung quanh và khêu gợi lòng đồng cảm nơi người đọc.

Khi viết văn biểu cảm cũng như các thể loại văn khác, chúng ta cần phải tìm ý và lập dàn ý. Bài hôm nay sẽ giúp chúng ta rèn kỹ năng lập dàn ý trong văn biểu cảm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy- trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc đoạn văn về Cây tre VN - Thép Mới.  - đoạn văn nói về vấn đề gì?  - Cây tre đã gắn bó với đời sống của người dân VN bởi những công dụng của nó như thế nào?  - Để thể hiện sự gắn bó “còn mãi” của tre, đoạn văn đã nhắc đến gì ở tương lai?  - Như vậy người viết đã bày tỏ tình cảm đối với sự vật bằng cách nào? (Bày tỏ tình cảm đối với sự vật bằng cách: liên hệ hiện tại với tương lai)  - Hs đọc đoạn văn: Người ham chơi.  - Đoạn văn nói về vấn đề gì?  - Nhân vật tôi đã say mê con gà đất như thế nào?  - Việc hồi tưởng quá khứ đã gợi lên cảm xúc gì cho tác giả?  - Ở đoạn văn này nhân vật tôi đã bày tỏ cảm xúc đối với sự vật bằng cách nào ? (Bày tỏ cảm xúc bằng cách hồi tưởng quá khứ và suy nghĩ về hiện tại)  - Hs đọc đoạn văn.  - Đoạn văn đề cập đến vấn đề gì ?  - Để bày tỏ tình cảm yêu mến cô giáo, tác giả đã tưởng tượng và gợi lại những kỉ niệm gì về cô?  - Đoạn văn đã thể hiện tình cảm đối với cô giáo bằng cách nào? (Tưởng tượng tình huống, hứa hẹn và gợi lại kỉ niệm)  - Hs đọc đoạn văn Mõm Lũng Cú tột Bắc.  - Việc liên tưởng từ Lũng Cú, cực Bắc của Tổ quốc tới Cà Mau, cực Nam Tổ quốc đã giúp tác giả thể hiện tình cảm gì?  -Tác giả đã thể hiện tình yêu đất nước và bày tỏ khát vọng thống nhất đất nước bằng cách nào? (liên tưởng, mong ước)  - Gv: Tưởng tượng tình huống, hứa hẹn, mong ước cũng là 1 cách bày tỏ tình cảm đối với con người và sự vật.  - Hs đọc đoạn văn.  - Đoạn văn miêu tả và biểu cảm về đối tượng nào?  - Đoạn văn đã miêu tả đặc điểm gì của u? Tác giả miêu tả bóng dáng và khuôn mặt của u để làm gì? Vậy tác giả đã biểu cảm gì?  - Để miêu tả và biểu cảm được như vậy thì tác giả phải làm gì? (Q.sát và suy ngẫm).  - Gv: Vừa rồi chúng ta đã đi tìm hiểu những cách lập ý cho bài văn biểu cảm.  - Để tạo lập ý cho bài văn biểu cảm và khơi nguồn cho mạch cảm xúc nảy sinh, thì người viết cần phải làm gì?  - Lập dàn ý cho đề: Cảm xúc về vườn nhà.  - Em hãy nêu các bước làm 1 bài văn biểu cảm? (4 bước: Tìm hiểu đề và tìm ý, lập dàn ý, viết bài, đọc và sửa bài)  - MB cần phải làm gì?  - TB cần tả những gì?  - KB cần nêu cảm xúc gì? | ***I- Những cách lập ý thường gặp của bài văn biểu cảm:***  ***1- Liên hệ hiện tại với tương lai:***  \* Đoạn văn: Cây tre VN - Thép Mới.  - Đoạn văn nói về cây tre VN trên bước đường đi tới tương lai của đất nước.  - Công dụng: nứa tre còn mãi, chia bùi sẻ ngọt, vui hạnh phúc, hoà bình.  - Tương lai: Ngày mai ... nhưng ... tre xanh vẫn là bóng mát. Tre vẫn mang khúc nhạc tâm tình. Tre sẽ càng tươi những cổng chào thắng lợi. Những chiếc đu tre vẫn dướn lên bay bổng. Tiếng sáo diều tre cao vút mãi.  ***2- Hồi tưởng quá khứ và suy nghĩ về hiện tại:***  \* Đoạn văn: Người ham chơi - HPNT  - Đv nói về sự say mê con gà đất của nhân vật tôi.  - Hoá thân thành con gà trống để dõng dạc cất lên điệu nhạc sớm mai.  - Gợi lên những cảm xúc: những con gà đất lần lượt vỡ dọc theo tuổi thơ mãi để lại trong tôi 1 nỗi gì sâu thẳm, giống như 1 linh hồn.  ***3- Tưởng tượng tình huống, hứa hẹn, mong ước:***  \* Đoạn văn: trích trong Những tấm lòng cao cả - Ét môn đô đơ A mi xi.  - Đoạn văn nói về tình cảm yêu mến cô giáo của tác giả.  - Đoạn văn đã tưởng tượng và gợi lại những kỉ niệm về cô giáo: Tìm gặp cô giữa đám học trò, nghe tiếng cô giảng bài, thấy cô mệt nhọc, đau đớn, yêu thương, thất vọng, lo lắng, sung sướng...  \* Đoạn văn: Mõm Lũng Cú tột Bắc-Nguyễn Tuân  - Việc liên tưởng từ Lũng Cú, cực Bắc của Tổ quốc tới Cà Mau, cực Nam của Tổ quốc, tác giả đã thể hiện tình yêu đất nước 1 cách sâu sắc và bày tỏ khát vọng thống nhất đất nước.  ***4- Quan sát, suy ngẫm:***  \* Đoạn văn: Trích trong Cỏ dại của Tô Hoài.  - Miêu tả và biểu cảm về u.  - Miêu tả: Gợi tả bóng dáng và khuôn mặt của u đã già.  - Biểu cảm: Tác giả đã biểu lộ lòng thương cảm và hối hận vì mình đã thờ ơ, vô tình với u.  \* Ghi nhớ: sgk (121 ).  ***II- Luyện tập:***  ***1- Tìm hiểu đề và tìm ý.***  ***2-Lập dàn bài:***  a- MB: Giới thiệu vườn và tình cảm đối với vườn nhà.  b- TB: Miêu tả vườn và lai lịch của vườn.  - Vườn và cuộc sống vui, buồn của gia đình.  - Vườn và lao động của cha mẹ.  - Vườn qua bốn mùa.  c- KB: Cảm xúc về vườn nhà. |

***4-Củng cố, hướng dẫn***

Gv hệ thống lại kiến thức toàn bài.

- Học thuộc ghi nhớ, lập dàn ý đề bài: Cảm nghĩ về người thân.

-Soạn bài ''Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh ''

**TUẦN 10** Ngày soạn: 18/10/2015 Ngày dạy: 21/10/2015

**Bài 10**

Tiết 37:

**CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM THANH TĨNH**

**(**Lí Bạch**)**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1.Kiến thức*: Giúp HS cảm nhận được cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, và quê hương sâu nặng của nhà thơ..

*2.Kỹ năng*: - Đọc, cảm thụ được nội dung nghẹ thuật của bài thơ.

*3.Thái độ*: Giáo dục tình yêu thiên nhiên , yêu quê hương đất nước con người.

**B- CHUẨN BỊ**

- Gv: Bảng phụ chép bản phiên âm và giải nghĩa yếu tố HV. Những điều cần lưu ý: Trong 4 bài tuyệt cú ở sgk thì 3 bài thất ngôn đều là thơ Đường luật, còn bài này là ngũ ngôn cổ thể.

- Hs:Bài soạn

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức***

***2- Kiểm tra bài cũ:***

***3- Bài mới:***

Đọc thuộc lòng bản phiên âm và bản dịch thơ bài Xa ngắm thác núi Lư và nêu cảm nhận của em về nội dung, nghệ thuật của bài thơ? (Trả lời dựa vào ghi nhớ-sgk-112).

“Vọng nguyệt hoài hương”- Trông trăng nhớ quê - Là 1 đề tài phổ biến trong thơ cổ TQ. Vầng trăng đã trở thành biểu tượng truyền thống quen thuộc. Xa quê trăng càng sáng, càng tròn, càng gợi nỗi nhớ quê. Bản thân hình ảnh vầng trăng 1 mình trên bầu trời cao thăm thẳm trong đêm khuya thanh tĩnh đã đủ gợi lên nỗi sầu xa xứ. Trăng mùa thu, lại càng có sức gợi nỗi nhớ nhà, nhớ quê. Bài thơ Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh đã chọn đề tài ấy nhưng vẫn mang lại cho người đọc cả nghìn năm nay biết bao rung cảm sâu xa.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy - trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Chúng ta đã được làm quen với nhà thơ Lí Bạch qua bài thơ Xa ngắm thác núi Lư. Vậy em hãy nhắc lại 1 vài nét về tác giả Lí Bạch?  - Vì sao Lí Bạch lại được mệnh danh là “Tiên thơ” (Làm thơ rất nhanh và rất hay)  Gv: Lí Bạch thường viết về đề tài:  - Bài thơ Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh thuộc đề tài nào?  - Gv: nêu xuất xứ của bài thơ:  - Hd đọc: Giọng chậm, buồn để thể hiện được tình cảm nhớ quê của tác giả, nhịp 2/3.  - Gv: Giải nghĩa yếu tố HV (bảng phụ).  - Giải thích từ khó: Hs đọc chú thích.  - Dựa vào số câu, số tiếng trong bản phiên âm và bản dịch thơ, em hãy cho biết bài thơ được viết theo thể thơ nào? Bài thơ có vần không? Vần ở đâu? (câu 2,4).  - Ta đã gặp thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt ở bài thơ nào? (Phò giá về kinh - Trần Quang Khải)  - Gv: Bài Phò giá về kinh của Trần Quang Khải) là thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật, còn bài Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh là thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt cổ thể. Cổ thể là thể thơ xuất hiện trước đời Đường, không gò bó về niêm luật như thơ Đường, không cần có đối và không hạn định số câu.  Bây giờ chúng ta đi tìm hiểu bài thơ theo bố cục 2/2.  - Hs đọc 2 câu đầu ở bản phiên âm và bản dịch thơ.  - Hai câu đầu tả cảnh gì, ở đâu? (tả cảnh ánh trăng, ở đầu giường: sàng tiền, nguyệt)  - Cảnh ánh trăng được miêu tả qua những từ ngữ nào? (minh, quang, sương)  - Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ của tác giả?  - Những từ đó đã gợi tả ánh trăng như thế nào?  - Gv: Chữ “sàng” cho thấy trăng sáng đầu giường, nghĩa là nhà thơ đang nằm trên giường thao thức không ngủ được. Chữ “nghi”: ngỡ là, tưởng là và chữ “sương” đã xuất hiện 1 cách tự nhiên, hợp lí. Vì trăng quá sáng trở thành màu trắng giống như sương là điều có thật. Nói về điều đó nhà thơ Tiêu Cương đã viết: Dạ nguyệt tự thu sương (trăng đêm giống như sương). ở Tiêu Cương là so sánh, đối chiếu, còn với Lí Bạch thì đó lại là khoảnh khắc suy nghĩ của con người.  - Hai câu thơ đầu gợi cho ta thấy vẻ đẹp của trăng như thế nào?  - Gv: Đêm càng về khuya càng trở nên yên tĩnh, không gian bốn bề vắng lặng, nhà thơ chợt tỉnh giấc thấy mình nằm dưới ánh trăng. Hình như trăng đã đánh thức thi nhân dậy. Thật chủ động, trăng đến khơi gợi 1 nguồn thơ và trăng là chất liệu tạo nên nguồn thơ dào dạt.  - Hai câu thơ đầu chỉ thuần tuý tả cảnh hay vừa tả cảnh, vừa tả tình?  - Gv:Từ “nghi” chỉ trạng thái của nhân vật trữ tình, ẩn chứa tình cảm của thi nhân, vừa tả trạng thái bâng khuâng, ngỡ ngàng, vừa tả cử chỉ của người đang nằm trên giường “cúi đầu” xuống nhìn mặt đất, nhìn vào mông lung, nhớ đất, nhớ người. Đó chính là tả tình.  - Em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ giữa bản dịch thơ và bản phiên âm (Bản dịch thơ đã đưa thêm 2 từ: rọi và phủ vào, làm cho người đọc có cảm giác 2 câu thơ chỉ tả cảnh và ý vị trữ tình của chủ thể có phần mờ nhạt đi.  - Gv: Hai câu thơ đầu vừa tả cảnh, vừa tả tình, còn 2 câu cuối thì sao?  - Hs đọc 2 câu thơ cuối (Bản phiên âm và dịch thơ).  - Hai câu cuối tả cảnh hay tả tình?  - Cảnh và tình được tả thông qua những từ ngữ nào? (cảnh: minh nguyệt, tình: tư cố hương)  - Cử đầu và đê đầu là chỉ hành động của ai? (chỉ hành động của nhân vật trữ tình)  - Hai hành động này như thế nào với nhau? (đối nhau)  - Đối có tác dụng gì? (làm cho câu thơ cân đối, nhịp nhàng)  - Em có nhận xét gì về cách sd từ ngữ của tác giả?  Việc sử dụng 1 loạt ĐT như vậy có tác dụng gì?  - Gv: Nếu ở 2 câu thơ trên, nhà thơ tả ngoại cảnh trước, nội tâm sau, thì đến đây cảnh và tình, cử chỉ và tâm trạng hài hoà đan xen không thể tách bạch. Hành động ngẩng đầu xuất hiện như 1 động tác tất yếu để kiểm nghiệm sương hay trăng? Ánh mắt nhà thơ chuyển từ trong ra ngoài, từ mặt đất lên bầu trời, từ chỗ chỉ thấy ánh trăng đến chỗ thấy được cả vầng trăng xa. Và khi thấy được vầng trăng cũng đơn côi lạnh lẽo như mình, lập tức nhà thơ lại cúi đầu, không phải để nhìn sương. nhìn ánh trăng 1 lần nữa, mà để nhớ về quê hương, nghĩ về quê xa.  - Vì sao tác giả nhìn trăng sáng lại gợi nỗi nhớ quê? (Dựa vào chú thích - sgk-124).  - Nhan đề của bài thơ là Tĩnh dạ tứ (Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh), vậy cảm nghĩ mà tác giả muốn thể hiện trong bài thơ là cảm nghĩ gì ?  - Gv: Trong cái đêm thanh tĩnh ấy, trăng rất sáng, rất đẹp nhưng lòng người không thể vui với trăng được mà trái lại dù ngẩng đầu nhìn trăng, hay cúi đầu nhìn đất thì nỗi nhớ quê vẫn khắc khoải trong lòng.  Đỗ Phủ đã từng viết:  “Lộ tòng kim dạ bạch  Nguyệt thị cố hương minh”  (Sương từ đêm nay trắng xoá  Trăng là ánh sáng của quê nhà)  - Cách sử dụng từ ngữ của tác giả có gì đáng chú ý?  - Bài thơ được biểu đạt bằng phương thức nào?  - Sự kết hợp này được thể hiện như thế nào trong bài thơ?  - Qua 2 bài thơ xa ngắm thác núi Lư và Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, em hiểu thêm gì về tâm hồn và tài năng của Lí Bạch? | ***I- Giới thiệu chung:***  ***1- Tác giả:*** Lí Bạch (sgk-111).  - Đề tài: chiến tranh, thiên nhiên, tình yêu, tình bạn.  ***2- Tác phẩm:*** Bài thơ do Tương Như dịch, in trong thơ Đường -Tập II (1987).  1. Đọc  2. Thể thơ  - Thể thơ: ngũ ngôn tứ tuyệt cổ thể.  ***II- Đọc – tìm hiểu văn bản:***  ***1- Hai câu thơ đầu:***  - Sàng tiền minh nguyệt quang,  Nghi thị địa thượng sương.  - Đầu giường ánh trăng rọi,  Ngỡ mặt đất phủ sương.  -> Sử dụng 1 loạt các từ ngữ gợi tả  ánh trăng rất sáng giống như sương trên mặt đất.  => Gợi vẻ đẹp dịu êm, mơ màng, yên tĩnh.  ***2- Hai câu thơ cuối:***  - Cử đầu vọng minh nguyệt,  Đê đầu tư cố hương.  - Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,  Cúi đầu nhớ cố hương.  -> Phép đối,  Chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi ngẩng đầu rồi cúi đầu mà tình quê như trỗi dậy đủ biết tình cảm ấy luôn thường trực trong lòng tác giả  -Sử dụng 1 loạt ĐT chỉ hoạt động, trạng thái, tính chất của sự vật - Gợi tả tâm trạng buồn, nhớ quê hương  ->Tình yêu và nỗi nhớ quê da diết.  **III Tổng kết :**  - Từ ngữ giản dị, tinh luyện.  - Miêu tả kết hợp với biểu cảm.  - Cảnh trăng sáng trong đêm thanh tĩnh gợi tình yêu quê.  - Lí Bạch:  + Yêu thiên nhiên, gần gũi với thiên nhiên.  + Nặng tình với quê hương và yêu quê hương tha thiết.  + Có tài làm thơ, thơ hay, ngắn gọn, cô đúc, lời ít, ý nhiều. |

***4. Củng cố, hướng dẫn :***

Em hãy chỉ ra các động từ có trong bài thơ? Và chỉ ra vai trò liên kết ý thơ của nó? Tìm CN cho các ĐT ấy? Chúng bị lược bỏ nhằm mục đích gì?

- Động từ: Nghi, cử, vọng, đê, tư (ngỡ, ngẩng, nhìn, cúi, nhớ)

- CN là nhân vật trữ tình (nhà thơ) bị tỉnh lược. Đó là điều tạo nên sự thống nhất, liền mạch của các câu thơ, bàithơ.

- Học thuộc lòng bản phiên âm và bản dịch thơ, học thuộc ghi nhớ.

- Soạn bài: Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê.

**Rút kinh nghiệm**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 18/10/2015 Ngày dạy: 21/10/2015

Tiết 38:  **NGẪU NHIÊN VIẾT NHÂN BUỔI MỚI VỀ QUÊ**

(Hạ Tri Chương)

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY**

*1.Kiến thức*: Giúp HS cảm nhận được tính độc đáo trong việc thể hiện tình cảm quê hương sâu nặng của nhà thơ.

*2.Kỹ năng*: - HS cảm thụ được nội dung nghệ thuật của bài thơ.

*3.Thái độ*: - Giáo dục tình yêu quê hương đất nước.

**B- CHUẨN BỊ:**

- Gv: Bảng phụ chép bản phiên âm và giải nghĩa yếu tố Hán Việt.Những điều cần lưu ý: Khi giảng bài này cần so sánh với bài Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh để làm nổi bật chỗ giống nhau cũng như chỗ khác nhau giữa 2 bài.

- Hs:Bài soạn

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức***

***2- Kiểm tra bài cũ:***

Đọc thuộc lòng bản phiên âm và bản dịch thơ bài Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Trình bày hiểu biết của em về thể thơ đó

***3- Bài mới:***

Xa quê nhớ quê là chủ đề quen thuộc trong thơ cổ trung đại phương Đông. ở bài Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh thì nỗi nhớ quê được thể hiện qua nỗi sầu xa xứ. Còn ở bài Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê thì tình quê lại được thể hiện ngay lúc vừa mới đặt chân tới quê nhà. Đó chính là tình huống tạo nên tính độc đáo của bài thơ.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy - trò*** | ***Nội dung kiến thức*** |
| - Dựa vào phần chú thích, em hãy nêu 1 vài nét về tác giả Hạ Tri Chương?  - Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?  Gv: Hạ Tri Trương đỗ tiến sĩ năm 36 tuổi và làm quan 50 năm dưới triều vua Đường Huyền Tông. Đến năm 86 tuổi mới cáo quan nghỉ hưu, trở về quê hương. Vừa đặt chân tới làng thì gặp 1 sự việc bất ngờ khiến ông xúc động. Thế là ông ngẫu hứng viết bài thơ này.  - Hd đọc: giọng chậm, buồn, câu 3 đọc giọng hơi ngạc nhiên, câu 4 giọng hỏi, cao hơn và hơi nhấn mạnh thêm 1 chút ở các tiếng: nào, chơi.  - Chú thích yếu tố HV (bảng phụ).  - Dựa vào số câu, số tiếng trong bài thơ, em hãy cho biết bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào ?  - Gv: Phân tích bài thơ theo bố cục 2/2.  - Hs đọc 2 câu đầu.  - Hai câu thơ đầu là tả hay kể? Kể và tả về ai, về những vấn đề gì? (Kể và tả về bản thân)  - Em hiểu thế nào là giọng quê? (là chất quê, hồn quê biểu hiện trong giọng nói của con người)  - Giọng quê không đổi điều đó có ý nghĩa gì ? (vẫn giữ được bản sắc quê hương, không thay đổi)  - Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng ở đây? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó? (Đối giữa các vế trong câu gọi là tiểu đối - Vừa làm cho câu văn cân đối, nhịp nhàng, vừa khái quát được quãng đời xa quê và làm nổi bật sự thay đổi về vóc dáng và tuổi tác, đồng thời bước đầu hé lộ tình cảm quê hương của nhà thơ)  - Em có nhận xét gì về các hình ảnh, chi tiết được kể và tả ở đây? Tác dụng của nó?  - Xa quê lâu, ở con người nhà thơ, cái gì thay đổi theo thời gian, cái gì không đổi? (Mái tóc đã thay đổi theo thời gian, còn giọng quê thì không thay đổi)  - Sự đổi và không đổi đó có ý nghĩa gì?  - Gv: Câu 1 là tự sự để biểu cảm, còn câu 2 là miêu tả để biểu cảm. Đây là phương thức bộc lộ tình cảm 1 cách gián tiếp. Ngôn từ và hình ảnh cứ nhẹ nhàng cất lên 1 cách thấm thía biết bao cảm xúc, nghe như đằng sau có tiếng thở dài. Nhà thơ nhìn thấy quê hương, cất tiếng nói theo giọng của quê hương, rồi tự ngắm mình, thấy mình thay đổi nhiều quá trước quê hương, làng xóm.  - Hs đọc 2 câu cuối.  - Hai câu này là kể hay tả? Kể việc gì?  - Khi vừa về đến làng hình ảnh đầu tiên mà tác giả gặp là ai? Vì sao tác giả lại kể về bọn trẻ con? (Bọn trẻ là người làng, là sự sống của làng, là hình ảnh tương lai của làng, chúng chân thật, hồn nhiên)  - Với tác giả, ấn tượng rõ nhất của bọn trẻ là gì? (thấy lạ không chào mà lại hỏi)  - Tại sao với tác giả đó là ấn tượng rõ nhất?  - Tác giả kể chuyện khi mới về làng để nhằm mục đích gì?  - Em hãy nêu những nét đặc sắc về ND và NT của bài thơ?  - Hs đọc ghi nhớ.  - Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài thơ  Những thành công về nghệ thuật trong bài thơ này là gì ?  - Qua bài thơ em cảm nhận được tình cảm gì của nhà thơ ? | ***I- Giới thiệu chung:***  ***1- Tác giả:*** Hạ Tri Chương (659-744).  - Là 1 trong những thi sĩ lớn của thời Đường.  - 965 ông đỗ tiến sĩ và là đại quan của triều Đường.  - Thơ của ông thanh đạm, nhẹ nhàng, gợi cảm. biểu lộ 1 trái tim nhân hậu đáng yêu.  ***2- Tác phẩm:***  Bài thơ được viết khi ông cáo quan về quê nghỉ hưu.  ***3. Thể thơ****:* Thất ngôn tứ tuyệt.  ***II. Tìm hiểu chi tiết***  ***1- Hai câu thơ đầu (Khai-Thừa):***  - Thiếu tiểu li gia, lão đại hồi,  Hương âm vô cải, mấn mao tồi.  - Khi đi trẻ, lúc về già,  Giọng quê vẫn thế, tóc đà khác bao.  ->Sử dụng từ trái nghĩa và hình ảnh đối  -> Sử dụng hình ảnh chi tiết vừa chân thực, vừa tượng trưng -> Làm nổi bật tình cảm gắn bó với quê hương.  => Khẳng định sự bền bỉ của tình cảm con người đối với quê hương.  ***2- Hai câu cuối (Chuyển - Hợp):***  - Nhi đồng tương kiến, bất tương thức,  Tiếu vấn: Khách tòng hà xứ lai?  - Trẻ con nhìn lạ không chào  Hỏi rằng: Khách ở chốn nào lại chơi?  -> Kể chuyện khi về tới làng quê.  -> Hình ảnh bọn trẻ gợi nhớ thời niên thiếu và gợi bản sắc tốt đẹp của quê hương. -> Gợi nỗi buồn vì xa quê quá lâu, thành ra xa lạ với quê.  => Biểu hiện tình cảm quê hương thắm thiết, bền bỉ.  **III. Tổng kết**    **\* Ghi nhớ**  ***IV Luyện tập :***So sánh hai bản dịch của hai dịch giả trong SGK. |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

- Học thuộc lòng bài thơ (bản phiên âm, dịch thơ).

- Xem trước phần từ trái nghĩa

**Rút kinh nghiệm**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................

Ngày soạn: 18/10/2015 Ngày dạy: 23/10/2015

**Tiết 39:** **TỪ TRÁI NGHĨA**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* Củng cố và nâng cao kiến thức về từ trái nghĩa. Thấy được tác dụng

của việc sử dụng các cặp từ trái nghĩa.

*2. Kỹ năng:* Rèn kỹ năng sử dụng từ trái nghĩa khi nói, viết.

*3. Thái độ:* Có ý thức sử dụng từ trái nghĩa đúng lúc, đúng chỗ để gây ấn tượng mạnh, làm lời nói sinh động.

**B. CHUẨN BỊ.**

1.Giáo viên: Giáo án, Bảng phụ.

2. Học sinh: Chuẩn bị bài theo câu hỏi, phiếu học tập.

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức***

***2- Kiểm tra bài cũ:***

Anh em như chân với tay

Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

(Ca dao)

- Tìm từ đồng nghĩa với từ đùm bọc? Vì sao? (đồng nghĩ với đùm bọc là che chở- vì 2 từ này có nghĩa như nhau).

- Từ lành- rách có phải là cặp từ đồng nghĩa không? Vì sao? (không - vì nghĩa của 2 từ này không giống nhau)

***3-Bài mới:***

Cặp từ rách - lành không phải là từ đồng nghĩa mà là từ trái nghĩa. Vậy thế nào là từ trái nghĩa và sử dụng từ trái nghĩa như thế nào? Chúng ta đi tìm hiểu bài hôm nay

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Đọc bản dịch thơ bài: cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh và bài Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê của Trần Trọng San.  - Em hãy tìm các cặp từ trái nghĩa trong 2 bản dịch thơ đó?  -Vì sao em biết đó là những cặp từ trái nghĩa? (vì chúng có nghĩa trái ngược nhau)  - Sự trái nghĩa này dựa trên những cơ sở, tiêu chí nào?  - Tìm từ trái nghĩa với từ già trong trường hợp rau già, cau già?  - Như vậy từ già là từ như thế nào (từ già là từ có 1 nghĩa hay là từ có nhiều nghĩa)?  - Em có thể rút ra kết luận gì về từ nhiều nghĩa ?  - Hs đọc ghi nhớ.  - Trong 2 bài thơ dịch trên, việc sử dụng các từ trái nghĩa có tác dụng gì?  - Tìm 1 số thành ngữ có sử dụng từ trái nghĩa và nêu tác dụng của việc dùng từ trái nghĩa ấy?  (Trên thực tế con trạch dài hơn con lươn, con thờn bơn mồm lệch hơn con trai. Nhưng người ta muốn lấy chuyện lươn chê trạch và thờn bơn chê trai để nói những người không biết mình mà còn hay chê người khác)  - Từ trái nghĩa thường hay được sử dụng ở đâu, để làm gì? Sử dụng từ trái nghĩa có tác dụng gì?  - Hs đọc 2 ghi nhớ.  - Hs đọc những bài ca dao, tục ngữ.  - Tìm những từ trái nghĩa trong các câu ca dao, tục ngữ vừa đọc?  - Vì sao em biết đó là những cặp từ trái nghĩa?  - Tìm từ trái nghĩa với các từ in đậm trong các cụm từ sau đây?  - Vì sao, em lại chọn những từ đó là từ trái nghĩa? (vì những từ này là từ nhiều nghĩa, mà từ nhiều nghĩa thì có thể thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau)  - Điền từ trái nghĩa thích hợp vào các thành ngữ sau?  - Các từ trái nghĩa trong các câu thành ngữ trên được dùng để làm gì? Nó có tác dụng như thế nào? (Được dùng để tạo phép tương phản, gây ấn tượng mạnh, làm cho lời nói thêm sinh động)  - Hãy viết một đoạn văn ngắn về tình cảm quê hương, có sử dụng từ trái nghĩa?  - Gạch chân dưới các từ trái nghĩa? | ***I- Thế nào là từ trái nghĩa:***  \* Ví dụ:  - Ngẩng - cúi  -> trái nghĩa về hoạt động của đầu.  - Trẻ - già  -> trái nghĩa về tuổi tác của người.  - Đi - trở lại  -> trái nghĩa về sự di chuyển.  => Từ trái nghĩa: là những từ có nghĩa trái ngược nhau.  -Già - non -> trái nghĩa về tính chất của thực vật.  => Từ nhiều nghĩa, có thể thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau.  \* Ghi nhớ: sgk (128).  ***II- Sử dụng từ trái nghĩa:***  \* Ví dụ:  - Ngẩng - cúi -> Tạo phép đối, góp phần biểu hiện tâm tư trĩu nặng tình cảm quê hương của nhà thơ.  - Trẻ - già, đi - về -> Tạo phép đối, làm nổi bật sự thay đổi của chính nhà thơ ở 2 thời điểm khác nhau.  - Lươn ngắn lại chê trạch dài,  Thờn bơn méo miệng chê trai lệch mồm.  -> Tạo sự tương phản để lên án, phê phán những kẻ không biết mình mà còn hay chê bai người khác.  => Từ trái nghĩa được sử dụng trong thể đối, tạo các hình tượng tương phản, gây ấn tượng mạnh, làm cho lời nói thêm sinh động.  \* Ghi nhớ 1,2: sgk (128 )  ***III- Luyện tập:***  ***1- Bài 1 (129 ):***  - Lành – rách - Ngắn - dài  - Giàu – nghèo - Sáng – tối  ***2- Bài 2 (129*** ):  cá ***tươi***– cá ươn  - ***Tươi***  hoa ***tươi***– hoa héo  ăn ***yếu*** - ăn khoẻ  - ***Yếu***  học lực ***yếu*** – học lực giỏi  chữ ***xấu*** – chữ đẹp  - ***Xấu***  đất ***xấu*** - đất tốt  ***3- Bài 3 (129 ):***  - Chân cứng đá mềm.  - Có đi có lại.  - Gần nhà xa ngõ.  - Mắt nhắm mắt mở.  - Chạy sấp chạy ngửa.  - Vô thưởng vô phạt.  - Bên trọng bên khinh.  ***4- Bài 4 (129 ):***  Quê hương em ở vùng ven sông vào ***cuối*** mùa thu, ***đầu*** mùa đông, thường có những ngày mưa rả rích. ông em kể rằng: ***xưa kia*** nơi đây là 1 vùng đồi núi hoang vu, vắng vẻ, không 1 bóng người nhưng ***ngày nay,*** ở nơi đây,  con người đã biến ***những đồi núi hoang vu, cằn cỗi*** thành ***những cánh rừng xanh tươi, bát ngát***. |

***4. Củng cố, hướng dẫn*** Gv hệ thống lại kiến thức toàn bài

- Học thuộc ghi nhớ, làm tiếp những phần bài tập chưa làm hết.

- Chuẩn bị phần luyện nói

**Rút kinh nghiệm**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn: 18/10/2015 Ngày dạy: 25/10/2015

**Tiết 40:** **LUYỆN NÓI VĂN BIỂU CẢM VỀ SỰ VẬT CON NGƯỜI**

**A- Mục tiêu bài học:**

*1. Kiến thức:* Củng cố phương pháp về làm văn biểu cảm về sự vật, con người.

*2. Kỹ năng:* Rèn kỹ năng nói theo chủ đề biểu cảm.

- Rèn kỹ năng tìm ý, lập dàn ý.

*3. Thái độ:*Có thái độ nói năng mạnh dạn trước đông người.

**C. Chuẩn bị**

1. Giáo viên: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài ở nhà.

2. Học sinh: Mỗi em chuẩn bị 1 đề để tập nói( theo yêu cầu của GV).

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức***

***2- Kiểm tra bài cũ:***

Luyện nói là gì? (Luyện nói trước lớp là luyện văn nói).

Vậy văn nói khác văn viết ở chỗ nào? (Văn nói khác văn viết ở chỗ câu văn không dài, nội dung không quá nhiều chi tiết. Bài hôm nay sẽ giúp các em rèn kĩ năng diễn đạt trước tập thể lớp).

***3***- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc 4 đề bài (bảng phụ).  - Mỗi em chọn 1 trong 4 đề trên, lập dàn bài tập nói ở nhà theo tinh thần 1 bài phát biểu trước lớp.  - Bốn đề bài trên thuộc thể loại nào?  - Văn biểu cảm về sự vật, con người đòi hỏi phải chú ý đến những v.đề gì?  - Khi viết văn biểu cảm cần vận dụng những hình thức biểu cảm nào?  - Hs chia tổ, nhóm, phát biểu theo dàn bài đã chuẩn bị, sau đó cử đại diện lên nói trước lớp.  - Khi bạn trình bày, các em lắng nghe để bổ sung, sửa chữa.  - Gv: Muốn người nghe hiểu thì người nói phải lập ý và trình bày theo thứ tự ý: ý 1, ý 2...Muốn truyền được cảm xúc cho người nghe thì: Tình cảm phải chân thành, từ ngữ phải chính xác trong sáng, bài nói phải mạch lạc và đảm bảo tính liên kết chặt chẽ. | ***I- Chuẩn bị:***  ***1- Đề bài:***  - Đề 1: Cảm nghĩ về thầy, cô giáo, những “người lái đò” đưa thế hệ trẻ “cập bến” tương lai.  - Đề 2: Cảm nghĩ về tình bạn.  - Đề 3: Cảm nghĩ về sách vở mình đọc và học hàng ngày.  - Đề 4: Cảm nghĩ về một món quà mà em đã được nhận thời thơ ấu.  ***2- Yêu cầu:***  - Văn biểu cảm về sự vật, con người đòi hỏi phải chú ý tới sự vật và con người 1 cách đầy đủ. Phải có sự vật, con người làm nền cho những tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ. Người làm phải chú ý tới yếu tố tự sự và miêu tả. Cần vận dụng yếu tố hồi tưởng, tưởng tượng, liên tưởng để biểu cảm.  - Tập vận dụng hình thức biểu cảm như: so sánh, lời trùng điệp, hình thức cảm thán.  ***II- Thực hành***:  ***1- Gợi ý***: Mẫu chung của bài nói  *a- Mở đầu:*  - Kính thưa cô giáo và các bạn!  Tất cả những ai đã từng cắp sách tới trường đều có những kỉ niệm sâu sắc về mái trường, về thầy cô, bè bạn. Một trong những kỉ niệm sâu sắc nhất để lại cho em nhiều suy nghĩ và tình cảm là hình ảnh về cô giáo Mai người lái đò đưa thế hệ trẻ cập bến tương lai.  *b- Nội dung của câu chuyện, kỉ niệm:*  - Một lần cô Mai trả bài TLV, em bị điểm kém. Nhận bài, em vò nhàu rồi bỏ vào trong cặp…  - Cuối giờ cô giáo yêu cầu tất cả những bài bị điểm kém làm lại bài hôm sau phải nộp cả bài cũ lẫn bài mới cho cô  -Tối hôm đó, vừa làm bài em vừa vuốt tờ giấy kiểm tra cho phẳng, nhưng vuốt mãi mà tờ giấy vẫn còn nhăn nhúm. Em nghĩ ra sáng kiến lấy bàn là là cho phẳng...  - Sáng hôm sau ,em ung dung nộp cả bài cũ lẫn mới cho cô…  *c- Kết thúc*: Em xin được ngừng lời ở đây. Cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý lắng nghe! |

***4- Củng cố, hướng dẫn***: Gv hệ thống lại kiến thức toàn bài.

- Chọn một trong 4 đề viết thành bài văn hoàn chỉnh.

- Đọc bài: Các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm.

- Soạn bài Bài ca nhà tranh bị gió thu phá (Đỗ Phủ)

**Rút kinh nghiệm**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 11**

Ngày soạn: 26/10/2015 Ngày dạy: 28/10/2015

**Tiết 41: Văn bản:**

**BÀI CA NHÀ TRANH BỊ GIÓ THU PHÁ**

(Đỗ Phủ)

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* Cảm nhận được tinh thần nhân đạo và lòng vị tha cao cả của nhà thơ Đỗ phủ.

*2. Kỹ năng:* Bước đầu thấy được vị trí và ý nghĩa của những yếu tố miêu tả và tự sự trong thơ trữ tình và bước đầu thấy được đặc điểm của bút pháp Đỗ Phủ qua những dòng thơ miêu tả và tự sự.

*3. Thái độ:* Cảm thông với nỗi khổ, bất hạnh của người khác.

**C. CHUẨN BỊ**.

1. Giáo viên: Giáo án, tranh minh hoạ, SGK, SGV

2. Học sinh: Vở ghi, SGK, đọc, soạn bài.

**C – PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm học tập......

**D**- **TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**:

***1- Ổn định tổ chức***

***2- Kiểm tra bài cũ:***

Đọc thuộc lòng bài thơ Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê (bản phiên âm và bản dịch thơ). Nêu những nét nổi bật về nội dung, nghệ thuật của bài thơ? (ghi nhớ -128 )

***3- Bài mới:***

Lí Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị là 3 nhà thơ lớn nhất của Trung Hoa đời Đường. Nếu Lí Bạch là nhà thơ lãng mạn vĩ đại, là “Tiên thi” thì Đỗ Phủ là nhà thơ hiện thực vĩ đại, là “Thi sử thi thánh “ (ông thánh làm thơ ). Cuộc đời của ông long đong khốn khổ, chết vì nghèo đói, bệnh tật. Ông đã để lại cho đời gần 1500 bài thơ trầm uất, buồn đau, nuốt tiếng khóc nhưng lại sáng ngời lên tinh thần nhân ái bao la. Bài ca nhà tranh bị gió thu phá là 1 bài thơ như thế.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Dựa vào chú thích, em hãy nêu 1 vài nét về tác giả bài thơ?  - Gv: Ông là nhà thơ giàu lòng yêu nước, thương dân, lo đời, ghét cường quyền bạo ngược. Tính hiện thực và tinh thần nhân đạo dào dạt trong hơn 1400 bài thơ để lại, phản ánh tâm hồn cao đẹp của 1 “nhà thơ dân đen”. Cuộc đời của Đỗ Phủ trải qua nhiều bất hạnh: Công danh lận đận, con chết, lưu lạc tha hương, càng cuối đời càng nghèo đói, cơm không đủ ăn, ốm đau không thuốc thang cơm cháo, nằm chết trên 1 chiếc thuyền rách nát nơi quê hương.  - Em hãy nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ?  - Gv: Bài thơ ... được xếp vào trong số 100 bài thơ hay nhất của Đỗ Phủ. Ông viết bài thơ này vào những năm cuối đời mình. 760 hay 761 được bạn bè giúp đỡ, Đỗ Phủ dựng được 1 cái nhà tranh bên cạnh khe Cán Hoa ở phía Tây Thành Đô, tỉnh Phú Xuyên nhưng chưa được bao lâu thì căn nhà đã bị gió mưa thu phá nát. Đỗ Phủ buồn rầu xúc cảm viết bài thơ này.  - Hd đọc: Giọng vừa kể vừa tả bộc lộ cảm xúc buồn bã, bất lực, cay đắng của nhà thơ. Đọc 3 khổ đầu với giọng tươi sáng, phấn chấn hơn ở khổ thơ cuối.  - Giải thích từ khó: chú thích 1-sgk.  - Dựa vào số câu, số tiếng trong bài thơ, em hãy cho biết bài thơ được viết theo thể thơ nào?  - Nhắc lại sự hiểu biết của em về thể thơ cổ thể?  - Bài thơ có bao nhiêu câu, chia thành mấy phần, mấy đoạn? Ý của từng phần, từng đoạn? (có 2 cách chia:  2 phần: 3 khổ đầu và 1 khổ cuối.  4 đoạn: 4 khổ )  - Gv: Đây là bài thơ vừa trữ tình vừa tự sự, rất đặc trưng của Đỗ Phủ. Bây giờ chúng ta đi tìm hiểu bài thơ theo bố cục 2 đoạn.  - Hs đọc khổ thơ đầu, khổ thơ em vừa đọc tả cảnh gì?  - Nhà Đỗ Phủ bị phá trong hoàn cảnh thời tiết như thế nào?  - Hình ảnh nhà bị phá được miêu tả tập trung ở chi tiết nào?  - Những mảnh tranh bị gió cuốn bay được miêu tả cụ thể trong những câu thơ nào?  - Hình ảnh những mảnh tranh bị gió cuốn bay đi như thế gợi lên 1 cảnh tượng như thế nào?  - Một căn nhà không chống chọi nổi với gió thu, thì đó là 1 căn nhà như thế nào? Chủ nhân là người giàu hay nghèo ? (nhà đơn sơ, không chắc chắn - chủ nhà là người nghèo khó)  - Em hãy hình dung tâm trạng của chủ nhân ngôi nhà đang bị phá lúc này? (khi nhà bị gió thu phá, chủ nhân rất lo lắng, rất tiếc nhưng đành bó tay bất lực)  - Gv: 5 câu thơ đầu tả cảnh gió làm tốc mái nhà. Tài nghệ của nhà thơ là ở chỗ không biểu lộ tình cảm, ý nghĩ 1 cách trừu tượng mà gửi tình ý vào việc miêu tả 1 cách khách quan. Đoạn thơ gợi cho ta thấy rõ 1 ông già gầy gò mặc bộ quần áo cũ mỏng manh, rách rưới, chống gậy đứng ngoài ngôi nhà, mắt chăm chăm nhìn gió thu gào thét đang cuốn đi những lớp tranh của mái nhà mình rồi thổi bay qua sang bên kia sông, rơi vãi lung tung khắp nơi; và tâm trạng lo âu, sốt ruột cùng nỗi ai oán phẫn nộ trước cảnh cuồng phong phá nát nhà mình. Đọc đến đây chúng ta không thể không thương cảm xót xa cho hoàn cảnh của ông già ấy.  - Hs đọc khổ 2  - Khổ 2 miêu tả cảnh gì?  - Cảnh trẻ con cướp giật tranh được miêu tả qua câu thơ nào?  - Trong mưa gió, trẻ con tranh nhau cướp giật từng mảnh tranh ngay trước mặt chủ nhà, cảnh tượng này gợi cho ta thấy cuộc sống XH thời Đỗ Phủ như thế nào?  - Ta có nên trách lũ trẻ con thôn Nam không? Vì sao? (không - vì bọn chúng là những đứa trẻ đói nghèo, thất học nên mới cướp giật như vậy)  - Câu thơ nào thể hiện nỗi đau bất lực của nhà thơ?  - Hai câu thơ, gợi cho ta thấy hình ảnh ông già Đỗ Phủ là người như thế nào?  - Gv: Khổ 2 vừa kể việc, vừa bộc lộ nỗi xót xa, đau đớn trước 1 XH loạn lạc, đảo điên: Nếu nhà thơ quả không quá khốn cùng thì dẫu cuồng phong cuốn mất mái nhà tranh cũng không cháy bỏng cả ruột gan như thế và nếu lũ trẻ không khốn cùng cũng không mạo hiểm lao vào giữa cơn cuồng phong để nhặt nhạnh những tấm tranh chẳng có giá trị là bao như thế.  - Hs đọc khổ 3  - Khổ thơ miêu tả cảnh gì?  Hai câu thơ gợi cho ta 1 không gian như thế nào?  - Những chi tiết này gợi cho em liên tưởng tới 1 XH như thế nào?  - Hai câu thơ: “Mền vải... lót nát” diễn tả ý gì? (Tấm chăn cũ không còn giữ được hơi ấm, nay bị bọn trẻ do mưa lạnh khó ngủ đạp cho rách thêm).  - Cảnh tượng này cho thấy cuộc sống của gia đình Đỗ Phủ như thế nào?  - Cơn loạn: Nói về sự biến An Lộc Sơn - Sử Tư Minh xảy ra 755 - 763 dẫn đến tình hình XH rối loạn.  - Hai câu thơ này có sử dụng biện pháp NT gì?sử dụng câu hỏi tu từ có tác dụng gì?  - Gv: Qua 3 khổ với 18 câu thơ, tác giả vừa kể, vừa tả về 1 trận gió mưa mùa thu tàn phá căn nhà của mình, vừa ẩn dụ về bức tranh XH đầy li loạn thời kì trung Đường bấy giờ. Từ đó nhà thơ cất lên tiếng nói xót xa cho thân phận mình nói riêng, cho kiếp người nói chung trước thiên tai và những tai ương do con người gây ra. Mỗi dòng thơ như 1 dòng nước mắt cứ tuôn ra, tuôn ra mãi.  - Hs đọc khổ 4  - Khổ 4 nói về điều gì?  - Nhà thơ có ước nguyện gì?  - Ước nhà to vững chắc để làm gì?  - Vì sao Đỗ Phủ lại ước nhà cho kẻ sĩ nghèo ngoài thiên hạ? (vì họ là những người có tài, có đức nhưng phải chịu nghèo khổ)  - Từ ước vọng của nhà thơ, ta nhận thấy thực trạng của cuộc sống XH thời đó như thế nào?  - Câu thơ nào cực tả ước vọng của nhà thơ ?  - Lời than của nhà thơ có ý nghĩa gì?  - Gv: 2 câu kết thể hiện tấm lòng vị tha và tinh thần nhân đạo rất đáng quí của Đỗ Phủ. Mơ ước ấy tuy mang màu sắc ảo tưởng, lãng mạn nhưng rất chân thực, nó bắt nguồn từ cuộc sống có thực và bản tính nhân đạo của 1 thi sĩ luôn gắn bó với đời, luôn quan tâm và mong muốn cho nhân dân được ấm no hạnh phúc.  - Bài thơ được biểu đạt bằng những phương thức nào?  Phương thức nào là chính?  - Bài thơ đã biểu cảm được những vấn đề gì?  - Giải thích tại sao văn bản này lại có tên là bài ca nhà tranh bị gió thu phá? | ***I- Đọc, tìm hiểu chung:***  ***1- Tác giả:*** Đỗ Phủ (712-770 ).  - Là nhà thơ nổi tiếng đời Đường.  - Là danh nhân văn hoá thế giới.  - Là nhà thơ lớn nhất trong lịch sử thơ ca cổ điển TQ.  - Thơ ông phản ánh chân thực sâu sắc XH đương thời nên được mệnh danh là “Thi sử - thi thánh” (ông thánh làm thơ).  ***2- Tác phẩm:***  - Bài thơ được viết vào những năm cuối đời (760 hoặc 761).  1. Đọc  2. Thể thơ  - Thơ tự do cổ thể (ra đời trước đời Đường: vần, nhịp, câu, chữ đều khá tự do, phóng khoáng).  3. Bố cục: 2 phần.  - 18 câu đầu: Nỗi khổ, nghèo và lời than thở vì mái nhà tranh bị gió thu phá nát.  + Đ1: Kể - tả về việc gió thu thổi bay mái nhà tranh.  + Đ2: Trẻ con cướp tranh, nhà thơ bất lực, ấm ức.  + Đ3: Đêm mưa, rét, nhà dột, nằm suốt đêm không ngủ.  - 5 câu cuối:  + Đ4: Mơ ước của nhà thơ.  ***II- Đọc - Hiểu văn bản:***  *1- Ba khổ thơ đầu:*  ***a- Khổ 1: Cảnh nhà bị gió thu phá***    Tháng tám, thu cao, gió thét già    Cuộn mất ba lớp tranh nhà ta.    Tranh bay sang sông rải khắp bờ, Mảnh cao treo tót ngọn rừng xa,  Mảnh thấp bay lộn vào mương sa.  -> Hình ảnh miêu tả - gợi 1 cảnh tượng tan tác, tiêu điều.  ***b- Khổ 2: Cảnh trẻ con cướp giật tranh.***  Nỡ nhè trước mặt xô cướp giật,  Cắp tranh đi tuốt vào luỹ tre.  -> Gợi cuộc sống khốn khổ, đáng thương.  Môi khô miệng cháy gào chẳng được,  Quay về, chống gậy lòng ấm ức!  => Già yếu, tội nghiệp, đáng thương.  ***c- Khổ 3: Cảnh nhà thơ ướt lạnh trong đêm***  Giây lát, gió lặng, mây tối mực,  Trời thu mịt mịt đêm đen đặc.  -> Gợi 1 không gian lạnh lẽo bị bóng tối dày đặc bao phủ.  - Liên tưởng tới 1 XH đen tối, bế tắc, đói khổ.  Mền vải lâu năm lạnh tựa sắt,  Con nằm xấu nết đạp lót nát  => Gia đình nghèo khổ, túng bấn, không có lối thoát.  Từ trải ***cơn loạn*** ít ngủ nghê  Đêm dài ướt át sao cho chót?  -> Câu hỏi tu từ vừa giãi bày nỗi đắng cay của nhà thơ, vừa ngầm lên án giai cấp thống trị hèn kém để xảy ra nạn binh đao khiến nhân dân đói khổ lầm than.  ***2- Khổ 4: Ước nguyện của nhà thơ.***    Ước được nhà rộng muôn nghìn gian,  Che khắp thiên hạ kẻ sĩ nghèo  => XH đói nghèo, khổ cực, không có sự công bằng.  Than ôi! Bao giờ nhà ấy sừng sững dựng trước mắt  Riêng lều ta nát, chịu chết rét cũng được!  -> Sẵn sàng hi sinh vì hạnh phúc chung.  => Phê phán thực trạng XH bế tắc, bất công.    ***IV. Tổng kết :***  - Miêu tả, tự sự và biểu cảm.  - Nói lên nỗi thống khổ của bản thân và bộc lộ khát vọng cao cả.  ***V. Luyện tập:***  Bài ca: Vì đây là bài thơ, là tiếng lòng cao đẹp của tác giả muốn cất cao tiếng hát về con người, khích lệ con người vượt lên mọi nỗi đau khổ của cuộc đời hiện tại để hướng tới 1 tương lai tươi sáng. Đỗ Phủ đích thực là nhà thơ hiện thực mang tâm hồn lãng mạn cao quí, xứng đáng được người đời tôn là bậc “Thi thánh”. |

***4-Củng cố, hướng dẫn***

- Học thuộc lòng bài thơ, thuộc ghi nhớ.

- Ôn tập phần ngữ văn: Từ bài 4 -> bài 10 - Tiết sau kiểm tra.

**Rút kinh nghiệm**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................

Ngày soạn: 26/10/2015 Ngày dạy: 28/10/2015

**Tiết 42: KIỂM TRA VĂN**

**A. MỤC TIÊU BÀI KIỂM TRA**

*1. Kiến thức:* **-** HS củng cố, khắc sâu kiến thức đã học. Đánh giá khả năng nhận diện các đơn vị kiến thức đã học như thể loại văn bản, nội dung, nghệ thuật...

*2. Kỹ năng:* - Rèn kĩ năng làm bài kiểm tra.

*3. Thái độ:* - Giáo dục học sinh ý thức tự giác học tập, thi cử.

**B. HÌNH THỨC KIỂM TRA**

- Hình thức: tự luận.

- Cách tổ chức kiểm tra: tự luận 45 phút.

**C. CHUẨN BỊ**

- Giáo viên liệt kê một số các chuẩn kiến thức, kỹ năng của phần văn bản, TV, TLV từ tiết 1 đến tiết 41.

- Học sinh ôn bài

**D. TIẾN TRÌNH KIỂM TRA**

***1- Ổn định lớp***

***2- Kiểm tra:*** Sự chuẩn bị của học sinh

***3- Tiến trình kiểm tra***

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Tên chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Cộng** |
| **Thấp** | **Cao** |
| 1.Thơ dân gian Việt Nam.Ca dao dân ca | Nhớ và kể được tên các bài ca dao đã học |  |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm*  *tỉ lệ%* | *Số câu: 1*  *Số điểm: 1d* | *Số câu:0*  *Số điểm: 0* | *Số câu:0*  *Số điểm:0* | *Số câu:*  *Số điểm:* | ***Số câu: 1***  ***Số điểm: 1đ***  ***tỉ lệ%* : *10%*** |
| 2. Thơ trung đại Việt Nam  - Bạn đến chơi nhà | - Chép theo trí nhớ bài thơ  - Nhớ được nhan đề và tên tác giả của bài thơ  -Nắm được bài thơ viết theo thể loại nào | Hiểu và nêu được những nét nghệ thuật và ý nghĩa của bài thơ |  |  |  |
| *Số câu*  *Số điểm tỉ lệ%* | *Số câu:3/4 câu*  *Số điểm:2,5* | *Số câu: 1/4*  *Số điểm:3.0* | *Số câu:0*  *Số điểm:0* | *Số câu:0*  *Số điểm:0* | ***Số câu: 1***  ***Số điểm: 5,5***  ***tỉ lệ%*** : **55%** |
| *3. Văn bản nhật dụng*  ***Cuộc chia tay của những con búp bê*** |  |  |  | *-* Viết đoạn văn (dài không quá 10 câu) nêu cảm nhận của em về tình cảm anh em trong truyện  - nêu thông điệp của truyện |  |
| *Số câu*  *Số điểm tỉ lệ%* | *Số câu:0*  *Số điểm:0* | *Số câu: 0*  *Số điểm:0* | *Số câu0*  *Số điểm:0* | *Số câu:1*  *Số điểm:3,5* | *Số câu: 1*  *Số điểm:3*  *tỉ lệ%* : 35% |
| ***- Tổng số câu:***  ***- Tổng số điểm:***  ***- Tỉ lệ%*** | ***Số câu: 1, 3/4***  ***Số điểm: 3,5***  ***Tỉ lệ : 35%*** | ***Số câu:1/4***  ***Số điểm:3,0***  ***Tỉ lệ :30%*** | *Số câu: 0*  *Số điểm: 0*  *Tỉ lệ :* ***0*** | ***Số câu:1***  ***Số điểm:3,5***  ***Tỉ lệ : 35%*** | ***Số câu:3***  ***Số điểm:10***  ***Tỉ lệ : 100%*** |

**ĐỀ BÀI**

**Câu 1: (1điểm )**

Kể tên các bài ca dao đã học trong chương trình Ngữ văn 7 học kì I?

**Câu 2: ( 5,5 điểm )**

a. Chép tiếp những câu thơ còn thiếu để hoàn thiện bài thơ sau:

“ Đã bấy lâu nay bác tới nhà

…………………………………

Bác đến chơi đây ta với ta.”

b. Cho biết nhan đề và tác giả của bài thơ trên?

c. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

d. Cho biết nghệ thuật và ý nghĩa của bài thơ?

**Câu 3: ( 3,5 điểm )**

Viết đoạn văn khoảng ngắn nêu cảm nhận của em về tình cảm anh em trong truyện ngắn ***Cuộc chia tay của những con búp bê*** của tác giả ***Khánh Hoài*** và nêu thông điệp của truyện.

**ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM**

**Câu 1: (1đ)**

**K**ể đúng tên mỗi bài ca dao được 0,25đ

* Những câu hát về tình cảm gia đình.
* Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người.
* Những câu hát than thân.

- Những câu hát châm biếm

**Câu 2: ( 5 điểm)**

a: - Chép đúng mỗi dòng thơ theo thứ tự được 0,25đ:

Trẻ thời đi vắng chợ thời xa

Ao sâu nước cả khôn chài cá

Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà

Cải chửa ra cây cà mới nụ

Bầu vừa rụng rốn mướp đang hoa

Đầu trò tiếp khách trầu không có

b: Bài thơ: Bạn đến chơi nhà của Nguyễn Khuyến (0,5đ)

c: Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật. ( 0,5đ)

d: Nghệ thuật và ý nghĩa văn bản: (2,5)

- Nghệ thuật:

+ Sử dụng thể thơ Đường luật thất ngôn bát cú một cách điêu luyện. (1 điểm)

- ý nghĩa văn bản (1,5 điểm)

**Câu 3: (3 điểm)**

Viết đoạn văn hoàn chỉnh, đảm bảo số câu theo yêu cầu, có đầy đủ các ý sau:

* Hai anh em Thành và Thủy rất thương yêu nhau: (2,5đ)

+ Quan tâm, lo lắng cho nhau: khâu áo cho anh, hóa trang cho Vệ Sĩ canh cho anh ngủ (1đ)

+ Nhường nhịn nhau: Nhường đồ chơi cho nhau (0,75đ)

+ Đau khổ, lưu luyến khi chia tay nhau.(0,75đ)

- Thông điệp: Tổ ấm gia đình là vô cùng quí giá, hãy bảo vệ và giữ gìn, không để tổn hại đến tình cảm đó. (1đ).

**4- Củng cố, hướng dẫnNhận xét - đánh giá:**

- GV thu bài – nhận xét ý thức làm bài kiểm tra của học sinh.

- Ôn lại các văn bản đã học.

- Lập bảng tổng kết về thơ trung đại: Tên bài; tác giả; thể thơ; nghệ thuật; nội dung.

- Soạn bài: ***Cảnh khuya***  tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

**Rút kinh nghiệm**

**.**.....................................................................................................................................................................................................................................................................................

Ngày soạn: 26/10/2015 Ngày dạy:1/11/2015

**Tiết43**: **TỪ ĐỒNG ÂM**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY**

*1. Kiến thức:* HS hiểu được thế nào là từ đồng âm.

*2. Kỹ năng:* Biết cách xác định đúng nghĩa của từ đồng âm.

*3. Thái độ:* Có thái độ cẩn thận, tránh gây nhầm lẫn hoặc khó hiểu trong hiện tượng từ đồng âm.

**B. PHƯƠNG PHÁP**

- Phân tích, so sánh

**C. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Bảng phụ, giáo án

2. Học sinh: Phiếu học tập.

**D- TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

- Thế nào là từ trái nghĩa? Đặt câu có từ trái nghĩa?

- Từ trái nghĩa được dùng để làm gì? Sử dụng từ trái nghĩa có tác dụng gì? Cho ví dụ minh hoạ? (Dựa vào ghi nhớ 2 - sgk - 128 ).

***3. Bài mới:***

Đọc đoạn thơ của Đỗ Phủ:

Tranh bay sang sông trải khắp bờ.

Mảnh ***cao*** treo tót ngọn rừng xa,

Mảnh ***thấp*** quay lộn vào mương sa.

- Tìm cặp từ trái nghĩa có trong đoạn thơ trên? Vì sao em biết đó là cặp từ trái nghĩa? (cao - thấp. Vì 2 từ này có nghĩa trái ngược nhau)

- Từ cao trong câu: “Mua cao về dán nhọt.” giống và khác từ cao trong đoạn thơ của Đỗ Phủ ở chỗ nào (giống về âm nhưng khác về nghĩa). Những từ phát âm giống nhau nhưng nghĩa lại khác xa nhau gọi là từ gì? (Đồng âm).

Bài hôm nay sẽ giúp chúng ta củng cố và nâng cao kiến thức về từ đồng âm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc ví dụ - Bảng phụ.  - Giải thích nghĩa của các từ lồng?  - Hai từ lồng này giống nhau và khác nhau ở chỗ nào? (Giống về âm thanh và khác về nghĩa).  - Gv: Từ lồng ở 2 ví dụ trên là từ đồng âm.  - Em hiểu thế nào là từ đồng âm ?  - Hs đọc ghi nhớ 1-sgk-135.  - Nhờ đâu mà em phân biệt được nghĩa của các từ lồng trong 2 ví dụ trên? (Dựa vào mối quan hệ giữa từ lồng với các từ khác ở trong câu - Tức là dựa vào ngữ cảnh)  - Câu: “Đem cá về kho.” Nếu tách khỏi ngữ cảnh có thể hiểu thành mấy nghĩa?  - Gv: Như vậy là từ kho được hiểu với 2 nghĩa hoàn toàn khác nhau.  - Để tránh những hiện tượng hiểu lầm do từ đồng âm gây ra, khi sử dụng từ đồng âm chúng ta cần chú ý gì?  - Hs đọc ghi nhớ 2 - sgk-136.  - Hs đọc ghi nhớ 1, 2.  - Đọc đoạn dịch thơ Bài ca nhà tranh...  -Tìm từ đồng âm với mỗi từ sau: Thu, cao, ba, tranh, sang, nam, sức, nhè, tuốt, môi.  - Tìm nghĩa khác nhau của danh từ cổ và giải thích mối liên quan giữa các nghĩa đó?  - Tìm từ đồng âm với danh từ cổ và cho biết nghĩa của từ đó?  - Đặt câu với mỗi cặp từ đồng âm sau (ở mỗi câu phải có cả 2 từ đồng âm)? | ***I- Thế nào là từ đồng âm:***  \* Ví dụ: sgk (135 )  - Lồng 1: Chỉ hđ chạy cất cao vó lên với sức mạnh đột ngột rất khó kìm giữ.  - Lồng 2: Chỉ đồ vật thường đan thưa bằng tre nứa để nhốt chim.  \*Ghi nhớ 1:Từ đồng âm: Là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì với nhau.  ***II- Sử dụng từ đồng âm:***  \*Ví dụ: Đem cá về kho.  - Kho 1: Nơi tập trung cất giữ tài sản.  (Đem cá về kho của xí nghiệp. Đem cá cất vào kho.)  - Kho 2: Hành động nấu kĩ thức ăn mặn. (Đem cá về kho tương. Mẹ tôi kho cá bằng nồi đất rất ngon.)  Khi giao tiếp phải chú ý đầy đủ đến ngữ cảnh để tránh hiểu sai nghĩa của từ được dùng với nghĩa nước đôi do hiện tượng đồng âm.  \* Ghi nhớ 2:  ***III- Luyện tập:***  ***1- Bài 1 (136 ):***  - Thu: mùa thu, gió thu (chỉ thời tiết-nghĩa trong bài thơ )  + Thu: thu hoạch, thu hái (gặt hái, thu nhận)  + Thu: thu ngân, thu quĩ (Thu tiền )  + Thu: thu nhận (tiếp thu và dung nạp)  - Cao: thu cao (gió thu mạnh - nghĩa trong bài thơ)  + Cao: cao cấp (bậc trên)  + Cao: cao hứng (hứng thú mạnh hơn lúc thường)  + Cao: cao nguyên (nơi đất cao hơn đồng bằng)  ***2- Bài 2 (136 ):***  a- Các nghĩa khác nhau của DT cổ:  - Cái cổ: phần giữa đầu và thân.  - Cổ tay: Phần nối bàn tay với cánh tay.  - Cổ chai: Phần giữa miệng thân chai.  - Cao cổ: cất tiếng lên.  b- Các từ đồng âm với DT cổ:  - Cổ kính: xưa cũ  - Cổ động: cổ vũ, động viên  - Cổ lỗ: cũ kĩ quá  ***3- Bài 3 (136 ):***  - Bàn (danh từ ) – bàn (động từ ):  Chúng tôi bàn với nhau chuyển cái bàn đi chỗ khác.  - Sâu (danh từ ) – sâu (động từ ):  Những con sâu làm cho vỏ cây bị nứt sâu hơn.  - Năm (danh từ ) – năm (số từ ):  Có một năm anh Ba về quê năm lần. |

***4. Củng cố, hướng dẫn:*** Thế nào là từ đồng âm? Cho ví dụ? Khi sử dụng từ đồng âm cần chú ý gì?

- Học thuộc ghi nhớ, làm bài 4 (136 ).

**Rút kinh nghiệm**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................

Ngày soạn: 26/10/2015 Ngày dạy: 2/11/2015

**Tiết 44: CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ, MIÊU TẢ TRONG VĂN BIỂU CẢM**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* Hiểu vai trò của các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm.

*2. Kỹ năng:* Luyện vận dụng yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm.

*3. Thái độ:* Có ý thức vận dụng yếu tố tự sự, miêu tả khi viết văn biểu cảm.

**B. PHƯƠNG PHÁP**

- Diễn giảng, so sánh, thảo luận

**C. CHUẨN BỊ.**

1. Giáo viên: Giáo án, SGV, SGK, tài liệu liên quan

2. Học sinh: Chuẩn bị bài, đọc “Bài ca nhà tranh bị gió thu phá”.

**D- TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:**

*1.* ***Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra bài cũ:***Đọc bài văn hoàn chỉnh đã làm ở nhà về 1 trong 4 đề

***3. Bài mới:***

Trong văn biểu cảm, các yếu tố tự sự và miêu tả đóng vai trò rất q.trong. Mối quan hệ này được hình thành trên cơ sở của sự tác động qua lại tất yếu giữa các phương thức biểu đạt. Hơn nữa mọi cảm xúc của con người đều hướng về cuộc sống. Đó là những sự việc, những hình ảnh, những cảnh đời. Nếu không kể lại, không tả lại thì làm sao giúp người khác hiểu được cảm xúc của mình. Bài hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về 2 yếu tố tự sự và miêu tả trong văn biểu cảm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc Bài ca nhà tranh...  - Hãy chỉ ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ, và nêu ý nghĩa của chúng đối với bài thơ?  - Gv: Bài ca nhà tranh...là 1 bài thơ biểu cảm nhưng tác giả đã dùng khá nhiều yếu tố tự sự và miêu tả như cảnh gió phá mái nhà, cảnh trẻ con cướp tranh, cảnh nhà mưa ướt lạnh trong đêm tối mịt. Những cảnh này đã trở thành cái nền hiện thực để từ đó bay lên ước mơ cao thượng của nhà thơ.  - Hs đọc đoạn văn của Duy Khán.  - Giải thích: Thúng câu (thuyền câu hình tròn, đan bằng tre), sắn thuyền (thứ cây có nhựa và sơ, dùng sát vào thuyền nan để cho nước không thấm vào)  - Em hãy chỉ ra các yếu tố miêu tả, tự sự và biểu cảm của tác giả trong đoạn văn?  - Nếu không có yếu tố miêu tả và tự sự thì yếu tố biểu cảm có bộc lộ được hay không?  - Đoạn văn trên miêu tả, tự sự trong niềm hồi tưởng. Hãy cho biết tình cảm đã chi phối tự sự và miêu tả như thế nào?  - Gv: Đoạn văn của Duy Khán cũng là đoạn văn biểu cảm và tác giả đã dùng khá nhiều yếu tố tự sự và miêu tả. Để nói lên được sự thông cảm sâu sắc và tình thương yêu đối với người cha. Duy Khán đã tập trung tả và kể ngón chân, bàn chân và cả cuộc đời của người cha đi làm ăn vất vả bằng đôi chân ấy. Nhà văn đã miêu tả, tự sự trong niềm hồi tưởng về cuộc đời vất vả, lam lũ của người cha. Tình cảm ấy đã chi phối mạnh khiến cho yếu tố tự sự và miêu tả ở đây đầy xúc động và gợi cảm. Như vậy là:  - Muốn biểu cảm thì ta phải làm gì?  - Tự sự và miêu tả có vai trò gì trong bài văn biểu cảm?  - Hs đọc ghi nhớ.  - Kể lại nội dung bài thơ Bài ca nhà tranh bị gió thu phá của Đỗ Phủ bằng bài văn xuôi biểu cảm? | ***I- Tự sự và miêu tả trong văn biểu cảm:***  ***1- Bài ca nhà tranh bị gió thu phá:***  - Đoạn 1: 2 câu đầu: Tự sự ; 3 câu sau: Miêu tả -> Có vai trò tạo nên bối cảnh chung.  - Đoạn 2: Tự sự kết hợp với biểu cảm (kể lại chuyện trẻ con cướp tranh, cảm thấy uất ức vì già yếu không làm gì được).  - Đoạn 3: Sáu câu trên kết hợp kể, tả cảnh đêm dột lạnh không ngủ được;  2 câu cuối biểu cảm thân phận cam chịu.  - Đoạn 4: Biểu cảm nêu lên tình cảm cao thượng, vị tha.  ***2- Đoạn văn của Duy Khán:***  - Miêu tả: Bàn chân bố  - Tự sự: Bố ngâm chân nước muối, bố đi sớm về khuya.  - Biểu cảm: Thương cuộc đời vất vả, lam lũ của bố  -> Niềm hồi tưởng đã chi phối việc miêu tả và tự sự. Miêu tả trong hồi tưởng, không phải miêu tả trực tiếp, góp phần khêu gợi cảm xúc cho người đọc.  => Miêu tả và tự sự góp phần làm tăng thêm giá trị biểu cảm cho đoạn văn.  \*Ghi nhớ: sgk (138 )  ***II- Luyện tập:***  Trời mưa, một cơn gió thu thổi mạnh cuộn mất ba lớp tranh trên mái nhà của Đỗ Phủ.  Những mảnh tranh bay tung toé khắp nơi, mảnh thì treo trên ngọn cây xa, mảnh thì bay lộn vào mương sa. Thấy vậy, trẻ con xô đến cướp giật lấy tranh mang vào sau luỹ tre. Mặc cho nhà thơ kêu gào rát cổ, ông đành quay về, trong lòng đầy ấm ức, nhưng cũng lại thông cảm với bọn trẻ, chúng quá nghèo nên mới như thế.  Trận gió lặng yên thì đêm buông xuống tối như mực, một đêm đen dày đặc nỗi buồn. Nhà thơ nằm xuống đắp cái mền vải cũ nát nên lạnh như cắt. Đã thế lũ con còn đạp nát cái lót. Đầu giường thì nhà giột, mưa nặng hạt đềuđều không dứt. Nhà thơ không sao ngủ được vì mưa lạnh và lâu nay lại còn mất ngủ vì suy nghĩ sau cơn loạn li. |

***4. Củng cố, hướng dẫn:***

Muốn phát biểu suy nghĩ, cảm xúc đối với đời sống xung quanh thì người viết phải làm gì? Yếu tố tự sự và miêu tả có vai trò gì trong văn biểu cảm?

- Học thuộc ghi nhớ, làm bài tập 2 (138).

- Soạn bài ''Cảnh khuya'' ''Rằm tháng giêng''

**Rút kinh nghiệm**

...................................................................................................................

**TUẦN 12**

Ngày soạn 2/11/2012 Ngày dạy: 4/11/2012

**TIẾT 45: Văn bản: CẢNH KHUYA, RẰM THÁNG GIÊNG**

(Hồ Chí Minh)

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* Cảm nhận và phân tích được tình yêu thiên nhiên gắn liền với lòng yêu nước, phong thái ung dung của Hồ Chí Minh biểu hiện trong 2 bài thơ.

*2. Kỹ năng:* Biết được thể thơ và chỉ ra được những nét đặc sắc nghệ thuật của 2 bài thơ.

*3. Thái độ:* Giáo dục lòng tự hào, kính trọng Bác Hồ và tình yêu thiên nhiên.

**B. CHUẨN BỊ.**

**1. Giáo viên**: giáo án, Chân dung Hồ Chủ Tịch ở Việt Bắc

Bảng phụ giải nghĩa yếu tố Hán Việt.Những điều cần lưu ý: Hai bài có những điểm giống nhau như cùng được HCM sáng tác ở Việt Bắc trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, cùng viết về cảnh trăng đẹp và đều là thơ tứ tuyệt.

**2. Học sinh**: Ôn lại những bài thơ tứ tuyệt của trung quốc đã học.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn , nhóm

**TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:**

1. ***Ổn định tổ chức***:

***2. Kiểm tra bài cũ:***

***3. Bài mới:***

Sinh thời Bác Hồ chưa bao giờ tự nhận mình là 1 nhà thơ, song sự nghiệp thơ văn của Người để lại, lại chứng tỏ Người là 1 nhà thơ lớn của dân tộc. Hai bài thơ ta học hôm nay sẽ giúp ta hiểu được tài năng và nét đẹp tâm hồn của Người.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc chú thích\* - sgk.  - Nêu những hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm?  - Hướng dẫn đọc: Giọng chậm, thanh thản và sâu lắng, nhấn mạnh điệp ngữ chưa ngủ; nhịp3/4 - 4/3 - 2/5.  - Giải thích từ khó.  ? Căn cứ vào số câu, số chữ, hãy cho biết thể loại của 2 bài thơ?  - Hs đọc 2 câu đầu, 2 câu em vừa đọc miêu tả cảnh gì ?  - Cảnh rừng Việt Bắc vào lúc đêm khuya được miêu tả thông qua những sự vật nào? ( suối, trăng, cổ thụ, hoa)  - Suối được miêu tả với đặc điểm gì? (suối trong như tiếng hát xa)  - Khi miêu tả tiếng suối, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? (hình ảnh so sánh đặc sắc: tiếng suối là âm thanh của TN với tiếng hát là âm thanh của con người)  - Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó ? (Làm cho tiếng suối của rừng Việt Bắc trở nên gần gũi với con ng hơn và mang sức sống trẻ trung hơn)  - Ở câu 2, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?  - Hai câu thơ đầu đã tạo được 1 vẻ đẹp TN như thế nào?  - Gv: Hai câu thơ đầu miêu tả cảnh TN vào 1 đêm rất khuya ở núi rừng Việt Bắc. Trong sự yên lặng của núi rừng, tiếng suối chảy róc rách trong đêm khuya nghe như tiếng hát từ xa vẳng lại. Thơ xưa thường so sánh tiếng suối với tiếng đàn: Côn Sơn suối chảy rì rầm, Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai (Ng.Trãi). Còn ở đây Bác lại so sánh tiếng suối với tiếng hát xa - đó là âm thanh của loài người, thật gần gũi và đồng cảm biết bao. Hình ảnh trăng lồng cổ thụ thật đẹp bởi ánh trăng thấp thoáng đan xen, hoà nhập trong tán lá cây đung đưa trước gió ngàn, ánh trăng tạo hình bóng đen trắng, đậm nhạt của cành lá xuống mặt đất cỏ hoa. Tất cả hoà quyện với nhau tạo nên 1 khung cảnh TN thơ mộng.  - Hs đọc 2 câu thơ cuối - Hai câu thơ em vừa đọc tả cảnh hay tả tâm trạng? Đó là tâm trạng gì, của ai?  - Bác chưa ngủ là vì cảnh đẹp của TN hay là vì lí do gì khác? (Bác chưa ngủ không phải để thưởng ngoạn cảnh đẹp của TN mà là vì lo việc nước )  - Hai câu thơ có sử dụng biện pháp nghệ thuật gì ? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó?  - Bài thơ đã cho em hiểu gì về Bác?  - Gv: Cảnh khuya vừa là bài thơ tả cảnh ngụ tình, vừa trực tiếp giãi bày tình cảm, tâm trạng của Bác Hồ vào những năm tháng đầu cuộc kháng chiến chống Pháp gian khổ. Đọc bài thơ chúng ta vô cùng cảm mến và trân trọng tình yêu TN , tấm lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm lớn lao của Người đối với việc dân, việc nước.  - Hd đọc: Bản phiên âm đọc với nhịp: 4/3 - 2/2/3; bản dịch thơ: 2/2/2 - 2/4/2.  - Giải thích từ khó: Nguyên tiêu là đêm rằm tháng riêng đầu tiên của 1 năm mới.  - Bài thơ có mấy nét cảnh? Đó là những nét cảnh nào? (2 nét cảnh: Cảnh rằm tháng riêng và hình ảnh con người giữa đêm rằm tháng giêng)  - Hs đọc 2 câu thơ đầu  - Hai câu thơ em vừa đọc tả cảnh gì?  - Nguyệt chính viên có nghĩa là gì? (Trăng tròn nhất).  - Câu thơ thứ 2 có gì đặc biệt về từ ngữ? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?  - Hai câu đầu gợi cho ta 1 cảnh tượng như thế nào?  - Gv: Câu thơ đầu mở ra khung cảnh bầu trời cao rộng, trong trẻo, nổi bật trên bầu trời ấy là vầng trăng tròn đầy, toả sáng xuống khắp trời đất. Câu thứ 2 vẽ ra 1 không gian xa rộng, bát ngát như không có giới hạn với con sông, mặt nước tiếp liền với bầu trời. Trong nguyên văn chữ Hán, câu thơ này có 3 từ xuân được lặp lại, đã nhấn mạnh sự diễn tả vẻ đẹp và sức sống mùa xuân đang tràn ngập cả trời đất. Cách miêu tả kớong gian ở đây giống như trong thơ cổ phương Đông, chú ý đến toàn cảnh và sự hoà hợp, thống nhất của các bộ phận trong cái toàn thể, không miêu tả tỉ mỉ, chi tiết các đường nét.  - Cảnh xuân ấy đã gợi lên cảm xúc gì trong lòng tác giả?  - Hs đọc 2 câu kết  - Hai câu em vừa đọc tả gì?  - Gv: Yên ba thâm xứ: là nơi tận cùng của khói sóng vừa kín đáo vừa yên tĩnh.  - Em hiểu như thế nào về chi tiết: đàm quân sự? (Bàn công việc kháng chiến chống Pháp, bàn việc hệ trọng của dân tộc).  - Hai câu kết đã cho ta thấy được công việc gì của Bác? Qua đó em hiểu thêm gì về Bác?  - Hai bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Em hãy nêu những nét đặc sắc về ND và NT của 2 bài thơ? Hs đọc ghi nhớ.  - Gv: Có thể nói, nếu bài Cảnh khuya thể hiện tình yêu TN, yêu nước, mối lo âu và tinh thần trách nhiệm đối với sự nghiệp của nước thì bài Nguyên tiêu vừa nối tiếp vừa nâng cao những cảm hứng ấy của Bác Hồ, đồng thời thể hiện rõ hơn tinh thần chủ động, phong thái ung dung, lạc quan, niềm tin vững chắc ở sự nghiệp CM của vị lãnh tụ, người chiến sĩ - người nghệ sĩ HCM. Bài thơ vừa mang âm điệu cổ điển vừa thể hiện tinh thần thời đại, khoẻ khoắn, trẻ trung. Nhờ đó đêm rằm tháng giêng ấy vốn đã sáng, càng thêm sáng vì có nhiều niềm vui toả sáng.  - Tìm đọc và chép lại một số bài thơ, câu thơ của Bác Hồ viết về trăng hoặc cảnh TN? | **I- Đọc tìm hiểu chung:**  ***1. Tác giả****,*  - Hồ Chí Minh (1890-1969), Kim Liên, Nam Đàn  - Lãnh tụ vĩ đạt của dân tộc và cách mạng  - Danh nhân văn hóa thế giới  ***2.Tác phẩm***  a. Xuất xứ: Sáng tác trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp  b.§äc  c. ThÓ th¬  ***-*** Thể loại:Thất ngôn tứ tuyệt(Tuyệt cú)  **II- Đọc - Hiểu văn bản:**  ***A- Cảnh khuya:***  ***a- Hai câu đầu:*** Cảnh rừng Việt Bắc vào lúc đêm khuya.  Tiếng suối trong như tiếng hát xa,  Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.  -> Hình ảnh so sánh đặc sắc  -> Điệp từ - Tạo bức tranh toàn cảnh sống động.  => Gợi vẻ đẹp TN trong trẻo, tươi sáng.  ***b- Hai câu thơ cuối***: Tâm trạng vì nước vì dân của Bác.  Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,  Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.  -> Miêu tả theo lối ước lệ của thơ cổ điển: cảnh đẹp như tranh vẽ - Làm cho cảnh trở nên sống động và đậm nét.  Điệp từ chưa ngủ - Nhấn mạnh thêm nỗi lo nước nhà của Bác và thể hiện rõ cốt cách của nhà thơ Cách Mạng.  => Bác là người yêu nước, yêu TN và có tinh thần trách nhiệm đối với nước, với dân.    ***B- Rằm tháng giêng (Nguyên tiêu):***  ***a- Hai câu thơ đầu: Cảnh đêm rằm tháng giêng.***  Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,  Xuân giang xuân thuỷ tiếp xuân thiên;  Rằm xuân lồng lộng trăng soi,  Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân;  -> Sử dụng điệp từ - nhấn mạnh vẻ đẹp và sức sống mùa xuân đang tràn ngập cả đất trời.  => Gợi tả 1 không gian cao rộng, bát ngát, tràn ngập ánh trăng sáng và sức sống của mùa xuân trong đêm rằm tháng riêng.  -> Gợi cảm xúc nồng nàn, tha thiết với vẻ đẹp của TN.  ***b- Hai câu kết: Hình ảnh con người giữa đêm rằm tháng giêng.***  Yên ba thâm xứ đàm quân sự,  Dạ bán qui lai nguyệt mãn thuyền.  Giữa dòng bàn bạc việc quân,  Khuya về bát ngát trăng ngân đầy th.  - Bác cùng các đồng chí lãnh đạo đang bàn việc nước.  Thể hiện tinh thần yêu nước, thương dân và phong thái ung dung, lạc quan của Bác.  **III. Tổng kết**  ***\* Ghi nhớ:***sgk (143 ).  - Thơ thất ngôn tứ tuyệt.  **IV. Luyện tập:**  Đi thuyền trên sông Đáy.  Dòng sông lặng ngắt như tờ  Sao đưa thuyền chạy, th. chờ trăng theo  Bốn bề phong cảnh vắng teo  Chỉ nghe cót két tiếng chèo thuyền nan  Lòng riêng riêng những bàn hoàn  Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng  Thuyền về trời đã rạng đông  Bao la nhuốm một màu hồng đẹp tươi.  (Hồ Chí Minh ) |

***4. Củng cố, hướng dẫn:***

- Học thuộc lòng 2 bài thơ, học thuộc ghi nhớ.

- Ôn các bài: Từ láy, đại từ, từ Hán Việt, quan hệ từ, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm. chuẩn bị kiểm tra

**Rút kinh nghiệm**

..................................................................................................................................................................................................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Ngày soạn 2/11/2012 Ngày dạy: 4/11/2012

**TIẾT 46: KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY**

*1. Kiến thức:*

- Qua tiết kiểm tra đánh giá khả năng tự học, tiếp thu bài của học sinh.

- Khả năng tiếp thu bài của học sinh về các kiến thức: Từ ghép, từ láy, quan hệ từ, từ đồng âm, từ đồng nghĩa, trái nghĩa

*2. Kĩ năng:*

- Sự vận dụng vốn từ, kĩ năng sử dụng từ của hs vào viết đoạn văn..

*3. Thái độ:*

- Nghiêm túc làm bài.

**B. CHUẨN BỊ**

- Giáo viên: Ra đề kiểm tra.

- Học sinh :Chuẩn bị bài trước ở nhà

- Tích hợp các văn bản đã học, với tập làm văn ở văn biểu cảm.

**C. HÌNH THỨC KIỂM TRA**

- Trắc nghiệm

**D. TIẾN TRÌNH KIỂM TRA**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra** (Trong giờ)

**3. Tiến trình bài kiểm tra**

**Ma trËn ®Ò kiÓm tra**

**Đề 1. Lớp 7a.**

Ma trận đề

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Nội dung | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | | Cộng |
| Thấp | cao |
| Từ đồng nghĩa | Khái niệm, tác dụng từ đồng nghĩa. vd |  |  |  | Số câu 1  Điểm 2 |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | 1  2  20% |  |  |  |
| Từ đồng âm |  |  | Đặt câu dung ngữ pháp, có sd từ đồng âm |  | Số câu 1  Điểm 3 |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ |  |  | 1  3  30% |  |
| Từ trái nghĩa |  |  |  | Viết được 1 đv có bố cục có nd & có sử dụng từ trái nghĩa | Số câu 1  Điểm 5 |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ |  |  |  | 1  5  50% |

**Câu 1**. Thế nào là từ đồng nghĩa? Cho ví dụ ?

**Câu 2**. Đặt câu với mỗi cặp từ đồng âm sau (ở mỗi câu phải có cả 2 từ đồng âm ):

a. năm (danh từ) - năm (số từ)

b. bàn (danh từ) - bàn (động từ)

c. bó (động từ) - bó (danh từ)

**Câu 3**. Viết 1 đoạn văn ngắn (chủ đề tự chọn) trong đó có sử dụng từ trái nghĩa. Gạch chân các cặp từ trái nghĩa.

**Đề 2. lớp 7b:**

Ma trận đề

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Nội dung | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | | Cộng |
| Thấp | cao |
| Từ trái nghĩa | Khái niệm, tác dụng từ trái nghĩa. vd |  |  |  | Số câu 1  Điểm 2 |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | 1  2  20% |  |  |  |
| Từ đồng âm |  |  | Đặt câu dung ngữ pháp, có sd từ đồng âm | Viết được 1 đv có bố cục có nd & có sử dụng từ trái nghĩa | Số câu 2  Điểm 8 |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ |  |  | 1  3  30% | 1  5  5% |

**Câu 1**. Thế nào là từ từ trái nghĩa? Tác dụng ? cho ví dụ ?

**Câu 2**. Đặt câu với mỗi cặp từ đồng âm sau (ở mỗi câu phải có cả 2 từ đồng âm ):

a. năm (danh từ) - năm (số từ)

b. bàn (danh từ) - bàn (động từ)

c. bó (động từ) – bó (danh từ)

**Câu 3**. Viết 1 đoạn văn ngắn (chủ đề tự chọn) trong đó có sử dụng từ đồng âm. Gạch chân các cặp từ đồng âm.

**3. Đáp án.**

**Đề 1. Lớp 7a.**

**Câu 1.**

- Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.

- ví dụ : Tía – bố, u, bầm – mẹ

**Câu 2.**

- Năm nay em tôi được năm tuổi.

- Chúng em ngồi xung quanh bàn để bàn về kế hoạch đi cắm trại.

- Mẹ em đang bó ba bó rau.

**Câu 3.**

Hs viết đoạn văn có bố cục, có nội dung, đúng ngữ pháp, trong đó có ít nhất 1 cặp từ trái nghĩa.

**Đề 2. Lớp 7 b.**

**Câu 1.**

- Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau

**-** Từ trái nghĩa được sử dụng trong thể đối, tạo các hình tượng tương phản, gây ấn tượng mạnh, làm cho lời nói thêm sinh động **.**

**-** Ví dụ**.** Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược**.**

**Câu 2.**

- Năm nay em tôi được năm tuổi.

- Chúng em ngồi xung quanh bàn để bàn về kế hoạch đi cắm trại.

- Mẹ em đang bó ba bó rau.

**Câu 3.**

Hs viết đoạn văn có bố cục, có nội dung, đúng ngữ pháp, trong đó có ít nhất 1 cặp từ đồng âm.

**4. Củng cố, hướng dẫn**

-Gv nhận xét ý thức làm bài của hs.

-Đọc trước bài: Thành ngữ

**Rút kinh nghiệm**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

Ngày soạn 2/11/2012 Ngày dạy: 7/11/2012

**Tiết 47:**

**TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2**

**A-Mục tiêu bài học:**

*1. Kiến thức:* Củng cố kiến thức về viết văn biểu cảm. HS nhận thấy những ưu nhược trong bài viết văn biểu cảm của mình.

*2. Kỹ năng:* Rèn kỹ năng tìm ý, lập dàn ý và kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự trong bài văn biểu cảm.

*3. Thái độ:* Có ý thức sửa chữa những thiếu sót trong bài viết, rút kinh nghiệm cho những bài viết sau tốt hơn.

**B. Chuẩn bị**

1. Giáo viên: Chấm, chữa bài.

2. Học sinh: Đọc lại bài viết của mình.

**C-Tiến trình dạy-học:**

***1. ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

Thế nào là văn biểu cảm ? (Ghi nhớ-sgk-73 ).

***3. Bài mới:***

Bố cục của bài văn biểu cảm gồm mấy phần ? (Bài văn biểu cảm thường có bố cục 3 phần như mọi bài văn khác). Bây giờ chúng ta cùng k.tra lại xem bài TLV số 2 về văn

biểu cảm của chúng ta đã theo đúng bố cục đó chưa.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Em hãy nhắc lại đề bài và cho biết đối tượng biểu cảm của đề này là gì ? Tình cảm cần thể hiện là gì ?  - Gv chỉ ra những điểm mạnh của hs về nội dung và hình thức để các em phát huy trong các bài viết sau.  - Gv chỉ ra những điểm yếu của hs để các em sửa chữa và rút kinh nghiệm cho bài viết số 3.  - Gv công bố kết quả cho hs.  - Hs đọc bài khá  - Gv trả bài cho hs tự xem và trao đổi cho nhau để nhận xét.  - Hs chữa bài của mình vào bên lề hoặc phía dưới bài làm.  - Gv chữa cho hs 1 số lỗi về cách dùng từ và lỗi về c.tả.  - Gv chép câu văn lên bảng.  - Hs đọc câu văn và chỉ ra chỗ mắc lỗi, rồi nêu cách sửa chữa. | ***\*Đề bài: Loài hoa em yêu.***  ***I-Trả bài và nhận xét và đánh giá***  ***1-Ưu điểm:***  - Về nd: Nhìn chung các em đã nắm được cách viết 1 bài văn biểu cảm, đã xđ được đúng kiểu bài, đúng đối tượng; trong bài viết đã biết kết hợp kể và tả để biểu cảm; bố cục rõ ràng và giữa các phần đã có sự liên kết với nhau.  Lớp 7A: Tiến, Quỳnh, Nam, Thảo, Hường, Nghĩa, Hằng..  Lớp 7B: N.Trang, B. Trang, Đức, Tú, Thắng,  - Về hình thức: Trình bày tương đối rõ ràng, sạch sẽ, câu văn lưu loát: Tiến Hường 7A, N.Trang 7B...  ***2-Nhược điểm:***  - Về nd: Còn 1 số em chưa đọc kĩ đề bài nên còn nhầm lẫn giữa biểu cảm về 1 loài cây với miêu tả một loài cây: Bài viết còn nặng về tả các đặc điểm của cây mà chưa chú trọng tới yếu tố biểu cảm qua 1 vài đặc điểm nổi bật của cây. Bài viết còn lan man chưa có sự chọn lọc các chi tiết tiêu biểu để bộc lộ cảm xúc.  Cụ thể bài : San. Cảnh, T Tú, Việt, Quyết, My, Ngát, Hưng 7B; Toản, Việt 7A  -Về hình thức: Một số bài trình bày còn bẩn, chữ viết xấu, cẩu thả, còn mắc nhiều lỗi chính tả; diễn đạt chưa lưu loát, câu văn còn sai ngữ pháp, dùng từ chưa chính xác.  San, Cảnh, Ban, Việt....  ***3-Kết quả:Bài điểm cao***  Lớp 7A: Tiến, Quỳnh, Nam, Thảo, Hường, Nghĩa, Hằng..  Lớp 7B: N.Trang, B. Trang, Đức, Tú, Thắng,  ***II-Chữa bài:***  - Lỗi diễn đạt, lỗi câu văn  - Lỗi chính tả: S-X, L-N, D-GI....  - Chữa lỗi về dùng từ: |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

- Ôn lại những kiến thức về văn biểu cảm.

- Chuẩn bị tuần sau viết bài số 3 -Đề bài: Cảm nghĩ về người thân.

**Rút kinh nghiệm**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 2/11/2015 Ngày soạn:9/11/2015

**Tiết48: THÀNH NGỮ**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* Giúp HS hiểu được đặc điểm về cấu tạo và ý nghĩa của thành ngữ.

*2. Kỹ năng:* Tăng thêm vốn thành ngữ, rèn kỹ năng sử dụng thành ngữ.

*3. Thái độ:* Có ý thức sử dụng thành ngữ trong giao tiếp.

**B. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Giáo án

2.Học sinh: Tóm tắt truyện “ ếch ngồi đáy giếng’, “Thầy bói xem voi”.

**C-PHƯƠNG PHÁP:**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm......

**D - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**1. *ổn định tổ chức*:**

**2. *Kiểm tra bài cũ:***

Đặt câu có từ đồng âm ? Vì sao em biết đó là từ đồng âm ?

***3. Bài mới:***

Trong tiếng Việt có 1 khối lượng khá lớn thành ngữ. Có 1 số thành ngữ được hình thành trên n câu chuyện dân gian, câu chuyện lịch sử (điển tích) rất thú vị. Bây giờ chúng ta cùng đi tìm hiểu về thành ngữ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc câu ca dao - Chú ý cụm từ “lên thác xuống ghềnh”.  - Em có nhận xét gì về c.tạo của cụm từ “lên thác, xuống ghềnh” trong câu ca dao :  + Có thể thay 1 vài từ trong cụm từ này bằng n từ khác được không: Có thể thay bằng “Vượt thác qua ghềnh” được không? Vì sao ? (Không thể thay đổi từ được - Vì nếu thay ý nghĩa của thành ngữ sẽ trở nên lỏng lẻo).  +Có thể thay đổi v.trí của các từ trong cụm từ được không: Có thể thay bằng “Xuống ghềnh, lên thác” được không ? Vì sao ? (Không thay đổi v.trí được - Vì đây là 1 cụm từ có tính cố định)  -Từ nhận xét trên, em rút ra được kết luận gì về đ.điểm c.tạo của cụm từ lên thác, xuống ghềnh ?  -Gv giải thích: Thác là chỗ dòng nc chảy vượt qua 1 vách đá cao nằm chắn ngang dòng sông, dòng suối. Ghềnh là chỗ dòng sông, dòng suối bị thu hẹp và nông có đá lởm chởm nằm chắn ngang dòng nc chảy xiết.  -Cụm từ “lên thác, xuống ghềnh” có nghĩa là gì ? (Nói về sự vất vả khi điều khiển thuyền bè ở nơi nc chảy xiết có đá lởm chởm rất nguy hiểm).  -Tại sao lại nói lên thác, xuống ghềnh?  -Nhanh như chớp có nghĩa là gì ? Tại sao lại nói nhanh như chớp ?  -Chớp có tốc độ rất cao như tốc độ của ánh sáng 300.000 km/s.  -Gv: Cụm từ “lên thác, xuống ghềnh”, “nhanh như chớp” là thành ngữ.  -Vậy em hiểu thế nào là thành ngữ ? Nghĩa của thành ngữ được hiểu như thế nào ?  -Hs đọc chú ý.  -Hs đọc ví dụ.  -Xđ chức vụ ngữ pháp của 2 thành ngữ: Bảy nổi ba chìm, tắt lửa tối đèn ?  -Em hãy PT cái hay của việc dùng các thành ngữ trong 2 câu trên: S2 bảy nổi ba chìm với long đong, phiêu bạt; tắt lửa tối đèn với khó khăn, hoạn nạn ?  -Thành ngữ thường giữ chức vụ gì trong câu ?-Sd thành ngữ có tác dụng gì?  -Hs đọc ghi nhớ.  -Hs đọc các đv, đoạn thơ.  -Tìm và giải thích nghĩa của các thành ngữ trong n câu trên ?  -Dựa vào các truyện truyền thuyết, ngụ ngôn đã học, hãy giải nghĩa các thành ngữ: Con Rồng cháu Tiên, ếch ngồi đáy giếng, thầy bói xem voi ? | **I-Thế nào là thành ngữ:**  ***1-Cấu tạo của cụm từ “Lên thác xuống ghềnh”:***  ->Đ.điểm c.tạo của cụm từ trên là chặt chẽ về thứ tự và nd ý nghĩa.  **2-Giải nghĩa cụm từ “lên thác, xuống ghềnh”:**  Trải qua nhiều gian nan, nguy hiểm.  ->Nghiã bóng (hàm ẩn, hình tượng, ẩn dụ).  - Nhanh như chớp: Chỉ hđ diễn ra mau lẹ, rất nhanh. ->Nghĩa so sánh.  *\*Ghi nhớ 1: sgk (144 ).*  **II-Sử dụng thành ngữ:**  ***1-Vai trò ngữ pháp của thành ngữ:***  -Thân em / vừa trắng lại vừa tròn  ***Bảy nổi ba chìm*** với nước non.->là VN  -Anh / đã nghĩ thg em như thế thì hay là anh / đào giúp em 1 cái ngách sang nhà anh, phòng khi ***tắt lửa tối đèn*** có đứa nào bắt nạt thì em chạy sang...  ->Phụ ngữ của cụm DT (khi )  ***2-Tác dụng:***  Có tính hình tượng, biểu cảm.  *\*Ghi nhớ 2: sgk (144 ).*  ***III-Luyện tập:***  **1-Bài 1 (145 ):**  a-Sơn hào hải vị, nem công chả phượng: Món ăn ở trên núi, dưới biển, quí hiếm sang trọng.  b-Khoẻ như voi: rất khoẻ ->cách nói phóng đại- nói quá.  -Tứ cố vô thân: sống đơn độc, không họ hàng thân thích, không nơi nương tựa.  c-Da mồi tóc sương: chỉ ng già da có nhiều nốt màu nâu, đen như đồi mồi, tóc bạc như sương.  *2-Bài 2 (145 ):*  -Con Rồng cháu Tiên: chỉ dòng dõi cao quí.  -ếch ngồi đáy giếng: chỉ sự hiểu biết hạn hẹp, nông cạn.  -Thầy bói xem voi: chỉ sự nhận thức phiến diện, chỉ thấy bộ phận mà không thấy toàn thể. |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

-Học thuộc ghi nhớ, làm bài 3, 4 (145 ).

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 13**

Ngày soạn: 8/11/2015 Ngày dạy: 11/11/2015

**Tiết 49**: **TRẢ BÀI KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* Cho HS thấy được kết quả nhận thức, học tập của mình về kiến thức tiếng Việt và các văn bản đã học.

*2 Kỹ năng:* Rèn cho HS kỹ năng tự đánh giá đúng ưu nhược điểm trong bài kiểm tra văn và tiếng Việt của mình dưới sự hướng dẫn của GV.

*3. Thái độ:* Giáo dục cho HS ý thức vươn lên trong học tập, phát huy những ưu điểm, khắc phục ngay những nhược điểm còn tồn tại khi làm bài kiểm tra.

**B. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Chấm bài, chỉ ra những lỗi sai của HS

2.Học sinh: Xem lại những kiến thức đã học có liên quan đến 2 bài kiểm tra văn và tiếng Việt

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

Thuyết trình, phát vấn, trao đổi thông tin

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:**

***1. ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

Đọc thuộc lòng 1 văn bản thơ trung đại ? Nêu n nét đặc sắc về ND và NT của văn bản thơ đó?

***3. Bài mới:***

Em hãy kể tên các văn bản trung đại đã học từ bài 5-> bài 10 và cho biết tác giả của các văn bản đó là ai ?. Bây giờ chúng ta sẽ cùng xem lai bài k.tra của chúng ta làm đã đúng chưa ?

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Gv chỉ ra những cố gắng của hs để các em phát huy trong n bài k.tra sau.  -Gv chỉ rõ n hạn chế của hs để các em khắc phục, sửa chữa trong các bài k.tra sau.  -Gv công bố kết quả cho hs.  -Gv đưa ra những nhận xét chung, xác đáng giúp học sinh nhận ra những ưu điểm và nhược điểm của mình để phát huy và khắc phục.  -Gv đọc kết quả.  -Gv nêu đáp án phần trắc nghiệm cho hs để các em sửa vào bài làm của mình.  -Gv đọc kết quả.  -Gv yêu cầu hs sửa vào bài làm của mình. | **A-Bài kiểm tra văn:**  ***1-Nhận xét chung:***  **a-Ưu điểm:** Nhìn chung các em đã xđ được yêu cầu của câu hỏi và đã trả lời đúng theo yêu cầu. Một số bài làm tương đối tốt, trình bày rõ ràng, sạch sẽ, không mắc lỗi c.tả.  Lớp 7A: Tiến, Quỳnh, Nam, Thảo, Hường, Nghĩa, Hằng..  Lớp 7B: N.Trang, B. Trang, Đức, Tú, Thắng,  **b-Nhược điểm:** Bên cạnh đó vẫn còn có em chưa học bài, chưa xđ được yêu cầu của đề bài, trả lời chưa đúng với yêu cầu của đề bài. Vẫn còn có bài trình bày còn bẩn, gạch xoá nhiều, chữ viết cẩu thả, sai nhiều lỗi c.tả, không thể đọc được.  Cụ thể bài : San. Cảnh, T Tú, Việt, Quyết, My, Ngát, Hưng 7B; Toản, Việt Hoài 7A  ***2-Kết quả:Bài điểm cao***  Lớp 7A: Tiến, Quỳnh, Nam, Thảo, Thành, Nghĩa, Hằng..  Lớp 7B: N.Trang, B. Trang, Đức, Tú, Nhật,  ***3- Chữa lỗi***  - Lỗi diễn đạt, lỗi câu văn  - Lỗi chính tả: S-X, L-N, lỗi chữ thiếu nét.....  - Chữa lỗi về dùng từ:  **B-Bài kiểm tra tiếng Việt:**  ***1-Nhận xét chung:***  **a-Ưu điểm**: Phần lớn các em đã trả lời đúng phần trắc nghiệm, có 1 vài em làm tương đối tốt.  Lớp 7A: Tiến, Quỳnh, Nam, Thảo, Hường, Nghĩa, Hằng..  Lớp 7B: N.Trang, B. Trang, Chức, Tú, Nhật,  **b-Nhược điểm:** Vẫn còn 1 vài em chưa nắm vững kiến thức nên trả lời phần chưa chính xác.Một số bài trình bày còn bẩn, chữ viết xấu, cẩu thả, còn mắc nhiều lỗi chính tả; diễn đạt chưa lưu loát, câu văn còn sai ngữ pháp, dùng từ chưa chính xác.  San, Cảnh, Ban, Việt....  ***2-Kết quả:Bài điểm cao***  Lớp 7A: Tiến, Quỳnh, Nam, Thảo, Hường, Nghĩa, Hằng..  Lớp 7B: N.Trang, B. Trang, Đức, Tú, Thắng,  ***3Chữa lỗi***  H chữa lỗi sai vào bài làm của mình. GV phân tích lỗi để H tự nhận ra sai sót |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

-Đọc bài: Cách làm bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học.

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 8/11/2015 Ngày dạy: 13/11/2015

**TIẾT 50**

**CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂUCẢM VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**A. MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* Biết trình bày cảm nghĩ về tác phẩm văn học

*2. Kỹ năng:* Tập trình bày cảm nghĩ về một số tác phẩm đã học trong chương trình.

*3. Thái độ:* Yêu thích các tác phẩm văn học.

**B. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Nguyên tác bài ca dao.

2. Học sinh: Đọc trước bài, tìm hiểu câu hỏi SGK.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:**

**1*-Ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

***3-Bài mới:***

Các em đã được học và biết cách làm bài văn biểu cảm thông qua miêu tả, tự sự. Hôm nay chúng ta sẽ học cách làm bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc bài văn.  -Bài văn viết về bài ca dao nào ? Hãy đọc liền mạch bài ca dao đó ?  -Tác giả phát biểu cảm nghĩ của mình bằng cách nào ? Hãy chỉ ra các yếu tố đó trong bài văn ?  -Gv: Chú ý đây là bài văn hồi tưởng. Nhà văn hồi tưởng lại cảm xúc của m khi đọc bài ca dao và n ấn tượng do bài ca dao gợi lên. Cảnh minh hoạ nói ở đây là minh hoạ trong sgk thời trước. Tranh minh hoạ vẽ ng đàn ông mặc áo dài, đội khăn (nhưng ta vẫn có thể tưởng tượng lời trong bài ca dao là lời của cô gái nhớ đến ng yêu... ). Bài cảm nghĩ có 4 đoạn, mỗi đoạn nói về 2 câu lục bát trong bài. Vậy:  -Bước 1, tác giả cảm nhận như thế nào về 2 câu đầu?  -Bước 2, tác giả cảm nhận về 2 câu tiếp theo như thế nào ?  -Bước 3, tác giả cảm nhận về điều gì ?  -Bước 4, là cảm nhận gì ?  -Gv: Đây là bài văn phát biểu cảm nghĩ về t.p văn học.  -Vậy em hiểu thế nào là phát biểu cảm nghĩ về tp vh ?  -Bài p.biểu cảm nghĩ về tp vh thường có bố cục mấy phần, nhiệm vụ của từng phần là gì ?  -Hs đọc ghi nhớ.  -Gv: trong quá trình nêu c.nghĩ, phải bám sát các chi tiết, hình ảnh , có dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu. Tránh tình trạng nêu c.nghĩ chung2. Để c.nghĩ về tp thêm sâu sắc, có thể liên hệ tới h.cảnh ra đời của tp; liên hệ s2 với n tp khác cùng chủ đề (có thể cùng tác giả hoặc khác tác giả ). Cảm nghĩ phải sâu sắc, chân thành. Tránh tình trạng bắt chước 1 cách sống sượng, sáo mòn, giả tạo.  -Hs đọc bài thơ Cảnh khuya.  -để viết được cảm nghĩ về bài thơ này thì cảm nghĩ của người viết phải bắt nguồn từ đâu , từ cái gì ? | **I-Tìm hiểu cách làm bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học:**  ***1-Bài văn: Cảm nghĩ về bài ca dao “Đêm qua ra đứng bờ ao”.***  -Người viết tỏ ra xúc động trước cảnh và nhân vật trong bài ca dao: Đứng ở bờ ao nhìn trời, nhìn đất nhìn sao và có n cảm tưởng riêng.  -Tác giả đã p.biểu c.nghĩ của m về bài ca dao bằng cách: Tưởng tượng, liên tưởng, suy ngẫm vè n h/ă chi tiết trong bài ca dao.  -Bài văn chia ra làm 4 bước:  +Bước 1: Cảm nhận của tác giả về 2 câu đầu: Một ng đàn ông, thậm chí là ng quen nhớ quê. ->Đây là cách giả định, cụ thể hoá, đặt m vào trong cảnh để thể nghiệm, bày tỏ cảm xúc. Nếu tưởng tượng là cô gái thì lại khác.  +Bước 2: T2 cảnh ngóng trông và tiếng kêu, tiếng nấc của ng trông ngóng.  +Bước 3: Cảm nghĩ về sông Ngân Hà, con sông chia cắt, con sông nhớ thương đối với Ngưu Lang, Chức Nữ.  +Bước 4 : Cảm nghĩ về 2 câu cuối, về sông Tào Khê.  *\*Ghi nhớ: sgk (147 ).*  **II-Luyện tập:**  ***1-Bài 1 (148 ):***Cảm nghĩ về bài Cảnh khuya của HCM.  Cảm xúc của ng viết bắt nguồn:  -Từ 1 so sánh mới mẻ, hấp dẫn  (câu 1 ).  -Từ ngữ hình ảnh quấn quýt sinh động (câu 2 ).  -Từ sự hài hoà giữa cảnh và người  (câu 3).  -Từ tâm hồn cao cả của Bác Hồ (câu 4)  ***2-Bài 2 (148 ):***Dàn ý bài p.biểu c.nghĩ về bài thơ Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê.  a-MB: -G.thiệu tp (Thể loại, đề tài, tác giả )  -G.thiệu ngắn gọn hoàn cảnh sáng tác bài thơ.  -Nêu cảm nhận chung về tp: Nỗi ngạc nhiên, buồn, cô đơn của nhà thơ già sau bao nhiêu năm xa quê nay mới trở về thăm quê nhà.  b-TB: Nêu cảm xúc, suy.nghĩ do tác phẩm gợi ra.  -Tưởng tượng, suy ngẫm về 2 câu thơ đầu.  -Tưởng tượng, suy ngẫm về 2 câu thơ cuối.  c-KB: K.định lại tình yêu q.hg da diết của nhà thơ. |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

-Học thuộc ghi nhớ, làm tiếp bài 2.

**Chuẩn bị làm bài viêt số 3.**

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 8/11/2015 Ngày dạy: 14/11/2015

**TIẾT 51, 52**

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

a. Kiến thức.

- Học sinh viết được bài văn biểu cảm thể hiện tình cảm chân thật đối với con người và năng lực tự sự, miêu tả cùng cách viết văn biểu cảm.

b. Kỹ năng.

- Rèn luyện kĩ năng viết văn biểu cảm.

c.Thái độ .

-Học sinh yêu thích thể văn biểu cảm

**B. CHUẨN BỊ**

Giáo viên ra đề, đáp án, biểu điểm

H đọc ôn bài

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Kiểm tra tập trung viết tại lớp

**D. TIẾN TRÌNH KIỂM TRA**

***1. Ổn định lớp***

***2.Kiểm tra***

***3. Nội dung đề kiểm tra.***

**a. Đề bài:**

- Cảm nghĩ về bà (bà nội hoặc bà ngoại) của em.

**b. Đáp án- biểu điểm:**

**\* Đáp án:**

a. Yêu cầu chung:

*\*Về nội dung:*  
- Học sinh viết được một bài văn bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ về bà của mình. Thể hiện được tình cảm yêu thương, quý trong bà theo truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam.

*\* Về hình thức:* Phương thức biểu đạt chủ yếu đó là biểu cảm, có thể sử dụng các phương thức tự sự, miêu tả làm phương tiện để biểu cảm. Chọn ngôi kể, tả hợp lí, văn phong sáng sủa, rõ ràng, mạch lạc.

\* Về kiểu bài: nắm vững đặc điểm của bài văn biểu cảm và các thao tác khi làm bài văn biểu cảm.

b. Yêu cầu cụ thể:

Bài viết trình bày được những nội dung cơ bản sau:

A. Mở bài:

- Giới thiệu về đối tượng biểu cảm, cảm xúc chung về đối tượng (Bà là người mà em yêu kính nhất)

B. Thân bài:

- Tả bà: Bà đã hơn 70 tuổi, sức khoẻ vẫn dẻo dai. Mái tóc bạc búi cao, gương mặt phúc hậu, đôi mắt hiền từ, nụ cười độ lượng. Bà rất yêu thương con cháu. Tần tảo đảm đang nuôi các con nên người. Giúp các con nuôi dạy cháu chăm ngoan.

- Thái độ của mọi người đối với bà: Mọi người đều yêu quý và kính trọng bà.

- Tình cảm của em đối với bà: Bà là chỗ dựa tin cậy của em. Em thường xin ý kiến bà trong mọi công việc.

C. Kết bài:

- Cảm nghĩ về bà: Trong vòng tay che chở, đùm bọc của bà, em thấy vô cùng hạnh phúc. Tài sản quý báu nhất mà bà để lại cho con cháu là nếp sống: Đói cho sạch, rách cho thơm.

- Sau 90’ học sinh viết bài GV thu bài về nhà chấm.

GV nhận xét giờ học.

***4. Củng cố, hướng dẫn***

- Ôn tập các bước làm bài văn biểu cảm.

- Chuẩn bị: luyện nói phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học.

- Tiết sau: Tiếng gà trưa.

**Rút kinh nghiệm bài kiểm tra.**

**TUẦN 14**

Ngày soạn: 16/11/2015 Ngày dạy: 18/11/2015

**Tiết 53 VĂN BẢN: TIẾNG GÀ TRƯA**

***( Xuân Quỳnh)***

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

*1. Kiến thức:* Học sinh nắm được vẻ đẹp trong sáng, đằm thắm của những kỷ niệm tuổi thơ và tình cảm bà cháu. Những tình cảm quê hương đó chính là cơ sở của tình cảm đối với đất nước, tạo thành sức mạnh cho người chiến sĩ trên đường đi chiến đấu trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

*2. Kỹ năng:* Đọc sáng tạo thể thơ 5 tiếng, phân tích nghệ thuật điệp ngữ, điệp câu.

*3. Thái độ:* Giáo dục tình yêu thương bà, tình yêu quê hương đất nước.

**B. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Giáo án

2. Học sinh: Soạn kỹ bài, trả lời câu hỏi SGK.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**1. Ổn định lớp**

2. **Kiểm tra** :

- Câu hỏi: Đọc thuộc lòng 2 bài: Cảnh khuya và bài Rằm tháng riêng? Nêu nội dung 2 bài thơ đó?

- Đáp án: Ghi nhớ (SGK - 143).

**3 Bài mới**

Xuân Quỳnh là nhà thơ nữ xuất sắc nhất của nền thơ hiện đại VN. Thơ XQ thg hướng về n hình ảnh, sự việc bình dị, gần gũi trong đ.s thg nhật của g.đình. Bài thơ Tiếng gà trưa là một bài thơ như thế.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| - Học sinh đọc chú thích SGK.  ? Hãy nêu vài nét về tác giả, tác phẩm  - GV hướng dẫn HS đọc: Giọng vui, bồi hồi xúc động.  - HS đọc.  - GV giải thích một số từ khó    ? Văn bản viết theo thể thơ nào?  ? Thể thơ này giống thể thơ bài nào ở lớp 6?  *( Đêm nay Bác không ngủ).*  ? Em có nhận xét gì về nhịp thơ?  ? Em nhận xét gì về hiệp vần?  ? Bài thơ chia mấy phần? ý mỗi phần?  - HS trả lời.  - GV treo bảng phụ nội dung bố cục.  - HS đọc 2 khổ thơ đầu,  ? Cảm hứng của tác giả trong bài thơ được khơi gợi từ sự việc gì?  ? Mạch cảm xúc trong bài thơ diễn biến như thế nào? Tại sao lại đặt tên bài thơ là Tiếng gà trưa? Cụm từ nào được nhắc lại nhiều lần? Có tác dụng gì?  - GV: Bởi vậy Tiếng gà trưa được đặt làm nhan đề bài thơ.  ? Khổ 1 là lời của ai?  ( Chủ thể chữ tình- nhà thơ- để nhân vật trữ tình- anh bộ đội trên đường hành quân- ngôi thứ 3, cách kể chuyện khách quan).  ? Đến khổ 2 trong cách kể tả, giọng thơ có gì thay đổi? Sự thay đổi đó nói lên điều gì?  ? Trong 2 khổ thơ từ nào được nhắc lại nhiều lần? Tác giả sử dụng nghệ thuật gì?  ? Điệp từ ***nghe*** có tác dụng gì?  ? Điệp từ ***này*** có tác dụng gì?  **\*** HS thảo luận.  - GV nêu GV nêu vấn đề, nhiệm vụ:  - CH: Tác giả sử dụng điệp từ ***nghe, này*** có tác dụng gì? Nhấn mạnh điều gì?  \* Đại diện nhóm trình bày kết quả  \* GV nhận xét, thống nhất ý kiến: | ***I-Đọc, tìm hiểu chung:***  ***1-Tác giả:***Xuân Quỳnh (1942-1988 ).  -Là nhà thơ nữ x.sắc trong nền thơ HĐ VN.  -Thg viết về n điều bình dị trong đ.s g.đ, thể hiện 1 trái tim giàu lòng nhân ái, khát khao t.yêu và hp.  ***2-Tác phẩm***:  a. Xuất xứ: Bài thơ được viết vào n năm đầu của cuộc k.c chống Mĩ cứu nước  *b. Đọc:*  *c. Giải thích từ khó*  + Mái tơ: Gà mái lông màu hoa mơ vàng nhạt xen trắng lốm đốm.  + Lang mặt: (SGK-151).  + Chắt chiu: Dành dụm, tiết kiệm từng chút, kiên trì.  + Gà toi: Chết vì các bệnh tật khác nhau  *d.Thể thơ:*  - Ngũ ngôn.  - Nhịp 3/2, 2/3, 1/2/2...  - Vần chân ở cuối câu, vần bằng, trắc, vần liền, vần cách...  *e. Bố cục:*  - 4 phần.  + Khổ 1: Tiếng gà trưa gọi về kí ức tuổi thơ của anh chiến sĩ trẻ trên đường hành quân.  + Khổ 2: Kỷ niệm về những con gà mái mơ, mái vàng.  + Khổ 3-6: Kỷ niệm về bà.  + Khổ 7-8: Mơ ước tuổi thơ và mơ ước hiện tại của cháu- Người chiến sĩ.  **II. Đọc - hiểu bài thơ.**  *1. Âm vang tiếng gà trong nỗi niềm anh lính trẻ trên đường hành quân.*  - Tiếng gà trưa.  - Tiếng gà trưa...-> Nhắc lại 4 lần. Điệp ngữ, điệp câu-> Gợi lại 1 hình ảnh tuổi thơ vừa như sợi dây liên kết các hình ảnh ấy như chất keo gắn liền mạch cảm xúc qua các khổ thơ tự nhiên, hợp lí.  Khổ 1-2:  - Chủ thể trữ tình: Nhà thơ.  - Nhân vật trữ tình: Anh bộ đội hành quân.  - Giọng điệu ngả sang nhân vật trữ tình, tự kể, tự tả, tự biểu hiện tâm trạng cảm xúc  Nghe xao động  Nghe bàn chân....  Nghe gọi.... Điệp từ  Này....  Này con gà...  - Không chỉ bằng thính giác(tai) mà chính bằng cảm giác, bằng tâm tưởng, bằng sự nhớ lại, bằng hồi ức tràn về, mà tiếng gà còn như là nút khởi động. Điệp từ nghe trở lên trìu tượng và lan toả trong tâm hồn người nghe.  - Như là sự giới thiệu đầy hồ hởi, vui sướng, hân hoan như kéo quá khứ về hiện tại. Khiến người đọc như đang nhìn thấy con gà mái mơ, mái vàng đang cục tác đẻ ra quả trứng hồng giữa buổi trưa nắng lửa.  -> Nhấn mạnh cảm giác bồi hồi, xúc động của anh lính trẻ(tác giả) nhớ về những kỷ niệm đẹp đẽ quá khứ của tuổi thơ. |

4.**Củng cố**:

- Em có nhận xét gì về mạch cảm xúc trong bài thơ?

- Khổ1-2 tác giả muốn cho ta thấy điều gì?

- Thử bỏ điệp từ “Tiếng gà trưa”. Em có nhận xét gì về vai trò của điệp ngữ trong văn bản? *( Không có sự liên kết các hình ảnh, các kỷ niệm các khổ thơ).*

5. **Hướng dẫn học ở nhà**:

- Học thuộc lòng bài thơ; Học thuộc nội dung bài.

- Soạn tiếp phần còn lại.

**Rút kinh nghiệm**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................

**------------------------------------------------------------**

Ngày soạn: 16/11/2015 Ngày dạy: 20/11/2015

**Tiết 54 *Văn bản*: TIẾNG GÀ TRƯA** (Tiếp theo)

**A. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

*1. Kiến thức:*Nghệ thuật điệp ngữ, điệp câu để nối mạch cảm xúc bình dị qua những chi tiết, hình ảnh thân thương bình dị

*2. Kỹ năng:* Đọc sáng tạo thể thơ 5 tiếng, phân tích nghệ thuật điệp ngữ, điệp câu.

*3. Thái độ:* Giáo dục tình yêu thương bà, tình yêu quê hương đất nước.

**B. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Giáo án

2. Học sinh: Soạn bài theo câu hỏi SGK.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**1. Ổn định tổ chức lớp**

2. **Kiểm tra**

- Câu hỏi: Đọc thuộc lòng bài thơ “Tiếng gà trưa”? Mạch cảm xúc trong bài thơ thể hiện như thế nào?

- Đáp án: Mục1- Tiết 53.

3. **Bài mới.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung** |
| ? Từ khổ 3 đến cuối bài: Cách xưng hô của chủ thể và nhân vật trữ tình có sự thay đổi mới như thế nào?  ? Sự thay đổi này góp phần làm thay đổi giọng điệu bài thơ như thế nào?  ? Hình ảnh bà hiện lên qua những kỷ niệm gì?  ? Em có nhận xét gì về lời trách mắng này?  ? Tiếp theo khổ 2 là những kỉ niệm gì? Hãy phân tích?  ? Bà *chắt chiu* nghĩa là gì?  ? Giải nghĩa từ: ***chéo go, chúc bâu***?  ? Hình ảnh cô bé, cậu bé nông thôn ăn mặc giản dị trong niềm hân hoan sung sướng vì được bộ quần áo mới nhờ bà bán gà, gợi cho em cảm xúc gì?  *(Anh bộ đội nhớ lại cậu bé trong cái áo chúc bâu tung tăng theo bà hay chính cô bé Xuân Quỳnh trong cái quần chéo go hớn hở cùng bà đi chúc tết*).  \* HS thảo luận.  - GV nêu GV nêu vấn đề, nhiệm vụ:  ? Qua những kỷ niệm ấy ta thấy tình cảm bà cháu như thế nào? Bà là người như thế nào? Tình cảm của cháu như thế nào?  - HS đọc 2 khổ thơ cuối.  ? Em hiểu 2 câu thơ sau như thế nào?  “Giấc ngủ hồng sắc trứng  ổ trứng hồng tuổi thơ”  (2 hình ảnh đẹp mang nhiều ý nghĩa khác nhau kết thúc bài thơ là ước mơ tuổi thơ đi vào trong giấc ngủ đẹp, giấc mơ hồng. Đó là lí do, mục đích để chúng ta chiến đấu, hy sinh. Hình ảnh giác ngủ- trứng mơ hồng đi suốt tuổi ấu thơ trở thành kỷ niệm thiêng liêng của cháu)  ? Em có nhận xét gì về cách kết thúc này?  ? Khổ cuối từ nào nhắc lại nhiều lần? Tác dụng của chúng?  ? Qua đó ta có thể nói gì về tình cảm của tác giả?    ? Em có nhận xét gì về nội dung và nghệ thuật bài thơ? | **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **II. Đọc - hiểu bài thơ.**  *1. Âm vang tiếng gà trong nỗi niềm anh lính trẻ trên đường hành quân*  *2. Kỉ niệm về bà*  -Giọng kể, tả hồi nhớ của chủ thể trữ tình đã hoà nhập sâu hơn với nhân vật trữ tình. Nhân vật trữ tình là anh bộ đội, đã chuyển sang trực tiếp trò chuyện với một nhân vật trữ tình khác là người bà.  - Giọng điệu chuyển sang tự sự-trữ tình.  - Bà mắng  - Gà đẻ nhìn  - ... lang mặt.  - Mắng yêu suồng sã. Trẻ thơ rất sợ xấu xí, nhưng không thắng nổi tò mò cứ nhìn, nghe gà đẻ để rồi xấu hổ, cúi đầu nghe bà mắng dạy bảo.  - Tay soi trứng- cho gà ấp  - ...chắt chiu  - Bà lo gà toi- sương muối  - Bà lo quần áo tết cho cháu.  - Ôi quần chéo go  - áo cánh chúc bâu  -> niềm vui tuổi thơ nghèo đơn sơ, giản dị, cảm động.  - Tất cả những hình ảnh, những kỷ niệm tuổi thơ của cháu gắn với tình yêu thương chăm sóc của bà.  => Tình cảm bà cháu thật sâu nặng, thắm thiết. Bà rất yêu thương, chăm lo cho cháu. Cháu yêu thương kính trọng và biết ơn bà.  *3.Tình yêu Tổ quốc bình dị*  - Giấc ngủ hồng sắc trứng  ổ trứng hồng tuổi thơ”.  -> Hình ảnh đẹp, ước mơ tuổi thơ đi vào trong giấc mơ hồng.  - Kết thúc rõ ràng, dễ hiểu, giản dị nhưng không đơn giản.  - Từ **vì**-> Nhấn mạnh tình yêu quê hương, đất nước.  - Tình yêu bắt nguồn từ tiếng gà trưa, quả trứng hồng.  => Tình yêu gia đình, làng xóm, quê hương, đất nước của tác giả.  **IV. Tổng kết.**  \* Ghi nhớ- SGK. |

4. **Củng cố**:

- Đọc diễn cảm bài thơ?

- Em có suy nghĩ gì về tình cảm bà cháu trong bài thơ?

5. **Hướng dẫn học ở nhà**:

- Học thuộc lòng bài thơ, học thuộc ghi nhớ, ND phân tích.

- Đọc thêm bài: Bếp lửa.

- Chuẩn bị bài: Điệp ngữ.

**Rút kinh nghiệm**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn: 16/11/2015 Ngày dạy: 20/11/2015

**Tiết 55: ĐIỆP NGỮ**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* HS nắm được: Thế nào là điệp ngữ và giá trị của điệp ngữ.

*2. Kỹ năng:* Rèn kỹ năng sử dụng điệp ngữ trong nói, viết, kỹ năng phân tích giá trị biểu cảm của điệp ngữ trong các văn cảnh cụ thể.

*3. Thái độ:* Có ý thức và thái độ vận dụng điệp ngữ trong khi nói, viết.

**B. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Giáo án

2. Học sinh: Trả lời câu hỏi SGK- Làm bài tập ở nhà trước.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Đọc 5 câu thành ngữ, vì sao em biết đó là thành ngữ ? (Thành ngữ là loại cụm từ cố định, biểu thị 1 ý nghĩa hoàn chỉnh).

***3-Bài mới:***

Trong giao tiếp và trong viết văn, đôi khi do sơ ý hoặc do vốn ngôn ngữ ít ỏi ta thg lặp lại 1 số từ ngữ khiến cho câu văn trở nên nặng nề, ý không thanh thoát. Đó là h.tượng lặp lại vô ý thức, nó khác với h.tượng lặp lại có ý thức, có chủ động, nhằm tạo nên n ấn tượng mới mẻ có t.chất tăng tiến. Đó là b.p tu từ điệp ngữ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc khổ thơ đầu và khổ thơ cuối bài thơ Tiếng gà trưa.  -N từ ngữ nào được lặp đi lặp lại trong 2 khổ thơ này ?  -Cách lặp lại ở đây là ngẫu nhiên hay cố ý ? Lặp lại như vậy để nhằm mục đích gì ?  -Em hiểu thế nào là điệp ngữ ? Sd điệp ngữ có td gì ?  –Hs đọc ghi nhớ.  ? Xác định điệp ngữ trong khổ thơ sau:  *ở đâu nghèo đói gọi xung phong*  *Lon nước, mo cơm lội khắp đồng.*  *ở đâu tiền tuyến kêu anh đến,*  *Tay súng, tay cờ lại tiến công.*  (Tố Hữu)  *( Điệp ngữ là cụm từ* *: ở đâu.)*  -Gv: Điệp ngữ được dùng nhiều trong thơ ca, văn xuôi NT và văn chính luận.  -S2 điệp ngữ trong khổ thơ đầu của bài Tiếng gà trưa với điệp ngữ trong 2 đoạn dưới đây, tìm đ.điểm của mỗi dạng:  + Các từ ngữ được lặp lại trong bài thơ Tiếng gà trưa đứng liền nhau (nối tiếp nhau) hay đứng cách quãng với nhau ? Đứng cách quãng như vậy thì gọi là:  + Các từ ngữ được lặp lại trong vd a đứng liền nhau (nối tiếp nhau) hay đứng cách quãng với nhau ? Đứng nối tiếp nhau thì gọi là điệp ngữ:  + Các từ ngữ được lặp lại trong vd b đứng ở n v.trí nào trong câu thơ ? Đứng ở cuối câu trên và đầu câu dưới thì gọi là điệp ngữ:  -Điệp ngữ có n dạng nào ?  -Hs đọc ghi nhớ 1,2.  -Tìm điệp ngữ trong những đ.trích sau đây và cho biết tác giả muốn nhấn mạnh điều gì ?  -Vì sao em biết đó là điẹp ngữ ?  -Tìm điệp ngữ trong đv sau và nói rõ đấy là n dạng điệp ngữ gì ?  -Theo em, trong đv sau đây, việc lặp đi, lặp lại 1 số từ ngữ có td biểu cảm hay không ?  -Em hãy chữa lại đoạn văn trên cho lưu loát hơn ? | ***I-Điệp ngữ và tác dụng của điệp ngữ:***  \*Ví dụ:  a- Nghe xao động nắng trưa  Nghe bàn chân đỡ mỏi  Nghe gọi về tuổi thơ  ->Từ nghe được lặp lại 3 lần - nhấn mạnh cảm giác khi nghe tiếng gà trưa.  b-Cháu chiến đấu hôm nay  Vì lòng yêu Tổ quốc  . . . . . . . . . . . . . .  Vì tiếng gã cục tác...  ->Từ vì được lặp lại 4 lần – nhấn mạnh ng.nhân c.đấu của ng c.sĩ.  c-Cụm từ: Tiếng gà trưa “ -> lặp lại 4 lần ở đầu 4 khổ thơ - Nó gợi ra n KN của tuổi thơ tác giả.  *\*Ghi nhớ: sgk (152 ).*  ***II-Các dạng điệp ngữ:***  - Điệp ngữ trong bài Tiếng gà trưa là điệp ngữ cách quãng.  ***a-Điệp ngữ nối tiếp.***  ***b-Điệp ngữ chuyển tiếp***(Điệp ngữ vòng).  *\*Ghi nhớ 2 : sgk (152 ).*  ***III-Luyện tập:***  ***1-Bài 1 (153 ):***  -Một DT đã gan góc2, DT đó phải được2  ->Nhấn mạnh sự gan dạ, dũng cảm của DT VN trong cđ chống ngoại xâm và nhấn mạnh quyền được hưởng tự do, ĐL của DT ta.  - Đi cấy2, trông8 ->Nhấn mạnh nỗi lo âu, trông mong cho thời tiết thuận lợi của ng nông dân.  ***2-Bài 2 (153 ):***  -Xa nhau... xa nhau ->ĐN cách quãng.  -Một giấc mơ. Một giấc mơ ->ch.tiếp.  ***3-Bài 3 (153 ):***  a-Các từ ngữ được lặp lại trong đv không có td biểu cảm. Có thể lược bỏ các từ ngữ trùng lặp không cần thiết.  b-Phía sau nhà em có 1 mảnh vườn, trồng rất nhiều loại hoa: hoa cúc, hoa thược dược, hoa đồng tiền, hoa hồng và cả hoa lay ơn nữa. Ngày Quốc tế PN, em hái hoa ở vườn nhà để tặng mẹ, tặng chị em. |

***4.Củng cố***

-Học thuộc ghi nhớ, làm bài 4 (153 ). Đọc trước bài: Chơi chữ.

***5. Hướng dẫn***

Học bài làm BT, Soạn bài *Luyện nói vế phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học*

**Rút kinh nghiệm**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................

Ngày soạn: 16/11/2015

Ngày dạy: 22/11/2015

**Tiết 56:**

**LUYỆN NÓI PHÁT BIỂU CẢM NGHĨ VỀ**

**TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* HS hiểu rõ thêm thế nào là phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học. Nhận thức rõ kiểu bài trung gian giữa tự sự, miêu tả, nghị luận.

*2. Kỹ năng:* Tìm ý, lập ý, diễn đạt bằng văn xuôi.

*3. Thái độ:* Luyện tập trình bày cảm xúc về một tác phẩm văn học.

**B. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Hướng dẫn HS làm bài tập ở nhà, tập nói trên lớp.

2.Học sinh: Chuẩn bị ở nhà bài “Cảnh khuya” và “Rằm tháng riêng”.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra:**

Thế nào là phát biểu cảm nghĩ về 1 tp vh ? Nêu dàn ý của bài phát biểu cảm nghĩ về tp vh ? (Trả lời dựa vào ghi nhớ-sgk-147 ).

3. **Bài mới:**

Bài hôm nay sẽ giúp chúng ta trình bày v.đề một cách có bài bản, có sửa chữa, uốn nắn, có sự theo dói đánh giá của ng khác.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Em hãy nêu các bước làm 1 bài văn nói chung ?  -Gv: có 2 cách lập ý: cách 1: Đọc bài thơ, ta thấy Bác Hồ là 1 thi sĩ, 1 nghệ sĩ có tâm hồn dào dạt trước TN nên Bác đã vẽ ra 1 bức tranh rừng khuya có trăng sáng thật đẹp và nên thơ. Nhưng Bác còn là 1 con ng yêu nc vĩ đại nên bài thơ c trĩu nặng 1 tấm lòng lo lắng cho dân, cho nc. Cách 2: Đọc bài thơ, ta thấy hiện lên 1 bức tranh TN đẹp và 1 tấm lòng yêu nc, yêu dân. Từ đó thấy được vẻ đẹp cao quí của con ng Bác, của hồn thơ Bác.  -Dàn ý của bài biểu cảm về TP vh gồm mấy phần ?  -Phần MB cần nêu gì ? Cảm nghĩ chung của bài thơ Cảnh khuya là gì ?  -TB cần nêu gì ? Cần phát biểu cảm nghĩ ở n khía cạnh nào của bài thơ ?  -KB cần phải làm gì ? Em có tình cảm gì đối với tác giả bài thơ này ?  -Cho hs thảo luận trong tổ, nhóm -15 phút  -Các tổ, nhóm cử đại diện lên trình bày phần chuẩn bị của mình.  -Hs nhận xét, đánh giá-Gv sửa chữa, uốn nắn. | ***I-Chuẩn bị:***  Đề bài: PBCN về bài thơ Cảnh khuya của Chủ tịch HCM.  ***1-Tìm hiểu đề và tìm ý:***  ***2-Lập dàn bài:***  a-MB: Nêu c.nghĩ chung kq về bài thơ (là bài tả cảnh TN rất hay qua đó đã bộc lộ được tấm lòng yêu nc, thương dân của Bác).  b-TB: Phát biểu cảm nghĩ về ND và NT của bài thơ.  -Về âm thanh của tiếng suối: Tiếng suối được s2 với tiếng hát xa-  -Về hình ảnh ánh trăng lồng vào cây, hoa: Điệp từ lồng-  -Về tấm lòng lo lắng của Bác đối với nc nhà.  c-KB: Tình cảm của em đối với bài thơ, đối với tác giả bài thơ (Đọc bài thơ, em vô cùng cảm mến, trân trọng t.yêu TN và tấm lòng yêu nước và tinh thần trách nhiệm lớn lao của Người đối với dân, với nc).  ***3-Chuẩn bị đv nói:*** sgk (154 ).  ***II-Thực hành nói trên lớp:***  Yêu cầu: trình bày rõ ràng, mạch lạc, giọng nói tự nhiên, có cảm xúc. |

***4. Củng cố:*** Muốn bài nói có hiệu quả, ta cần phải: Đọc kĩ toàn bộ tp; chuẩn bị kĩ dàn bài; khi nói phải luôn chú ý theo dõi, Quan sát thái độ người nghe để kịp thời điều chỉnh cách nói.

***5. Hướng dẫn học bài:***

-Viết bài nói thành bài văn hoàn chỉnh dài khoảng 1 trang giấy.

-Đọc trước bài: Ôn tập vă biểu cảm.

**Rút kinh nghiệm**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 15**

Ngày soạn: 22/11/2015 Ngày dạy: 25/11/2015

**Tiết 57: Văn bản:**

MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỐM

(Thạch lam)

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* HS cảm nhận được phong vị đặc sắc, nét đẹp văn hoá cổ chuyền trong một thứ quà độc đáo và giản dị của dân tộc, của Hà Nội - Cốm. Qua đó thấy được phần nào sự tinh tế, nhẹ nhàng mà sâu sắc trong lối văn tuỳ bút của Thạch Lam.

*2. Kỹ năng:* Đọc, cảm nhận, tìm hiểu, phân tích chất trữ tình, chất thơ trong tuỳ bút.

*3. Thái độ:* Yêu quê hương đất nước, tôn trọng và tự hào nét đẹp và đặc sắc của nền văn hoá cổ truyền dân tộc ta.

**B.CHUẨN BỊ**.

1. Giáo viên: Bài soạn, nâng cao ngữ văn 7, tranh ảnh về cốm

2. Học sinh: Đọc trả lời câu hỏi SGK.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1. ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra:***

Đọc thuộc long bài thơ Tiếng gà trưa va fnêu n nét đặc sắc về ND, NT của bài thơ ? (Trả lời dựa vào ghi nhớ-sgk-151 ).

***3. Bài mới:***Việt Nam đất nc ta ơi !

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.

Trên mảnh đất VN, cây lúa-hạt gạo đã trở thành 1 biểu tượng cho vẻ đẹp kì diệu của mảnh đất và tâm hồn tinh tế của con ng. Bằng 1 t/yêu đằm thắm, nhà văn Ng.Đình Thi trong tp Bài ca Hắc Hải đã ca ngợi đồng lúa đất trời VN trong 2 câu thơ rất truyền cảm trên. Trước Ng.Đình Thi có 1 nhà văn, bằng thiên tuỳ bút văn xuôi cũng đã giành t.yêu và biết bao ngôn từ đẹp như thơ để ca ngợi cây lúa VN> Đó là Th.Lam với bài Một thứ quà của lúa non: Cốm. Bây giờ chúng ta cùng thưởng thức cốm vòng-đ.sản Hà Nội qua bài văn.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Dựa vào chú thích, em hãy nêu 1 vài nét về tác giả, tp ?  -Hd đọc: Đọc với giọng tình cảm thiết tha, trầm lắng, chậm.  -Giải thích từ khó: 3,4,5,6,11,13,14,15.  -Văn bản MTQCLN: Cốm là 1 bài tuỳ bút trữ tình. Vậy tuỳ bút là gì ? –Hs đọc sgk (161).  -Bài tuỳ bút nói về đ.tượng nào? (Một thứ quà của lúa non ).  -Để nói về đối tượng ấy, tác giả đã sd n phương thức biểu đạt nào, phương thức nào là chủ yếu ? (Miêu tả, th.minh, biểu cảm, bình luận- nổi bật nhất vẫn là biểu cảm)  -Bài văn có thể chia thành mấy đoạn ? Nội dung chính của mỗi đoạn là gì ?  -Hs đọc đoạn 1-Nội dung của Đ1 là gì?  -Cảm nghĩ về nguồn gốc của cốm được trình bày trong mấy đv ngắn ? Mỗi đoạn nói gì ? (2 đoạn: Đ1 nói về cội nguồn của cốm, Đ2 nói về nơi có cốm nổi tiếng).  -Cội nguồn của cốm là lúa đồng quê, điều đó được gợi tả bằng n câu văn nào?  -Tác giả đã dùng cảm giác và t2 để miêu tả cội nguồn của cốm, hãy nêu td của cách miêu tả này ?  -T.sao cốm gắn với tên làng Vòng ? (Làng Vòng là nơi nổi tiếng nghề cốm. Cốm Vòng dẻo thơm và ngon nhất).  -Hình ảnh :  có ý nghĩa gì ?  -Chi tiết:  có ý nghĩa gì ?  -Qua đv trên, đã cho ta thấy được n cảm xúc gì của tác giả ?  -Gv: Nhà văn viết “Cốm là quà của lúa non”. Nhưng qua đoạn 1 của thiên tuỳ bút, chúng ta hiểu rằng cốm là báu vật hoà quyện hương trời, sữa lúa và tài năng, tâm hồn ng nông dân VN-ng ngệ sĩ chân lấm, tay bùn VN. Nếu ai được đọc thêm bài “Cốm” của nhà văn Ng.Tuân viết 1973, sẽ cảm nhận rõ thêm q.trình vật vã, gian khổ của hạt lúa non để thành hạt cốm. Nhưng hẹn dịp khác, bây giờ chúng ta hãy trở về với Th. Lam.  -Hs đọc Đ2- Đ2 nói về cảm nghĩ gì ?  -Đ2 được viết theo phương thức bình luận, lời bình luận thứ nhất:  Câu văn gợi cho em cách hiểu mới mẻ nào về cốm ? Vì sao ? (Vì nó kết tinh hương vị thanh khiết của đồng quê. Do đó cốm là quà quê nhưng là thức quà thiêng liêng).  -Lời bình thứ 2:  -Tác giả bình luận về v.đề gì ?  -Sự hoà hợp tương xứng của hồng cốm được p.tích trên n p.diện nào ? (Hoà hợp tương xứng về màu sắc và hương vị)  -Qua lời bình đó của tác giả, em hiểu thêm cốm còn có g.trị gì nữa ?  -Qua đó tác giả muốn truyền tới ng đọc tình cảm và thái độ gì trong ứng sử với thức quà DT là cốm ? (Trân trọng và giữ gìn cốm như 1 vẻ đẹp văn hoá DT).  -Gv: Nếu ở Đ1, ngòi bút nhà văn vừa miêu tả, vừa biểu cảm thì đến Đ2 này vẫn vừa miêu tả, vừa biểu cảm, nhưng bổ xung thêm yếu tố bình luận. Tuỳ bút là như thế, ngòi bút nhà văn vừa ngẫu hứng trôi theo cảm xúc nhưng vẫn lắng sâu n suy luận, triết lí, thơ và văn xuôi hài hoà, mạch văn thông thoáng mà vẫn tập trung vào chủ đề.  -Hs đọc Đ3 - Đv em vừa đọc nói về cảm nghĩ gì ?  -Đv bàn về việc thưởng thức cốm trên n p.diện nào ? (ăn và mua cốm).  -Tác giả hd cách ăn cốm như thế nào ? Vì sao khi ăn cốm phải ăn chút ít, thong thả, ngẫm nghĩ ?  -Tác giả đã ngẫm nghĩ được n gì khi thưởng thức cốm ?  -Tác giả đã thể hiện cách thưởng thức cốm bằng n giác quan nào ?  -Cách cảm thụ đó có td gì ?  -Tác giả đã thuyết phục ng mua cốm bằng n lí lẽ nào ?  -N lí lẽ đó cho thấy tác giả có thái độ như thế nào đối với thứ quà của lúa non ?  -Gv: Tuy chưa được ăn cốm nhưng đọc văn Th.Lam, chúng ta như đang được thưởng thức thứ quà thanh khiết, thanh cao, quà của lúa non, quà của bàn tay LĐ và quà ng.ngữ TV rất tinh tế, tài hoa trong thiên tuỳ bút. Văn Th.Lam c là 1 loại cốm dịu dàng, thanh đậm của tâm hồn ng nghệ sĩ VN, n giọt sữa tinh khiết của TV chúng ta.  -Bài văn có g.trị gì về ND và NT ?  -Hs đọc ghi nhớ.  -Qua bài văn, em hiểu thêm gì về tác giả Th.Lam ?  -Sưu tầm 1 số câu thơ, ca dao nói về cốm ? | **I-Đọc, tìm hiểu chung:**  *1. Tác giả:* (1910- 1942) tại Hà Nội.Là nhà văn nổi tiếng, sở trường truyện ngắn, tuỳ bút  *2. Tác phẩm*: Rút từ tập *Hà Nội băm sáu phố phường*(1943).  *a. Đọc*  *b. Thể loại*  \* Tuỳ bút:(SGK).  Tuỳ bút mang đậm chất trữ tình có khi đan xen yếu tố nghị luận, triết lý. Không có cốt truyện, giầu tính biểu cảm, trực tiếp thể hiện cái tôi của người viết.  *c. Bố cục:* 3 đoạn  -Từ đầu->thuyền rồng: Cảm nghĩ về nguồn gốc của cốm.  -Tiếp->nhũn nhặn: Cảm nghĩ về g.trị của cốm.  -Còn lại: C.nghĩ về sự thưởng thức cốm  **II. Đọc-hiểu văn bản**  ***1-Cảm nghĩ về nguồn gốc của cốm***:  -Các bạn có ngửi thấy... lúa non không.  -Trong cái vỏ xanh kia... ngàn hoa cỏ.  -Dưới ánh nắng... trong sạch của trời.  ->Miêu tả bằng cảm giác và T2 – Vừa gợi hình, vừa gợi cảm. Thể hiện sự tinh tế trong cảm thụ cốm của tác giả.  -Cô hàng cốm xinh2, áo quần gọn ghẽ với cái đòn gánh 2 đầu vút cong lên như chiếc thuyền rồng.  ->Cốm gắn liền với vẻ đẹp của ng làm ra cốm.  -Đến mùa cốm, các ng HN 36 phố phường vẫn thường ngóng trông cô hàng cốm.  ->Cốm trở thành nhu cầu thưởng thức của ng HN.  =>Yêu quí, trân trọng cội nguồn trong sạch, đẹp đẽ, giàu sắc thái v.hoá DT của cốm.  ***2-Cảm nghĩ về giá trị của cốm:***  -Cốm là thức quà riêng biệt của đ.nc, là thức dâng của n cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam.  ->Cốm là quà tặng của đồng quê cho con ng, cốm là đ.sản của DT.  -Hồng cốm tốt đôi... Một thứ thanh đạm, 1 thứ ngọt sắc, 2 vị nâng đỡ nhau để hp được lâu bền.  ->Tác giả bình luận về v.đề dùng cốm để làm quà sêu tết.  =>Cốm góp phần làm cho nhân duyên của con ng thêm tốt đẹp – G.trị tinh thần, g.trị văn hoá.  ***3-Cảm nghĩ về sự thưởng thức cốm:***  -ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. ->ăn như thế mới cảm hết được các thứ hương vị đồng quê kết tinh ở cốm.  -Thấy thu lại cả trong hg vị ấy, cái mùi thơm của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ... trên hồ.  -> Cảm thụ bằng khiếu giác, xúc giác, thị giác.  =>Khơi gợi cảm giác của ng đọc về cốm, thể hiện sự tinh tế sâu sắc của tác giả.  -Cốm là lộc của trời, là cái khéo léo của ng, là sự cố sức tiềm tàng và sự nhẫn nại của thần lúa.  =>Xem cốm như 1 g.trị tinh thần th.liêng đáng được chúng ta trân trọng giữ gìn.  *\*Ghi nhớ:* sgk (163 ).  -Th.Lam: là ng sành cốm, có tình cảm tinh tế và sâu sắc về cốm.  *\*Luyện tập:*  Đêm giăng chày đập vang thôn bản  Phấn cốm bay bay phủ lá ngàn.  (Thôi Hữu)  Giã gạo thì ốm, giã cốm thì khoẻ.  (Tục ngữ) |

***4.Củng cố:***

- Nêu khái niệm tuỳ bút?

- Chọn một số đoạn em thích trong bài theo kiểu văn bản: Miêu tả thuyết minh, bình luận, biểu cảm, đánh giá?

- Em có cảm nghĩ gì sau khi học xong bài?(Cốm là một thứ sản vật giản dị, chứa đựng một nét đẹp, một truyền thống văn hoá của đất nước Việt nam).

- Nêu ND, NT của bài?

***5.Hướng dẫn học ở nhà:***

- Học thuộc ghi nhớ.

- Sưu tầm một số câu thơ, ca dao nói đến cốm.

- Nêu cảm nghĩ sau khi học xong bài( Viết thành văn).

- Chuẩn bị bài: Chơi chữ.

**Rút kinh nghiệm**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn: 22/11/2015 Ngày dạy: 25/11/2015

**Tiết 58: TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức*: Củng cố và khắc sâu kiến thức về văn biểu cảm, nắm được nội dung yêu cầu của bài.

*2. Kỹ năng:* Rèn kỹ năng và phương pháp làm bài biểu cảm.

*3. Thái độ:* Đánh giá được chất lượng bài làm của mình so với yêu cầu của đề bài, nhờ đó có được những kinh nghiệm cần thiết để làm tốt hơn nữa những bài sau.

**B. CHUẨN BỊ**

1. Thầy: chấm, chữa bài, thống kê những lỗi thường gặp mà học sinh mắc phải, trả bài, hướng dẫn HS đọc và sửa lỗi..

2. Trò: Đọc lại đề bài, tập xây dựng dàn ý chi tiết.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1. ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra:***

***3. Bài mới:***

- Em hãy nhắc lại đề bài của bài viết số 3 ?

**Đề bài:** Phát biểu cảm nghĩ về người mẹ kính yêu của em .

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Nêu các bước làm 1 bài văn biẻu cảm?  -Tìm hiểu đề là tìm hiểu những gì ?  -Đề văn trên thuộc thể loại nào ?  -Đối tượng cần biểu cảm là gì ?  -Trong số những người thân của em, em có tình cảm với người nào nhất ?  -Em sẽ biểu hiện tình cảm với ng đó bằng cách nào ?  -Em sẽ chọn những đặc điểm nào của người đó để biểu cảm, vì sao em lại chọn những đặc.điểm ấy ?  -Để diễn đạt được n tình cảm của em về người mẹ, em sẽ sd n phương thức biểu đạt nào, phương thức nào là chính ?  -Bài viết của em có những yếu tố trên không ?  -Bước thứ 2 của bài TLV là gì ? Dựa vào đâu để lập dàn ý ?  -Phần MB và KB cần nêu gì ? Phần TB cần nêu gì ?  -Bài viết của em đã có đủ 3 phần MB- TB- KB chưa ?  -Bước thứ 3 là gì ? Dựa vào đâu để viết thành bài văn ?  -Sau khi viết xong bài văn, em sẽ làm gì ? Em có thực hiện bước này không ?  -Gv chỉ ra những điểm mạnh của hs về nội dung và hình thức để các em phát huy trong các bài viết sau.  -Gv chỉ ra những điểm yếu của hs để các em sửa chữa và rút kinh nghiệm cho bài viết số 3.  -Gv công bố kết quả cho hs.  -Hs đọc bài khá và bài yếu-kém.  -Gv trả bài cho hs tự xem và trao đổi cho nhau để nhận xét.  -Hs chữa bài của mình vào bên lề hoặc phía dưới bài làm.  -Gv chữa cho hs 1 số lỗi về cách dùng từ và lỗi về c.tả.  -Gv chép câu văn lên bảng.  -Hs đọc câu văn và chỉ ra chỗ mắc lỗi, rồi nêu cách sửa chữa. | **I-Nhận xét chung:**  \*Tìm hiểu đề và tìm ý:  -Thể loại: biểu cảm.  -Đối tượng: người thân.  \*Những đặc.điểm của người mẹ:  -Miêu tả đôi bàn tay thô ráp, sần sùi, có nhiều vết chai, vì phải làm nhiều công việc nặng nhọc để nuôi sống gia đình.  -Miêu tả những nếp nhăn trên khuôn mặt của mẹ vì phải lo toan gánh vác gia đình.  -Tự sự: Kể về sự hi sinh thầm lặng của mẹ cho gia đình mà không hề kêu ca, phàn nàn.  -Biểu cảm: thương cảm xót xa cho nỗi vất vả, nhọc nhằn của mẹ.  \*Lập dàn ý:  a. Mở bài:  - Nêu cảm nghĩ chung về người mẹ.  b. Thân bài:  - Gợi tả vài nét về ngoại hình, hình dáng người mẹ.  - Tình cảm gắn bó thân thiết và những kỉ niệm sâu sắc đối với người mẹ.  - Ấn tượng tốt đẹp nhất về người mẹ.  c. Kết bài:  - Khẳng định cảm nghĩ của mình về người thân.  \*Viết thành bài văn:  \*Đọc và sửa chữa bài viết:  ***1-Ưu điểm:***  -Về nd: Nhìn chung các em đã nắm được cách viết 1 bài văn biểu cảm, đã xđ được đúng kiểu bài, đúng đối tượng; trong bài viết đã biết kết hợp kể và tả để biểu cảm; bố cục rõ ràng và giữa các phần đã có sự liên kết với nhau.  -Về hình thức: Trình bày tương đối rõ ràng, sạch sẽ, câu văn lưu loát, không mắc lỗi về ngữ pháp, c.tả, về cách dùng từ.  Những bài điểm tốt  7A: Nam, Tiến, Nghĩa, Hường, Khánh, Thắng, Thảo  7B: N Trang, Nhật, Thắng, Hiền, Quỳnh, Hằng, Tú  ***2-Nhược điểm:***  -Về nd: Còn 1 số em chưa đọc kĩ đề bài nên còn nhầm lẫn giữa biểu cảm với miêu tả, với tự sự: Bài viết còn nặng về tả các đặc điểm của người mẹ mà chưa chú trọng tới yếu tố biểu cảm qua 1 vài đ.điểm nổi bật của ng mẹ. Bài viết còn lan man chưa có sự chọn lọc các chi tiết tiêu biểu để bộc lộ cảm xúc.  7 A: Việt, Hoài, Đạt, Quân, H Anh  7B: Cảnh, Ban, Huy, My  -Về hình thức: Một số bài trình bày còn bẩn, chữ viết xấu, cẩu thả, còn mắc n lỗi c.tả; diễn đạt chưa lưu loát, câu văn còn sai ngữ pháp, dùng từ chưa chính xác.  7B: Cảnh, Luyện, Việt, San  **II\_Trả bài và chữa lỗi:**  ***1-Chữa lỗi về dùng từ:***  ***2-Chữa lỗi về chính tả:***  **II. Đọc bài văn điểm cao và bài bì điểm kém**  HS chú ý GV đọc hai bài điểm cao nhất và điểm thấp nhất, chỉ ra ưu nhược điểm để hs học tập |

***4. Củng cố:***

- Nhấn mạnh yêu cầu chung của bài.

- Lưu ý một số lỗi hay mắc.

***5. Hướng dẫn về nhà:***

- Xem lại lý thuyết văn biểu cảm về con người, sự vật.

- Chuẩn bị bài:*“ Chơi chữ”*giờ sau học.

- Học bài cũ: Điệp ngữ

**Rút kinh nghiệm**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn: 22/11/2015 Ngày dạy: 27/11/2015

**Tiết 59 : CHƠI CHỮ**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:*  Nắm được thế nào là chơi chữ, các lối chơi chữ thường dùng, tác dụng của phép chơi chữ.

*2. Kỹ năng*: Nhận biết phép chơi chữ, chỉ rõ cách nói chơi chữ trong văn bản

*3. Thái độ:*  Vận dụng phép chơi chữ trong cuộc sống nói, viết, cách nói năng dí dỏm, hài hước, vui đùa...

**B. CHUẨN BỊ**

***1. Thầy:*** Bảng phụ ghi ví dụ.

***2. Trò:*** Tìm hướng trả lời câu hỏi trong SGK

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1. ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra:***

Đọc 1 đv, đoạn thơ có dùng điệp ngữ và cho biết thế nào là điệp ngữ ? Td của điệp ngữ?

***3. Bài mới:***

ở dân tộc nào, ngôn ngữ nào cũng có h.tượng chơi chữ. Tuy nhiên ở mỗi ngôn ngữ khác nhau, hiện tượng chơi chữ được b.hiện 1 cách khác nhau. Bài hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu về hiện tượng này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc vd (Bảng phụ).  -Trong bài ca dao có mấy từ lợi ? (3 từ).  -Em hãy giải thích nghĩa của từ lợi ở dòng thơ thứ 2 ?  -Từ lợi ở dòng thơ thứ 4 có nghĩa là gì?  -Hai từ lợi này có gì giống và khác nhau ? Chúng là từ đồng âm hay là từ đồng nghĩa ?  -Khi đọc đến câu 3 thì em hiểu lời của thầy bói như thế nào ? Và khi đọc đến câu 4, em có hiểu như thế nữa không ? Vì sao?  -Gv: ở đây bà già hỏi chuyện lợi lộc, thầy bói chiều theo ý bà mà trả lời bằng cách cố ý dùng từ lợi nhưng theo 1 nghĩa khác, không liên quan gì với từ lợi trước. Hai từ đồng âm này đã tạo nên chất hài hước cho bài ca dao. Tiếng cười bật ra sau khi hiểu được hàm ý của tác giả dân gian: Bà đã già rồi, lấy chồng làm gì nữa.  -Hs đọc ví dụ 2 – Chú ý từ co mau.  -Em hãy giải nghĩa câu đố trên ?  - ở 2 vd trên có sd b.p tu từ chơi chữ, vậy em hiểu thế nào là chơi chữ ?  -Hs đọc ví dụ (Bảng phụ).  -Từ “ranh tướng” ở VD1 gần âm với từ nào ?  -ở VD2, các tiếng trong 2 câu thơ của Tú Mỡ có phần nào giống nhau ?  -Cá đối - cối đá, mèo cái - mái kèo, ở VD3 có mlh gì về mặt âm thanh ?  -Từ “sầu riêng” ở VD4 nên hiểu là gì ?  -Ngoài nghĩa đó ra còn nghĩa nào khác?  -Ta thg gặp n lối chơi chữ nào ?  -Chơi chữ thg được sd ở đâu ?  -Đọc bài thơ của Lê Quí Đôn và cho biết tác giả đã dùng n từ ngữ nào để chơi chữ ?  -Mỗi câu sau đây có n tiếng nào chỉ các sự vật gần gũi nhau ? Cách nói này có phải là chơi chữ không ?  -Sưu tầm 1 số cách chơi chữ trong sách báo ? | ***I-Thế nào là chơi chữ:***  \*Ví dụ 1: sgk (163 ).  -Lợi 1: ích lợi, lợi lộc.  -Lợi 2,3: phần thịt bao quanh răng.  ->Giống nhau về âm thanh, nhưng nghĩa lại khác xa nhau – Từ đồng âm.  \*Ví dụ 2: Trên trời rớt xuống co mau là gì ? (Câu đố )  - Mau co: mo cau -> nói lái.  *\*Ghi nhớ 1: sgk (164 ).*  ***II-Các lối chơi chữ:***  \*Ví dụ:  (1) Ranh tướng: danh tướng->gần âm.  (2) Giống nhau ở phụ âm m->điệp âm.  (3) Cá đối-cối đá, mèo cái-mái kèo  ->nói lái  (4) Sầu riêng:  -Là loại cây ăn quả ở Nam Bộ, quả có gai trông như mít.  -Chỉ tr.thái tình cảm buồn, trái với vui chung.  ->từ đồng âm, từ trái nghĩa.  *\*Ghi nhớ 2: sgk (165 ).*  ***III-Luyện tập:***  ***1-Bài 1 (165 ):***  -Bài thơ dùng từ đồng nghĩa: Rắn (loài rắn) – Rắn (cứng đầu, khó bảo).  -Liu điu (rắn nc), rắn (rắn thường), hổ lửa (rắn có nọc độc), mai gầm (cạp nong, rắn độc), ráo (rắn ráo, rất hung dữ và có nọc độc), lằn (rắn thằn lằn) trâu (rắn hổ trâu), hổ mang (rắn độc).  ***2-Bài 2 (165 ):***  Các tiếng chỉ các sự vật gần gũi nhau:  -Thịt, mỡ ; dò,nem, chả: Thuộc nhóm thức ăn liên quan đến chất liệu thịt.  ->chơi chữ dùng từ gần nghĩa, từ đồng âm.  -Nứa, tre, trúc, hóp: Thuộc nhóm từ chỉ cây cối, thuộc họ tre. -> từ đồng âm, từ gần nghĩa.  =>Tạo sự liên tưởng ngữ nghĩa lí thú.  ***3-Bài 3 (166 ):***  ***Trăng*** bao nhiêu tuổi ***trăng già***  ***Núi*** bao nhiêu tuổi gọi là ***núi non***.  Bài 4: Chỉ ra lối chơi chữ trong bài thơ của Bác .  Gv:Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu thành ngữ Hán Việt ''khổ tận cam lai ''có nghĩa bóng là hết khổ sở đến sướng |

***4. Củng cố***

-Học thuộc ghi nhớ, làm bài 4 (166 ).

***5. Hướng dẫn:***

Đọc bài: Chuẩn mực sử dụng từ.

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 22/11/2015 Ngày dạy: 28/11/2015

**Tiết 60**: **LÀM THƠ LỤC BÁT**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức*: Củng cố và khắc sâu kiến thức về văn biểu cảm, nắm được nội dung yêu cầu của bài.

*2. Kỹ năng:* Rèn kỹ năng và phương pháp làm bài biểu cảm.

*3. Thái độ:* Đánh giá được chất lượng bài làm của mình so với yêu cầu của đề bài, nhờ đó có được những kinh nghiệm cần thiết để làm tốt hơn nữa những bài sau.

**B. CHUẨN BỊ**

1. Thầy: chấm, chữa bài, thống kê những lỗi thường gặp mà học sinh mắc phải, trả bài, hướng dẫn HS đọc và sửa lỗi..

2. Trò: Đọc lại đề bài, tập xây dựng dàn ý chi tiết.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1. ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra:***

Nêu hiểu biết của em về thể thơ lục bát (số tiếng, số câu, vần) ?

***3. Bài mới:***

Thơ lục bát là thể thơ rất thông dụng trong đời sống người VN. Song trong thực tế, có nhiều em vẫn chưa nắm được thể thơ này. Điều đó ảnh hưởng đến năng lực cảm thụ thơ lục bát, cũng như s.tác thơ lục bát. Vì vậy tập làm thơ thơ lục bát là 1 y.c rất cần thiết đối với hs chúng ta. Bài hôm nay sẽ giúp chúng ta biết cách làm thơ lục bát.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc bài ca dao (Bảng phụ).  -Cặp câu thơ lục bát mỗi dòng có mấy tiếng ? Vì sao lại gọi là lục bát ?  -Kẻ sơ đồ và điền các kí hiệu: B, T, V ứng với mỗi tiếng của bài ca dao trên vào các ô ?  -Gv: Các tiếng có thanh huyền, ngang gọi là tiếng bằng (B ); các tiếng có thanh sắc, hỏi, ngã, nặng là tiếng trắc (T ); Vần (V ).  -Nhận xét tương quan thanh điệu giữa tiếng thứ 6 và tiếng thứ 8 trong câu 8 ?  -Nhận xét về luật thơ lục bát (số câu, số tiếng trong mỗi câu, số vần, v.trí vần, sự thay đổi các tiếng B, T, bổng, trầm và cách ngắt nhịp trong câu) ?  -S2 luật B-T trong bài ca dao Con cò mà đi ăn đêm với luật thơ lục bát ? (Đây là trong hợp ngoại lệ: tiếng thứ 2 là thanh T thì tiếng thứ 4 đổi thành thanh B.  -Em hãy đọc 1 bài ca dao được s.tác theo thể thơ lục bát và nhận xét thể thơ lục bát trong bài ca dao đó ?  -Qua tìm hiểu về thể thơ lục bát, em rút ra kết luận gì ?  -Chia 2 nhóm, mỗi nhóm làm 1 câu.  -Làm thơ lục bát theo mô hình ca dao. Điền nối tiếp cho thành bài và đúng luật ?  -Cho biết vì sao em điền các từ đó (về ý và về vần) ?  -Hs đọc các câu lục bát.  -Các câu lục bát em vừa đọc sai ở đâu  Hãy sửa lại cho đúng luật ?  -Đại diện nhóm lên trình bày - nhận xét chéo  -Gv kết luận và cho điểm theo nhóm. | ***I-Luật thơ lục bát:***  \*Bài ca dao: Anh đi anh nhớ quê nhà.  a-Cặp câu thơ lục bát: gồm 1 câu 6 và 1 câu 8. Vì thế gọi là lục bát.  b-Điền các kí hiệu B, T, V:  Anh đi anh nhớ quê nhà  B B B T B BV  Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương  T B B T T BV B BV  Nhớ ai dãi nắng dầm sương  T B T T B BV  Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.  T B T T B BV B B  c-Tương quan thanh điệu tiếng thứ 6 và 8 trong câu 8: Nếu tiếng 6 có thanh huyền thì tiếng 8 có thanh ngang và ngược lại.  d-Luật thơ lục bát:  -Số câu: không g.hạn.  -Số tiếng trong mỗi câu: câu đầu 6 tiếng, câu sau 8 tiếng.  -Vần: tiếng 6 câu lục vần với tiếng 6 câu bát và tiếng 8 câu bát lại vần với tiếng 6 câu lục sau và cứ như thế tiếp tục cho đến hết.  -Luật B-T: tiếng thứ 2 thg có thanh B và tiếng thứ 4 thg là thanh T, các tiếng 1,2,5,7 không bắt buộc theo luật B-T.  -Cách ngắt nhịp: thg là nhịp chẵn c có khi nhịp lẻ: +Câu lục: 2/2/2 – 3/3.  +Câu bát: 2/2/2/2-4/4-3/5.  \*Ghi nhớ: sgk (156 ).  ***II-Luyện tập:***  ***1-Bài 1 (157 ):***  -Em ơi đi học trường xa  Cố học cho giỏi như là mẹ mong.  -Anh ơi phấn đấu cho bền  Mỗi năm mỗi lớp mới nên con người.  -Ngoài vườn ríu rít tiếng chim  Trong nhà to nhỏ tiếng em đọc bài.  ->Các từ đã điền vào, đảm bảo về mặt ý và mặt vần.  ***2-Bài 2 (157 ):***  Các câu lục bát này sai vần:  -Vườn em cây quí đủ loài  Có cam, có quýt, có bòng, có na.->xoài  -Thiếu nhi là tuổi học hành  Chúng em phấn đấu tiến lên hàng đầu.  ->nhanh  (trở thành đoàn viên) |

***4 -Củng cố:*** Muốn làm thơ lục bát cho hay, vượt qua trình độ vè thì câu thơ phải có yêu cầu gì

***5. Hướng dẫn học bài:***

-Tập sáng tác n bài thơ lục bát (4,6,8 câu) về đề tài g.đình, nhà trường, ước mơ.-Chuẩn bị bài: Ôn tập văn biểu cảm.

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 16**

Ngày soạn: 29/11/2015 Ngày dạy: 2/12/2015

**Tiết 61: CHUẨN MỰC SỬ DỤNG TỪ**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* HS nắm được các chuẩn mực về ngữ âm, ngữ nghĩa, phong cách khi dùng từ. Nắm được các yêu cầu trong việc sử dụng từ.

*2. Kỹ năng:* Dùng từ đúng, chuẩn mực.

*3. Thái độ:* HS tự kiểm tra thâý được những nhược điểm của bản thân trong việc sử dụng từ, tránh thái độ cẩu thả khi nói,viết.

**B. CHUẨN BỊ**.

1. Giáo viên: Bảng phụ

2. Học sinh: Sửa các bài tập trong SGK.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-Ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra:***

Giải nghĩa và PT lối chơi chữ ở 2 câu đố sau:

-Có con mà chẳng có cha

Có lưỡi, không miệng, đó là vật chi ?

(Con dao: chơi chữ đồng âm).

***3-Bài mới:***Khi nói viết chúng ta cần sd từ đúng chuẩn mực. Bài học hôm nay sẽ giúp các em nắm được n y.c trong việc sd từ, đồng thời giúp các em có khả năng phát hiện lỗi dùng từ của m và của bạn, để có cách dùng từ cho chuẩn mực, tránh n sai sót.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc ví dụ, chú ý các từ in đậm.  -Những từ in đậm: dùi, tập tẹ, khoảng khắc, dùng đã đúng chỗ chưa, có phù hợp với n từ ngữ xung quanh không ? Vì sao ? (Vì: Dùi là đồ dùng để tạo lỗ thủng, với nghĩa ấy thì từ dùi không thể kết hợp với các từ trong câu văn đã cho. Từ tập tẹ và từ khoảng khắc c như vậy).  -Những từ này dùng sai ở chỗ nào ? Cần phải sửa lại như thế nào cho đúng?  -Việc viết sai âm, sai c.tả này là do n ng.nhân nào ?  Nếu dùng sai c.tả thì sẽ dẫn đến tình trạng gì ? (ng đọc, ng nghe sẽ không hiểu được ý của ng viết).  -Qua 3 vd trên, em rút ra bài học gì về việc dùng từ khi nói, viết ?  -Hs đọc vd, chú ý các từ in đậm.  -Các từ in đậm: sáng sủa, cao cả, biết được dùng ở trong các ngữ cảnh trên đã đúng chưa, có phù hợp không ? Vì sao?  (Vì: sáng sủa có 4 nghĩa: 1 có n a.s TN chiếu vào, gây cảm giác thích thú; 2.có n nét lộ vẻ th.minh; 3.cách diễn đạt rõ ràng, mạch lạc; 4.tốt đẹp, có n tr.vọng. ở câu 1 có lẽ ng viết dùng sáng sủa với nghĩa thứ 4, tuy nhiên dùng như vậy là không phù hợp với ý định th.báo, tức là dùng chưa đúng nghĩa).  -Em hãy tìm n từ gần nghĩa với từ sáng sủa để thay thế nó ? (tươi đẹp).  -Cao cả là cao quí đến mức không còn có thể hơn. Dùng từ cao cả ở câu 2 đã phù hợp chưa với đ2 của câu tục ngữ chưa ? Từ nào có thể thay thế cho từ này ? (quí báu, sâu sắc).  -Gv: Lương tâm là yếu tố nội tâm giúp con ng có thể tự đánh giá hành vi của m về mặt đ.đức; biết là nhận rõ được ng, sự vật hay 1 điều gì đó hoặc có k.năng làm được việc gì đó.  -Vậy có thể nói biết lương tâm được không ? Có thể nói có lương tâm hay vô lương tâm được không ?  -Những từ: sáng sủa, cao cả, biết ở trên được dùng đúng nghĩa hay sai nghĩa ? Vì sao ?  -Từ 3 vd trên, em rút ra bài học gì cho việc dùng từ ?  -Hs đọc ví dụ (bảng phụ).  -N từ in đậm trong n câu trên dùng sai như thế nào? Vì sao lại dùng sai như vậy ? (Dùng sai về t.chất NP của từ – Là do không nắm được đ2 NP của từ )  -Hãy tìm cách chữa lại cho đúng ?  -Khi nói, viết cần phải dùng từ như thế nào ?  -Hs đọc ví dụ, chú ý các từ in đậm.  -Các từ in đậm trong các câu trên sai như thế nào? (dùng sai sắc thái biểu cảm, không hợp với phong cách)  - Hãy tìm các từ thích hợp thay cho các từ đó ?  -Qua việc dùng từ trên, em rút ra bài học gì ?  -Gv đưa ra tình huống: Một ng dân Nghệ An ra HN thăm bà con, bị lạc đg, muốn hỏi đg, ng đó hỏi: Cháu ơi, đường ni là đường đi mô ? Cậu bé được hỏi trả lời: Cháu không hiểu bác muốn hỏi gì ?  -Tại sao cậu bé lại không hiểu câu hỏi trên ? (Vì câu hỏi có dùng những từ địa phương).  -ở bài từ HV (bài 6) chúng ta đã rút ra được bài học: Khi nói, viết không nên lạm dụng từ HV. Vì sao ? (vì lạm dụng từ HV sẽ làm cho lời ăn tiếng nói thiếu tự nhiên, thiếu trong sáng, không phù hợp với hoàn cảnh g.tiếp)  -Qua tình huống trên, em rút ra bài học gì ?  -Khi sd từ chúng ta cần chú ý gì ? | ***I-Sử dụng từ đúng âm, đúng chính tả:***  *\*Ví dụ: sgk (166 ).*  -dùi -> vùi  -tập tẹ -> bập bẹ  -khoảng khắc -> khoảnh khắc  ->Là n từ dùng sai âm, sai c.tả.  - Là do ảnh hưởng của việc phát âm tiếng đ.phg hoặc không nhớ hình thức chữ viết của từ, hoặc liên tưởng không đúng).  =>Khi nói, viết phải dùng đúng âm, đúng c.tả.  ***II-Sử dụng từ đúng nghĩa:***  *\*Ví dụ: sgk (166 ).*  ->Dùng từ không đúng nghĩa là do không nắm được nghĩa của từ hoặc không phân biệt được các từ đồng nghĩa.  =>Dùng từ là phải dùng đúng nghĩa.  ***III-Sử dụng từ đúng tinh.chất ngữ pháp của từ:***  *\*Ví dụ: sgk.*  -**Hào quang**; là DT không thể sử dụng trong câu như ĐT -> **hào nhoáng**  - **Ăn mặc** là ĐT không sử dụng như DT trong câu được vì vậy :  \* Cách 1 :Thêm **sự** vào đầu câu  \*Cách 2 : Đổi kết cấu của câu thành **: Chị ăn mặc thật giản dị.**  -**Thảm hại** là TT không thể sử dụng trong câu như DT được vì vậy ta thay từ **với nhiều-> rất**  -Giả tạo phồn vinh là trái với quy tắc TV nên thay :**Gỉa tạo phồn vinh -> phồn vinh giả tạo**  =>Việc dùng từ phải đúng t.chất NP.  **IV-Sử dụng từ đúng sắc thái biểu cảm, hợp phong cách:**  \*Ví dụ: sgk  -Lãnh đạo -> cầm đầu  -Chú hổ -> nó  =>Việc dùng từ phải đúng sắc thái biểu cảm, hợp với tình huống giao tiếp.  **V-Không lạm dụng từ địa phương, từ HV:**  =>Không lạm dụng từ địa phương, từ HV.  *\*Ghi nhớ: sgk (167 ).* |

***4- Củng cố:***

-Gv hệ thống lại k.thức toàn bài.

***5- Hướng dẫn***

Làm các BT

Soạn bài Ôn tập văn biểu cảm

**Rút kinh nghiệm**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn: 29/11/2015 Ngày dạy: 2/12/2015

Tiết 62: **ÔN TẬP VĂN BIỂU CẢM**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* Giúp HS nắm vững khái niệm văn biểu cảm ,đánh giá, phân biệt văn biểu cảm với tự sự, miêu tả. Thấy rõ vai trò của tự sự, miêu tả đối với văn biểu cảm .

*2. Kỹ năng:* Lập dàn ý, viết bài biểu cảm.

*3. Thái độ:* Có ý thức học tập, trong diễn đạt, dùng từ, đặt câu. Giải thích tại sao văn biểu cảm gần với thơ.

**B. CHUẨN BỊ**

1.Giáo viên: Câu hỏi, đáp án.

2.Học sinh: Trả lời câu hỏi ở nhà.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-Ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Thế nào là văn biểu cảm ? (Là văn bản viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người đối với Tác giả và khêu gợi lòng đồng cảm nơi người đọc).

***3-Bài mới:***

Các em đã học 1 số văn bản biểu cảm và làm 2 bài TLV về văn biểu cảm. Như vậy các em đã có 1 số hiểu biết nhất định về văn biểu cảm và các em đã được rèn luyện kỹ năng về cách làm kiểu văn này. Bài ôn tập hôm nay sẽ giúp các em củng cố, hệ thống hoá lại 1 số vấn đề quan trọng về văn biểu cảm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc lại các đv, bài văn về Hoa hải đăng (bài 5), về Hoa học trò (bài 6 ) và cho biết các văn bản biểu cảm đó đã dùng yếu tố miêu tả để làm gì ?  -Gv: Bài Hoa hải đường là văn miêu tả, còn bài Hoa học trò là văn biểu cảm.  -Qua 2 bài văn trên, em hãy cho biết văn miêu tả và văn biểu cảm khác nhau ở chỗ nào ?  -Hs đọc bài Kẹo mầm (bài 11) và cho biết các yếu tố tự sự trong bài nhằm mục đích gì ? (Bài Kẹo mầm có đoạn tự sự nhớ lại mẹ và chị gỡ tóc, rồi vo tóc dắt lên đòn tay nhà để tác giả lấy đổi kẹo mầm và đến nay mỗi khi có lời dao: “Ai tóc rối đổi kẹo mầm” thì tác giả lại khắc khoải nhớ đến mẹ đã chết và chị đã đi lấy chồng).  -Hãy cho biết văn biểu cảm khác văn tự sự ở điểm nào ?  -Tự sự và miêu tả trong văn biểu cảm đóng vai trò gì? Chúng thực hiện nhiệm vụ biểu cảm như thế nào ? Nêu ví dụ?  (Ví dụ bài Kẹo mầm: Tình cảm nhớ mẹ và chị từ tóc rối, kẹo mầm).  -Em hãy nêu các bước làm 1 bài văn biểu cảm ?  -Tìm hiểu đề là tìm hiểu những gì ? (Đối tượng biểu cảm: Mùa xuân và tình cảm cần biểu hiện: cảm xúc của mình đối với mùa xuân).  -Em hãy nêu dàn ý của bài văn biểu cảm? (MB: G.thiệu đoạn tác giả biểu cảm; TB: miêu tả 1 vài đặc điểm tiêu biểu của đoạn tác giả để biểu cảm; KB: khẳng định lại cảm xúc của mình ).  -Bài văn biểu cảm thường sử dụng những biện pháp tu từ nào ?  -Ng ta nói ngôn ngữ văn biểu cảm gần với thơ, em có đồng ý không ? Vì sao ? | ***I-Sự khác nhau giữa văn miêu tả và văn biểu cảm:***  -Bài Hoa hải đường,tác giả miêu tả chỉ nhằm đưa ra lời bình luận về loại hoa thấy ở khắp mọi nơi.Tác giả dùng phép so sánh.  -Bài hoa học trò, tác giả miêu tả cây hoa phượng vì ý nghĩa của nó gắn liền với học sinh,với lớp.Tác giả mượn hình ảnh hoa phượng nở, hoa phượng rơi,để nói đến cái mùa hè thiếu vắng và chia phôi qua cảm xúc của mình.Tác giả đã dùng hình thức lặp lại và nhân hóa để đặc tả cái buồn trống vắng nơi sân trường.  -Văn miêu tả nhằm tái hiện lại đối tượng (người, vật, cảnh) sao cho người ta cảm nhận được nó. Còn văn biểu cảm, miêu tả đối tượng nhằm mượn đặc điểm, phẩm chất của nó mà nói lên suy nghĩ, cảm xúc của mình. Do đặc điểm này mà văn biểu cảm thường sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hoá.  ***2-Sự khác nhau giữa văn tự sự và văn biểu cảm***  -Văn tự sự nhằm kể lại 1 câu chuyện (1 sự việc) có đầu, có đuôi, có nguyên nhân, diễn biến, kết quả. Còn văn biểu cảm, tự sự chỉ làm nền để nói lên cảm xúc. Do đó tự sự trong văn biểu cảm thường nhớ lại những sự việc trong quá khứ, những sự việc để lại ấn tượng sâu đậm, chứ không cần đi sâu vào nguyên nhân, kết quả.  ***3-Vai trò và n*hiệm*.vụ của tự sự và miêu tả trong văn biểu cảm:***  -Tự sự và miêu tả trong văn biểu cảm đóng vai trò làm giá đỡ cho tác giả bộc lộ tình cảm, cảm xúc. Thiếu tự sự, miêu tả thì tình cảm mơ hồ, không cụ thể, bởi vì tình cảm, cảm xúc của con ng nảy sinh từ sự việc, cảnh vật cụ thể.  ***4-Tìm ý và lập dàn bài cho đề văn: Cảm nghĩ về mùa xuân.***  a-Mb: 1 năm có 4 mùa, theo em mùa xuân là mùa đẹp nhất.  b-TB:  \*ý nghĩa của m.xuân đối với con người:  -Mùa xuân mang lại sức sông mới  -Mùa xuân đánh dấu bước đi của đất nước , con người.  \*Cảm nghĩ của em về mùa xuân:  -Mùa đơm hoa kết trái  -Mùa sinh sôi vạn vật.  -Mùa thêm 1 tuổi đời.  c-KB: Khẳng định lại cảm nghĩ của em về mùa xuân.  ***5-Bài văn biểu cảm thường sd các b.p tu từ:***  -so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, điệp ngữ.  -Ngôn ngữ văn biểu cảm gần với thơ. Vì nó có mục đích biểu cảm như thơ.Trong cách biểu cảm trực tiếp, người viết sử dụng ngôi thứ nhất (tôi, em, chúng em), trực tiếp bộc lộ cảm xúc của mình bằng lời than, lời nhắn, lời hô... Trong cách biểu cảm gián.tiếp, tình cảm ẩn trong các hình ảnh. |

***4- Củng cố***

-Gv hệ thống lại kiến thức toàn bài.

***5- Hướng dẫn***

-Viết thành bài văn hoàn chỉnh đề bài cảm nghĩ về mùa xuân.

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 29/11/2015 Ngày dạy: 2/12/2015

**Tiết 63: MÙA XUÂN CỦA TÔI**

*(Vũ Bằng)*

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* Cảm nhận được những nét riêng đặc sắc của cảnh sắc tháng riêng mùa xuân Hà Nội qua nỗi lòng tác giả. Thấy được tình yêu quê hương đất nước thiết tha sâu đậm thể hiện qua ngòi bút tài hoa, tinh tế giầu cảm xúc và hình ảnh trong bài tuỳ bút.

*2. Kỹ năng:* Đọc, phân tích tuỳ bút hồi ký, áng văn xuôi giầu chất trữ tình man mác, da diết, khắc khoải hơn Thạch Lam, vì hoàn cảnh người tâm sự riêng biệt của tác giả.

*3. Thái độ:* Yêu Hà Nội, yêu đất nước.

**B. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Giáo án, tranh ảnh tài liệu liên quan

2. Học sinh: Đọc, trả lời câu hỏi - SGK.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ:***

? Nêu đặc điểm của văn biểu cảm?

***3. Bài mới:***

Chúng ta đã từng biết và cảm thông với tấm lòng của những người sống xa quê hương, trĩu nặng tình quê trong thơ Đường của Lí Bạch, Đỗ Phủ, Hạ Tri Chương. ở Việt Nam có 1 nghệ sĩ do hoàn cảnh riêng và yêu cầu công tác phải xa rời quê hương Miền Bắc vào sống ở Miền Nam mấy chục năm trời, đó là nhà văn Vũ Bằng - một nhà văn đã từng nổi tiếng trước cách mạng tháng 8.1945. Tấm lòng của Vũ Bằng đối với quê hương đã được gửi gắm trong tác phẩm “Thương nhớ 12” mà đoạn trích Mùa Xuân Của Tôi là tiêu biểu.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Dựa vào phần chú thích, em hãy giới thiệu 1 vài nét về tác giả Vũ Bằng ?  -Em hãy nêu xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm ?  -Hd đọc: Giọng chậm rãi, sâu lắng, mềm mại, hơi buồn se sắt.  -Giải nghĩa từ khó(sgk).  -Văn bản được viết theo thể loại nào ?  -B.văn viết về cảnh sắc và không khí mùa xuân ở đâu ? Hoàn cảnh và tâm trạng của tác giả khi viết bài này như thế nào ?  -Bài văn có thể chia thành mấy đoạn ? Mỗi đoạn từ đâu đến đâu,nội dung của mỗi đoạn là gì ?  -Em có nhận xét gì về sự LK giữa các đoạn ?  (B.văn có sự liên kết chặt chẽ theo dòng cảm xúc hồi tưởng của tác giả)  -Hs đọc đoạn 1 (từ đầu->mê luyến M.xuân)  -Biện pháp nghệ thuật nào đã được sử dụng ở đoạn này ? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó ?  -Đoạn văn bình luận trên đã bộc lộ được thái độ, tình cảm gì của tác giả đối với mùa xuân quê hương ?  -Gv: Yêu mến mùa xuân, yêu mến tháng giêng, tháng đầu tiên của muafv xuân, mùa đầu của tình yêu, hạnh phúc và tuổi trẻ, đất trời và lòng người. Nhưng đó chưa phải là lí do cơ bản khiến tác giả “mê luyến mùa xuân”. Vậy lí do gì sâu kín hơn -Hs đọc đoạn 2  -Câu văn nào đã gợi tả cảnh sắc và kh2 m.xuân đất Bắc, mùa xuân HN ?  -Đoạnvăn có sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó ?  -Những dấu hiệu điển hình nào đã tạo nên cảnh sắc mùa xuân đất Bắc ?  -Những dấu hiệu điển hình nào tạo nên không khí mùa xuân đất Bắc ?  -Những dấu hiệu đó gợi 1 bức tranh xuân đất Bắc như thế nào ?  -ở đoạn văn tiếp theo, tác giả đã gọi M.xuân đất Bắc- mùa xuân Hà Nội là “Cái mùa xuân thần thánh của tôi”, điều đó có ý nghĩa gì ?  -Câu văn: “Nhựa sống... đứng cạnh.” đã diễn tả sức mạnh nào của M. xuân ? (M.xuân có sức khơi gợi sinh lực cho muôn loài)  -Sức mạnh nào của mùa xuân được diễn tả trong câu văn: “Nhang trầm...liên hoan” ?  -ở 2 đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào ? T.dụng nó?  -Em có nhận xét gì về giọng điệu, dấu câu và ngôn ngữ của đ.v này ?  -Qua đoạn văn, tác giả đã cảm nhận được những điều kì diệu nào của mùa xuân ?  Đoạn văn đã thể hiện được cảm xúc, tình cảm gì của tác giả ?  Hs đọc phần 3.  -Không khí và cảnh sắc Thiên nhiên mùa xuân sau rằm tháng giêng được miêu tả qua những chi tiết nào ?  -Em có nhận xét gì về N.thuật miêu tả của tác giả ở đv này ? Td của các biện pháp đó ?  - Đối với T.nhiên, tác giả là người như thế nào?  -B.văn có nét đặc sắc gì về ND và NT?  -Hs đọc ghi nhớ. | ***I-Đọc, tìm hiểu chung***  *1-Tác giả:*Vũ Bằng (1913-1984), quê Hà Nội.  -Có sở trong về tr.ngắn, tuỳ bút, bút kí.  *2-Tác phẩm:* -Trích từ thiên tuỳ bút “Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt”, trong tập tuỳ bút-bút kí “Thương nhớ mười hai”  -Tác phẩm viết trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, tác giả sống trong vùng kiểm soát của mĩ-nguỵ, xa cách quê hương đất Bắc.  *a. Đọc*  *b. Thể loại:* Kí-tuỳ bút mang t.c hồi kí.  *c. Chủ đề:* B.văn viết về cảnh sắc và không khí mùa xuân ở Hà.N và MB qua nỗi nhớ thương da diết của 1 người xa quê đang sống ở Sài Gòn trong vùng kiểm soát của Mĩ-nguỵ, khi đất nước còn bị chia cắt.  *d. Bố cục: 3 phần*  -P1:Từ đầu - đến >mê luyến Mùa .xuân: Cảm nhận về q.luật tình cảm của con người đối với Mùa .xuân  -P2:Tiếp ->liên hoan: Cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa .xuân đất Bắc- mùa .xuân Hà Nội.  -Còn lại:Cảm nhận về cảnh sắc mùa xuân sau rằm tháng giêng.  ***II. Đọc-hiểu văn bản***  *1-Tình cảm của con người đối với M.xuân:*  -Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được...  ->Sử dụng điệp từ, điệp ngữ và điệp kiểu câu- Nhấn mạnh tình cảm của con người đối với mùa xuân.  =>Thể hiện sự nâng niu, trân trọng, thương nhớ, thuỷ chung với mùa xuân.  ***2-Cảnh sắc và không khí mùa xuân đất Bắc - mùa xuân Hà Nội:***  -Mùa xuân của tôi-mùaxuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội... có mưa riêu2, gió lành lạnh, có..., có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...  ->Sử dụng điệp từ, phép liệt kê và dấu chấm lửng ở cuối câu -Nhấn mạnh các dấu hiệu điển hình của M.xuân đất Bắc-M.xuân Hà Nội.  -Mưa rêu rêu,gió lành lạnh  -Tiếng nhạn,tiếng chống chèo,câu hát huê tình.  =>Gợi 1 bức tranh xuân với không khí và cảnh sắc hài hoà, tạo nên 1 sự sống riêng của mùa xuân đất Bắc.  -Cái mùa .xuân thần thánh của tôi.  =>Tác giả cảm nhận được sức mạnh thiêng liêng kì diệu của mùa xuân đất Bắc.  -Nhựa sống ở trong người căng lên như máu căng lên trong lộc của loài nai, như ...  -Mùa xuân có sức mạnh khơi dậy và lưu giữ các năng lực tinh thần cao quí của con người  ->Hình ảnh so sánh mới mẻ -Diễn tả sinh động và hấp dẫn sức sống của mùa xuân  -Giọng điệu vừa sôi nổi vừa êm ái,tha thiết,câu dài được ngắt nhịp bằng những dấu phẩy,ngôn ngữ mềm mại,giàu chất trữ tình đã góp phần quan trọng tạo nên sức truyền cảm của đoạn văn  =>Mùa xuân đã khơi năng lực sống cho muôn loài, khơi dậy những năng lực tinh thần cao quí của con người và khơi dậy tình yêu cuộc sống, yêu quê hg.  =>Thương nhớ mùaxuân đất Bắc.  ***3-Cảm nhận về mùa xuân sau rằm tháng giêng:***  -Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ lại nức 1 mùi hương man mác.  -Mưa xuân, trời xanh tươi... trên nền trời trong trong , có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột xác.  ->Sử dụng 1 loạt những từ ngữ gợi tả kết hợp với hình ảnh so sánh - Miêu tả sự thay đổi chuyển biến của cảnh sắc và không khí M.xuân  =>Thể hiện sự tinh tế, nhạy cảm trước TN của tác giả.  **IV. Tổng kết**  *\*Ghi nhớ: sgk.* |

***4-Củng cố*** - Nêu cảm nhận của em về mùa xuân qua bài viết của tác giả?

(Mùa xuân đầu tháng riêng là mùa xuân của tình yêu, hạnh phúc tuổi trẻ, đất trời và lòng người. Mùa xuân trong lòng tác giả, mùa xuân trở lên lung linh huyền ảo, mơ màng và tràn đầy sức sống.

***5. Hướng dẫn học ở nhà :***

- Viết một đoạn văn ngắn tả cảm xúc của em về một mùa xuân ở quê em.

- Chuẩn bị bài: Sài gòn tôi yêu.

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 17**

Ngày soạn: 6/12/2015 Ngày dạy: 9/12/2015

**Tiết 64**:  ĐỌC THÊM : **SÀI GÒN TÔI YÊU**

*Minh Hương*

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* Nắm được những nét riêng của Sài Gòn với thiên nhiên, khí hậu nhiệt đới và nhất là phong cách con người Sài Gòn. Nắm được phong cách nghệ thuật biểu hiện tình cảm, cảm xúc qua nhiều mặt cụ thể của tác giả về Sài Gòn.

*2. Kỹ năng:* Đọc, phân tích bài tuỳ bút (vừa theo vấn đề vừa theo mạch cảm xúc, liên tưởng).

*3. Thái độ:* Tình yêu thành phố Sài Gòn, yêu con người Sài Gòn, yêu quê hương đất nước.

**B. CHUẨN BỊ:**

1. Giáo viên: Giáo án, Tranh : Thành phố Sài Gòn.

2. Học Sinh: Đọc, trả lời câu hỏi - SGK.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-Ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

-Trong bài Mùa xuân của tôi em thích đoạn nào nhất ? Vì sao?

-Nêu những nét đặc sắc về ND và NT của văn bản Muà xuân của tôi ?

***3-Bài mới:***

Sài Gòn ngày xưa là hòn ngọc của ĐNA, nay là thành phố HCM rực rỡ tên vàng, là thành phố trẻ lớn nhất miền Nam, vừa kỉ niệm 300 năm tuổi... đã hiện lên 1 cách vừa khái quát, vừa cụ thể trong tình yêu của 1 người từng sống ở nơi đây hơn nửa thế kỷ như thế nào? Hôm nay thầy trò chúng ta sẽ đến thăm Sài Gòn qua những trang tuỳ bút của Minh Hương

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Gv: Giới thiệu 1 vài nét về tác giả Minh Hương  -Nhớ SG, tập I: viết về những nét đẹp riêng đầy ấn tượng của Sài Gòn trên các phương diện: Thiên nhiên, khí hậu-thời tiết và cuộc sống sinh hoạt của người thành phố Sài Gòn. Nhân dịp K.niệm 300 năm Sài Gòn, tác giả cho ra tiếp tập II, lần này tác giả chú ý đến sự hình thành các cộng đồng dân cư, các xóm nghề, vườn xưa, bến, chợ “đặc chủng”.  -H.dẫn đọc:giọng hồ hởi, phấn khởi, vui tươi, sôi động, chú ý các từ ngữ đơn phương.  -Giảt nghĩa từ khó (Sgk).  -Bài văn được viết theo thể loại nào ?  -Bài bút kí “SGTY” đã thể hiện được tình cảm gì của tác giả, qua những phương diện nào ?  -Dựa vào mạch cảm xúc và suy nghĩ của tác giả, hãy tìm bố cục của bài văn?  -Em có nhận xét gì về bố cục của văn bản này ? (Bố cục khá mạch lạc theo cảm xúc của người viết trước nhiều mặt khác nhau của thành phố Sài Gòn).  -Hs đọc 1 của phần 1. Nội dung của đoạn này là gì ?  -ở đoạn này tác giả đã so sánh Sài.G với ai và với những cái gì ? Câu văn nào đã nói lên điều đó?  -Em có nhận xét gì về các phép so sánh đó ? T.dụng của các phép so sánh ấy là gì ?  -ĐV đã cho ta thấy được tình cảm gì của tác giả đối với SG ?  -Hs đọc đoạn 2, ND của đoạn 2 là gì ?  -Thời tiết của SG được miêu tả qua n chi tiết nào ?  -ở đoạn này tác giả đã sd n phương thức biểu đạt nào , nó t.d gì ?  -Tác giả có cảm nhận gì về th.tiết và khí hậu của SG ?  -Cuộc sống của SG được ghi lại qua n câu văn nào ? Từ đó em có cảm nhận gì về cuộc sống của SG ? (Cuộc sống kh.trương, sôi động và đa dạng của thành phố trong n thời điểm khác nhau)  -Em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ và câu văn của tác giả ,ở đoạn 2 này ? T.d ?  -Đoạn văn đã cho ta thấy được tình cảm gì của tác giả đối với Sài Gòn ?  -Cư dân Sài Gòn có đặc điểm gì ? Đặc điểm đó được thể hiện thông qua hình ảnh nào ? (Sài.G bao giờ cũng giang 2 cánh tay mở rộng mà đón những người từ trăm nẻo đất nước kéo đến.)  -Phong cách bản địa của người Sài Gòn được khái quát qua những chi tiết nào? (Họ ăn nói tự nhiên hề hà, dễ dãi,ít dàn dựng, tính toán, chân thành, bộc trực)  -Phong cách ở đây được hiểu là cách sống riêng, vậy em có nhận xét gì về cách sống này ?  -Người Sài.G bộc lộ tập trung vẻ đẹp ở các cô gái, em hãy tìm đoạn văn diễn tả vẻ đẹp này ? (Các cô gái thị thiềng...thơ ngây)  -Đoạn văn đã nói đến những nét đẹp riêng nào của các cô gái ?  -Những biểu hiện riêng đó làm thành vẻ đẹp chung nào của người Sài.G ?  -Vẻ đẹp của người Sài.G được nói đến ở đây là vẻ đẹp truyền thống. Vì sao tác giả lại tìm kiếm các vẻ đẹp truyền thống đó ?  -Hs đọc đoạn văn.  -Đv trên khiến em liên tưởng tới bài văn nào, của ai,đã học ở lớp 6 ? (Liên tưởng tới hồi kí- tự truyện: Lao xao của Duy Khánh)  -Đoạn văn đã đặt ra vấn đề gì ?  -“Thành phố hiếm hoi dần chim chóc. Thì có người.” Câu văn dự báo với chúng ta điều gì ? (Dự báo về những khó khăn và nguy cơ phá hoại môi sinh vì tốc độ công nghiệp hoá ngày càng tăng nhanh, khiến cho đất chật người đông, không khí ô nhiễm càng nặng nề).  -Những lời nói nào trong văn bản biểu hiện trực tiếp tình yêu của tác giả đối với Sài Gòn ?  -Trong những câu văn đó những ngôn từ nào được lặp đi, lặp lại ? Sự lặp lại đó có ý nghĩa gì ?  -Yêu Sài Gòn, tác giả cảm thấy *thương mến bao nhiêu không thấy uổng công hoài của*...Từ đây, em hiểu tình cảm của tác giả dành cho Sài Gòn là tình cảm như thế nào ?  -Bài văn đã đem lại cho em những hiểu biết mới nào về cuộc sống và con người Sài Gòn ? Do đâu mà bài văn có sức truyền cảm ?  -HS đọc ghi nhớ.  -Em hãy tìm những bài viết về vẻ đẹp và đặc sắc của quê hương em ? | ***I-Đọc ,tìm hiểu chung:***  ***1-Tác giả:*** Minh Hương  -Quê Quản Nam đã vào sinh sống ở Sài Gòn trước 1945.  -Thường viết các thể loại: bút kí, tuỳ bút, tạp văn, phóng sự với n nhận xét tinh tế, dí dỏm và sâu sắc.  ***2-Tác phẩm:*** Đây là bài tuỳ bút rút từ bài bút kí Nhớ... Sài Gòn, tập I của Minh Hương.  *a. Đọc, giải thích từ khó*  *b. Thể loại*  *\*Tuỳ bút:* Là 1 thể bút kí thiên về biểu cảm, trữ tình viết về cảnh vật, con người ,cuộc sống mà nhà văn đã trải qua hoặc chứng kiến.  *\*Chủ đề:* Bài tuỳ bút thể hiện tình cảm yêu mến và những ấn tương bao quát chung của tác giả về thành phố Sài Gòn trên các phương diện chính: Thiên nhiên, khí hậu, tha tiết, cuộc sống sinh hoạt của thành phố, cư dân và phong cách con người Sài Gòn.  *c. Bố cục: 3 phần*  -P1:Từ đầu ->họ hàng: Những ấn tượng bao quát về Sài Gòn.  -P2:Tiếp ->hơn năm triệu: Đặc điểm cư dân và phong cách người Sài Gòn.  - P3:Còn lại:Khẳng định tình yêu của tác giả đối với Sài Gòn.  ***II-Đọc- hiểu văn bản:***  ***1-Những ấn tượng bao quát về Sài Gòn của tác giả:***  *\* Thành phố 300 năm vẫn trẻ:*  -Sài.G vẫn trẻ. Tôi thì đương già. Ba trăm năm so với năm ngàn năm tuổi của đất nước... còn xuân chán. Sài Gòn cứ trẻ hoài như 1 cây tơ đang độ nõn nà...  ->Các so sánhkhá đa dạng và bất ngờ - -Có t.dụng tô đậm cái trẻ trung của SG.  =>Thể hiện tình cảm nồng nhiệt của tác giả đối với SG.  *\* Thời tiết và nhịp sống của SG:*  -Sớm: nắng ngọt ngào  -Chiều lộng gió nhớ thg, dưới n cây mưa nhiệt đới bất ngờ  -Trời đang ui2 buồn bã, bỗng nhiên trong vắt lại như thuỷ tinh.  ->Miêu tả kết hợp với biểu cảm – Làm cho câu văn có hồn và gợi cảm xúc cho ng đọc.  =>Cảm nhận tinh tế về sự thay đổi nhanh chóng của th.tiết.  -Tôi yêu cả đêm khuya thưa thớt tiếng ồn. Tôi yêu phố phường náo động, dập dìu xe cộ... Yêu cả cái tính lặng của buổi sáng tinh sương...  ->Sd điệp từ, điệp c.trúc câu – Nhấn mạnh kh.khí ồn ào, sôi động của SG.  =>Thể hiện 1 tình yêu chân thành da diết của tác giả đối với Sài.G.  ***2-Đặc điểm cư dân và phong cách người Sài Gòn:***  *\*Đặc điểm cư dân Sài Gòn:*  -Cởi mở, mến khách, dễ hoà hợp.  *\*Phong cách bản địa của người SG:*  -Trung thực, ngay thẳng và tốt bụng.  *\*Phong cách các cô gái Sài Gòn:*  -Nét đẹp riêng: Nét đẹp trang phục, nét đẹp dáng vẻ, nét đẹp xã giao.  -Vẻ đẹp chung: Giản dị, khỏe mạnh,lễ độ, tự tin.  ->Các vẻ đẹp truyền thống là giá trị bền vững mang bản sắc riêng - Tác giả coi trọng giá trị truyền thống.  *\*Thành phố ít chim, đông người:*  -Bảo vệ chim, bảo vệ Thiên nhiên- môi trường và lên án những kẻ vô trách nhiệm, phá hoại thiên nhiên-môi trường.  ***3-Tình yêu với Sài Gòn:***  -Tôi yêu Sài Gòn da diết như người đàn ông...  -Vậy đó mà tôi yêu Sài Gòn và yêu...  ->Sử dụng điệp từ - Nhấn mạnh Sài Gòn có những điểm đáng yêu.  =>Yêu quí Sài Gòn đến độ hết lòng, muốn được đóng góp sức mình cho Sài Gòn và mong mọi người hãy đến, hãy yêu Sài Gòn.  *\*Ghi nhớ: sgk*  *\*Luyện tập:* |

*4****. Củng cố***

- Vì sao tác giả lại khái quát được những đặc điểm riêng của Sài Gòn về TN, thời tiết, khí hậu, nhịp sống, con người?

Tác giả rất am hiểu, cảm nhận tinh tế, óc quan sát -> Tình yêu thiết tha của tác giả).

***5. Hướng dẫn học ở nhà***

. - Cảm xúc của em sau khi học xong bài này?

- Chuẩn bị bài: Luyện tập sử dụng từ

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 6/12/2015 Ngày dạy: 9/12/2015

**Tiết 65 LUYỆN TẬP SỬ DỤNG TỪ**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* Ôn tập tổng hợp về từ thông qua một hệ thống bài tập thực hành.

*2. Kỹ năng:* Rèn các kỹ năng dùng từ, sửa lỗi dùng từ, mở rộng vốn từ, góp phần nâng cao chất lượng diễn đạt viết văn biểu cảm và văn nghị luận.

*3. Thái độ:* Bồi dưỡng năng lực và hứng thú cho việc học tiếng Việt nói riêng, học văn nói chung.

**B. CHUẨN BỊ.**

1. Giáo viên: Bài văn của HS.

2. Học sinh: Chơi trò chơi tìm từ.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra bài cũ:*** Khi sử dụng từ cần phải chú ý những gì ?

***3.*** Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Đọc các bài TLV của em từ đầu năm đến nay. Ghi lại những từ em đã dùng sai (về âm, về chính tả, về nghĩa, về tính chất ngữ pháp và về sắc thái biểu cảm) và nêu cách sửa chữa ?  -Chúng ta cần căn cứ vào đâu để tìm ra n từ dùng sai ? (Căn cứ vào kiến thức về chuẩn mực sử dụng từ để tìm các từ đã dùng sai).  -Gv hướng dẫn học sinh: Tập hợp các từ dùng sai theo từng loại.  -Học sinh tìm và sửa lỗi.  -Đọc bài TLV của bạn cùng lớp; nhận xét về các trường hợp dùng từ không đúng nghĩa, không đúng tính chất ngữ pháp, không đúng sắc thái biểu cảm và không hợp với tình huống giao tiếp trong bài làm của bạn?  -Cách làm như bài tập 1.  -Thảo luận với bạn về việc chỉ ra lỗi dùng từ và việc sửa lỗi.  -Viết đoạn văn từ 8->10 câu (chủ đề tự chọn).  -Học sinh đọc đoạn văn  -Các bạn nhận xét về cách sử dụng từ và sửa lại các lỗi sai sót.  ? Từ là gì?  ? Muốn diễn đạt tốt ta cần có vốn từ như thế nào?  ? Các em đã học những loại từ nào?  ? Về cấu tạo từ có những cấu tạo từ nào?  ? Đã học những biện pháp tu từ nào?  ? Từ ghép khác từ láy như thế nào?  ? Đặt câu với mỗi từ trong nhóm từ gần âm gần nghĩa sau? | ***I-Thực hành luyện tập:***  ***1-Bài 1 :***  a-Sử dụng từ không đúng âm, đúng chính tả:  -***Da đình*** em có rất nhiều người: Ông bà, cha mẹ, anh chị em và cả ***cô gì***, chú bác nữa.  -> gia đình, cô dì.  b-Dùng từ không đúng nghĩa:  -Trường của em ngày càng ***trong sáng***.  -> khang trang.  c-Sử dụng từ không đúng tính chất ngữ pháp của câu:  -Nói năng của bạn thật là khó hiểu.  ->Cách nói năng của bạn thật là khó hiểu. (Bạn nói năng thật khó hiểu.)  d-Sử dụng từ không đúng sắc thái biểu cảm, không hợp phong cách:  -Bọn giặc đã ***hi sinh*** rất nhiều.->bỏ mạng.  e-Không lạm dụng từ địa phương, từ Hán Việt:  -Bạn ***ni***, bạn đi ***mô*** ? ->này, đâu.  -Bác nông dân cùng ***phu nhân*** đi thăm đồng. ->Bác nông dân cùng vợ đi...  ***2-Bài 2:***  ***3-Bài 3:***  ***II-Hướng dẫn ôn tập học kì I:***  1. Vai trò của vốn từ trong giao tiếp.  - Từ là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ để tạo câu.  - Vốn từ phong phú; lựa chọn từ hay, cảm xúc.  2. Phân loại từ:  - DT, ĐT, TT, Số từ, Đại từ.  - Từ đơn, từ phức: Từ ghép, từ láy.  - Thuần Việt, vay mượn.  - Đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa.  - So sánh, chơi chữ, điệp ngữ, hoán dụ...  - Láy: 1 tiếng gốc có nghĩa, không đảo vị trí tiếng.  3. Đặt câu với từ: hồi phục, khôi phục, khắc phục, khuất phục. |

***4-Củng cố:***

Giáo viên hệ thống lại toàn bài.

***5- Hướng dẫn***

Chuẩn bị các nội dung ôn tập Tác phẩm trữ tình

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 6/12/2015 Ngày dạy: 13/12/2015

**Tiết 66 :** **ÔN TẬP TÁC PHẨM TRỮ TÌNH**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY**

*1. Kiến thức:* HS bước đầu nắm được khái niệm trữ tình và một số đặc điểm nghệ thuật phổ biến của ca dao, thơ trữ tình.

*2. Kỹ năng:* So sánh, hệ thống hoá, phương pháp tiếp cận và phân tích một số tác phẩm trữ tình.

*3. Thái độ:* Yêu thích thơ văn trữ tình, văn biểu cảm.

**B. HUẨN BỊ.**

1. Giáo viên: Nội dung ôn tập

2. Học sinh**:** Ôn tập ở nhà theo câu hỏi sgk

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-Ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Nêu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản Mùa xuân của tôi ?

***3-Bài mới:***

Từ đầu năm đến giờ chúng ta đã được học một số TP trữ tình. Bài hôm nay chúng ta sẽ củng cố hệ thống hoá lại những kiến thức đó.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hãy nêu tên tác giả của những tác phẩm sau:  -Hãy sắp xếp lại tên Tác.P khớp với ND tư tưởng, tình cảm được biểu hiện?  -Hãy sắp xếp lại để tên TP (hoặc đ.trích) khớp với thể thơ ?  -Hãy nêu những ý kiến em cho là không chính xác ?  -Qua những bài tập trên, em rút ra bài học gì về thơ trữ tình ?  -Học sinh đọc ghi nhớ. | ***I-Nội dung ôn tập:***  ***1-Tên tác giả và tác phẩm:***  -Cảm Nghĩ Trong Đêm TT: Lí Bạch.  -Phò giá về kinh: Trần Quang Khải.  -Tiếng gà trưa: Xuân Quỳnh.  -Cảnh khuya: Hồ Chi Minh.  -Ngẫu nhiên viết... : Hạ Tri Chương.  -Bạn đến chơi nhà: Nguyễn Khuyến.  -Buổi chiều đứng ở...: Trần Nhân Tông  -Bài ca nhà tranh bị..: Đỗ Phủ.  ***2-Sắp xếp tên Tác.P khớp với ND tư tưởng, tình cảm được biểu hiện:***  -Bài ca Côn Sơn: Nhân cách thanh cao và sự giao hoà tuyệt đối với Thiên.N.  -Cảnh khuya: Tình yêu thiên nhiên, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung lạc quan.  -Cảm nghĩ trong... Tình cảm quê hương sâu lắng trong khoảnh khắc đêm thanh vắng.  -Bài ca nhà...: Tinh thần nhân đạo và lòng vị tha cao cả.  -Qua Đèo Ngang: Nỗi nhớ thương quá khứ đi đôi với nỗi buồn đơn lẻ thầm lặng giữa núi đèo hoang sơ.  -Sông núi...: ý thức độc lập tự chủ và quyết tâm tiêu diệt địch.  -Ngẫu nhiên...: Tình cảm quê hương chân thành pha chút xót xa lúc mới trở về quê.  -Tiếng gà trưa: Tình cảm gia đình, quê hương qua những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ.  ***3-Sắp xếp lại tên tác phẩm (hoặc đoạn trích) khớp với thể thơ:***  -Sau phút chia li: Song Thất Lục Bát.  -Qua Đèo Ngang:Biểu cảm  -Bài ca Côn Sôn: Lục bát.  -Tiếng gà trưa: Thơ 5 chữ.  -Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh: NNTT.  -Sông núi nước Nam: Thất Ngôn TT.  ***4-Nêu ý kiến em cho là không chính xác:***  a- Đã là thơ thì nhất thiết chỉ được dùng phương thức biểu cảm.  e-Thơ trữ tình chỉ được dùng lối nói trực tiếp để biểu hiện tình cảm, cảm xúc.  i-Thơ trữ tình phải có 1 cốt truyện hay và 1 hệ thống nhân vật đa dạng.  k-Thơ trữ tình phải có 1 lập luận chặt chẽ.  *\*Ghi nhớ: sgk .* |

***4. Củng cố******:*** - Thơ là gì , ca dao trữ tình là gì.

( HS dựa vào phần ghi nhớ để trả lời)

***5. Hướng dẫn học ở nhà:***

Ôn tập lại kiến thức đã ôn tập . Chuẩn bị : Ôn tập TP trữ tình ( tiếp)

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 18**

Ngày soạn: 12/12/2015 Ngày dạy: 115/12/2015

**Tiết 67** : **ÔN TẬP TÁC PHẨM TRỮ TÌNH (Tiếp)**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

*1. Kiến thức:* HS bước đầu nắm được khái niệm trữ tình và một số đặc điểm nghệ thuật phổ biến của ca dao, thơ trữ tình.

*2. Kỹ năng:* So sánh, hệ thống hoá, phương pháp tiếp cận và phân tích một số tác phẩm trữ tình.

*3. Thái độ:* Yêu thích thơ văn trữ tình, văn biểu cảm.

**B. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Hệ thống câu hỏi, đáp án, bảng phụ.

2. Học sinh: Ôn tập ở nhà.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**1. Ổn định tổ chức lớp**:

**2.Kiểm tra**: Ca dao trữ tình là gì? Ca dao và thơ khác nhau và có điểm chung là gì? ( Phương án trả lời: ý 1 dựa vào phần ghi nhớ tiết 67; ý 2: TG Thơ: là cá nhân, ca dao là tập thể. )

**3. Bài mới**.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động giáo viên, học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| -Đọc những câu thơ của NguyễnTrãi. Em hãy nói rõ nội dung và hình thức thể hiện của những câu thơ đó ?  -So sánh tình huống thể hiện tình yêu quê hương và cách thể hiện tình cảm đó qua 2 bài thơ Cảm nghĩ trong ... và Ngẫu nhiên viết... ?  -So sánh bài thơ Đêm đỗ thuyền ở Phong Kiều (phần đọc thêm, bài 9) với bài Rằm tháng giêng về 2 vấn đề: cảnh được miêu tả và tình cảm được thể hiện ?  -Gv:Dù cảnh vật,tình cảm được thể hiện trong 2 bài có nhiều điểm khác nhau song ở cả 2 bài, mối quan hệ giữa cảnh và tình đều rất hoà quyện.  -Đọc kĩ 3 bài tuỳ bút trong bài 15, 16. Hãy lựa chọn những câu mà em cho là đúng? | ***II-Luyện tập:***  ***1-Nội dung và hình thức thể hiện của những câu thơ của NguyễnTrãi là:***  -Suốt ngày ôm nỗi ưu tư  Đêm lạnh quàng chăn ngủ chẳng yên.  -Bui một tấc lòng ưu ái cũ  Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông.  ->Kể và tả để biểu cảm tr.tiếp (câu 1) ; Dùng lối nói ẩn dụ để biểu cảm giao tiếp và tô đậm thêm cho tình cảm được biểu hiện ở câu trên (câu 2)  =>Đây chưa phải là “tiếng thơ xé lòng” nhưng đã thấm đượm 1 nỗi lo buồn sâu lắng, có tính chất thường trực (Suốt ngày...Đêm...; Đêm ngày...).  ***2- So sánh tình huống thể hiện tình yêu quê hương và cách thể hiện tình cảm đó qua 2 bài thơ Cảm nghĩ trong ... và Ngẫu nhiên viết... :***  -CNTĐTT: Là tình cảm quê hương được biểu hiện lúc xa quê- là biểu cảm trực tiếp và tình cảm đó được thể hiện 1 cách nhẹ nhàng, sâu lắng.  -Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê: Là tình cảm được biểu hiện lúc mới đặt chân về quê- là biểu cảm.tiếp và tình cảm đó đậm màu sắc hóm hỉnh mà ngậm ngùi.  ***3-So sánh bài thơ Đêm đỗ thuyền ở Phong Kiều (phần đọc thêm, bài 9) với bài Rằm tháng giêng về 2 vấn đề: cảnh được miêu tả và tình cảm được thể hiện:***  -Cảnh vật có nhiều yếu tố giống nhau: Đêm khuya, trăng, thuyền, dòng sông.  -Nhưng màu sắc khác nhau:  +Đêm đỗ thuyền...: Cảnh vật yên tĩnh và chìm trong u tối.  +Rằm tháng giêng: Cảnh vật sống động, tuy có nét huyền ảo song cơ bản là trong sáng.  -Điểm khác nổi bật ở chủ thể trữ tình:  +Đêm đỗ thuyền...: là kẻ lữ khách thao thức không ngủ, vì nỗi buồn xa xứ.  +Rằm tháng giêng: là người chiến sĩ vừa hoàn thành 1 công việc trọng đại đối với sự nghiệp Cách Mạng  ***4-Những câu mà em cho là đúng:***  ***III-Tiến hành hoạt động:***Tuỳ bút không có cốt truyện và có thể không có nhân vật.  c-Tuỳ bút sử dụng nhiều phương thức (tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyến minh, lập luận) nhưng biểu cảm là phương thức chủ yếu.  e-Tuỳ bút có nhưng yếu tố gần với tự sự nhưng chủ yếu thuộc loại trữ tình. |

**4. Củng cố**: Tại sao người Việt thưởng thức thơ trữ tình có thể đọc lại thích ngâm, có khi lại thích hát( thơ được phổ nhạc

( Vì thơ là thể hiện tình cảm cảm xúc , thơ của thi nhân biểu hiện tc cá nhân song ở những bài thơ có giá trị , TC của TG bao giờ cũng có tc đại diện cho tc tiến bộ : Ty quê hương đất nước, tc gia đình, bạn bè, tình yêu nên đã hoà chung cảm xúc của cá nhân nên họ tích hát như hát lên tiếng hát tâm tình của lòng mình).

**5. Hướng dẫn học ở nhà**:

- Ôn tập lại kiến thức đã ôn tập Chuẩn bị : Ôn tập tiếng Việt.

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn:12/12/2015 Ngày dạy: 16/12/2015

**Tiết 70 ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* Hệ thống hoá những kiến thức TV đã học ở học kỳ I về từ ghép, từ láy, đại từ, quan hệ từ.

Tích hợp với phần văn ở bài ôn tập thơ trữ tình , với phần TLV ở bài KT tổng hợp.

*2. Kỹ năng:* Luyện tập các kỹ năng tổng hợp về giải nghĩa từ, sử dụng từ để nói, viết.

*3. Thái độ:* Có ý thức ôn tập tốt để thi học kỳ I

**B. CHUẨN BỊ.**

1.Giáo viên: Hệ thống câu hỏi, đáp án, bảng phụ.

2.Học sinh: Ôn tập ở nhà.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-ổn định tổ chức:***

***2. Bài cũ:*** - Kết hợp trong bài

***3-Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Vẽ lại sơ đồ ở trong sgk vào vở và tìm ví dụ điền vào các ô trống ?  -Lập bảng so sánh quan hệ từ với danh từ, động từ, tính từ về ý nghĩa và chức năng ?  -Giải nghĩa các yếu tố Hán Việt ?  Bạch (bạch cầu): trắng  Bán (bức tượng bán thân): một nửa  Cô (cô độc): một mình  Cư (cư trrú): nơi ở  Cửu (cửu chương): chín  Dạ (dạ hương, dạ hội): đêm  Đại (đại lộ, đại thắng): to, lớn  Điền (điền chủ, công điền): nông  Hà (sơn hà): sông  Hậu (hậu vệ): sau  Hồi (hồi hương, thu hồi): về  Hữu (hữu ích): có  Lực (nhân lực): sức  Mộc (thảo mộc, mộc nhĩ): cây gỗ  nguyệt (nguyệt thực): trăng  Thế nào là từ đồng nghĩa ?    Từ đồng nghĩa có mấy loại ?  Tại sao lại có h.tượng từ đồng nghĩa ?  -Thế nào là từ trái nghĩa ?  -Tìm 1 số từ đồng nghĩa và 1 số từ trái nghĩa với mỗi từ: bé (về mặt kích thước, khối lượng), thắng, chăm chỉ ?  -Thế nào là từ đồng âm ?  Phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa ?  -Thế nào là thành ngữ ?    Thành ngữ có thể giữ những chức vụ gì trong câu ?  -Tìm thành ngữ thuần Việt đồng nghĩa với mỗi thành ngữ Hán Việt sau ?  -Hãy thay thế những từ in đậm trong các câu sau đây bằng những thành ngữ có ý nghĩa tương đương ?  -Thế nào là điệp ngữ ?  Điệp ngữ có mấy dạng ?  -Thế nào là chơi chữ ?  Hãy tìm 1 số vd về các lối chơi chữ ? | ***\*Vẽ sơ đồ và tìm vd điền vào ô trống:***  ***\**** -Lập bảng so sánh quan hệ từ với danh từ, động từ, tính từ về ý nghĩa và chức năng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ý nghĩa và chức năng | D.từ, động từ, tính từ | Quan hệ từ | | ý nghĩa  Chức năng | Biểu thị người, sự vật, hoạt động, tính chất.  Có khả năng làm thành phần của cụm từ, của câu. | Biểu thị ý nghĩa quan hệ  Liên kết các thành phần của cụm từ, của câu. |   ***3-Giải nghĩa các yếu tố Hán Việt:***  Nhật (nhật kí): ngày  Quốc (quốc ca): nước  Tam (tam giác): ba  Tâm (yên tâm): lòng, dạ  Thảo (thảo nguyên): cỏ  Thiên (thiên niên kỉ): trời  Thiết (thiết giáp): thít lại  Thiếu (thiếu niên, thiếu thời): chưa đủ  Thôn (thôn dã, thôn nữ): khu vực sân ở nông thôn  Thư (thư viện): sách  Tiền (tiền đạo): trước  Tiểu (tiểu đội): nhỏ  Tiếu (tiếu lâm ): cười  Vấn (vấn đáp): hỏi  ***1-Từ đồng nghĩa:***là n từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.  VD: trông - nhìn, ngó, coi, mang.  -Có 2 loại từ đồng nghĩa:  +Từ đồng nghĩa hoàn toàn: quả - trái.  +Từ ĐN không h.toàn:hi sinh, bỏ mạng  -Vì 1 sự vật, h.tượng có nhiều tên gọi khác nhau, nên có h.tượng đồng nghĩa.  ***2-Từ trái nghĩa:*** là n từ có nghĩa trái ngược nhau. VD: cười -khóc  ***3-Từ đồng nghĩa, trái nghĩa:***  -Bé - to, nhỏ-to, nặng - nhẹ, dài - ngắn, lớn - bé, nhiều - ít.  -Thắng -thua, thắng -bại.  -Chăm chỉ - lười biếng.  ***4-Từ đồng âm:***là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì với nhau.  ***5-Thành ngữ:***là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị 1 ý nghĩa hoàn chỉnh, ngắn gọn, hàm súc, có tính hình tượng cao.  Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua 1 số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh...  VD: ếch ngồi đáy giếng: chỉ sự hiểu biết hạn hẹp, nông cạn.  -Thành ngữ có thể làm CN, VN trong câu hay làm phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ,...  ***6-Tìm thành ngữ thuần Việt đồng nghĩa với thành ngữ Hán Việt:***  -Bách chiến bách thắng: trăm trận trăm thắng.  -Bán tín bán nghi: nửa tin nửa ngờ.  -Kim chi ngọc diệp: cành vàng lá ngọc.  -Khẩu phật tâm xà: miệng nam mô bụng bồ dao găm.  ***7-Thay thế n từ in đậm thành n thành ngữ có ý nghĩa tương đương:***  -Đồng rộng mênh mông và vắng lặng: đồng không mông quạnh.  -Phải cố gắng đến cùng: còn nc còn tát.  -Làm cha làm mẹ phải chịu trách nhiệm về hành động sai trái của con cái: con dại cái mang  -Nhiều tiền bạc, trong nhà không thiếu thứ gì: giàu nứt đố đổ vách.  ***8-Điệp ngữ:***là phép tu từ lặp đi lặp lại 1 từ, ngữ hoặc cả câu để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh.  -Điệp ngữ có nhiều dạng:  +Điệp ngữ cách quãng  +Điệp ngữ nối tiếp  +Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)  ***9-Chơi chữ:***là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,... làm câu văn hấp dẫn và thú vị.  -Ví dụ:  Hoa nào không phải lẳng lơ  Mà người gọi bướm ỡm ờ lắm thay.  (là hoa gì ?)  Có con mà chẳng có cha  Có lưỡi, không miệng, đố là vật chi ? |

**4. Củng cố**:

Giáo viên khái quát nội dung ôn tập

**5. Hướng dẫn học ở nhà**:

Ôn tập lại kiến thức đã ôn tập

Chuẩn bị chương trình địa phương phần tiếng Việt

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 12/12/2015 Ngày dạy: 16/12/2015

**Tiết 71**. **CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (PHẦN TIẾNG VIỆT)**

*(Những câu hát trong cuộc sống )*

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

*1. Kiến thức:* ôn tập kiến thức Tiếng Việt đã học

Nắm bản chất của các từ ngữ địa phương Nghệ An cùng nghĩa khác âm với từ toàn dân.

- Tích hợp với phần văn học ở các văn bản ca dao “ Ai về...” và phần TLV ở văn biểu cảm địa phương Nghệ An.

*2. Kĩ năng:* Rèn kĩ năng sử dụng từ ngữ địa phương trong văn bản phù hợp với ngữ cảnh.

*3. Thái độ:* Yêu thích văn học địa phương

**B-CHUẨN BỊ:**

- Gv:Tài liệu Ngữ Văn địa phương Nghệ An;bảng phụ, phiếu học tập.

- HS:ôn lại đặc điểm từ ngữ địa phương ( lớp 6); sưu tầm ca dao có từ ngư địa phương Nghệ An.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-Ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra****:Đọc thuộc bài ca dao mà em biết trong đó có sử dụng từ địa phương?*

***3-Bài mới :***Xứ nghệ tự hào là mảnh đất “địa linh nhân kiệt”,nơi sinh ra nhiều bậc hiền tài,cũng là mảnh đất giàu truyền thống văn hóa,truyền thống cách mạng. Con người chịu thương, chịu khó trong lao động,dũng cảm kiên cường trong chiến đấu .Họ sống mộc mạc, chân thành hồn hậu.Điều đó được phản ánh rất nhiều trong những câu hát ví, hát dặm ,ca dao...

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - GV treo bảng phụ ghi 3 bài thơ( 2,3,4 Trang 14 – Ngữ văn địa phương).Gọi HS đọc.  - GV phát phiếu học tập cho cả 4 nhóm ; cả 4 nhóm thảo luận các câu hỏi sau:  1. Tìm từ ngữ địa phương trong các bài ca dao trên? Cái hay của các từ ngữ đó trong ngữ cảnh từng bài ca dao?  2. Có thể thay các từ ngữ địa phương đó bằng từ ngữ toàn dân tương ứng không?Nếu thay thì có tác dụng gì?  - Các nhóm thảo luận 5 phút.  - Gv gọi đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung  ?Qua phân tích các bài ca dao trên em có rút ra nhận xét gì về việc sử dụng từ ngữ địa phương Nghệ An trong ca dao?  Bài tập 1. Viết đoạn văn ngắn cảm nhận cái hay của việc sử dụng từ ngữ địa phương trong bài ca dao số 3:  Ai ơi đường rậm xa xa  Chờ em đi với hai đi cùng.  Lối vô trong rú trong rừng  Em đi một chắc hãi hùng lắm thay.  Khi mô bứt củi cho đầy ,  Thương em anh giúpmột tay cùng về.  Củi em xấu bó bạn chê,  Anh bỏ mà về răng được ơ anh !  Bài tập 2. Sưu tầm một số bài ca dao có từ ngữ địa phương Nghệ An. | ***Chương trình địa phương***  *I.Bài tập:*  1.Tìm từ địa phương:  - Bài 1: vô,bứt , khái  - Bài 2.vô, rú, một chắc, bứt, răng  - Bài 3. vô  Cái hay của việc sử dụng từ ngữ địa phương Ngệ An ở 3 bài ca dao trên là: Làm nổi bật ngôn ngữ của người xứ Nghệ, tăng giá ttrị biểu cảm; nhấn mạnh các hoạt động “ Vô’,”bứt”..., làm nổi bật đặc điểm con người xứ Nghệ: thật thà, chất phác, đằm thắm.  2.Thay từ ngữ địa phương bằng từ ngữ toàn dân:  - vô - > vào  - Bứt -> hái  - Khái -> Hổ  - Rú -> rừng  - Một chắc -> một mình  -> Trong các ngữ cảnh đều có thể thay từ địa phương Nghệ An bằng từ toàn dân làm cho cách diễn đạt nhẹ nhàng nhưng đánh mất đặc trưng của phương ngữ nghệ thuật và bản chất của con người xứ Nghệ: Đằm thắm chân thành, dứt khoát.  *II. Bài học:*  - Tiếng Nghệ An có những đặc điểm riêng về ngữ âm và từ vững  - Khi giao tiếp nếu biết cách sử dụng từ ngữ địa phương thì tăng giá trị biẻu đạt của tiếng Nghệ: -> Trong viết văn  -> Làm thơ  *III. Luyện tập:*  1. Yêu cầu:  -Hình thức :  + Đoạn văn ngắn, phương thức biểu cảm  + Có bố cục rõ ràng  - Nội dung:  ý 1: Bài ca dao là lời của người con gái đang làm công việc hái củi  ý2: Bài ca dao thể hiện tâm sự của cô: Muốn được chia sẽ nỗi vất vả,cô đơn :“Em đi một chắc hãi hùng lắm thay”  2. Sưu tầm ca dao có từ địa phương Nghệ An  Có yêu thì yêu cho chắc  Chi bằng trục trặc trục trặc cho luôn  Đừng như con thỏ đứng đầu truông  Khi vui dỡn bóng khi buồn bỏ đi” |

***4. Củng cố***: Em hãy đọc lại các bài ca dao sưu tầm

***5. Hướng dẫn học bài ở nhà****:*

- Sưu tầm ca dao địa phương

- Tập làm thơ sử dụng từ địa phương

- Chuẩn bị ôn tập kiểm tra học kì

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 19**

Ngày soạn: 19/12/2015 Ngày dạy: 22/12/2015

**Tiết 68,69**

**KIỂM TRA HỌC KỲ I**

**A. MỤC TIÊU BÀI DẠY** :

-Củng cố lại các kiến thức về văn bản,TLV,TV đã học.

Rền luyện kỹ năng làm bài trắc nghiệm và tự luận .

**B. CHUẨN BỊ** .

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**1 . Ổn định tổ chức** :

**2. Kiểm tra :** Sự chuẩn bị của học sinh

**3. Tiến tình kiểm tra** . Giáo viên theo dõi quá trình làm bài của học sinh

**Phần I. Ma trận:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CHỦ ĐỀ | CÁC CẤP ĐỘ TƯ DUY | | | | | | ĐIỂM |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| Văn học | 2  0,5 |  | 3 0,75 |  |  |  | 5 1,25 |
| Tiếng Việt | 2  0,5 |  | 2 0,5 | 1 1 | 1 0,25 |  | 6 2,25 |
| Tập làm văn | 1 0,25 |  | 1 0,25 |  |  | 1 6 | 3 6,5 |
| Tổng | 5 1,25 | | 7 2,5 | | 2 6,25 | | 14 10 |

**Phần II. Đề KT:**

**A. Trắc nghiệm khách quan: (3đ)**

1**. Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước nhận định đúng trong các câu sau:**

**Câu 1**: Et-môn-đô-đơ A-mi-xi là nhà văn của nước:

A. Nga; B. Ý; C. Pháp; D. Anh

**Câu 2**: Nhân vật chính trong truyện “Cuộc chia tay của những con búp bê” là:

A. Người mẹ; B. Cô giáo: C. Hai anh em; D. Những con búp bê.

**Câu 3**:Trong những từ sau, từ nào là từ láy toàn bộ ?

A. mạnh mẽ; B. ấm áp; C. mong manh; D. thăm thẳm.

**Câu 4**: Dòng nào sau đây không phù hợp khi so sánh với yếu tố mạch lạc trong văn bản ?

A. Mạch máu trong một cơ thể sống.

B. Mạch giao thông trên đường phố.

C. Trang giấy trong một quyển vở.

D. Dòng nhựa sống trong một thân bcây.

**Câu 5:** Vẻ đẹp của cô gái trong bài ca dao “Đứng bên ni đồng...” là vẻ đẹp:

A. Rực rỡ và quyến rũ.

B. Trong sáng và hồn nhiên.

C. Trẻ trung và đầy sức sống.

D. Mạnh mẽ và đầy bản lĩnh.

**Câu 6**: Bài thơ “Sông núi nước Nam” của Lý Thường Kiệt thường được gọi là :

A. Hồi kèn xung trận.

B. Khúc ca khải hoàn.

C. áng thiên cổ hùng văn.

D. Bản thuyên ngôn độc lập đầu tiên.

**Câu 7:** Thành ngữ là:

A. Một cụm từ có vần, có điệu.

B. Một cụ từ có cấu tạo cố định và biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.

C. Một tổ hợp từ có danh từ hoặc động từ hoặc tính từ làm trung tâm.

D. Một kết cấu chủ – vị và biều thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.

**Câu 8:** Văn bản biểu cảm là:

A. Văn bản kể lại một câu chuyện cảm động.

B. Văn bản bàn luận về một hiện tượng trong cuộc sống

C. Văn bản được viết bằng thơ.

D. Bộc lộ tình cảm, cảm xúc của con người trước những sự vật, nhiện tượng trong đời sống.

**Câu 9**: Nét nghĩa : nhỏ, xinh xắn, đáng yêu phù hợp với từ :

**A**. Nhỏ nhẻ. B. Nho nhỏ. C. Nhỏ nhắn. D. Nhỏ nhặt.

**2. Điền cụm từ thích hợp trong các cụm từ sau vào chỗ có dấu (...) để được câu thơ miêu tả trăng:a. mảnh gương thu;b. sáng như gương;c. nhòm khe cửa;**

**d. trăng ngân;e. trăng sáng.**

A. Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ.

Trăng.................... ngắm nhà thơ.

B. Trung thu trăng..................

Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng.

**3. Cách dùng điệp ngữ trong câu sau có ý nghĩa gì ? ( Điền chữ Đ Vào sau nhận xét đúng, chữ S vào sau nhận xét sai).**

Một đèo... một đèo...lại một đèo,

Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo.

( Hồ Xuân Hương)

1. Nhấn mạnh sự trơ trọi của con đèo.
2. Nhấn mạnh sự trùng điệp của những con đèo nối tiếp nhau.
   1. Nối từ Hán Việt ở cột A với lời giải nghĩa phù hợp ở cột B:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A |  | B |
| 1. thảo mộc 2. tiều phu 3. hào nhoáng 4. tiềm tàng 5. thủy mộc |  | * 1. dấu kín, chứa đựng bên trong, không lộ ra.   2. Có vẻ đẹp phô trương bề ngoài.   3. Người đốn củi.   4. Các loài thực vật nói chung. |

**Phần III. Tự luận: (7đ)**

**1 Câu 1: (1đ)** Viết một hoặc hai câu văn miêu tả cánh đồng lúa, trong câu ấy có dùng phép tu từ so sánh.

**Câu 2: (6đ)** Pháp biểu cảm nghĩ của em bvề bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh.

**3. Hướng dẫn chấm:**

***A. TNKQ: (3đ)*** Mỗi câu trả lời đúng cho 0,25 đ.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1.1 | 1.2 | 1.3 | 1.4 | 1.5 | 1.6 | 1.7 | 1.8 | 1.9 | 2 | 3 | 4 |
| **Đ.A** | B | C | D | B | C | D | B | D | C | A-c; B-b. | A-Sai BĐúng | a-4, b -3, c-2, d-1 |

**B.Tự luận**: (7Đ)

**Câu 1**: (1đ) HS viết một hoặc hai câu văn đúng ngữ pháp, đúng ý nghĩa, có sử dụng được phép tu từ so sánh để miêu tả cánh đồng lúa.

**Câu 2**: (6đ) HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau, miễn là có các ý cơ sau:

+ Về nội dung: (5đ)

* Cảm nhận được tín hiệu là tiếng gà trưa như một tín hiệu gọi về kỷ niệm tuổi thơ. (1.đ)
* Cảm nhận được những tình cảm tha thiết của người cháu – chiến sỹ về những kỷ niệm tuổi thơ gắn với hình ảnh tiếng gà. Đặc biệt là kỷ niệm về người bà và tình bà cháu thiêng liêng, cao cả. (2đ)
* Cảm nhận được tinh thần, ý chí, nghị lực của người chiến sỹ khi có được sức mạnh từ kỷ niệm tuổi thơ ( 1đ)
* Bộc lộ được tình cảm, suy nghĩ, thái độ của bản thân với những tình cảm của người cháu – chiến sỹ.

+ Về hình thức: (1đ)

Trình bày có bố cục rõ ràng, trình bày mạch lạc. Có thể trình bày theo bố cục ba phần. Không mắc quá nhiều lỗi chính tả.

**4. Củng cố, hướng dẫn:**GV thu bài nhận xét giờ kiểm tra

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 19/12/2015 Ngày dạy: 23/12/2015

**Tiết 72**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**A. MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Giáo viên đánh giá được sự tiến bộ của học sinh qua quá trình học tập.

-Củng cố kiến thức cho học sinh ,kỹ năng liên kết văn bản .

**B. CHUẨN BỊ :**

**-**Bài của học sinh .

- GV hệ thống điểm , lỗi của học sinh khi làm bài, tổng hợp số bài điểm cao, bài điểm thấp

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, So sánh.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**1 Ổn định tổ chức** :

**2 Kiểm tra:**

**3 .Bài mới:** Giáo viên tóm tắt đề bài

*Đề Kiểm tra:*

\* Trắc nghiệm: Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước nhận định đúng trong các câu sau:

**Câu 1**: Et-môn-đô-đơ A-mi-xi là nhà văn của nước:

A. Nga; B. Ý; C. Pháp; D. Anh

**Câu 2**: Nhân vật chính trong truyện “Cuộc chia tay của những con búp bê” là:

A. Người mẹ; B. Cô giáo: C. Hai anh em; D. Những con búp bê.

**Câu 3**:Trong những từ sau, từ nào là từ láy toàn bộ ?

A. mạnh mẽ; B. ấm áp; C. mong manh; D. thăm thẳm.

**Câu 4**: Dòng nào sau đây không phù hợp khi so sánh với yếu tố mạch lạc trong văn bản

A. Mạch máu trong một cơ thể sống.

B. Mạch giao thông trên đường phố.

C. Trang giấy trong một quyển vở.

D. Dòng nhựa sống trong một thân bcây.

**Câu 5:** Vẻ đẹp của cô gái trong bài ca dao “Đứng bên ni đồng...” là vẻ đẹp:

A. Rực rỡ và quyến rũ. B. Trong sáng và hồn nhiên.

C. Trẻ trung và đầy sức sống. D. Mạnh mẽ và đầy bản lĩnh.

**Câu 6**: Bài thơ “Sông núi nước Nam” của Lý Thường Kiệt thường được gọi là :

A. Hồi kèn xung trận. B. Khúc ca khải hoàn.

C. Áng thiên cổ hùng văn. D. Bản thuyên ngôn độc lập đầu tiên.

**Câu 7:** Thành ngữ là:

A. Một cụm từ có vần, có điệu.

B. Một cụ từ có cấu tạo cố định và biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.

C. Một tổ hợp từ có danh từ hoặc động từ hoặc tính từ làm trung tâm.

D. Một kết cấu chủ – vị và biều thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.

**Câu 8:** Văn bản biểu cảm là:

A. Văn bản kể lại một câu chuyện cảm động.

B. Văn bản bàn luận về một hiện tượng trong cuộc sống

C. Văn bản được viết bằng thơ.

D. Bộc lộ tình cảm, cảm xúc của con người trước những sự vật, nhiện tượng trong đời sống.

**Câu 9**: Nét nghĩa : nhỏ, xinh xắn, đáng yêu phù hợp với từ :

**A**. Nhỏ nhẻ. B. Nho nhỏ. C. Nhỏ nhắn. D. Nhỏ nhặt.

2. Điền cụm từ thích hợp trong các cụm từ sau vào chỗ có dấu (...) để được câu thơ miêu tả trăng:a. mảnh gương thu;b. sáng như gương;c. nhòm khe cửa;

d. trăng ngân;e. trăng sáng.

A. Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ.

Trăng.................... ngắm nhà thơ.

B. Trung thu trăng..................

Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng.

3. Cách dùng điệp ngữ trong câu sau có ý nghĩa gì ? ( Điền chữ Đ Vào sau nhận xét đúng, chữ S vào sau nhận xét sai).

Một đèo... một đèo...lại một đèo,

Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo.

A.Nhấn mạnh sự trơ trọi của con đèo.

B.Nhấn mạnh sự trùng điệp của những con đèo nối tiếp nhau.

5.Nối từ Hán Việt ở cột A với lời giải nghĩa phù hợp ở cột B:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A | B | |
| 1. thảo mộc 2. tiều phu 3. hào nhoáng 4. tiềm tàng 5. thủy mộc | a.dấu kín, chứa đựng bên trong, không lộ ra.  b.Có vẻ đẹp phô trương bề ngoài.  c.Người đốn củi.  d.Các loài thực vật nói chung. |  |

**\*Tự luận:**

**1 Câu 1: (1đ)** Viết một hoặc hai câu văn miêu tả cánh đồng lúa, trong câu ấy có dùng phép tu từ so sánh.

**Câu 2: (6đ)** Pháp biểu cảm nghĩ của em bvề bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Gv chỉ ra những điểm yếu của hs để các em sửa chữa và rút kinh nghiệm cho bài viết số 3.  -Gv công bố kết quả cho hs.  -Hs đọc bài khá và bài yếu-kém.  -Gv trả bài cho hs tự xem và trao đổi cho nhau để nhận xét.  -Hs chữa bài của mình vào bên lề hoặc phía dưới bài làm.  -Gv chữa cho hs 1 số lỗi về cách dùng từ và lỗi về c.tả.  -Gv chép câu văn lên bảng.  -Hs đọc câu văn và chỉ ra chỗ mắc lỗi, rồi nêu cách sửa chữa. | **I-Nhận xét chung:**  ***1-Ưu điểm:***  Phần trắc nghiệm: Hầu hết các em làm đúng theo yêu cầu, nắm được kiến thức cơ bản của dạng bài trắc nghiệm  -Về bài tập làm văn: Nhìn chung các em đã nắm được cách viết 1 bài văn biểu cảm, đã xác định được đúng kiểu bài, đúng đối tượng; trong bài viết đã biết kết hợp kể và tả để biểu cảm; bố cục rõ ràng và giữa các phần đã có sự liên kết với nhau.  -Về hình thức: Trình bày tương đối rõ ràng, sạch sẽ, câu văn lưu loát, không mắc lỗi về ngữ pháp, chính tả, về cách dùng từ.  Những bài điểm tốt  7A: Nam, Tiến, Nghĩa, Hường, Khánh, Thắng, Thảo,  7B: N Trang, Nhật, Thắng, Hiền, Quỳnh, Hằng, Tú  ***2-Nhược điểm:***  Phần trắc nghiệm một số em còn sai không xác định đúng yêu cầu, sai nhiều như 7A: Hoài, Việt, Hoa  7B: Luyện, Cảnh, Ban, Đ.Anh, My, SAn  -Bài Tập làm văn: Còn 1 số em chưa đọc kĩ đề bài nên còn nhầm lẫn giữa biểu cảm với miêu tả, với tự sự: Bài viết còn nặng về phân tích diễn giải lại bài thơ mà chưa chú trọng tới yếu tố biểu cảm qua 1 vài đặc điểm nổi bật về nghệ thuật của bài thơ. Bài viết còn lan man chưa có sự chọn lọc các chi tiết tiêu biểu để bộc lộ cảm xúc.  7 A: Việt, Hoài, Đạt, Quân, H Anh  7B: Cảnh, Ban, Huy, My  -Về hình thức: Một số bài trình bày còn bẩn, chữ viết xấu, cẩu thả, còn mắc n lỗi c.tả; diễn đạt chưa lưu loát, câu văn còn sai ngữ pháp, dùng từ chưa chính xác.  7B: Cảnh, Luyện, Việt, San, Ban, Chức  **II\_Trả bài và chữa lỗi:**  ***1-Chữa lỗi về dùng từ:***  ***2-Chữa lỗi về chính tả:***  **II. Đọc bài văn điểm cao và bài bị điểm kém**  HS chú ý GV đọc hai bài điểm cao nhất và điểm thấp nhất, chỉ ra ưu nhược điểm để hs học tập |

***4. Củng cố:***

- Nhấn mạnh yêu cầu chung của bài.

- Lưu ý một số lỗi hay mắc.

***5. Hướng dẫn về nhà:***

Chuẩn bị bài cho học kì II. Soạn bài Tục ngữ về con người và xã hội

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 20**

Ngày soạn: 27/12/2015 Ngày dạy: 31/12/2015

**Tiết 73**

**TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Học sinh hiểu thế nào là tục ngữ.

-Hiểu nội dung, ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật (kết cấu, nhịp điệu, cách lập luận) của những câu tục ngữ trong bài.

-Những điều cần lưu ý: Phân biệt tục ngữ với thành ngữ: Thành ngữ là những cụm từ cố định còn tục ngữ thường là câu hoàn chỉnh; tục ngữ với ca dao:.Tục ngữ là câu nói diễn đạt Khái Niệm còn ca dao là lời thơ biểu hiện tâm tư tình cảm của con người.

**B. CHUẨN BỊ**

Giáo viên: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án

HS đọc bài, soạn bài trước khi đến lớp

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra:***

***3-Bài mới:***

Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam, tục ngữ chiếm một vị trí quan trọng và có số lượng khá lớn. Nó được ví là kho báu kinh nghiệm và trí tuệ dân gian. Tục ngữ Việt Nam có rất nhiều chủ đề. Trong đó nổi bật là những câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất. Bài hôm nay chúng ta sẽ học về chủ đề này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Tục ngữ là gì ?-Học sinh đọc chú thích\* sgk.  -H.d đọc: giọng điệu chậm rãi, rõ ràng, chú ý các vần lưng, ngắt nhịp ở vế đối trong câu hoặc phép đối giữa 2 câu.  -Giải thích từ khó.  -Ta có thể chia 8 câu tục ngữ trong bài thành mấy nhóm?Mỗi nhóm gồm những câu nào?Gọi tên từng nhóm đó ? -Hs đọc 4 câu tục ngữ đầu. Bốn câu này có điểm chung gì ?  -Câu tục ngữ có mấy vế câu, mỗi vế nói gì, và cả câu nói gì ? (Đêm tháng năm ngắn và ngày tháng mười cũng ngắn).  -Câu tục ngữ có sử dụng các biện pháp nghệ thuật nào, tác dụng của các biện pháp NT đó là gì ?  -ở nước ta, tháng năm thuộc mùa nào, tháng mười thuộc mùa nào và từ đó suy ra câu tục ngữ này có ý nghĩa gì ?  -Bài học được rút ra từ ý nghĩa câu tục ngữ này là gì ?  -Bài học đó được áp dụng như thế nào trong thực tế ?  -H.s đọc câu 2.  -Câu tục ngữ có mấy vế, nghĩa của mỗi vế là gì và nghĩa của cả câu là gì ? (Đêm có nhiều sao thì ngày hôm sau sẽ nắng, đêm không có sao thì ngày hôm sau sẽ mưa).  -Em có nhận xét gì về caọ tạo của 2 vế câu ? Tác dụng của cách c.tạo đó là gì?  -Kinh nghiệm được đúc kết từ hiện tượng này là gì ?  -Trong thực tế đời sống kinh nghiệm này được áp dụng như thế nào ?  -Hs đọc câu 3.  -Câu 3 có mấy vế, em hãy giải nghĩa từng vế và nghĩa cả câu ? (Khi chân trời x.hiện sắc vàng màu mỡ gà thì phải chống đỡ nhà cửa cẩn thận).  -Kinh nghiệm được đúc kết từ hiện tượng “ráng mỡ gà” là gì ?  -Dân gian không chỉ trông ráng đoán bão, mà còn xem chuồn chuồn để báo bão. Câu tục ngữ nào đúc kết kinh nghiệm này ?  -Hiện nay khoa học đã cho phép con người dự báo bão khá chính xác. Vậy khái niệm “trông ráng đoán bão” của dân gian còn có tác dụng không ?  -H.s đọc câu 4.  -Câu tục ngữ có ý nghĩa gì ? (Kiến bò ra nhiều vào tháng 7, thì tháng 8 sẽ còn lụt)  -Khái niệm nào được rút ra từ hiện tượng này ?  -Dân gian đã trông kiến đoán lụt, điều này cho thấy đặc điểm nào của khái niệm dân gian ?  -Bài học thực tiễn từ khái niệm dân gian này là gì ?  -Hs đọc câu 5->câu 8.  Bốn câu tục ngữ này có điểm chung là gì ?  -Câu 5 có mấy vế, giải nghĩa từng vế và giải nghĩa cả câu ? (Một mảnh đất nhỏ bằng một lượng vàng lớn).  -Em có nhận xét gì về hình thức cấu tạo của câu tục ngữ này ? Tác dụng của cách cấu tạo đó là gì ?  -Kinh nghiệm nào được đúc kết từ câu tục ngữ này ?  -Hs đọc câu 6.  -ở đâu thứ tự nhất, nhị, tam, xác định tầm quan trọng hay lợi ích của việc nuôi cá, làm vườn, trồng lúa ? (chỉ thứ tự lợi ích của các nghề đó).  -Khái niệm sản xuất được rút ra từ đây là kinh nghiệm gì?  -Bài học từ kinh nghiệm đó là gì ?  -Trong thực tế, bài học này được áp dụng như thế nào ?  -Hs đọc câu 7.  -Nghĩa của câu tục ngữ là gì ? (Thứ nhất là nước, thứ 2 là phân, thứ 3 là chuyên cần, thứ tư là giống).  -Câu tục ngữ nói đến những vấn đề gì ?  -Câu tục ngữ có sử dụng biện pháp nghệ thuật gì, tác dụng củabiện pháp nghệ thuật của đó ?  -Khái niệm trồng trọt được đúc kết từ câu tục ngữ này là gì ?  -Bài học từ kinh nghiệm này là gì ?  -Hs đọc câu 8.  -ý nghĩa của câu tục ngữ này là gì ? (Thứ nhất là thời vụ, thứ 2 là đất canh tác).  -Hình thức diễn đạt của câu tục ngữ này có gì đặc biệt, tác dụng của hình thức đó ?  -Câu tục ngữ cho ta kinh nghiệm gì ?  -Khái niệm này đi vào thực tế nông nghiệp ở nc ta như thế nào ?  -H.s đọc ghi nhớ.  -Sưu tầm những câu tục ngữ nói về thiên nhiên và lao động sản xuất. | **I-Đọc, tìm hiểu chung:**  *1. Tục ngữ là gì:*Tục ngữ: sgk .  *2.Giải thích từ khó*  *3. Bố cục*  Hai nhóm :  +Nói về thiên nhiên: Từ câu 1-4.  +Nói về Lao động SX :Từ câu 5-8  **II-Đọc- Hiểu văn bản:**  ***1-Tục ngữ về thiên nhiên: câu 1->4***  ***a-Câu 1:***  Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng, Ngày tháng mười chưa cười đã tối.  ->Cách nói thậm xưng - Nhấn mạnh đặc điểm của đêm tháng năm và ngày tháng mười; gây ấn tượng độc đáo khó quên.  Sử dụng phép đối xứng giữa 2 vế câu - Làm nổi bật tính chất trái ngược của mùa đông và mùa hè; làm cho câu tục ngữ cân đối, nhịp nhàng, dễ thuộc, dễ nhớ.  =>Mùa hè đêm ngắn, ngày dài; mùa đông đêm dài, ngày ngắn.  -Sử dụng thời gian trong cuộc sống sao cho hợp lí  -Lịch làm việc mùa hè khác mùa đông.  ***b-Câu 2:***  Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa.  ->Hai vế đối xứng -Nhấn mạnh sự khác biệt về sao sẽ dẫn đến sự khác biệt về mưa, nắng và làm cho câu tục ngữ cân đối nhịp nhàng, dễ thuộc, dễ nhớ.  =>Trông sao đoán thời tiết mưa, nắng.  -Biết thời tiết để chủ động bố trí công việc ngày hôm sau.  ***c-Câu 3:***  Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ.  =>Trông ráng đoán bão.  -Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì bão.  -ở vùng sâu, vùng xa, ph.tiện thông tin hạn chế thì KN đoán bão của dân gian vẫn còn có tác dụng.  ***d-Câu 4:***  Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt.  =>Trông kiến đoán lụt.  (Quan sát tỉ mỉ những biểu hiện nhỏ nhất trong tự nhiên, từ đó rút ra được những nhận xét to lớn, chính xác).  -Phải đề phòng lũ lụt sau tháng 7 âm lịch.  ***2-Tục ngữ về lao đọng sản xuất:***  ***a-Câu 5:***  Tấc đất, tấc vàng.  ->Sử dụng câu rút gọn, 2 vế đối xứng - Thông tin nhanh, gọn; nêu bật được giá trị của đất, làm cho câu tục ngữ cân đối, nhịp nhàng, dễ thuộc, dễ nhớ.  =>Đất quý như vàng.  ***b-Câu 6:***  Nhất canh trì, nhị canh viên, tam canh điền.  - (Nuôi cá có lãi nhất, rồi mới đến làm vườn và trồng lúa).  =>Muốn làm giàu thì phải phá triển thuỷ sản.  -Nghề nuôi tôm, cá ở nước ta ngày càng được đầu tư p.triển, thu lợi nhuộn lớn.  ***c-Câu 7:***  Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.  -Nói đến các yếu tố của nghề trồng lúa).  ->Sử dụng phép liệt kê - Vừa nêu rõ thứ tự, vừa nhấn mạnh vai trò của từng yếu tố trong nghề trồng lúa.  =>Nghề trồng lúa cần phải đủ 4 yếu tố: Nước, phân, cần, giống trong đó quan trọng hàng đầu là nước.  (Nghề làm ruộng phải đảm bảo đủ 4 yếu tố trên có như vậy thì lúa mới tốt).  ***d-Câu 8:***  Nhất thì, nhì thục.  ->Sử dụng câu rút gọn và phép đối xứng - Nhấn mạnh 2 yếu tố thì, thục, vừa thông tin nhanh, gọn lại vừa dễ thuộc, dễ nhớ.  =>Trong trồng trọt cần đảm bảo 2 yếu tố thời vụ và đất đai, trong đó yếu tố thời vụ là quan trọng hàng đầu.  -Lịch gieo cấy đúng thời vụ, cải tạo đất sau mỗi thời vụ.  **\*Ghi nhớ: sgk.**  **\*Luyện tập:** |

***4-Củng cố:*** HS đọc lại ghi nhớ

***5-Hướng dẫn học bài:***

-Học thuộc lòng văn bản, nắm được ND, NT của từng câu, học thuộc ghi nhớ.

-Soạn bài: Tục ngữ về con người và xã hội.

**Rút kinh nghiệm**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Ngày soạn: 27/12/2015 Ngày dạy: 2/1/2015

**Tiết 74:** **CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHẦN TIẾNG VIỆT**

**A.MỤC TIÊU BÀI DẠY**

Giúp học sinh

-Một lần nữa hiểu được đặc trưng nội dung và nghệ thuật của chùm ca dao Nghệ An: “Ai về...”

-Nắm được bản chất của các từ ngữ Nghệ An cùng nghĩa khác âm với từ toàn dân.

-Rèn luyện kỹ năng dùng từ địa phương đúng lúc, đúng chỗ trong khi nói và viết để tăng giá trị biểu cảm.

**B CHUẨN BỊ**

Giáo viên: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án

HS đọc bài, soạn bài trước khi đến lớp

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-Ổn định tổ chức :***

***2- Kiểm tra***

Đọc một trong bốn bài ca dao nói về cuộc sống nông nghiệp ?(học ở bài 71 )

***3- Bài mới: Giáo viên giới thiệu từ bài cũ .***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy –trò  Gv treo bảng phụ.  Gọi H.s đọc một lần  Tìm từ ngữ địa phương có trong các bài ca dao trên ?Tìm từ toàn dân thay thế nó ?  Chúng ta có thể thay thế những từ toàn dân đó vào bài ca dao được hay không ? Vì sao ?  Hãy tìm một số bài ca dao Nghệ An có những từ ngữ đó ? | **Nội dung kiến thức**  I:Tìm hiểu từ ngữ địa phương trong các bài ca dao trên:  -Vô=vào ;vô = vào.  -Bứt =hái ; khái = hổ.  -Rú =rừng; Một chắc =một mình  -Khi mô =khi nào,lúc nào  -Bứt =hái ;Răng =sao  \_Không thể thay thế được, vì nếu thay thế sẽ làm mất đi giá trị thẩm mỹ ,giá trị biểu cảm của bài ca mang đậm tính chất địa phương xứ Nghệ,mang đậm đời sống tâm hồn con người lao động xứ Nghệ :Hồn hậu, mộc mạc,cần cù ,chịu thương ,chịu khó trong lao động và trong chiến đấu .  -Ví dụ :  - “ Đất chi đất lạ đất lùng  Đứng cùng chẳng chịu nằm cùng lai cho”  -“Đứng bên ni đồng ...”  - “Thứ nhất vợ dại trong nhà  Thứ hai tru trậm thứ ba rạ cùn”... |

***4-Củng cố*** HS đọc lại những bài đã sưu tầm

***5- Hướng dẫn:*** Kho tàng ca dao Việt Nam rất phong phú , đa dạng về nhà các em sưu tầm thêm.

**Rút kinh nghiệm**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 27/12/2015 Ngày dạy: 31/1/2015

**Tiết75**

**TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN NGHỊ LUẬN**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Bước đầu làm quen với kiểu văn bản nghị luận.

-Hiểu được nhu cầu nghị luận trong đời sống là rất phổ biến và cần thiết.

-Nắm được đặc điểm chung của văn nghị luận.

-Rèn kĩ năng nhận biết văn nghị luận.

**B- CHUẨN BỊ:**

-Những điều cần lưu ý: Văn Bản nghị luận là 1 trong những kiểu văn bản quan trong trong đời sống xã hôi của con người có vai trò rèn luyện tư duy, năng lực biểu đạt những quan niệm, tư tưởng sâu sắc trước đời sống.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***I-ổn định tổ chức:***

II-Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Trong đời sống em có thường gặp các vấn đề và câu hỏi kiểu như dưới đây không: Vì sao em đi học ? Vì sao con người cần phải có bạn ? Theo em như thế nào là sống đẹp ? Trẻ em hút thuốc lá là tốt hay xấu, lợi hay hại ? (Trong đời sống ta vẫn thường gặp nhữngvấn đề như đã nêu ra).  -Hãy nêu thêm các câu hỏi về những vấn đề tương tự ?  -Gặp các vấn đề và câu hỏi loại đó, em có thể trả lời bằng các kiểu văn bản đã học như kể chuyện, miêu tả, biểu cảm hay không ? Hãy giải thích vì sao ?  -Để trả lời những câu hỏi như thế, hàng ngày trên báo chí, qua đài phát thanh, truyền hình, em thường gặp những kiểu văn bản nào ? Hãy kể tên 1 vài kiểu văn bản mà em biết ?  -Trong đời sống ta thường gặp văn nghị luận dưới những dạng nào ?  -H.s đọc văn bản: Chống nạn thất học.  -Bác Hồ viết bài này để nhằm mục đích gì ?  -Để thực hiện mục đích ấy, bài viết nêu ra những ý kiến nào ? Những ý kiến ấy được diễn đạt thành những luận điểm nào ?  -Để ý kiến có sức thuyết phục, bài viết đã nêu lên những lí lẽ nào ? Hãy liệt kê những lí lẽ ấy ?  -Tác giả có thể thực hiện mục đích của mình bằng văn tự sự, miêu tả, biểu cảm không ? Vì sao ?  -Gv: Những tư tưởng, quan điểm trong bài văn nghị luận phải hướng tới giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống thì mới có ý nghĩa. | ***I-Nhu cầu nghị luận và văn bản nghị luận:***  ***1-Nhu cầu nghị luận:***  Tại sao học phải đi đôi với hành ?  Tại sao nói lao động là quí nhất trong cuộc sống ?Tại sao nói thiên nhiên là bạn tốt của con người ?  (Không- Vì bản thân câu hỏi phải trả lời bằng lí lẽ,phải sử dụng khái niệm mới phù hợp).  -Kiểu văn bản nghị luận như:  -Nêu gương sáng trong học tập và LĐ.  -Những sự kiện xảy ra có liên quan đến đời sống.  -Tình trạng vi phạm luật trong xây dựng, sử dụng đất, nhà.  =>Trong đời sống, ta thường gặp văn nghị luận dưới dạng các ý kiến nêu ra trong cuộc họp, các bài xã luận, bình luận, bài phát biểu ý kiến trên báo chí,...  ***2-Thế nào là văn nghị luận:***  \*Văn bản: Chống nạn thất học.  a-Mục đích: Bác nói với dân về “1 trong những công việc cần phải làm ngay trong lúc này là nâng cao dân trí...”  -Luận điểm:  +Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi và bổn phận của mình.  +Có kiến thức mới có thể tham gia vào công việc xây dựng nước nhà.  b-Lí lẽ:  -Tình trạng thất học, lạc hậu trước CM/8 do đế quốc gây nên.  -Điều kiện trước hết cần phải có là nhân dân phải biết đọc, biết viết mới thanh toán được nạn dốt nát, lạc hậu.  -Việc “chống nạn thất học” có thể thực hiện được vì nhân dân ta rất yêu nước và hiếu học.  c-Không dùng văn tự sự, miêu tả, biểu cảm.  -Vấn đề này không thể thực hiện bằng văn tự sự, miêu tả, biểu cảm. Vì những kiểu văn bản này không thể diễn đạt được mục đích của người viết).  Phải dùng văn nghị luận.  =>Văn nghị luận: là văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe 1 tư tưởng, quan điểm nào đó. Muốn thế văn nghị luận phải có luận điểm rõ ràng, có lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục..  \*Ghi nhớ: sgk . |

***4-Củng cố*** : Hs đọc ghi nhớ.

***5- Hướng dẫn:*** Đọc bài, làm BT ở nhà

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 27/12/2015 Ngày dạy: 1/1/2016

**Tiết 76:**

**TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN NGHỊ LUẬN ( Tiếp)**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Bước đầu làm quen với kiểu văn bản nghị luận.

-Hiểu được nhu cầu nghị luận trong đời sống là rất phổ biến và cần thiết.

-Nắm được đặc điểm chung của văn nghị luận.

-Rèn kĩ năng nhận biết văn nghị luận.

**B- CHUẨN BỊ:**

-Những điều cần lưu ý: Văn Bản nghị luận là 1 trong những kiểu văn bản quan trong trong đời sống xã hôi của con người có vai trò rèn luyện tư duy, năng lực biểu đạt những quan niệm, tư tưởng sâu sắc trước đời sống.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***I-ổn định tổ chức:***

II-Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc bài văn.  -Đây có phải là bài văn nghị luận không ? Vì sao ?  -Tác giả đề xuất ý kiến gì ? Những dòng câu nào thể hiện ý kiến đó ?  -Để thuyết phục người đọc, tác giả nêu ra những lí lẽ và dẫn chứng nào ?  -Em có nhận xét gì về những lí lẽ và dẫn chứng mà tác giả đưa ra ở đây ? (Lĩ lẽ đưa ra rất thuyết phục, dẫn chứng rõ ràng, cụ thể).  -Bài nghị luận này có nhằm giải quyết vấn đề có trong thực tế hay không ?  -Em hãy tìm hiểu bố cục của bài văn trên ?  -H.s đọc văn bản: Hai biển hồ.  -Văn bản em vừa đọc là văn bản tự sự hay nghị luận ? | ***I-Nhu cầu nghị luận và văn bản nghị luận:***  ***1-Nhu cầu nghị luận:***  =>Trong đời sống, ta thường gặp văn nghị luận dưới dạng các ý kiến nêu ra trong cuộc họp, các bài xã luận, bình luận, bài phát biểu ý kiến trên báo chí,...  ***2-Thế nào là văn nghị luận:***  ***II-Luyện tập:***  ***1-Bài văn: Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội.***  a-Đây là bài văn nghị luận.  Vì ngay nhan đề của bài đã có tính chất nghị luận.  b-Tác giả đề xuất ý kiến: Tạo nên thói quen tốt như dậy sớm, luôn đúng hẹn, luôn đọc sách,... bỏ thói quen xấu như hay cáu giận, mất trật tự, vứt rác bừa bãi,...  -Lĩ lẽ: Thói quen xấu dễ nhiễm, tạo thói quen tốt rất khó. Nhưng mỗi người, mỗi gia đình hãy tự xem xét lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội.  -Dẫn chứng: thói quen gạt tàn bừa bãi ra nhà, thói quen vứt rác bừa bãi...  c-Bài nghị luận giải quyết vấn đề rất thực tế, cho nên mọi người rất tán thành.  ***2-Bố cục: 3 phần.***  -MB: Tác giả nêu thói quen tốt và xấu, nói qua vài nét về thói quen tốt.  -TB: Tác giả kể ra thói quen xấu cần loại bỏ.  -KB: Nghị luận về tạo thói quen tốt rất khó, nhiiễm thói quen xấu thì dễ, cần làm gì để tạo nếp sống văn minh.  ***3-Văn bản: Hai biển hồ.***  -Là văn bản tự sự để nghị luận. Hai cái hồ có ý nghĩa tượng trưng, từ đó mà nghĩ đến 2 cách sống của con người. |

***4-Củng cố*** : Hs đọc ghi nhớ.

***5- Hướng dẫn:***

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 21**

Ngày soạn: 3/1/2016 Ngày dạy: 6/1/2016

**Tiết77:** **TỤC NGỮ VỀ CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY**

-Hiểu nội dung ý nghĩa và 1 số hình thức diễn đạt (so sánh, ẩn dụ, nghĩa đen, nghĩa bóng) của n câu tục ngữ trong bài.

-Rèn kĩ năng phân tích nội dung ý nghĩa tục ngữ để rút ra bài học kinh nghiệm vận dụng vào đời sống.

**B-CHUẨN BỊ:**

-Những điều cần lưu ý: Tri thức trong tục ngữ vì dựa theo kinh nghiệm nên không phải lúc nào c đúng; thậm chí có n kinh nghiệm đã lạc hậu.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Đọc thuộc lòng bài tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất và cho biết bài tục ngữ đã cho ta n kinh nghiệm gì ?

***3-Bài mới:***

Tục ngữ là những lời vàng ý ngọc, kết tinh trí tuệ dân gian qua bao đời nay. Ngoài những kinh nghiệm về thiên nhiên và lao động sản xuất, tục ngữ còn là kho báu về kinh nghiệm xã hội. Bài hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về n KN XH mà cha ông ta để lại qua tục ngữ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Thế nào là tục ngữ ?  -Hd đọc:Giọng đọc rõ, chậm, ngắt nghỉ đúng dấu câu, chú ý vần, đối  -Giải thích từ khó.  -Ta có thể chia 9 câu tục ngữ trong bài thành mấy nhóm ?  -Vì sao lại xếp 3 nhóm trên vào 1 văn bản ? (Vì chúng đều là KN và bài học của dân gian về con người và XH).  -Hs đọc câu 1->3. Ba câu em vừa đọc có chung nội dung gì ?  -Câu tục ngữ có sử dụng biện pháp tu từ gì ? Tác dụng của các b.p tu từ đó ?  -Gv: Một mặt người là cách nói hoán dụ dùng bộ phận để chỉ toàn thể. của là của cải v.chất, mười mặt của ý nói đến số của cải rất nhiều.  -Câu tục ngữ có ý nghĩa gì ?  -Câu tục ngữ cho ta kinh nghiệm gì ?  -Câu tục ngữ này có thể ứng dụng trong những trường hợp nào ? (Phê phán n trường hợp coi của hơn người hay an ủi động viên những trường hợp “của đi thay người”).  -Gv: Câu tục ngữ nói về triết lí sống của nhân dân ta là đặt con người lên trên mọi thứ của cải. Ngoài ra nó còn phản ánh 1 hiện thực là người xưa ước mong có nhiều con cháu dể tăng cường sức LĐ.  -Hs đọc câu 2.  -Em hãy giải thích “góc con người” là như thế nào? T.sao “cái răng cái tóc là góc con người” ? (Góc tức là 1 phần của vẻ đẹp. So với toàn bộ con người thì răng và tóc chỉ là n chi tiết rất nhỏ, nhưng chính những chi tiết nhỏ nhất ấy lại làm nên vẻ đẹp con người).  -Câu tục ngữ có ý nghĩa gì ?  -Câu tục ngữ được ứng dụng trong những trường hợp nào ? (khuyên nhủ, nhắc nhở con người phải biết giữ gìn răng, tóc cho sạch đẹp và thể hiện cách nhìn nhận, đánh giá, bình phẩm con ng của nhân dân ta).  -Các từ: Đói-sạch, rách-thơm được dùng với nghĩa như thế nào ? (Đói-rách là cách nói khái quát về cuộc sống khổ cực, thiếu thốn; sạch-thơm là chỉ phẩm giá trong sáng tốt đẹp mà con ng cần phải giữ gìn).  -Câu tục ngữ có nghĩa là gì ? (Nghĩa đen: dù đói vẫn phải ăn uống sạch sẽ, dù rách vẫn phải ăn mặc sạch sẽ, thơm tho. Nghĩa bóng: dù nghèo khổ thiếu thốn vẫn phải sống trong sạch, không vì nghèo khổ mà làm điều xấu xa, tội lỗi).  -Hình thức của câu tục ngữ có gì đặc biệt ? tác dụng của hình thức này là gì ?  -Câu tục ngữ cho ta bài học gì  -Trong dân gian còn có những câu tục ngữ nào đồng nghĩa với câu tục ngữ này ? (Chết trong còn hơn sống đục, Giấy rách phải giữ lấy lề).  -Hs đọc câu 4,5,6. Ba câu này có chung nội dung gì ?  -Em có nhận xét gì về cách dùng từ trong câu 4? Tác dụng của cách dùng từ đó  -Câu tục ngữ có ý nghĩa gì ? (Nói về sự tỉ mỉ công phu trong việc học hành).  -Bài học rút ra từ câu tục ngữ này là gì?  -Hs đọc câu 5.  -Câu tục ngữ có ý nghĩa gì ?  -Nói như vậy để nhằm mục đích gì ?  -Câu tục ngữ có ý nghĩa gì ?  -Mục đích của cách nói đó là gì ?  -Câu 5,6 mâu thuẫn với nhau hay bổ xung cho nhau ? Vì sao ? (Hai câu tục ngữ trên nói về 2 v.đề khác nhau: 1 câu nhấn mạnh vai trò của người thầy, 1 câu nói về tầm quan trọng của việc học bạn. Để cạnh nhau mới đầu tưởng mâu thuẫn nhưng thực ra chúng bổ sung ý nghĩa cho nhau để hoàn chỉnh quan niệm đúng đắn của người xưa: trong h.tập vai trò của thầy và bạn đều hết sức quan trọng  -Hs đọc câu 7,8,9.  -Giải nghĩa từ : Thương người, thương thân ? (Thương người: tình thương dành cho người khác; thương thân: tình thg dành cho bản thân).  -Nghĩa của câu tục ngữ là gì ? (Thương m thế nào thì thg người thế ấy).  -Hai tiếng “thg người” đặt trước “thương thân”, đặt như vậy để nhằm mục đích gì ?  -Câu tục ngữ cho ta bài học gì ?  -Hs đọc câu 8.  -Giải nghĩa từ : quả, cây, kẻ trồng cây ?  (Quả là hoa quả; cây là cây trồng sinh ra hoa quả; kẻ trồng cây là người trồng trọt, chăm sóc cây để cây ra hoa kết trái).  -Nghĩa của câu tục ngữ là gì ? (Nghĩa đen: hoa quả ta dùng đều do công sức người trồng mà có, đó là điều nên ghi nhớ. Nghĩa bóng: ... ).  -Câu tục ngữ được sd trong n h.cảnh nào ? (Thể hiện tình cảm của con cháu đối với ông bà, cha mẹ hoặc tình cảm của học trò đối với thầy cô giáo. Cao hơn nữa là lòng biết ơn của n.dân đối với các anh hùng liệt sĩ đã c.đấu hi sinh dể bảo vệ đất nước).  -Nghĩa của câu 9 là gì ? (1 cây đơn lẻ không làm thành rừng núi; nhiều cây gộp lại thành rừng rậm, núi cao).  -Câu tục ngữ cho ta bài học kinh nghiệm gì ?  -Về hình thức những câu tục ngữ này có gì đặc biệt ? Chín câu tục ngữ trong bài đã cho ta hiểu gì về quan điểm của người xưa ? | **I-Đọc, tìm hiểu chung:**  (3 nhóm: Tục ngữ về p.chất con người (câu1->3), Tục ngữ về h.tập tu dưỡng (câu4->6), Tục ngữ về quan hệ ứng xử (câu 7->9).  **II-Đọc – Hiểu văn bản:**  ***1-Tục ngữ về phẩm chất con người (câu 1->3 ):***  ***a-Câu 1:***  Một mặt người bằng mười mặt của.  ->Nhân hoá - Tạo điểm nhấn sinh động về từ ngữ và nhịp điệu.  So sánh, đối lập – Khẳng định sự quí giá của người so với của.  =>Người quí hơn của.  -Khẳng định tư tưởng coi trong giá trị của con người  ***b-Câu 2:***  Cái răng cái tóc là góc con người.  =>Khuyên mọi người hãy giữ gìn hình thức bên ngoài cho gọn gàng, sạch sẽ, vì hình thức bên ngoài thể hiện phần nào tính cách bên trong.  ***c-Câu 3:***  Đói cho sạch, rách cho thơm.  ->Có vần, có đối – làm cho câu tục ngữ cân đối, dễ thuộc, dễ nhớ.  =>Cần giữ gìn phẩm giá trong sạch, không vì nghèo khổ mà bán rẻ lương tâm, đạo đức.  ***2-Tục ngữ về học tập, tu dưỡng (4-6)***  ***a-Câu 4:***  Học ăn, học nói, học gói, học mở.  ->Điệp từ – Vừa nêu cụ thể n điều cần thiết mà con người phải học, vừa nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học.  =>Phải học hỏi từ cái nhỏ cho đến cái lớn.  ***b-Câu 5:***  Không thầy đố mày làm nên.  ->Không có thầy dạy bảo sẽ không làm được việc gì thành công.  =>Khẳng định vai trò và công ơn của thầy.  ***c-Câu 6:***  Học thầy không tày học bạn.  ->Phải tích cực chủ động học hỏi ở bạn bè.  =>Đề cao vai trò và ý nghĩa của việc học bạn.  ***3-Tục ngữ về quan hệ ứng xử ( 7 ->9):***  ***a-Câu 7:***  Thương người như thể thương thân.  ->Nhấn mạnh đối tượng cần sự đồng cảm, thg yêu.  =>Hãy cư xử với nhau bằng lòng nhân ái và đức vị tha.  ***b-Câu 8:***  Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.  =>Khi được hưởng thụ thành quả nào thì ta phải nhớ đến công ơn của người đã gây dựng nên thành quả đó.  ***c-Câu 9:*** Một cây làm chẳng nên non  Ba cây chụm lại nên hòn núi cao  =>Chia rẽ thì yếu, đoàn kết thì mạnh; 1 người không thể làm nên việc lớn, nhiều người hợp sức lại sẽ giải quyết được những khó khăn trở ngại dù là to lớn.  \*Ghi nhớ: sgk (13 ).  \*Luyện tập: câu 1.  -Đồng nghĩa, gần nghĩa:  +Người sống đống vàng.  +Người là hoa đất.  -Trái nghĩa:  +Hợm của, khinh người.  +Tham vàng phụ ngãi (nghĩa). |

***4-Củng cố***-Tìm những câu tục ngữ đồng nghĩa với câu tục ngữ trên ?

***5-Hướng dẫn học bài:*** -Học thuộc lòng bài tục ngữ, học thuộc ghi nhớ.

-Soạn bài: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 3/1/2016 Ngày dạy: 6/1/2016

**Tiết 78: RÚT GỌN CÂU**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY**

-Hs nắm được cách rút gọn câu, hiểu được tác dụng của câu rút gọn.

-Có kĩ năng dùng câu rút gọn cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**B-CHUẨN BỊ**

-Đồ dùng: Bảng phụ.

-Những điều cần lưu ý: Câu rút gọn có thể làm cho văn bản trở nên cộc lốc, khiếm nhã. Vì vậy, khi thực hiện thao tác này cần phải tính đến tình huống giao tiếp cụ thể để tránh những tác dụng tiêu cực mà câu rút gọn có thể gây ra.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Đặt một câu đơn bình thường và phân tích cấu trúc câu ?

***3-Bài mới:***

Câu thường có những thành phần chính nào ? (2 thành phần chính: CN và VN).

Có n câu chỉ có 1 thành phần chính hoặc không có thành phần chính mà chỉ có thành phần phụ. Đó là câu rút gọn – Bài hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về loại câu này

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc vd (Bảng phụ).  -C.tạo của 2 câu ở vd1 có gì khác nhau?  (Câu b có thêm từ chúng ta).  -Từ chúng ta đóng vai trò gì trong câu?(làm CN)  -Như vậy 2 câu này khác nhau ở chỗ nào ? (Câu a vắng CN, câu b có CN).  -Tìm những từ ngữ có thể làm CN trong câu a ? (Chúng ta, chúng em, người ta, người VN).  -Theo em, vì sao CN trong câu a được lược bỏ ? Lược bỏ CN nhằm làm cho câu gọn hơn, nhưng vẫn có thể hiểu được).  -Hs đọc ví dụ.  -Trong n câu in đậm dưới đây, thành phần nào của câu được lược bỏ ? Vì sao ?  -Thêm n từ ngữ thích hợp vào các câu in đậm để chúng được đầy đủ nghĩa ?  -Tại sao có thể lược như vậy ? (Làm cho câu gọn hơn, nhưng vẫn đảm bảo lượng thông tin truyền đạt).  -Thế nào là câu rút gọn ? (Câu rút gọn: là câu đã được lược bỏ 1 số thành phần của câu, nhưng người đọc, người nghe vẫn hiểu).  -Rút gọn câu để nhằm mục đích gì ? (làm cho câu gọn hơn, thông tin nhanh, tránh lặp từ ).  -Hs đọc ghi nhớ1.  -Hs đọc ví dụ (bảng phụ).  -Những câu in đậm thiếu thành phần nào ? (thiếu CN).  -Có nên rút gọn câu như vậy không ? Vì sao ? (Không nên rút gọn như vậy, vì rút gọn như vậy sẽ làm cho câu khó hiểu ).  -Hs đọc ví dụ.  -Em có nhận xét gì về câu trả lời của người con ? (Câu trả lời của người con chưa được lễ phép)  -Ta cần thêm những từ ngữ nào vào câu rút gọn dưới đây để thể hiện thái độ lễ phép ? (ạ, mẹ ạ).  -Khi rút gọn câu cần chú ý gì ?  -Hs đọc ghi nhớ2.  -Trong các câu tục ngữ sau, câu nào là câu rút gọn ?  -Những thành phần nào của câu được rút gọn ? Rút gọn như vậy để làm gì ?  -Em hãy thêm CN vào 2 câu tục ngữ trên ? (Câu b: chúng ta, câu c: người).  -Hs thảo luận theo 2 dãy, mỗi dãy 1 phần.  -Hãy tìm câu rút gọn trong các ví dụ dưới đây ?  -Khôi phục n thành phần câu rút gọn ?  -Cho biết vì sao trong thơ, ca dao thường có nhiều câu rút gọn như vậy ? | ***I-Thế nào là rút gọn câu:***  \*Ví dụ1:  a-Học ăn, học nói, học gói, học mở.  b-Chúng ta học ăn, học nói, học gói, học mở  \*Ví dụ2:  a, Hai ba người đuổi theo nó. ***Rồi ba bốn người, sáu bảy người.*** ->lược CN.  ->Rồi ba bốn người, sáu bảy người / đuổi theo nó.  b, -Bao giừ cậu đi Hà Nội ?  ***-Ngày mai.*** ->lược cả CN và VN.  ->Ngày mai, tớ / đi Hà Nội.  \*Ghi nhớ: sgk (15 ).  ***II-Cách dùng câu rút gọn:***  \*Ví dụ:  1, Sáng chủ nhật, trong em tổ chức cắm trại. Sân trong thật đông vui. ***Chạy loăng quăng. Nhảy dây. Chơi kéo co.***  ->Thiếu CN – làm cho câu khó hiểu.  2, -Mẹ ơi, hôm nay con được điểm 10.  -Con ngoan quá ! Bài nào được điểm 10 thế ?  ***-Bài kiểm tra toán.***  *\*Ghi nhớ2: sgk (16 ).*  ***II-Luyện tập:***  ***1-Bài 1 (16 ):***  b-Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.  c-Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.  ->Rút gọn CN – Làm cho câu ngắn gọn, thông tin nhanh.  ***2-Bài 2 (16 ):***  a-Tôi bước tới...  Tôi thấy cỏ cây...lom khom...lác đác...  Tôi như con quốc... con gia gia...  Tôi dừng chân...  Tôi cảm thấy chỉ có một mảnh...  ->Những câu trên thiếu CN, câu cuối thiếu cả CN và VN chỉ có thành phần phụ ngữ.  b-Thiếu CN (trừ câu 7 là đủ CV , VN ).  -Người ta đồn rằng... Quan tướng cưỡi ngựa... Người ta ban khen... Người ta ban cho... Quan tướng đánh giặc... Quan tướng xông vào... Quan tướng trở về gọi mẹ...  ->Làm cho câu thơ ngắn gọn, xúc tích, tăng sức biểu cảm. |

***4-Củng cố:*** Thế nào là câu rút gọn, cho VD?

***5-Hướng dẫn học bài:***

-Học thuộc ghi nhớ, làm bài 3,4 (17,18 ).

-Đọc bài: Câu đặc biệt.

**Rút kinh nghiệm**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn: 3/1/2016 Ngày dạy: 6/1/2016

**Tiết 79: ĐẶC ĐIỂM CỦA BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY**

-Giúp hs nhận biết rõ các yếu tố cơ bản của bài văn nghị luận và mối quan hệ của chúng với nhau.

-Rèn kĩ năng nhận biết luận điểm, luận cứ và lập luận trong văn bản nghị luận.

**B-Chuẩn bị:**

-Đồ dùng: Bảng phụ.

-Những điều cần lưu ý: ở bài này hs phải tìm hiểu các yếu tố nội dung của văn bản ghị luận, do đó cần cho hs hiểu luận điểm, luận cứ và lập luận.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1*-*ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Thế nào là văn nghị luận ?

***3-Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc văn bản: Chống nạn thất học.  -Theo em ý chính của bài viết là gì ?  -ý chính đó được thể hiện dưới dạng nào ?  -Các câu văn nào đã cụ thể hoá ý chính?  -ý chính đó đóng vai trò gì trong bài văn nghị luận ?  -Muốn có sức thuyết phục thì ý chính phải đạt được yêu cầu gì ?  -Gv: Trong văn nghị luận người ta gọi ý chính là luận điểm.  -Vậy em hiểu thế nào là luận điểm ?  -Người viết triển khai luận điểm bằng cách nào ?  -Em hãy chỉ ra các luận cứ trong văn bản Chống nạn thất học ?  -Lí lẽ và dẫn chứng có vai trò như thế nào trong bài văn nghị luận ? (Luận điểm thường mang tính khái quát cao, VD: Chống nạn thất học, Tiếng Việt giàu và đẹp, Non sông gấm vóc. Vì thế:  -Gv: Có thể tạm s2 luận điểm như xương sống, luận cứ như xương sườn, xương các chi, còn lập luận như da thịt, mạch máu của bài văn nghị luận.  -Muốn có sức thuyết phục thì lí lẽ và dẫn chứng cần phải đảm bảo những yêu cầu gì ?  -Luận điểm và luận cứ thường được diễn đạt dưới những hình thức nào và có tính chất gì ?  -Em hãy chỉ ra trình tự lập luận của văn bản Chống nạn thất học ?  -Gv:Tóm lại: trước hết tác giả nêu lí do vì sao phải chống nạn thất học và chống nạn thất học để làm gì. Có lí lẽ rồi mới nêu tư tưởng chống nạn thất học. Nhưng chỉ nêu tư tưởng thì chưa trọn vẹn. Người ta sẽ hỏi: Vậy chống nạn thất học bằng cách nào ? Phần tiếp theo của bài viết sẽ giải quyết việc đó. Cách sắp xếp như trên chính là lập luận. Lập luận như vậy là chặt chẽ.  -Vậy em hiểu lập luận là gì ?  -Hs đọc ghi nhớ.  -Đọc lại văn bản Cần tạo thói quen tốt trong đời sống xã hội (bài 18 ).  -Cho biết luận điểm ?  -Luận cứ ?  -Và cách lập luận trong bài ?  -Nhận xét về sức thuyết phục của bài văn ấy ? | **I-Luận điểm, luận cứ và lập luận:**  ***1-Luận điểm:***  \*V.Bản: Chống nạn thất học ->ý chính.  -Đc trình bày dưới dạng nhan đề.  -Các câu văn cụ thể hoá ý chính:  +Mọi người VN...  +Những người đã biết chữ...  +Những người chưa biết chữ...  -ý chính thể hiện tư tưởng của bài văn nghị luận.  -Muốn th.phục ý chính phải rõ ràng, sâu sắc, có tính phổ biến (v.đề được nhiều người quan tâm).  =>Luận điểm: ghi nhớ (sgk-19 ).  ***2-Luận cứ:***  -Triển khai luận điểm bằng lí lẽ, d.chứng cụ thể làm cơ sở cho luận điểm, giúp cho luận điểm đạt tới sự sáng rõ, đúng đắn và có sức th.phục.  -Luận cứ trong văn bản Chống nạn thất học:  +Do chính sách ngu dân...  +Nay nước độc lập rồi...  -Muốn cho người đọc hiểu và tin, cần phải có h.thống luận cứ cụ thể, sinh động, chặt chẽ.  -Muốn có tính th.phục thì luận cứ phải chân thật, đúng đắn và tiêu biểu.  =>Luận cứ: ghi nhớ (sgk-19 ).  ***3-Lập luận:***  -Luận điểm và luận cứ thường được diễn đạt thành n lời văn cụ thể. Những lời văn đó cần được lựa chọn, sắp xếp, trình bày 1 cách hơp lí để làm rõ luận điểm.  -Trình tự lập luận của văn bản Chống nạn thất học:  +Nêu lí lẽ, dẫn chứng: Pháp thực hiện chính sách ngu dân nên n.dân VN bị thất học. Nay độc lập muốn tiến bộ phải cấp tốc nâng cao dân trí.  +Nêu cách chống nạn thất học: Những người biết chữ dạy cho người chưa biết chữ.  =>Lập luận: ghi nhớ (sgk-19 ).  \*Ghi nhớ: sgk (19 ).  **II-Luyện tập:**  Văn bản: Cần tạo thói quen tốt trong đời sống xã hội.  -Luận điểm: chính là nhan đề.  -Luận cứ:  +Luận cứ 1: Có thói quen tốt và có thói quen xấu.  +Luận cứ 2: Có ng biết phân biệt tốt và xấu, nhưng vì đã thành thói quen nên rất khó bỏ, khó sửa.  +Luận cứ 3: Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì dễ.  -Lập luận:  +Luôn dậy sớm,... là thói quen tốt.  +Hút thuốc lá,... là thó quen xấu.  +Một thói quen xấu ta thg gặp hằng ngày... rất nguy hiểm.  +Cho nên mỗi ng... cho xã hội.  -Bài văn có sức thuyết phục mạnh mẽ vì luận điểm mà tác giả nêu ra rất phù hợp với cuộc sống hiện tại. |

***4-Củng cố:*** Gv hệ thống lại kiến thức toàn bài.

***5-Hướng dẫn học bài:***

-Học thuộc ghi nhớ, làm tiếp bài luyện tập.

-Đọc bài: Đề văn nghị luận và việc lập ý cho bài văn nghị luận.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn: 3/1/2016 Ngày dạy: 7/1/2016

**Tiết 80: ĐỀ VĂN NGHỊ LUẬN VÀ VIỆC LẬP Ý CHO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY**

-Giúp hs làm quen với đề văn nghị luận, biết tìm hiểu đề và biết cách lập ý cho bài văn nghị luận.

-Rèn kĩ năng nhận biết luận điểm, tìm hiểu đề bài, tìm ý, lập ý cho bài nghị luận.

**B-CHUẨN BỊ**

-Đồ dùng: Bảng phụ.

-Những điều cần lưu ý: Lập ý là xác định nội dung cho bài văn theo đề bài. Lập ý chỉ bắt đầu sau khi tìm hiểu đề, đó là việc xác định vấn đề, luận điểm, luận cứ và cách lập luận cho bài làm.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bai cũ:***

-Đặc điểm của văn nghị luận là gì ? Thế nào là luận điểm ?

-Luận cứ là gì ? Lập luận là gì ?

***3-Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc đề bài (bảng phụ ).  -Các đề văn nêu trên có thể xem là đề bài, đầu đề được không ? Nếu dùng làm đề bài cho bài văn sắp viết có được không?  -Căn cứ vào đâu để nhận ra các đề trên là văn nghị luận ? (Nội dung: Căn cứ vào mỗi đề đều nêu ra 1 khái niệm, 1 v.đề lí luận).  -Tính chất của đề văn có ý nghĩa gì đối với việc làm văn ? (có ý nghĩa định hướng cho bài viết như lời khuyên, lơì tranh luận, lời giải thích,... chuẩn bị cho người viết 1 thái độ, 1 giọng điệu).  -Gv: Tóm lại đề văn nghị luận là câu hay cụm từ mang tư tưởng, q.điểm hay 1 v.đề cần làm sáng tỏ. Như vậy tất cả các đề trên đều là đề văn nghị luận, đại bộ phận là ẩn yêu cầu.  -Đề văn nghị luận có nội dung và tính chất gì ?  -Hs đọc đề bài.  -Đề bài nêu lên vấn đề gì ? (Đề nêu lên 1 tư tưởng, 1 thái độ phê phán đối với bệnh tự phụ).  -Đối tượng và phạm vi nghị luận ở đây là gì ? (Là lời nói, hành động có tính chất tự phụ của 1 con người).  -Khuynh hướng tư tưởng của đề là khẳng định hay phủ định ? (Khẳng định “Chớ nên tự phụ”).  -Đề này đòi hỏi người viết phải làm gì?  (Phải tìm luận cứ rồi xây dựng lập luận để phê phán bệnh tự phụ).  -Yêu cầu của tìm hiểu đề là gì ?  -Đề bài “Chớ nên tự phụ” nêu ra 1 ý kiến thể hiện 1 tư tưởng, 1 thái độ đối với thói tự phụ. Em có tán thành với ý kiến đó không ?  -Nếu tán thành thì coi đó là luận điểm của mình và lập luận cho luận điểm đó?. Hãy nêu ra các luận điểm gần gũi với luận điểm của đề bài để mở rộng suy nghĩ. Cụ thể hoá luận điểm chính bằng các luận điểm phụ.  -Gv: Để lập luận cho tư tưởng chớ nên tự phụ, thông thường ng ta nêu câu hỏi: Tự phụ là gì ? Vì sao khuyên chớ nên tự phụ ? Tự phụ có hại như thế nào ? Tự phụ có hại cho ai ?  -Hãy liệt kê những điều có hại do tự phụ và chọn các lí lẽ, dẫn chứng q.trong nhất để phục vụ mọi người ?  -Nên bắt đầu lời khuyên chớ nên tự phụ từ chỗ nào ? Dẫn dắt người đọc đi từ đâu tới đâu ? Có nên bắt đầu bằng việc miêu tả 1 kẻ tự phụ với thái độ chủ quan, tự đánh giá mình rất cao và coi thường người khác không ? Hay bắt đầu bằng cách định nghĩa tự phụ là gì, rồi suy ra tác hại của nó ?  -Hãy xây dựng trật tự lập luận để giải quyết đề này ?  -Em hãy nêu cách lập ý cho bài nghị luận ?  -Hs đọc ghi nhớ.  -Hãy tìm hiểu đề và lập ý cho đề bài: Sách là người bạn lớn của con người ? | **I-Tìm hiểu đề văn nghị luận:**  ***1-Nội dung và tính chất của đề văn nghị luận:***  \*Đề văn: sgk (21 ).  Ví dụ: Đề 1,2 là nhận định những quan điểm, luận điểm; đề 3,7 là lời kêu gọi mang 1 tư tưởng, 1 ý tưởng.  \* Ghi nhớ1: (sgk -23 ).  ***2-Tìm hiểu đề văn nghị luận:***  a-Đề bài: Chớ nên tự phụ.  b-Yêu cầu của việc tìm hiểu đề: Ghi nhớ2 (sgk -23 ).  **II-Lập ý cho bài văn nghị luận:**  \*Đề bài: Chớ nên tự phụ.  ***1-Xác lập luận điểm:***  -Tự phụ là 1 căn bệnh, là 1 thói xấu của con người mà hs chúng ta dễ mắc phải.  -Bệnh tự phụ dễ mắc phải nhưng rất khó sửa.  -Tự phụ trong học tập thì làm cho học tập kém đi, sai lệch đi.  -Tự phụ trong giao tiếp với mọi người, với bạn bè thì sẽ hạn chế nhiều mặt.  ***2-Tìm luận cứ:***  -Tự phụ là căn bệnh tự đề cao mình, coi thường ý kiến của người khác.  -Để cho bản thân tiến bộ, cần tránh bệnh tự phụ, tự phụ sẽ khó tiếp thu ý kiến của người khác, làm cho mình ngày càng co mình lại, không tiến bộ được.  -Bệnh tự phụ thường được biểu hiện ở sự coi thường ý kiến của người khác, tự cho ý kiến của mình là đúng, là tuyệt dẫn đến thái độ khắt khe với người, để dễ dãi đối với mình.  ***3-Xây dựng lập luận:***  -Tự phụ là căn bệnh dễ mắc phải và khó sửa chữa căn bệnh này thường xuất hiện ở lứa tuổi thanh thiếu niên, ở đ.tượng có năng khiếu, học khá, học giỏi.  -Người mắc bệnh tự phụ thường có thái độ không bình thường hay đề cao ý kiến, tư tưởng của mình, coi thường xem nhẹ ý kiến của người khác.  -Không nên nhầm lẫn giữa lòng tự trọng và lòng tự phụ. Tự trọng là có thái độ giữ gìn nhân cách đúng đắn của m, không để cho ng khác chê bôi, nhạo báng một cách không đúng đắn với mình.  Tự phụ thì khác hẳn, đó là thái độ tự cho mình hơn hẳn người khác, tự tạo ra khoảng cách giữa mình và bè bạn.  Đến 1 lúc nào đó bệnh tự phụ sẽ bị cô lập và mất dần đi sự tiến bộ đã có.  \*Ghi nhớ3: sgk (23 )  ***II-Luyện tập:***  ***1-Xác định luận điểm:***  -Sách có vai trò to lớn trong đời sống xã hội. Sách đáp ứng nhu cầu hưởng thụ cái hay, cái đẹp và nhu cầu phát triển trí tuệ tân hồn.  -Ta phải coi “sách là người bạn lớn của con người” vì trên lĩnh vực văn hoá, tư tưởng không có gì thay thế được sách.  ***2-Tìm luận cứ:***  -Sách mở mang trí tuệ-giúp ta khám phá những điều bí ẩn của thế giới xung quanh, đưa ta vào tìm hiểu Tác giả cực lớn là thiên hà và Tác giả cực nhỏ như hạt vật chất.  -Sách đưa ta ngược thời gian về với n biến cố lịch sử xa xưa và hướng về ngày mai.  -Sách cho ta những phút thư giãn thoải mái.  ***3-Xây dựng lập luận:***  Sách là báu vật không thể thiếu đối với mỗi người Phải biết nâng niu, trân trọng và chon những cuốn sách hay để đọc. |

***4-Củng cố:***Khi tìm hiểu đề văn nghị luận ta phải làm gì?

***5- Hướng dẫn:***Soạn bài Tinh thần yêu nước của nhân dân ta

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 22**

Ngày soạn: 10/1/2016 Ngày dạy: 13/1/2016

**Tiết 81: TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**

***(Hồ Chí Minh)***

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Hiểu được tinh thần yêu nước là 1 truyền thống qúi báu của DT ta. Nắm được NT nghị luận chặt chẽ, sáng gọn,có tính mẫu mực của bài văn.

-Nhớ được câu chốt của bài và n câu có hình ảnh so sánh trong bài.

**B-CHUẨN BỊ:**

-Những điều cần lưu ý: Đây là bài đầu tiên trong cụm Văn Bản nghị luận của c.trình ngữ văn 7. Vì vậy GV cần nhắc lại k.niệm về văn nghị luận trước khi đi vào tìm hiểu Văn Bản này.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Đọc thuộc lòng bài tục ngữ về con người và xã hội ? Nêu n nét đặc sắc về ND, NT của bài tục ngữ ?

***3-Bài mới:***

Chúng ta đã biết văn nghị luận viết ra nhằm xác lập cho ng đọc, ng nghe 1 t.tưởng, q.điểm nào đó. Muốn thế văn nghị luận phải có luận điểm rõ ràng, có lí lẽ, d.chứng thuyết phục. Những t.tưởng, q.điểm trong bài nghị luận phải hướng tới g.quyết n v.đề có thực trong đời sống thì mới có ý nghĩa, có t.dụng. Trong kho tàng văn nghị luận VN, bài TTYNCNDT của c.tịch HCM đã được đánh giá là 1 trong n áng văn nghị luận kiểu CM tiêu biểu, mẫu mực nhất. áng văn ấy đã làm sáng tỏ 1 chân lí: DT VN nồng nàn yêu nước.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Em đã được biết về tác giả HCM qua bài thơ nào ? Em hãy giới thiệu 1 vài nét về tác giả HCM ?  -Dựa vào chú thích \*, em hãy nêu xuất xứ của Văn Bản ?  -Hd đọc: Giọng mạch lạc, rõ ràng, dứt khoát nhưng vẫn thể hiện tình cảm. Lưu ý các ĐT:lướt, nhấn, quá; các q.h từ: từ, đến; các hình ảnh so sánh cần đọc với giọng phù hợp.  -Giải thích từ khó: Khuyên: kêu gọi, động viên đóng góp, ủng hộ tiền bạc, của cải, vật chất 1 cách tự nguyện để làm 1 việc gì đó có ý nghĩa. Nồng nàn: tình cảm, cảm xúc sôi nổi, m.mẽ, dâng trào.  -Bài văn nghị luận về v.đề gì ? (Lòng yêu nước của nhân dân ta).  -Câu văn nào giữ vai trò là câu chốt thâu tóm ND vấn đề nghị luận trong bài ? (Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước).  -Tìm bố cục bài văn ?  Em hãy lập dàn ý theo trình tự lập luận trong bài ?  -Hs đọc đoạn 1. Đoạn 1 nêu gì ?  -Ngay ở phần MB, HCM trong cương vị chủ tịch nói chuyện đã thay mặt toàn Đảng toàn dân ta khẳng định 1 chân lí, đó là chân lí gì?  -Em có nhận xét gì về cách viết câu văn của tác giả ?  -Gv: Lời văn ngắn gọn, vừa phản ánh LS, vừa nhìn nhận đánh giá và nêu cảm xúc về LS, về đạo lí của DT.  -Em có nhận xét gì về cách nêu luận điểm của tác giả HCM ?  -Lòng yêu nước của n.dân ta được nhấn mạnh trên lĩnh vực nào ? Vì sao ? (Vì đ.điểm LS của DT ta luôn phải chống ngoại xâm nên cần đến lòng yêu nước).  -Em hãy tìm những hình ảnh nổi bật nhất trong đoạn này ?  -Em có nhận xét gì về cách dùng từ của tác giả ? Nêu t.d của cách dùng từ đó ?  -Gv: Văn nghị luận dễ khô khan, nhưng văn của Bác không khô khan. Dùng hình ảnh làn sóng để giới thiệu td to lớn của tinh thần yêu nước, vừa có td ca ngợi 1 truyền thống quí báu của DT, vừa phát hiện ra 1 nguyên nhân quan trọng giúp dân ta chiến thắng ngoại xâm, vừa kích thích sự suy nghĩ, tìm hiểu của người đọc, người nghe. Cả ND và NT cuả phần mở đầu này mới hấp dẫn làm sao.  -Hs đọc đoạn 2,3. Hai đoạn này có n/v gì ?  -Để làm rõ lòng yêu nước, tác giả đã đưa ra n chứng cớ cụ thể nào ? (Lòng yêu nước trong qúa khứ của LS DT và lòng yêu nước ngày nay của đồng bào ta).  - Lòng yêu nước trong q.khứ được xác nhận bằng những chứng cớ LS nào ?  -Trước khi đưa ra d.c, tác giả đã k.định điều gì ? Vì sao tác giả lại khẳng định như vậy ? ( Vì đây là các thời đại gắn liền với các chiến công hiển hách trong LS chống ngoại xâm của DT).  -Em có nhận xét gì về cách đưa dẫn chứng cuả tác giả ở đoạn văn này ?  -Các dẫn chứng được đưa ra ở đây có ý nghĩa gì ?  -LS dân tộc anh hùng mang truyền thống yêu nước từ ngàn xưa được nối tiếp theo dòng chảy của th.gian, của mạch nguồn sức sống DT được biểu hiện bằng 1 câu chuyển ý, chuyển đoạn. Đó là câu nào ?  -Em có nhận xét gì về câu văn chuyển ý này?  -Để CM lòng yêu nước của đồng bào ta ngày nay, tác giả đã đưa ra n d.c nào  -Các d.c được đưa ra theo cách nào ?  -D.chứng được trình bày theo kiểu câu có mô hình chung nào ? C.trúc d.c ấy có q.hệ với nhau như thế nào ? (Mô hình LK: Từ ... đến - Cùng LK để làm sáng tỏ chủ đề đ.v: Lòng yêu nước của đồng bào ta trong k.chiến chống TD Pháp).  -Các d.c được đưa ra ở đây có ý nghĩa gì ?  -Hs đọc đoạn 4. Đoạn em vừa đọc nêu gì ?  -Tìm câu văn có sd hình ảnh s.sánh ? Hình ảnh s.sánh đó có t.d gì ?  -Hình ảnh s.sánh đó có ý nghĩa gì ?  -Theo như lập luận của tác giả thì lòng yêu nước được tồn tại dưới dạng nào ?  -Em hiểu như thế nào về lòng yêu nước được trưng bày và lòng yêu nước được cất giấu kín đáo ?  -Trong khi bàn về bổn phận của chúng ta, tác giả đã bộc lộ q.điểm yêu nước như thế nào ? Câu văn nào nói lên điều đó ?  -Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả ?  -Gv: Kết thúc bài viết Báo cáo c.trị thì ai nấy đều hiểu và đều thầm hứa với người sẽ vận dụng vào thực tế c.tác của mình. Và chúng ta ngày nay, khi đọc Văn Bản này c hiểu rõ để suy ngẫm sâu thêm về tấm lòng, trí tuệ và t.năng của Bác, làm theo lời Bác dạy: Phát huy t.thần yêu nước trong công việc cụ thể hằng ngày, trong việc h.tập, l.động và ứng xử với mọi người.  -Nêu n nét đặc sắc về ND và NT của Văn Bản?  -Qua bài văn em hiểu thêm gì về c.tịch HCM ? (Chúng ta hiểu thêm và kính trọng tấm lòng của HCM đối với dân, với nc; hiểu thêm về tài năng và trí tuệ của Người trong văn chương kể cả thơ ca và văn xuôi).  -Viết đ.v theo lối liệt kê khoảng 4,5 câu có s.d mô hình liên kết “từ...đến” ? | ***I-Giới thiệu chung:***  ***1-Tác giả:***  ***2-Tác phẩm:*** Bài văn trích trong Báo cáo chính trị của chủ tịch HCM tại Đại hội lần thứ II, tháng 2.1951 của Đảng LĐ VN.  ***II-Đọc – Hiểu văn bản:***  \*Bố cục: 3 phần.  -MB (Đ1): Nhận định chg về lòng yêu nước.  -TB (Đ2,3): CM những biểu hiện của lòng yêu nước  -KB (Đ4): Nhiệm vụ của chúng ta.  \*Dàn ý theo trình tự lập luận:  -Xác định lập luận: Đoạn 1.  -Luận cứ: Đoạn 2,3.  -Xây dựng lập luận: Đoạn 4.  ***1-Nhận định chung về lòng yêu nc:***  -Dân ta có 1 lòng nồng nà yêu nước. Đó là truyền thống quí báu của ta.  ->Câu văn ngắn gọn.  Cách nêu luận điểm ngắn gọn, giản dị, mang tính thuyết phục cao.  \*Đấu tranh chống ngoại xâm:  -Nó kết thành 1 làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.  ->Điệp từ kết hợp với ĐT, tính từ tả đúng hình ảnh và sức công phá của 1 làn sóng- Gợi tả sức mạnh của lòng yêu nước, tạo khí thế mạnh mẽ cho câu văn, thuyết phục người đọc.  ***2-Chứng minh những biểu hiện của lòng yêu nước:***  \*Lòng yêu nước trong qúa khứ của LS DT:  -Thời đại Bà Trưng, Bà Triệu,..., Q.Trung,...  -Chúng ta có quyền tự hào vì những trang LS vẻ vang.  ->Dẫn chứng tiêu biểu, được liệt kê theo trình tự thời gian LS.  =>Ca ngợi những chiến công hiển hách trong LS chống ngoại xâm của DT.  \*Lòng yêu nước ngày nay của đồng bào ta:  -Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.  ->Câu văn chuyển ý tự nhiên và chặt chẽ.  -Từ các cụ già ... đến các cháu...  -Từ n c.sĩ..., đến n công chức...  -Từ n nam nữ công nhân..., cho đến n...  ->Liệt kê d.c vừa cụ thể, vừa toàn diện.  =>Cảm phục, ngưỡng mộ lòng yêu nước của đ.bào ta trong cuộc k.c chống TD Pháp.  ***3-Nhiệm vụ của chúng ta:***  -Tinh thần yêu nước c như các thứ của quí.  ->Hình ảnh s.sánh độc đáo dễ hiểu.  =>Đề cao t.thần yêu nước của n.dân ta.  -Lòng yêu nước được tồn tại dưới 2 dạng:  +Có khi được trưng bày... -> nhìn thấy.  +Có khi được cất giấu kín đáo... ->không  nhìn thấy. =>Cả 2 đều đáng quí.  -Phải ra sức giải thích tuyên tryuền...  =>Động viên tổ chức khích lệ tiềm năng yêu nước của mọi người.  ->Đưa hình ảnh để diễn đạt lí lẽ –dễ hiểu, dễ đi vào lòng người.  \*Ghi nhớ: sgk (27 ).  \*Luyện tập: |

***4-Củng cố:*** Em có nhận xát gì về cách lập luận của Bác trong bài văn?

***5- Hướng dẫn:***Soạn bài Câu đặc biệt

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 10/1/2016 Ngày dạy: 13/1/2016

**Tiết 82**

**CÂU ĐẶC BIỆT**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Hs nắm được khái niệm về câu đặc biệt, hiểu được t.dụng của câu đặc biệt.

-Biết s.dụng câu đ.biệt trong những tình huống nói và viết cụ thể.

**B-CHUẨN BỊ:**

-Đồ dùng: Bảng phụ.

-Những điều cần lưu ý: Cần phân biệt câu đơn đ.biệt với câu rút gọn. Câu đ.biệt không thể có CN, VN.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Đặt 1 câu rút gọn ? Câu đó được rút gọn thành phần nào > Em hãy khôi phục thành phần được rút gọn ?

***3-Bài mới:***

Nắng. Gió. Đây có phải là câu rút gọn không ? Vì sao ? Đây không phải là câu rút gọn mà là câu đ.biệt.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc VD (bảng phụ).  -Câu in đậm có cấu tạo như thế nào ? Hãy thảo luận với bạn và lựa chọn 1 câu trả lời đúng:  a.Đó là 1 câu b.thg, có đủ CN-VN.  b.Đó là 1 câu rút gọn, lược bỏ CN-VN.  c.Đó là câu không có CN-VN.  -Gv: Câu in đậm là câu đ.biệt.  -Em hiểu thế nào là câu đ.biệt ?  -Xem bảng trong sgk, chép vào vở rồi đánh dấu X vào ô thích hợp ?  -Câu đặc biệt thường được dùng để làm gì ?  -Hs đọc ghi nhớ 1,2.  -Hs đọc các đoạn văn.  -Tìm câu đặc biệt và câu rút gọn ?  -Vì sao em biết đó là câu rút gọn ?  -Mỗi câu đặc biệt và rút gọn em vừa tìm được trong bài tập trên có tác dụng gì ?  -Câu đ.biệt có những t.d gì ?  -Viết đoạn văn ngắn khoảng 5-7 câu, tả cảnh quê hương em, trong đó có 1 vài câu đặc biệt ? | ***I-Thế nào là câu đặc biệt:***  \*Ví dụ: Ôi, em Thuỷ !  ->.Đó là câu không có CN-VN.  \*Câu đặc biệt: là loại câu không cấu tạo theo mô hình CN-VN.  ***II-Tác dụng của câu đặc biệt:***  \*Ví dụ:  -Một đêm mùa xuân. ->xác định thời gian, nơi chốn.  -Tiếng reo. Tiếng vỗ tay. ->liệt kê, thông báo về sự tồn tại của v.chất, h.tượng.  -Trời ơi ! ->bộc lộ cảm xúc.  -Sơn ! Em Sơn ! Sơn ơi ! Hỏi-đáp.  -Chị An ơi !  \*Tác dụng: sgk (29 ).  \*Ghi nhớ 1,2: sgk (28-29 ).  ***III- Luyện tập:***  ***1-Bài 1 (29 ):***  a- Câu đặc biệt: không có.  -Câu rút gọn: câu 2,3,5.  b-Câu đặc biệt: câu 2.  -Câu rút gọn: không có.  c-Câu đặc biệt: câu 4.  -Câu rút gọn: không có.  d-Câu đặc biệt: Lá ơi !  -Câu rút gọn: Hãy kể chuyện... đi !  Bình thường... đâu.  ***2-Bài 2 (29 ):***  b-Xác định thời gian (3 câu),  bộc lộ cảm xúc (câu 4).  c-Liệt kê, thông báo sự tồn tại của sự vật, hiện tượng  d-Gọi đáp.  ***3-Bài 3 (29 ):***  Quê em ở vùng lòng Hồ. Để đến được trong học, chúng em phải đi thuyền. Vào những ngày mưa rét, chúng em không thể đến lớp học được |

***4-Củng cố:*** Thế nào là câu đặc biệt?

***5- Hướng dẫn:***Soạn bài Bố cục và phương pháp lập luận trong bài văn nghị luận

**Rút kinh nghiệm**

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

Ngày soạn: 10/1/2016 Ngày dạy: 16/1/2016

**Tiết 83**

**BỐ CỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Biết cách lập bố cục và lập luận và lập luận trong bài văn nghị luận.

-Nắm được mối quan hệ giữa bố cục và p.pháp lập luận của bài văn nghị luận.

**B-CHUẨN BỊ:**

-Những điều cần lưu ý: Khái niệm lập luận là mới, cần được gv lưu ý.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Em hãy trình bày cách lập ý của bài văn nghị luận ?

***3-Bài mới***

Không biết lập luận thì không làm được bài văn nghị luận. Bài hôm nay sẽ giúp chúng ta biết cách lập bố cục và lập luận trong văn nghị luận.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc bài văn “Tinh thần yêu...”.  -Bài văn gồm mấy phần ? ND của mỗi phần là gì ?  -Phần MB gồm mấy câu ? Nhiệm vụ của từng câu là gì ?  -Phần TB có n.vụ gì ? Gồm mấy câu ? Chia làm mấy đoạn ? Mỗi đoạn nêu gì?  Mối đoạn gồm mấy câu ? Nhiệm vụ của từng câu trong đoạn ?  -Phần KB gồm mấy câu ? Nhiệm vụ của từng câu trong đoạn ?  -Gv: B.văn gồm 16 câu. PT 1 cách tổng thể và chặt chẽ, ta thấy: Để xđ được như vậy mọi ng trên cơ sở hiểu sâu sắc và tự nguyện, tác giả đã dùng tới 16 câu: trong đó có 1 câu nêu v.đề và 15 câu là n cách làm rõ v.đề. Đó chính là bố cục và lập luận.  -Bố cục của b.văn nghị luận gồm mấy phần ?  -Dựa vào sơ đồ sgk, hãy cho biết các p.pháp lập luận được sd trong b.văn ?  -Để xđ luận điểm trong từng phần và mối quan hệ giữa các phần, ng ta thường sd các p.pháp lập luận nào ?  -Gv: Có thể nói mối quan hệ giữa bố cục và lập luận đã tạo thành 1 mạng lưới LK trong Văn Bản nghị luận, trong đó p.pháp lập luận là chất keo gắn bó các phần, các ý của bố cục .  -Hs đọc ghi nhớ.  -Hs đọc b.văn”Học cơ bản...”.  -Bài văn nêu t.tưởng gì ?  -T.tưởng ấy được thể hiện bằng n luận điểm nào ?  -Tìm n câu mang luận điểm ?  -Bài văn có bố cục mấy phần ?  -Hãy cho biết cách lập luận được sd ở trong bài ?  -Câu mở đầu đối lập nhiều người và ít ai, là dùng phép lập luận gì ? (suy luận tương phản).  -Câu chuyện Đờ vanh xi vẽ trứng đóng vai trò gì trong bài ? (là d.c để lập luận).  -Hãy chỉ ra đâu là ng. nhân, đâu là k.quả ở đoạn kết ? (thầy giỏi là ng.nhân, trò giỏi là k.quả). | ***I-Mối quan hệ giữa bố cục và lập luận:***  ***1-B.văn “Tinh thần yêu...”:***gồm 3 phần.  a-MB (ĐVĐ): 3 câu.  -Câu 1: nêu v.đề tr.tiếp.  -Câu 2: k.định g.trị của v.đề.  -Câu 3: s.sánh mở rộng và xđ phạm vi biểu hiện nổi bật của v.đề trong các cuộc k.c chống ngoại xâm bảo vệ đ.nc.  b-TB (GQVĐ): CM truyền thống yêu nướcAH trong LS DT ta (8 câu).  \*Trong quá khứ: 3 câu.  -Câu 1: g.thiệu k.q và chuyển ý.  -Câu 2: liệt kê d.c, xđ tình cảm, thái độ.  -Câu 3: xđ tình cảm, thái độ và ghi nhớ công ơn.  \*Trong cuộc k.c chống Pháp hiện tại: 5 câu.  -Câu 1: k.q và chuyển ý.  -Câu 2,3,4: liệt kê d.c theo các bình diện, các mặt khác nhau. Kết nối d.c bằng cặp qht: từ... đến.  -Câu 5: kq nhận định đánh giá.  c-KB (KTVĐ): 5 câu.  -Câu 1: S.sánh, kq g.trị của t.thần yêu nước.  -Câu 2,3: Hai biểu hiện khác nhau của lòng yêu nước.  -Câu 4,5: xđ trách nhiệm và bổn phận của chúng ta.  =>Bố cục của b.văn nghị luận: sgk (31)  ***2-các phương pháp lập luận trong b.văn:***  -Hàng ngang 1,2: lập luận theo qh nhân quả.  -Hàng ngang 3: lập luạn theo qh tổng-phân-hợp (đưa nhận định chung, rồi d.c bằng các trường hợp cụ thể, cuối c là KL mội ng đều có lòng yêu nước).  -Hàng ngang 4: là suy luận tương đồng (từ truyền thống suy ra bổn phận của chúng ta là phát huy lòng yêu nước. đây là mục đích của b.văn nghị luận).  -Hàng dọc 1: suy luận tương đồng theo th.gian (có lòng nồng nàn yêu nước-trong quá khứ-đến hiện tại-bổn phận của chúng ta).  =>Phương pháp lập luận: sgk (31 ).  \*Ghi nhớ: sgk (31 ).  ***II-Luyện tập:***  Bài văn “Học cơ bản...”  a-Bài văn nêu lên 1 t.tưởng: Muốn thành tài thì trong h.tập phải chú ý đến học cơ bản.  -Luận điểm: Học cơ bản mí có thể trở thành tài lớn. ->Luận điểm chính.  -Những câu mang luận điểm (luận điểm phụ):  +ở đời có nhiều ng đi học, nhưng ít ai biết học thành tài.  +Nếu không cố công luyện tập thì không vẽ đúng được đâu.  +Chỉ có thầy giỏi mới đào tạo được trò giỏi.  b\*Bố cục: 3 phần.  -MB: đoạn 1.  -TB: đoạn 2.  -KB: đoạn 3.  \*Cách lập luận được sd trong bài là: Câu chuyện vẽ trứng của Đờ vanh xi, tập trung vào vào câu: Người xưa nói, chỉ có thầy giỏi mới đào tạo được trò giỏi, quả không sai.  Để lập luận CM cho luận điểm nêu ở nhan đề và phần MB, tác giả kể ra 1 câu chuyện, từ đó mà rút ra KL. |

***4-Củng cố:*** Khi lập luận CM ta cần lưu ý gì?

***5- Hướng dẫn:***Soạn bài Luyện tập phương pháp lập luận trong bài văn nghị luận

**Rút kinh nghiệm**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Ngày soạn: 10/1/2016 Ngày dạy: 13/1/2016

**Tiết 84**

**LUYỆN TẬP VỀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Khắc sâu k.thức về khái niệm lập luận.

-Rèn kĩ năng lập luận trong văn nghị luận.

**B-CHUẨN BỊ:**

-Những điều cần lưu ý: Lập luận trong đời sống thg mang tính cảm tính, tính hàm ẩn, không tường minh; còn lập luận trong văn nghị luận đòi hỏi có tính lí luận chặt chẽ và tường minh.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1- Ổn định lớp***

***2- Kiểm tra*** Nêu các phương pháp lập luận trong bài.văn nghị luận?

***3***-Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Gv: lập luận là đưa ra luận cứ nhằm dẫn dắt người nghe, người đọc...  -Hs đọc ví dụ (bảng phụ).  -Trong những câu trên, bộ phận nào là luận cứ, bộ phận nào là kết luận, thể hiện tư tưởng (ý định q.điểm) của người nói ?  -Mối quan hệ của luận cứ đối với kết luận như thế nào ?  -V.trí của luận cứ và KL có thể thay đổi cho nhau không ?  -Hãy bổ sung luận cứ cho các kết luận sau ?  -Viết tiếp kết luận cho các luận cứ sau nhằm thể hiện tư tưởng, q.điểm của người nói ?  -Gv: Trong đời sống, hình thức biểu hiện mối quan hệ giữa luận cứ và luận điểm (KL) thường nằm trong 1 c.trúc câu nhất định. Mỗi l.cứ có thể có 1 hoặc nhiều l.điểm (KL) hoặc ngược lại. Có thể mô hình hoá như sau: Nếu A thì B (B1, B2...)  Nếu A (A1, A2...) thì B  Luận cứ + Luận điểm =1 câu  -Gv: L.điểm trong văn nghị luận là những KL có tính k.q, có ý nghĩa phổ biến đối với XH.  -Hs đọc ví dụ (bảng phụ).  -Hãy so sánh các KL ở mục I.2 với các l.điểm ở mục II ? (Chống nạn thất học là l.điểm có tính kq cao, có ý nghĩa phổ biến với XH. Còn Em rất yêu trong em chỉ là KL về 1 sự việc, mang ý nghĩa nhỏ hẹp).  -Trong văn nghị luận, l.điểm có t.d gì ?  -Gv: Về hình thức: Lập luận trong đ.s hằng ngày thg được diễn đạt dưới hình thức 1 câu. Còn lập luận trong văn nghị luận thg được diễn đạt dưới hình thức 1 tập hợp câu.  Về ND ý nghĩa: Trong đ.s, lập luận thg mang tính cảm tính, tính hàm ẩn, không tường minh. Còn lập luận trong văn nghị luận đòi hỏi có tính lí luận chặt chẽ và tường minh.  Do l.điểm có tầm q.trong nên ph.pháp lập luận trong văn nghị luận đòi hỏi phải có tính kh.học chặt chẽ. Nó phải...  -Em hãy lập luận cho luận điểm: Sách là người bạn lớn của con người ? | ***I-Lập luận trong đời sống:***  ***1-Ví dụ:***  a-Hôn nay trời mưa, chúng ta không đi ...  Luận cứ - KL (qh nhân quả).  b-Em rất thích đọc sách, vì qua sách....  KL -LC (qh nh.quả)  c-Trời nóng quá, đi ăn kem đi.  Luận cứ - KL (qh nhân quả).  ->Có thể thay đổi v.trí giữa luận cứ và kết luận.  ***2-Bổ sung luận cứ cho kết luận:***  a-Em rất yêu trường em, vì từ nơi đây em đã học được nhiều điều bổ ích.  b-Nói dối có hại, vì nói dối sẽ làm cho người ta không tin mình nữa.  c-Mệt quá, nghỉ 1 lát nghe nhạc thôi.  ***3-Bổ sung kết luận cho luận cứ:***  a-Ngồi mãi ở nhà chán lắm, đến thư viện chơi đi.  b-Ngày mai đã đi thi rồi mà bài vở còn nhiều quá, phải học thôi (chẳng biết học cái gì trước).  c-Nhiều bạn nói năng thật khó nghe, ai cũng khó chịu (họ cứ tưởng như thế là hay lắm).  d-Các bạn đã lớn rồi, làm anh làm chị chúng nó phải gương mẫu chứ.  e-Cậu này ham đá bóng thật, chẳng ngó ngàng gì đến việc học hành.  ***II-Lập luận trong văn nghị luận:***  ***1-So sánh:***  -Giống: Đều là những KL.  -Khác: ở mục I.2 là lời nói giao tiếp hàng ngày thường mang tính cá nhân và có ý nghĩa nhỏ hẹp. Còn ở mục II là luận điểm trong văn nghị luận thường mang tính kq cao và có ý nghĩa phổ biến đối với XH.  \*Tác dụng của l.điểm:  -Là cơ sở để triển khai luận cứ.  -Là KL của l.điểm.  ***2-Lập luận cho luận điểm: Sách là người bạn lớn của con người.***  -Sách là ph.tiện mở mang trí tuệ, khám phá Tác giả và cuộc sống. Bạn và người thân cùng nhau h.tập. Vai trò của sách giống như vai trò của bạn.  -Luận điểm này có cơ sở thực tế vì bất cứ ai và ở đâu cũng cần có sách để thoả mãn nhu cầu cần thiết trong h.tập, rèn luyện, giải trí.  -Từ các luận cứ trên có thể KL: Sách là người bạn lớn của con người. |

***4-Củng cố:*** HS đọc lại bài làm?

***5- Hướng dẫn:***Soạn bài Sự giàu đẹp của Tiếng Việt

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 23**

Ngày soạn: 17/1/2016 Ngày dạy: 20/1/2016

**Tiết 85: SỰ GIÀU ĐẸP CỦA TIẾNG VIỆT**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY**

-Hiểu được trên những nét chung sự giàu đẹp của tiếng Việt qua sự p.tích, chứng minh của tác giả

-Nắm được những đ.điểm nổi bật trong NT nghị luận của bài văn: lập luận chặt chẽ, chứng cứ toàn diện, văn phong có tính khoa học.

**B- CHUẨN BỊ:**

-Những điều cần lưu ý: Đoạn trích này tập chung nói về đặc tính đẹp và hay của TV. Bài văn rất chặt chẽ trong lập luận và có bố cục rõ ràng, hợp lí. Bài văn gần với văn phong khoa học hơn là văn phong NT.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-Ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Đọc thuộc lòng đoạn 1,2 Văn Bản Tinh thần yêu nước của n.dân ta. Nêu những đặc điểm nổi bật về ND, NT của văn bản ?

***3I-Bài mới:***

Chúng ta là người VN, hằng ngày dùng tiếng mẹ đẻ, tiếng nói của toàn dân-tiếng Việt-để suy nghĩ, nói năng, giao tiếp. Nhưng đã mấy ai biết tiếng nói VN có những đặc điểm, những g.trị gì và sức sống của nó ra sao. Muốn hiểu sâu để cảm nhận 1 cách thích thú vẻ đẹp, sự độc đáo của tiếng nói DT VN. Chúng ta cùng nhau đi tìm hiểu Văn Bản “Sự giàu đẹp của TV” của Đặng Thai Mai.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Dựa vào phần chú thích \*, em hãy giới thiệu 1 vài nét về tác giả ?  -Em hãy nêu xuất xứ của văn bản ?  -Hd đọc: Giọng rõ ràng, mạch lạc, nhấn mạnh những câu in nghiêng (mở-kết).  -Giải thích từ khó: (sgk )  -Tác giả đã dùng hình thức nào để tạo lập văn bản ? Vì sao em x.định như vậy ? (hình thức nghị luận, vì văn bản này chủ yếu là dùng lí lẽ và d.chứng).  -Mục đích của văn bản nghị luận này là gì ? (K.đ sự giàu đẹp của TV để mọi người tự hào và tin tưởng vào tương lai của TV).  -Em hãy tìm bố cục của bài và nêu ý chính của mỗi đoạn ?  -Hs đọc đoạn 1,2.  -Câu văn nào nêu ý kq về p.chất của TV ?  -Trong nhận xét đó, tác giả đã phát hiện ph.chất TV trên những ph.diện nào ? (1 thứ tiếng đẹp, 1 thứ tiếng hay).  -T.chất giải thích của đoạn văn này được thể hiện bằng 1 cụm từ lặp lại đó là cụm từ nào?  -Vẻ đẹp của TV được giải thích trên những yếu tố nào ?  -Dựa trên căn cứ nào để tác giả nhận xét TV là 1 thứ tiếng hay ?  . Qua đó em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả ? Cách lập luận đó có t.dụng gì ?  -Hs đọc đoạn 3. ý chính của đoạn 3 là gì ? Khi CM cái hay, cái đẹp của TV, tác giả đã lập luận bằng những luận điểm phụ nào ?  -Để CM vẻ đẹp của TV, tác giả đã dựa trên những đặc sắc nào trong c.tạo của nó ?  -Chất nhạc của TV được xác lập trên các chứng cớ nào trong đ.s và trong kh.học ?  -ở đây tác giả chưa có dịp đưa ra những dẫn chứng sinh động về sự giàu chất nhạc của TV. Em hãy tìm 1 câu thơ hoặc ca dao giàu chất nhạc ? (Chú bé loắt choắt... nghênh nghênh).  -Tính uyển chuyển trong câu kéo TV được tác giả xác nhận trên chứng cớ đời sống nào ?  -Hãy giúp tác giả đưa ra 1 d.c để CM cho câu TV rất uyển chuyển ? (Người sống đống vàng. Đứng bên ni đồng...).  -Em có nhận xét gì về cách nghị luận của tác giả về vẻ đẹp của TV ?  -Theo dõi đoạn tiếp theo và cho biết: Tác giả đã quan niệm như thế nào về 1 thứ tiếng hay ?  -Dựa vào chứng cớ nào để tác giả xác nhận các khả năng hay đó của TV ?  -Em hãy giúp tác giả làm rõ thêm các khả năng đó của TV bằng 1 vài d.c cụ thể trong ngôn ngữ văn học hoặc đ.s ? (Các màu xanh khác nhau trong đoạn.v tả nước biển Cô Tô của Nguyễn Tuân. Sắc thái khác nhau của các đại từ ta trong thơ BHTQ và thơ Ng.Khuyến).  -Nhận xét lập luận của tác giả về TV hay trong đ.v này ?  -Bài nghị luận này mang lại cho em những hiểu biết sâu sắc nào về TV ?  -ở Văn Bản này, NT nghị luận của tác giả có gì nổi bật ?  -Văn Bản này cho thấy tác giả là người như thế nào ?  -Tìm d.c thể hiện sự giàu đẹp của TV về ngữ âm và từ vựng trong các bài văn, thơ đã học hoặc đọc thêm ở các lớp 6,7? | ***I-Đọc ,tìm hiểu chung:***  **1-Tác giả:** Đặng Thai Mai (1902-1984), quê Thanh Chương- Nghệ An.  -Là nhà văn, nhà nghiên cứu văn học nổi tiếng, nhà hoạt động XH có uy tín.  **2-Tác phẩm:**  Xuất xứ: Trích trong bài nghiên cứu “TV, 1 biểu hiện hùng hồn của sức sống DT”.  Thể loại: Nghị luận.  Bố cục: 2 phần.  -Đoạn 1,2 (MB): Nhận định chung về phẩm chất giàu đẹp của TV.  -Đoạn 3:  +TB: CM cái đẹp, cái hay của TV.  +KB (câu cuối): Nhấn mạnh và k.định cái đẹp, cái hay của TV.  ***II-Đọc – Hiểu văn bản:***  ***1-Nhận định chung về p.chất giàu đẹp của TV:***  -TV có những đặc sắc của 1 thứ tiếng đẹp, 1 thứ tiếng hay.  ->Nhận xét k.quát về ph.chất của TV (luận đề-luận điểm chính).  -Nói thế có nghĩa là nói rằng:  ->Cụm từ lặp lại có tính chất giải thích.  -Nhịp điệu: hài hoà về âm hưởng thanh điệu.  -Cú pháp: tế nhị uyển chuyển trong cách đặt câu.  ->Giải thích cái đẹp của TV.  -Đủ khả năng để diễn đạt tư tưởng, tình cảm của người VN.  -Thoả mãn cho yêu cầu của đời sống văn hoá nước nhà qua các thời kì LS.  ->Giải thích cái hay của TV.  =>Cách lập luận ngắn gọn, rành mạch, đi từ ý khái quát đến ý cụ thể – Làm cho người đọc, người nghe dễ theo dõi, dễ hiểu.  ***2-Chứng minh cái đẹp, cái hay của tiếng Việt:***  a-Tiếng Việt đẹp như thế nào :  \*Trong c.tạo của nó:  -Giàu chất nhạc:  +Người ngoại quốc nhận xét: TV là 1 thứ tiéng giàu chất nhạc.  +Hệ thống ng.âm và phụ âm khá phong phú... giàu thanh điệu... giàu hình tượng ngữ âm.  ->Những chứng cớ trong đời sống và trong XH.  -Rất uyển chuyển trong câu kéo:  Một giáo sĩ nc ngoài: TV như 1 thứ tiếng “đẹp” và “rất rành mạch...uyển chuyển...ngon lành trong những câu tục ngữ ”  ->Chứng cớ từ đời sống.  =>Cách lập luận kết hợp chứng cớ kh.học và đời sống làm cho lí lẽ trở nên sâu sắc.  b-Tiếng Việt hay như thế nào:  -Thoả mãn nhu cầu trao đổi tình cảm ý nghĩ giữa người với người.  -Thoả mãn yêu cầu của đời sống văn hoá ngày càng phức tạp.  -Dồi dào về c.tạo từ ngữ... về hình thức diễn đạt.  -Từ vựng... tăng lên mỗi ngày 1 nhiều.  -Ngữ pháp... uyển chuyển, c.xác hơn.  -Không ngừng đặt ra những từ mới...  =>Cách lập luận dùng lí lẽ và các chứng cớ kh.học, có sức thuyết phục người đọc ở sự c.xác kh.học nhưng thiếu dẫn chứng cụ thể.  \*Ghi nhớ: sgk (37 ).  -Tác giả là nhà văn học am hiểu TV, trân trọng những g.trị của TV, yêu tiếng mẹ đẻ, có tinh thần DT, tin tưởng vào tương lai TV.  ***\*Luyện tập: Bài 2.***  Ai làm cho bể kia đầy  Cho ao kia cạn, cho gầy cò con.  =>2 câu ca dao là lời than thở, thể hiện 1 nỗi lo lắng u buồn về h.cảnh sống. Các từ đầy, gầy là những âm bình, mang âm hưởng lo âu, than vãn về 1 h.cảnh sống. |

***4-Củng cố:*** Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả

***5- Hướng dẫn học bài:***

-Học thuộc phần ghi nhớ.

-Soạn bài: Đức tính giản dị của Bác Hồ.

**Rút kinh nghiệm**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 17/1/2016 Ngày dạy: 20/1/2016

**Tiết 86: THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Nắm được khái niệm trạng ngữ trong câu.

-Ôn lại các loại trạng ngữ đã học ở tiểu học.

**B- CHUẨN BỊ**

-Đồ dùng: Bảng phụ.

-Những điều cần lưu ý: Thêm trạng ngữ cho câu có thể xem là 1 cách mở rộng câu. Có thể xem Trạng Ngữ theo các nội dung mà chúng biểu thị. Các câu hỏi thường được dùng để xác định và phân loại Trạng Ngữ là: ở đâu, khi nào, vì sao, để làm gì, bằng gì, như thế nào, với điều kiện gì ?

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:*** Đặt 1 câu đặc biệt và cho biết tác dụng của câu đ.biệt đó ?

***`3***-Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc đ.trích (bảng phụ).  -Đoạn văn có mấy câu ?  -Xác định nòng cốt câu của các câu 1,2,6 ?  -Các từ ngữ còn lại là thành phần gì của câu ? Các TN này bổ xung cho câu những ND gì ?  -Có thể chuyển các TN nói trên sang những v.trí nào trong câu ?  -Về ND (ý nghĩa) TN được thêm vào câu để làm gì ?  -Về hình thức TN có thể đứng ở những v.trí nào trong câu ?  -Bốn câu sau đều có cụm từ “mùa xuân”. Hãy cho biết câu văn nào cụm từ “mùa xuân” là TN. Trong những câu còn lại, cụm từ “mùa xuân” đóng vai trò gì ?  -Hs đọc đoạn văn.  -Tìm trạng ngữ trong các đ.trích sau và cho biết ý nghĩa của các TN đó ? | ***I-Đặc điểm của trạng ngữ:***  \*Ví dụ:  -Câu 1,2: *Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời*, người dân cày VN / dựng nhà,..., khai hoang. Tre / ăn ở với người, *đời đời kiếp kiếp*. ->Bỗ xung thông tin về thời gian, địa điểm.  -Câu 6: Cối xay tre nặng nề quay /, *từ ngàn đời nay*, xay nắm thóc.->Th.gian.  -Bốp bốp, nó bị hai cái tát.->cách thức diễn ra sự việc.  -Nó bị điểm kém, vì lười học.->nguyên nhân  -Để không bị điểm kém, nó phải chăm học ->mục đích.  -Nó đến trường bằng xe đạp.->ph.tiện.  \*Ghi nhớ: sgk (39 ).  ***II-Luyện tập:***  ***1-Bài 1 (39 ):***  b-Mùa xuân, cây gạo / gọi đến bao...  ->TN th.gian.  a-Mùa xuân của tôi- mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của HN-/ là ...->CN.  c-Tự nhiên... : Ai cũng chuộng *mùa xuân*. ->Phụ ngữ.  d-Mùa xuân ! Mỗi khi... ->Câu đ.biệt.  ***2-Bài 12 (40 ):***  a-Như báo trước...tinh khiết ->TN nơi chốn, cách thức.  -Câu 2: Khi đi qua...xanh, mà hạt thóc... tươi ->TN nơi chốn.  -Câu 3: Trong cái vỏ xanh kia ->TN nơi chốn.  -Câu 4: Dưới ánh nắng ->TN nơi chốn.  b-Với khả năng thích ứng... trên đây  ->TN cách thức. |

***4- Củng cố:*** Đặc điểm cơ bản của trạng ngữ là gì?

***5-Hướng dẫn học bài:***

-Học thuộc lòng ghi nhớ,

-Chuẩn bị bài sau: Thêm trạng ngữ cho câu (tiếp theo).

**Rút kinh nghiệm**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 17/1/2016 Ngày dạy: 20/1/2016

**Tiết 87-88**:  **TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY**

-Giúp hs nắm được m.đích, t.chất và các yếu tố của phép lập luận chứng minh.

-Rèn khả năng nhận diện và p.tích 1 đề bài, 1 Văn Bản nghị luận chứng minh.

**B- CHUẨN BỊ**

-Những điều cần lưu ý: Trong văn nghị luận, CM là cách sử dụng lí lẽ, dẫn chứng để chứng tỏ một nhận định, luận điểm nào đó là đúng đắn. CM là khái niệm gần như tương đồng với các khái niệm như luận chứng, lập luận, chỉ cái cách vận dụng lí lẽ, dẫn chứng nhằm khẳng định 1 điểm nào đó là đúng đắn.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Trong văn nghị luận người ta thường sử dụng những ph.pháp lập luận nào ? (Suy luận nhân quả, suy luận tương đồng, tương phản...).

***3-Bài mới : ( Tiết 1)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hãy nêu ví dụ và cho biết: Trong đời sống khi nào người ta cần CM ?  -Khi cần CM cho ai đó tin rằng lời nói của mình là thật, em phải làm như thế nào ?  -Thế nào là CM trong đời sống ?  -Trong văn bản nghị luận, người ta chỉ sử dụng lời văn (không dùng nhân chứng, vật chứng) thì làm thế nào để chứng tỏ 1 ý kiến nào đó là đúng sự thật và đáng tin cậy ?  -Gv: Những dẫn chứng trong văn nghị luận phải hết sức chân thực, tiêu biểu. Khi đưa vào bài văn phải được lựa chọn, p.tích. Dẫn chứng trong văn chương cũng rất đa dạng đó là những số liệu cụ thể, những câu chuyện, sự việc có thật. Và dẫn chứng chỉ có g.trị khi có xuất xứ rõ ràng và được thừa nhận.  -Luẩn điểm cơ bản của bài văn này là gì ? Hãy tìm những câu văn mang luận điểm đó ?  -Để khuyên người ta “đừng sợ vấp ngã”, Bài văn đã lập luận như thế nào ?  -Các chứng cớ dẫn ra có đáng tin cậy không ? Vì sao ? (Rất đáng tin cây, vì đây đều là những người nổi tiếng, được nhiều người biết đến).  -Em hiểu thế nào là phép lập luận CM trong văn nghị luận ?  (Tiết 2):  -Hs đọc bài văn.  -Bài văn nêu lên luận điểm gì ?  -Hãy tìm những câu mang luận điểm đó ?  -Để chứng minh luận điểm của mình, người viết đã nêu ra những luận cứ nào? những luận cứ ấy có hiển nhiên, có sức thuyết phục không ?  -Cách lập luận CM của bài này có gì khác so với bài Đừng vấp ngã ? | *I****-Mục đích và phương pháp chứng minh:***  ***1-Trong đời sống:*** Có những trường hợp ta cần xác nhận 1 sự thật nào đó. VD: Khi cần xác nhận CM về tư cách công dân, ta đưa ra giấy chứng minh thư. Khi cần xác định, CM về ngày sinh của mình, ta đưa ra giấy khai sinh.  -Đưa ra những bằng chứng để thuyết phục, bằng chứng ấy có thể là người (nhân chứng), vật (vật chứng), sự việc, số liệu...  =>Ghi nhớ: sgk (42 ).  ***2-Trong văn bản nghị luận:***  Người ta chỉ dùng lí lẽ, dẫn chứng (thay bằng vật chứng, nhân chứng) để k.đ 1 nhận định, 1 luận điểm nào đó là đúng đắn.  ***3-Bài văn nghị luận:*** Đừng sợ vấp ngã.  -Luận điểm: Đã bao lần bạn vấp ngã mà không hề nhớ... không sao đâu. Và khi kết bài, tác giả nhắc lại 1 lần nữa luận điểm: Vậy xin bạn chớ lo sợ thất bại. Điều đáng lo sợ hơn là bạn...hết mình.  -Lập luận: Mọi người ai cũng từng vấp ngã, ngay những tên tuổi lừng lẫy cũng từng bị vấp ngã oan trái. Tiếp đó tác giả lấy dẫn chứng 5 danh nhân từ Oan-Đít-xnây đến En ri cô, Ca ru xô là những người đã từng vấp ngã, những vấp ngã không gây trở ngại cho họ trở thành nổi tiếng.  =>Ghi nhớ: sgk (42 ).  ***II-Luyện tập:*** Bài văn Không sợ sai lầm  a-Luận điểm: Không sợ sai lầm.  -Bạn ơi, nếu bạn muốn sống một đời mà không phạm chút sai lầm nào... hèn nhát trước cuộc đời.  -Một người mà lúc nào cũng sợ thất bại...không bao giờ có thể tự lập được.  -Một người mà không chịu mất gì thì sẽ không được gì ?  -Khi tiếp bước vào tương lai, bạn làm sao tránh được sai lầm.  b-Luận cứ:  -Bạn sợ sặc nước thì bạn không biết bơi, bạn sợ nói sai thì bạn không nói được ngoại ngữ.  -Một người không chịu mất gì thì sẽ không được gì.  -Tác giả còn nêu nhiều luận cứ và p.tích sai lầm cũng có 2 mặt, nó đem lại tổn thất nhưng lại đem đến bài học cho đời... Thất bại là mẹ thành công.  c-Cách lập luận CM ở bài này khác với bài Đừng sợ vấp ngã: Bài Không sợ sai lầm người viết dùng lí lẽ để CM, còn bài Đừng sợ vấp ngã chủ yếu dùng dẫn chứng để CM. |

***4- Củng cố:*** Mục đích và phương pháp chứng minh trong văn nghị luận là gì?

***5-Hướng dẫn học bài:*** -Học thuộc ghi nhớ, làm tiếp phần bài tập còn lại.

-Chuẩn bị bài sau: Cách làm bài văn lập luận chứng minh

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 24**

Ngày soạn: 27/1/2016 Ngày dạy: 6/2/2016

**TIẾT 89: THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU**

**(**TIẾP THEO**)**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Nắm được công dụng của Thành Ngữ : bổ xung những thông tin tình huống và liên kết các câu , các đoạn trong bài. Nắm được tác dụng của việc tách Thành Ngữ thành câu riêng: nhấn mạnh ý, chuyển ý hoặc bộc lộ cảm xúc.

**B-CHUẨN BỊ:**

-Đồ dùng: Bảng phụ.

-Những điều cần lưu ý: Về cấu tạo Thành Ngữ có thể là DT, ĐT, TT nhưng thường là cụm DT, cụm ĐT.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-Ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

- TN được thêm vào câu để làm gì ? Cho VD ?

- TN có thể đứng ở những vị trí nào trong câu ? Cho VD ?

***3***-Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc VD (bảng phụ).  -Tìm TN trong đoạn văn( a) của nhà văn Vũ Bằng ?  -Tìm trạng ngữ ở đoạn văn( b) ?  -TN không phải là thành phần bắt buộc của câu, nhưng vì sao trong các câu văn trên, ta không nên hoặc không thể lược bớt Thành Ngữ ?  -Em có nhận xét gì về cấu tạo của các Thành Ngữ trên ?  -Thành Ngữ ở trong các đoạn văn trên có công dụng gì?  -Trong văn nghị luận, em phải sắp xếp luận cứ theo những trình tự nhất định (th.gian, kh.gian, ng.nhân-k.quả...)  -Thành Ngữ có vai trò gì trong việc thể hiện trình tự lập luận ấy ?  -Thành Ngữ có những công dụng gì ?  -Hs đọc ví dụ.  -Tìm Thành Ngữ ở đọan văn ?  -Câu gạch chân có gì đặc biệt ? (là Thành Ngữ được tách thành câu riêng để nhấn mạnh ý).  -Việc tách Thành Ngữ thành câu riêng như trên có tác dụng gì ?  -Hs đọc đ.v.  -Tìm Thành Ngữ và nêu công dụng của Thành Ngữ trong đọan trích ?  -Chỉ ra các trường hợp tách Thành Ngữ thành câu riêng trong các chuỗi câu dưới đây. Nêu tác dụng của những câu do Thành Ngữ tạo thành ? | ***I-Công dụng của trạng ngữ:***  ***1-Ví dụ:***  a-Thường thường, vào khoảng đó  -Sáng dậy  -Trên giàn thiên lí  -Chỉ độ 8,9 giờ sáng, trên bầu trời trong trong  b-Về mùa đông  - Vì khi nói hoặc viết, nếu sử dụng các thành ngữ hợp lý sẽ làm cho câu văn được thể hiện sâu sắc, biểu cảm hơn  -Cụm DT, cụm ĐT, cụm TT  - a.Thành ngữ bổ sung thêm thông tin cho câu văn miêu tả được đầy đủ hơn, cụ thể hơn, biểu cảm hơn.  -b. Nếu không có thành ngữ thì câu văn sẽ thiếu cụ thể và khó hiểu  -Nối kết các câu văn, đoạn văn  \*Ghi nhớ1: sgk  ***II-Tách Thành Ngữ thành câu riêng:***  ***1-Ví dụ:***Người Việt Nam ngày nay có lí do đầy đủ và vững chắc *để tự hào với tiếng nói của mình*. ***Và để tin tưởng hơn nữa vào tương lai của nó***.  \*Ghi nhớ 2: sgk (47).  ***III-Luyện tập:***  ***1-Bài 1:***  a-ở loại bài thứ nhất  -ở loại bài thứ hai  b-Lần đầu tiên chập chững bước đi, lần đầu tiên tập bơi, lần đầu tiên chơi bóng bàn.  ->Tác dụng: bổ xung những thông tin tình huống, vừa có tính liên kết các luận cứ trong mạch lập luận của bài văn, vừa giúp cho bài văn rõ ràng, dễ hiểu.  ***2-Bài 2 :***  a-Năm 72. ->Tách Thành Ngữ có tác dụng nhấn mạnh tới thời điểm hi sinh của nhân vật được nói đến trong câu đứng trước.  b-Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những tiếng đờn li biệt, bồn chồn. ->Làm nổi bật thông tin ở nòng cốt câu (Bốn người lính đều cúi đầu, tóc xoã gối.).Nếu không tách Thành Ngữ ra thành câu riêng, thông tin ở nòng cốt câu có thể bị thông tin ở Thành Ngữ lấn át (Bởi ở vị trí cuối câu, Thành Ngữ có ưu thế được nhấn mạnh về thông tin). Sau nữa việc tách câu như vậy còn có tác dụng nhấn mạnh sự tương đồng của thông tin mà Thành Ngữ biểu thị, so với thông tin ở nòng cốt câu. |

***4-Củng cố***-Học thuộc ghi nhớ, làm bài còn lại

***5-Hướng dẫn học bài:***

-Đọc bài: Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 27/1/2016 Ngày dạy: 6/2/2016

**TIẾT 90: KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Biết củng cố và hệ thống hoá lại những kiến thức đã học về: Trạng ngữ, câu rút gọn, câu đ.biệt và phép so sánh.

-Rèn kĩ năng trình bày bài rõ ràng, mạch lạc.

**B. CHUẨN BỊ:**

Thầy soạn bài , đọc tài liệu, ra đề , đáp án, biểu điểm chấm

Trò đọc SGK, làm BT

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Kiểm tra tập trung tại lớp

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra***

***3- Bài mới:***

**A.Đề bài:**

***I-Trắc nghiệm: 3 điểm.***

Đọc kĩ đoạn văn và trả lời các câu hỏi:

Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đùng đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy rạo rực 1 niềm vui sáng sủa. Trên giàn thiên lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sóng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột.

(Mùa xuân của tôi – Vũ Bằng).

1-Đoạn văn có mấy câu:

a.Hai câu. b.Ba câu. c.Bốn câu. d.Năm câu.

2-Trong đoạn văn có mấy câu có trạng ngữ:

a.Một câu. b.Hai câu. c.Ba câu. d.Bốn câu.

3-Đoạn văn có mấy câu rút gọn:

a.Không có. b.Một câu. c.Hai câu. d.Ba câu.

4-Đoạn văn có mấy câu đặc biệt:

a.Một câu. b.Hai câu. c.Ba câu. d.Bốn câu.

5-Đoạn văn có sử dụng mấy phép so sánh:

a.Một. b.Hai. c.Ba. d.Bốn.

6-Trạng ngữ: Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong (câu 4) là trạng ngữ gì :

a.Trạng ngữ cách thức. b.Trạng ngữ thời gian.

c.Trạng ngữ không gian. d.Cả b và c

***II-Tự luận: 7 điểm.***

1-Trạng ngữ có những công dụng gì ?

2-Tìm 5 thành ngữ biểu thị ý nghĩa chạy rất nhanh, rất gấp ?

3-Viết đoạn văn có sử dụng 1 trong 5 thành ngữ vừa tìm được ?

**B.Đáp án:**

***I-Trắc nghiệm:*** 3 điểm – Mỗi câu đúng 0,5 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | câu 1 | câu 2 | câu 3 | câu 4 | câu 5 | câu 6 |
| Đáp án | c | d | b | a | b | d |

***II-Tự luận:*** 7 điểm.

Câu 1: 2 điểm.

Trạng ngữ có những công dụng sau:

-Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung của câu được đầy đủ, chính xác.

-Nối kết các câu, các đoạn với nhau, góp phần làm cho đoạn văn,bài văn được mạch lạc.

Câu 2: 2,5 điểm – Mỗi thành ngữ 0,5 điểm.

Câu 3: 1,5 điểm.

Viết được đoạn văn có 1 trong 5 thành ngữ vừ tìm trên.

***4-Củng cố:***

Gv nhận xét ý thức làm bài của hs và thu bài.

***5-Hướng dẫn học bài:***

-Chuẩn bị bài: Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.

**Rút kinh nghiệm:**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Ngày soạn: 27/1/2016 Ngày dạy: 8/2/2016

**TIẾT 91: CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Ôn lại những kiến thức cần thiết (về tạo lập văn bản, về văn bản lập luận chứng minh) để việc học cách làm bài có cơ sở chắc chắn hơn.

-Bước đầu nắm được cách thức cụ thể trong việc làm bài văn lập luận chứng minh, những điều cần lưu ý và những lỗi cần tránh trong lúc làm bài

**B. CHUẨN BỊ:**

Thầy soạn bài , đọc tài liệu

Trò đọc SGK

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Thế nào là phép lập luận chứng minh ? Các lí lẽ, bằng chứng trong phép lập luận Chứng Minh cần phải như thế nào ?

***3***-Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc đề bài.  -Em hãy nhắc lại qúa trình làm một bài văn nói chung ? (4 bước: tìm hiểu đề và tìm ý, lập dàn bài, viết bài, đọc và sửa chữa).  -Đề bài trên thuộc kiểu bài gì ?  -Nội dung cần chứng minh là gì ?  -Ta có thể chứng minh câu tục ngữ trên bằng những cách nào ?  -Hs đọc dàn bài trong sgk.  -Dàn bài của bài lập luận chứng minh gồm những phần nào ? Nhiệm vụ của từng phần là gì ?  -Hs đọc 3 cách MB trong sgk.  -GV đọc 2 đoạn CM phần TB trong sách Bồi dưỡng năng lực làm văn 7  -Hs đọc 3 cách KB trong sgk.  -Hs đọc ghi nhớ.  -Hs đọc 2 đề bài.  -Em sẽ làm theo các bước như thế nào ?  - Hai đề này có gì giống và khác so với đề văn đã làm mẫu ở trên ? | ***I-Các bước làm bài văn lập luận chứng minh:***  \*Đề bài: Nhân dân ta thường nói: “Có chí thì nên”. Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó.  ***1-Tìm hiểu đề và tìm ý:***  -Kiểu bài: Chứng minh.  -Nội dung: Người nào có lí tưởng, có hoài bão, có nghị lực vững vàng, người đó sẽ thành công trong cuộc sống.  -Phương pháp Chứng Minh: Có 2 cách lập luận  +Nêu dẫn chứng xác thực (Đừng sợ vấp ngã).  +Nêu lí lẽ (không sợ sai lầm).  ***2-Lập dàn bài:***  a-MB: Nêu luận điểm cần được Chứng Minh.  b-TB: Nêu lí lẽ và dẫn chứng để chứng tỏ luận điểm là đúng đắn.  c-KB: Nêu ý nghĩa của luận điểm.  ***3-Viết bài:***Viết từng đoạn MB->KB.  a-Có thể chọn 1 trong 3 cách MB trong sgk.  b-TB:  -Viết đoạn phân tích lí lẽ.  -Viết đoạn nêu các dA.c tiêu biểu.  c-KB: Có thể chọn 1 trong 3 cách KB trong sgk.  ***4-Đọc và sửa chữa bài:***  \*Ghi nhớ: sgk  ***II-Luyện tập:***  1-Để thực hiện các đề bài trên đây em sẽ thực hiện các bước như sau:  a-Về qui trình các bước làm bài: 4 bước.  b-Về cách lập luận:  -Hệ thống luận điểm phải sắp xếp theo một trật tự hợp lí.  -Các luận điểm có thể sắp xếp theo nhiều cách: theo trình tự thơi gian (trước-sau), theo trình tự không gian.  2-Hai đề trên có ý nghĩa tương tự là khuyên nhủ con người phải bền lòng vững chí khi làm việc, nhất là việc to lớn có ảnh hưởng đến sự nghiệp.  Tuy nhiên ở 2 đề này cũng có sự khác nhau:  -Khi Chứng Minh câu: “Có công mài sắt, có ngày nên kim” cần nhấn mạnh vào chiều thuận: hễ có lòng quyết tâm thì việc khó như mài sắt thành kim cũng có thể làm được.  -Nhưng Chứng Minh bài : “Không có việc gì khó” ta phải chú ý cả 2 chiều thuận nghịch. Nếu lòng không bền thì không thể làm nên việc, còn đã quan tâm thì có thể “Đào núi lấp biển” vẫn có thể làm được. |

***4- Củng cố:*** Nêu các bước làm bài văn lập luận chứng minh

***5-Hướng dẫn học bài:***

-Học thuộc lòng ghi nhớ, làm tiếp phần luyện tập.

-Chuẩn bị bài: Luyện tập lập luận chứng minh.

**Rút kinh nghiệm**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Ngày soạn: 27/1/2016 Ngày dạy: 8/2/2016

**TIẾT 92:LUYỆN TẬP LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY**

-Củng cố những hiểu biết về cách làm bài lập luận chứng minh.

-Vận dụng được những hiểu biết đó vào việc làm 1 bài văn Chứng Minh cho 1 nhận định, 1 ý kiến về 1 vấn đề xã hội gần gũi, quen thuộc.

**B. CHUẨN BỊ:**

Thầy soạn bài , đọc tài liệu

Trò đọc SGK

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

-Nêu các bước làm một bài văn lập luận chứng minh ?

-Nêu dàn ý của bài văn lập luận chứng minh ?

***3***-Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc đề bài.  -Đề bài trên thuộc kiểu bài nào ?  -Đề bài yêu cầu Chứng minh vấn đề gì ?  -Em hiểu ăn quả nhớ kẻ trồng cây và uống nước nhớ nguồn là gì ?  -Yêu câu lập luận Chứng Minh ở đây đòi hỏi phải làm như thế nào ? (Đưa ra và phân tích những chứng cớ thích hợp để cho người đọc hoạc người nghe thấy rõ điều nêu ở đề bài là đúng đắn, là có thật).  -MB cho bài CM cần làm gì ?  ( +Dẫn dắt vào đề:  +Chép câu trích:  +Chuyển ý: ).  -Phần TB cần phải thực hiện những nhiệm vụ gì ? (+Giải thích câu tục ngữ:  +Chứng minh theo trình tự th.gian:  Ngày xưa:  Ngày nay:  -Kết bài cần làm gì ?  (+Tổng kết đánh giá chung:  +Rút ra bài học:  +Nêu suy nghĩ: ).    -Chia 2 nhóm: Nhóm 1 viết phần MB và phần giải thích 2 câu tục ngữ ; nhóm 2 viết phần TB theo trình tự thời gian và phần KB.  -Lần lượt các nhóm lên trình bày phần đã chuẩn bị của nhóm mình.  -Các nhóm nhận xét, đánh giá phần trình bày của nhóm mình và của nhóm bạn.  -Gv nhận xét chung và cho điểm theo nhóm. | \*Đề bài: Chứng Minh rằng nhân dân Việt Nam từ xưa đến nay luôn luôn sống theo đạo lí “Ăn quả nhớ kể trồng cây”, “Uống nước nhớ nguồn”.  ***I-Chuẩn bị ở nhà:***  ***1-Tìm hiểu đề:***  -Kiểu bài : Chứng minh.  -Nội dung: Lòng biết ơn những người đã tạo ra thành quả để mình được hưởng. Phải nhớ về cội nguồn. Đó là một đạo lí sống đẹp đẽ của người Việt Nam.  ***2-Lập dàn ý:***  *a-MB:*  Để tỏ lòng biết ơn những ai đã đem đến cuộc sống ổn định, yên vui, tục ngữ xưa có câu:  “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”,  “Uống nước nhớ nguồn”.  Đạo lí cao đẹp đó đang ngời sáng trên bầu trời nhân nghĩa.  *b-TB:*  - Hễ ăn trái cây thì phải ghi nhớ công lao và công ơn của người trồng cây... Cũng như có được dòng nước mát phải nhớ ơn nơi xuất hiện dòng nước.  - Hai câu tục ngữ cùng giáo dục người đời phải nghĩ đến công lao những ai đã đem lại cho mình cuộc sống yên vui, hạnh phúc...  \*Dùng lí lẽ để diễn giải nội dung vấn đề Chứng Minh.  -Những biểu hiện cụ thể trong đời sống:  +Lễ hội trong làng.  +Ngày giỗ, ngày thượng thọ,...  +Ngày thương binh liệt sĩ, ngày nhà giáoViệt Nam,...  +Phong trào thanh niên tình nguyện.  -Suy nghĩ về lòng biết ơn, đền ơn: Xây nhà tình nghĩa, xây dựng quĩ xoá đói giảm nghèo, chăm sóc mẹ Việt Nam anh hùng,...  *c-KB:*  -Nói chung, nhớ ơn người đã đem lại hạnh phúc, đem lại cuộc sống tốt đẹp cho ta là đạo lí... Đó là bài học muôn đời... Chúng ta hãy phát huy truyền thống tốt đẹp đó của cha ông...  ***3-Viết thành bài văn:***  ***4-Đọc và sửa chữa bài:***  ***II-Thực hành trên lớp:*** |

***4- Củng cố:*** HS đọc bài vừa viết

**5*-Hướng dẫn học bài:***

-Về nhà viết hoàn chỉnh bài văn trên.

-Chuẩn bị viết bài TLV số 5 – Văn lập luận chứng minh.

**Rút kinh nghiệm**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TUẦN 25**

Ngày soạn: 7/2/2016 Ngày dạy: 10/2/2016

**TIẾT 93: ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ**

***(Phạm Văn Đồng)***

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Cảm nhận được 1 trong những phẩm chất cao đẹp của Bác Hồ là đức tính giản dị: giản dị trong lối sống, trong quan hệ với mọi người, trong việc làm và lời nói, bài viết.

-Nhận ra và hiểu được nghệ thuật nghị luận của tác giả trong bài, đặc biệt là việc nêu dẫn chứng cụ thể, toàn diện, rõ ràng, kết hợp với giải thích, bình luận ngắn gọn mà sâu sắc.

-Rèn kĩ năng đọc và phân tích văn bản nghị luận.

**B-CHUẨN BỊ:**

-Đồ dùng: Tranh ảnh về Chủ Tịch HCM và thủ tướng Phạm Văn Đồng.

-Những điều cần lưu ý: Đây là bài viết nghị luận Chứng Minh.Thao tác nghị luận chủ yếu là dùng dẫn chứng và sắp xếp các dẫn chứng ấy theo 1 hệ thống lập luận hợp lí.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Văn bản “Sự giàu đẹp của Tiếng Việt” đã đem lại cho em những hiểu biết sâu sắc nào về Tiếng Việt ? Nghệ thuật nghị luận của tác giả có gì nổi bật ?

***3-Bài mới:***

Chúng ta nhất là thanh, thiếu niên Việt Nam đã từng được nghe nhiều người kể chuyện về Chủ Tịch Hồ Chí Minh, về những kỷ niệm được gặp Bác Hồ, được làm việc bên Bác, học tập ở Bác biết bao điều bổ ích. Văn Bản Đức tính giản dị của Bác Hồ sẽ giúp chúng ta hiểu thêm về Bác kính yêu.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Dựa và phần chú thích\*, em hãy nêu 1 vài nét về tác giả Phạm Văn Đồng ?  -Nêu xuất xứ của văn bản ?  -Hd đọc: Đọc rõ ràng, mạch lạc, sôi nổi, lưu ý những câu cảm.  -Giải thích từ khó.  -Trong văn bản này, tác giả đã kết hợp các kiểu nghị luận chứng minh, giải thích, bình luận. Theo em kiểu nghị luận nào là chính ?  -Vấn đề mà tác giả nghị luận là gì?(Đ.tượng-Đề tài nghị luận-Luận điểm chính) ?  -Tác giả đã chứng minh ở những ph.diện nào trong đời sống và con người của Bác ?  -ở bài này tác giả đã lập luận theo trình tự nào ?  -Dựa vào trình tự lập luận, em hãy nêu bố cục của bài văn ?  -Gv: Vì là đoạn trích nên văn bản này không đủ 3 phần như trong bố cục thông thường của bài văn nghị luận.?  -Câu văn nêu luận điểm chính của bài cho ta hiểu gì về Bác ?  -Từ “với” biểu thị q.hệ gì giữa 2 vế câu ? Tác dụng của sự đối lập đó là gì  -Câu nào là câu giải thích nhận xét chung ấy ?  -Đức tính giản dị của Bác được tác giả nhận định bằng những từ nào ?  -Lời giải thích này có tác dụng gì ?  -Lời nhận định đó đã thể hiện thái độ gì của tác giả ?  -Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả ở đoạn văn này ?  -Gv: Như vậy là phẩm chất vừa vĩ đại vừa giản dị của Hồ Chủ Tịch luôn hướng về nhân dân, gắn bó với hạnh phúc của nhân dân. Sự trong sáng, thanh bạch của Bác vừa bắt nguồn từ nhân dân vừa bổ xung nâng cao cuộc đời và phẩm giá làm người trong sáng, thanh bạch.  -Hs đọc Đ3,4,5-ý chính của 3 đoạn này là gì ?  -Đ3 CM sự giản dị của Bác ở mặt nào  -ở Đ3, tác giả đã đề cập tới 2 phương diện trong lối sống giản dị của Bác. Đó là những phương diện nào ?  -Để làm rõ nếp sinh hoạt giản dị của Bác, tác giả đã đưa ra những chứng cớ nào ?  -Em có nhận xét gì về các dẫn chứng mà tác giả đưa ra ở đây ?  -Các dẫn chứng trên cho ta hiểu thêm gì về Bác ?  -Phương diện thứ 2 trong lối sống giản dị của Bác là gì ?  -Để thuyết phục bạn đọc về sự giản dị của Bác trong quan hệ với mọi người, tác giả đã đưa ra những d.chứng cụ thể nào ?  -Em có nhận xét gì về cách nêu dẫn chứng ở đây ?  -Những dẫn chứng nêu ra ở đây có ý nghĩa gì ?  -Gv: Tiếp theo, tác giả giải thích cội nguồn, đối chiếu đức tính giản dị của Bác bằng lí lẽ dễ hiểu mà sâu sắc: Bác sống giản dị không phải là theo lối sống khắc khổ của các nhà tu hành, cũng không phải kiểu của các nhà hiền triết ẩn dật. Sống giản dị về đời sống vật chất bởi vì Bác Hồ có đời sống tinh thần phong phú. Đó là cuộc sống của người làm cách mạng, vì 1 lí tưởng cao đẹp. Có thể nói phong cách sống giản dị của Bác Hồ:  -Đây có phải là câu văn sơ kết đoạn văn không ? Tác dụng của nó là gì ?  -Câu văn sơ kết đoạn văn có ý nghĩa gì  -Để làm sáng tỏ sự giản dị trong cách nói và viết của Bác, tác giả đã dẫn những câu nói nào của Bác ?  -Vì sao tác giả lại dẫn những câu nói này ?  -Khi nói và viết cho quần chúng nhân dân, Bác đã dùng những câu rất giản dị, vì sao ?  -Những lời nói và viết của Bác có tác dụng gì ?  -Tác giả đã bình luận như thế nào về tác dụng của lối nói giản dị mà sâu sắc của Bác ?  -Lời bình luận này có ý nghĩa gì ?  -Văn Bản này cho em hiểu biết thêm gì về Bác ?  -Em học tập được gì về cách nghị luận của tác giả ?  -Hs đọc ghi nhớ.  -Qua Văn Bản, em hiểu gì về tình cảm của tác giả đối với Bác ?  -Tìm một số ví dụ chứng minh sự giản dị trong thơ văn của Bác ? | I. Đọc –tìm hiểu chung  1. Tác giả  - Phạm Văn Đoàng là nhà canh mạng nổi tiếng, là nhà văn hóa lớn , quê ở tỉnh Quảng Ngãi.  - Ông từng là thủ tướng chính phủ trên 30 năm , là người cộng sự gần gủi của HCM.  - Văn bản được trích trong tác pẩm “ Chủ tịch HCM, tinh hoa và khí phách của dât tộc, lương tâm của thời đại”, diễn văn trong lễ kỉ niệm 80 năm ngày sinh của Bác ( 1970 )  2. Tác phẩm  \* Thể loại : Nghị luận  a. Đọc  b. Giải thích từ khó:  c. Bố cục: 2 phần  Bài chỉ có 2 phần MB và TB.  -Hs đọc Đ1,2-ý chính của đoạn này là gì ?  -ở phần mở đầu, câu văn nào nêu nhận xét chung ? Đây có phải là câu văn nêu luận điểm chính của bài không ?  II. Đọc-Hiểu văn bản:  1. Nhận định về đức tính giản dị của Bác Hồ.  Luận điểm: Sự nhất quán giữa cuộc đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với cuộc sống bình thường của Bác.  2. Những biểu hiện của đức tính giản dị của Bác Hồ.    a. Sự giản dị trong lối sống  - Bữa cơm chỉ vẻn vẹn vài ba mó, khoi ăn Bác không để rơi vãi một hột cơm.  - Ăn xong cái bát baoo giờ cũng sạch sẽ và thức ăn sắp xếp tươm tất    b. Sự giản dị trong tác phong sinh hoạt và quan hệ với mọi người  - Nhà sàn chỉ có vài ba phòng  - Trồng cây trong vườn, viết thư cho đồng chí, nói chuyện với các cháu thiếu nhi, đi thăm nhà ăn tập thể…  - Bác tự làm mọi việc  -> Liệt kê dẫn chứng sát thực, cụ thể  Đời sống vật chất giản dị hòa hợp với đời sống tinh thần phong phú  c. Kết thúc vấn đề:  Giản dị trong lời nói và bài viết  “ Không có gì quý hơn độc lập, tự do”  -> Chân lí giản dị mà sâu sắc  Vì muốn cho quần chúng hiểu được, nhớ được, làm được.  III. Tổng kết  Cùng với nhiều phẩm chất cao quí khác, giản dị là đức tính nổi bật ở Bác Hồ. Giản dị trong đời sống, trong q.hệ với mọi người, Bác Hồ cũng giản dị trong lời nói và bài viết. ở Bác đời sống vật chất giản dị hoà hợp với đời sống tinh thần phong phú, với tư tưởng và tình cảm cao đẹ).  \* Ghi nhớ:SGK/55  IV.Luyện tập:  \* Bài tập 1:  “ Sáng ra bờ suối tối vào hang.  Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sang.  Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng.  Cuộc đời cách mạng thật là sang.”  (Tức cảnh Pác Bó – Tố Hữu |

***4- Củng cố:*** Nêu những nét chính về biểu hiện về sự giản dị của Bác

**5*-Hướng dẫn học bài:***

Soạn bài Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động

**Rút kinh nghiệm**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Ngày soạn: 7/2/2016 Ngày dạy: 10/2/2016

**TIẾT 94 CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG**

**THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG**

**A- MỤC TIÊU BÀI DẠY**

-Nắm được khái niệm câu chủ động, câu bị động.

-Nắm được mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.

-Rèn kĩ năng sử dụng câu chủ động, câu bị động linh hoạt trong nói, viết.

**B- CHUẨN BỊ**

-Đồ dùng: Bảng phụ.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1- Ổn định lớp***

***2-Kiểm tra:***

Trạng ngữ có những công dụng gì ?

***3-Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Hs đọc ví dụ (bảng phụ).  -Xác định Chủ Ngữ của các câu bên ? Chủ Ngữ của câu a là ai ? Thực hiện hành động gì ? Hướng vào ai ?  -Chủ Ngữ của câu b là ai ? Hành động của người khác hướng về CN đó là gì ?  -Nêu ý nghĩa của CN trong các câu trên, khác nhau như thế nào ?  -Gv: câu a là câu chủ động, câu b là câu bị động.  -Em hiểu thế nào là câu chủ động, thế nào là câu bị động ?  -Hs đọc ví dụ (bảng phụ).  -Em sẽ chọn câu a hay câu b để điền vào chỗ có dấu ba chấm trong đoạn văn?  -Giải thích vì sao em lại chọn cách viết như vậy ?  -Việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động và ngược lại, nhằm mục đích gì ?  -Tìm câu bị động trong các đoạn trích dưới đây ?  - Giải thích vì sao tác giả chọn cách viết như vậy ? | ***I-Câu chủ động và câu bị động:***  \*Ví dụ:  a-Mọi người / yêu mến em. ->CN biểu thị người thực hiện 1 hành động hướng đến người khác (hay CN biểu thị chủ thể của hành động.)  b-Em / được mọi người yêu mến. ->CN biểu thị người được hành động của người khác hướng đến (hay CN biểu thị đối tượng của hành động).  \*Ghi nhớ1: sgk  ***II-Mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động:***  \*Ví dụ:  -Chọn câu b. Em được mọi người yêu mến.  -Vì nó giúp cho việc liên kết câu trong đoạn được tốt hơn.Câu đi trước đã nói về Thủy-thông qua Chủ ngữ em tôi,vì vậy sẽ là hợp lý và dễ hiểu hơn nếu câu sau cũng tiếp tục nói về Thủy-thông qua Chủ ngữ em.  \*Ghi nhớ 2: sgk (58 ).  ***III-Luyện tập:***  \*Các câu bị động:  -Có khi (các thứ của quí) được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê.  -Tác giả “Mấy vần thơ ” liền được tôn làm đương thời đệ nhất.  \*Trong các VD trên đây, tác giả chọn câu bị động nhằm tránh lặp lại kiểu câu đã dùng trước đó, đồng thời tạo liên kết tốt hơn giữa các câu trong đoạn. |

***4- Củng cố*** Muốn chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động ta làm ntn?

***5-Hướng dẫn học bài:*** -Học thuộc 2 ghi nhớ; đặt 5 câu chủ động, 5 câu bị động.

-Chuẩn bị bài sau: (Tiếp theo).

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 7/2/2016 Ngày dạy: 15/2/2016

**TIẾT 95,96: VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5 VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

**A.MỤC TIÊU BÀI DẠY**

-Ôn tập về cách làm bài văn lập luận chứng minh, cũng như về các kiến thức văn và tiếng Việt có liên quan đến bài làm, để có thể vận dụng kiến thức đó vào việc làm 1 bài văn lập luận chứng minh cụ thể.

-Có thể tự đánh giá chính xác hơn trình độ TLV của bản thân để có phương hướng phấn đấu phát huy ưu điểm và sửa chữa nhược điểm.

**B.CHUẨN BỊ**

-Những điều cần lưu ý: Gv cần định hướng với học sinh về các yêu cầu chính của bài văn: phạm vi, nội dung của đề tài, kiểu Văn bản phải tạo lập, những điều học sinh cần đạt được và những điều cần tránh trong bài làm.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1-Ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra:*** *Sự chuẩn bị của HS*

***3- Bài mới***

**I. Đề bài:**

Hãy chứng minh rằng đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất lớn nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường sống.

**II. Đáp án:**

***1. Mở bài : 1 điểm.***

(Nêu luận điểm cần chứng minh - dẫn dắt vào đề - chuyển ý).

Nếu ngoài đời con người sinh hoạt rất thoải mái, bừa bãi... Nói chung họ chẳng có ý thức bảo vệ môi trường sống... Vì vậy chính con người phải chuốc lấy những tổn hại khốc liệt. Chúng ta sẽ làm sáng tỏ việc này.

***2. Thân bài : 8 điểm.***

Dùng lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh. (4 điểm)

-Lí lẽ: Thật không sai, hằng ngày mỗi người đều lo lắng cho cuộc sống: chỗ ở, miếng ăn, sinh hoạt, giao lưu làm việc... Chung quanh ta là cơ sở hạ tầng: cầu cống, mương rạch, sông ngòi, đường xá...

Vì sao cống rãnh bị tắc ? Con mương nước đọng đen ngòm ? Rác đầy đường ? Mùi hôi thối xông lên... Bệnh ngoài da, bệnh đường hô hấp, bệnh đau mắt... Tất cả là do con người không có ý thức giữ gìn sạch đẹp môi trường...

-Dẫn chứng thực tế: (4 điểm)Thực tế cho thấy, vì con người không có ý thức bảo vệ môi trường sống, nên chính họ mang tai hoạ bi thảm:

+Mưa xuống đường ngập nước vì cống rãnh bị tắc.

+Nước mương rạch thối gây bệnh ngoài da.

+Súc vật chết, ném bừa bãi, gây bệnh dịch hạch...

+Những chỗ nước đọng sinh muỗi, gây bệnh sốt xuất huyết...

***3. Kết bài : 1 điểm.***

(Tổng kết đánh giá chung, rút ra bài học, suy nghĩ).

Tất cả chỉ tại con người không giữ gìn sạch đẹp môi trường sống.

Nói tóm lại muốn tránh những tổn hại đáng tiếc đó, mỗi người phải góp công sức bảo vệ trong sạch môi trường sống của thiên nhiên.

***4-Củng cố:***

-Giáo viên nhận xét ý thức làm bài của học sinh.

-Thu bài.

***5-Hướng dẫn học bài:***

-Tiếp tục ôn lí thuyết về văn lập luận chứng minh.

-Chuẩn bị bài sau: Luyện tập viết đoạn văn chứng minh.

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 26**

Ngày soạn:15/2/2016 **168,**

**N**gày dạy:17/2/2016

**Tiết 97 *Văn bản:* Ý NGHĨA VĂN CHƯƠNG**

***(Hoài Thanh)***

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Hiểu được quan niệm của Hoài Thanh về nguồn gốc cốt yếu, nhiệm vụ và công dụng của văn chương trong lịch sử loài người.

-Hiểu được phần nào trong cách nghị luận văn chương của Hoài Thanh.

-Rèn kĩ năng phân tích văn nghị luận chứng minh.

**B-CHUẨN BỊ**

Ảnh chân dung Hoài Thanh:

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm. tích hợp bộ môn....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra***

Trong văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ”, luận đề được triển khai thành mấy luận điểm, đó là những luận điểm nào ? (2 luận điểm: Giản dị trong lối sống và giản dị trong nói, viết).

***3.Bài mới: Chúng ta đã được học những áng văn chương như: cổ tích, ca dao, thơ, truyện,... Chúng ta đến với văn chương một cách hồn nhiên, theo sự rung động của tình cảm. Nhưng mấy ai đã suy ngẫm về ý nghĩa của văn chương đối với bản thân ta cũng như với mọi người. Vậy văn chương có ý nghĩa gì ? Đọc văn chương chúng ta thu lượm được những gì ? Muốn giải đáp những câu hỏi mang tính lí luận sâu rộng rất thú vị ấy, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu bài “ý nghĩa văn chương” của Hoài Thanh-một nhà phê bình văn học có tiếng.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung cần đạt** |
| -Dựa vào chú thích\*, em hãy nêu hiểu biết của mình về tác giả Hoài Thanh ?  -Em hãy nêu xuất xứ của văn bản ?  -GV: “Bài Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” là văn chính luận bàn về vấn đề chính trị xã hội. “Còn bài ý nghĩa văn chương” là thuộc thể nghị luận văn chương, bàn về vấn đề thuộc văn chương. Vì là đoạn trích trong 1 bài nghị luận dài nên Văn Bản chúng ta học không đầy đủ 3 phần hoàn chỉnh.  -Hd đọc: Giọng chậm rãi, sâu lắng, rành mạch, biểu lộ cảm xúc.  -Ta có thể chia bài văn thành mấy phần, ý của từng phần là gì ?  -Hs đọc đoạn 1,2,3,4.  -ở đoạn 1, tác giả đi tìm ý nghĩa văn chương bắt đầu từ câu chuyện gì ? Đây có phải là dẫn chứng không ?  -Vậy đâu là câu văn nêu lí lẽ ?  -Câu chuyện này cho thấy tác giả muốn cắt nghĩa nguồn gốc của văn chương như thế nào ?  -Từ câu chuyện ấy tác giả đi đến kết luận gì ? Đây có phải là luận điểm không ?  -Em có nhận xét gì về vị trí của luận điểm trong đoạn văn? Vị trí ấy cho thấy luận điểm đã được trình bày theo cách nào ?  -Em hiểu luận điểm này như thế nào ?  -GV: Câu chuyện có lí lẽ là một chuyện hoang đường, song không phải là không có ý nghĩa. Đây chính là lí lẽ để chuyển tiếp đến luận điểm.  -Để làm rõ hơn nguồn gốc tình cảm nhân ái của văn chương, tác giả nêu tiếp 1 nhận định về vai trò tình cảm trong sáng tạo văn chương, đó là những câu văn nào  -Em hiểu nhận định này như thế nào ?  -Hãy tìm 1 số tác phẩm văn chương đã học để chứng minh cho quan niệm văn chương nhân ái của Hoài Thanh ?  -Gv: Đọc văn chương, ta thấy có những bài xuất phát từ tình thương người như : Chiều chiều ra đứng ngõ sau..., nhưng cũng có những bài xuất phát từ tình cảm đả kích châm biếm như : Số cô chẳng giàu thì...  Thảo luận:  Từ thực tế đó, em có suy nghĩ gì về quan điểm văn chương của Hoài Thanh ? Vì sao?  -HS đọc đoạn 5,6,7,8.  -Hoài Thanh đã bàn về công dụng của văn chương đối với con người bằng những câu văn nào ?  -ở câu thứ nhất, tác giả nhấn mạnh công dụng nào của văn chương?  -ở câu thứ 2, tác giả đã cho thấy công dụng nào của văn chương ?  -Kết hợp lại, Hoài Thanh đã cho ta thấy công dụng lạ lùng nào của văn chương đối với con người ?  -Em có nhận xét gì về nghệ thuật nghị luận của tác giả ?  -Tiếp theo, Hoài Thanh giành 2 câu văn để nói về công dụng xã hội của văn chương, đó là 2 câu văn nào ?  -Câu 1, tác giả muốn ta tin vào sức mạnh nào của văn chương ?  -Câu 2, tác giả muốn ta cảm nhận sức mạnh nào của văn chương ?  -Hai câu văn trên, cho ta hiểu thêm gì về ý nghĩa của văn chương ?  -Gv: Rõ ràng văn chương đã bồi đắp cho chúng ta biết bao tình cảm trong sáng, hướng ta tới những điều đúng, những điều tốt và những cái đẹp. Văn chương góp phần tôn vinh cuộc sống của con người. Có nhà lí luận nói: chức năng của văn chương là hướng con người tới những điều chân, thiện, mĩ. Hoài Thanh tuy không dùng những từ mang tính khái quát như thế, nhưng qua lí lẽ giản dị, kết hợp với cảm xúc nhẹ nhàng và lời văn giàu hình ảnh, cũng đã nói được khá đầy đủ công dụng, hiệu quả, t.dụng của văn chương. Nói khác đi bài viết của Hoài Thanh là những lời đẹp, những ý hay ca ngợi văn chương, tôn vinh tài hoa và công lao của các văn nghệ sĩ.  -Bài văn đã cho em hiểu biết thêm gì về ý nghĩa của văn chương ? Em học tập được gì về cách nghị luận của tác giả ?  -Qua Văn Bản này, em hiểu thêm gì về tác giả Hoài Thanh ?  -Hoài Thanh viết: "Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có". Hãy dựa vào kiến thức văn học đã có, giải thích và tìm dẫn chứng để chứng minh cho câu nói đó | ***I*-Đọc, tìm hiểu chung:**  ***1-Tác giả:***Hoài Thanh (1909-1982).  -Là nhà phê bình văn học xuất sắc.  ***2-Tác phẩm:***  \*Xuất xứ: Viết 1936, in trong sách "Văn chương và hoạt động".  \*Bố cục: 2 phần.  -Đ1,2,3,4: Nguồn gốc của văn chương.  -Đ5,6,7,8: Công dụng của văn chương.  **II-Đọc-Hiểu văn bản:**  1-*Nguồn gốc của văn chương:*  -Chuyện con chim bị thương-Tiếng khóc của thi sĩ . ->Dẫn chứng thực tế  -“Tiếng khóc ấy,nhịp đau thương ấy chính là nguồn gốc của thi ca”  =>Văn chương xuất hiện khi con người có cảm xúc mãnh liệt.  -Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài.  ->Luận điểm ở cuối đoạn-Thể hiện cách trình bày theo lối qui nạp từ cụ thể đến khái quát.  =>Nhân ái là nguồn gốc chính của văn chương.  -Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế văn chương còn sáng tạo ra sự sống.  Vậy thì, hoặc hình dung sự sống, hoặc sáng tạo ra sự sống, nguồn gốc của văn chương đều là tình cảm, là lòng vị tha.  =>Văn chương phản ánh và sáng tạo ra đời sống, làm cho đời sống trở nên tốt đẹp hơn.  -VD:Ca dao dân ca vê tình cảm gia đình, về tình yêu quê hương đất nước...  -Đúng nhưng chưa toàn diện.Vì có thứ văn chương thương người nhưng cũng có thứ văn chương châm biếm đả kích.  *2-Công dụng của văn chương:*  -Một người hằng ngày chỉ... hay sao ?  -Văn chương gây cho ta... nghìn lần.  -Khơi dậy những cảm xúc cao thượng của con người  -Rèn luyện,mở rộng thế giới tình cảm của con người  =>Văn chương làm giàu tình cảm con người.  ->Nghệ thuật nghị luận giàu cảm xúc nên có sức lôi cuốn người đọc.  -Có kẻ nói... mới hay.  -Nếu pho lịch sử... đến bực nào.  -Văn chương làm đẹp và hay những thứ bình thường  -Các thi nhân văn, nhân làm giàu sang cho lịch sử nhân loại  =>Văn chương làm đẹp, làm giàu cho cuộc sống.  \*Ghi nhớ: sgk .  -Hoài Thanh là người am hiểu văn chương, có quan điểm rõ ràng, xác đáng về văn chương, trân trọng đề cao văn chương.  **III.Luyện tập:**  Bước vào đời không phải chúng ta đã sẵn có tất cả những kiến thức, những tình cảm của người đời, nhất là cuộc sống con người ở các thời đại xa xưa. Nhưng nhờ có học truyện cổ tích, ca dao, tục ngữ mà ta hình dung được cuộc đời đầy vất vả gian truân của người xưa. Từ đó chúng ta được tiếp nhận những tư tưởng, tình cảm mới :thương yêu những người lao động có những thân phận đầy đắng cay". Vì vậy có thể nói xoá bỏ văn chương đi thì cũng xoá bỏ hết những dấu vết lich sử, loài người sẽ nghèo nàn về tâm linh đến mức nào. |

***4.Củng cố:*** Những ý nghĩa cơ bản khi tìm hiểu bài *ý nghĩa văn chương*

***5. Hướng dẫn*:**Về nhà học bài ,xem và ôn tập kĩ phần văn để tiết sau làm bài kiểm tra văn

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn :14/2 Ngày dạy : 17/3.

**Tiết 99 CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG**

**THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG *(tiếp theo)***

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Nắm được các cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.

-Thực hành được thao tác chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.

**B-CHUẨN BỊ**

-Đồ dùng: Bảng phụ.

-Những điều cần lưu ý: Vấn đề chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động chỉ đặt ra với những câu có cốt lõi vị ngữ là ngoại ĐT, tức những ĐT đòi hỏi phải có phụ ngữ chỉ động tác giả. Trong TV từ 1 câu chủ động có thể chuyển đổi thành 1 hoặc 2 câu bị động tương ứng.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm, tích hợp bộ môn......

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra***

-Thế nào là câu chủ động, câu bị động ? Cho ví dụ ?

-Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động và ngược lại nhằm mục đích gì ?

***3-Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung cần đạt** |
| -Hs đọc ví dụ.  -Hai câu a,b giống nhau ở nội dung hay hình thức ? Vì sao ? (Giống nhau về nội dung, vì cùng miêu tả 1 sự việc).  -Về hình thức 2 câu này giống nhau hay khác nhau ? Khác ở chỗ nào ? (Về hình thức 2 câu này khác nhau: câu a có dùng từ "được", câu b không dùng từ "được").  -Hai câu này là câu chủ động hay bị động ? (Câu bị động).  -Câu c có cùng nội dung miêu tả với câu a và câu b không ? (có ).  -Câu c là câu chủ động hay câu bị động? (câu chủ đông).  -Em hãy chuyển câu chủ động (câu c) thành câu bị động ?  -Gv: Như vậy là từ 1 câu chủ động, ta có thể chuyển đổi thành nhiều câu bị động khác nhau vầ hình thức nhưng vẫn giống nhau về ND.  -Theo em, có mấy cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động ? Đó là những cách nào ? Nêu qui tắc chuyển đổi của từng cách ?  -Hs đọc ví dụ 2.  -Những câu em vừa đọc có phải là câu bị động không ? Vì sao ? Về hình thức nó giống câu bị động ở chỗ nào ?  -Gv: 2 câu này tuy có dùng từ bị và được nhưng không phải là câu bị động. Vì ta không thể chuyển đổi thành: Giải nhất được bạn em trong kì thi hs giỏi. Đau bị tay.  -Có phải câu nào có từ bị, được cũng là câu bị động không ?  -Chuyển đổi mỗi câu chủ động dưới đây thành hai câu bị động theo hai kiểu khác nhau ?  -Có mấy cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động, đó là những cách nào ?  -Chuyển đổi mỗi câu chủ động cho dưới đây thành hai câu bị động- một câu dùng từ được, một câu dùng từ bị ?  -Cho biết sắc thái nghĩa của câu dùng từ được với câu dùng từ bị có gì khác nhau ? | ***I-Cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động:***  \*Ví dụ:  a-Cánh màn điều treo ở đầu bàn thờ ông vải đã được hạ xuống từ hôm "hoá vàng".  b-Cánh màn điều treo ở đầu bàn thờ ông vải đã hạ xuống từ hôm "hoá vàng".  c-Người ta đã hạ cánh màn điều treo ở đầu bàn thờ ông vải xuống từ hôm "hoá vàng".  d-Cánh màn điều treo ở đầu bàn thờ ông vải đã được người ta hạ xuống từ hôm "hoá vàng".  \*Ghi nhớ 1: sgk (64 ).  \*Ví dụ:  a-Bạn em được giải nhất trong kì thi hs giỏi.  b-Tay em bị đau.  \*Ghi nhớ 2: sgk .  ***II-Luyện tập:***  ***1-Bài 1 (65 ):***  a-Một nhà sư vô danh đã xây ngôi chùa ấy từ TK XIII.  -Ngôi chùa ấy được (một nhà sư vô danh) xây từ TK XIII.  -Ngôi chùa ấy xây từ TK XIII.  b-Người ta làm tất cả cánh cửa chùa bằng gỗ lim.  -Tất cả các cánh cửa chùa được (người ta) làm bằng gỗ lim.  -Tất cả các cánh cửa chùa làm bằng gỗ lim.  c-Chàng kị sĩ buộc con ngựa bạch bên gốc đào.  -Con ngựa bạch được (chàng kị sĩ) bên gốc đào.  -Con ngựa bạch buộc bên gốc đào.  d-Người ta dựng một lá cờ đại ở giữa sân.  -Một lá cờ đại được (người ta) dựng ở giữa sân.  -Một lá cờ đại dựng ở giữa sân.  ***2-Bài 2 (65 ):***  a-Thầy giáo phê bình em.  -Em bị thầy giáo phê bình.  -Em được thầy giáo phê bình.  b-Người ta đã phá ngôi nhà ấy đi.  -Ngôi nhà ấy bị người ta phá đi.  -Ngôi nhà ấy được người ta phá đi.  c-Trào lưu đô thị hoá đã thu hẹp sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn.  -Sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn đã bị trào lưu đô thị hoá.  -Sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn đã được trào lưu đô thị hoá.  -Câu bị động dùng từ được có hàm ý đánh giá tích cực về sự việc được nói đến trong câu.  -Câu bị động dùng từ bị có hàm ý đánh giá tiêu cực về sự việc được nói đến trong câu. |

***4-Củng cố:*** Học thuộc ghi nhớ, làm bài tập 3 .

***5.Hướng dẫn:*** -Chuẩn bị bài sau: Dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:15/2/2016 **N**gày dạy:19/2/2016

**Tiết 98 KIỂM TRA VĂN**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY:**

-Kiểm tra các văn bản đã học trong học kì I, bao gồm các bài tục ngữ và bốn văn bản chứng minh.

-Rèn kĩ năng trình bày sạch sẽ, rõ ràng, đúng yêu cầu.

**B-CHUẨN BỊ:**

GV ra đề, đáp án, biểu điểm

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra:*** Sự chuẩn bị của học sinh

***3. Tiến trình kiểm tra***

I. Ma trận

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chủ đề | Các cấp độ tư duy | | | | | | Điểm |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| Văn học dân gian. | 2 1 |  | 1 0,5 | 1 3 |  |  | 4 4,5 |
| Các tác phẩm nghị luận. | 2 1 |  | 1 0,5 |  |  | 1 4 | 4 5,5 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng | 4 2 | | 3 4 | | 1 4 | | 8 10 |

**II. Đề KT:**

**Phần 1: Trắc nghiệm khách quan: (3đ)**

**1. Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước nhận định đúng trong các câu sau**.

**Câu 1:** Tục ngữ là một thể loại của bộ phận văn hộc:

A. Văn học dân gian.

B. Văn học viết.

C. Văn học kháng chiến chống Pháp.

D. Văn học chống Mỹ.

**Câu 2:** Câu nào sau đây không phải là tục ngữ ?

A. Khoai đất lạ, mạ đất quen.

B. Chớp đông nhay nháy gà gáy thì mưa.

C. Một nắng hai sương.

D. Thứ nhất cày ải, thứ nhì vãi phân.

**Câu 3**: Câu tục ngữ “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” dùng cách diễn đạt bằng biện pháp tu từ:

A. So sánh; B. Ẩn dụ; C. Chơi chữ; D. Nhân hoá.

**Câu 4:** Bài văn “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” được viết trong thời kỳ:

A. Kháng chiến chống Mỹ.

B. Kháng chiến chống Pháp.

C. Xây dựng CNXH ở miền bắc.

D. Những năm đầu thế kỷ XX.

**Câu 5.** Người đọc, người nghe còn biết được sự giản dị của Bác Hồ thông qua chính các tác phẩm văn học do người sáng tác. Điều đó đúng hay sai ?

A. Đúng; B. Sai.

**Câu 6**. Nối nội dung cột A với nội dung cột B để được một nhận định đúng.

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1.Dưới hình thức nhận xét, khuyên nhủ, tục ngữ về con người và XH truyền đạt rất nhiều bài học bổ ích . | a.Về cách nhìn nhận các quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên.  b.Về cách nhìn nhận con người trong cách học, cách sống và cách ứng xử hàng ngày.  c.Về cách nhận biết các hiện tượng thời tiết.  d.Về cách khai thác tốt các điều kiện, hoàn cảnh tự nhiên để tạo ra của cải vật chất. |

**Phần 2: Tự luận: (7đ)**

**Câu 1: (3đ)** Nêu cảm nhận của em về nội dung và nghệ thuật câu tục ngữ “Đói cho sạch rách cho thơm”.

**Câu 2:(4đ)** Viết một đoạn văn ngắn chứng minh ý kiến sau: “Chỉ qua các từ đồng nghĩa và trái nghĩa cũng đủ chứng tỏ rằng tiếng Việt của chúng ta giàu và đẹp”.

**3. Hướng dẫn chấm:**

***A. TNKQ: (3đ)*** Mỗi câu trả lời đúng ch 0,5 đ.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Đ.A | A | C | B | B | Đúng | 1-b |

**B.Tự luận: (7đ).**

**Câu 1: (3đ)** HS trình bày bằng nhiều cách khác nhau, miễn là đủ các ý cơ bản sau:

Cảm nhận nội dung: Câu tục ngữ khuyên con người một điều sau sắc: dù khó khăn, vất vả, nghèo khổ đến đâu cũng phải giữ lấy lương tâm, nhân phẩm của mình đẹp đẽ, không vì nghèo khổ mà làm chuyện trấi lương tâm, đạo đức. (2,5đ)

Về nghệ thuật: dùng cách diễn đạt ẩn dụ, dùng hình ảnh cụ thể để nói đến một điều sâu xa, thấm thía; hình thức ngắn gọn, súc tích. (0,5đ)

**Câu 2: (4đ)**

Về nội dung: Khẳng định được: tiếng Việt giàu và đẹp trong khả năng và cách thức diễn đạt. Các từ đồng nghiã và trái nghĩa đã chứng minh cho sự giầu và đẹp của Tiếng Việt về ý nghĩa và hình thức của từ ngữ. Đưa ra được các dẫn chứng cụ thể về từ đồng nghĩa và trái nghĩa. ( 3,5đ).

Về hình thức diễn đạt: đoạn văn có cấu trúc hoàn chỉnh, trình bày rõ ràng, mạch lạc, không sai quá nhiều lỗi chính tả. (0,5đ)

***4. Củng cố:*** GV thu bài nhận xét giờ kiểm tra

***5. Hướng dẫn***: Chuẩn bị tiếp bài *Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày soạn : 15/2/2016 Ngày dạy : 20/2/2016

**Tiết 100LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN CHỨNG MINH**

**A-MỤC TIÊU BÀI DẠY**

-Củng cố chắc chắn hơn những hiểu biết về cách làm bài văn lập luận chứng minh.

-Biết vận dụng những hiểu biết đó vào việc viết một đoạn văn chứng minh cụ thể.

-Rèn kĩ năng viết đoạn văn chứng minh.

**B-CHUẨN BỊ:**

Các bài văn mẫu, dàn bài

HS chuẩn bị ở nhà

**C- PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm, tích hợp bộ môn

**D- TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:**

***1. Ổn định tổ chức***

***2. Kiểm tra***

Em hãy nêu dàn ý của bài lập luận chứng minh ?

***3.***Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Gv: hướng dẫn học sinh qui trình xây dựng một đoạn văn.  -Gv hướng dẫn h.s cách viết một đoạn văn với một đề tài đã cho- Chọn đề 3 sgk .H.s đọc đề bài.  -Để viết được đoạn văn này, điều đầu tiên chúng ta phải làm gì ? (Xác định luận điểm cho đoạn văn).  Vậy luận điểm của đoạn văn này là gì ?  -Em dự định sẽ triển khai đv theo cách nào ? (Triển khai theo cách diễn dịch).  -Thế nào là diễn dịch ? (Nêu luận điểm trước rồi mới dùng dân chứng và lí lẽ để chứng minh)  -Để chứng minh cho luận điểm trên, em cần bao nhiêu lụân cứ giải thích, bao nhiêu luận cứ thực tế ? (Cần 2 luận cứ giải thích và 4 luận cứ thực tế).  -Đó là những luận cứ nào ?  -Gv hdẫn hs cách viết đv.  -Luận điểm nêu ở đầu đoạn.  -Hai luận cứ giải thích.  -Bốn luận cứ thực tế.  -Câu kết luận cho đoạn văn chứng minh.  -Hs đọc đv đã chuẩn bị ở nhà.  -Các nhóm thảo luận và nhận xét.  -Gv khái quát lại qui trình viết văn. | ***I-Qui trình xây dựng một đoạn văn chứng minh:***  -Xác định luận điểm cho đ.v chứng.  -Chọn lựa cách triển khai (qui nạp hay diễn dịch).  -Dự định số luận cứ triển khai:  +Bao nhiêu luận cứ giải thích.  +Bao nhiêu luận cứ thực tế.  -Triển khai đoạn văn thành bài văn.  -Chú ý liên kết về ND và hình thức.  ***II-Cách viết một đoạn văn với một đề bài đã cho:***  \*Đề 3: Chứng minh rằng "văn chương luyện những tình cảm ta sẵn có".  -Luận điểm: Văn chương luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có.  +Luận cứ giải thích: Văn chương có nội dung tình cảm.  Văn chương có tác dụng truyền cảm.  +Luận cứ thực tế: Ta tìm được tình cảm thực tế qua các bài văn đã học:  Cổng trường mở ra: Nhớ lại tình cảm ngày đầu tiên đi học.  Mẹ tôi: Nhớ lại những lỗi lầm với mẹ.  MTQCLN: Cốm: Nhớ lại một lần ăn cốm.  MXCTôi: Nhớ lại một ngày tế cở q.hg.  ***\*Viết đoạn văn:***  Nói đến ý nghĩa văn chương, người ta hay nói đến: "Văn chương luyện những tình cảm ta sẵn có".Nội dung của văn chương bao giờ cũng là tình cảm của nhà văn đối với cuộc sống. Khi đã thành văn, tình cảm nhà văn truyền đến người đọc, tạo nên sự đồng cảm và làm phong phú thêm các tình cảm ta đã có. -Qua bài CTMRa, em thấy yêu thương hơn những ngôi trường đã học, thấy mình cần phải có trách nhiệm hơn trong học tập và càng biết ơn các thầy cô giáo đã không quản ngày đêm dạy dỗ chúng em nên người.  -Em đã có lần phạm lỗi với mẹ. Bức thư của người bố gửi cho En-ri-cô trong bài Mẹ tôi đã làm cho em nhớ lại các lần phạm lỗi với mẹ mà em không biết xin lỗi mẹ.  - Em đã có lần được ăn cốm, nhưng sau khi học bài MTQCLN:Cốm, em mới cảm thấy lần ấy, em thực sự chưa biết thưởng thức cốm. Ai cũng đã sống qua những ngày tết trong khung cảnh tình cảm gia đình, nhưng sao bài MXCTôi làm em ước ao trở lại Hà Nội một cách xốn xang, khi em nghĩ rằng từ lâu em đã không có 1 tình cảm quê hương sâu nặng như trong bài văn dù em là người Hà Nội. Tóm lại văn chương có tác động rất lớn đến tình cảm con người, nó làm cho cuộc sống của con người trở nên tốt đẹp hơn. |

***4. Củng cố:*** Nêu những yếu tố cần thiết kkhi làm bài văn nghị luận

***5.Hướng dẫn học bài:*** Viết đv chứng minh theo đề 4 .

-Chuẩn bị bài sau: Tìm hiểu chung về phép lập luận giải thích.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TUẦN 28**

**Tiết 101:***Ngày soạn :7/3 Ngày dạy :11/3*

**ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN**

**A-Mục tiêu bài học:**

-Nắm được luận điểm cơ bản và các phương pháp lập luận của các bài văn nghị luận đã học.

-Chỉ ra được những nét riêng biệt đặc sắc trong NT nghị luận của mỗi bài nghị luận đã học.

-Nắm được đặc trưng chung của văn nghị luận qua sự phân biệt với các thể văn khác.

-Rèn kĩ năng hệ thống hoá, so sánh đối chiếu, nhận diện, tìm hiểu và phân tích văn bản nghị luận.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1-Ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Nêu những nét đặc sắc về ND và NT của văn bản : “ý nghĩa văn chương” ?

***3-Bài mới:***

Em đã được học những văn bản nghị luận nào ? (Tinh thần yêu nước của nhân dân ta, Sự giàu đẹp của Tiếng Việt, Đức tính giản dị của Bác Hồ, ý nghĩa văn chương). Hôm nay, chúng ta sẽ củng cố, hệ thống hoá lại những kiến thức đã học về 4 văn bản nghị luận trên.

***1.***Hệ thống các văn bản nghị luận đã học ở lớp 7 (câu 1,2):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên bài-Tác giả- Kiểu bài | Luận điểm | Nghệ thuật |
| Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (Hồ Chí Minh)  Sự giàu đẹp của Tiếng Việt(ĐặngThai Mai)-Chứng minh, giải thích  Đức tính giản dị của Bác Hồ (Phạm Văn Đồng)-  Chứng minh,giải thich bình luận.  ý nghĩa văn chương (Hoài Thanh )-Chứng minh,giải thích,bình luận | -Dân ta có 1 lòng nồng nàn yêu nước. Đó là 1 truyền thống quí báu của ta.  -Lịch sử chống ngoại xâm.  -Kháng chiến chống Pháp.  -Tiếng việt có nét đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.  -Sự giản dị thể hiện trong mọi phương diện của đời sống: Bữa ăn, đồ dùng, căn nhà, lối sống, trong quan hệ với mọi người, trong lời ăn tiếng nói, bài viết.  -Thể hiện đời sống tư tưởng phong phú.  -Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người, thương cả muôn vật, muôn loài.  -Văn chương hình dung ra sự sống và sáng tạo ra sự sống.  -Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có. | -Bố cục chặt chẽ, mạch lạc.  -Dẫn chứng toàn diện, chọn lọc tiêu biểu và sắp xếp theo trình tự thời gian lịch sử, khoa học, hợp lí.  -Bố cục mạch lạc, kết hợp chứng minh với giải thích ngắn gọn.  -Luận cứ xác đáng, toàn diện, chặt chẽ.  -Kết hợp chứng minh với giải thích và bình luận ngắn gọn.  -Dẫn chứng cụ thể, toàn diện, đầy sức thuyết phục.  -Lời văn giản dị, tràn đầy nhiệt huyết, cảm xúc.  -Kết hợp chứng minh với giải thích và bình luận ngắn gọn.  -Trình bày những vấn đề phức tạp 1 cách ngắn gọn, giản dị, dễ hiểu.  -Lời văn giàu hình ảnh và cảm xúc. |

***3.***a.Bảng hệ thống, so sánh đối chiếu các yếu tố giữa văn tự sự, văn nghị luận và văn trữ tình (câu 3a):

|  |  |
| --- | --- |
| Thể loại Yếu tố | Tên bài |
| Tuyện kí -Cốt truyện  -Nhân vật  -Nhân vật kể chuyện | -Bài học đường đời đầu tiên.  -Buổi học cuối cùng.  -Cây tre Việt Nam. |
| Trữ tình -Tâm trạng, cảm xúc  -Hình ảnh, vần, nhịp, nhân vật trữ tình | -Ca dao-dân ca.  -Mưa, Lượm, Đêm nay Bác không ngủ.  -Nam quốc..., Nguyên tiêu, Tĩnh dạ tứ. |
| Nghị luận -Luận đề, luận điểm, luận cứ | -Tinh thần yêu nước..., Sự giàu đẹp..., Đức tính giản dị, ý nghĩa văn chương. |

Gv: Những yếu tố nêu trong câu hỏi này chỉ là 1 phần trong những yếu tố đặc trưng của mỗi thể loại. Mặt khác, trong thực tế, mỗi văn bản có thể không chứa đựng đầy đủ các yếu tố chung của thể loại. Các thể loại cũng có sự thâm nhập lẫn nhau, thậm chí có những thể loại ranh giới giữa 2 thể loại. Sự phân biệt các loại hình tự sự, trữ tình, nghị luận cũng không thể là tuyệt đối. Trong các thể tự sự cũng không hiếm các yếu tố trữ tình và cả nghị luận nữa. Ngược lại, trong văn nghị luận cũng thường thấy có sử dụng hình thức biểu cảm và có khi cả miêu tả, kể chuyện. Xác định 1 văn bản thuộc loại hình nào là dựa vào hình thức được sử dụng trong đó.

b.Phân biệt sự khác nhau căn bản giữa văn nghị luận và các thể loại tự sự, trữ tình:

+Các thể loại tự sự như truyện, kí chủ yếu dùng hình thức miêu tả và kể, nhằm tái hiện sự vật, hiện tượng, con người, câu chuyện.

+Các thể loại trữ tình như thơ trữ tình, tuỳ bút chủ yếu dùng hình thức biểu cảm để biểu hiện tình cảm, cảm xúc qua các hình ảnh, nhịp điệu, vần. Các thể tự sự và trữ tình đều tập trung xây dựng các hình tượng NT với nhiều dạng thức khác nhau như nhân vật, hình tượng thiên nhiên, đồ vật,...

+Khác với các thể loại tự sự, trữ tình, văn nghị luận chủ yếu dùng hình thức lập luận bằng lí lẽ, dẫn chứng để trình bày ý kiến tư tưởng nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về mặt nhận thức. Văn nghị luận cũng có hình ảnh, cảm xúc, nhưng điều cốt yếu là lập luận với hệ thống các luận điểm, luận cứ, xác đáng.

c.Tục ngữ có thể coi là 1 văn bản nghị luận đặc biệt.

-Qua các bài tập trên, em rút ra bài học gì ?

\*Ghi nhớ: sgk .

***4- Củng cố, hướng dẫn học bài:*** Học bài theo nội dung đã ôn tập.

-Soạn bài: Sống chết mặc bay.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 102:** *Ngày soạn :7/3 Ngày dạy :11/3*

**DÙNG CỤM CHỦ – VỊ ĐỂ MỞ RỘNG CÂU**

**A-Mục tiêu bài học:**

-Hiểu được thế nào là dùng cụm chủ-vị để mở rộng câu (tức dùng cụm C-V để làm thành phần câu hoặc thành phần của cụm từ).

-Nắm được các trường hợp dùng cụm C-V để mở rộng câu.

**B-Chuẩn bị:**

GV-Đồ dùng: Bảng phụ.

-Những điều cần lưu ý: Khái niệm cụm C-V được hiểu là 1 kết cấu ngữ pháp, phân biệt với 2 loại kết cấu khác là cụm chính phụ và cụm đẳng lập. Cụm C-V là cơ sở để xây dựng 1 câu đơn có cấu tạo 2 thành phần CN+VN. Tuy nhiên khái niệm cụm C-V không đồng nhất với khái niệm câu.

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1-Ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Nêu cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động ? Cho ví dụ ?

***3***-Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung cần đạt** |
| -Hs đọc ví dụ (bảng phụ).  -Tìm các cụm danh từ có trong câu trên ?  -Phân tích cấu tạo của các cụm danh từ vừa tìm được và cấu tạo của phụ ngữ trong mỗi cụm danh từ ?  -Thế nào là dùng cụm C-V để mở rộng câu ?  -Hs đọc ví dụ (bảng phụ).  -Tìm kết cấu C-V của các câu bên ?  -Tìm cụm C-V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ trong các câu trên ?  -Cho biết trong mỗi câu, cụm C-V làm thành phần gì ?  -Qua phân tích các VD trên, em rút ra bài học gì ?  -Tìm cụm C-V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ trong các câu dưới đây ?  -Cho biết trong mỗi cụm, cụm C-V làm thành phần gì ? | I-Thế nào là dùng cụm C-V để mở rộng câu:  \*Ví dụ1: Văn chương / gây cho ta ***những tình cảm ta / không có***, luyện  L.từ DT C V  cho ta ***những tình cảm ta / sẵn có***.  \*ghi nhớ 1: sgk .  ***II-Các trường hợp dùng cụm C-V để mở rộng câu:***  \*Ví dụ 2:  a-Chị Ba đến / khiến tôi rất vui và vững tâm. ->Làm CN, làm phụ ngữ cho ĐT.  b-Khi bắt đầu kháng chiến, nhân dân ta / tinh thần rất hăng hái. ->Làm VN  c-Chúng ta / có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen. ->Làm phụ ngữ cho cụm ĐT.  d-Nói cho đúng thì phẩm giá của TV chỉ mới thật sự được xác định và đảm bảo từ ngày CM T8 thành công. ->Làm phụ ngữ trong cụm DT.  \*Ghi nhớ 2: sgk .  ***III-Luyện tập:***  a-Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được, người ta gặt mang về.  b-Trung đội trưởng Bính / Khuôn mặt đầy đặn. ->Làm VN.  c-Khi các cô gái Vòng đỗ gánh, giở từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may một chút bụi nào.  d-Bỗng một bàn tay đập vào vai / khiến hắn giật mình. ->Làm CN, làm phụ ngữ của ĐT. |

***4- Củng cố, hướng dẫn học bài:***

-Học thuộc 2 ghi nhớ, làm tiếp các phần còn lại của bài tập.

-Chuẩn bị bài sau: Dùng cụm C-V để mở rộng câu: Luyện tập (tiếp theo).

**Tiết 103*:*** *Ngày soạn :7/3 Ngày dạy :14/3*

**TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5,TIẾNG VIỆT,VĂN**

**A-Mục tiêu bài dạy :**

-Củng cố lại những kiến thức và kỹ năng đã học về Văn Bản lập luận chứng minh, về công việc tạo lập Văn Bản nghị luận và về cách sử dụng từ ngữ, đặt câu.

-Đánh giá được chất lượng bài làm của mình, trình độ làm văn của bản thân mình, nhờ đó có được những kinh nghiệm cần thiết để làm tốt hơn nữa những bài sau.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1-Ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

Thế nào là phép lập luận chứng minh ?

***3***-Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung cần đạt** |
| -Yêu cầu hs nhắc lại đề bài.  -Đề bài này thuộc thể loại nào ?  -Thế nào là phép lập luận chứng minh ?  -Để làm được 1 bài lập luận chứng minh cần phải tiến hành qua những bước nào?  -Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì, viết cho ai, viết để làm gì ? Để làm được đề bài trên cần phải huy động những nội dung kiến thức nào ?  -Gv hướng dẫn hs lập dàn bài theo bố cục 3 phần.  -Gv hdẫn hs tự nhận xét, phát biểu đánh giá bài viết của mình.  -Vấn đề được chứng minh có đúng hướng và có sức thuyết phục chưa ?  -Các luận điểm đưa ra đã chính xác chưa, đã phù hợp chưa ?  -Các dẫn chứng đưa ra có chính xác, tiêu biểu, có được phân tích và có toàn diện không ?  -Có rút ra được bài học sâu sắc và bổ ích cho bản thân không ?  -Bố cục có cân đối và hợp lí không ?  -Có bao nhiêu lỗi về câu, các loại lỗi gì? Vì sao mắc lỗi ?  -Gv nêu nhận xét chung của mình về bài làm của h.s. Chú ý biểu dương những ưu điểm của h.s và chỉ ra những khuyết điểm cụ thể. Phân tích nguyên nhân và nêu hướng sửa chữa.  -Hs tự sửa lỗi của mình, sau đó trao đổi bài cho bạn để sửa lỗi cho nhau. | \*Đề bài: Hãy chứng minh rằng đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất lớn nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường sống.  ***I-Tìm hiểu đề và xác định nội dung của bài viết***  ***II-Lập dàn ý:***  ***1. Mở bài : 2 điểm.***  (Nêu luận điểm cần chứng minh - dẫn dắt vào đề - chuyển ý).  Nếu ngoài đời con người sinh hoạt rất thoải mái, bừa bãi... Nói chung họ chẳng có ý thức bảo vệ m.trong sống... Vì vậy chính con người phải chuốc lấy những tổn hại khốc liệt. Chúng ta sẽ làm sáng tỏ việc này.  ***2. Thân bài : 6 điểm.***  (Dùng lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh).  -Lí lẽ: Thật không sai, hằng ngày mỗi người đều lo lắng cho cuộc sống: chỗ ở, miếng ăn, sinh hoạt, giao lưu làm việc... Chung quanh ta là cơ sở hạ tầng: cầu cống, mương rạch, sông ngòi, đường xá...  Vì sao cống rãnh bị tắc ? Con mương nước đọng đen ngòm ? Rác đầy đường ? Mùi hôi thối xông lên... Bệnh ngoài da, bệnh đường hô hấp, bệnh đau mắt... Tất cả là do con người không có ý thức giữ gìn sạch đẹp môi trường...  -Dẫn chứng thực tế: Thực tế cho thấy, vì con người không có ý thức bảo vệ môi trường sống, nên chính họ mang tai hoạ bi thảm:  +Mưa xuống đường ngập nước vì cống rãnh bị tắc.  +Nước mương rạch thối gây bệnh ngoài da.  +Súc vật chết, ném bừa bãi, gây bệnh dịch hạch...  +Những chỗ nc đọng sinh muỗi, gây bệnh sốt xuất huyết.  ***3. Kết bài : 2 điểm.***  (Tổng kết đánh giá chung, rút ra bài học, suy nghĩ).  Tất cả chỉ tại con người không giữ gìn sạch đẹp môi trường sống.  Nói tóm lại muốn tránh những tổn hại đáng tiếc đó, mỗi người phải góp công sức bảo vệ trong sạch môi trường sống của thiên nhiên.  ***III-Nhận xét bài làm của hs:***  ***1-Nội dung:***  ***2-Về NT nghị luận và hình thức trình bày:***  ***3-Đọc 1 bài khá và 1 bài yếu:***  ***IV-Hs sửa bài:*** |

***4. Củng cố hướng dẫn:***

-Về nhà tiếp tục sửa bài viết của mình.

-Chuẩn bị bài sau: Tìm hiểu chung về phép lập luận giải thích.

**Tiết 104:** *Ngày soạn :7/3 Ngày dạy :15/3*

**TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN GIẢI THÍCH**

**A-Mục tiêu bài học:**

-Bước đầu nắm được mục đích, tính chất và yếu tố của kiểu bài văn nghị luận giải thích.

-Nhận diện và phân tích các đề bài nghị luận giải thích, so sánh với các đề nghị luận chứng minh.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1-Ổn định tổ chức:***

***2-Kiểm tra bài cũ:***

***3-Bài mới:***

Giải thích là một nhu cầu rất phổ biến trong đời sống XH. Trong nhà trường, giải thích là một kiểu bài nghị luận quan trọng. Vậy nghị luận giải thích là gì ? Nó liên quan gì đến kiểu bài nghị luận chứng minh ? Chúng ta đi tìm hiểu nội dung bài hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung cần đạt** |
| -Trong cuộc sống, khi nào thì người ta cần giải thích ? (Khi gặp 1 hiện tượng mới lạ, khó hiểu, con người cần có 1 lời giải đáp. Nói đơn giản hơn: khi nào không hiểu thì người ta cần giải thích rõ).  -Hãy nêu một số câu hỏi về nhu cầu giải thích hằng ngày ?  -Vì sao có lụt ? (Lụt là do mưa nhiều, ngập úng tạo nên).  -Vì sao lại có nguyệt thực ? (Mặt trăng không tự phát ra ánh sáng mà chỉ phản quang lại ánh sáng nhận từ mặt trời. Trong qúa trình vận hành, trái đất-mặt trăng-mặt trời có lúc cùng đứng trên một đường thẳng. Trái đất ở giữa che mất nguồn ánh sáng của mặt trời và làm cho mặt trăng bị tối.  -Vì sao nước biển mặn ? (Nước sông, nước suối có hoà tan nhiều loại muối lấy từ các lớp đất đá trong lục địa. Khi ra đến biển, mặt biển có độ thoáng rộng nên nước thường bốc hơi, còn các muối ở lại. Lâu ngày muối tích tụ lại làm cho nước biển mặn).  -Muốn giải thích các vấn đề nêu trên thì phải làm thế nào ?  -Em hiểu thế nào là giải thích trong đời sống ?  -Gv: trong văn nghi luận, người ta thường yêu cầu giải thích các vấn đề tư tưởng, đạo lí lớn nhỏ, các chuẩn mực hành vi của con người. Ví dụ như: Thế nào là hạnh phúc ? Trung thực là gì ? ...  -Hs đọc bài văn.  -Bài văn giải thích vấn đề gì ? (Giải thích về lòng khiêm tốn).  -Lòng khiêm tốn đã được giải thích bằng cách nào ? (Giải thích bằng lí lẽ).  -Để hiểu phương pháp giải thích, em hãy chọn và ghi ra vở những câu định nghĩa như: Lòng khiêm tốn có thể coi là một bản tính,... ?  -Theo em cách liệt kê các biểu hiện của khiêm tốn, cách đối lập người khiêm tốn và kẻ không khiêm tốn có phải là cách giải thích không ?  -Việc chỉ ra cái lợi của khiêm tốn, cái hại của không khiêm tốn có phải là nội dung của giải thích không ?  -Em hiểu thế nào là lập luận giải thích ?  -Người ta thường giải thích bằng những cách nào ?  -Lí lẽ trong văn giải thích cần phải như thế nào ?  -Muốn làm được bài văn giải thích cần phải làm gì ?  -Hs đọc bài văn.  -Bài văn giải thích vấn đề gì ?  -Bài văn được giải thích theo phương pháp nào ? | ***I-Mục đích và phương pháp giải thích:***  *1-Giải thích trong đời sống:*  -Vì sao có lụt ?  -Vì sao lại có nguyệt thực ?  -Vì sao nước biển mặn ?  =>Muốn giải thích được sự vật thì phải hiểu, phải học hỏi, phải có kiến thức về nhiều mặt.  \*Ghi nhớ 1: sgk .  *2-Giải thích trong văn nghị luận:*  \*Bài văn: Lòng khiêm tốn  -Những câu văn giải thích có tính chất định nghĩa: Khiêm tốn có thể coi là 1 bản tính căn bản,Khiêm tốn là chính nó tự nâng cao giá trị cá nhân, Khiêm tốn là biểu hiện của con người đứng đắn, Khiêm tốn là tính nhã nhặn,...  -Cách liệt kê các biểu hiện của khiêm tốn, cách đối lập người khiêm tốn và kẻ không khiêm tốn là 1 cách giải thích bằng hình tượng.  -Việc chỉ ra cái lợi của khiêm tốn, cái hại của không khiêm tốn cũng là cách giải thích về lòng khiêm tốn.  \*Ghi nhớ: sgk .  ***II-Luyện tập:***  \*Bài văn: Lòng nhân đạo  -Bài văn giải thích vấn đề về lòng nhân đạo.  -Phương pháp giải thích: Định nghĩa, dùng thực tế, mở rộng vấn đề bằng cách nêu khó khăn và tác dụng của vấn đề. |

***4. Củng cố hướng dẫn:***

-Học thuộc ghi nhớ, làm tiếp phần luyện tập.

-Chuẩn bị bài sau: Cách làm bài văn nghị luận giải thích.

**TUẦN 28**

**Tiết 105** Ngày soạn: 15/3 Ngày dạy: 18/3

**SỐNG CHẾT MẶC BAY**

***(Phạm Duy Tốn)***

**A- Mục tiêu bài học:**

- Hiểu đ­ược giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và những thành công nghệ thuật của truyện ngắn Sống chết mặc bay.

- Rèn kĩ năng đọc, kể tóm tắt, phân tích nhân vật qua các cảnh đối lập - tương phản và tăng cấp.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :*** Kiểm tra vở soạn của h.s

***3- Bài mới:***

Tục ngữ có câu "Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi", câu tục ngữ nói về thái độ vô trách nhiệm 1 cách trắng trợn của 1 viên quan phụ mẫu, trong một lần hộ đê. Câu chuyện đặc sắc đã đ­ợc ngòi bút hiện thực và nhân đạo của Phạm Duy Tốn kể lại như­ một màn kịch bi - hài rất hấp dẫn.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Dựa vào chú thích\*, em hãy nêu 1 vài nét về tác giả, tác phẩm?  - Gv: Truyện ngắn hiện đại đ­ược viết bằng tiếng Việt hiện đại, là sản phẩm của 1 kiểu t­ư duy nghệ thuật mới, xuất hiện t­ương đối muộn trong lịch sử văn học (đầu TK XX). So với truyện trung đại, cốt truyện phức tạp hơn, đã thiên về tính chất h­ư cấu đã h­ướng vào việc khắc họa hình t­ượng, phát hiện bản chất trong quan hệ nhân sinh hay đời sống tâm hồn của con ng­ười. Truyện trung đại đ­ược viết bằng tiếng Hán, cốt truyện đơn giản còn thiên về mục đích giáo huấn.  - Hư­ớng dẫn đọc: Chú ý phân biệt giọng kể, tả của tác giả với giọng quan phụ mẫu hống hách, nạt nộ; giọng thầy đề và dân phu khúm núm, sợ sệt.  - Giải thích từ khó.(sgk )  - Em hãy kể tóm tắt truyện theo trình tự của truyện, bỏ hết những lời đối thoại của nhân vật, chuyển thành ngôi thứ 3.  - Chuyện kể về sự kiện gì ? (vỡ đê). Nhân vật chính là ai ? (quan phụ mẫu).  - Bố cục của truyện có thể chia thành mấy phần ? Phần ND nào là chính ? Vì sao em xác định nh­ư thế ? (Phần kể chuyện cảnh hộ đê là chính. Vì dung lượng dài nhất và tập trung làm nổi bật nhân vật chính là quan phụ mẫu).  - Cảnh đê sắp vỡ đ­ợc gợi tả bằng các chi tiết nào về không gian, thời gian, địa điểm ?  - Các chi tiết đó gợi một cảnh t­ượng thế nào? (Đêm tối, mư­a to không ngớt, nước sông dâng nhanh có nguy cơ làm vỡ đê).  - Tên sông đ­ợc nói cụ thể, nhưng tên làng, tên phủ chỉ đư­ợc ghi bằng kí hiệu. Điều đó thể hiện dụng ý gì của tác giả - Trong truyện này, phần mở đầu có vai trò thắt nút. Vậy ý nghĩa thắt nút ở đây là gì ?  - HS đọc Đ2,3. Hai đoạn em vừa đọc tả cảnh gì, ở đâu ?  - Cảnh đư­ợc tả bằng những chi tiết hình ảnh và âm thanh điển hình nào ?  - Ngôn ngữ miêu tả có gì đặc sắc ?  - Cách miêu tả đó, gợi lên một cảnh tượng ­như thế nào ?  - Tác giả đặt đoạn tả cảnh trên đê trư­ớc khi đê vỡ có ý nghĩa gì ? | ***I-Đọc, tìm hiểu chung***  ***1- Tác giả:*** Phạm Duy Tốn (1883-1924), quê Th­ường Tín, Hà Tây.  - Ông là 1 cây bút tiên phong và xuất sắc của khuynh h­ướng hiện thực ở những năm đầu TK XX.  - Truyện ngắn của ông chuyên về phản ánh hiện thực xã hội.  ***2- Tác phẩm:***  \**Hoàn cảnh ra đời*: Sáng tác tháng: 7.1918.  *\*Thể loại:*truyện ngắn hiện đại.  *\* Đọc :*  *\*Tóm tắt:*  \*Bố cục: 3 phần.  - Cảnh đê sắp vỡ (Đ1).  - Cảnh hộ đê (tiếp-> ấy là hạnh phúc)(Đ 2).  - Cảnh đê vỡ (phần còn lại).  **II – Đọc- Hiểu văn bản**  ***1- Cảnh đê sắp vỡ:***  - Thời gian: Gần 1 giờ đêm.  - Không gian: Trời m­ưa tầm tã, nư­ớc sông Nhị Hà lên to.  - Địa điểm: Khúc sông làng X, thuộc phủ X, hai ba đoạn đã thẩm lậu.  -Tác giả muốn ngư­ời đọc hiểu câu chuyện này không chỉ xảy ra ở 1 nơi mà có thể là phổ biến ở nhiều nơi .  =>Tạo tình huống có vấn đề (đê sắp vỡ) để từ đó các sự việc kế tiếp sẽ xảy ra.  ***2- Cảnh hộ đê:***  ***a- Cảnh trên đê:***  - Hình ảnh: Kẻ thì thuổng, ng­ời thì cuốc,... bì bõm d­ới bùn lầy... ng­ời nào ngư­ời nấy ư­ớt l­ớt th­ớt nh­ư chuột lột.  - Âm thanh: Trống đánh liên thanh. ốc thổi vô hồi, tiếng ng­ời xao xác gọi nhau..  ->Sử dụng nhiều từ láy t­ượng hình kết hợp ngôn ngữ biểu cảm (than ôi, lo thay, nguy thay).  =>Gợi cảnh t­ượng nhốn nháo, hối hả, chen chúc, căng thẳng, cơ cực và hiểm nguy.  -Dựng cảnh dân đang lo chống chọi với nư­ớc đê để cứu đê. Chuẩn bị cho sự xuất hiện cảnh tư­ợng trái ngư­ợc khác sẽ diễn ra ở trong đình.  -Chuyện quan phủ đ­ược hầu hạ, chuyện quan phủ chơi tổ tôm, chuyện quan phủ nghe tin đê vỡ. |

***4- Củng cố hướng dẫn***

- Tác giả đặt đoạn tả cảnh trên đê trư­ớc khi đê vỡ có ý nghĩa gì ?

- Soạn phần còn lại

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 106:** Ngày soạn: 15/3 Ngày dạy: 18/3

**SỐNG CHẾT MẶC BAY (tiếptheo)**

***(Phạm Duy Tốn)***

**A- Mục tiêu bài học:**

- Hiểu đ­ược giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và những thành công nghệ thuật của truyện ngắn Sống chết mặc bay.

- Rèn kĩ năng đọc, kể tóm tắt, phân tích nhân vật qua các cảnh đối lập - tương phản và tăng cấp.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :*** Kiểm tra vở soạn của h.s

***3- Bài mới:***

Tục ngữ có câu "Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi", câu tục ngữ nói về thái độ vô trách nhiệm 1 cách trắng trợn của 1 viên quan phụ mẫu, trong một lần hộ đê. Câu chuyện đặc sắc đã đ­ợc ngòi bút hiện thực và nhân đạo của Phạm Duy Tốn kể lại như­ một màn kịch bi - hài rất hấp dẫn.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Theo dõi đoạn kể chuyện trong đình, hãy cho biết chuyện gì đang xảy ra ở đây ?  - Trong đoạn văn kể chuyện quan phủ đư­ợc hầu hạ, tác giả đã dùng những chi tiết nào để tả về đồ vật và chân dung quan phủ ?  - Qua các chi tiết miêu tả trên, ta thấy hiện lên hình ảnh một viên quan nh­ư thế nào ?  - Hình ảnh quan phụ mẫu nhàn nhã hưởng lạc trong đình trái ngư­ợc với hình ảnh nào ngoài đê?  - Trong NT viết văn đặt 2 cảnh trái ngư­ợc nhau như­ thế gọi là sử dụng biện pháp t­ương phản. Theo em phép tư­ơng phản trên có tác dụng gì ?  - Theo dõi tiếp cảnh quan phủ đánh tổ tôm.  - Hình ảnh quan phủ nổi lên qua những chi tiết điển hình nào về cử chỉ và lời nói ?  - Ở đoạn truyện này có những hình ảnh tư­ơng phản nào xuất hiện ?  - Trong khi miêu tả và kể chuyện, tác giả đã xen những lời bình luận và biểu cảm, đó là những lời nào ? (Ngài mà còn dở ván bài, hoặc ch­a hết hội thì dầu trời long đất lở, đê vỡ dân trôi, ngài cũng thây kệ. Ôi ! Trăm hai m­ơi lá bài đen đỏ, có cái ma lực gì...không bằng n­ước bài cao thấp. Than ôi !...)  - Kết hợp miêu tả, kể chuyện bằng NT tư­ơng phản với những lời bình luận biểu cảm đã mang lại hiệu quả gì cho đoạn truyện này ?  - Theo dõi đoạn văn kể chuyện quan phủ, khi nghe tin đê vỡ.  - Ở đoạn này hình thức ngôn ngữ nổi bật là gì ? (Ngôn ngữ đối thoại ).  - Hình ảnh và những câu đối thoại nào của quan phụ mẫu đáng giá nhất ?  - Hình ảnh của quan phụ mẫu t­ương phản với hình ảnh nào ?  - Cách dùng ngôn ngữ đối thoại và hình ảnh tư­ơng phản ở đây có tác dụng gì ?  - Tác giả đã miêu tả cảnh đê vỡ nh­ư thế nào ?  - Đoạn truyện này có vai trò và ý nghĩa gì ?  - Văn bản Sống chết mặc bay có giá trị hiện thực và nhân đạo gì ?  - Văn bản có giá trị gì về NT ?  - Ngoài miêu tả , tác giả còn biểu cảm gì ?  - Cách miêu tả và biểu cảm trên có tác dụng gì ?  - Qua truyện, em hiểu thêm gì về nhà văn Phạm Duy Tốn ?  Những hình thức ngôn ngữ nào đư­ợc vận dụng trong truyện ngắn Sống chết mặc bay ? | ***I-Đọc, tìm hiểu chung***  ***1- Tác giả:*** Phạm Duy Tốn (1883-1924), quê Th­ường Tín, Hà Tây.  ***2- Tác phẩm:***  **II – Đọc- Hiểu văn bản**  ***1- Cảnh đê sắp vỡ:***  ***2- Cảnh hộ đê:***  ***a- Cảnh trên đê:***  ***b- Cảnh trong đình:***  *\*Chuyện quan phủ đ­ược hầu hạ:*  - Đồ vật: Bát yến hấp đư­ờng phèn, tráp đồi mồi, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng,... nào ống thuốc bạc, nào đồng hồ vàng...  - Chân dung quan phụ mẫu: Uy nghi chễm chện ngồi, tay trái tựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng ra, để cho tên ngư­ời nhà quì ở dư­ới đất mà gãi.  =>Hiện lên hình ảnh 1 viên quan béo tốt, nhàn nhã, thích hư­ởng lạc và rất hách dịch.  - Mưa gió ầm ầm ngoài đê, dân phu rối rít... trăm họ đang vất vả lấm láp, gội gió tắm mư­a, như­ đàn sâu lũ kiến ở trên đê...  ->Sử dụng hình ảnh t­ương phản- Làm nổi rõ tính cách hư­ởng lạc của quan phủ và thảm cảnh của ng­ời dân. Góp phần thể hiện ý nghĩa phê phán của truyện.  *\*Chuyện quan phủ đánh tổ tôm:*  - Cử chỉ: Khi đó, ván bài quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khểnh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mải trông đĩa nọc,...  - Lời nói: Tiếng thầy đề hỏi: Bẩm bốc, tiếng quan lớn truyền: ừ. Có ng­ời khẽ nói: Bẩm dễ có khi đê vỡ ! Ngài cau mặt, gắt rằng: Mặc kệ !  -Tư­ơng phản giữa lời nói khẽ của ng­ời hầu: Bẩm có khi đê vỡ với lời gắt của quan: Mặc kệ !; tư­ơng phản giữa tiếng kêu vang trời dậy đất ngoài đê, với thái độ điềm nhiên hư­ởng lạc ăn chơi của quan.  -> Kết hợp miêu tả, kể chuyện bằng NT t­ương phản với những lời bình luận biểu cảm- Làm nổi rõ tính cách bất nhân của nhân vật quan phủ, gián tiếp phản ánh tình cảnh thê thảm của dân và bộc lộ thái độ mỉa mai phê phán của tác giả.  *\*Chuyện quan phủ nghe tin đê vỡ;*  - Quan lớn mặt đỏ tía tai quay ra quát rằng: Đê vỡ rồi !... Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày ! Có biết không ?  -Một ng­ời nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ­ớt đầm, tất tả chạy xông vào thở không ra lời: Bẩm...quan lớn ... đê vỡ mất rồi !  ->Sd ngôn ngữ đối thoại và hình ảnh tương phản- Khắc họa tính cách tàn nhẫn, vô l­ương tâm của quan phụ mẫu và tố cáo quan lại thờ ơ vô trách nhiệm đối với tính mạng của ng­ời dân.  ***3-Cảnh đê vỡ:***  - Khắp mọi nơi miền đó, n­ước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết.  - Kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn, lênh đênh mặt n­ớc, chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sầu, kể sao cho xiết !  ->Miêu tả kết hợp với biểu cảm- Vừa gợi cảnh t­ượng lụt lội do đê vỡ, vừa tỏ lòng th­ương cảm xót xa cho tình cảnh khốn cùng của ng­ời dân.  ->Vai trò mở nút- kết thúc truyện.  ý nghĩa: Thể hiện tình cảm nhân đạo của tác giả.  \* Ghi nhớ: sgk .  - **Nghệ thuật:** Dùng biện pháp t­ương phản để khắc họa nhân vật làm nổi bật tư t­ưởng của tác phẩm.  - **Nội dung:**  + Giá trị hiện thực: Phản ánh cuộc sống ăn chơi h­ưởng lạc vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền và cảnh sống thê thảm của ngư­ời dân trong XH cũ.  + Giá trị nhân đạo: Lên án kẻ cầm quyền thờ ơ vô trách nhiệm với tính mạng ngư­ời dân.  - Phạm Duy Tốn: Là ngư­ời am hiểu đời sống hiện thực, có tình cảm yêu ghét rõ ràng, biết dùng ngòi bút làm vũ khí chiến đấu vạch mặt bọn quan lại vô lương tâm, biết thông cảm với nỗi khổ của người nông dân.  **\* Luyện tập**:  - Ngôn ngữ tự sự, miêu tả, biểu cảm, ngư­ời dẫn truyện, nhân vật, đối thoại. |

***4- Củng cố , hướng dẫn***

- Kể tóm tắt truyện, học thuộc ghi nhớ.

- Soạn bài: Những trò lố hay là Va ren và Phan Bội Châu.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tiết 107:**Ngày soạn: 15/3 Ngày dạy: 21/3

**CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN GIẢI THÍCH**

**A-Mục tiêu bài học:**

Giúp Hs:

- Nắm được cách thức cụ thể trong việc làm bài văn lập luận giải thích.

- Biết đư­ợc những điều cần l­ưu ý và những lỗi cần tránh trong lúc làm bài.

- Rèn các kĩ năng làm văn: Tìm hiểu đề, lập dàn ý, viết bài, sửa lỗi.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***  Thế nào là phép lập luận giải thích ? Có những cách giải thích nào ? Muốn làm được bài văn giải thích thì cần phải làm gì ?

***3- Bài mới:***

Qui trình làm một bài văn nghị luận giải thích, về cơ bản cũng tư­ơng tự nh­ư qui trình làm 1 bài văn nghị luận chứng minh mà chúng ta đã học. Tuy nhiên ở kiểu bài này vẫn có những đặc thù riêng, thể hiện ngay trong từng b­ước, từng khâu.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - HS đọc đề bài.  - Em hãy nêu các bư­ớc làm một bài văn nghị luận ?  - Đề trên thuộc kiểu bài nào ?  - Vấn đề cần đư­ợc giải thích là gì ?  - HS đọc dàn bài - sgk .  - HS đọc 3 cách viết mở bài.  - Có mấy cách mở bài cho bài văn lập luận giải thích? Đó là những cách nào?  - Phần MB cần nêu những gì ?  - Hs đọc 3 đoạn văn giải thích.  - Phần TB của bài văn giải thích cần phải làm gì ?  - HS đọc phần KB.  - Phần KB của bài văn giải thích cần nêu những gì ?  - Bư­ớc cuối cùng của bài văn giải thích là bư­ớc nào ?  - Muốn làm một bài văn lập luận giải thích thì phải thực hiện những bư­ớc nào ?  - Em hãy nêu dàn ý chung của bài văn lập luận giải thích?  - Khi viết văn giải thích cần chú ý gì ?  - Hs đọc phần ghi nhớ.  - Hãy tự viết thêm những cách KB khác cho đề bài trên ? | **I- Các b­ước làm một bài văn lập luận giải thích:**  \* Đề bài: Nhân dân ta có câu tục ngữ: "Đi một ngày đàng học một sàng khôn". Hãy giải thích nội dung câu tục ngữ đó.  1-Tìm hiểu đề và tìm ý:  - Kiểu bài: Giải thích.  - ND: Đi ra ngoài, đi đây , đi đó sẽ học đ­ợc nhiều điều hay, mở rộng tầm hiểu biết, khôn ngoan từng trải.  ***2- Lập dàn ý:*** sgk .  ***3- Viết bài:***  *a- Cách viết phần MB:*  - Dẫn dắt vào đề: Đư­a ngư­ời đọc vào bài văn.  - Chép câu trích: Giới thiệu vấn đề cần giải thích.  *b- Cách viết phần TB:*  - Giải thích nghĩa đen.  - Giải thích nghĩa bóng.  - Giải thích nghĩa sâu.  - Nêu dẫn chứng minh họa.  *c- Cách viết phần KB:*  - Tổng kết ý nghĩa điều đã giải thích.  - Rút ra bài học cho bản thân.  - Nêu suy nghĩ, ý nghĩa của vấn đề đã được giải thích.  ***4- Đọc và sửa lại bài:***  \*Ghi nhớ: sgk .  **II-Luyện tập:** |

***4- Củng cố , hướng dẫn*** - Học thuộc ghi nhớ, làm tiếp phần luyện tập.

- Chuẩn bị bài sau: Luyện tập lập luận giải thích.

**Tiết 108** Soạn ngày: 15/3 Dạy ngày 22/3

**LUYỆN TẬP LẬP LUẬN GIẢI THÍCH**

***Viết bài Tập làm văn số 6 ở nhà***

**A- Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Củng cố những hiểu biết về về cách làm bài văn lập luận giải thích.

- Vận dụng những hiểu biết đó vào làm một bài văn giải thích cho 1 nhận định, 1 ý kiến về 1 vấn đề quen thuộc đối với đời sống của các em.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C. PHƯƠNG PHÁP**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm.....

**D. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

Em hãy nêu dàn ý chung của bài văn lập luận giải thích ?

***3***- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - HS đọc đề bài.  - Em hãy nhắc lại các bư­ớc làm một bài văn giải thích ?  - Đề trên thuộc kiểu bài nào ?  - Đề bài yêu cầu giải thích vấn đề gì ?  - Làm thế nào để nhận ra yêu cầu đó ? - Để đạt đ­ợc yêu cầu giải thích đã nêu, bài làm cần có những ý gì ?  - MB cần nêu những gì ?  - Ta có thể sắp xếp các ý của phần TB như­ thế nào ?  - Giải thích sách là gì ?  - Giải thích tại sao sách là ngọn đèn bất diệt của trí tuệ ?  - Thái độ của em đối với việc đọc sách nh­ư thế nào ?  - KB cần phải nêu gì ?  - Hs viết đoạn MB và KB.  - Hs đọc đoạn văn cho các bạn trong lớp đánh giá, góp ý.  - Gv nhận xét - sửa chữa và tổng kết rút kinh nghiệm. | \*Đề bài: Một nhà văn có nói: "Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con ng­ời". Hãy giải thích nội dung câu nói đó.  ***I- Tìm hiểu đề và tìm ý:***  - Kiểu bài: Giải thích.  - Nội dung: giải thích vai trò của sách đối với trí tuệ con ngư­ời.  -Căn cứ vào mệnh đề và căn cứ vào các từ ngữ trong đề.  ***II- Lập dàn bài:***  ***1- MB:***  - Nhận xét khái quát về vai trò của câu dẫn trong đời sống con ng­ời.  - Trích dẫn câu nói.  ***2-TB:***  a- Giải thích ý nghĩa câu nói:  - Sách là gì: là kho tàng tri thức, là sản phẩm tinh thần, là ngư­ời bạn tâm tình gần gũi.  -Tại sao sách là ngọn đèn bất diệt của con ngư­ời: Sách giúp ta hiểu về mọi lĩnh vực, sách giúp ta v­ợt mọi khoảng cách về thời gian, không gian.  b- Thái độ đối với việc đọc sách:  - Tạo thói quen đọc sách.  - Cần chọn sách để đọc.  - Phê phán và lên án những sách có nội dung xấu.  ***3-KB:***  - Khẳng định lại tác dụng to lớn của sách.  - Nêu phương h­ướng hành động của cá nhân.  ***III-Viết bài văn:***  ***IV-Bài văn số 6***:Em hãy giải thích nội dung lời khuyên của Lê Nin:Học, học nữa ,học mãi. |

***4-Củng cố,hướng dẫn:***

- Tiếp tục viết thành bài văn đề bài trên.

- Chuẩn bị viết bài TLV số 6- Văn lập luận giải thích (ở nhà).

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TUẦN 29**

**TIẾT 109:** Soạn ngày 14/3 Dạy ngày 17/3

**NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VA- REN**

**VÀ PHAN BỘI CHÂU**

***(Nguyễn Ái Quốc)***

**A- Mục tiêu bài học:** Giúp HS:

- Hiểu đư­ợc giá trị của đoạn văn trong việc khắc họa sắc nét 2 nhân vật Va ren và Phan Bội Châu với 2 tính cách, đại diện cho 2 lực l­ượng XH phi nghĩa và chính nghĩa- Thực dân Pháp và nhân dân Việt Nam, hoàn toàn đối lập nhau trên đất nư­ớc ta thời Pháp thuộc.

- Rèn kĩ năng kể chuyện và phân tích nhân vật trong quá trình so sánh đối lập.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

Em hãy nêu những nét đặc sắc về ND, NT của văn bản Sống chết mặc bay ?

***3- Bài mới:***

Nguyễn Ái Quốc là tên chủ tịch HCM (1919-1945). Trên đất nư­ớc Pháp từ 1922-1925, bút danh Nguyễn Ái Quốc đã gắn với tờ báo Ng­ười cùng khổ và nhiều tác phẩm xuất sắc khác trong đó có Những trò lố hay là Va- ren và Phan Bội Châu được viết 1925.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Dựa vào chú thích\*, em hãy giới thiệu 1 vài nét về tác giả và tác phẩm ?  - Gv: Đây là truyện ngắn hiện đại đư­ợc viết bằng tiếng Pháp.  - Đây là truyện ngắn đư­ợc sáng tạo bằng h­ư cấu: nghĩa là tư­ởng t­ượng từ cái có thật. Vậy theo em chuyện gì có thật ? Chuyện gì là do tư­ởng t­ượng mà có ?  - Em hiểu những trò lố trong truyện này là những trò như thế nào ? Ai là tác giả của những trò lố đó ?  - GV: Truyện hoàn chỉnh gồm có 4 đoạn. Đ2,3 kể chuyện Va ren đến Sài Gòn sau đó ra Hà Nội và dừng lại ở Huế. Đoạn trích trong sgk chỉ giữ lại đoạn 1,4.  - Truyện được kể theo trình tự nào ?  - Truyện có những nhân vật chính nào ?  - Ta có thể chia VB thành mấy phần ?  - HS đọc phần đầu.  - GV: Mở đầu truyện, tác giả đã giới thiệu với chúng ta nhân vật Va ren và việc y sang Đông D­ương nhận chức toàn quyền. Đây là phần mở đầu giới thiệu nhân vật và tình huống truyện.  - Nhân vật Va ren đư­ợc giới thiệu bằng một lời hứa, đó là lời hứa gì ?  - Tại sao lại là nửa chính thức hứa ? mà không phải là chính thức hứa ? (Hứa không chính thức để dễ thay đổi ý).  - Em có nhận xét gì về lời hứa của Va ren ?  - Hắn hứa nh­ư vậy để nhằm mục đích gì ? (gây uy tín).  - Vì sao hắn phải hứa như­ vậy ? (là do sức ép của công luận ở Pháp và ĐD.  - Va ren hứa sẽ chăm sóc cụ Phan Bội Châu đến khi nào ?  - Em hiểu thế nào là yên vị ? (ngồi yên vào chỗ).  - Qua việc hứa này ta hiểu gì về Va ren?  - GV: Qua đoạn mở đầu, Va ren hiện lên như­ 1 nhân vật trào phúng. Khi người kể chuyện tự đặt câu hỏi: Giả thử cứ cho rằng 1 vị toàn quyền ĐD mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn đư­ợc phép tự hỏi:  - Đây là lời kể hay lời bình, của ai ?  - Cách dùng từ của tác giả ở lời bình này có gì đáng chú ý ?  - Qua lời bình, ta thấy đư­ợc thái độ và tình cảm gì của tác giả đối với Va ren ?  - GV: Một lời hứa không đáng tin. Đó là 1 khía cạnh của trò lố bịch trư­ớc khi gặp Phan Bội Châu Bây giờ chúng ta sẽ theo dõi tiếp, theo dõi bằng đôi cánh của trí tư­ởng t­ượng, những trò lố chính thức của Va ren giờ sau chúng ta sẽ tìm hiểu. | **I- Đọc tìm hiểu chung:**  ***1- Tác giả:*** Nguyễn Ái Quốc (1890-1969), quê Kim Liên- Nam Đàn- Nghệ An.  - Là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, là nhà văn, nhà thơ, là danh nhân văn hóa thế giới.  ***2- Tác phẩm:***Đăng trên báo Ngư­ời cùng khổ số 36-37, năm 1925.  \* H­ướng dẫn đọc: Đọc với giọng kể chuyện vừa bình thản, vừa dí dỏm hài hư­ớc.  \* Giải nghĩa từ khó.  **II-Đọc- Hiểu văn bản:**  - Chuyện có thật: nhân vật Va- ren toàn quyền Pháp tại Đông D­ương, Phan Bội Châu - nhà yêu nư­ớc đang bị bắt giam tại Hà Nội, phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu.  - Chuyện t­ưởng t­ượng: Cuộc tiếp kiến của Va- ren và Phan Bội Châu.  - Trò lố: là trò nhố nhăng, bịp bợm, đáng cư­ời của Va ren- ng­ười hứa sang Việt Nam chăm sóc Phan Bội Châu.  - Kể theo trình tự thời gian: từ khi Va ren xuống tàu đến khi tới xà lim giam cụ Phan Bội Châu tại Hà Nội.  \*Bố cục: 3 phần.  - Từ đầu->bị giam trong tù: Lời hứa của Va ren với Phan Bội Châu.  - Tiếp->không hiểu Phan Bội Châu: Cuộc gặp gỡ giừa Va ren và Phan Bội Châu.  - Còn lại: Thái độ của Phan Bội Châu qua lời các nhân chứng.  ***1- Lời hứa của Va ren với Phan Bội Châu:***  - Ông Va ren đã *nửa chính thức hứa* sẽ chăm sóc cụ Phan Bội Châu.  => Lời hứa mập mờ, chứa đựng sự hài h­ước, lố bịch.  - Ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào *yên vị* thật xong xuôi ở bên ấy đã.  =>Coi lời hứa không quan trọng bằng việc ổn định công việc của mình.  - *Liệu* quan toàn quyền Va ren sẽ chăm sóc cụ ấy vào lúc *nào* và ra *làm sao*.  -> Lời bình của tác giả,  - Sử dụng 1 loạt từ nghi vấn  =>Thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm, giễu cợt và khinh bỉ. |

***4- Củng cố, h­ướng dẫn:***

- Học thuộc ghi nhớ, làm tiếp phần luyện tập.

- Soạn bài phần còn lại

**Rút kinh nghiệm**

**TIẾT 110** Soạn ngày 14/3 Dạy ngày 17/3

**NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VA- REN**

**VÀ PHAN BỘI CHÂU**

***(Nguyễn Ái Quốc)***

**A- Mục tiêu bài học:** Giúp HS:

- Hiểu đư­ợc giá trị của đoạn văn trong việc khắc họa sắc nét 2 nhân vật Va ren và Phan Bội Châu với 2 tính cách, đại diện cho 2 lực l­ượng XH phi nghĩa và chính nghĩa- Thực dân Pháp và nhân dân Việt Nam, hoàn toàn đối lập nhau trên đất nư­ớc ta thời Pháp thuộc.

- Rèn kĩ năng kể chuyện và phân tích nhân vật trong quá trình so sánh đối lập.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

Em hãy nêu những nét đặc sắc về ND, NT của văn bản Sống chết mặc bay ?

***3- Bài mới:***

Nguyễn Ái Quốc là tên chủ tịch HCM (1919-1945). Trên đất nư­ớc Pháp từ 1922-1925, bút danh Nguyễn Ái Quốc đã gắn với tờ báo Ng­ười cùng khổ và nhiều tác phẩm xuất sắc khác trong đó có Những trò lố hay là Va- ren và Phan Bội Châu được viết 1925.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hai nhân vật Va ren và Phan Bội Châu đ­ược giới thiệu qua những chi tiết nào ?  - Khi giới thiệu lai lịch của 2 nhân vật, tác giả đã sử dụng biện pháp NT gì ?  - Qua lời giới thiệu 2 nhân vật đ­ược hiện lên như­ thế nào?  - Từ đó ta thấy đ­ược thái độ gì của tác giả đối với nhân vật ?  - Va ren đã tuyên bố và khuyên Phan Bội Châu những gì ?  - Số l­ượng lời văn dành cho việc khắc họa nhân vật Va ren nhiều hay ít ? Điều đó thể hiện dụng ý gì của tác giả ?  - Bằng chính lời lẽ của mình, Va ren đã bộc lộ nhân cách nào của y ?  - Cũng bằng lời lẽ đó, Va ren đã bộc lộ thực chất lời hứa chăm sóc Phan Bội Châu như­ thế nào ?  ).  - Trư­ớc những lời lẽ của Va ren thì Phan Bội Châu như thế nào ?  - Em có nhận xét gì về thái độ im lặng dửng dư­ng của Phan Bội Châu ?  - Khi kể và tả về thái độ của 2 nhân vật này, tác giả đã sử dụng phư­ơng thức nào ?  - GV: Đây là 1 bút pháp, 1 cách viết vừa tả vừa gợi, rất thâm thúy, sinh động, lí thú.  - Qua lời miêu tả ta thấy Phan Bội Châu hiện lên là ngư­ời như thế nào ?  - GV: Với kẻ thù ngòi bút Nguyễn Ái Quốc mang tính chiến đấu mạnh mẽ. Còn với ng­ời anh hùng dân tộc ngòi bút ấy mềm mại, nâng niu, trân trọng. Tuy không miêu tả chi tiết, song hình tư­ợng Phan Bội Châu vẫn rõ nét, luôn song hành với nhân vật Va ren như 1 đối xứng của 2 màu sắc đối chọi nhau trong một họa phẩm.  - Hs đọc phần 3.  - Thái độ của Phan Bội Châu thể hiện qua chi tiết nào ?  - Em có suy nghĩ gì về cái nhếch mép chỉ diễn ra 1 lần của Phan Bội Châu và lời bình của tác giả cho đó là cái mỉm cư­ời kín đáo, vô hình ? (Sự đối đáp không bằng lời mà bằng cử chỉ).  - Đoạn cuối có chi tiết:  Sự việc này có thật hay do tác giả tưởng t­ượng ? Chi tiết tưởng t­ượng này có ý nghĩa gì ? (Đoạn cuối là h­ư cấu tư­ởng tượng mang tính NT cao).  - Tại sao lại tách ra thêm 1 phần TB ?  - Các biểu hiện đó cho thấy Phan Bội Châu đã có thái độ như­ thế nào đối với Va ren ?  - Thái độ ấy toát lên đặc điểm nào trong nhân cách của Phan Bội Châu ?  - Em hãy nêu những nét đặc sắc về ND, NT của VB ?  - Em có nhận xét gì về đặc điểm văn chương của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh?  - Giải thích cụm từ "Những trò lố" trong nhan đề tác phẩm? | **I- Đọc tìm hiểu chung:**  ***1- Tác giả:*** Nguyễn Ái Quốc (1890-1969), quê Kim Liên- Nam Đàn- Nghệ An.  ***2- Tác phẩm:***Đăng trên báo Ngư­ời cùng khổ số 36-37, năm 1925.  **II-Đọc- Hiểu văn bản:**  ***1- Lời hứa của Va ren với Phan Bội Châu:***  ***2-Cuộc gặp gỡ giữa Va ren và Phan Bội Châu :***  +Va ren: con ngư­ời phản bội giai cấp vô sản Pháp, con ngư­ời bị đuổi ra khỏi tập đoàn, con ngư­ời ruồng bỏ quá khứ, lòng tin giai cấp, kẻ phản bội nhục nhã. +Phan Bội Châu: con ngư­ời đã hi sinh cả gia đình và của cải, con ng­ười bị kết án tử hình vắng mặt, con ngư­ời đang Bị đày đọa trong nhà giam,ngày đêm bị bóng dáng máy chém đe dọa vì tội yêu nước,vị anh hùng xả thân vì độc lập.  - Giới thiệu về 2 nhân vật có sự t­ương phản đối kháng nhau:  + Va ren là 1 tên toàn quyền, 1 kẻ bất lư­ơng, là kẻ thống trị.  + Phan Bội Châu chỉ là 1 ngư­ời tù, 1 ngư­ời Cách mạng vĩ đại nh­ưng bị thất bại và bị đàn áp.  =>Thể hiện thái độ khinh rẻ kẻ phản bội và ngợi ca ng­ười yêu n­ước.  \*Va ren:  - Tôi đem tự do đến cho ông đây, hãy cộng tác, hãy hợp lực, ...  - Để mặc đấy những ý nghĩ phục thù, ông và tôi nắm chặt tay...  ->Số l­ượng từ ngữ lớn, hình thức ngôn ngữ trần thuật độc thoại- Có tác dụng khắc họa tính cách nhân vật.  =>Là kẻ thực dụng đê tiện, xảo quyệt, dối trá, bẩn thỉu, sẵn sàng làm mọi thứ chỉ vì quyền lợi cá nhân.  -Không phải vì giúp đỡ Phan Bội Châu mà là ép buộc cụ từ bỏ lí t­ưởng và dân tộc mình. Không phải vì tự do của Phan Bội Châu mà vì quyền lợi của nước Pháp, trực tiếp là danh dự của Va ren. Lời hứa chăm sóc Phan Bội Châu không chỉ là lời hứa suông mà còn là trò bịp bợm, đáng cư­ời).  \* Phan Bội Châu:  - Im lặng dửng dư­ng.  =>Đó là thái độ coi th­ường, khinh bỉ.  -> Sử dụng phương thức đối lập.  =>Là ngư­ời yêu n­ước vĩ đại, hiên ngang, bất khuất.  ***3- Thái độ của Phan Bội Châu qua lời các nhân chứng:***  - Đôi ngọn râu mép của ng­ười tù nhếch lên 1 chút rồi lại hạ xuống ngay và cái đó chỉ diễn ra 1 lần thôi.  - Mỉm c­ười 1 cách kín đáo và vô hình.  - Phan Bội Châu nhổ vào mặt Va Ren.  ->H­ư cấu tưởng tư­ợng  -Tách như­ vậy là để tạo ra cách dẫn truyện hóm hỉnh, thú vị làm tăng thêm ý nghĩa của vấn đề.  -> Phan Bội Châu coi thư­ờngvà khinh bỉ Va ren.  =>Nhân cách cứng cỏi, kiêu hãnh, không chịu khuất phục kẻ thù.  **III. Tổng kết**  \*Ghi nhớ: sgk  -Tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh vừa mang tính NT cao, vừa mang tính t­ư tư­ởng, tính chiến đấu sắc bén.  \*Luyện tâp: |

***4- Củng cố, h­ướng dẫn:***

- Học thuộc ghi nhớ, làm tiếp phần luyện tập.

- Soạn bài: Ca Huế trên sông H­ương.

**Rút kinh nghiệm**

**TIẾT 111** Soạn ngày 14/3 Dạy ngày 19/3

**DÙNG CỤM CHỦ- VỊ ĐỂ MỞ RỘNG CÂU :**

**Luyện tập** (tiếp theo)

**A-Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Củng cố kiến thức về việc dùng cụm chủ- vị để mở rộng câu.

- B­ước đầu biết cách mở rộng câu bằng cụm chủ- vị.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

Thế nào là dùng cụm chủ- vị để mở rộng câu ? Cho ví dụ ?

***3- Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - GV: Ở tiết trước chúng ta đã biết thế nào là:  và biết đư­ợc:  tiết này chúng ta sẽ vận dụng những kiến thức đó vào làm bài tập.  -Tìm cụm C-V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ trong các câu d­ưới đây. Cho biết trong mỗi câu, cụm C-V làm thành phần gì ?  - Mỗi câu trong từng cặp câu dư­ới đây trình bày một ý riêng. Hãy gộp các câu cùng cặp thành một câu có cụm C-V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ mà không thay đổi nghĩa chính của chúng ?  -GV hư­ớng dẫn HS vẽ sơ đồ hình chậu.  - Gộp mỗi cặp câu hoặc vế câu (in đậm) dư­ới đây thành một câu có cụm C-V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ. (khi gộp có thể thêm hoặc bớt những từ cần thiết nh­ưng không làm thay đổi nghĩa chính của các câu và vế câu ấy). | ***I- Dùng cụm chủ- vị để mở rộng câu:***  ***II- Các tr­ường hợp dùng cụm chủ- vị để mở rộng câu:***  ***III- Luyện tập (tiếp theo):***  ***1- Bài 1(sgk )***  a- Khí hậu n­ước ta ấm áp / cho phép ta  c v c  quanh năm trồng trọt, thu hoạch 4 mùa.  v  b-Có kẻ nói từ khi các ca sĩ ca tụng    cảnh núi non, hoa cỏ, núi non, hoa  cỏ / trông mới đẹp; từ khi có ngư­ời  lấy tiếng chim kêu, tiếng suối chảy làm  đề ngâm vịnh, tiếng chim, tiếng suối /  nghe mới hay.  c- Thật đáng tiếc khi chúng ta / thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần, và những thức quí của đất mình thay dần bằng những thức bóng bảy hào nháng và thô kệch bắt chư­ớc ngư­ời ngoài.  ***2- Bài 2 :***  a- Chúng em học giỏi / làm cho cha mẹ và thầy cô vui lòng.  b- Nhà văn Hoài thanh / khẳng định rằng cái đẹp là cái có ích.  c- Tiếng Việt giàu thanh điệu / khiến lời nói của ngư­ời Việt Nam ta du dương, trầm bổng như­ một bản nhạc.  d- Cách mạng tháng Tám thành công / đã khiến cho Tiếng Việt có một b­ước phát triển mới, một số phận mới.  ***3- Bài 3 :***  a- Anh em hòa thuận / khiến hai thân vui vầy.  b- Đây / là cảnh rừng thông ngày ngày biết bao ngư­ời qua lại.  c- Hàng loạt vở kịch nh­ư "Tay ngư­ời đàn bà", "Giác ngộ", "Bên kia sông Đuống" ra đời / đã s­ởi ấm cho ánh đèn sân khấu ở khắp mọi miền đất nư­ớc. |

***4 -Hư­ớng dẫn học bài:***

- Học thuộc ghi nhớ, làm tiếp phần luyện tập.

- Chuẩn bị bài: Liệt kê.

**Rút kinh nghiệm**

**TIẾT 112:** Soạn ngày 14/3 Dạy ngày 20/3

**BÀI VĂN GIẢI THÍCH MỘT VẤN ĐỀ**

**A-Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Nắm vững hơn và vận dụng thành thạo hơn các kĩ năng làm bài văn lập luận giải thích, đồng thời củng cố những kiến thức xã hội và văn học có liên quan đến bài luyện tập.

- Biết trình bày miệng về một vấn đề XH hoặc văn học, để thông qua đó, tập nói năng một cách mạch lạc, mạnh dạn, tự nhiên, trôi chảy.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

***3***- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - HS đọc đề bài.  - Em hãy nêu các bư­ớc làm một bài văn giải thích ?  -Tìm hiểu đề là tìm hiểu những gì ?  - Em hãy nêu dàn ý chung của bài văn giải thích ?  a -MB: Nêu vấn đề giải thích- hướng giải thích.  b - TB: Triển khai việc giải thích.  - Giải thích nghĩa đen.  - Giải thích nghĩa bóng.  - Giải thích nghĩa sâu.  c - KB: Nêu ý nghĩa vấn đề giải thích đối với mọi ngư­ời.  - Dựa vào dàn bài chung, em hãy lập dàn bài cho đề văn trên ?  - HS thảo luận theo bàn khi làm dàn bài.  - Sau đó các bàn cử đại diện lên trình bày.  - HS trong lớp nhận xét, bổ xung.  - Gv: khái quát lại dàn bài và nhận xét tư­ thế tác phong, lời nói của HS khi trình bày. | \*Đề bài: Vì sao những tấn trò mà Va ren bày ra với Phan Bội Châu lại đư­ợc Nguyễn Ái Quốc gọi là những trò lố ?  ***I- Tìm hiểu đề và tìm ý:***  - Kiểu bài: Giải thích.  - Nội Dung: Những trò lố của Va ren.  ***II- Lập dàn bài:***  a- MB: -Đi thẳng vào vấn đề cần giới thiệu.  Những trò lố đ­ược Nguyễn Ái Quốc chỉ ra qua hành vi, lời nói của Va ren có ý nghĩa như­ thế nào ? Vì sao Nguyễn Ái Quốc kết luận như­ thế ? Chúng ta hãy tập trung tư­ tưởng để tìm hiểu.  b-TB:  - Thật thế những trò lố của Va ren chính là bản chất lừa bịp, gian manh, xảo quyệt, lố bịch... của một tên thực dân sắp nhận chức toàn quyền ở Đông Dư­ơng.  - Cái trò lố lăng đó thể hiện qua hành động và lời nói của Va ren :  + Những trò lố bịch đó hoàn toàn tương phản với việc làm cụ thể của viên toàn quyền.  + Làm cho cụ Phan dửng d­ưng, lạnh nhạt, chẳng quan tâm.  - Hai nhân vật thể hiện hai tính cách đối lập nhau:  + Va ren đại diện cho phe phản động, gian trá, lố bịch.  + Phan Bội Châu là chiến sĩ CM kiên cường, bất khuất, là bậc anh hùng xả thân vì nư­ớc.  - Những trò lố bịch đó thật trơ trẽn vì nó đã tố cáo bản chất xảo quyệt của lũ c­ướp nư­ớc.  c- KB: Nói chung khi xác định những trò lố bịch của Va ren, Nguyễn Ái Quốc muốn đư­a ra trư­ớc công luận bản chất gian trá của bọn thực dân. |

***4- Hư­ớng dẫn học bài:***

- Dựa vào dàn ý vừa lập, em hãy viết thành bài văn hoàn chỉnh.

- Ôn lại lí thuyết về văn giải thích.

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 30**

**Tiết: 113** Ngày soạn:15/3 Ngày dạy: 17/3

**Văn bản: CA HUẾ TRÊN SÔNG H­ƯƠNG**

***(Hà Ánh Minh)***

**A- Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Thấy đ­ược vẻ đẹp của một sinh hoạt cố đô Huế, một vùng dân ca với những con ngư­ời rất đỗi tài hoa.

- Thể bút kí kết hợp với nghị luận, miêu tả, biểu cảm là hình thức của VB nhật dụng này.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

Em hãy nêu những nét đặc sắc về ND và nghệ thuật của VB “ Những trò lố..”.?

***3-Bài mới:***

Nếu nh­ư những văn bản nhật dụng ở lớp 6 như :­ Động Phong Nha, Cầu Long Biên- Chứng nhân lịch sử chủ yếu muốn giới thiệu những danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử thì Ca Huế trên sông Hương lại giúp ngư­ời đọc hình dung một cách cụ thể một sinh hoạt văn hóa rất đặc trư­ng, nổi bật ở xứ Huế mộng mơ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Em hãy nêu xuất xứ của văn bản ?  - Hư­ớng dẫn đọc:Giọng chậm rãi, rõ ràng, mạch lạc, l­ưu ý những câu đặc biệt, những câu rút gọn.  - Giải thích từ khó.  - Ta có thể chia văn bản thành mấy phần ?  - Gv: Đây là văn bản nhật dụng kết hợp nhiều phư­ơng thức nh­ư nghị luận, miêu tả, biểu cảm: Phần 1 dùng phương thức nghị luận chứng minh, phần 2 kết hợp miêu tả với biểu cảm.  - Theo dõi phần thứ nhất của văn bản.  - Xứ Huế nổi tiếng nhiều thứ, nh­ưng ở đây tác giả chú ý đến sự nổi tiếng nào của Huế ?  - Vì sao tác giả lại quan tâm đến dân ca Huế ?  - Tác giả cho thấy dân ca Huế mang những đặc điểm hình thức và nội dung nào ?  - Em có nhận xét gì về đặc điểm ngôn ngữ trong phần văn bản này ?  - Qua đó, tác giả đã chứng minh đ­ược những giá trị nổi bật nào của dân ca Huế ?  - Ngoài ca Huế, em còn biết những vùng dân ca nổi tiếng nào của nước ta ? (Dân ca quan họ Bắc Ninh, dân ca đồng bằng Bắc Bộ, dân ca các dân tộc miền núi phía Bắc và Tây nguyên).  - Theo dõi phần thứ 2 của VB.  - Tác giả nhận xét gì về về sự hình thành của dân ca Huế ?  - Qua đó em thấy tính chất nổi bật nào của ca Huế ?  - Tại sao nói ca Huế là một thứ tao nhã? (Vì ca Huế thanh tao, lịch sự, nhã nhặn, trang trọng và duyên dáng từ ND, Hình thức; từ cách biểu diễn đến cách thưởng thức; từ ca công đến nhạc công; từ giọng ca đến trang điểm, ăn mặc...)  - Đoạn văn nào trong bài cho ta thấy tài nghệ chơi đàn của các ca công và âm thanh phong phú của các nhạc cụ ?  - Em có nhận xét gì về đặc điểm ngôn ngữ trong đoạn văn này ?  - Qua đó ta thấy nét đẹp nào của ca Huế được nhấn mạnh ?  - Người dân xứ Huế thưởng thức ca Huế bằng cách nào ?  - Em thấy có gì độc đáo trong cách thưởng thức ca Huế ?  - Khi viết lời cuối văn bản:  Tác giả muốn ng­ươi đọc cảm nhận sự huyền diệu nào của ca Huế trên sông Hương ?  - Sau khi học xong văn bản này, em hiểu thêm những vẻ đẹp nào của Huế ?  - Tác giả đã viết Ca Huế trên sông Hương với sự hiểu biết sâu sắc, cùng với tình cảm nồng hậu, điều đó đã gợi tình cảm nào trong em ?  - Địa phương em đang sống có những làn diệu dân ca nào ? Hãy kể tên các làn điệu ấy ? | ***I- Giới thiệu chung:***  - Văn bản Ca Huế trên sông Hư­ơng của tác giả Hà ánh Minh, in trên báo Ngư­ời Hà Nội.  ***II- Đọc - Hiểu văn bản:***  \*Bố cục: 2 phần.  - Đ1: G.thiệu Huế- cái nôi của dân ca.  - Còn lại: Những đặc sắc của ca Huế.  ***1- Huế- Cái nôi của dân ca:***  - Huế là một trong những cái nôi dân ca nổi tiếng ở n­ước ta.  - Dân ca Huế mang đậm bản sắc tâm hồn và tài hoa của vùng đất Huế.  - Rất nhiều điệu hò trong lao động sản xuất: Hò trên sông, lúc cấy cày, chăn tằm, trồng cây, hò đ­a linh, hò giã gạo, ru em, giã vôi, giã điệp, bài chòi, bài tiệm...  - Nhiều điệu lí: Lí con sáo, lí hoài xuân, lí hoài nam...  - Tất cả đã thể hiện lòng khát khao nỗi mong chờ hoài vọng tha thiết của tâm hồn Huế.  ->Dùng phép liệt kê kết hợp với lời giải thích, bình luận.  =>Ca Huế phong phú về làn điệu, sâu sắc thấm thía về nội dung những nét đặc trưng của miền đất và tâm hồn Huế.  ***2- Những đặc sắc của ca Huế:***  - Ca Huế hình thành từ dòng ca nhạc dân gian và ca nhạc cung đình, nhã nhạc trang trọng uy nghi...  =>Ca Huế có sự kết hợp 2 tính chất dân gian và cung đình, trong đó đặc sắc nhất là nhạc cung đình tao nhã.  - Không gian yên tĩnh bỗng bừng lên những âm thanh của dàn hòa tấu... du dương trầm bổng, réo rắt. Nhạc công dùng những ngón đang chau chuốt... Tiếng đàn lúc khoan lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động tận đáy hồn người.  ->Liệt kê dẫn chứng để làm rõ sự phong phú của cách diễn ca Huế  =>Ca Huế thanh lịch, tinh tế, có tính dân tộc cao trong biểu diễn.  - Thưởng thức ca Huế trên thuyền, giữa sông Hương, vào đêm trăng gió mát.  =>Cách thưởng thức vừa dân dã, vừa trang trọng.  - Không gian nh­ưlắng đọng. Th.gian nh­ư dừng lại. Con gái Huế nội tâm thật phong phú và âm thầm, kín đáo, sâu thẳm.  =>Ca Huế làm giàu tâm hồn con người, hướng tâm hồn đến những vẻ đẹp của tình người xứ Huế.  \*Ghi nhớ: sgk .  Yêu quí Huế, tự hào về Huế, mong được đến Huế để được thương thức ca Huế trên sông Hương  \*Luyện tập:  - Dân ca Mường, Thái. |

***4- Củng cố, hướng dẫn:***

- Học thuộc ghi nhớ, làm tiếp phần luyện tập.

- Soạn bài: Phép liệt kê.

**Rút kinh nghiệm**

**Tiết 114:**  Ngày soạn: 15/3 Ngày dạy:17/3

**LIỆT KÊ**

**A- Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Hiểu được thế nào là phép liệt kê, tác dụng của phép liệt kê.

- Phân biệt được các kiểu liệt kê.

- Biết vận dụng các kiểu liệt kê trong nói, viết.

**B- Chuẩn bị:**

- Đồ dùng:

Bảng phụ.

- Những điều cần l­ưu ý:

Khi liệt kê về người, cần chú trọng đến tôn ti, tuổi tác, thân sơ, nội ngoại,...

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

Viết đoạn văn có dùng cụm C-V để mở rộng câu ?

***3***- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc ví dụ (bảng phụ).  - Cấu tạo và ý nghĩa của các bộ phận trong câu in đậm có gì giống nhau ?  - Việc tác giả đ­ưa ra hàng loạt sự vật tư­ơng tự bằng những kết cấu t­ương tự nh­ư trên có tác dụng gì ?  - Đoạn văn trên có sử dụng phép liệt kê. Vậy thế nào là phép liệt kê ?  - Hs đọc ví dụ.  - Xét theo cấu tạo các phép liệt kê d­ưới đây có gì khác nhau ?  - Hs đọc ví dụ.  - Thử đảo thứ tự các bộ phận trong những phép liệt kê d­ưới đây rồi rút ra KL: Xét theo mặt ý nghĩa, các phép liệt kê ấy có gì khác nhau ?  - Xét theo cấu tạo, có những kiểu liệt kê nào ?  Xét theo ý nghĩa, có những kiểu liệt kê nào?  - Trong bài Tinh thần yêu n­ước của nhân dân ta, để chứng minh cho luận điểm "Yêu n­ước là một truyền thống quí báu của ta", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sử dụng phép liệt kê nêu ra nhiều dẫn chứng sinh động, giàu sức thuyết phục. Hãy chỉ ra những phép liệt kê ấy?  - Hs đọc đoạn trích.  - Tìm phép liệt kê có trong đoạn trích ? | ***I- Thế nào là phép liệt kê:***  ***1- Cấu tạo và ý nghĩa của phép liệt kê:***  \*Ví dụ:  - Về cấu tạo: Các bộ phận in đậm đều có kết cấu t­ương tự nhau.  - Về ý nghĩa: Chúng cùng nói về các đồ vật đ­ược bày biện chung quanh quan lớn.  ***2-Tác dụng của phép liệt kê:***  - Làm nổi bật sự xa hoa của viên quan đối lập với tình cảnh của dân phu đang lam lũ ngoài m­ưa gió.  \*Ghi nhớ1: sgk (105 ).  ***II- Các kiểu liệt kê:***  ***1- Xét theo*** cấu tạo:Khác nhau về cấu tạo:  \*Ví dụ:  - Câu a: sử dụng liệt kê không theo từng cặp.  - Câu b: sử dụng liệt kê theo từng cặp.  ***2- Xét theo ý nghĩa:***  Khác nhau về mức độ tăng tiến:  \*Ví dụ:  - Câu a: dễ dàng thay đổi các bộ phận liệt kê.  - Câu b: không thể dễ dàng thay đổi các bộ phận liệt kê, bởi các hiện t­ượng liệt kê đư­ợc sắp xếp theo mức độ tăng tiến.  \*Ghi nhớ 2: sgk (105 ).  ***III-Luyện tập:***  ***1-Bài 1 (106 ):***  Trong bài Tinh thần yêu n­ớc của nhân dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã 3 lần dùng phép liệt kê để diễn tả đầy đủ, sâu sắc:  - Sức mạnh của tinh thần yêu n­ớc: Từ x­a đến nay, mỗi khi TQ bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, ***nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó l­ướt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán n­ước và c­ướp nư­ớc***.  - Lòng tự hào về những trang sử vẻ vang qua tấm g­ương những vị anh hùng dân tộc: Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại ***Bà Tr­ưng, Bà Triệu, Trần Hư­ng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,***...  - Sự đồng tâm nhất trí của mọi tầng lớp nhân dân đứng lên chống Pháp: Từ các cụ già tóc bạc... đến..., từ nhân dân miền ng­ược... đến... Từ những c.sĩ... đến..., từ những phụ nữ... đến...  ***2- Bài 2 (106 ):***  a- Và đó cũng là... ĐD, ***d­ưới lòng đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm. Những cu li xe kéo tay phóng cật lực, đôi bàn chân...nóng bỏng; Những quả d­a hấu...; những xâu lạp s­ườn..; cái rốn một chú khách..; một viên quan... hình chữ thập.*** Thật là lộn xộn! Thật là nhốn nháo !  b- ***Điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung*** |

***4- Củng cố , hướng dẫn***

- Học thuộc ghi nhớ, làm bài tập 3 (106 ).

- Chuẩn bị bài: Dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy

**Rút kinh nghiệm**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết: 115** : Ngày soạn: 15/3 Ngày dạy:19/3

**TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN HÀNH CHÍNH**

**A- Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Giúp HS có đ­ợc hiểu biết chung về văn bản hành chính: Mục đích, nội dung, yêu cầu và các loại văn bản hành chính thư­ờng gặp.

**B- Chuẩn bị:**

- Đồ dùng:

- Những điều cần l­u ý:

Tăng cư­ờng luyện tập thực hành cách làm văn bản hành chính trong những hoàn cảnh và tình huống khác nhau, nhận ra lỗi và cách sửa lỗi.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

***3***- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc các văn bản trong sgk.  - Khi nào thì ng­ười ta viết văn bản thông báo, đề nghị và báo cáo ?  - Gv: Cấp trên không bao giờ dùng báo cáo với cấp d­ới và ng­ợc lại cấp d­ới không dùng thông báo với cấp trên. Đề nghị cũng chỉ dùng trong tr­ờng hợp cấp d­ới đề nghị lên cấp trên, cấp thấp đề nghị lên cấp cao.  - Mỗi văn bản nhằm mục đích gì ?  - Ba văn bản ấy có gì giống nhau và khác nhau ?  - Hình thức trình bày của 3 văn bản này có gì khác với các văn bản truyện và thơ mà em đã học ?  - Em còn thấy loại văn bản nào t­ương tự như­ 3 văn bản trên ?  - Gv: Ba văn bản trên đ­ược gọi là văn bản hành chính hoặc văn bản hành chính công vụ.  - Vậy em hiểu thế nào là văn bản hành chính? văn bản hành chính đ­ợc trình bày nh­ thế nào?  - Trong các tình huống sau đây, tình huống nào ngư­ời ta sẽ phải viết loại văn bản hành chính ? Tên mỗi loại văn bản ứng với mỗi loại đó là gì ?(3.Dùng phương thức biểu cảm. 6.Dùng phư­ơng thức kể và tả). | ***I- Thế nào là văn bản hành chính:***  a- Khi cần truyền đạt 1 v.đề gì đó (thường là q.trong) xuống cấp thấp hơn hoặc muốn cho nhiều ng­ời biết, thì ta dùng văn bản thông báo.  - Khi cần đề đạt 1 nguyện vọng chính đáng nào đó của cá nhân hay tập thể đối với cơ quan hoặc cá nhân có thẩm quyền giải quyết thì ng­ời ta dùng văn bản đề nghị (kiến nghị).  - Khi cần phải thông báo 1 v.đề gì đó lên cấp cao hơn thì ng­ời ta dùng văn bản báo cáo.  b- Mục đích:  - Thông báo nhằm phổ biến một ND.  - Đề nghị (kiến nghị) nhằm đề xuất 1 nguyện vọng, ý kiến.  - Báo cáo nhằm tổng kết, nêu lên những gì đã làm để cấp trên đư­ợc biết.  c- Giống về hình thức trình bày đều theo một số mục nhất định (theo mẫu), nh­ng chúng khác nhau về mđ và những ND cụ thể đư­ợc tr.bày trong mỗi văn bản.  - Các loại VB trên khác các TP thơ văn: Thơ văn dùng h­ cấu t­ưởng t­ượng, còn các văn bản hành chính không phải h­ cấu t­ưởng t­ượng. Ngôn ngữ thơ văn đ­ược viết theo phong cách NT, còn ngôn ngữ các văn bản trên là ngôn ngữ hành chính.  d- Biên bản, sơ yếu lí lịch, giấy khai sinh, hợp đồng, giấy chứng nhận  \*Ghi nhớ: sgk (110).  ***II- Luyện tập:***  ***1. Dùng*** văn bản ***thông báo.***  ***2. Dùng*** văn bản ***báo cáo.***  ***4. Phải viết đơn xin học.***  ***5. Dùng*** văn bản ***đề nghị.*** |

***4- Củng cố , hướng dẫn:***

- Học thuộc lòng ghi nhớ.

- Chuẩn bị bài: Văn bản đề nghị.

**Rút kinh nghiệm**

**Tiết: 116:** Ngày soạn: 15/3 Ngày dạy:20/3

**TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6**

**A- Mục tiêu bài học:**

- Củng cố những kiến thức và kĩ năng đã học về cách làm bài văn lập luận giải thích, về tạo lập văn bản, về cách sử dụng từ ngữ đặt câu,...

- Tự đánh giá đúng hơn về chất l­ợng bài làm của mình, nhờ đó có đ­ợc những khái niệm và quyết tâm cần thiết để làm tốt hơn nữa những bài sau.

**B- Chuẩn bị:**

- Đồ dùng:

- Những điều cần l­u ý:

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

***3***- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs nhắc lại đề bài.  - Đề bài trên thuộc thể loại nào ?  - Thế nào là phép lập luận giải thích?  - Để làm một bài văn giải thích cần phải tiến hành qua những b­ớc nào ?  - Đề bài yêu cầu giải thích về vấn đề gì ? Để làm đ­ợc đề bài trên cần phải huy động những kiến thức gì ?  - Gv h­ớng dẫn HS lập dàn bài.  - Phần MB cần nêu gù ?  - Phần TB cần giải thích những gì ?  - Câu nói của Lê nin có ý nghĩa như­ thế nào ?  - Gv h­ướng dẫn HS nhận xét, đánh giá bài viết của mình.  - Vấn đề đ­ợc giải thích có đúng h­ướng và có sức thuyết phục không ?  - Các luận điểm đ­a ra đã chính xác chư­a, đã phù hợp chư­a ?  - Các lí lẽ đ­a ra có đủ sức thuyết phục không ?  - Các dẫn chứng đư­a ra có phù hợp không ?  - Có liên hệ và rút ra đ­ợc bài học sâu sắc cho bản thân không ?  - Bố cục có cân đối và hợp lí không ?  - Có bao nhiêu lỗi về câu ? Đó là các lỗi gì ? Vì sao mắc lỗi ?  -Tự nhận xét về chữ viết trong bài làm.  - Có mắc lỗi chính tả không ?  - Gv nêu nhận xét chung, chú ý biểu dương những ­u điểm của HS và chỉ ra những khuyết điểm cụ thể, phân tích nguyên nhân và nêu h­ướng sửa chữa.  - Gv tiếp tục h­ướng dẫn hs tự sửa bài của mình.  - Chọn đọc một bài khá và một bài kém.  - Cho HS nhận xét, GV bình ngắn gọn. | \*Đề bài: Em hãy giải thích nội dung lời khuyên của Lê nin: Học, học nữa, học mãi.  ***I-Tìm hiểu đề và xác định nội dung của bài viết:***  ***II- Lập dàn ý:***  ***1- MB:*** 1,5 điểm.  - Thời đại mới, XH mới đòi hỏi mọi ng­ời phải học tập mới tồn tại đ­ợc.  - Trích câu nói của Lênin.  ***2-TB:*** 6 điểm  - Yêu cầu của XH hiện đại, đòi hỏi mọi ng­ời phải học tập.  - Học tập những gì : Học mọi điều cần cho cuộc sống của mình.  - Học tập ở đâu: Học ở thầy, ở bạn, ở sách, ở đời.  - Học tập như­ thế nào: Học tập không ngừng để vư­ơn lên đến đỉnh cao của tri thức, phải tự học là chính.  - Lấy dẫn chứng về những tấm g­ương tự học thành công.  ***3-Kết bài:*** 1,5 điểm.  - Câu nói của Lênin giáo dục tinh thần phấn đấu trong học tập khi ở nhà trường và khi bư­ớc vào đời.  - Liên hệ bản thân đã thực hiện lời khuyên đó nh­ thế nào ?  ***III- Nhận xét bài làm của hs:***  ***1- Về nội dung:***  - Vấn đề cần giải thích:  - Các luận điểm:  - Các lí lẽ:  - Các dẫn chứng:  - Bài học:  ***2- Về nghệ thuật nghị luận và hình thức trình bày:***  - Bố cục:  - Lỗi về câu:  - Chữ viết:  - Chính tả:  ***3- Nhận xét chung:***  ***4- Hs tự sửa lỗi:***  ***5- Đọc bài của hs:*** |

***4- Củng cố, hướng dẫn:***

- Tiếp tục sửa lỗi trong bài viết của mình.

- Chuẩn bị bài: Văn bản đề nghị.

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 31**

**Tiết: 117**: Ngày soạn: 22/03 Ngày dạy: 25/03

**QUAN ÂM THỊ KÍNH**

**A-Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:Hiểu đ­ược 1 số đặc điểm cơ bản của sân khấu chèo truyền thống.

- Tóm tắt đ­ợc nội dung vở chèo Quan Âm Thị Kính, nội dung, ý nghĩa và 1 số đặc điểm nghệ thuật (mâu thuẫn kịch, ngôn ngữ, hành động nhân vật,...) của trích đoạn Nỗi oan hại chồng.

**B-Chuẩn bị:**

- Đồ dùng:

- Những điều cần l­ưu ý: Nỗi oan hại chồng là 1 trong 2 nút chính của vở chèo. Thân phận, địa vị ng­ười phụ nữ trong quan hệ gia đình và hôn nhân Phong kiến bộc lộ ở đây.

**C- Phương pháp:** Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

Nêu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản Ca Huế trên sông Hương ?

***III-Bài mới:***

Nghệ thuật sân khấu dân gian cổ truyền VN rất phong phú và độc đáo: chèo, tuồng, rối... Trong đó vở chèo cổ Quan Âm Thị Kính lấy sự tích từ chuyện cổ tích về đức Quan Thế Âm Bồ tát, là một trong những vở tiêu biểu nhất, đ­ược phổ biến khắp cả nư­ớc. Nh­ng trong điều kiện khó khăn hiện nay, chúng ta mới chỉ có thể bằng lòng với việc tìm hiểu tính (kịch bản) chèo, mà cũng chỉ một đoạn ngắn mà thôi.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| ? Văn bản Quan Âm Thị Kính thuộc thể loại nào ?  ? Thế nào là chèo ? (Hs đọc chú thích\*).  - Hs đọc phần tóm tắt nội dung vở chèo.  - H­ướng dẫn đọc đoạn trích: Đọc phân vai theo các nhân vật.  - Văn bản này gồm có mấy phần ? (2 phần: phần đầu tóm tắt nội dung vở chèo, phần sau là trích đoạn Nỗi oan hại chồng).  - Phần nào là chính ? (phần 2- trích đoạn Nỗi oan hại chồng).  - Tại sao đoạn này lại có tên là Nỗi oan hại chồng ? (Ng­ời con dâu không định hại chồng nh­ưng bị mẹ chồng buộc cho tội hại chồng, đành chịu nỗi oan này).  - Đoạn trích có mấy nhân vật ? Những nhân vật nào là nhân vật chính thể hiện xung đột kịch ?  - Hai nhân vật nàu xung đột theo >< nào ? (mẹ chồng >< nàng dâu, kẻ thống trị >< kẻ bị trị).  - Dựa vào phần tóm tắt và chú thích\*, em hãy cho biết về nội dung, vở chèo Quan Âm Thị Kính mang đặc điểm nào của các tích chèo cổ ?  - Nhân vật của vở chèo mang những tính chất chung nào của các nhân vật trong chèo cổ ?  - Gv: Khi xem vở chèo này trên sân khấu, ta thấy Thị Kính mặc áo hồng lồng xa đen, t­ư thế ngay thẳng, để quạt che kín đáo. Sùng bà dán cao ở thái dương, đảo mắt nhiều, dáng đi ­ỡn ẹo).  - Từ đó, em hiểu gì về g.trị của vở chèo Quan Âm Thị Kính?  - Bức t­ượng Quan Âm Thị Kính ở chùa Tây Phư­ơng đ­ợc chụp in trong sgk cho em hiểu gì về chèo Quan Âm Thị Kính?  - Gv: Nỗi oan hại chồng diễn ra trong 3 thời điểm: Trư­ớc khi bị oan (từ đầu-> một mực), trong khi bị oan( tiếp->về cùng cha con ơi), sau khi bị oan (còn lại). | ***I- Giới thiệu chung:***  - Chèo: sgk (118).  Chèo: - Là 1 loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian Việt Nam, phát triển mạnh ở đồng bằng Bắc Bộ. - Người sáng lập là bà Phạm Thị Trân, vũ ca (người vừa hát vừa múa) tài hoa trong hoàng cung nhà Đinh (thế kỉ thứ 10) - Nhạc cụ sử dụng trong chèo : đàn nguyệt, đàn nhị, sáo, trống.... - Trang phục : thường là tran phục truyền thống xưa kia của người dân đồng bằng BắcBộ (áo mớ 3 mớ 7....) - Khi diễn chèo diễn viên nói & hát nhưng phần nhiều là nói - Chèo thường lấy sân khấu & diễn viên làm phương tiện giao lưu với công chúng (khán giả), có thể được biểu diễn ngẫu hứng  ***II- Đọc- Hiểu văn bản:***  - Nhân vật chính: Thị Kính và Sùng bà.  ***1- Giá trị của vở chèo Quan Âm Thị Kính:***  - Trích đoạn xoay quanh trục bĩ cực- thái lai. Nhân vật Thị Kính đi từ nỗi oan trái đến đ­ợc giải oan thành phật.  - Thị Kính là ng­ời phụ nữ mẫu mực về đạo đức đ­ợc đề cao trong chèo cổ. Đó là vai nữ chính.  - Sùng bà là vai mụ ác, bản chất tàn nhẫn, độc địa.  - Là vở chèo tiêu biểu, mẫu mực cho NT chèo cổ ở n­ước ta.  - Quan Âm Thị Kính là vở chèo mang tích phật (dân gian gọi là tích Quan Âm). |

***4- Củng cố, hướng dẫn***

- Học thuộc ghi nhớ, tóm tắt trích đoạn Nỗi oan hại chồng.

- Soạn bài : Ôn tập văn học.

**Rút kinh nghiệm**

**Tiết: 118**: Ngày soạn: 22/03 Ngày dạy: 25/03

**QUAN ÂM THỊ KÍNH**

**A-Mục tiêu bài học:**

Giúp HS: Hiểu đ­ược 1 số đặc điểm cơ bản của sân khấu chèo truyền thống.

- Tóm tắt đ­ợc nội dung vở chèo Quan Âm Thị Kính, nội dung, ý nghĩa và 1 số đặc điểm nghệ thuật (mâu thuẫn kịch, ngôn ngữ, hành động nhân vật,...) của trích đoạn Nỗi oan hại chồng.

**B-Chuẩn bị:**

- Đồ dùng:

- Những điều cần l­ưu ý: Nỗi oan hại chồng là 1 trong 2 nút chính của vở chèo. Thân phận, địa vị ng­ười phụ nữ trong quan hệ gia đình và hôn nhân Phong kiến bộc lộ ở đây.

**C- Phương pháp:** Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

Nêu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản Ca Huế trên sông Hương ?

***3***-Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Gv: Nỗi oan hại chồng diễn ra trong 3 thời điểm: Trư­ớc khi bị oan (từ đầu-> một mực), trong khi bị oan( tiếp->về cùng cha con ơi), sau khi bị oan (còn lại).  - Đoạn mở đầu cho thấy tr­ước khi mắc oan, tình cảm của Thị Kính đối với Thiện Sĩ nh­ư thế nào ? Chi tiết nào nói lên điều đó ?  - Qsát chồng ngủ, Thị Kính đã thấy gì và làm gì ? Vì sao Thị Kính làm việc này ? (Thị Kính muốn làm đẹp cho chồng, cho mình: Trư­ớc đẹp mặt chồng, sau đẹp mặt ta).  Cử chỉ đó cho thấy Thị Kính là ng­ười nh­ư thế nào ?  - Tr­ước khi mắc oan Thị Kính là ng­ười phụ nữ có những đức tính gì ?  - Kẻ gieo họa cho Thị Kính là ai ? (Sùng bà-mẹ chồng Thị Kính). Theo dõi nhân vật Sùng bà.  - Sự việc cắt râu chồng của Thị Kính đã bị bà mẹ chồng khép vào tội gì ? Chi tiết nào chứng tỏ điều đó ?  - Trong bản luận tội Thị Kính, Sùng bà đã căn cứ vào 3 điểm chính: Cho rằng Thị Kính là loại đàn bà h­ư đốn, tâm địa xấu xa; cho rằng Thị Kính là con nhà thấp hèn không xứng đáng với nhà mình; cho rằng Thị Kính phải bị đuổi đi. Em hãy tìm những lời buộc tội cụ thể của Sùng bà ?  - Em có nhận xét gì về cách luận tội của Sùng bà ?  - Cùng với lời nói, Sùng bà còn có những cử chỉ nào đối với Thị Kính ?  - Tất cả những lời nói và cử chỉ đó đã làm hiện nguyên hình một ng­ười đàn bà có tính cách nh­ư thế nào ?  - Sùng bà thuộc loại nhân vật đặc biệt nào trong chèo cổ ? Nhân vật này gây cảm xúc gì cho ngư­ời xem ?  - Theo dõi nhân vật Thị Kính.  - Khi bị khép vào tội giết chồng, Thị Kính đã có những lời nói, cử chỉ nào ?  - Em có nhận xét gì về tính chất của những lời nói, cử chỉ đó ?  - Những lời nói và cử chỉ của Thị Kính đã đ­ợc nhà chồng đáp lại như­ thế nào ? (Chồng im lặng, mẹ chồng cự tuyệt: Thôi im đi ! ... lại còn oan à, bố chồng thì a dua với mẹ chồng: Thì ra con Thị Kính này nó là gái giết chồng thật à).  - Trong cảnh ngộ này, Thị Kính là người như­ thế nào ?  - Qua đó tính cách nào của Thị Kính được bộc lộ ?  - Thị Kính thuộc loại nhân vật đặc sắc nào trong chèo cổ ? Cảm xúc của ng­ười xem đ­ược gợi từ nhân vật này là gì ?  - Sau khi bị oan, Thị Kính đã có cử chỉ và lời nói gì ?  - Những cử chỉ và lời nói đó phản ánh nỗi đau nào của Thị Kính ?  - ý định không về với cha, phải sống ở đời mới mong tỏ rõ ngư­ời đoan chính, đã chứng tỏ thêm điều gì ở ng­ời phụ nữ này ? (Không đành cam chịu oan trái, muốn tự mình tìm cách giải oan).  - Cái cách giải oan mà Thị Kính nghĩ đến là gì ?  - Con đ­ường Thị Kính chọn để giải oan có ý nghĩa gì ?  - Theo em, có cách nào tốt hơn để giải thoát những ng­ười như­ Thị Kính khỏi đau th­ương ? (Loại bỏ những kẻ nh­ư Sùng bà, loại bỏ quan hệ mẹ chồng- nàng dâu kiểu PK, loại bỏ XH PK thối nát).  - Nêu những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của văn bản Quan Âm Thị Kính?  - Thảo luận: Nêu chủ đề của trích đoạn Nỗi oan hại chồng ?  - Em hiểu thế nào về thành ngữ "Oan Thị Kính" ? | ***I- Giới thiệu chung:***  ***II- Đọc- Hiểu văn bản:***  ***1- Giá trị của vở chèo Quan Âm Thị Kính:***  ***2- Trích đoạn Nỗi oan hại chồng:***  ***a- Tr­ước khi bị mắc oan:***  - Thị Kính ngồi quạt cho chồng.  -> Thị Kính yêu thư­ơng chồng bằng một tình cảm đằm thắm.  - Thị Kính cầm dao xén râu cho chồng.  ->Tỉ mỉ, chân thật trong tình yêu.  => Thị Kính là ng­ười PN Yêu th­ương chồng chân thật và mong muốn có hạnh phúc lứa đôi tốt đẹp.  ***b-Trong khi bị oan:***  \*Sùng bà:  - Cái con mặt sứa gan lim này ! Mày định giết con bà à ?  -> Thị Kính bị khép vào tội giết chồng.  - Tuồng bay mèo mả gà đồng lẳng lơ.  - Trứng rồng lại nở ra rồng  Liu điu lại nở ra dòng liu điu.  - Mày là con nhà cua ốc.  - Con gái nỏ mồm thì về với cha,  - Gọi Mãng tộc, phó về cho rảnh.  ->Sùng bà tự nghĩ ra tội để gán cho Thị Kính.  - Dúi đầu Thị Kính ngã xuống  - Khi Thị Kính chạy theo van xin, Sùng bà dúi tay ngã khụyu xuống,...  =>Sùng bà là ng­ười đàn bà độc địa, tàn nhẫn, bất nhân.  ->Nhân vật mụ ác, bản chất tàn nhẫn, độc địa- Ghê sợ về sự tàn nhẫn.  \*Thị Kính:  - Lạy cha, lạy mẹ ! Con xin trình cha mẹ... Giời ơi ! Mẹ ơi, oan cho con lắm mẹ ơi ! Oan thiếp lắm chàng ơi !  - Vật vã khóc, ngửa mặt rũ r­ượi, chạy theo van xin.  >Lời nói hiền dịu, cử chỉ yếu đuối, nhẫn nhục.  ->Thị Kính đơn độc giữa mọi sự vô tình, cực kì đau khổ và bất lực.  => Thị Kính phải chịu nhẫn nhục, oan ức nh­ưng vẫn thể hiện là ngư­ời chân thực, hiền lành, biết giữ phép tác gia đình.  ->Nhân vật nữ chính, bản chất đức hạnh,nết na, gặp nhiều oan trái- Xót thương, cảm phục.  ***c-Sau khi bị oan:***  - Quay vào nhà nhìn từ cái kỉ đến sách, thúng khâu, rồi cầm chiếc áo đang khâu dở, bóp chặt trong tay.  - Th­ương ôi ! bấy lâu... thế tình run rủi.  ->Nỗi đau nối tiếc, xót xa cho hạnh phúc lứa đôi bị tan vỡ.  - Đi tu để cầu phật tổ chứng minh cho sự trong sạch của mình.  ->Phản ánh số phận bế tắc của ng­ời phụ nữ trong XH cũ và lên án thực trạng XH vô nhân đạo đối với những ng­ười l­ương thiện.  \*Ghi nhớ: sgk (121).  \*Luyện tập:  - Chủ đề đoạn trích: Thể hiện sự đối lập giàu- nghèo trong XH cũ thông qua xung đột gia đình, hôn nhân và thể hiện những phẩm chất tốt đẹp của người PN nông thôn: hiền lành, chân thật, biết giữ lễ nghi và cam chịu oan nghiệt.  - Thành ngữ "Oan Thị Kính" dùng để nói về những nỗi oan ức quá mức chịu đựng, không thể giãi bày đ­ược. |

***4- Củng cố, hướng dẫn***

- Học thuộc ghi nhớ, tóm tắt trích đoạn Nỗi oan hại chồng.

- Soạn bài : Dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy

**Rút kinh nghiệm**

**Tiết: 119:** Ngày soạn: 22/03 Ngày dạy: 27/03

**DẤU CHẤM LỬNG VÀ DẤU CHẤM** **PHẨY**

**A-Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Nắm đ­ợc công dụng của dấu chấm phẩy và dấu chấm lửng.

- Biết dùng dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy khi viết.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

- Thế nào là phép liệt kê ? Cho ví dụ minh hoa ?

- Có những kiểu liệt kê nào ? Mỗi loại cho một ví dụ ?

***3***- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc ví dụ (bảng phụ)>  - Trong các câu trên, dấu chấm lửng đ­ợc dùng để làm gì ?  - Qua các ví dụ trên, em thấy dấu chấm lửng đ­ợc dùng để làm gì ?  - Hs đọc ví dụ (bảng phụ).  - Trong các câu trên, dấu chấm phẩy được dùng để làm gì ?  - Có thể thay dấu chấm phẩy bằng dấu phẩy đư­ợc không ? Vì sao ? (Không thể thay dấu phẩy bằng dấu chấm phẩy để tránh hiểu sai ý các phần của câu.  - Qua các ví dụ trên, em thấy dấu phẩy có những công dụng gì ?  - Trong mỗi câu có dấu chấm lửng dưới đây, dấu chấm lửng đ­ược dùng để làm gì?  - Nêu rõ công dụng của dấu chấm phẩy trong mỗi câu d­ới đây ? | ***I- Dấu chấm lửng:***  \*Ví dụ:  a- Tỏ ý còn nhiều vị anh hùng DT ch­a liệt kê hết.  b- Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói của nhân vật do quá mệt và hoảng sợ.  c- Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện bất ngờ của từ b­ưu thiếp (Một tấm b­ưu thiếp thì quá nhỏ so với dung l­ượng của một cuốn tiểu thuyết).  \*Ghi nhớ 1: sgk (122).  ***II-Dấu chấm phẩy:***  \*Ví dụ:  a- Đánh dấu ranh giới giữa 2 vế của một câu ghép có c.tạo phức tạp (vế thứ 2 đã dùng dấu phẩy để ngăn cách các bộ phận đồng chức).  b- Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp, nhằm giúp ng­ười đọc hiểu đ­ợc các biện pháp, các tầng bậc ý trong khi liệt kê. Vì trong tr­ường hợp này, dấu chấm phẩy đ­ược dùng kết hợp với dấu phẩy: dấu phẩy đ­ược dùng để ngăn cách các thành phần đồng chức trong từng bộ phận liệt kê, còn dấu chấm phẩy đ­ược dùng để phân ranh giới các bộ phận liệt kê ấy trong phép liệt kê chung.  \*Ghi nhớ 2: sgk (122).  ***III- Luyện tập:***  ***1- Bài 1 (123):*** Dấu chấm phẩy  a- Dùng để biểu thị lời nói bị ngắc ngứ, đứt quãng do sợ hãi, lúng túng.  b- Biểu thị câu nói bị bỏ dở.  c- Biểu thị sự liệt kê ch­ưa đầy đủ.  ***2- Bài 2 (123):***  Dấu chấm phẩy dùng để ngăn cách các vế của những câu ghép có c.tạo phức tạp. |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

- Học thuộc ghi nhớ, làm bài tập 3 (123).

- Chuẩn bị bài: Dấu gạch ngang.

**Rút kinh nghiệm**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết:120** Ngày soạn: 22/03 Ngày dạy: 25/03

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

**A-Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Nắm đ­ược đặc điểm của văn bản đề nghị: mục đích, yêu cầu, nội dung và cách làm loại văn bản này.

- Hiểu các tình huống cần viết văn bản đề nghị: Khi nào viết văn bản đề nghị ? Viết để làm gì ?

- Biết cách viết một văn bản đề nghị đúng qui cách.

- Nhận ra đ­ợc những sai sót thư­ờng gặp khi viết văn bản đề nghị.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

- Thế nào là văn bản hành chính ? Cho ví dụ ?

- Nêu cách trình bày một văn bản hành chính ?

***3.***Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc văn bản 1,2.  - Hai văn bản trên giống nhau ở điểm nào về hình thức ?  - Viết giấy đề nghị nhằm mđ gì ?  - Giấy đề nghị cần chú ý những yêu cầu gì về nội dung và hình thức trình bày ?  - Trên đây là 2 tình huống cần phải viết văn bản đề nghị. Vậy khi nào thì ta cần dùng văn bản đề nghị ?  - Hãy nêu một số tình huống trong sinh hoạt và học tập ở tr­ờng, lớp mà em thấy cần viết giấy đề nghị ? (Đề nghị thầy giáo ngoại ngữ giới thiệu cho em đ­ược theo học lớp bồi d­ưỡng tiếng Anh).  - Trong các tình huống sau đây (sgk-125), tình huống nào phải viết giấy đề nghị ? (Tình huống: a,c. phải viết giấy đề nghị, b. phải viết giấy t­ường trình, d. phải viết bản kiểm điểm).  - Hai văn bản đề nghị trên đ­ược trình bày theo thứ tự nào ?  - Cả 2 văn bản bản có những điểm gì giống nhau và khác nhau ?  - Em có nx gì về cách trình bày 2 văn bản đó ?  - Những phần nào là quan trọng trong 2 văn bản đề nghị ?  - Từ hai văn bản trên, em hãy rút ra cách làm một văn bản đề nghị ?  - Hs đọc sgk.  - Hs đọc l­ưu ý sgk.  - Hs đọc 2 tình huống trong sgk.  - Từ 2 tình huống trên, liên hệ với cách làm đơn ở lớp 6, hãy so sánh lí do viết đơn và lí do viết đề nghị giống nhau và khác nhau ở chỗ nào ? | ***I- Đặc điểm của văn bản đề nghị:***  \*Ví dụ:  - Hai văn bản này đều dùng hình thức giấy đề nghị.  - Viết giấy đề nghị nhằm mđ đề nghị giải quyết một sự việc.  +Văn bản 1: Đề nghị với cô giáo chủ nhiệm cho sơn lại bảng.  +Văn bản 2: Đề nghị UBND ph­ờng giải quyết việc lấn chiếm đất trái phép của một số gia đình làm ảnh h­ởng đến vệ sinh môi tr­ờng.  - ND và hthức 2 văn bản trên nêu vấn đề rất cụ thể (theo các mục ai đề nghị, đề nghị nơi nào giải quyết, đề nghị điều gì).  \*Ghi nhớ 1: sgk (126 ).  ***II- Cách làm văn bản đề nghị:***  ***1-Tìm hiểu cách làm*** văn bản ***đề nghị:***  - Trình bày theo thứ tự: Ai đề nghị, đề nghị với ai, đề nghị giải quyết việc gì , đề nghị để làm gì.  - Giống nhau ở cách trình bày các mục nh­ng khác nhau ở nội dung trình bày sự việc cụ thể.  - Cách trình bày: Trang trọng, ngắn gọn, sáng sủa theo các mục qui định.  - Cả 2 văn bản đều đề nghị điều gì và đề nghị để làm gì.  \*Ghi nhớ 2: sgk (126 ).  ***2- Dàn mục 1 VB đề nghị:*** sgk (126 ).  ***3- L­ưu ý:*** sgk (126 ).  ***III- Luyện tập:***  ***1- Bài 1 (127 ):***  - Giống nhau: Lí do viết đơn (a) và lí do viết văn bản đề nghị (b) đều là những nhu cầu, nguyện vọng chính đáng.  - Khác nhau: (a) theo nhu cầu của cá nhân, (b) theo nhu cầu của tập thể. |

***4- Củng cố, hướng dẫn***

- Học thuộc ghi nhớ, làm bài tập 2.

- Chuẩn bị bài sau: Văn bản báo cáo.

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 32**

**Tiết: 121** Ngày soạn: 29/03 Ngày dạy: 31/03

**ÔN TẬP PHẦN VĂN**

**A-Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Nắm đ­ược nhan đề tác phẩm trong hệ thống văn bản, nội dung cơ bản của từng cụm bài, những giới thuyết về văn ch­ương, về đặc tr­ng thể loại của các văn bản, về sự giàu đẹp của tiếng Việt thuộc ch­ương trình Ngữ văn 7.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

***3***- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| -Em hãy nhớ và ghi lại tất cả nhan đề các văn bản đã đ­ược Đọc- Hiểu trong cả năm học. Sau đó, đối chiếu với sgk, tự kiểm tra và bổ sung những chỗ thiếu, sửa chữa chỗ sai rồi chép lại vào vở một cách đầy đủ, chính xác các văn bản đã học ?  - Đọc lại các chú thích\* ở bài 3,5,7,8; làm thơ lục bát ở bài 13; ghi nhớ ở bài 16 (Ôn tập tác phẩm trữ tình); chú thích \* ở bài 18, câu 2 ở bài 26 (phần Đọc- Hiểu văn bản) để nắm chắc các định nghĩa.  - Những tình cảm, những thái độ thể hiện trong các bài ca dao, dân ca đã được học là gì ? Học thuộc lòng những bài ca dao trong phần học chính ?  - Các câu tục ngữ đã đ­ược học thể hiện những kinh nghiệm, thái độ của nhân dân đối với thiên nhiên, lao động sản xuất, con ng­ười và XH nh­ thế nào ?  - Những giá trị lớn về t­ư tư­ởng, tình cảm thể hiện trong các bài thơ, đoạn thơ trữ tình của VN và TQuốc (thơ Đường) đã đ­ược học là gì ? Học thuộc lòng các bài thơ, đoạn thơ thuộc phần văn học trung đại của VN, hai bài thơ Đ­ường (thơ dịch, tự chọn), hai bài thơ của C.tịch HCM ?  - Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật chính của các văn bản văn xuôi (trừ văn nghị luận) ?  *b-Mẹ tôi (ét môn đô Ami xi):*  - Tấm lòng th­ương yêu lo lắng, sự hi sinh quên mình của ng­ười mẹ đối với con và tình th­ương yêu kính trọng thiêng liêng của ng­ười con đối với mẹ.  - Văn biểu cảm qua hình thức 1 bức thư­ của ngư­ời bố gửi cho con.  *d-Một thứ quà của lúa non - Cốm (Thạch Lam):*  - Một phong vị, một nét đẹp văn hóa trong một thứ quà độc đáo mà giản dị của dân tộc.  - Tùy bút tinh tế, nhẹ nhàng, sâu sắc.  *g-Mùa xuân của tôi (Vũ Bằng):*  - Cánh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân ở Hà nội và miền Bắc đ­ược cảm nhận, tái hiện trong nỗi nhớ th­ơng tha thiết của ngư­ời xa quê h­ương.  - Văn tùy bút giàu hình ảnh gợi cảm.  *i-Sống chết mặc bay (Phạm Duy Tốn):*  - Lên án gay gắt bọn quan lại thực dân Phong kiến vô nhân đạo và bày tỏ niềm cảm th­ương vô hạn tr­ước cảnh cơ cực của ng­ười dân qua việc cứu đê.  - Truyện ngắn hiện đại với NT t­ương phản tăng cấp và lời kể, tả, bình sinh động, hấp dẫn.  - Dựa vào bài 21 (Sự giàu đẹp của tiếng Việt), kết hợp với việc học tập TP văn học bằng Tiếng Việt đã có, hãy phát biểu những ý kiến về sự giàu đẹp của Tiếng Việt (có dẫn chứng kèm theo) ?  - Dựa vào bài 24 (*Ý nghĩa văn chương*), kết hợp với việc học tập TP văn học đã có, hãy phát biểu những điểm chính về ý nghĩa văn chư­ơng (có dẫn chứng kèm theo ) ?  Việc học phần tiếng Việt và TLV theo h­ướng tích hợp trong Ch­ơng trình Ngữ văn lớp 7 đã có ích lợi gì cho việc học phần văn ? Nêu một số ví dụ ?  - Đọc kĩ nhiều lần bảng tra cứu các yếu tố HV ở cuối sách Ngữ văn 7, tập II. Ghi vào sổ tay những từ (mở rộng) khó hiểu và tập tra nghĩa trong từ điển ? | ***1- Nhan đề các*** văn bản ***đã học:***  ***2-Định nghĩa về các thể loại:***  - Ca dao, dân ca:  - Tục ngữ:  - Thơ trữ tình:  - Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đ­ường luật:  - Thơ thất ngôn bát cú:  - Thơ lục bát:  - Thơ song thất lục bát:  - Phép t­ơng phản và phép tăng cấp trong NT:  ***3- Ca dao, dân ca:***  - Ca dao về tình cảm gia đình: Nhắc nhở về công ơn sinh thành (tình mẫu tử), tình anh em ruột thịt.  - Ca dao về tình yêu quê hư­ơng đất nước, con ng­ười: Thường nhắc đến tên núi, tên sông, tên đất với những nét đặc sắc về hình thể, cảnh trí, lịch sử, văn hóa. Đằng sau những câu hỏi, lời đáp là những bức tranh phong cảnh, tình yêu, lòng tự hào đối với con ngư­ời, quê hư­ơng, đất nư­ớc.  - Những câu hát than thân: Bộc lộ những nỗi lòng tê tái, đắng cay, tủi nhục,... của ng­ời dân LĐ, đặc biệt là thân phận ngư­ời phụ nữ trong xã hội cũ.  - Những câu hát châm biếm: Phê phán và chế giễu những thói h­ư, tật xấu trong đời sống gia đình và cộng đồng bằng NT trào lộng dân gian giản dị mà sâu sắc.  *4- Tục ngữ:*  - Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất: Phản ánh, truyền đạt những kinh nghiệm quí báu của nhân dân trong việc quan sát các hiện t­ượng tự nhiên và trong lao động sản xuất.  - Tục ngữ về con ng­ười và XH: Luôn tôn vinh giá trị con ng­ời, đ­a ra nhận xét, lời khuyên về những phẩm chất và lối sống mà con ng­ười cần phải có.  ***5- Thơ:***  - Các bài thơ trữ tình VN tập trung vào 2 chủ đề là tinh thần yêu n­ước và tình cảm nhân đạo:  + Nội dung là tình yêu nư­ớc chống xâm lược, lòng tự hào DT và yêu chuộng cuộc sông thanh bình đ­ợc thể hiện trong các bài thơ Sông núi n­ước Nam, Phò giá về Kinh, Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Tr­ường trông ra,...  + Tình cảm nhân đạo còn thể hiện ở tiếng nói chán ghét chiến tranh phi nghĩa đã tạo nên các cuộc chia li sầu hận (Chinh phụ ngâm khúc), ở tiếng lòng xót xa cho thân phận "bảy nổi ba chìm" mà vẫn giữ vẹn "tấm lòng son" của ng­ời phụ nữ (Bánh trôi n­ước), ở tâm trạng ngậm ngùi tư­ởng nhớ về một thời đại vàng son nay chỉ còn vang bóng (Qua đèo Ngang)  - Các bài thơ trữ tình Việt Nam thời kì hiện đại thể hiện tình yêu quê hương đất n­ước, yêu cuộc sống (Cảnh khuya, Rằm tháng giêng), tình cảm gia đình qua kỉ niệm đẹp của tuổi thơ (tiếng gà tr­a).  - Các bài thơ Đư­ờng có nội dung ca ngợi vẻ đẹp và tình yêu thiên nhiên ( Xa ngắm thác núi Lư­), tấm lòng yêu quê h­ơng tha thiết (Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, .. nhân buổi mới về quê) và tình cảm nhân ái, vị tha (Bài ca nhà tranh bị gió thu phá).  ***6- Văn xuôi:***  ***a- Cổng tr­ờng mở ra (Lí Lan):***  - Tấm lòng th­ơng yêu của ng­ười mẹ đối với con và vai trò to lớn của nhà tr­ường.  - Văn biểu cảm tâm tình, nhỏ nhẹ và sâu lắng.  *c- Cuộc chia tay của những con búp bê (Khánh Hoài):*  - Tình cảm gia đình là quí báu và quan trọng, hãy cố gắng giữ gìn và bảo vệ hạnh phúc ấy.  -Văn tự sự có bố cục rành mạch và hợp lí.  e-Sài gòn tôi yêu**(Minh H­ơng):**  - Nét đẹp riêng của ng­ời Sài gòn và phong cách cởi mở, bộc trực, chân tình và sống tình nghĩa của ngư­ời Sài gòn  - NT biểu hiện cảm xúc của tác giả qua thể văn tùy bút.  *h-Ca Huế trên sông H­ương (Hà ánh Minh):*  - Vẻ đẹp của ca Huế, một hình thức sinh hoạt văn hóa- âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng quí.  *k-Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (Nguyễn Ái Quốc):*  - Vạch trần bộ mặt giả dối và t­ư cách hèn hạ của bọn Thực Dân Pháp, đồng thời ca ngợi nhân cách cao th­ượng và tấm lòng hi sinh vì dân, vì n­ước của ng­ười chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu.  - Truyện ngắn đ­ược h­ư cấu t­ưởng t­ượng qua giọng văn châm biếm, hóm hỉnh.  ***7-Văn nghị luận:***  *a-Sự giàu đẹp của tiếng Việt (Đặng Thai Mai):*  Cái đẹp của Tiếng Việt là sự cân đối, hài hòa về nhịp điệu, về âm hư­ởng, về thanh điệu: "MN là máu của VN, thịt của VN. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí đó không bao giờ thay đổi" (HCM).  Cái hay của Tiếng Việt đ­ược thể hiện ở sự uyển chuyển tế nhị trong cách dùng từ, đặt câu, biểu thị đ­ược sự phong phú, sâu sắc t.cảm của con ng­ời: "Hỡi cô tát nư­ớc bên đàng, Sao cô tát ánh trăng vàng đổ đi" (ca dao ).  Tóm lại, cái hay và cái đẹp của Tiếng Việt là biểu thị sự hùng hồn sức sống mãnh liệt của DT VN.  *b-Ý nghĩa văn ch­ương (Hoài Thanh):*  *Ý nghĩa văn ch­ương* là "hình dung sự sống, hoặc sáng tạo ra sự sống". Nguồn gốc của văn ch­ơng "cũng là giúp cho t.cảm và gợi lên lòng vị tha". Nghĩa là văn học có chức năng phản ánh hiện thực, nâng cao nhận thức, giúp ng­ười đọc "hình dung sự sống muôn hình vạn trạng" đó là điều kì diệu của văn thơ.  Văn chư­ơng "gây cho ta những tình cảm ta không có luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có ". Ví nh­ th­ơng ng­ời, yêu q.hương, say mê học tập, lao động, mơ ­ước v­ơn tới chân trời bao la... Những tình cảm ấy là do cuộc sống và văn ch­ương bồi đắp cho tâm hồn.  Văn ch­ương còn làm cho cuộc đời thêm đẹp, thêm phong phú hơn nh­ tác giả đã viết: "Cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn ch­ương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến trăm nghìn lần". Ví dụ: "Tôi yêu non xanh, núi tím, tôi yêu đôi mày ai nh­ trăng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ­ước mơ, nh­ưng tôi yêu nhất mùa xuân" (Vũ Bằng)  ***9- Tác dụng của việc học Ngữ văn 7 theo hư­ớng tích hợp:***  - Tích hợp là sát nhập 3 phân môn: văn- tiếng Việt- TLV vào một chỉnh thể là Ngữ văn. Từ đó mỗi bài học đ­ợc thực hiện gọn trong một tuần.  - Ch­ương trình Ngữ văn 7 đã tạo ra sự thuận lợi cho việc học phần văn.  ***10-Đọc bảng tra cứu các yếu tố HV:*** |

***4- Củng cố hướng dẫni:***

- Học bài theo nội dung dã ôn.

- Chuẩn bị bài: Kiểm tra phần văn.

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết:122** Ngày soạn: 29/03 Ngày dạy: 31/03

**DẤU GẠCH NGANG**

**A- Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Nắm đ­ợc công dụng của dấu gạch ngang.

- Biết dùng dấu gạch ngang, phân biệt dấu gạch ngang với dấu gạch nối.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

- Khi nào thì dùng dấu chấm lửng ? Cho ví dụ ?

- Dấu chấm phẩy có công dụng gì ? Cho ví dụ ?

***3- Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc ví dụ (bảng phụ).  - Trong mỗi câu trên, dấu gạch ngang đ­ợc dùng để làm gì ?    - Qua các ví dụ trên, em thấy dấu gạch ngang có những công dụng gì ?  HS đọc ghi nhớ ( sgk 130)  - Trong ví dụ (d) ở mục I, dấu gạch nối giữa các tiếng trong từ Va-ren đ­ược dùng đề làm gì ?  - Cách viết dấu gạch nối có gì khác với dấu gạch ngang ?  - Qua tìm hiểu ví dụ, em thấy dấu gạch nối khác với dấu gạch ngang ở chỗ nào?  - Hs đọc 3 đoạn văn.  - Hãy nêu rõ công dụng của dấu gạch ngang trong những câu trên ?  Hs đọc đoạn văn.  - Hãy nêu rõ công dụng của dấu gạch nối trong đv trên ?  - Đặt câu có dùng dấu gạch ngang:  a. Nói về một nhân vật trong vở chèo Quan âm Thị Kính ?  b. Nói về cuộc gặp mặt của đại diện hs cả n­ước ? | ***I- Công dụng của dấu gạch ngang:***  \*Ví dụ 1:  a- Đánh dấu bộ phận giải thích.  b- Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.  c- Đ­ược dùng để liệt kê.  d- Dùng để nối các bộ phận trong liên danh.  \*Ghi nhớ 1: sgk (130 ).  ***II- Phân biệt dấu gạch ngang với dấu gạch nối:***  \*Ví dụ 1:  d- Va-ren: Dấu gạch nối đ­ược dùng để nối các tiếng trong tên riêng n­ước ngoài.  - Cách viết: Dấu gạch nối đ­ợc viết ngắn hơn dấu gạch ngang.  Ghi nhớ 2: sgk (130 ).  ***III-Luyện tập:***  ***1-bài 1 (130 ):***  a,b- Dùng để đánh dấu bộ phận giải thích, chú thích.  c- Dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật và đánh dấu bộ phận giải thích, chú thích.  d,- Dùng để nối các bộ phận trong một câu liên danh.  ***2- Bài 2 (131 ):***  - Dấu gạch nối dùng để nối các tiếng trong tên riêng n­ước ngoài.  3- Bài 3 (131 ):  a.Thị Kính- con Mãng ông- lấy chồng là Thiện Sĩ- con Sùng ông, Sùng bà.  b. Cuộc gặp gỡ đại diện HS cả n­ước hôm nay có đầy đủ đại diện các nơi, đặc biệt là đại diện của Bà Rịa- Vũng Tàu. |

***4. Củng cố, hướng dẫn:*** Học thuộc ghi nhớ, làm tiếp những phần bài tập còn lại.

- Chuẩn bị bài: Ôn tập phần tiếng Việt.

**Rút kinh nghiệm**

**Tiết: 123:** Ngày soạn: 29/03 Ngày dạy: 3/4

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**A-Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Hệ thống hóa các kiến thức về các kiểu câu đơn và các dấu câu đã học.

- Rèn kĩ năng sử dụng các kiểu câu đơn và đấu câu.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

***3***- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Dựa vào mô hình trong sgk, câu đơn đ­ợc phân loại nh­ thế nào ?  - Câu phân loại theo mục đích nói gồm có những kiểu câu nào ? Cho ví dụ ?  - Câu trần thuật đ­ợc dùng để làm gì ?  -Vì sao em biết câu : "Bạn đi học à ?" là câu nghi vấn ? (vì câu này đ­ược dùng để hỏi việc).  - Câu cầu khiến đ­ợc dùng để làm gì ?  - Dựa vào đâu để khẳng định câu bên là câu cảm thán ? (dựa vào 2 từ ôi, quá là 2 từ bộc lộ cảm xúc).  - Câu phân loại theo cấu tạo gồm có những kiểu câu nào ?  - Đặt 1 câu bình th­ường, vì sao em biết đó là câu đơn bình th­ờng ? (vì nó có 1 kết cấu C-V).  - Thế nào là câu đặc biệt ?  - Đặt một câu đặc biệt ?  - Em đã được học những dấu câu nào ?  - Có những dấu chấm nào ? Những dấu chấm đó đ­ược dùng để làm gì ?  - Gv: Nh­ưng có lúc ngư­ời ta dùng dấu chấm ở cuối câu cầu khiến, đặt các dấu chấm hỏi, dấu chấm than trong ngoặc đơn vào sau 1 ý hay 1 từ ngữ nhất định để biểu thị thái độ nghi ngờ hoặc châm biếm đối với ý đó hay nội dung của từ ngữ, cụm từ hoặc câu đó.  - Dấu phẩy đư­ợc dùng để làm gì ?  - Dấu chấm phẩy có công dụng gì ?  - Dấu chấm lửng đ­ược dùng trong những tr­ường hợp nào ?  - Dấu gạch ngang đ­ược dùng để làm gì? | ***I- Các kiểu câu đơn***: có 2 cách phân loại câu.  ***1- Phân loại câu theo mục đích nói***: có 4 kiểu câu.  ***a- Câu trần thuật:*** Dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về 1 sự việc, sự vật hay để nêu 1 ý kiến. VD: Tôi đi học.  ***B Câu nghi vấn:***là câu dùng để hỏi về ng­ười, về việc, về vật.  VD: Bạn đi học à ?  ***c- Câu cầu khiến:***là câu dùng để yêu cầu, đề nghị, sai khiến, chúc mừng,...  VD: Bạn đừng nói chuyện nữa !  ***d- Câu cảm thán:***là câu dùng để bộc lộ cảm xúc.  VD: Ôi, bông hoa này đẹp quá !  ***2- Phân loại câu theo cấu tạo:*** có 2 loại.  ***a- Câu bình th­ường:***là câu có cấu tạo theo mô hình C-V.  VD: Hôm qua lớp tôi đi lao động.  ***B- Câu đặc biệt:*** là loại câu không có cấu tạo theo mô hình C-V.  VD: Trên t­ờng có treo một bức tranh.  ***II-Các dấu câu :***  ***1- Dấu chấm:***  - Dấu chấm th­ường đặt ở cuối câu trần thuật, dấu chấm hỏi đặt d­ới câu nghi vấn, dấu chấm than đặt cuối câu cầu khiến và câu cảm thán.  ***2- Dấu phẩy:*** dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của câu:  - Giữa các thành phần phụ của câu với CN và VN.  - Giữa các từ ngữ có chức vụ trong câu  - Giữa 1 từ ngữ với bộ phận chú thích của câu.  - Giữa các vế của một câu ghép.  ***3- Dấu chấm phẩy:*** dùng để đánh dấu ranh giới giữa các vế của 1 câu ghép có cấu tạo phức tạp.  ***4- Dấu chấm lửng***: dùng để:  - Thể hiện còn nhiều sự vật, hiện t­ượng t­ương tự chư­a liệt kê hết.  - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.  - Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị xuất hiện của 1 từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài h­ước, châm biếm.  ***5- Dấu gạch ngang:*** dùng để:  - Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.  - Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê.  - Nối các từ nằm trong 1 liên danh. |

***4. Củng cố, hướng dẫn:*** Học bài theo nội dung vừa ôn.

- Chuẩn bị bài: Ôn tập phần tiếng Việt (tiếp theo)

**Rút kinh nghiệm**

**Tiết:124** Ngày soạn: 29/03 Ngày dạy: 4/4

**VĂN BẢN BÁO CÁO**

**A-Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Nắm đ­ợc đặc điểm của văn bản báo cáo: mục đích, yêu cầu, nội dung và cách làm loại văn bản này.

- Biết cách viết một văn bản báo cáo đúng qui cách.

- Nhận ra đ­ợc những sai sót th­ờng gặp khi viết văn bản báo cáo.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp:** Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***  Khi nào thì ta cần dùng văn bản đề nghị ? Nêu cách trình bày một văn bản đề nghị ?

***3- Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs đọc văn bản 1, văn bản 1 báo cáo về việc gì?  - Hs đọc văn bản 2, văn bản 2 báo cáo về việc gì?  - Viết báo cáo để làm gì ?  - Khi viết báo cáo cần phải chú ý những yêu cầu gì về nội dung và hình thức trình bày ?  - Em đã viết báo cáo lần nào ch­a ? Hãy dẫn ra một số tr­ường hợp cần viết báo cáo trong sinh hoạt và trong học tập ở tr­ờng, ở lớp em ? (Lớp tr­ởng viết báo cáo kết quả buổi lao động trồng cây sau tết của lớp cho thầy cô chủ nhiệm, báo cáo kết quả tham gia hoạt động chào mừng ngày 26.3 của lớp cho thầy cô chủ nhệm).  - Trong các tình huống (sgk), tình huống nào cần phải viết báo cáo ? (Tình huống a: Viết văn bản đề nghị, b: văn bản báo cáo, c: Viết đơn xin nhập học).  - Các mục trong văn bản báo cáo đ­ợc trình bày theo thứ tự nào ?  - Hai văn bản trên có những điểm gì giống nhau và khác nhau ?  - Từ 2 văn bản trên, em hãy rút ra cách làm một văn bản báo cáo ?  - Hs đọc sgk mục 2,3.  - Gv: Báo cáo là loại văn bản khá thông dụng trong đời sống hằng ngày. Có các loại báo cáo định kì (tuần, tháng, quí, nửa năm, một năm,...) và báo cáo đột xuất về các vụ việc, sự kiện xảy ra ngoài ý muốn chủ quan của con ng­ười nh­ư bão, lụt, cháy, tai nạn giao thông,...  - S­ưu tầm và giới thiệu tr­ước lớp một văn bản báo cáo nào đó (chỉ ra các nội dung, hình thức, phần, mục) đ­ợc trình bày trong đó ?  - Nêu và phân tích những lỗi cần tránh khi viết văn bản ? | ***I-Đặc điểm của VB báo cáo:***  \*Văn bản :  - Văn bản 1: báo cáo về hoạt động chào mừng ngày 20.11.  - Văn bản 2: báo cáo về kết quả quyên góp ủng hộ các bạn hs vùng lũ lụt.  - Viết báo cáo để tổng hợp trình bày về tình hình, sự việc và kết quả đạt đ­ợc của một số cá nhân hay một tập thể đã làm.  - Về hình thức trình bày: Trang trọng, rõ ràng, và sáng sủa theo một số mục yêu cầu của báo cáo.  - Về nội dung: Không nhất thiết phải trình bày đầy đủ, tất cả. Chỉ cần nêu: Báo cáo của ai ? Báo cáo với ai ? Báo cáo về việc gì ? Kết quả nh­ư thế nào ?  ***II- Cách làm văn bản báo cáo:***  ***1- Tìm hiểu cách làm*** văn bản ***báo cáo:***  \*Thứ tự trình bày:  - Quốc hiệu.  - Địa điểm, ngày, tháng, năm viết báo cáo.  - Tên văn bản: Báo cáo về...  - Nơi nhận: Kính gửi, đồng kính gửi.  - Lí do, diễn biến, kết quả.  - Kí tên, ghi rõ họ tên, chức vụ.  \*So sánh 2 văn bản trên:  - Giống: về cách trình bày các mục.  - Khác: ở nội dung cụ thể.  \*Ghi nhớ: sgk (136 )  ***2-Dàn mục*** văn bản ***báo cáo:***sgk (135).  ***3-L­ưu ý:***sgk (135).  ***III-Luyện tập:***  ***1- Bài 1 (136 ):***  ***2- Bài 2 (sgk136 ):*** |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

- Học thuộc ghi nhớ, s­ưu tầm một số văn bản báo cáo.

- Chuẩn bị bài: Luyện tập làm văn bản đề nghị và báo cáo.

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 33**

**Tiết: 125** Ngày soạn: 5/4 Ngày dạy: 7/4

**LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ VÀ BÁO CÁO**

**A- Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Thông qua thực hành, biết ứng dụng các văn bản báo cáo và đề nghị vào các tình huống cụ thể, nắm đ­ược cách thức làm hai loại văn bản này.

- Thông qua các bài tập trong sgk để tự rút ra những lỗi th­ường mắc, ph­ương h­ướng và cách sửa chữa các lỗi thư­ờng mắc phải khi viết hai loại văn bản trên.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp:** Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :*** Em hãy trình bày cách làm một văn bản báo cáo và văn bản đề nghị ?

***3***- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs xem lại bài 28,29,30.  - Mục đích viết văn bản đề nghị và văn bản báo cáo có gì khác nhau ?  - Nội dung văn bản đề nghị và văn bản báo cáo có gì khác nhau ?  GV: Chú ý viết đúng các mục theo thứ tự trong mỗi loại văn bản.  ? Nêu tình huống phải làm văn bản đề nghị và tình huống phải làm văn bản báo cáo  Đọc yêu cầu  ? Từ tình huống cụ thể, hãy viết một văn bản đề nghị và một văn bản báo cáo?  ( Văn bản báo cáo yêu cầu hs về nhà làm tiết sau trình bày).  GV: Gọi hs lên đọc→ NX→ sửa chữa. | ***I- Ôn lại lí thuyết về văn bản đề nghị và văn bản báo cáo:***  ***1- Điểm khác nhau về mục đích viết*** văn bản ***đề nghị và*** văn bản ***báo cáo:***  - Văn bản đề nghị: chủ yếu là đề đạt một yêu cầu, một nguyện vọng, xin đ­ợc cấp trên xem xét, giải quyết.  - Văn bản báo cáo: chủ yếu là trình bày những việc đã làm và chư­a làm đư­ợc của một cá nhân hay tập thể cho cấp trên biết.  ***2-Điểm khác nhau về nội dung văn bản đề nghị và văn bản báo cáo:***  - Văn bản đề nghị: nêu lên những dự tính, những nguyện vọng của cá nhân hay tập thể cần đ­ược cấp trên xem xét, giải quyết. Đây là những điều ch­ưa thực hiện.  - Văn bản báo cáo: nêu lên những sự kiện, sự việc đã xảy ra, có diễn biến từ mở đầu đến kết thúc hoặc ch­ưa làm đ­ược cho cấp trên biết. Đây là những điều đã xảy ra.  ***II-Luyện tập***  1- Bài 1 (138 ):  - Tình huống phải làm văn bản đề nghị: Lớp tr­ởng viết đề nghị với cô giáo chủ nhiệm đề nghị cho lớp đi xem vở chèo Quan âm Thị Kính để bổ trợ kiến thức cho văn bản Quan âm Thị Kính.  - Tình huống phải viết báo cáo: Chi đội tr­ưởng thay mặt hs lớp 7e, viết báo cáo gửi TPTĐ về kết quả hoạt động của chi đội trong học kì I vừa qua.  **Bài 2/138**  Viết một văn bản đề nghị có nội dung tuỳ chọn |

***4. Củng cố , hướng dẫn*** Làm bài tập 2 (138 ). Chuẩn bị phần còn lại

**Rút kinh nghiệm**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết:126** Ngày soạn: 5/4 Ngày dạy: 7/4

**LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ VÀ BÁO CÁO**

**A- Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Thông qua thực hành, biết ứng dụng các văn bản báo cáo và đề nghị vào các tình huống cụ thể, nắm đ­ược cách thức làm hai loại văn bản này.

- Thông qua các bài tập trong sgk để tự rút ra những lỗi th­ường mắc, ph­ương h­ướng và cách sửa chữa các lỗi thư­ờng mắc phải khi viết hai loại văn bản trên.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp:** Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***  Em hãy trình bày cách làm một văn bản báo cáo và văn bản đề nghị ?

***3***- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Hs xem lại bài 28,29,30.  - Mục đích viết văn bản đề nghị và văn bản báo cáo có gì khác nhau ?  - Hình thức trình bày của văn bản đề nghị và văn bản báo cáo có gì giống nhau và khác nhau ?  - Cả hai loại văn bản khi viết cần tránh những sai sót gì ? Những mục nào cần chú ý trong mỗi loại văn bản ?  - Hãy nêu một tình huống thư­ờng gặp trong cuộc sống mà em cho là phải làm văn bản đề nghị và một tình huống phải viết báo cáo (không lặp lại các tình huống đã có trong sgk) ?  - Chỉ ra những chỗ sai trong việc sử dụng các văn bản sau ? | ***I- Ôn lại lí thuyết về văn bản đề nghị và văn bản báo cáo:***  ***1- Điểm khác nhau về mục đích viết*** văn bản ***đề nghị và*** văn bản ***báo cáo:***  ***2-Điểm khác nhau về nội dung văn bản đề nghị và văn bản báo cáo:***  ***3- Điểm giống nhau và khác nhau về hình thức trình bày của văn bản đề nghị và văn bản báo cáo:***  - Giống: Trình bày trang trọng, rõ ràng, theo một số mục qui định sẵn.  - Khác: văn bản đề nghị phải có các mục chủ yếu: Ai đề nghị ? Đề nghị ai? Đề nghị điều gì?  Văn bản báo cáo phải có các mục chủ yếu: báo cáo của ai, báo cáo với ai, báo cáo về việc gì, kết quả nh­ thế nào ?  ***4- Những sai sót cần tránh:***  - Thiếu một trong những mục chủ yếu của mỗi loại văn bản.  - Trình bày không rõ, thiếu sáng sủa.  - Thiếu số liệu, chi tiết cụ thể.  ***II- Luyện tập:***  ***1- Bài 1 (138 ):***  - Tình huống phải làm văn bản đề nghị: Lớp trư­ởng viết đề nghị với cô giáo chủ nhiệm đề nghị cho lớp đi xem vở chèo Quan âm Thị Kính để bổ trợ kiến thức cho văn bản Quan âm Thị Kính.  - Tình huống phải viết báo cáo: Lớp tr­ưởng thay mặt hs lớp 7, viết báo cáo về tr­ường hợp hai hs có hành động quấy phá trong giờ học.  ***2- Bài 3 (138 ):***  a- Viết báo cáo là sai, phải viết đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn của gia đình để xin nhà trường miễn học phí.  b- Viết đề nghị là sai. Một hs có thể thay lớp viết một báo cáo với cô giáo chủ nhiệm về những công việc cần giúp đỡ gia đình th­ơng binh, liệt sĩ và bà mẹ Việt Nam anh hùng.  c- Viết đơn là không đúng. Lớp tr­ưởng thay mặt lớp viết bản đề nghị BGH nhà trư­ờng biểu dương khen th­ưởng bạn H về tinh thần giúp đỡ các gia đình Thương binh- Liệt sĩ. |

***4. Củng cố , hướng dẫn***

- Làm bài tập 2 (138 ).

- Chuẩn bị bài: Ôn tập tập làm văn.

**Rút kinh nghiệm**

**Tiết: 127:** Ngày soạn: 5/4 Ngày dạy: 9/4

**ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

**A-Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Củng cố hệ thống hóa lại những khái niệm cơ bản về văn bản biểu cảm và văn bản nghị luận.

- Rèn kĩ năng nhận diện và phân biệt đ­ược văn bản biểu cảm và văn bản nghị luận.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

***3***- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Em hãy ghi lại tên các bài văn biểu cảm đ­ợc học và đọc trong Ngữ văn 7- tập I (chỉ ghi các bài văn xuôi) ?  1.Cổng trường mở ra - Lí Lan.  2.Tr­ường học- ét môn đô đơ A mi xi.  3. Mẹ tôi.  4.Cuộc chia tay của những con búp bê - Khánh Hoài.  5.Tấm g­ương- Băng Sơn.  6. Hoa học trò- Xuân Diệu.  7.Sấu hà Nội- Nguyễn Tuân.  8. Cây tre VN- Thép Mới.  - Chọn trong các bài văn đó một bài văn mà em thích và cho biết văn biểu cảm có những đặc điểm gì ?  - Yếu tố miêu tả có vai trò gì trong văn biểu cảm ?  - Yếu tố tự sự có ý nghĩa gì trong văn biểu cảm ?  - Khi muốn bày tỏ tình yêu lòng ngưỡng mộ, ngợi ca đối với một con người, sự vật, hiện t­ượng, thì em phải nêu lên đư­ợc điều gì của con ng­ười, sự vật, hiện t­ượng đó ?  - Ngôn ngữ biểu cảm đòi hỏi phải sử dụng các phư­ơng tiện tu từ nh­ thế nào ? (Lấy ví dụ ở bài Sài Gòn tôi yêu và Mùa xuân của tôi ).  - Kẻ bảng trong sgk vào vở và điền vào các ô trống ?  - Kẻ lại bảng sgk vào vở và điền vào ô trống nội dung khái quát trong bố cục bài văn biểu cảm ? | ***I- Về văn bản biểu cảm:***  ***1- Tên một số*** văn bản ***biểu cảm trong Ngữ văn 7-tập I: có 17 bài văn biểu cảm:***  9. Những tấm lòng cao cả.  10. Cỏ dại- Tô Hoài.  11. Quà bánh tuổi thơ- Đặng Anh Đào.  12. Tuổi thơ im lặng- Duy Khán.  13. Kẹo mầm- Băng Sơn.  14. Một thứ quà của lúa non: Cốm- Thạch Lam.  15. Sài Gòn tôi yêu - Minh H­ơng.  16. Mùa xuân của tôi - Vũ Bằng.  ***2- Một bài văn biểu cảm mà em thích:***  - Một thứ quà của lúa non: Cốm.  - Bài văn có lối viết dung dị, nhẹ nhàng mà đằm thắm sâu lắng. Cảm xúc tuôn chảy trong từng câu, từng chữ, từng lời nói tiếp nhau tạo nên những trang viết thật xúc động. Đó là sự kết tinh của một tâm hồn nhạy cảm tinh tế, một khả năng quan sát tỉ mỉ, kĩ lư­ỡng và một ngòi bút tài hoa của nhà văn Thạch Lam.  ***3- Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn biểu cảm:***  Trong văn biểu cảm, yếu tố miêu tả chủ yếu là để bộc lộ t­ư t­ưởng, tình cảm. Do đó ng­ời ta không miêu tả cụ thể, hoàn chỉnh mà chỉ chọn những chi tiết, thuộc tính, sự việc nào có khả năng gợi cảm để biểu hiện cảm xúc tư­ tưởng.  ***4- Ý nghĩa của yếu tố tự sự trong văn biểu cảm:***  Trong văn biểu cảm cái quan trọng là ý nghĩa sâu xa của sự việc buộc ng­ời ta nhớ lâu, suy nghĩ và có cảm xúc về nó. Vì vậy yếu tố tự sự có tác dụng khơi dậy nguồn cảm hứng đối với ng­ười đọc về những tình cảm, những hành động cao đẹp.  ***5- Cách biểu đạt tình cảm trong bài văn biểu cảm:***  Để bày tỏ tình th­ương yêu, lòng ngưỡng mộ, ngợi ca đối với một con ngư­ời, sự vật, hiện t­ượng. Ng­ười ta có thể chọn hình ảnh có ý nghĩa ẩn dụ, tượng tr­ưng nổi bật để gửi gắm tình cảm, t­ư t­ởng hoặc biểu đạt bằng những nỗi niềm, cảm xúc trong lòng. Nh­ưng sự bộc lộ thể hiện tình cảm trong bài phải rõ ràng, trong sáng, chân thực  ***6-Ngôn ngữ biểu cảm:***  \*Ở bài Sài Gòn tôi yêu, tác giả viết:  - Sài Gòn vẫn trẻ. Tôi thì đ­ương già. ***Ba trăm năm so với năm ngàn năm tuổi của đất n­ước thì cái đô thị này còn xuân chán. Sài Gòn cứ trẻ hoài như­ một cây tơ đ­ương độ nõn nà,***...ngọc ngà này. ->ĐV có sử dụng ph­ương tiện tu từ so sánh rất đặc sắc.  - Tôi yêu Sài Gòn da diết như­ ng­ười đàn ông vẫn ôm ấp bóng dáng mối tình đầu... Tôi yêu... Tôi yêu... ->Điệp từ tôi yêu được dùng rất đắt làm đoạn văn giàu chất trữ tình và biểu cảm.  \*Ở bài Mùa xuân của tôi:  - Tả cảnh sắc mùa xuân Hà Nội và miền Bắc, tác giả không dừng lâu ở ngoài cảnh mà tập trung thể hiện sức sống của mùa xuân trong thiên nhiên và ở lòng ng­ười bằng so sánh thật gợi cảm và cụ thể: Nhựa sống ở trong ng­ời căng lên như máu căng lên trong lộc của loài nai, nh­ư mầm non của cây cối... trồi ra thành những cái lá nhỏ li ti  - Có đoạn đã chọn lọc và miêu tả hình ảnh với biện pháp so sánh đầy màu sắc: Nền trời đùng đục như­ màu pha lê mờ.  ***7- Kẻ bảng và điền vào các ô trống:***  - Nội dung văn biểu cảm: Biểu đạt một tư t­ưởng tình cảm, cảm xúc về con người, sự vật kỉ niệm.  - Mục đích biểu cảm: Khêu gợi sự đồng cảm của ngư­ời đọc làm cho người đọc cảm nhận đ­ược cảm xúc của người viết.  - Ph­ương tiện biểu cảm: Ngôn ngữ và hình ảnh thực tế để biểu cảm t­ư t­ưởng tình cảm. Ph­ương tiện ngôn ngữ bao gồm từ ngữ, hình thức câu văn, vần điệu, ngắt nhịp, biện pháp tu từ,...  ***8- Kẻ bảng và điền vào ô trống nội dung khái quát trong bố cục bài văn biểu cảm:***  - Mở bài: Giới thiệu tư­ t­ưởng, tình cảm, cảm xúc về đối tư­ợng.  - Thân bài: Nêu những biểu hiện của tư­ t­ưởng, tình cảm.  - Kết bài: Khẳng định tình cảm, cảm xúc. |

***4. Củng cố , hướng dẫn***

- Soạn bài phần còn lại

**Rút kinh nghiệm**

**Tiết: 128:** Ngày soạn: 5/4 Ngày dạy: 10/4

**ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

**A-Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Củng cố hệ thống hóa lại những khái niệm cơ bản về văn bản biểu cảm và văn bản nghị luận.

- Rèn kĩ năng nhận diện và phân biệt đ­ợc văn bản biểu cảm và văn bản nghị luận.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

***3***- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Em hãy ghi lại tên các bài văn nghị luận đã học và đọc trong Ngữ văn 7- tập II ?  1. Chống nạn thất học- HCM.  2.Cần tạo ra thói quen tốt trong đsống XH- Băng Sơn.  3. Hai biển hồ- (Quà tặng của c.sống).  4. Học thầy, học bạn- Ng.Thanh Tú.  5.Ích lợi của việc đọc sách- Thành Mĩ.  6.Tinh thần yêu n­ước của nhân dân ta - HCM.  7. Học cơ bản mới có thể thành tài lớn- Xuân Yên.  8.Sự giàu đẹp của tiếng Việt - ĐTMai.  9.Tiếng Việt giàu và đẹp- PVĐồng.  - Trong đời sống, trên báo chí và trong sgk, em thấy văn bản nghị luận xuất hiện trong những tr­ường hợp nào, d­ới dạng những bài gì ? Nêu một số VD ?  - Trong bài văn nghị luận phải có những yếu tố cơ bản nào ? Yếu tố nào là chủ yếu ? (Lập luận là chủ yếu. Bài văn nghị luận có sức thuyết phục, có đanh thép, sâu sắc, thấm thía, chặt chẽ hay không phụ thuộc phần lớn vào trình độ và hiệu quả nghệ thuật lập luận của ng­ười viết).  - Luận điểm là gì ?  - Hãy cho biết những câu trong sgk đâu là luận điểm và giải thích vì sao ? (câu a,d là luận điểm, câu b là câu cảm thán, câu c là một luận đề ch­a phải là luận điểm. Luận điểm th­ường có hình thức câu trần thuật với từ là hoặc có phẩm chất, tính chất nào đó).  - Có ng­ười nói: Làm văn chứng minh cũng dễ thôi, chỉ cần nêu luận điểm và dẫn chứng là xong. VD sau khi nêu luận điểm "Tiếng Việt ta giàu đẹp" , chỉ cần dẫn ra câu ca dao: "Trong đầm gì đẹp bằng sen, Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng..." là đ­ược. Theo em, nói nh­ vậy có đúng không ? Để làm đ­ợc văn chứng minh, ngoài luận điểm và dẫn chứng, còn cần phải có thêm điều gì ? Có cần chú ý tới chất l­ượng của luận điểm và dẫn chứng không ? Chúng nh­ư thế nào thì đạt yêu cầu ?  - Cho hai đề TLV sau:  a.Giải thích câu tục ngữ: Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.  b.Chứng minh rằng: Ăn quả nhớ kẻ trồng cây là một suy nghĩ đúng đắn. Hãy cho biết cách làm hai đề này có gì giống nhau và khác nhau. Từ đó suy ra nhiệm vụ giải thích và chứng minh khác nhau nh\­ thế nào ? | ***I- Về văn bản biểu cảm:***  ***II- Về văn nghị luận:***  ***1- Tên các bài văn nghị luận:*** có 19 văn bản:  10. Đừng sợ vấp ngã- (Trái tim có điều kì diệu).  11.Không sợ sai lầm- Hồng Diễm.  12. Có hiểu đời mới hiểu văn- Ng.Hiếu Lê.  13. Đức tính giản dị của Bác Hồ- PVĐồng.  14. HCTịch, hình ảnh của DT- PVĐồng  15.Ý nghĩa văn ch­ương- Hoài Thanh.  16. Lòng khiêm tốn- Lâm Ngữ Đ­ường.  17. Lòng nhân đạo- LNĐ­ường.  18.Óc phán đoán và thẩm mĩ- Ng.H.Lê.  19.Tự do và nô lệ- Nghiêm Toản.  ***2- Văn nghị luận trên báo chí và sgk:***  - Trên báo chí: Văn bản nghị luận xuất hiện d­ưới những dạng bài xã luận, diễn đàn, bàn về các vấn đề trong XH. VD: ch­ương trình bình luận thời sự, thể thao  - Trong sgk: văn bản nghị luận xuất hiện d­ưới những dạng bài làm văn nghị luận, hội thảo, chuyên đề, ... VD: các văn bản nghị luận trong sgk.  ***3- Yếu tố chủ yếu trong văn nghị luận:***  Mỗi bài văn nghị luận đều có luận điểm, luận cứ và lập luận.  - Luận điểm: Là những KL có tính khái quát, có ý nghĩa phổ biến đối với XH.  - Luận cứ: Là lí lẽ, dẫn chứng đ­a ra làm cơ sở cho luận điểm. Luận cứ phải chân thật, đúng đắn, tiêu biểu thì mới giúp cho luận điểm có sức thuyết phục.  - Lập luận: Là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm. Lập luận phải chặt chẽ, hợp lí thì bài văn mới có sức thuyết phục.  4- ***Thế nào là luận điểm:*** Luận điểm là ý kiến thể hiện t­ư t­ưởng, quan điểm của bài văn đư­ợc nêu ra d­ưới hình thức câu khẳng định (hay phủ định). Luận điểm phải đúng đắn, chân thật, đáp ứng nhu cầu thực tế, mới có sức thuyết phục.  ***5- Làm văn nghị luận chứng minh như­ thế nào:***  - Nói rằng làm văn chứng minh cũng dễ thôi, chỉ cần nêu luận điểm và dẫn chứng là xong.Nói nh­ư vậy là không đúng, ng­ười nói tỏ ra không hiểu về cách làm văn chứng minh.  - Trong bài văn chứng minh rất cần dẫn chứng, nh­ng còn cần lí lẽ và phải biết lập luận.  - Dẫn chứng trong bài văn chứng minh phải tiêu biểu, chọn lọc, chính xác, phù hợp với luận điểm, luận đề, đồng thời cần đ­ược làm rõ, đ­ược phân tích bằng lí lẽ, lập luận chứ không phải chỉ nêu, đ­a, thống kê dẫn chứng hàng loạt.  - Lí lẽ, lập luận không chỉ là chất keo kết nối các dẫn chứng mà còn làm sáng tỏ và nổi bật dẫn chứng và đó mới là chủ yếu.  - Bởi vậy, đ­ưa dẫn chứng bài ca dao Trong đầm gì đẹp bằng sen, ch­ưa đủ để chứng minh TViệt ta giàu đẹp, mà người viết còn phải đ­a thêm những dẫn chứng khác và phân tích cụ thể bài ca dao trên để thấy rõ trong đó TViệt đã thể hiện sự giàu đẹp như­ thế nào.  - Yêu cầu của lí lẽ và lập luận phải phù hợp với dẫn chứng, góp phần làm rõ bản chất của dẫn chứng hư­ớng tới luận điểm, luận đề; phải chặt chẽ, mạch lạc, lô gíc.  ***6- So sánh cách làm hai đề TLV:***  - Hai đề bài này đều giống nhau là cùng chung một luận đề: ăn quả nhớ kẻ trồng cây - cùng phải sử dụng lí lẽ, dẫn chứng và lập luận.  - Hai đề này có cách làm khác nhau: Đề a giải thích, đề b chứng minh.  - Nhiệm vụ giải thích và chứng minh khác nhau:  + Giải thích là làm cho ngư­ời đọc, người nghe hiểu rõ những điều ch­a biết theo đề bài đã nêu lên (dùng lí lẽ là chủ yếu).  + Chứng minh là phép lập luận dùng những lí lẽ, dẫn chứng chân thực đã được thừa nhận để chứng tỏ luận điểm cần chứng minh là đáng tin cậy (dùng dẫn chứng là chủ yếu). |

***4. Củng cố, hướng dẫn***

- Đọc các đề văn tham khảo, chuẩn bị cho bài kiểm tra cuối năm

**Rút kinh nghiệm**

**TUẦN 34**

**Tiết: 129,130:** Ngày soạn:25/4 Ngày giảng:29/4

**ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT (TIẾP THEO)**

**H­ƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP**

**A-Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Hệ thống hóa kiến thức về các phép biến đổi câu và các phép tu từ cú pháp đã học.

- H­ướng dẫn học sinh cách làm bài kiểm tra tổng hợp cuối học kì II.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

***3***- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - Dựa vào mô hình trong sgk, em hãy cho biết có những phép biến đổi câu nào ?  - Thêm bớt thành phần câu bằng cách nào ? (Bằng cách rút gọn câu và mở rộng câu).  - Thế nào là rút gọn câu ? Cho ví dụ ?  - Câu em vừa đặt rút gọn thành phần gì? (Rút gọn CN).  - Có mấy cách mở rộng câu, đó là những cách nào ?  - Thêm trạng ngữ vào câu để làm gì ?  - Thế nào là dùng cụm C-V để mở rộng câu ?  - Ta có thể chuyển đổi kiểu câu bằng cách nào ?  - Đặt một câu chủ động ? Vì sao em biết đó là câu chủ động ?  - Thế nào là câu bị động ? Cho ví dụ ?  - Ở lớp 7, các em đã đ­ược học những phép tu từ nào ?  - Em hãy cho một VD trong đó có sử dụng điệp ngữ ? Vì sao em biết câu văn đó có sử dụng điệp ngữ ?  - Thế nào là chơi chữ ? Cho VD về chơi chữ ?  - Viết một đoạn văn có sử dụng phép liệt kê ? Vì sao em biết đó là phép liệt kê ?  - Hs đọc sgk.  - Về phần văn, ở học kì II, em đã đ­ợc học những loại văn bản nào ? Kể tên các văn bản đã học ?  - Về phần tiếng Việt, chúng ta đã đ­ợc học những bài nào ?  - Về phần tập làm văn, cần chú ý thể loại nào ? | ***III- Các phép biến đổi câu:***  ***1- Thêm bớt thành phần câu:***  ***a- Rút gọn câu:*** Là l­ợc bỏ bớt một số thành phần câu làm cho câu gọn hơn, tránh lặp những từ ngữ đã xuất hiện trong câu đứng tr­ước, thông tin nhanh hơn, ngụ ý hành động, đặc điểm nói trong câu là của chung mọi ng­ười (l­ược CN).  - VD: -Bạn đi đâu đấy ? Đi học!  ***b- Mở rộng câu:***có 2 cách.  - Thêm trạng ngữ vào câu: để xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, ph­ương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.  - Dùng cụm C-V để mở rộng câu: là dùng những cụm từ h.thức giống câu đơn có cụm C-V làm thành phần của câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.  ***2- Chuyển đổi kiểu câu:***  Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động và ngư­ợc lại chuyển đổi câu bị động thành câu chủ động:  - Câu chủ động: là câu có CN chỉ người, vật thực hiện một hành động hướng vào ngư­ời, vật khác (chỉ chủ thể của hành động).  - VD: Các bạn yêu mến tôi.  - Câu bị động: là câu có CN chỉ ng­ười, vật đ­ược hành động của ng­ười khác, vật khác h­ướng vào (chỉ đối t­ượng của hành động).  - VD: Tôi đ­ợc các bạn yêu mến.  ***IV- Các phép tu từ cú pháp:***  ***1- Điệp ngữ:***là biện pháp lặp lại từ ngữ hoặc cả một câu để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh mẽ đối với ng­ời đọc.  - VD: Học, học nữa, học mãi !  ***2- Chơi chữ:***là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài h­ước, ... làm cho câu văn hấp dẫn, thú vị.  - VD: Khi đi cư­a ngọn, khi về cũng cưa ngọn. (Con ngựa).  ***3- Liệt kê:*** là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đ­ợc đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay của tư­ tưởng, tình cảm.  - VD: Đồ dùng học tập gồm có: Thư­ớc kẻ, th­ước đo độ, ê ke, bút chì, bút mực.  ***V- H­ướng dẫn học sinh làm bài kiểm tra tổng hợp:***  ***1-Về phần văn:***  - Văn bản nghị luận: Tinh thần yêu n­ớc của nhân dân ta, Sự giàu đẹp của TiếngViệt, Đức tính giản dị của Bác Hồ, ý nghĩa văn chư­ơng.  - Văn bản tự sự: Sống chết mặc bay, Những trò lố hay là Va ren và Phan Bội Châu.  - Văn bản nhật dụng: Ca Huế trên sông H­ương (bút kí kết hợp nghị luận, miêu tả với biểu cảm).  - Văn bản chèo: Quan âm Thị Kính.  ***2- Về phần tiếng Việt:***  - Câu rút gọn, câu chủ động, câu bị động, câu đặc biệt.  - Phép tu từ liệt kê.  - Mở rộng câu bằng cụm C-V và trạng ngữ.  - Dấu câu: dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy, dấu gạch ngang.  ***3- Về tập làm văn:***  - Văn nghị luận chứng minh.  - Văn nghị luận giải thích. |

***4- Củng cố, hướng dẫn***

- Ôn tập và học thuộc những nội dung trên.

- Xem lại đề kiểm tra cuối học kì I: sgk (188,190).

- Chuẩn bị bài: Ch­ương trình địa ph­ương.

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết: 131, 132** Ngày soạn: 25/4 Ngày giảng:29/4

**KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**A. Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

* Củng cố, thực hành những kiến thức đã học trong ch­ơng trình Ngữ văn 7.
* Rèn kỹ năng làm bài tập trắc nghiệm, kỹ năng làm bài văn nghị luận.
* Giáo dục HS ý thức nghiêm túc, tự giác trong thi cử.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Kiểm tra tập trung tự luận

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

**Kiểm tra sự chuẩn bị của HS:**

***3-Tiến hành kiểm tra:***

**1. Ma trận:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chủ đề | Các cấp độ tư duy | | | | | | Điểm |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| Văn học | 3 0,75 |  | 2 0.5 | 1 3 | 1 0,25 |  | 7 4,5 |
| Tiếng Việt | 2 0,5 |  | 2 0,5 |  |  |  | 4 1 |
| Tập làm văn | 1 0,25 |  | 1 0,25 |  |  | 1 4 | 3 4,5 |
| Tổng | 6 1,5 | | 6 4,25 | | 4 4,25 | | 14 10 |

**2. Đề KT:**

**A. Trắc nghiệm khách quan: (3đ)**

**1. Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước nhận định đúng trong các câu sau:**

**Câu 1:** Em hiểu thế nào là tục ngữ ?

1. Những câu nói ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh.
2. Những câu nói thể hiện kinh nghiệm của nhân dân.
3. Một thể loại VHDG.
4. Cả ba ý trên đúng.

**Câu 2:** Câu chủ động là:

1. Câu có chủ ngữ chỉ người vật thực hiện một hành động hướng vào người, vật khác.
2. Câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hành động của người, vật khác hướng vào.
3. Câu không cấu tạo theo mô hình C-V.
4. Câu có thể rút gọn thành phần vi ngữ.

**Câu 3:** Phần Mở bài của bài văn nghị luận giải thích có nhiệm vụ:

1. Giới thiệu điều cần giải thích và gợi ra phương hướng giải thích.
2. Nêu ý nghĩa của việc giải thích đối với mọi người.
3. Lần lượt trình bày các nội dung giải thích.
4. Tổng kết nội dung đã giải thích.

**Câu 4:** Cung bậc nào sau đây không được dùng miêu tả tiếng đàn của các nhạc công trong bài văn “Ca Huế trên sông Hương”:

1. Âm thanh cao vút.
2. Âm thanh trầm bổng.
3. Âm thanh lúc khoan lúc nhặt.
4. Âm thanh réo rắt, du dương.

**Câu 5:** Trong “ Sống chết mặc bay”, Phạm Duy Tốn đã vận dụng kết hợp các biện pháp:

1. liệt kê và tăng cấp.
2. Tương phản và phóng đại.
3. Tương phản và tăng cấp.
4. So sánh và đối lập.

**Câu 6:** Qua ngôn ngữ của mình, tính cách của Va-ren được bộc lộ là:

1. Một con người có nhân có nghĩa.
2. Vị quan toàn quyền có trách nhiệm với nhân dân nước thuộc địa.
3. Người biết giữ lời hứa.
4. Một tên quan lố bịch và bất lương.

**Câu 7:** Không thể dùng cụm chủ vị để mở rộng thành phần:

A. Chủ ngữ; B. Bổ ngữ;

C. Trạng ngữ cách thức-phương tiện; D. Gọi đáp.

**Câu 8:** Dòng nào sau đây nhận định đúng về loại hình sân khấu chèo:

1. Loại kịch hát múa dân gian.
2. Kể chuyện, diễn tích bằng hình thức sân khấu.
3. Nảy sinh và được phổ biến rộng rãi ở bắc bộ.
4. Cả ba nhận định đều đúng.

**B. Tự luận: (8đ)**

**Câu 1: (3đ)** Viết một đoạn văn nghị luận giải thích để giải thích nội dung ý nghĩa câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

**Câu 2: (5đ)** Phát biểu cảm nghĩ của em về bản chất tên quan phụ mẫu trong truyện “Sống chết mặc bay” của Phạm DuyTốn bằng một đoạn văn.

**3. Hướng dẫn chấm**:

**A. TNKQ: (3đ) *Mỗi câu trả lời đúng cho 0,25đ.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | D | A | A | A | C | D | D | A |

**B.Tự luận: (7đ)**

**Câu 1:(3đ)** ***HS* *viết đoạn văn theo nhiều cách, đảm bảo hai yêu cầu sau***

* Giải thích được nghĩa đen: khi ta được ăn quả thì phải biết nhớ đến người đã trồng ra cây cho ta ăn quả. Nghĩa bóng: hưởng thành quả thì phải biết nhớ tới công lao của người đã làm ra thành quả ấy. Câu tục ngữ khuyên ta một cách sống luôn biết nhớ ơn người khác. (2,5đ)
* Đảm bảo vận dụng đúng lý lẽ khi giải thích; trình bày mạch lạc, rõ ràng, kông sai quá nhiều lỗi chính tả. (0,5đ)

**Câu 2: (5đ)** ***HS viết hoàn chỉnh một đoạn văn nêu cảm nghĩ của mình về tên quan phụ mẫu. Có thể trình bày nhiều cách khác nhau, nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản*** ***sau:***

* Về nội dung: Nêu rõ sự căm ghét, thái độ lên án, tố cáo và khinh bỉ đối với tên quan phụ mẫu, một tên quan: vô trách nhiệm, ăn chơi xa đoạ, vô lương tâm, coi thuờng tính mạng của nhân dân. ( 3đ)
* Về hình thức: Đảm bảo đúng đặc trưng văn biểu cảm: có suy nghĩ, cảm xúc rõ ràng. Phải chỉ rõ được bản chất tên quan làm minh chứng cho cảm xúc và suy nghĩ của mình. (1đ)

( Lưu ý: Nếu HS chỉ nói rõ được bản chất của tên quan không thể hiện được cảm xúc và suy nghĩ của mình thì không cho quá nưả số điểm).

**4- Củng cố , hướng dẫn**

GV thu bài nhận xét giờ KT

Tiếp tục ôn kiến thức Ngữ văn.

Chuẩn bị kiến thức cho những tiết còn lại.

**TUẦN 36**

**Tiết: 133,134**

**Ngày soạn: 4/5 Ngày giảng:6/5**

**CH­ ƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯ­ƠNG**

**(PHẦN VĂN VÀ TẬP LÀM VĂN) (TIẾP THEO)**

**A- Mục tiêu bài học:**

- Giúp HS:

- Hiểu biết sâu rộng hơn địa ph­ương mình về các mặt đời sống vật chất và văn hóa tinh thần , truyền thống và hiện nay.

-Trên cơ sở đó bồi d­ưỡng tình yêu quê hư­ơng, giữ gìn và phát huy bản sắc, tinh hoa của địa ph­ương mình trong sự giao l­u với cả n­ớc.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

***3- Bài mới:***

*a- Tổ chức tham quan một số danh lam thắng cảnh của huyện Sông Ninh,Cầu Lạc Quần, nhà thờ Xuân Phương*, Nhà lưu niệm, Đài t­ưởng niệm cố tổng bí thư Trường Chinh.

*b- S­ưu tầm và giới thiệu ca dao, tục ngữ, thành ngữ :*

- Mỗi HS s­ưu tầm từ 5- 10 câu.

- Chọn 2 HS khá phân loại, viết bài giới thiệu trình bày tr­ước cả lớp.

- Mời một nhà thơ hoặc văn có hiểu biết sâu rộng về Nam Định nói chuyện và giao lưu với HS.

*c.-Tổ chức một cuộc thi về Nam Định:*

- Giới thiệu về hoa quả và sản vật nổi tiếng của Nam Định.

- Hát, vẽ, làm thơ về Nam Định.

***4- Củng cố , hướng dẫn***

-Tiếp tục s­ưu tầm tục ngữ, ca dao và các đặc sản của Nam Định.

- Chuẩn bị bài: Hoạt động Ngữ văn- Đọc diễn cảm văn nghị luận.

**Tiết: 135, 136**

**Ngày soạn: 4/5 Ngày giảng:6/5**

**HOẠT ĐỘNG NGỮ VĂN**

**ĐỌC DIỄN CẢM VĂN NGHỊ LUẬN**

**A- Mục tiêu bài học:**

Giúp HS:

- Tập đọc rõ ràng, đúng dấu câu, đúng giọng và phần nào thể hiện tình cảm ở những chỗ cần nhấn giọng.

- Khắc phục kiểu đọc nhỏ, lúng túng, phát âm ngọng,...

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

***3- Bài mới:***

***I. Yêu cầu đọc và tiến trình giờ học:***

***1- Yêu cầu đọc:***

- Đọc đúng: phát âm đúng, ngắt câu đúng, mạch lạc, rõ ràng.

- Đọc diễn cảm: Thể hiện rõ từng luận điểm trong mỗi văn bản, giọng điệu riêng của từng văn bản.

***2- Tiến trình giờ học:***

- Tiết 1: 2 bài:

+Tinh thần yêu n­ước của nhân dân ta.

+Sự giàu đẹp của tiếng Việt.

-Tiết 2: 2 bài:

+Đức tính giản dị của Bác Hồ.

+ý nghĩa văn chư­ơng.

***II. H­ớng dẫn tổ chức đọc:***

***1- Tinh thần yêu n­ớc của nhân dân ta:***

Giọng chung toàn bài: hào hùng, phấn chấn, dứt khoát, rõ ràng.

\*Đoạn mở đầu:

- Hai câu đầu: Nhấn mạnh các từ ngữ "nồng nàn" đó là giọng khẳng định chắc nịch.

- Câu 3: Ngắt đúng vế câu trạng ngữ (1,2); Cụm chủ - vị chính , đọc mạnh dạn, nhanh dần, nhấn đúng mức các động từ và tính từ làm vị ngữ, định ngữ : sôi nổi, kết, mạnh mẽ, to lớn, nhấn chìm tất cả...

- Câu 4,5,6 ;

+Nghỉ giữa câu 3 và 4.

+Câu 4 : đọc chậm lại, rành mạch, nhấn mạnh từ *có, chứng tỏ.*

+Câu 5 : giọng liệt kê.

+Câu 6 : giảm c­ường độ giọng đọc nhỏ hơn, l­u ý các ngữ điệp, đảo : Dân tộc anh hùng và anh hùng dân tộc.

Gọi từ 2 - 3 học sinh đọc đoạn này. HS và GV nhận xét cách đọc.

\* Đoạn thân bài:

- Giọng đọc cần liền mạch, tốc độ nhanh hơn một chút.

+Câu : *Đồng bào ta ngày nay*,... cần đọc chậm, nhấn mạnh ngữ : *Cũng rất xứng đáng*, tỏ rõ ý liên kết với đoạn trên.

+Câu *: Những cử chỉ cao quý đó*,... cần đọc nhấn mạnh các từ : *Giống nhau, khác nhau*, tỏ rõ ý sơ kết, khái quát.

Chú ý các cặp quan hệ từ : Từ - đến, cho đến.

- Gọi từ 4 -5 hs đọc đoạn này. Nhận xét cách đọc.

\*Đoạn kết:

- Giọng chậm và hơi nhỏ hơn .

+3 câu trên : Đọc nhấn mạnh các từ : Cũng nh­ư, nh­ưng.

+2 câu cuối : Đọc giọng giảng giải, chậm và khúc chiết, nhấn mạnh các ngữ : *Nghĩa là phả*i và các động từ làm vị ngữ *: Giải thích , tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho,...*

Gọi 3 -4 hs đọc đoạn này, GV nhận xét cách đọc.

- Nếu có thể :

+ Cho HS xem lại 2 bức ảnh Đoàn chủ tịch Đại hội Đảng Lao động Việt Nam lần thứ II ở Việt Bắc và ảnh chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Báo cáo chính trị tại Đại hội.

+ GV hoặc 1 HS có khả năng đọc diễn cảm khá nhất lớp đọc lại toàn bài 1 lần.

***2- Sự giàu đẹp của tiếng Việt***

Nhìn chung, cách đọc văn bản nghị luận này là : giọng chậm rãi, điềm đạm, tình cảm tự hào.

\* Đọc 2 câu đầu cần chậm và rõ hơn, nhấn mạnh các từ ngữ : tự hào , tin t­ưởng.

\* Đoạn *: Tiếng Việt có những đặc sắc ... thời kì lịch sử* :

Chú ý từ điệp *Tiếng Việt* ; ngữ mang tính chất giảng giải *: Nói thế cũng có nghĩa là nói rằng...*

*\** Đoạn : *Tiếng Việt... văn nghệ.* v.v..đọc rõ ràng, khúc chiết, l­u ý các từ in nghiêng : *chất nhạc, tiếng hay...*

\* Câu cuối cùng của đoạn : Đọc giọng khẳng định vững chắc.

Trọng tâm của tiết học đặt vào bài trên nên bài này chỉ cần gọi từ 3 -4 hs đọc từng đoạn cho đến hết bài.

- GV nhận xét chung.

***3- Đức tính giản dị của Bác Hồ***

\* Giọng chung: Nhiệt tình, ngợi ca, giản dị mà trang trọng. Các câu văn trong bài, nhìn chung khá dài, nhiều vế, nhiều thành phần nh­ưng vẫn rất mạch lạc và nhất quán. Cần ngắt câu cho đúng. Lại cần chú ý các câu cảm có dấu (**!**)

\* Câu 1 : Nhấn mạnh ngữ : *sự nhất quán, lay trời chuyển đất.*

\* Câu 2 : Tăng cảm xúc ngợi ca vào các từ ngữ: *Rất lạ lùng, rất kì diệu*; nhịp điệu liệt kê ở các đồng trạng ngữ, đồng vị ngữ *: Trong sáng, thanh bạch, tuyệt đẹp.*

\* Đoạn 3 và 4 : *Con ng­ười của Bác ... thế giới ngày nay*: Đọc với giọng tình cảm ấm áp, gần với giọng kể chuyện. Chú ý nhấn giọng ở các từ ngữ *càng, thực sự văn minh...*

\* Đoạn cuối :

- Cần phân biệt lời văn của tác giả và trích lời của Bác Hồ. Hai câu trích cần đọc giọng hùng tráng và thống thiết.

- Văn bản này cũng không phải là trọng tâm của tiết 128, nên sau khi h­ướng dẫn cách đọc chung, chỉ gọi 2- 3 HS đọc 1 lần.

***4- Ý nghĩa văn ch­ơng***

Xác định giọng đọc chung của văn bản : giọng chậm, trữ tình giản dị, tình cảm sâu lắng, thấm thía.

\* 2 câu đầu: giọng kể chuyện lâm li, buồn thư­ơng, câu thứ 3 giọng tỉnh táo, khái quát.

\* Đoạn : *Câu chuyện có lẽ chỉ là ... gợi lòng vị tha:*

- Giọng tâm tình thủ thỉ nh­ lời trò chuyện.

\* Đoạn : *Vậy thì ...* hết : Tiếp tục với giọng tâm tình, thủ thỉ như­ đoạn 2.

- L­u ý câu cuối cùng , giọng ngạc nhiên nh­ư không thể hình dung nổi đ­ược cảnh tượng nếu xảy ra.

- GV đọc trư­ớc 1 lần. HS khá đọc tiếp 1 lần, sau đó lần l­ợt gọi 4- 7 HS đọc từng đoạn cho hết.

***III- GV tổng kết chung***

- Số HS đ­ợc đọc trong 2 tiết, chất l­ợng đọc, kĩ năng đọc; những hiện t­ợng cần l­u ý khắc phục.

- Những điểm cần rút ra khi đọc văn bản nghị luận.

+ Sự khác nhau giữa đọc văn bản nghị luận và văn bản tự sự hoặc trữ tình. Điều chủ yếu là văn nghị luận cần trư­ớc hết ở giọng đọc rõ ràng, mạch lạc, rõ luận điểm và lập luận. Tuy nhiên , vẫn rất cần giọng đọc có cảm xúc và truyền cảm.

***4- H­ướng dẫn luyện đọc ở nhà***

- Học thuộc lòng mỗi văn bản 1 đọan mà em thích nhất.

- Tìm đọc diễn cảm Tuyên ngôn Độc lập.

**TUẦN 37**

**Tiết: 137,138**

**Ngày soạn: 11/5 Ngày giảng:13/5**

**CHU­ƠNG TRÌNH ĐỊA PHU­ƠNG**

**(PHẦN TIẾNG VIỆT)**

**A- Mục tiêu bài học:**

Giúp học sinh:

- Khắc phục một số lỗi chính tả do ảnh h­ưởng của cách phát âm địa phư­ơng.

- Rèn kĩ năng viết đúng chính tả.

**B-Chuẩn bị:**

- GV: Soạn giáo án, tài liệu

- HS: Đọc SKG, làm BT

**C- Phương pháp**

Thuyết trình, phát vấn, nhóm...

**D-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

***1- Ổn định tổ chức:***

***2- Kiểm tra bài cũ :***

3- Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy-trò** | **Nội dung kiến thức** |
| - GV nêu yêu cầu của tiết học.  - GV đọc- HS nghe và viết vào vở.  - Trao đổi bài để chữa lỗi.  - HS nhớ lại bài thơ và viết theo trí nhớ.  - Trao đổi bài để chữa lỗi.  - Điền một chữ cái, một dấu thanh hoặc một vần vào chỗ trống:  + Điền ch hoặc tr vào chỗ trống ?  + Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã vào những tiếng in đậm ?  - Điền một tiếng hoặc một từ chứa âm, vần dễ mắc lỗi vào chỗ trống:  + Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống (giành, danh) ?  + Điền các tiếng sĩ hoặc sỉ vào chỗ thích hợp ?  - Tìm từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặng điểm, tính chất:  + Tìm từ chỉ hoạt động trạng thái bắt đầu bằng ch (chạy) hoặc bằng tr (trèo)?  + Tìm các từ chỉ đặc điểm, tính chất có thanh hỏi (khỏe) hoặc thanh ngã (rõ) ?  - Tìm từ hoặc cụm từ dựa theo nghĩa và đặc điểm ngữ âm đã cho sẵn, ví dụ tìm những từ chứa tiếng có thanh hỏi hoặc thanh ngã, có nghĩa nh­ sau:  + Trái nghĩa với chân thật ?  + Đồng nghĩa với từ biệt ?  + Dùng chày với cối làm cho giập nát hoặc tróc lớp vỏ ngoài ?  - Đặt câu với mỗi từ : lên, nên ?  - Đặt câu để phân biệt các từ: vội, dội? | ***I- Nội dung luyện tập:***  Viết đúng tiếng có phụ âm đầu dễ mắc lỗi nh­ tr/ch, s/x, r/d/gi, l/n.  ***II- Một số hình thức luyện tập:***  ***1- Viết các dạng bài chứa các âm, dấu thanh dễ mắc lỗi:***  a- Nghe viết một đoạn văn trong bài Ca Huế trên sông Hư­ơng- Hà Ánh Minh:  Đêm. Thành phố lên đèn nh­ư sao sa. Màn s­ương dày dần lên, cảnh vật mờ đi trong một màu trắng đục. Tôi nh­ư một lữ khách thích giang hồ với hồn thơ lai láng, tình ng­ười nồng hậu b­ước xuống một con thuyền rồng, có lẽ con thuyền này x­a kia chỉ dành cho vua chúa. Trước mũi thuyền là một không gian rộng thoáng để vua hóng mát ngắm trăng, giữa là một sàn gỗ bào nhẵn có mui vòm đ­ược trang trí lộng lẫy, xung quanh thuyền có hình rồng và tr­ước mũi là một đầu rồng như­ muốn bay lên. Trong khoang thuyền, dàn nhạc gồm đàn tranh, đàn nguyệt, tì bà, nhị, đàn tam. Ngoài ra còn có đàn bầu, sáo và cặp sanh để gõ nhịp.  b- Nhớ- viết bài thơ Qua Đèo Ngang- Bà Huyện Thanh Quan:  ***2- Làm các bài tập chính tả:***  ***a- Điền vào chỗ trống:***  - Chân lí, chân châu, trân trọng, chân thành.  - Mẩu chuyện, thân mẫu, tình mẫu tử, mẩu bút chì.  - Dành dụm, để dành, tranh giành, giành độc lập.  - Liêm sỉ, dũng sĩ, sĩ khí, sỉ vả.  ***b- Tìm từ theo yêu cầu:***  - Chơi bời, chuồn thẳng, chán nản, choáng váng, cheo leo.  - Lẻo khỏe, dũng mãnh.  - Giả dối.  - Từ giã.  - Giã gạo.  ***c- Đặt câu phân biệt các từ chứa những tiếng dễ lẫn:***  - Mẹ tôi lên n­ương trồng ngô.  Con cái muốn nên ng­ười thì phải nghe lời cha mẹ.  - Vì sợ muộn nên tôi phải vội vàng đi ngay.  Nư­ớc m­ưa từ trên mái tôn dội xuống ầm ầm. |

***4-Củng cố, hư­ớng dẫn học bài:***

- Tiếp tục làm các bài tập còn lại.

- Lập sổ tay chính tả ghi lại những từ dễ lẫn.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết: 139,140**

**Ngày soạn: 11/4 Ngày giảng:16/4**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**A-Mục tiêu bài học:**

Giúp hs

- Tự đánh giá đ­ợc những ­u điểm và nh­ợc điểm trong bài viết của mình về các ph­ơng diện: nội dung kiến thức, kĩ năng cơ bản của cả ba phần văn, tiếng Việt, tập làm văn.

- Ôn và nắm đ­ợc kĩ năng làm bài kiểm tra tổng hợp theo tinh thần và cách kiểm tra đánh giá mới.

**B- Chuẩn bị:**

- Đồ dùng :

- Những điều cần l­u ý:

**C-Tiến trình tổ chức dạy - học:**

**I- Ổn định tổ chức:**

**II- Kiểm tra:**

**III- Bài mới:**

**1-Tổ chức trả bài:**

- Gv nhận xét kết quả và chất l­ợng bài làm của lớp theo từng phần: trắc nghiệm và tự luận.

- HS từng nhóm cử đại diện hoặc tự do phát biểu bổ xung, trao đổi, đóng góp ý kiến.

- Tổ chức xây dựng đáp án- dàn ý và chữa bài.

- HS so sánh, đối chiếu với bài làm của mình.

- GV phân tích nguyên nhân những câu trả lời sai, những lựa chọn sai lầm phổ biến.

***2- H­ớng dẫn HS nhận xét và sửa lỗi phần tự luận:***

- HS phát biểu về những yêu cầu cần đạt của đề tự luận và trình bày dàn ý khái quát của mình.

- GV bổ sung hoàn chỉnh dàn ý khái quát.

- GV nhận xét bài làm của hs về các mặt:

+ Năng lực và kết quả nhận diện kiểu văn bản.

+ Năng lực và kết quả vận dụng lập luận, dẫn chứng, lí lẽ h­ớng vào giải quyết vấn đề trong đề bài.

+ Bố cục có đảm bảo tính cân đối và làm nổi rõ trọng tâm không.

+ Năng lực và kết quả diễn đạt: Chữ viết, dùng từ, lỗi ngữ pháp thông th­ờng.

- HS phát biểu bổ sung, điều chỉnh và sửa chữa thêm.

- GV chọn một bài khá và một bài kém để đọc cho cả lớp nghe.

- HS góp ý kiến nhận xét về các bài vừa đọc.

***4- Củng cố, hướng dẫn***

- Ôn tập các thể loại nghị luận chứng minh, giải thích và biểu cảm.

**Rút kinh nghiệm:**

Kết quả kiểm tra: Điểm <3: 3

Điểm từ 3,5 -> 4,5: 12

Điểm 5,6: 20

Điểm từ 6,5 -> 7: 8

Điểm 8,9: